

J O S E P H J . E L L I S

A detailed oil painting portrait of Thomas Jefferson, shown from the chest up, looking slightly to the left. He has long, wavy, light-colored hair and is wearing a dark coat over a white cravat and a yellow waistcoat.

THOMAS JEFFERSON

NHÂN SỬ MỸ

AMERICAN SPHINX: THE CHARACTER
OF THOMAS JEFFERSON

Đoàn Thị Thanh Mai, Quỳnh Mai dịch
Võ Minh Tuấn hiệu đính

⊕MEGA+



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

JOSEPH J. ELLIS

A portrait of Thomas Jefferson, showing him from the chest up, wearing a dark coat and a white cravat. He has long, wavy hair and is looking slightly to the left.

THOMAS JEFFERSON

NHÂN SỬ MỸ

AMERICAN SPHINX: THE CHARACTER
OF THOMAS JEFFERSON

Đoàn Thị Thanh Mai, Quỳnh Mai dịch
Võ Minh Tuấn hiệu đính

⊕MEGA⁺  NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

THOMAS JEFFERSON: NHÂN SỰ MỸ



Tác giả: JOSEPH J. ELLIS

Người dịch: Đoàn Thị Thanh Mai, Quỳnh Mai

NXB Thế Giới

Pdf: VC

Epub: tna

ISBN:

Bản in: 2018

03-02-2020

THOMAS JEFFERSON: NHÀ LẬP QUỐC VĨ ĐẠI ĐẦY HẤP DẪN CỦA NƯỚC MỸ

Nhân dịp Quốc khánh Mỹ (4/7/2018-4/7/1776), nhìn về lịch sử hình thành và phát triển của nước Mỹ giai đoạn lập quốc 1776-1789 cũng là dịp để chúng ta có thể nhìn lại những nhân vật lãnh đạo đã có công lớn trong việc kiến tạo một nhà nước Mỹ hiện đại, làm nền tảng cho sự phát triển của một cường quốc sau này.

Từ một tập hợp 13 tiểu bang-thuộc địa lỏng lẻo và chia cắt, giờ đây, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã trở thành quốc gia hùng mạnh nhất thế giới và mở rộng lãnh thổ sang hầu như toàn bộ lục địa Bắc Mỹ chỉ trong hơn một thế kỷ. Công lao giành độc lập và xây dựng này thuộc về những người Mỹ được mệnh danh là Founding Fathers - Những Người cha Lập quốc, như George Washington - Tổng tư lệnh đầu tiên của quân đội Mỹ; Benjamin Franklin - nhân vật được mệnh danh là người Mỹ thông thái nhất, người xuất hiện trên tờ 100 đô-la Mỹ; James Madison - Cha đẻ bản Hiến pháp Mỹ năm 1787 và là Tổng thống thứ tư; Alexander Hamilton - Bộ trưởng Tài chính đầu tiên, người tạo nền móng cho hệ thống kinh tế-chính trị Mỹ những năm đầu thành lập; và Thomas Jefferson - vị Tổng thống thứ ba, người viết nên tác phẩm Tuyên ngôn Độc lập Mỹ bất hủ và cũng là người tiến hành việc cải cách nền giáo dục Mỹ với trường Đại học Virginia.

Thomas Jefferson: Nhân sư Mỹ là cuốn sách không chỉ viết về một trong những Người cha Lập quốc được yêu thích nhất của nước Mỹ, mà còn về nền chính trị và các chính khách có ảnh hưởng đến thời đại và sự thành lập của nước Mỹ. Không giống các cuốn tiểu sử khác, *Thomas Jefferson: Nhân sư Mỹ* không là một cuốn tiểu sử cá nhân mà còn phân tích sâu sắc hơn về các triết lý đằng sau việc hình thành hệ thống chính trị của Mỹ, với những ảnh hưởng vẫn tiếp tục cho đến ngày hôm nay. Dường như ở nước Mỹ, không một nhà lãnh đạo nào mang lại nhiều tranh luận, hâm mộ và nhiều điển tích như Thomas Jefferson. Khi đọc cuốn sách, các bạn sẽ thấy những giai thoại, lời bình về ông vượt qua Washington, Adams và cả Lincoln, và đầy mâu thuẫn nghịch lý trong chính tư duy và con người ông.

Tác giả nỗ lực phân tích những phát triển, thay đổi suy nghĩ và động lực ẩn giấu của Thomas Jefferson tại 5 giai đoạn quan trọng nhất trong cuộc đời ông: Soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập ở Philadelphia (1775-1776); Chứng kiến cuộc Cách mạng Pháp trong những năm 1780 ở Paris khi ông là Công sứ (1784-1789); Chống lại phe đối lập chống Liên bang từ trang trại quê hương ở Monticello (1794-1797); Trong nhiệm kỳ đầu tiên là Tổng thống Mỹ (1801-1804), và dành những năm cuối của ông ở quê nhà và những nỗ lực xây dựng Đại học Virginia (1816-1826).

Tác giả - Giáo sư sử học Ellis, một học giả đầy uy tín nghiên cứu về giai đoạn thành lập nước Mỹ với nhiều tác phẩm khác đã thực hiện một công việc rất có giá trị khi cố gắng tìm hiểu tâm trí của một nhân vật sâu sắc, uyên thâm nhưng cũng khó nắm bắt nhất mà như ông nói, Thomas Jefferson có lẽ là một nhân vật khó hiểu nhất trong lịch sử nước Mỹ. Một người từng tuyên bố rằng tất cả mọi người đều bình đẳng và tự do nhưng bản thân ông lại là chủ của hàng trăm nô lệ. Một người nỗ lực lên án việc buôn bán nô lệ như một tội ác lại cũng là người từng đem bán một số nô

lệ của chính mình. Người viết và giảng về sự trong sạch đạo đức nhưng lại có những mối tình lang chạ lịch sử như lời đồn đoán về quan hệ của ông với nô lệ da đen của mình. Người từng tuyên bố hạn chế quyền lực của chính phủ liên bang với một chính phủ nhỏ nhất, nhưng lại cũng là người quyết định mua mảnh đất Louisiana rộng mênh mông.

Hầu như bất cứ quyết định lớn lao nào trong đời, Jefferson cũng đầy những giằng xé nội tâm để rồi tìm ra một cách nào đó phù hợp với toàn bộ niềm tin cá nhân của chính ông. Chúng ta cũng sẽ ngạc nhiên khi biết rằng Jefferson suốt đời sống trong nợ nần, có những món nợ do ông thừa kế từ bố vợ nhưng phần lớn là do cách tiêu xài hoang phí của ông gây ra, nhất là công trình kiến trúc khổng lồ với nội thất xa hoa, lộng lẫy mà ông cho xây trên ngọn đồi Monticello quê nhà.

Bạn đọc hẳn còn nhớ những câu nói nổi tiếng và quen thuộc nhất trong lịch sử Mỹ và cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa đã cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được Sống, quyền Tự do và quyền mưu cầu Hạnh phúc”. Thật thú vị khi chúng ta biết được rằng, người viết nên những câu chữ hùng hồn này lại là một người rụt rè, cảm thấy khó khăn khi phải thuyết trình trước đám đông và thường trốn tránh các cuộc tranh luận nảy lửa giữa các phe phái nơi chính trường.

Jefferson mất ngày 4/7/1826, đúng 50 năm sau ngày Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ được ký kết, văn bản có lẽ quan trọng và vĩ đại nhất của loài người cho đến nay. Trên mộ bia là dòng chữ do chính ông mong muốn được hậu thế nhớ tới: “Đây là nơi an nghỉ cuối cùng của Thomas Jefferson, tác giả của bản Tuyên ngôn Độc lập Mỹ, của Đạo luật Virginia

về tự do tín ngưỡng, và là cha đẻ của trường Đại học Virginia”. Ông đã không hề nhắc gì đến chức danh Tổng thống của mình!

Ellis là tác giả nổi tiếng và là giáo sư lịch sử tập trung vào thời kỳ Cách mạng Mỹ. Ông nổi tiếng với cuốn sách đoạt giải Pulitzer - *Các nhà Lập quốc: Thế hệ Cách mạng* (Founding Brothers: Revolutionary Generation) năm 2002 và các cuốn tiểu sử về Tổng thống Washington và Adams. Cuốn sách *Thomas Jefferson: Nhân sư Mỹ* của Joseph J. Ellis được xuất bản năm 1996 và giành được Giải thưởng Sách quốc gia Mỹ năm 1997. Chắc chắn cuốn sách sẽ mang đến nhiều bất ngờ và thú vị cho độc giả, những người muốn hiểu hơn về những nhà lập quốc vĩ đại của nước Mỹ.

Xin trân trọng giới thiệu với độc giả một cuốn sách rất có chiều sâu này về một vĩ nhân của lịch sử!

- NGUYỄN CẢNH BÌNH

LỜI TỰA VÀ LỜI CẢM ƠN

Bất kỳ nhà viết tiểu sử Jefferson nào có tham vọng, những người nhận thức được rằng Jefferson là một chủ đề đã tốn quá nhiều giấy mực và rằng các thư viện đã đầy ắp những cuốn sách về ông, đều sẽ làm rất tốt việc trích dẫn lại những lời nổi tiếng của người con Virginia trẻ tuổi năm 1776. Tôi muốn nói là không ai lại đi đại dợt mà viết thêm một cuốn sách khác về Thomas Jefferson chỉ vì lý do “nhất thời và thiếu thuyết phục”. Trên thực tế, “sự thận trọng phải có” và “sự kính trọng cần có đối với những ý kiến của loài người đã yêu cầu” việc xuất bản tất cả những cuốn sách mới về người đàn ông đến từ Monticello này phải đi kèm với một lời tuyên bố chính thức về lý do đã khiến vị tác giả ấy thực hiện nỗ lực này.

Lý do của tôi khởi nguyên từ hơn 30 năm trước, khi tôi theo học chương trình sau đại học tại Yale, chuyên ngành lịch sử Mỹ sơ khai. Không thể tránh được Jefferson khi cố gắng nắm bắt câu chuyện về Cách mạng Mỹ, bởi sự nghiệp của ông được đan xen trong những sự kiện chính của kỷ nguyên. Và những ý tưởng của ông, chí ít là những ý tưởng mà ông là người phát ngôn hùng hồn nhất, đã xác lập nên những chủ đề chính của câu chuyện về một nước Cộng hòa Mỹ mới nổi. Hơn nữa, tôi còn là một người gốc bang Virginia, và cũng giống như Jefferson, đã tốt nghiệp tại Đại học William & Mary. Tôi thậm chí cũng có những lọn tóc vàng hung như Jefferson và cũng học cách che giấu cảm giác bất an đằng sau mặt nạ của sự trầm lặng bí ẩn. Vì vậy, cũng là lẽ tự nhiên với tôi khi, ở

vị trí lọt thỏm trong nơi đã từng là cái nôi của Thanh giáo kiểu New England và chủ nghĩa liên bang, trở nên đồng nhất với những nghi ngờ sắc lẹm của Jefferson về sự khổ hạnh kiêu ngạo và khí hậu đặc sệt Bắc cực của vùng New England.

Thầy hướng dẫn cuối cùng của tôi trong chương trình sau đại học, Edmund S. Morgan, thậm chí còn có một bức chân dung khổng lồ của Jefferson treo trong văn phòng. Bức tranh sáng rực phong cách của danh họa Rembrandt Peale những năm 1800 vẽ Jefferson nhìn xuống những buổi học của chúng tôi đầy vẻ uy quyền từ kiếp trước khiến tôi cảm thấy, kỳ lạ thay, thật an tâm. Jefferson và tôi là những tâm hồn có chút đồng điệu, tôi tự nhủ, là những đồng minh trong thế giới xa lạ này, nơi chất giọng miền Nam dường như tương quan ngược với mục đích nghiêm túc của người nói. Mỗi cuồng si tuổi trẻ với Jefferson cuối cùng cũng giống như chất giọng miền Nam của tôi, chưa bao giờ thực sự biến mất mà chỉ bị đẩy xa đến một đường biên mờ mờ, nơi nó mất đi đặc trưng độc đáo của mình. Tuy vậy, cũng giống như bất cứ mối tình tuổi trẻ nào, sự si mê ấy đã trở thành một phần luôn thường trực trong gia tài tình cảm của tôi.

Không hẳn là tôi thực sự biết nhiều về cuộc sống và suy nghĩ của Jefferson. Cảm giác thân thuộc của tôi với Jefferson mang tính cá nhân hơn là học thuật. Chỉ một lần, khi tôi đang tìm chủ đề cho bài viết của mình, tôi đã tính đến chuyện viết về Jefferson. Tôi nhớ là C. Vann Woodward, một người đồng hương miền Nam cũng mới đến New Haven - mặc dù với tư cách là một sử gia có thâm niên chứ không phải mới nổi - đã cảnh báo tôi về sự nguy hiểm của lựa chọn đó. Ta không bao giờ nên thử tiểu sử cho đến khi có nhiều trải nghiệm hơn trong đời, anh ấy khuyên tôi như vậy. Về Jefferson, ông là một chủ đề không hề rõ ràng và nổi tiếng là khó nắm bắt tới nỗi mà bất kỳ sử gia trẻ tuổi nào đã từng

xông pha theo đuổi ông đều giống như những thanh niên lanh lợi được cử ra chiến trường, thực hiện những nhiệm vụ bất khả, thường xuất hiện trong câu chuyện về những nạn nhân bi thảm của chiến tranh. Tôi chưa bao giờ nghiêm túc xem xét Jefferson về mặt học thuật trong 25 năm tiếp đó.

Là giảng viên đại học, tôi yêu cầu đọc sách về Jefferson trong các khóa học của mình, và tôi cũng đã xây dựng giáo án chính thức về Tuyên ngôn Độc lập và quan điểm ngược đời của Jefferson về nô lệ. Nhưng chỉ đến khi bắt đầu nghiên cứu để viết một cuốn sách về John Adams, tôi mới bắt đầu thăm dò phần chìm trong những thư tín của Jefferson. Thật kỳ quặc đối với một người con Virginia khi trở về nhà lần nữa, bước đến Monticello bằng con đường của Quincy, nhưng chuyện là vậy đó.

Adams quả thực có mối quan hệ rất đặc biệt với Jefferson. Đó là mối quan hệ vượt ra ngoài đại nghiệp chống lại sự cai trị của đế quốc Anh và vượt trên cội rễ khác nhau trong văn hóa vùng miền khu vực New England và Virginia. Kết quả là, Adams ngưỡng mộ, thậm chí là yêu quý Jefferson; họ duy trì tình bằng hữu kéo dài suốt 50 năm, được thể hiện rõ nhất trong những trao đổi thư từ vào những năm cuối đời mà hầu hết các sử gia đều coi là thành tựu trí tuệ cao nhất đối với những thành quả của thế hệ cách mạng. Nhưng Adams cũng bất đồng sâu sắc với cách nhìn của Jefferson về cuộc Cách mạng Mỹ. Thực vậy, ông cho rằng toàn bộ tầm nhìn chính trị của Jefferson chỉ dựa trên toàn bộ những ảo tưởng hấp dẫn cám dỗ. Càng đọc tôi càng đi đến kết luận là Adams đã đúng. Lần đầu tiên tôi bắt đầu nhìn nhận Jefferson bằng sự phê phán và mỉa mai.

Cuối cùng tôi đưa ra quyết định viết một nghiên cứu dài bằng một cuốn sách về Jefferson trong lúc viết một bài luận cho số đầu tiên của tờ *Civilization* về vị trí có phần tranh cãi của Jefferson trong nền văn hóa

đương đại Mỹ. Nếu tác phẩm của tôi về Adams cho tôi một quan điểm mới, thì bài luận cho tờ *Civilization* lại khiến tôi có một cách đánh giá mới mẻ về tầm ảnh hưởng của Jefferson như một biểu tượng của nước Mỹ. Ta có thể nghiên cứu vài năm liền về Adams và tận hưởng sự biệt lập tuyệt vời. Nhưng nghiên cứu về Jefferson lại giống như bước vào một căn phòng chật kín người, lúc nào cũng có những cuộc hội thoại dang dở, và tiếng rì rầm liên miên, chứng tỏ rằng có nhiều thứ để nói về chủ đề này hơn là chỉ giải quyết những câu hỏi lịch sử thuần túy. Jefferson có sức hút như điện từ. Ông là biểu tượng cho những giá trị được trân quý và gây nhiều bàn cãi nhất trong văn hóa Mỹ hiện đại. Ông là một trong những người đàn ông da trắng đã qua đời nhưng vẫn còn quan trọng.

Những suy nghĩ mở rộng này không những trở thành lý do để tôi viết cuốn sách về Jefferson mà còn có những ảnh hưởng mang tính quyết định định hình nên bản thân cuốn sách. Vô số các tác phẩm về Jefferson mang tính ngoa dụ, như thể một người sẽ phải tuyên bố lòng trung thành của mình ngay từ ban đầu, hoặc đi theo hoặc chống lại phiên bản thần thánh của Jefferson như đã được mô tả qua bức tượng bán thân bằng cẩm thạch của Jean-Antoine Houdon hoặc chí ít là bức chân dung thánh thiện của Rembrandt Peale. Tâm lý cường điệu quá mức này thực ra lại tái hiện bầu không khí chính trị phân cực cao độ ở thời Jefferson, khi mà bạn buộc phải theo ông hoặc chống lại ông, yêu quý ông hoặc căm ghét ông. Thường thì những người viết tiểu sử sẽ đứng về phe của người mà họ viết tiểu sử. Nhưng trong trường hợp của Jefferson, các phe phân tách rõ rệt hơn và cũng không có nhiều lựa chọn. Dường như không thể chọn đứng bên phe nào khi một bên là những kẻ sùng bái còn một bên là những kẻ muốn phơi bày mọi thứ.

Đó chính xác là cách mà tôi đang cố gắng theo đuổi trong những trang tiếp theo. Lấy cảm hứng từ ví dụ của John Adams, tôi tin rằng ta có

thể vừa yêu mến vừa phê phán Jefferson, xuất phát từ giả thiết rằng không một cá thể người đích thực nào từng bước trên trái đất nay lại chịu đựng nỗi gánh nặng ngộ nhận đè lên vai như Jefferson. Tôi cũng tự thuyết phục mình rằng mỗi cuông si tuổi trẻ phải đi theo cái cách của tuổi trẻ, nghĩa là mọi đánh giá kỹ càng về những nhân vật huyền thoại suy cho cùng đều sẽ khiến những người hâm mộ nồng nhiệt nhất có phần thất vọng. Những điều tốt đẹp nhất và tồi tệ nhất của lịch sử nước Mỹ đan xen không thể tách rời trong con người Jefferson, và bất cứ ai nếu chỉ hạn chế việc tìm hiểu ở một vế của phương trình đạo đức thì sẽ dẫn đến việc bỏ qua mất một phần quan trọng của câu chuyện.

Cách tiếp cận của tôi có sự chọn lọc - một bạn đọc gần đây thậm chí còn gọi đó là cách tiếp cận mang tính điện ảnh - nhưng vẫn duy trì một cam kết truyền thống với trình tự thời gian. Rõ ràng ta chẳng cần đến một câu chuyện khác đầy đủ, nhiều chương về cuộc đời và thời đại Jefferson. Mục tiêu của tôi là nắm bắt Jefferson vào những khoảnh khắc thăng hoa trong đời ông, lia vào cận cảnh suy nghĩ và hành động của ông trong những khoảnh khắc kéo dài này, tập trung vào những giá trị và niềm tin được bộc lộ ra trong những bối cảnh lịch sử cụ thể, đồng thời cung cấp cho bạn đọc một lượng kiến thức nền về những gì đã diễn ra giữa các cảnh, để có thể theo sát trình tự cuộc đời Jefferson từ khi sinh ra đến khi từ giã cõi đời. Cách tiếp cận này đòi hỏi phải đưa ra lựa chọn khi thế này khi thế khác, và tôi chỉ có thể đồng tình với những nhà phê bình quen thuộc, những người đã kết luận rằng những tháng năm quan trọng trong vai trò Ngoại trưởng hay trải nghiệm khó chịu trong nhiệm kỳ tổng thống thứ hai của Jefferson đòi hỏi phải được nghiên cứu đầy đủ hơn. Cách biện minh duy nhất của tôi là trích những tác phẩm học thuật đầy rẫy hiện có, để tái khẳng định niềm tin rằng câu chuyện của Jefferson cần phải được đặt giữa hai bìa sách và thừa nhận mong muốn tự vệ của

mình nhằm tránh kết cục của rất nhiều người đi trước: rơi tự do vào vực thẳm Jefferson.

Mục tiêu theo đuổi chính của chúng tôi, sau tất cả, vẫn là tính cách của Jefferson, những nguyên tắc sống động đã ảnh hưởng tới đời sống cá nhân và xã hội của ông, biến ông thành một chính khách quan trọng và một con người độc đáo như thế. Tôi thấy ở ông thực sự có một niềm tin và những sự lo lắng trong thâm tâm. Mặc dù ông luôn khó nắm bắt và cực kỳ khéo léo trong việc che đậy dấu vết, vẫn có những giá trị Jefferson cơ bản quyết định nên hình hài tầm nhìn chính trị mà ông đã rất thành công trong việc nêu cao trong thế giới của mình và giờ đây vẫn có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế giới của chúng ta. Ngoài ra, một lần nữa, tôi còn thấy ở ông một lòng trung thành kiên định với những niềm tin cốt lõi từ ngày đầu ông xuất hiện trên sân khấu quốc gia năm 1775 đến khi từ giã cõi đời vào ngày 4 tháng 7 năm 1826. Những mâu thuẫn được nói đến nhiều và sự thiếu nhất quán của Jefferson là có thật, chắc chắn thế, nhưng sự dẻo dai về mặt tâm lý, khả năng chơi trốn tìm trong bản thân ông chính là một thiết bị bảo vệ, ông đã tạo ra để ngăn cho tầm nhìn cá nhân lãng mạn và thực sự cực đoan khỏi đâm sâu vào thực tại. Như tôi sẽ cố gắng thể hiện trong Chương 1, những thế hệ sau này, bao gồm cả thế hệ chúng ta, chắc chắn đã khám phá ra nhiều ý nghĩa trong tầm nhìn Jefferson, vốn có thể hiểu theo nhiều nghĩa nhưng riêng Jefferson biết ý ông là gì và những gì ông nói là những điều ông vẫn hằng tin tưởng.

Điều tôi cố gắng làm ở đây là phục dựng con người và ý nghĩa ấy trong sự ngưng kết của bối cảnh cuối thế kỷ 18 - bằng một ngôn ngữ có thể tái hiện được niềm tin trong trí tuệ người dân thường nước Mỹ đối với Jefferson. Điều này có nghĩa là thứ ngôn ngữ chuyên biệt của những tài liệu học thuật đã được chuyển thành thứ tiếng Anh phổ thông và những ý nghĩa âm vang của những thuật ngữ nặng nề như “chủ nghĩa cộng hòa”,

“phái Whig”, “tự do” và “đảng chính trị” không được cho là hiển nhiên. Trong khi tôi hy vọng chắc chắn những đồng nghiệp học giả của mình sẽ đọc cuốn sách này, thậm chí là thấy cách diễn giải của tôi có phần tươi mới và một ít những ngớ ngẩn chắc chắn không tránh khỏi, tôi mừng tượng độc giả của tôi sẽ là một phần lớn những người dân thường có một hứng thú chung chung nhưng thật lòng với Thomas Jefferson.

Món nợ học thuật của tôi có thể so sánh với sự thiếu hụt tài chính khổng lồ của Jefferson lúc cuối đời, điều mà tôi chỉ có thể hy vọng sẽ trả lại bằng tiền tệ của lòng biết ơn. Mọi học trò của Jefferson đều mang món nợ không trả nổi đối với Dumas Malone quá cố và Merrill D. Peterson, những người đã mạnh mẽ kể câu chuyện về Jefferson và thời đại của ông xuất phát từ những giả thiết khác nhau và do đó đi đến những kết luận khác nhau so với câu chuyện tôi đang cố gắng kể ở đây, đồng thời cũng chính là những người đặt ra tiêu chuẩn viết tiểu sử mà căn cứ trên đó, giờ đây tất cả chúng ta đang được đánh giá. Tác giả Julian P. Boyd đã khuất và những biên tập viên kế tục ông tại dự án Những tài liệu của Thomas Jefferson tại Princeton đã duy trì tiêu chuẩn cao tương tự trong khi sắp xếp những nguồn cơ bản mà câu chuyện của chúng ta dựa trên. Cuối cùng, những nhân viên tuyệt vời tại Quỹ Tưởng niệm Thomas Jefferson đã giúp đỡ tôi cực kỳ nhiệt tình trong những lần tôi ghé thăm Monticello. Quả vậy, tôi xin đặc biệt cảm ơn Daniel P. Jordan, Giám đốc quỹ, và Douglas Wilson, Giám đốc Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu về Jefferson, người không chỉ cho tôi ở nhờ tại Kenwood mà còn sắp xếp một số dịp trước công chúng để tôi được chia sẻ tác phẩm đang dang dở của mình đồng thời duy trì mức độ lịch sự và hỗ trợ cao nhất ngay cả khi rõ ràng là Chúa không cho tôi điểm phúc được nhìn thấy Jefferson như họ.

Những chương bản thảo riêng lẻ hay những tập bản thảo cỡ một chương sách đã được những người sau đây đọc giúp: Howard Adams, Joann Freeman, Ann Lucas, Pauline Maier, Lucia Stanton và Mary Jo Salter. Hầu hết hoặc toàn bộ bản thảo đều nhận được nhận xét hữu ích của Catherine Allgor, Andrew Burstein, Eric McKittrick, Peter Onuf, Stephen Smith và Douglas Wilson. Cũng xin lưu ý rằng, điều này nghĩa là không ai trong số những đồng nghiệp hào phóng này phải chịu trách nhiệm về những thành kiến diễn giải của tôi. Chấp nhận Thomas Jefferson là một quá trình vốn dĩ mang tính tranh luận, và chất lượng lời khuyên mà tôi nhận được phản ánh chuẩn xác những bất đồng nghiêm túc về di sản của ông.

Xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới Stephen Smith, biên tập viên tại tờ *Civilization*, người đã cho phép tôi thử đăng những phiên bản đầu tiên của lý luận của mình trên tạp chí của ông. Phần mở đầu này xuất hiện lần đầu trên ấn bản tháng 11-12 năm 1994; tôi đã bàn về bản thảo Tuyên ngôn Độc lập của Jefferson trong ấn bản tháng 6-7 năm 1995; diễn giải về Jefferson và chế độ nô lệ trong ấn bản tháng 11-12 năm 1996.

Đại diện của tôi, Gerry McCauley, đã nắm tay tôi và đưa tôi đi ăn trưa những lúc thích hợp. Ở Knopf, biên tập viên của tôi, Ashbel Green và trợ lý của anh, Jennifer Bernstein đã lo cho cuốn sách này rất chu đáo và lịch sự.

Toàn bộ bản thảo được viết tay, rồi chuyển vào đĩa nhờ có Helen Canney, người mà khả năng đọc đoán nét chữ xiêu vẹo của tôi đã trở thành nghệ thuật. Ba đứa trẻ nhà tôi, Peter, Scott và Alexander còn nghĩ ra cả một kho những câu đùa về việc rơi vào vực thẳm Jefferson. Vợ tôi, Ellen, đã đọc từng chương dự thảo nhỏ giọt của tôi và đều đều đưa ra những gợi ý về văn phong mà tôi không thể bỏ qua.

Ban đầu tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn những sử gia, người mà, với tư cách cá nhân cũng như công việc, đại diện cho những giá trị mà tác phẩm của tôi nỗ lực noi theo.

Sự xuất hiện của phiên bản *Nhân sư Mỹ* do nhà xuất bản Vintage ấn hành tháng 4 năm 1998 đã cho phép tôi có một vài chỉnh lý âm thầm cho phiên bản in ở Knopf. Đây là những chỉnh lý nhỏ mà độc giả cẩn thận sẽ bắt lỗi được sau khi tác giả và biên tập viên đã cố hết mình để tránh những hổ thẹn này.

Tuy vậy, hiện tại, phiên bản Vintage đòi hỏi phải được chỉnh lý khá nhiều sau khi một nghiên cứu DNA của Tiến sĩ Eugene Foster được xuất bản. Nghiên cứu này đã làm thay đổi toàn bộ cuộc tranh cãi từ lâu về quan hệ giữa Jefferson và Sally Hemings. Thành thực mà nói, một chủ đề lịch sử gây tranh cãi từ lâu và đã được nghiên cứu rất nhiều như chủ đề này hiếm khi bị ảnh hưởng bởi những bằng chứng mới. Nhưng đây lại chính là trường hợp của nghiên cứu của Foster.

Phần chỉnh lý do sự xuất hiện của bằng chứng mới này quá quan trọng nên tôi không thể giữ yên lặng. Tôi đã đưa ra bốn thay đổi lớn: trước hết, thêm câu chuyện của nghiên cứu Foster vào phần mô tả sự phù hợp đương đại của Jefferson (Lời mở đầu); thứ hai, chỉnh lý lại phần viết về vụ lùm xùm khi lần đầu nó nổi lên trên chính trường năm 1802 (Chương 4); thứ ba, thêm một đoạn văn về quan hệ Jefferson-Hemings ở những ngày cuối đời của Jefferson (Chương 5); thứ tư, thêm một đoạn bàn về nghiên cứu Foster trong phần viết về lịch sử của cuộc tranh cãi (Phụ lục).

Tôi đã thay đổi suy nghĩ của mình về vấn đề Sally, chứ không phải về Jefferson. Ông nổi lên trong phiên bản có chỉnh lý này như một người

Mỹ bí ẩn hơn bao giờ hết, phức tạp hơn và cực kỳ kín đáo, thoải mái hơn trong mâu thuẫn của chính mình.

JOSEPH J. ELLIS
Amherst, Massachusetts
Tháng 11 năm 1998

MỞ ĐẦU

LÀN SÓNG JEFFERSON: NƯỚC MỸ, 1992- 1993

*Nếu Jefferson đã sai, nước Mỹ đang sai.
Nếu nước Mỹ đang đúng, Jefferson đã đúng.*

JAMES PARTON (1874)

Bạn có thể cho tay vào túi mình, lấy ra một đồng 5 xu và nhận thấy trên đó hình ảnh ông đang nhìn vào khoảng không xa xăm - như những người bạn phe tự do của tôi lưu ý, luôn nhìn sang trái. Bạn có thể tới Charlottesville, Virginia, và nhìn thấy bức tượng toàn thân của ông ở ngôi trường do ông thiết kế, sau đó đi vài dặm lên đỉnh núi ghé thăm ngôi biệt thự và là linh hồn của ông tại Monticello. Nếu đó là năm 1993, bạn có thể men theo sông James xuống Williamsburg, tuyến đường ông thường đi lại nhiều lần thời trẻ, và sẽ nhìn thấy một bức tượng toàn thân khác của ông trong khuôn viên trường Đại học William & Mary, là món quà gần đây từ trường đại học do ông thành lập gửi đến trường đại học nơi ông tốt nghiệp, bức tượng nhìn sang bên phải - như những người bạn phe bảo thủ của tôi để ý - hình như đang chăm chú quan sát những người ra vào ký túc xá nữ cạnh đó. Bạn có thể đi về phía bắc ra khỏi khu vực Tidewater, qua những nơi từng là chiến trường thời Nội chiến - Cold Harbor, Chancellorsville, Fredricksburg - nơi binh sĩ cả hai phe Liên

minh và Liên bang đều tin rằng họ đã chiến đấu nhân danh di sản của ông. Rồi bạn có thể băng qua sông Potomac từ Virginia tới quận Columbia, và thấy Đài tưởng niệm ông trên Tidal Basin, trong tư thế nhìn thẳng về phía trước, với những bức phù điêu trên tường đá cẩm thạch bao quanh, tái hiện các tuyên ngôn đầy cảm hứng của ông về quyền tự do cá nhân. Hoặc nếu bạn có tình cảm với miền Tây nước Mỹ như ông, bạn có thể bắt gặp ông trong phiên bản khổng lồ và tự nhiên nhất trên núi Rushmore.

Nhưng tất cả chỉ là những bản sao. Tháng 11 năm 1993, một hiện thân Thomas Jefferson được hứa hẹn sẽ xuất hiện ở nơi không ai nghĩ tới - một nhà thờ lớn bằng gạch ở Worcester, Massachusetts. Trong buổi tối tại New England này, một người tên là Clay Jenkinson đã đóng vai Jefferson bằng xương bằng thịt, sống giữa chúng ta trong những năm cuối thế kỷ 20. Tôi có cảm giác là 40 hay 50 linh hồn táo bạo sẽ xuất hiện chẳng ngại thời tiết. Xét đến cùng, đây là một việc làm có tính nửa học thuật, với mục đích làm sống lại Jefferson mà không cần báo chí tán thưởng hoặc phô trương lòng yêu nước. Tuy nhiên, hóa ra có khoảng 400 người New England nhiệt tình chen chúc ở nhà thờ. Mặc dù người miền Nam từ lâu đã có tính hoài nghi, đặc biệt là người Virginia (John Adams đã nói rằng “ở Virginia, mọi con ngỗng đều là thiên nga”), nhưng sự xuất hiện của Jefferson rõ ràng có sức thu hút rất lớn.

Hiệp hội Đồ cổ Mỹ đã tổ chức một bữa tiệc tối trước sự kiện này. Dường như tất cả những nhà lãnh đạo cộng đồng, bao gồm các hiệu trưởng, giám đốc công ty bảo hiểm và điện toán ở địa phương, và một phái đoàn nhỏ từ cơ quan lập pháp Massachusetts đều có mặt. Bên cạnh đó, còn có các đại diện của Thư viện Quốc hội và Quỹ Nhân đạo Quốc gia đã bay tới từ Washington. Ngoài ra còn có hai đoàn làm phim. Camilla Rockwell đến từ Hãng phim Florentine nói với tôi rằng Ken Burns - nổi

tiếng trong phim *Nội chiến* - đang lên kế hoạch làm một phim tài liệu lớn về Jefferson trên truyền hình. Còn Bud Leeds và Chip Stokes đến từ Quỹ Di sản Jefferson vừa mới công bố một chiến dịch gây quỹ cho một bộ phim thương mại tốn kém về Jefferson. (Qua Leeds và Stokes, lần đầu tiên tôi được biết có một bộ phim khác về Jefferson ở Paris đã được lên kế hoạch, diễn viên chính là Nick Nolte). Đoàn thám tử còn có một triệu phú người Iran, cho biết là mình đã yêu quý Jefferson sau khi thoát khỏi tay phe Hồi giáo cực đoan ở Iran, một trải nghiệm đem lại cho ông ta cách tiếp cận độc đáo với thiên tư của Jefferson trong việc khẳng định sự tách biệt giữa nhà thờ và nhà nước.

Trong suốt bữa tối, mầm mống của ý tưởng này bắt đầu xuất hiện trong tâm trí tôi, ban đầu ở dạng một câu hỏi: Điều đó liên quan gì đến Jefferson? Năm 1993 là kỷ niệm 250 năm ngày sinh Jefferson, do đó có thể mong đợi một làn sóng đột biến về danh tiếng của ông. Nhưng liệu có nhân vật nổi tiếng nào trong quá khứ Mỹ có thể gây nên nhiều hứng thú đương đại đến thế? Hiện chỉ có hai ứng viên khả thi, dường như với tôi, cả hai đều giữ không gian thiêng liêng tại Mall, trong thủ đô của đất nước, là phiên bản Mỹ của đỉnh Olympus. Đó là George Washington, “Người Cha của Đất nước chúng ta”, người có tượng đài ghi công lớn nhất trên thế giới, làm lu mờ tượng đài của các nhân vật khác của nước Mỹ. Sau đó là Abraham Lincoln, tượng đài của ông ở Tidal Basin lớn hơn cả của Jefferson và thường chiến thắng trong mọi cuộc thăm dò ý kiến nhằm xếp hạng những tổng thống Mỹ vĩ đại nhất.

Nhưng Washington thường lu mờ trước Jefferson; ông dường như quá xa cách và lặng lẽ. Không có những lời tưởng nhớ khắc trên những bức tường của Đài tưởng niệm Washington. Ông là nhà tiên tri Delphic không bao giờ nói, giống Jehovah trong kinh Cựu Ước không bao giờ xuống Trái đất, như Jefferson đã xuất hiện tới nay. Lincoln là một ứng

viên đáng gờm hơn. Giống như Jefferson, ông gần gũi và cũng có những lời nói đầy lôi cuốn. Những công dân bình thường thường biết nhiều về Diễn văn Gettysburg gần như Tuyên ngôn Độc lập. Nhưng sức lôi cuốn của Lincoln âm đậm và nặng nề hơn; ông là một người tử vì đạo và sức lôi cuốn của ông cũng có phần bi thảm. Jefferson là ánh sáng, nguồn cảm hứng, và sự lạc quan. Mặc dù Lincoln được tôn sùng hơn, nhưng Jefferson lại được yêu mến hơn.

Đó là những suy nghĩ của tôi khi băng qua đường tới nhà thờ, nơi Jenkinson lên kế hoạch tái hiện Jefferson. Ông ta xuất hiện trên các bậc thềm đường trong trang phục thế kỷ 18 và bắt đầu chậm rãi kể về những ngày trước đây, khi là một sinh viên trường Đại học William & Mary, những suy nghĩ về Cách mạng Mỹ, tình yêu với rượu vang Pháp và tư tưởng Pháp, những thành tựu và nỗi thất vọng của ông ở cương vị nhà lãnh đạo chính trị và tổng thống, nỗi ám ảnh với kiến trúc và giáo dục, sự hàn gắn với John Adams trong những năm hoàng hôn của cuộc đời, niềm tin vô bờ vào triển vọng rằng Mỹ sẽ trở thành thế lực chủ đạo của nền dân chủ thế giới.

Jenkinson biết rõ Jefferson của ông ta. Là một sử gia đã quen với các tài liệu học thuật, tôi nhận thấy có một số lĩnh vực đòi hỏi sự khéo léo bởi chỉ một sơ suất nhỏ cũng có thể khiến ta trượt dài trong hành lang của những sự thật nửa vời, một nơi nếu thiếu kiến thức có thể khiến ta đi lạc rất xa. Nhưng Jenkinson không bao giờ chùn bước. Ông ta đã cho chúng ta một bài giảng tinh tế về lịch sử Mỹ, gợi ra khéo léo những nghiên cứu hiện đại về Jefferson.

Hai điều Jenkinson đã *không* làm cũng rất ấn tượng. Ông ta đã không cố nói giọng miền Nam hoặc Virginia. Hiển nhiên ông ta nhận ra là chẳng có ai biết rõ về giọng nói hay ngữ điệu của Jefferson, rằng liệu âm điệu miền Nam hay âm điệu Anh nhiều hơn, hay đó là sự kết hợp độc

đáo. Vì vậy, Jenkinson nói giọng Mỹ. Ông ta cũng đã không làm ra vẻ đang ở thế kỷ 18. Jefferson của ông ta đã được hiện thực hóa trong thế giới và thời đại chúng ta. Không thể cáo buộc là ông ta đã phạm lỗi “hiện tại chủ nghĩa” bởi ông ta không hề tuyên bố về việc hãy quên đi thực tế rằng đó là hiện tại, chứ không phải trước đây.

Thật sự thì hầu hết các câu hỏi từ khán giả đều là về những chuyện hiện tại: Ông sẽ làm gì với vấn đề chăm sóc sức khỏe, ông Jefferson? Ông nghĩ gì về Tổng thống Clinton? Ông có ý tưởng gì cho cuộc khủng hoảng Bosnia? Liệu ông có cho quân Mỹ tham gia chiến tranh Vùng Vịnh? Xen vào đó là một số câu hỏi về lịch sử Mỹ và vai trò của Jefferson trong việc tạo ra lịch sử đó: Tại sao ông không bao giờ tái hôn? Ông có ý gì khi nói “muu cầu hạnh phúc” trong Tuyên ngôn Độc lập? Tại sao ông lại sở hữu nô lệ?

Câu hỏi cuối cùng này khá sắc sảo, và Jenkinson xử lý nó một cách thận trọng. Nô lệ là một trò hề đạo đức, ông nói, một thiết chế rõ ràng là mâu thuẫn với các giá trị của Cách mạng Mỹ. Ông đã cố gắng hết sức thuyết phục đồng bào mình chấm dứt buôn bán nô lệ và dần chấm dứt chính chế độ nô lệ. Nhưng ông đã thất bại. Ông đã đối xử tốt với những nô lệ của mình, như những con người. Ông kết luận với một câu tự vấn: Quý vị muốn tôi làm gì nữa đây? Một câu hỏi tiếp nối vào lúc này có thể châm ngòi cho cuộc chiến trí tuệ, nhưng không ai hỏi gì. Khán giả không đến để chứng kiến một cuộc cãi vã, mà là để bày tỏ lòng kính trọng với một biểu tượng. Nếu Jefferson là Mona Lisa của Mỹ, họ đến để xem ông mỉm cười.

Mặc dù bầu không khí rất tôn nghiêm, nhưng tôi vẫn ngạc nhiên rằng không có ai đưa ra “câu hỏi về Sally”. Với kinh nghiệm của một giảng viên đại học, tôi thấy hầu hết sinh viên phải biết hai điều về Jefferson: một là ông đã viết Tuyên ngôn Độc lập, và hai là ông đã bị cáo buộc có quan hệ

bất chính với Sally Hemings, một nô lệ da trắng lai đen tại Monticello. Vụ bê bối lần đầu tiên được hé lộ vào năm 1802 khi Jefferson là Tổng thống, và sau đó gắn chặt với tên tuổi của ông như một cái lon thiếc lăm lăm qua các thời đại và những trang lịch sử. Sau này tôi mới biết Jenkinson đã chuẩn bị sẵn câu trả lời cho “câu hỏi về Sally”, một câu chuyện bắt nguồn từ một người đáng thất vọng chuyên mua quan bán tước tên là James Callender, vốn nổi danh nhờ bán những thông tin bê bối (khá đúng), và Jefferson đã có lần phủ nhận điều này và từ chối bình luận về nó (cũng đúng). Một vài tháng sau khi tôi gặp Jenkinson ở Worcester, ông ta đã trở thành trung tâm của sự chú ý tại một bữa tiệc kỷ niệm Jefferson ở Nhà Trắng, nhờ việc nói rằng Jefferson sẽ bỏ qua toàn bộ cuộc điều tra Whitewater vì đó “hoàn toàn chẳng phải việc của ai cả”, ông ta đã giành được trái tim của những người ủng hộ Clinton.

Màn biểu diễn của Jenkinson vào buổi tối tháng 11 cứ luẩn quẩn mãi trong tâm trí tôi, nhưng thứ trở nên ám ảnh hơn cả chính là khán giả. Ở đây, trong trái tim của New England (hẳn nhiên là quê hương của Adams), Jefferson chính là Người cha Lập quốc yêu quý và thật sự là anh hùng nước Mỹ của mọi thời đại. Theo những cách riêng, dường như tình yêu vô điều kiện của họ dành cho Jefferson cũng bí ẩn như chính tính cách kỳ lạ nơi người đàn ông này. Giống như buổi hoàng hôn lộng lẫy hay vẻ đẹp của người thiếu nữ, đơn giản vậy thôi. Jefferson không chỉ có lợi từ những nghi ngờ; dường như ông còn tạo ra một điểm tập hợp những người Mỹ bình thường với xuất thân khác nhau để xua tan đi chính những nghi ngờ đó.

Theo một nghĩa nào đó, mọi thứ đã luôn đi theo hướng ấy. Ngay sau khi ông qua đời vào năm 1826, Jefferson đã trở thành một chuẩn mực cho các phong trào chính trị rất khác nhau tiếp tục đua tranh nhằm kế thừa tên tuổi và di sản của ông. Những người ly khai miền Nam viện dẫn

ông nhân danh quyền của các bang; những người theo chủ nghĩa bãi nô miền Bắc trích lời ông trong Tuyên ngôn Độc lập chống lại chế độ nô lệ. Người mệnh danh là Robber Barons của Thời kỳ Hoàng kim còn tạo tiếng vang cho lời cảnh báo của ông về sự bành trướng quyền lực của chính phủ liên bang; những nhà cải cách tự do và những người theo chủ nghĩa dân túy cấp tiến đưa ra những phê phán của ông dành cho các doanh nghiệp tham nhũng và thổi phồng các chỉ báo của ông về sự ưu việt của giá trị đất đai. Trong phiên tòa Scopes, cả William Jennings Bryan và Clarence Darrow đều khẳng định rằng Jefferson đồng ý với quan điểm của họ về cải cách. Cả Herbert Hoover lẫn Franklin Roosevelt đều tuyên bố ông là người dẫn đường cho họ trong việc xử lý Đại suy thoái. Merrill Peterson, nhà biên niên sử về di sản phức tạp của Jefferson, dùng từ “hay thay đổi” để gọi một cách cổ điển và trang trọng cho những gì mà một số nhà phê bình mô tả là trạng thái tư tưởng pha tạp của Jefferson khiến người ta ngơ ngác. Ông là Thường dân⁽¹⁾ nước Mỹ.

⁽¹⁾ Nguyên văn: Everyman.

Lưu ý: Trong cuốn sách này, tất cả các chú thích chân trang đều là của người biên tập, trừ chú thích của người dịch sẽ ghi rõ (ND).

Nhưng ít nhất cho đến thời kỳ Chính sách Kinh tế mới của Franklin Roosevelt đã có những người chỉ trích. Trên thực tế, cốt truyện chính của lịch sử Mỹ lại do Jefferson và Alexander Hamilton thủ vai chính trong một cuộc đua tranh đầy kịch tính giữa các lực lượng dân chủ (hoặc chủ nghĩa tự do) với các lực lượng quý tộc (hay chủ nghĩa bảo thủ). Mặc dù sự kết hợp này bị nghi ngờ là có mùi khoa trương của một vở kịch chính trị, nhưng nó cũng đã giúp giảm bớt những sự phức tạp rối loạn của lịch sử Mỹ để thành một kế hoạch có thể hiểu được: Mọi người chống lại tầng lớp quý tộc, miền Tây chống lại miền Đông, nhà nông nghiệp chống lại nhà công nghiệp, phe Dân chủ chống lại phe Cộng hòa. Jefferson chỉ là một phần bên trong cuộc đối thoại chính trị Mỹ, thường là bên có đặc quyền bảo đảm, tiếng nói của “số nhiều” chống lại “số ít”.

Xin nhắc lại, phiên bản này của lịch sử Mỹ luôn có chút giả tưởng nửa vời với kịch bản được thêm thắt của những người thuộc phe Jefferson, và do đó có thể gây phương hại; nhưng nó không còn ý nghĩa gì nữa, bởi vào những năm 1930, khi Franklin Roosevelt dùng các phương pháp Hamilton (tức là chính phủ can thiệp) để đạt được những mục tiêu Jefferson (tức là bình đẳng kinh tế). Sau Chính sách Kinh tế mới, hầu hết các sử gia không còn phân biệt Jefferson với Hamilton nữa, và hầu hết các chính khách thôi khao khát về một xã hội không tưởng của Jefferson không chịu ảnh hưởng từ chính phủ. Không học giả nghiêm túc nào còn tin rằng niềm tin của Jefferson dành cho chính phủ liên bang tối giản là phù hợp với xã hội công nghiệp đô thị Mỹ. Sự tan rã của các phạm trù cũ đồng nghĩa với việc Jefferson không còn là lãnh đạo biểu tượng cho phe tự do chống lại phe quý tộc bảo thủ.

Những gì xảy ra tiếp theo đã định nghĩa cho mô hình mới về hình ảnh Jefferson và tạo ra sân khấu cho hiện tượng mà tôi đã chứng kiến tại nhà thờ Worcester. Jefferson đã không còn là một nửa tự do trong cuộc đối

thoại chính trị Mỹ, thay vào đó, ông đã trở thành người vượt qua mọi xung đột chính trị và đảng phái. Như Peterson nói, “sự tan rã của triết lý Jefferson về chính phủ đã báo trước lần phong thánh tối thượng của Jefferson”. Khoảnh khắc Jefferson đi vào thiên đường chính trị phiên bản Mỹ có thể tính chính xác: Ngày 13 tháng 4 năm 1943, ngày mà Franklin Roosevelt khánh thành Đài tưởng niệm Jefferson ở Tidal Basin. Roosevelt tuyên bố: “Hôm nay, giữa một cuộc chiến vĩ đại vì tự do, chúng ta khánh thành một đền thờ tự do”. Jefferson giờ đây là một vị thánh của Mỹ, “Tông đồ Tự do” của chúng ta, như Roosevelt đã nói; ông kết luận bằng cách trích dẫn những lời ghi nơi mái vòm Đài tưởng niệm Jefferson: “Tôi tuyên thệ nơi bàn thờ Chúa sự phản đối không ngừng trước mọi hình thức bạo ngược với trí tuệ con người”. Jefferson đã không chỉ là một phần thiết yếu trong truyền thống chính trị Mỹ, mà ông chính là bản chất của nó, một kiểu biểu tượng tự do, bay lượn trên chính trường Mỹ như một trong các khinh khí cầu bay trên một sân bóng đá đông đúc, phát phơ mấy dòng cổ động cho cả hai đội.

Càng nghĩ về điều này, dường như tôi càng thấy rõ khán giả tại Worcester là một minh chứng tốt đẹp cho những gì chúng ta có thể gọi là cội nguồn của chủ nghĩa Jefferson. Những học giả và người viết tiểu sử về Jefferson ít khi chú ý đến hiện tượng này, vì nó hầu như không cho biết Jefferson thật sự là ai trong lịch sử, và quá trình suy ngẫm, ít nhất ở bề ngoài của nó, có vẻ giống sự pha trộn giữa việc sùng bái anh hùng không cần suy nghĩ với trào lưu chính trị chính thống. Nhưng với tôi, dường như có nhiều người Mỹ bình thường vẫn thừa nhận và kỳ vọng vào những gì mà Jefferson là biểu tượng, mạnh mẽ hơn bất kỳ sự thật lịch sử nào. Các sử gia vĩ đại nhất và các học giả về Jefferson của Mỹ đã miệt mài trong nhiều thập niên để đưa ra những nghiên cứu đáng tin cậy và tinh tế nhất, chính xác thì một số trong đó đã làm được điều ấy, một cách độc

lập và không làm ảnh hưởng đến hình ảnh của Jefferson trong công chúng. Đây là sự mê hoặc của Jefferson, nhưng sự mê hoặc đó đã diễn ra thế nào?

Nơi có thể tìm hiểu rõ ràng chính là chốn thiêng ở Tidal Basin. Theo Cục Công viên quốc gia, khoảng một triệu du khách đã bày tỏ sự kính trọng với Jefferson khi ghé thăm Đài tưởng niệm ông mỗi năm.⁴ Vào một ngày tháng 3 năm 1993, khi tôi đến đây, hàng trăm du khách bước trên những bậc thang bằng đá cẩm thạch, sau đó tiếp tục dành một vài phút chiêm ngưỡng bức tượng Jefferson cao quý và chụp ảnh. Rồi hầu hết họ đều nhìn lên bốn tấm bảng trên các bức tường, thậm chí đọc những câu nói nổi tiếng của ông. Thu hút nhiều sự chú ý hơn cả là tấm đầu tiên, ghi những câu nói nổi tiếng và quen thuộc nhất trong lịch sử Mỹ: “Chúng tôi khẳng định một chân lý hiển nhiên rằng, tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa đã cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được Sống, quyền được Tự do và mưu cầu Hạnh phúc”.

Thực tế, đây không hoàn toàn là những dòng được Jefferson viết vào tháng 6 năm 1776. Trước khi được Quốc hội chỉnh sửa, dự thảo ban đầu của Jefferson thậm chí còn thể hiện ý định của ông về một tầm nhìn tâm linh rõ ràng hơn: “Chúng tôi khẳng định một chân lý thiêng liêng và không thể phủ nhận; rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng và độc lập, từ tạo hóa công bằng đó, họ đều có quyền cố hữu và bất khả xâm phạm, trong đó có sự duy trì quyền sống, tự do, và mưu cầu hạnh phúc”. Đây là những điều cốt lõi về đức tin trong Tín điều Mỹ. Những lời này của Jefferson là tâm điểm của sức lôi cuốn ở ông qua các thời đại, là tuyên bố trung tâm của ông, chiếm được tình cảm của hậu thế. Vậy chúng có ý nghĩa gì? Làm thế nào chúng có sức mê hoặc đến vậy?

Chỉ cần đặt ra câu hỏi này thôi là đã có nguy cơ bị buộc tội phản quốc và báng bổ, bởi đó là những chân lý hiển nhiên không cần phân tích; đó là hiển nhiên, thế thôi. Nhưng khi những lời này được tách khỏi làn sương của lòng yêu nước, đen trắng phân minh, ta ở đây có hai lời tuyên bố bất hủ. Tuyên bố trực tiếp qua câu chữ rằng, cá nhân là thực thể có chủ quyền trong xã hội; trạng thái tự nhiên của mỗi người là tự do và bình đẳng với tất cả cá nhân khác; đây là trật tự tự nhiên của vạn vật. Tuyên bố ẩn sau câu chữ là, tất cả các hạn chế đối với trật tự tự nhiên này chính là sự vi phạm đạo đức, chống lại những gì Chúa đã định; cá nhân được giải phóng khỏi những hạn chế đó sẽ tương tác hài hòa với đồng loại và khiến con người hạnh phúc tối đa mà không cần kỷ luật từ bên ngoài.

Đây là một thông điệp cực kỳ lý tưởng, một kiểu tin vui đơn giản là quá tốt lành để có thể trở thành sự thật. Nói cho đúng, đây là một công thức cho tình trạng vô chính phủ. Bất cứ chính phủ quốc gia nào có ý định thực hiện nghiêm túc những nguyên tắc này thì sẽ chẳng khác gì tự đặt mình vào thế khó. Nhưng tất nhiên, những lời nói đó không phải là một kế hoạch chi tiết cho hoạt động chính trị. Jefferson không phải là một nhà tư tưởng chính trị sâu sắc nhưng ông là một nhà hùng biện chính trị xuất sắc và có tầm nhìn xa. Cái thiên tài trong tầm nhìn của ông là đề xuất việc thực hiện những khao khát sâu xa nhất của chúng ta về tự do cá nhân trong thực tế. Cái thiên tài trong khả năng hùng biện của ông là đã chỉ rõ những thôi thúc không thể hòa giải của con người ở một mức độ trừu tượng để che đi sự tương khắc giữa chúng [những thôi thúc đó]. Jefferson gìn giữ Tín điều Mỹ một cách đầy cảm hứng, nó hoàn toàn miễn nhiễm với những hoài nghi học thuật và đây là nơi mà những người Mỹ bình thường có thể tụ tập để nói những lời mê hoặc với nhau.

Sự mê hoặc Jefferson có tác dụng, vì chúng ta cho phép nó hoạt động ở một nơi biệt lập chẳng cần đến những lựa chọn thực tế.

Và thế là, ví dụ như ở nhà thờ Worcester kia hoặc tại không gian thiêng liêng của Đài tưởng niệm Jefferson, công dân Mỹ có thể cùng nhau đến để thấy Jefferson xuất hiện và đồng thời trình bày những vấn đề: phá thai là quyền của phụ nữ và không thể giết một đứa trẻ chưa sinh; chăm sóc sức khỏe và môi trường sạch cho mọi người Mỹ là những quyền tự nhiên, hệ thống hành chính và thuế khóa liên bang là cần thiết để thực hiện các chương trình y tế và môi trường nhưng lại vi phạm quyền độc lập cá nhân; không được từ chối các quyền công dân của phụ nữ và người da đen, những chương trình hành động quả quyết lại vi phạm nguyên tắc về sự bình đẳng. Nguồn gốc căn bản cho sức hấp dẫn đương đại của Jefferson chính là ông đã tạo ra một không gian thiêng liêng, không thật sự là vùng đất bình thường mà giống như một vùng lơ lửng trên tất cả những tranh cãi chính trị - nơi mà mọi người Mỹ có thể đến bên nhau, và ít nhất là trong thời điểm đó, hòa thành một dàn đồng ca thay vì những tạp âm chói tai.

Là một sử gia chuyên nghiệp đã quyết định chọn Jefferson cho dự án nghiên cứu tiếp theo, tôi thấy đây là một cách hiểu không rõ ràng, đầy hàm ý đáng lo ngại. Jefferson không giống như hầu hết những nhân vật lịch sử khác - chết đi, chìm vào quên lãng và thờ ơ ủy thác cho các sử gia, những người dường như chỉ là kẻ canh giữ ngôi mộ của những kỷ niệm bị chôn vùi mà chẳng ai thật sự quan tâm nữa. Jefferson đã trở lại từ cõi chết. Hay đúng hơn là những huyền thoại về Jefferson có đời sống riêng của nó. Rất nhiều người Mỹ quan tâm sâu sắc đến ý nghĩa của những ký ức về ông. Ông đã trở thành Nhân sư Vĩ đại của lịch sử Mỹ, là viên đá thử vàng bí ẩn và khó nắm bắt cho những niềm tin được áp ủ nhiều nhất và những chân lý gây tranh cãi nhất của văn hóa Mỹ. Điều này giống như

việc một nhà nghiên cứu bệnh học, chỉ vừa bắt đầu khám nghiệm tử thi, đã phát hiện ra cơ thể trên bàn mổ vẫn còn thở.

Không phải ai cũng có thể trở thành Thường dân. Năm năm trước, khi tôi đang viết cuốn sách về cuộc đời và tư tưởng của John Adams, chỉ có một vài học giả bè bạn từng hỏi tôi đang làm gì, và khi được trả lời, họ lại cảm thấy thôi thúc phải hỏi những câu cho thấy Adams đã ảnh hưởng đến cuộc sống của họ trên mọi phương diện. (Câu trả lời phổ biến nhất từ những bạn bè không thuộc giới học giả của tôi là họ biết mặt Adams vì nó xuất hiện trên loại bia yêu thích của họ, nhưng họ đã lầm Adams với Sam - anh họ của ông). Mặt khác, nghiên cứu về Jefferson giống như bước vào một vùng từ trường mà rất nhiều bạn bè và hàng xóm - những doanh nhân, thư ký, nhà báo, lao công - đều cộng hưởng cùng với sự phấn khích. Khi lò sưởi của tôi hỏng trong mùa đông lạnh cóng, thợ sửa chữa trong vùng tới và nhìn thấy những chồng sách về Jefferson trong nghiên cứu của tôi. Trong tầng hầm, tôi thì giữ đèn còn anh thợ thì nằm ngửa để thay mấy bộ phận bị hỏng của bơm nhiệt, anh ta đã nói suốt một tiếng về việc những người chỉ trích đã bôi nhọ Jefferson là một người vô thần ra sao. Anh thợ sửa chữa là một người sùng đạo Ki-tô và đã từng đọc ở đâu đó về mối quan tâm của Jefferson với Kinh Thánh. Không, thưa ngài, Jefferson là một quý ông Ki-tô đức hạnh, và anh ta hy vọng tôi sẽ viết điều đúng đắn đó trong cuốn sách của mình.

Một người hàng xóm dạy ở trường trung học địa phương, khi biết tôi đang nghiên cứu về Jefferson, đã hứa gửi cho tôi một cuốn sách mà ông ta thấy rất hữu ích trong việc chốt lọc thông điệp của Jefferson cho học sinh của mình. Sau đó, một gói hàng được gửi đến qua đường bưu điện, trong đó có ba bản sao của *Bài ca Cách mạng* (Revolution Song), được một người là Jim Strupp “chấp nối” chứ không phải viết, để “mang đến cho giới trẻ một cái nhìn hiện đại về niềm tin, lý tưởng và tư tưởng cấp tiến

của Thomas Jefferson”. Lời giới thiệu trên trang bìa: “Ở nước ta hiện nay, chính phủ dân chủ chân chính đã bị phản bội ở tất cả các cấp. Các nền dân chủ xuất hiện khắp nơi trên thế giới, nhưng chúng cũng đang bị phá hủy một cách tinh vi”. Giọng văn hùng hực của *Bài ca Cách mạng* gọi nhớ đến những trang quảng cáo kín đặc trên báo của mấy thầy pháp châu Á hay mấy nhà tiên tri tự xưng về 12 bước để xoay chuyển khái huyền đang tới. Trên thực tế, mô hình tuyên truyền cho *Bài ca Cách mạng* thậm chí còn khiêu khích hơn: “Cuốn sách nhỏ này cố gắng trở thành một giải pháp dân chủ thay thế cho những tác phẩm của Mao Chủ tịch và các nhà lãnh đạo phi dân chủ khác”. Nó được thiết kế như một cuốn giáo lý ngắn gọn về tư tưởng Jefferson, một “cuốn sách nhỏ màu xanh” để chống lại “cuốn sách nhỏ màu đỏ” của Mao. Cuộc chiến toàn cầu vì những linh hồn con người không bao giờ kết thúc, và Jefferson vẫn là nguồn cảm hứng, là ngọn đèn hiệu được nhân dân lựa chọn, tỏa hào quang từ Monticello, Thành phố trên Đồi⁽²⁾ của riêng ông. Chắc chắn toàn là thứ ngớ ngẩn, nhưng có một ví dụ khác cho thấy mức độ phổ biến về sức ám ảnh mạnh mẽ bền bỉ của di sản Jefferson.

⁽²⁾ Chi tiết trong Kinh Thánh, ngụ ý về một vùng đất hạnh phúc.

Ngay sau khi tôi có bản sao ca tụng của *Bài ca Cách mạng*, tôi nhận được lá thư đến từ một người nào đó cũng đang lần theo dấu Jefferson. Bức thư đến từ Paris và người gửi là Mary Jo Salter, một người bạn vui vẻ, và tình cờ cũng là một trong những nhà thơ được chú ý nhất của Mỹ. Cô và chồng mình, nhà văn Brad Leithauser, đã dành một năm nghỉ ở Paris, tại đây Mary Jo tiếp tục làm người biên tập thơ của tờ *New Republic* và hoàn thành một tập thơ mới. Bài thơ dài nhất trong đó hóa ra sẽ tập trung hoàn toàn vào Jefferson. Dù cô đã giải thích rằng “98% các sự kiện và 92% những lý giải của các sử gia về Jefferson sẽ không xuất hiện trong thơ tôi”, nhưng Mary Jo băn khoăn liệu tôi có thể giúp cô về phần lịch sử với lý do, sẽ là “một tội ác nếu tôi trình bày lịch sử sai sự thật trong khi có thể tránh được nó”.

Đối với một nhà thơ có tầm vóc và nhạy cảm như Mary Jo, Jefferson chắc chắn không phải là một lựa chọn mang tính chính trị, ít nhất là theo nghĩa thông thường của từ này. Cô không có trực tư tưởng để quay, không có bài thánh ca yêu nước để hát. Và chẳng có lý gì khi nghĩ rằng những tuyên truyền viên và các nhà thơ đã hòa chung vào mạng lưới văn hóa bắt nguồn từ những ngọn núi xung quanh Monticello. Vì vậy, tôi hỏi cô: Tại sao lại là Jefferson?

Câu hỏi đó đã kích thích những trao đổi thư từ đầy hăng say trong nhiều tháng liền. Một phần sự hấp dẫn nên thơ của Jefferson hóa ra chính là mối liên hệ suốt đời của ông với ngôn ngữ. Ông cũng đã là chủ đề của nhiều nhà thơ xuất sắc trong quá khứ; Robert Frost, Ezra Pound và Robert Penn Warren đều viết về ông. Nhưng Mary Jo giải thích, phần lớn “các nhà thơ bị thu hút bởi hình ảnh”, và trong trường hợp của Jefferson, có hai sự kiện đặc biệt khơi gợi hồn thơ của cô: Đầu tiên là việc ông qua đời vào ngày 4 tháng 7 năm 1826, 15 năm sau ngày Tuyên ngôn Độc lập được Quốc hội chấp thuận và cũng là ngày John Adams qua đời;

tiếp theo là một sự trùng hợp kỳ lạ khác, ông mua một nhiệt kế vào ngày 4 tháng 7 năm 1776, và ông đã đo được nhiệt độ cao nhất lên tới 76°F⁽³⁾ trong cái ngày đặc biệt đó. Đây là những “sự kiện sâu sắc và rất gợi cảm”, cô giải thích, được trí tưởng tượng của một nhà thơ nắm bắt. Đó là những loại sự kiện lịch sử thường khiến các nhà thơ tìm đến để sáng tác. Cho dù đó là một sở trường nhất định hoặc số phận tuyệt đối, thì cuộc đời của Jefferson vẫn đầy chất thơ.

⁽³⁾ Tức 24,444°C.

Bài thơ 30 trang của Mary Jo cuối cùng cũng ra đời với tựa đề “Bàn tay của Thomas Jefferson” (The Hand of Thomas Jefferson), là một suy ngẫm về bàn tay đã viết nên Tuyên ngôn Độc lập và bị gãy ở Paris trong cuộc vui đùa lãng mạn với Maria Cosway, sau đó khắc họa lại những lời bi thương cuối cùng gửi cho Adams, và cuối cùng qua nhiều năm tháng ông vẫn thu hút được sự chú ý của chúng ta. Khi tôi hỏi điều gì ở Jefferson cuốn hút cô, Mary Jo nói đó chính là “sự huyền bí có thể tiếp cận được” của ông, thực tế là sự quyến rũ của nhân cách hay cá tính bên trong Jefferson, những thứ không thể nói chuyện với nhau nhưng có thể đã từng nói chuyện với chúng ta. Điều này có một chút khác biệt với cách gọi Jefferson “hay thay đổi” của Peterson, gợi ra hình ảnh một Người đàn ông Phục hưng đa chiều. Jefferson của Mary Jo giống như Người đàn ông Hậu hiện đại, với một loạt các sắc thái rời rạc, thu hút sự thiếu mạch lạc tạm thời và hầu như chỉ có thể được kết hợp trong trí tưởng tượng nơi các thi sĩ.

Tôi không rõ các sử gia ở đâu, nhưng chắc chắn những người không buộc phải chối bỏ việc sử dụng trí tưởng tượng thì đều gắn chặt khả năng hư cấu với các bằng chứng sẵn có. Đọc tác phẩm của Mary Jo khiến tôi tự hỏi, liệu tính cách bí ẩn của Jefferson có thể không cần mất nhiều thời gian tưởng tượng như mấy câu chuyện hư cấu hay thơ ca mà vẫn có thể vượt qua những khoảng trống nội tâm im lặng khiến ông khá nổi tiếng. Liệu điều đó có nghĩa rằng bất kỳ sử gia nào nghiên cứu về Jefferson đều cần có chứng chỉ nhà thơ? Tôi hoàn toàn rõ rằng tình yêu vô hạn và vô điều kiện dành cho Jefferson của quần chúng nhân dân gần như không cần tranh luận hay chứng cứ lịch sử. Thậm chí việc truy tìm Jefferson trong lịch sử dường như cũng giống việc tìm kiếm Jesus trong lịch sử vậy, một việc hoàn toàn vô ích. Merrill Peterson, người còn sống viết tiểu sử tốt nhất về Jefferson, dường như đã xác nhận những nghi ngờ này khi

thực hiện những gì ông gọi là “lời thú nhận mất hết thể diện”, rằng sau hơn 30 năm làm việc, “cuối cùng với tôi, Jefferson vẫn là một người đàn ông khó hiểu”.

Bất cứ ai dừng lại quá lâu để suy ngẫm về sự khôn ngoan trong cuộc truy tìm đều có khả năng bị chà đạp bởi những đám đông vốn không hề hồ nghi. Hơn 600.000 người yêu mến Jefferson đã tới một cuộc triển lãm lớn về “Thế giới của Thomas Jefferson ở Monticello”, kéo dài từ tháng 4 đến tháng 12 năm 1993. Susan Stein, người phụ trách nghệ thuật của Monticello, đã thực hiện một nỗ lực dũng cảm khi phục chế hầu hết đồ nội thất bị thất lạc từ năm 1827, khi các khoản nợ của Jefferson để lại buộc con cháu ông phải bán đấu giá tài sản. Kết quả là bản sao chân thực không gian nội thất của Monticello, trông thật sự giống như những ngày Jefferson còn sống. Nếu những căn phòng biệt thự theo một cách đáng tin nào đó phản ánh chính xác những tính cách khác nhau của ông, thì chúng cũng gợi ra sự lộn xộn cực kỳ xa hoa và nguyên tắc lựa chọn theo khí chất sang trọng mang phong cách riêng: tượng Houdon bán thân bên cạnh mấy cái mũ Ấn Độ, bàn gỗ gụ bày đầy những bộ đồ sứ và giá nển bằng bạc, chân dung treo khắp các bức tường, bản in, vải gấm hoa treo và những tấm gương lớn có khung mạ vàng.

Có lẽ tất cả cuộc sống của chúng ta trông sẽ giống như sự ngẫu nhiên và lộn xộn, nếu những tài sản vật chất quý giá nhất mà chúng ta thu thập trong một đời được tập hợp lại một chỗ. Tuy nhiên, Monticello giống như một cái rương chậ ních chiến lợi phẩm của một trong những nhà sưu tập đam mê và chiết trung nhất nước Mỹ. Làm thế nào mà kho báu khổng lồ đầy những đồ đắt tiền này lại gắn với tính giản đơn nông nghiệp và thói khổ hạnh Cicero được? Cuộc triển lãm cho thấy Jefferson sống trong một bảo tàng đầy ắp các loại đồ vật đắt tiền của mấy gã nhà buôn cắt cổ vào cuối thế kỷ 19, những kẻ dám làm tất cả để thỏa mãn bản

tính tham lam. Món đồ gọi nhớ nhất về sở thích của Jefferson đối với những gì ông gọi là “sự giản đơn cộng hòa” cũng là vật có giá trị nhất trong triển lãm: chiếc bàn viết nhỏ ông đã ngồi biên soạn Tuyên ngôn Độc lập. Nó được mượn từ Viện Smithsonian - nơi cất giữ nó từ năm 1880, và chỉ một lần duy nhất được phép mang ra ngoài vào năm 1943 để cùng Franklin Roosevelt tới Đài tưởng niệm Jefferson. Viện Smithsonian công nhận chiếc bàn viết này là một di vật thiêng liêng của lịch sử Mỹ, và nhấn mạnh cần cử người bảo vệ liên tục 24 giờ trong suốt một tháng cho Monticello mượn. Một phần nhờ sự thiêng liêng của chiếc bàn này, vào năm đó, chỉ một tư ấp duy nhất ở Mỹ là Graceland của Elvis Presley thu hút nhiều du khách hơn Monticello.

Hiện tượng đó xứng đáng có một cái tên hoặc tiêu đề, vì vậy tôi bắt đầu gọi nó là Làn sóng Jefferson. Kể cả những dịp kỷ niệm 250 năm ngày sinh của George Washington, Benjamin Franklin hay John Adams cũng không thể sánh kịp. Kể cả lễ kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Lincoln cũng không thể tạo ra làn sóng rộng lớn như thế. Làn sóng Jefferson không phải là một phong trào được các sử gia chuyên nghiệp định hướng hay điều khiển. Jefferson là một phần của công chúng với vị thế độc lập và có sức mạnh trong giới học thuật. Các nhà xuất bản (17 cuốn sách mới có tên Jefferson trong tiêu đề xuất hiện vào năm 1993), các nhà sản xuất và đạo diễn phim (Hãng Florentine Films đang trong quá trình sản xuất, hãng James Ivory và Ismail Merchant đã bắt đầu bấm máy ở Paris), cũng như các nhà quản lý bảo tàng và giám đốc các tổ chức, tất cả đều coi Jefferson như một sự bảo đảm. So với mọi nhân vật lịch sử khác, những gì thuộc Jefferson đều có một thị trường rộng lớn, sâu sắc và đa dạng. Điều này giống như thể ai đó tham gia vào buổi bắn pháo hoa ngày 4 tháng 7, thay vì thấy những quả pháo sáng thông thường thì sẽ chứng kiến vụ nổ của một quả bom hạt nhân cỡ vừa.

Trong giới học thuật, gió lại đổi chiều. Không phải là các học giả đã bỏ qua Jefferson hoặc đặt ông xuống hàng thứ yếu về ý nghĩa lịch sử. Số lượng sách và bài viết nghiên cứu tập trung vào Jefferson hoặc một số khía cạnh trong cuộc sống của ông tiếp tục tăng theo cấp số nhân; phải cần đến hai tập sách dày chỉ để liệt kê tất cả các học giả nghiên cứu về Jefferson, đã số xuất hiện trong một phần tư thế kỷ qua. Dự án nghiên cứu quan trọng, *Các bài viết về Thomas Jefferson* (The Papers of Thomas Jefferson) của Nhà xuất bản Đại học Princeton duy trì nhịp độ đều đặn hai năm một tập (đã xuất bản 25 tập đến năm 1993), mặc dù nếu theo tốc độ hiện tại thì sẽ không có người lớn nào có khả năng còn sống khi các biên tập viên viết hết những điều họ biết về Jefferson từ trước đến nay.

Vấn đề là sự quan tâm lại không nhiều bằng sự tranh cãi về quan điểm và thành tựu của con người này. Tình yêu mà công chúng dành cho ông vẫn tiếp tục nở rộ cho dù vấp phải nhiều sự bất đồng mạnh mẽ từ giới học giả; thậm chí trong một số lĩnh vực còn trở nên khá chua chát. Là biểu tượng cho mọi sự đúng đắn của nước Mỹ, Jefferson cũng trở thành hòn đá thử vàng cho những sai lầm.

Bạn có thể nhìn lại, với lợi thế đã biết trước lịch sử, xác định được thời điểm thủy triều bắt đầu xuất hiện trong những năm 1960. Năm 1963, Leonard Levy xuất bản cuốn *Jefferson và quyền tự do công dân: Mảng tối* (Jefferson and Civil Liberties: The Darker Side), như tiêu đề của sách, phát hiện bản ghi của Jefferson với tư cách là một người bảo vệ tự do cho những quyền của số ít truyền cảm hứng hơn và bài hùng biện của ông về tự do ngôn luận và tự do báo chí thường xuyên mâu thuẫn với hành động của mình. Thậm chí còn có một nhát búa nặng hơn vào năm 1968, với việc xuất bản cuốn *Trắng hơn Đen* (White over Black) của Winthrop Jordan, đánh giá lại các mối quan hệ chủng tộc ở Mỹ giai đoạn đầu với một đoạn dài nói về Jefferson. Tuy đây không phải một bản cáo trạng

nặng nề dành cho Jefferson, nhưng cuốn sách của Jordan cho rằng phân biệt chủng tộc đã mọc rễ trong linh hồn Mỹ từ rất sớm trong lịch sử, và Jefferson là minh họa tiêu biểu nhất cho các giá trị có tính phân biệt chủng tộc ẩn sâu trong những nếp gấp của tính cách người da trắng.

Jordan có một thái độ bất khả tri trước các cáo buộc về mối quan hệ tình ái với Sally Hemings, nhưng cũng không ủng hộ những câu chuyện liên quan đến Sally, mô tả một Jefferson có những cảm xúc sâu sắc nhất đối với người da đen bởi sự thôi thúc nguyên sơ trong tiềm thức giống như thiên hướng tính dục vậy. Nhiều cuốn sách học thuật khác đã sớm nói về các chủ đề liên quan, nhưng *Trắng hơn Đen* đã tạo ra sự tranh luận về vấn đề trung tâm là chủng tộc và chế độ nô lệ trong bất kỳ đánh giá nào về Jefferson. Khi điều này trở thành một thước đo chính cho tính cách của Jefferson, uy tín của ông trong giới học giả hẳn sẽ giảm sút.

Một dấu hiệu của hiện tượng suy giảm sắp xảy ra - một lần nữa lại là sự nhìn lại dĩ vãng - đó là bài luận năm 1970 của Eric McKittrick đánh giá tiểu sử của Jefferson do Dumas Malone và Merrill Peterson viết. McKittrick đã táo bạo đặt ra vấn đề, liệu đây có phải lúc để tuyên bố tạm ngưng lối nghiên cứu nhằm ca ngợi Jefferson. McKittrick đặt câu hỏi: “Có điểm nhân cách nào không mang đậm tính anh hùng từ mọi góc độ?” - đặc điểm đó đã vượt xa sự phức tạp rõ ràng với chế độ nô lệ. Còn sự thể hiện yếu ớt của ông ở cương vị Thống đốc bang Virginia trong Cách mạng Mỹ, khi ông không huy động nổi dân quân và phải phi ngựa về Monticello để trốn đạo quân cướp giết của Anh thì sao? Và chuỗi dài thất bại của ông với lệnh Cấm vận Mỹ năm 1807, nhưng ông vẫn bám vào ảo tưởng rằng biện pháp trừng phạt kinh tế sẽ giữ cho chúng ta ở ngoài cuộc chiến, ngay cả sau khi đã thấy quá rõ ràng rằng chúng chỉ tàn phá nền kinh tế Mỹ?

Từ góc nhìn ở Charlottesville, đây là những câu hỏi xác láo, nếu không muốn nói là mang đầy tính thù địch. Dumas Malone, học giả lớn tuổi hiểu biết về Jefferson, đã làm việc vất vả hầu như cả đời, dành phần lớn thời gian trong khuôn viên trường Đại học Virginia để viết sáu tập tiểu sử về *Jefferson và thời đại của ông* (Jefferson and His Time), một trong những tác phẩm lớn vì tình yêu trong giới học giả Mỹ. Nghiên cứu về Jefferson của Merrill Peterson chỉ ít tính anh hùng hơn một chút. Giờ thì McKittrick đang tuyên bố không thể tiếp tục giải thích theo những hiểu biết có sẵn theo quan điểm Charlottesville, những thứ được ông gọi là “theo cách nhìn của phe Jefferson”, vốn chỉ làm suy yếu sức mạnh lý giải của chúng.

Ngạc nhiên hơn là ở Charlottesville, việc nghiên cứu lại về Jefferson do McKittrick kêu gọi đã đạt tới đỉnh cao. Việc này xảy ra vào tháng 10 năm 1992, khi Quỹ Tưởng niệm Thomas Jefferson triệu tập một hội nghị với cái tên vô cùng tôn kính “Những di sản Jefferson”. Kết quả là một cuộc trao đổi hăng say diễn ra trong sáu ngày, được một phóng viên gọi là “kiến thức miễn phí cho mọi người”. Sau hội nghị, có 15 bài viết được Nhà xuất bản Đại học Virginia công bố trong thời gian kỷ lục, một băng video dài một giờ ghi hình cuộc trao đổi được chiếu trên truyền hình đại chúng, một loạt phóng sự trên các tờ báo ở Richmond và *Washington Post*. Được quảng bá như là phiên bản học thuật của bữa tiệc sinh nhật Jefferson (lần thứ 250 sắp diễn ra trong tháng 4), hội nghị giống như một phiên xử công khai, với Jefferson trong vai trò bị đon.

Nội dung tố tụng chính đến từ Paul Finkelman, một sử gia sau này giảng dạy tại Đại học Virginia Tech, và lời buộc tội chủ yếu là đạo đức giả. “Bởi vì ông là tác giả của Tuyên ngôn Độc lập”, Finkelman nói, “nên việc kiểm tra quan điểm của Jefferson đối với chế độ nô lệ không phải là liệu ông có tốt hơn so với những người tồi nhất của thế hệ mình hay không,

mà phải là ông có tiên phong cho những thứ tốt nhất hay không”. Câu trả lời rõ ràng là một bản cáo trạng: “Jefferson đã trượt bài kiểm tra”. Theo Finkelman, Jefferson là một người phân biệt chủng tộc từ trong ra ngoài, thậm chí đã phủ nhận ngay cả khả năng người da đen và người da trắng có thể sống với nhau trên cơ sở bình đẳng. Hơn nữa, một vài nỗ lực của ông để chấm dứt buôn bán nô lệ hoặc hạn chế việc mở rộng chế độ nô lệ xuống miền Nam cũng như kế hoạch từng bước giải phóng nô lệ của ông chỉ là miễn cưỡng. Monticello thân yêu của ông và sự tiêu xài phung phí cá nhân chỉ có thể có được là nhờ sức lao động của nô lệ. Finkelman cho rằng thật sai lầm, thậm chí là bệnh hoạn, khi tôn thờ Jefferson như là cha đẻ của tự do.

Nếu Finkelman là công tố viên trưởng, thì nhân chứng chính của bên nguyên là Robert Cooley, một người đàn ông da đen trung niên tự xưng là hậu duệ trực tiếp của Jefferson và Sally Hemings. Cooley đứng trước khán giả trong phần hỏi và trả lời, tự cho mình là “bằng chứng sống” cho thấy câu chuyện về sự lầm lạc của Jefferson với Sally Hemings là sự thật. Dù các học giả có kết luận gì đi nữa, thì máy thế hệ người Mỹ gốc Phi sống tại Ohio và Illinois đều *biết* có dòng máu của Jefferson chảy trong huyết quản của mình. Có thể đến ngày tận thế, các học giả vẫn nói rằng không có bằng chứng hoặc tài liệu xác thực điều này. Nhưng bằng chứng không tồn tại vì một lý do chính đáng. “Hồi đó, chúng tôi không thể viết”, Cooley giải thích. “Vì chúng tôi là nô lệ”. Và những đứa con da trắng của Jefferson có thể đã hủy tất cả bằng chứng viết tay về mối quan hệ này ngay sau khi ông chết. Về cơ bản, Cooley đem truyền thống truyền khẩu của cộng đồng da đen đọ với truyền thống văn bản của giới học giả. Phiên bản của ông ta về lịch sử có thể không có những bằng chứng rõ ràng, nhưng nó chắc chắn có ảnh hưởng chính trị. Khi ông ta ngồi xuống, tiếng vỗ tay của khán giả vang lên khắp khán phòng. Phóng viên *Washington*

Post thuật lại tình trạng hội nghị: “Những người bảo vệ Jefferson giữ thế phòng thủ. Thật là một thời điểm khó khăn cho các biểu tượng”.

Trên thực tế, kể cả nhát búa tạ của Finkelman hay chứng minh nhân thân đầy kịch tính của Cooley đều không phản ánh chính xác được toàn bộ hội nghị, mặc dù báo chí có xu hướng tập trung vào các bài trình bày, vì đó là những thứ đầy màu sắc và gây tranh cãi nhất. Một đánh giá cân bằng hơn đối với hiện trạng nghiên cứu về Jefferson là của Peter Onuf, người kế nhiệm Merrill Peterson trong vị trí Giáo sư Quỳ Tưởng niệm Thomas Jefferson tại Đại học Virginia và Trưởng ban tổ chức hội nghị Charlottesville. Trong một bài nghiên cứu có tựa đề “Jefferson của các học giả” (“The Scholars’ Jefferson”) xuất bản trong số tháng 10 năm 1993 của *William and Mary Quarterly*, tạp chí học thuật hàng đầu trong lĩnh vực này, Onuf cho rằng uy tín của Jefferson rõ ràng đang sa sút, nhưng chỉ có vài sử gia sẵn sàng theo bước Finkelman, chuyển cách nhìn Jefferson từ người anh hùng thành tội đồ nước Mỹ. Các học giả không hoàn toàn sẵn sàng san bằng Đài tưởng niệm Jefferson hoặc xóa khuôn mặt của ông khỏi núi Rushmore. Mặt khác, sự sùng bái mù quáng với một Jefferson thần thoại vẫn chiếm ưu thế trong văn hóa đại chúng rõ ràng đã đẩy những sinh viên nghiên cứu nghiêm túc về Jefferson đến chỗ tuyệt vọng. Và truyền thống sùng bái quá mức với hai đại diện là Malone và Peterson chắc chắn đã chết trong giới học giả.

Onuf đề nghị hai cách hợp lý để hiểu được vấn nạn trong tình hình nghiên cứu hiện tại. Cách thứ nhất, cuộc cách mạng dân chủ mà Jefferson góp phần khởi xướng tại Mỹ giờ đây đã mở rộng, bao gồm cả các hình thức bình đẳng nhân quyền - đặc biệt là bình đẳng về chủng tộc và giới - những nội dung mà Jefferson có thể chưa bao giờ ủng hộ hay thậm chí mừng tượng ra. Vì lý do đó, ông là một mục tiêu lớn và hiển nhiên đối với những sử gia đầy cảm hứng tư tưởng và những nhà phê bình

chính trị đang lục lại quá khứ Mỹ hòng tìm kiếm những ví dụ ghê gớm của phân biệt chủng tộc, bất bình đẳng giới và thói gia trưởng để tiêu diệt, lôi chúng tới hiện tại như là những chiến lợi phẩm biểu tượng cho sự tồi tệ của thời đại đó. Và ông là mục tiêu hoàn hảo cho sự tìm kiếm này, chính xác vì rất nhiều người dân thường Mỹ quan tâm đến ông. Ông là một giải thưởng gây tranh cãi trong các cuộc chiến văn hóa đang diễn ra. Nếu lịch sử là kiểu chỉ dẫn đáng tin cậy, thì các nhà phê bình có cái nhìn khác biệt hơn đã không có cơ hội giành phần thắng, nhưng ngày càng nhiều người nhấn mạnh rằng Jefferson là một người da trắng phân biệt chủng tộc, sở hữu nô lệ, có khả năng làm suy giảm tiếng tăm anh hùng của ông, vì ý kiến chỉ trích của các học giả đã thấm dần vào văn hóa đại chúng. Sau này, việc nghiên cứu về Jefferson có lẽ chỉ là một sự bình duyệt những nội dung thu hút sắp tới trong thế giới đại chúng rộng lớn hơn.

Cách thứ hai, Onuf cho rằng niềm đam mê với sự phức tạp trong tâm lý được ca tụng của Jefferson đã dẫn nhường chỗ cho sự thất vọng. Những nghịch lý nổi tiếng hấp dẫn các nhà thơ và tín đồ của “Jefferson hay thay đổi” đã bắt đầu trông giống như những mâu thuẫn tuyệt đối. Onuf mô tả chân dung học thuật mới của Jefferson là “một con quái vật tự lừa dối bản thân”, một người có phong cách vui vẻ quá đà, ngụy trang những lời tẻ nhạt thành sự khôn ngoan chính trị mà Onuf coi là “lá mặt lá trái của văn hóa dân chủ hiện nay”. Sự đa nhân cách của Jefferson không còn được coi là các khía cạnh khác nhau trong một con người thời Phục hưng, mà giống như những lớp cái trang khéo léo của một kẻ liêu lĩnh.

Từ cuối cùng là của Gordon Wood, thường được coi là sử gia hàng đầu về thời đại cách mạng, ông được đề nghị đánh giá những bài xuất bản sau hội nghị Charlottesville. Wood cho rằng cốt lõi của vấn đề Jefferson

không phải là những khiếm khuyết khó tránh khỏi ấy, mà là những kỳ vọng phi thực tế của chúng ta. “Người Mỹ chúng ta phạm lỗi lớn trong việc thần tượng hóa... và biểu tượng hóa những nhân vật có thật”, Wood cảnh báo, “không thể và không nên tách họ ra khỏi thời gian và không gian của họ”. Không nhân vật lịch sử nào mà trong đời thực lại có thể là một anh hùng toàn vẹn, vì những điểm yếu của con người sẽ làm hỏng vị thế thánh thần của người đó. Wood đã viết: “Bằng cách biến Jefferson thành một kiểu anh hùng đạo đức tối cao mà không một ai trong lịch sử từng có thể sánh bằng, chúng ta đã để bản thân mình sa ngã theo những khiếm khuyết thời đại của một chủ nô thế kỷ 18”.

Dường như với tôi, quan điểm của Wood khá chuẩn; thực tế, đây là đánh giá đúng mực về vấn đề Jefferson mà người ta muốn nghe giữa tất cả những tuyên bố đánh thép khác. Nhưng cũng có vẻ rất rõ rằng nó hoàn toàn không tạo ra sự khác biệt thực tế. Vâng, có lẽ tất cả chúng ta sẽ cảm thấy ổn hơn nếu người Mỹ chỉ được phép lựa chọn anh hùng (và cả tội đồ) cho mình từ các nhân vật giả tưởng, vì họ sẽ không bao giờ khiến chúng ta thất vọng. Nhưng chúng ta sẽ không và không thể làm thế. Thậm chí chúng ta sẽ cảm thấy ổn hơn nếu loại bỏ hẳn nhu cầu về các anh hùng. Nhưng không có ai trong lịch sử thành văn có thể làm được điều đó, và không có lý do để tin rằng người Mỹ hiện đại sẽ chứng tỏ một ngoại lệ. Hơn nữa, bản năng nghiên cứu để lập ra một trạm kiểm soát an ninh giữa quá khứ và hiện tại nhằm ngăn chặn việc quay về phía sau và tiến lên phía trước, trong khi nó có lợi thế là ngăn chặn được các phe phái có động cơ phá hủy ý thức hệ muốn quay ngược thời gian để nắm bắt những anh hùng và tội đồ phù hợp với mưu đồ chính trị của họ, nhưng cũng có những bất lợi khi biến lịch sử thành một không gian xa cách, không phù hợp, đã qua từ lâu và chỉ có các sử gia ở đó.

Thần đèn Jefferson từ lâu đã thoát khỏi cái đèn lịch sử. Không nên đưa ông trở lại. Bằng chứng về xu hướng tự nhiên của Jefferson thoát khỏi quá khứ và bước vào hiện tại liên tục xuất hiện trên báo chí, kể cả vào lễ kỷ niệm 250 năm ngày mất của ông. Từ *New York Times* đưa tin về một phiên tòa giả tưởng đặc biệt do Hội Luật sư Thành phố New York tổ chức, Chánh án William Rehnquist chủ trì, cố gắng buộc Jefferson ba tội: phá vỡ sự độc lập của tư pháp liên bang, sống xa hoa theo phong cách của vua Louis XIV (triển lãm Monticello), và thường xuyên vi phạm Tuyên ngôn Nhân quyền. Mặc dù các công tố viên sở hữu hàng loạt bằng chứng kết tội, nhưng Jefferson vẫn được chứng minh vô tội; luật sư cả hai bên đều xưng tên ông.

Trong khi đó, ở Bắc Virginia, từ *Washington Post* đưa tin về một cuộc biểu tình ngày càng căng thẳng, chống lại kế hoạch đặt một công viên giải trí Walt Disney mới tại khu vực lịch sử xung quanh các chiến trường của cuộc Nội chiến. Một chủ sở hữu bất động sản giàu có người Iran tên là Bahman Batmaughelidj cũng phản đối. Ông được báo chí gọi là Batman, hóa ra ông là người Iran nhân đức tôi đã gặp tối đó ở Worcester. Ông biết rằng Tập đoàn Walt Disney là nhà sản xuất và phát hành chính bộ phim *Jefferson ở Paris* (Jefferson in Paris) của hãng Merchant and Ivory, tán thành câu chuyện về mối quan hệ tình ái giữa Jefferson với Sally Hemings. Ông hiện đã quyết định cực lực phản đối công viên giải trí Disney vì Disney đã đồng lõa đổ thêm dầu vào lửa trong vụ bê bối Sally. Batmaughelidj cảnh tỉnh: “Người Mỹ không nhận ra Jefferson và ý tưởng của ông sống mãi trong những niềm hy vọng và ước mơ của người dân ở các nước khác như thế nào. Bộ phim này sẽ phá hủy tất cả. Mọi người trên thế giới sẽ xem nó như là sự thật chưa biết về Jefferson. Và tất nhiên đó là một lời nói dối”.

SỰ HỒI SINH, NĂM 1998

Vâng, sự thật chưa biết về câu chuyện Sally Hemings là bằng chứng sẵn có của mỗi bên trong cuộc tranh cãi, đủ để duy trì tranh luận nhưng không đủ để kết thúc cuộc tranh luận đó bằng cách này hay khác. Bất cứ ai tuyên bố có câu trả lời rõ ràng cho câu hỏi kích động nhất về Jefferson trong lịch sử đều tự dối mình hoặc nói dối trắng trợn. Trong hai lần thuyết trình trước các nhân viên và hướng dẫn viên tại Monticello, tôi đều đề nghị rằng chúng ta nên khai quật hài cốt của Jefferson để có được mẫu gen cho phép so sánh DNA với hậu duệ Hemings. Dường như với tôi, đó là cách duy nhất để giải đáp điều bí ẩn này. Mọi người tại Monticello chăm chú lắng nghe, đồng tình với đánh giá của tôi về tình hình, nhưng lắc đầu kinh hãi với ý nghĩ mạo phạm tới ngôi mộ của Jefferson là một việc nghiêm trọng. Bên cạnh đó, một số còn cho rằng có lẽ là không đủ bằng chứng vật chất còn lại để xét nghiệm DNA cho các nghiên cứu khoa học đáng tin cậy.

Tôi không biết rằng khoa học hiện đại đang chạy đua để tìm ra một kỹ thuật mới cho phép so sánh DNA mà không cần mẫu gen từ chính Jefferson. Bởi nhiễm sắc thể Y được di truyền nguyên vẹn cho nam giới qua các thế hệ, và hiện nay về mặt khoa học đã có thể thực hiện các phương pháp thí nghiệm tinh vi hơn để xác định những chỉ dấu di truyền trên các nhiễm sắc thể Y mà không cần phải đào Jefferson lên. Một nhóm nghiên cứu do Tiến sĩ Eugene Foster phụ trách, là nhà nghiên cứu bệnh học đã nghỉ hưu tại Đại học Virginia, thu được mẫu máu có chứa nhiễm sắc thể Y của Jefferson từ một hậu duệ còn sống của ông và từ một số con cháu trong dòng họ Hemings. Các kết quả được xuất bản trên tạp chí khoa học *Nature* và công bố cho báo chí vào ngày Halloween năm 1998, cho thấy sự trùng khớp giữa Jefferson và Eston Hemings, con út của Sally. Khả năng ngẫu nhiên xảy ra sự trùng khớp này thấp hơn một phần nghìn. Điều này là bằng chứng thuyết phục cho thấy Jefferson

là cha của ít nhất một trong những người con của Sally, kết hợp với các bằng chứng trước đây cho thấy nhiều khả năng giữa họ đã tồn tại một mối quan hệ tính dục lâu dài. Nếu câu chuyện Tom và Sally là chương trình truyền hình thực tế dài kỳ nhất trong lịch sử Mỹ, thì rốt cuộc nó cũng đã đến tập cuối.

Phản ứng của giới học giả đối với công bố này gần như chắc chắn làm tăng thêm và sâu sắc thêm sự đồng thuận quan trọng mà Peter Onuf đã tổng hợp từ năm năm trước đó. Chúng ta biết rằng Jefferson là một nhân vật vốn khó nắm bắt, làm sống lại mâu thuẫn trung tâm trong lịch sử Mỹ: ông đã đưa ra sự hứa hẹn về bình đẳng truyền cảm hứng nhất trong lịch sử hiện đại, trong khi cả cuộc đời ông sống giữa 200 nô lệ. Giờ đây chúng ta cũng biết rằng ông là cha của vài đứa trẻ với một trong những người nô lệ đó, trong khi ông tuyên bố rằng sự pha trộn chủng tộc là một viễn cảnh khủng khiếp và là một lý do chính đáng để không thể kết thúc dễ dàng chế độ nô lệ. Trước bằng chứng DNA này, người ta có cơ sở để kết luận rằng Jefferson đã sống đầy mâu thuẫn. Bây giờ không thể không kết luận rằng ông đã sống đầy dối trá.

Câu chuyện xuất hiện tràn ngập trên trang nhất tất cả các tờ báo, tạp chí và kênh truyền hình lớn; một phiên bản tái hiện những cuộc chiến văn hóa nổ ra trong chuyên mục nhân vật sự kiện. Vì tôi là đồng tác giả của bài luận đi kèm với nghiên cứu DNA trên tờ *Nature*, và cũng được ghi nhận là thuộc phe phản đối các phiên điều trần luận tội bê bối tình dục của Tổng thống Clinton, nên William Safire của tờ *The New York Times* đã cáo buộc tôi chọn thời điểm công bố nghiên cứu này nhằm cản trở vụ kiện chống lại Clinton, có lẽ bằng cách chứng minh rằng việc quan hệ bất chính với phụ nữ trẻ đã từng có tiền lệ. Một số học giả và nhà báo da đen nhân dịp này đã thắc mắc tại sao rất nhiều sử gia da trắng, bao gồm cả tôi, không thể nhận thức đúng chuyện này và không hề chú ý đến những

câu chuyện truyền khẩu trong gia đình Hemings, vốn coi mối quan hệ tình dục giữa Tom và Sally là một sự thật hiển nhiên. Nó rõ ràng hàm ý về sự phân biệt chủng tộc tại nơi làm việc, cùng với làn sóng bảo vệ Jefferson khỏi sự phức tạp trong lịch sử các mối quan hệ tình ái bí ẩn giữa người da đen và người da trắng ở miền Nam nước Mỹ.

Tuy nhiên, dư luận cho rằng cả bài phê bình hàn lâm về địa vị cao quý của Jefferson lẫn sự thái quá của báo chí, hòng biến ông thành một con dao hai lưỡi trong những cuộc chiến văn hóa, dường như cũng chẳng tạo nên khác biệt gì nhiều. Giống như thị trường chứng khoán đã dự đoán được một chút khuấy động trước những thông tin tài chính mới, người Mỹ chính thống tiếp nhận tin tức này một cách dễ dàng, điều này chỉ xác nhận ấn tượng của tôi rằng phiên bản Fawn Brodie của câu chuyện Sally và Tom từ lâu đã giành chiến thắng trong cái chợ dư luận. Du khách tại Đài tưởng niệm Jefferson và tại Monticello, khi được hỏi về phản ứng của họ trước những tiết lộ gần đây, đã thể hiện sự lãnh đạm thường thấy, khẳng định đã biết việc này lâu rồi. (Khi nhìn lại, có vẻ rằng những người cố chống lại sự thật chính là con cháu da trắng trong gia đình Jefferson và đa số những sử gia chuyên nghiệp). Một chi tiết tích cực lật ngược tình thế cho câu chuyện cũng có thể xuất hiện trong những cuộc gọi đến các chương trình phỏng vấn. Jefferson bây giờ đúng là con người hơn bao giờ hết, là Thường dân Mỹ trong thời kỳ dễ dãi hơn, Ngôi Lời đã hóa thành nhục thể và người đã tồn tại giữa chúng ta. Một sự thay đổi tuyệt vời khác, một nét đặc trưng ít hấp dẫn nhất của ông - niềm tin sâu thẳm ở ông về việc người da đen vốn ở tầng lớp thấp kém và không bao giờ có thể hòa nhập với cộng đồng da trắng giờ đây cần xem xét lại. Mặc dù Jefferson có công khai nói hoặc viết điều gì, ông đã có một đời sống riêng giữa hai chủng tộc da trắng và da đen. Trong ý nghĩa này, bấy lâu nay ông đã là người anh hùng đa văn hóa của chúng ta.

Lời giải thích cường điệu đó đã củng cố thêm nhận thức của tôi về việc Jefferson là một biểu tượng nam tính và lãng nhãng nhất trong lịch sử Mỹ. Hơn bất kỳ nhân vật nào trong đền thờ nước Mỹ, ông là hiện thân của ý chí niềm tin nơi chúng ta. Dù chúng ta có tìm hiểu gì về Jefferson trong lịch sử, một người thật sự đã bước qua thăng trầm trong giai đoạn 1743-1826, thì Jefferson huyền thoại vẫn tiếp tục tồn tại và được lan truyền. Đài tưởng niệm Jefferson nhả nại tọa lạc ở Tidal Basin, tòa biệt thự tại Monticello đã được phục dựng hoàn hảo, và khuôn mặt trên núi Rushmore thì trường tồn. Thật dễ chịu khi hiểu được con người thực của ông.

Jefferson xuất hiện trong các trang tiếp theo là một con người không hoàn mỹ, một người có kiến thức đồ sộ nhưng ngây thơ kỳ lạ, có thể nhìn sâu vào tâm trí người khác bằng khả năng tự lừa dối bản thân, hết lòng tận tụy vì những nguyên tắc lớn với giả thuyết vô cùng dễ chịu rằng tư cách đạo đức của ông là điều không thể trả lời. Khi tôi công bố một phiên bản chân dung mộc như vậy trước một khán giả tại Richmond là một phụ nữ lớn tuổi, bà ta đã mắng tôi vì tội bất kính. Bà ta phàn nàn: “Quý ngài đạo đức của tôi, ngài chỉ là con bồ câu bay ngang qua bức tượng của Thomas Jefferson mà thôi”. Tất cả những gì tôi có thể phản biện là nhân vật trong các chương tiếp theo, dù vĩ đại, nhưng không phải là một bức tượng.

CHƯƠNG 1:

PHILADELPHIA: 1775-1776

Là dễ dàng để đưa ra những nhận định chắc chắn về con người Jefferson vào năm 1776 hơn là vào năm 1793 hoặc năm 1800.

DUMAS MALONE (1948)

Đó là một nhận định đã lỗi thời về bước khởi đầu lớn [của Thomas Jefferson]⁽⁴⁾. Ngày 20 tháng 6 năm 1775, Thomas Jefferson đến Philadelphia trong một cỗ xe lộng lẫy, được gọi là phaeton, cùng với bốn con ngựa và ba nô lệ. Quãng đường khoảng 300 dặm từ Williamsburg tới đây phải đi mất 10 ngày, phần vì đường sá còn kém và hệ thống biển chỉ dẫn sơ sài - ông đã hai lần buộc phải thuê người hướng dẫn chỉ lại đường - phần vì ông đã nán lại ở Fredricksburg và Annapolis để mua thêm đồ đạc cho đoàn tùy tùng. Là đại biểu bang Virginia trẻ nhất và mới được bầu của Quốc hội Lục địa, rõ ràng ông định phát huy chuẩn mực sành điệu của giới quý tộc Virginia, thứ mà báo chí Philadelphia gần đây đã mô tả với sự ngưỡng mộ và vị nể xen lẫn như những “đấng quân vương kiêu hãnh của phương Nam”...

⁽⁴⁾ “Đó” ở đây nhằm chỉ nhận định của Dumas Malone ở trên, về việc có thể dễ đưa ra nhận định “chắc chắn” về Jefferson hồi năm 1776 hơn là so với thời kỳ sau. Ngược với quan điểm này, ở đoạn dưới, tác giả nhấn mạnh sự “mơ hồ” của chân dung Thomas Jefferson qua các lời kể về ông thời kỳ này.

Vì vậy, ông đã sắm cho mấy người hầu da đen của mình là Jesse, Jupiter và Richard những bộ cánh sang trọng để tương xứng với một quý ông Virginia chuẩn mực, bao gồm cả roi xà ích cho Jesse, cưỡi ngựa dẫn đầu đoàn. Richard ngồi trong xe với ông chủ của mình; Jupiter, người hầu riêng của Jefferson và đồng hành cùng ông từ thời sinh viên tại Đại học William & Mary, đi sau với hai con ngựa nữa. (Sau này, chính Jupiter là người đi cùng với Jefferson trong hầu hết thời gian đầu và đi vào lịch sử, rồi qua đời vào năm 1800 ngay trước khi Jefferson nhậm chức tổng thống, sau khi uống thuốc do “thầy lang” ở khu nô lệ Monticello pha chế). Hiện không có ghi chép gì về ấn tượng mà đoàn tùy tùng lịch thiệp này đã để lại trong đầu những cư dân Quaker quen sống tằn tiện của Philadelphia, nhưng sự đối lập gay gắt trong tính cách và sự nghiệp của Jefferson đã bắt đầu bộc lộ. Người mà đúng một năm sau đó, đã dự thảo một tuyên ngôn về nhân quyền nổi tiếng và hùng hồn nhất ở nước Mỹ - và có lẽ của cả thế giới - đã bước chân vào chính trường với tư cách một nhà quý tộc đường đường sở hữu nô lệ.

Vì vậy, đa phần những gì chúng ta biết về Jefferson thời trẻ là từ những hồi tưởng sau này, khi mà ký ức đã bị bao phủ bởi ánh hào quang xung quanh huyền thoại Tuyên ngôn Độc lập và các giai thoại đã được sắp xếp lại cho phù hợp với những mục đích cá nhân và chính trị khác nhau. Hơn nữa, có một khó khăn mà các chuyên gia về Jefferson gần như không thể vượt qua, đó là trận hỏa hoạn Shadwell, đã phá hủy hầu hết giấy tờ cá nhân của Jefferson vào năm 1770, khiến việc phục hồi thông tin về những năm đầu sự nghiệp của ông chủ yếu dựa trên các phán đoán cảm hứng. Với sự thiếu thốn tư liệu thời gian đầu và thừa mứa từ sau năm 1776, người ta rất dễ, và nhiều khi là không thể tránh khỏi theo một cách nào đó, hiểu về nhà cách mạng non trẻ thông qua vị chính khách già dặn.

Ví dụ, vấn đề về ngoại hình của Jefferson hồi trẻ. Vị đại biểu 32 tuổi của bang Virginia trông thế nào? Tất cả đều nhất trí rằng anh ta cao khoảng 1m87, có lẽ hơn thế vài phân. Tuy nhiên, sau đó bức hình bắt đầu mờ đi. Edmund Bacon, đốc công tại Monticello của Jefferson dưới thời ông làm tổng thống và sau đó nghỉ hưu, nhớ lại rằng “làn da của ông ấy rất sáng và thuần khiết, giống như con người ông ấy nói chung”. Nhưng hầu hết các báo cáo khác, và hầu hết các bức chân dung gần đây nhất, mô tả ông là người có gương mặt đỏ gay và nhiều tàn nhang, với nước da hoặc bị cháy hoặc rạn rỗ, tùy theo cảm giác từng người nhìn. Hình ảnh đương thời duy nhất của Jefferson hồi trẻ, được họa sĩ Pierre du Simitière vẽ bằng bút mực vào năm 1776, cho thấy một khuôn mặt như bị độn cái gì đó với ánh nhìn trống rỗng. Và có lý do để nghi ngờ rằng bức vẽ chưa chắc đã là Jefferson. Nhưng hầu hết những mô tả về Jefferson khi về già đều nhấn mạnh rằng ông có một khuôn mặt “gầy gò” hoặc mỏng tang. Bacon nói rằng ông “không có thịt thừa” - và đôi mắt rất sáng. Màu mắt của ông cũng gây nhiều tranh cãi. Hầu như tất cả các báo cáo sau này đều nói mắt ông màu xanh trong; nhưng những mô tả trước đó, cũng như hầu hết các bức chân dung, lại cho thấy mắt ông có màu hạt dẻ hoặc xanh lá cây. Có lẽ ánh sáng đã khiến màu mắt ông thay đổi.

Một trong những người từng là nô lệ của ông, Isaac, nhấn mạnh rằng ông chủ mình có dáng đứng thẳng. “Ông Jefferson có dáng người cao và thẳng nhất mà bạn từng gặp”, ông nhớ lại. “Hiếm có người nào trong thị trấn này có dáng đi thẳng như thế”. Bacon cũng nhất trí rằng Jefferson “thẳng như nòng súng”. Nhưng những người khác, chủ yếu là kẻ thù, mô tả ông là người oặt oẹo và lúc nào cũng chực sụp xuống, toàn bộ cổ tay, khuỷu tay và mắt cá chân. Sự khác biệt trong cách mô tả có thể là do các tư thế khác nhau. Khi đứng thẳng, ông có đôi vai vuông vức và dáng điệu trịnh trọng. Ông cúi chào mọi người mình gặp và hay đứng khoanh tay

trước ngực, xác lập không gian riêng của mình và để phòng những người có ý xâm phạm. Tuy nhiên, khi ngồi, ông dường như hòa vào nệm ghế, dáng vắn vẹo, bên hông này lệch lên, bên hông kia lệch xuống, vai thông xuống và vẹo sang bên, phần thân gập lại ở vài chỗ, chỗ như dao xếp, chỗ như đàn accordion.

Hai đặc điểm nổi bật nhất của ông là mái tóc và thường hát suốt ngày. Không như những bất đồng về màu mắt, những bất đồng về màu tóc của ông dường như dễ hòa giải hơn. Tóc ông màu vàng đỏ hoặc đỏ cát. Số ít người khi kể lại đã mô tả tóc ông màu xám là về sau này, khi tuổi tác làm sắc đỏ nhạt đi nhưng không làm thay đổi chi tiết phụ làm nên sự hoàn hảo tự nhiên nơi ông, đó là ít khi ăn diện và thậm chí không thường xuyên rắc bột⁽⁵⁾ hay đội tóc giả. Ông hay buộc tóc ra sau khi ngồi, lỏng lẻo và để rối tự nhiên.

⁽⁵⁾ Rắc bột lên tóc, một cách phục sức trước đây của đàn ông phương Tây.

Ông hát mỗi khi đi bộ hoặc cưỡi ngựa, đôi khi trong lúc đọc sách. Isaac kể lại rằng “hiếm khi người ta nhìn thấy ông ấy ở bên ngoài, nhưng lại thường nghe thấy ông ấy hát”. Bacon cũng xác nhận rằng “khi ông ấy không nói chuyện thì ông ấy gần như luôn ngân nga một giai điệu nào đó, hoặc khẽ hát cho mình nghe”. Rõ ràng việc hay hát này là một thói quen đã có từ lâu. Vì vậy, nếu tin vào những điều trên, ta có thể hình dung Jefferson tới Philadelphia vào năm 1775 trong cỗ xe phaeton cùng với ngựa và nô lệ của mình, hình ảnh một thanh niên cao ráo mảnh khảnh tới từ Virginia có mái tóc vàng đỏ, ngồi rụt rè, thờ ơ, và khe khẽ hát.

JEFFERSON THỜI TRẺ

Những chi tiết quan trọng về thời thanh niên của ông, chí ít là các mảnh thông tin căn bản về tiểu sử, không mù mờ bằng hình ảnh bề ngoài của ông. Jefferson sinh ra tại Shadwell, hạt Albemarle, Virginia, ở chân núi Blue Ridge vào năm 1743. Chuyện kể rằng ký ức đầu đời của ông, khi ông chỉ khoảng 3 tuổi, “được đặt vào một cái gói và được một nô lệ cưỡi ngựa mang đi từ Shadwell đến Tuckahoe”, có lẽ đây là một kiểu dự cảm cho chuyến đi tới Philadelphia của ông. Cha của ông, Peter Jefferson, là một chủ đồn điền khá giả, nổi tiếng trong vùng là người khỏe mạnh, thích phiêu lưu như một nhà thám hiểm và khám phá vùng đất phía Tây. Khi qua đời năm 1757, Peter đã để lại 200 con lợn, 70 đầu gia súc, 25 con ngựa, 60 nô lệ, sáu con gái, hai con trai và bà vợ góa Jane Randolph Jefferson.

Người ta biết rất ít về bà (lại là do trận hỏa hoạn Shadwell), trừ việc là một người mang họ Randolph và xuất thân từ một trong những gia đình danh giá nhất Virginia. Có lý do để tin rằng mối quan hệ của Jefferson với mẹ khá căng thẳng, đặc biệt sau cái chết của cha, là con trai cả, ông đã làm mọi cách có thể để loại bỏ sự giám sát của mẹ. Nhưng tất cả

những suy đoán về điều này thực ra chỉ đơn thuần là suy đoán mà không có bằng chứng rõ ràng. Sau khi học xong tiếng Latin và Hy Lạp ở trường tư trong vùng, ông học tiếp lên Đại học William & Mary vào năm 1760. Ở đây, ông nổi tiếng trong đám bạn cùng học như là một sinh viên chăm chỉ, đôi khi dành hẳn 15 tiếng để đọc sách, ba tiếng tập violon và sáu tiếng còn lại ăn và ngủ. Ông là một thanh niên cực kỳ nghiêm túc.

Sau khi tốt nghiệp năm 1762, ông tiếp tục lối sống kỷ luật cao độ của mình khi học tiếp về luật tại Williamsburg dưới sự hướng dẫn của George Wythe (phát âm là *with*). Sau năm năm đăng đặng tập sự, ông bắt đầu ra làm riêng, chủ yếu đại diện cho các chủ đồn điền quy mô nhỏ ở các hạt miền Tây trong các vụ liên quan đến đòi quyền đất đai và tước hiệu. Mặc dù ông không có đột phá gì về mặt luật pháp và cũng chẳng xử lý vụ nào đáng chú ý, nhưng ông nổi lên ở Tòa án Williamsburg như một luật sư có sự chuẩn bị cực kỳ tốt, một người phát ngôn trung lập trước tòa và một học giả về luật pháp đáng nể.

Năm 1768, ông đã có hai quyết định quan trọng: thứ nhất, xây dựng nhà riêng của mình trên đỉnh một ngọn núi cao khoảng 264 mét thuộc đồn điền sản ông được thừa kế từ cha mình; thứ hai, tự ứng cử vào Hạ viện vùng. Quyết định đầu tiên phản ánh điều mà sau này trở thành sự thôi thúc suốt đời ông, đó là được rút vào thế giới riêng của mình. Lúc đầu ông đặt tên cho ngôi nhà tương lai của mình là The Hermitage,⁽⁶⁾ một nơi khép kín và chẳng mấy chốc đã trở thành Monticello, ngôi biệt thự trên núi và là dự án kiến trúc cả đời của ông. Quyết định thứ hai phản ánh tham vọng chính trị của ông và tiếng tăm ngày càng tăng ở vùng đất xa xôi Old Dominion, cũng như vị trí mới nổi của ông trong giới thượng lưu chủ đồn điền vùng Tidewater. Ông có một ghế ở Hạ viện vùng vào tháng 5 năm 1769, rồi nhanh chóng nằm dưới sự bảo trợ của hai nhân vật quan trọng vùng Tidewater: Peyton Randolph, ông cậu đằng mẹ của Jefferson,

một nhân vật quyền lực nhất trong cơ quan lập pháp; và Edmund Pendleton, một nhà biện giải sắc sảo và nổi tiếng nhanh nhẹn của giới quý tộc chủ đồn điền.

⁽⁶⁾ Tức nơi ẩn dật.

Vào ngày đầu năm mới năm 1772, ông hoàn thiện hình ảnh “gia trưởng” đầy cảm hứng của mình bằng việc kết hôn với Martha Wales Skelton, một góa phụ trẻ hấp dẫn và tinh tế, có của hồi môn nhiều gấp đôi số đất đai và nô lệ của Jefferson. Hôn nhân dường như đã giúp cho ông trở nên vững vàng. Cho đến đầu thập niên 1770, những sổ sách thường nhật và kế toán khác nhau mà ông dùng để ghi chép các giao dịch và bài viết cứ như do những người khác nhau viết nên. Chữ viết tay trong những sổ sách này khác nhau một trời một vực về độ nghiêng, lối viết và khoảng cách giữa các từ. Khi ông lấy vợ, việc thử nghiệm vô thức này đã dừng lại; văn phong của ông đi vào quy củ với hình thức rõ ràng, khiêm tốn và cứ vậy cho tới lúc ông về già, và giờ đây được lưu giữ trong dự thảo ban đầu của Tuyên ngôn Độc lập.

Mặt khác, bản sắc chính trị của ông vẫn không rõ nét và nằm bên lề. Hình ảnh sống động đầu tiên của Jefferson ở Hạ viện vùng có tính tượng trưng. Như một sinh viên luật trẻ ở Williamsburg, ông đứng trong sảnh Hạ viện, nghe Patrick Henry hùng hồn tranh biện để phản đối Đạo luật Tem năm 1765. Jefferson là một người thích lắng nghe và quan sát, đặc biệt không thoải mái khi phải đứng dưới ánh đèn sân khấu, sự nhút nhát và lo lắng thể hiện trong tính cách mất tập trung của ông đôi khi khiến người ta nhầm lẫn với sự kiêu ngạo.

Từ những ngày đầu ở Hạ viện, ông đã phản đối mọi hình thức đánh thuế của Quốc hội và ủng hộ các nghị quyết về không nhập khẩu để chống lại các quy định thương mại của Anh. Nhưng những thành viên khác của Hạ viện cũng làm vậy, cùng với toàn bộ giới lãnh đạo Tidewater. (Năm 1771, quan điểm chính trị cấp tiến của ông lại va phải kế hoạch cá nhân khi ông đặt hàng một cây đàn piano đắt tiền từ London, “cây đàn bằng gỗ gụ đẹp, chắc chắn, không phải gỗ dán”, nằm trong kế hoạch đám cưới của ông với Martha. Mặc dù vi phạm nghị quyết không nhập khẩu,

nhưng ông vẫn yêu cầu gửi cây đàn và nói rằng ông sẽ để nó trong kho cho đến khi lệnh cấm vận được dỡ bỏ. Điều tương tự cũng xảy ra ba năm sau đó khi ông đặt “cửa sổ trượt” cho biệt thự Monticello). Giống với hầu hết những chính khách đương thời, ông hiện diện một cách phảng phất và lặng lẽ, như một trong những người ngoại quốc tại bữa tiệc tối, họ sẽ gật đầu một cách lịch sự khi di chuyển từ nhóm này sang nhóm khác nhưng không bao giờ để lộ việc họ nói hay không nói được tiếng bản địa. Ông có một ác cảm sâu xa với sự ganh đua và hỗn độn vốn có trên chính trường. Ông luôn nói với bạn bè rằng cuộc sống trên sân khấu trước công chúng không dành cho mình. Ngay từ lúc bắt đầu sự nghiệp chính trị, ông dường như đã sẵn sàng muốn nghỉ hưu.

Nếu xét đến vai trò sau này của ông trong Quốc hội Lục địa và sau đó là trong công cuộc định hình Cách mạng Mỹ, thì việc ông chọn tham gia vào đoàn đại biểu Virginia ở Philadelphia là một tai nạn may mắn. Jefferson đã không được bầu vào đoàn đại biểu ban đầu năm 1774; ông không được coi là một nhân vật đủ nổi bật để tham gia đoàn cùng những cái tên như George Washington, Patrick Henry, Edmund Pendleton và Peyton Randolph. Tuy nhiên, năm 1775, ông đã được chọn làm người thay thế dự bị cho Randolph - Jefferson được coi như con đỡ đầu trong chính giới của Randolph - dự kiến là Randolph sẽ từ bỏ vị trí của mình tại Philadelphia để quay về phụ trách một việc được coi là quan trọng hơn ở Virginia. Công bằng mà nói thì Jefferson đã được xếp vào danh sách những nhân vật có tiếng trong chính giới ở Old Dominion, nhưng chỉ ở mức vừa phải, chủ yếu là nhờ ông có quan hệ họ hàng và nhận được sự bảo trợ từ những người trong nhóm Randolph. Nếu việc ông đến Philadelphia vào tháng 6 năm 1775 được coi là đã đánh dấu sự tham gia của ông vào chính trường, thì ông đã bước vào bằng cửa phụ.

NHỮNG NGUYÊN TẮC WHIG

Sự dè dặt và mờ nhạt của Jefferson lại có một ngoại lệ quan trọng. Chính điểm này ở ông đã khiến những đại biểu đến từ các thuộc địa khác biết đến chàng thanh niên Jefferson. “Tôi chưa bao giờ đồng hành với ông ấy”, Samuel Ward kể lại thời điểm sau khi Jefferson đến, nhưng “ông ấy có vẻ là một người tốt, mạnh mẽ, hiểu chuyện, và theo như cuốn sách ông ấy đã viết mùa hè trước thì hẳn ông ấy đúng là người như thế”. Tương tự như vậy, John Adams kể lại rằng Jefferson bước chân vào Quốc hội Lục địa, mang theo “danh tiếng của một cây bút bậc thầy... hệ quả từ một tài liệu hay ho ông đã viết cho Hạ viện vùng, đem lại cho ông đặc điểm của một tay viết cừ”.

Tài liệu ấy chính là cuốn sách nhỏ mà Jefferson đã phân nào tình cờ công bố năm trước. Tháng 7 năm 1774, ông đã tự soạn thảo một tập hợp các hướng dẫn cho đoàn đại biểu đầu tiên của Virginia tại Quốc hội Lục địa. Ông đã chọn cách tránh né điển hình là cáo bệnh để không phải tham gia tranh luận trong Hội nghị Virginia, nhưng bạn bè lại thu xếp để một tờ báo ở Williamsburg đăng tải dự thảo của ông. Từ đó, các nhà in và các biên tập viên báo chí trên khắp các thuộc địa đã gọi cuốn sách nhỏ của ông với tiêu đề *Quan điểm tóm tắt về quyền của Mỹ dưới sự cai trị của Anh* (A Summary View of the Rights of British America).

Các nhà lập pháp Virginia là độc giả mà những chỉ dẫn của Jefferson thật sự định nhắm đến, nhưng họ đã không đi theo các chỉ dẫn ấy, mà chủ trương áp dụng một thái độ ôn hòa hơn với Anh. Những kiến nghị của Jefferson, và những gì đã đặt cơ sở cho uy tín chính trị của ông bên ngoài Virginia, rõ ràng là cực đoan hơn. Thật vậy, nếu tin vào những luận điểm trong *Quan điểm tóm tắt*, ta sẽ thấy Jefferson chính là người đi tiên phong trong phong trào cách mạng ở Mỹ.

Lỗi viết của *Quan điểm tóm tắt* giản dị và dứt khoát, báo hiệu trước khi chất rồi sẽ xuất hiện sau này trong một số đoạn của Tuyên ngôn Độc lập

(ví dụ, “Những hành vi độc tài đơn độc có thể được coi như ý kiến ngẫu nhiên hiện thời, nhưng một loạt các áp bức, bắt đầu tại một thời kỳ nhất định, và tiếp tục bất biến dù bộ máy chính quyền đã thay đổi, đã chứng tỏ quá rõ ràng rằng có một kế hoạch có hệ thống và cố ý nhằm biến chúng ta thành nô lệ”). Tuy nhiên, điều mà hầu hết độc giả nhận thấy, và sau này Jefferson cho là đóng góp chính của ông, đó là những lập luận pháp lý rằng Nghị viện Anh không có quyền áp đặt *bất kỳ điều gì* lên các thuộc địa. Trong khi quan điểm này không được thể hiện rõ trong các tài liệu phản đối chế độ thuộc địa kể từ cuộc khủng hoảng Đạo luật Tem năm 1765, thì sự rõ ràng trong trường hợp của thuộc địa đã đụng chạm tới những điểm đặc biệt phức tạp. Giả sử, Nghị viện không có quyền *đánh thuế* đối với thuộc địa nếu không có sự đồng ý của họ, nhưng phải chăng Nghị viện không có quyền *điều tiết* thương mại? Đúng, Nghị viện không có quyền, nhưng sẽ được phép làm thế khi mục đích của việc điều tiết thương mại là nhằm tăng doanh thu. Nhưng vậy thì làm thế nào để đánh giá được mục đích? Và còn những hành động lập pháp khác của Nghị viện, ví dụ như đóng quân tại các thành phố thuộc địa và đóng cửa cảng Boston, thì sao? Những câu hỏi dai dẳng này được nêu ra làm cho vấn đề pháp lý hơi phức tạp. Phải chăng có một số việc này Nghị viện có thể làm nhưng một số việc khác thì không? Nếu vậy, làm sao để quyết định việc nào với việc nào? Sức hấp dẫn chính của *Quan điểm tóm tắt* là Jefferson đã xuyên qua mớ câu hỏi hỗn độn này bằng một nhát cắt sắc bén: “Nghị viện Anh không có quyền áp đặt lên chúng ta”.

Thời điểm ra đời của cuốn sách cũng rất đúng lúc. Một số người bất đồng với chế độ thuộc địa - John Adams ở Massachusetts và James Wilson ở Pennsylvania - lúc này cũng rút ra cùng một kết luận rằng Nghị viện không có quyền đối với thuộc địa. Như đã đề cập trước đó, theo logic, điều này sẽ dẫn tới phong trào phản đối thực dân khắp nơi bắt đầu từ

năm 1765. Nhưng Jefferson đã đặt nền móng pháp lý cho luận điểm này ngay khi nó trở thành một quan điểm duy nhất đứng vững để những người phản đối chính sách đế quốc Anh lấy đó dựa vào. Và ông đã làm điều đó trong cuốn sách, vừa như một bản tóm tắt pháp lý súc tích và thực tế, vừa có tính trào phúng của một bài giảng chính trị..

Hai luận điểm nổi bật khác của *Quan điểm tóm tắt* ít được chú ý vào thời điểm đó, nhưng vào những tháng sau này đã được mở rộng trong các cuộc tranh luận trong Quốc hội Lục địa. Thứ nhất là cách đối xử của Jefferson với George III và thái độ của nhà vua đối với nền quân chủ Anh. Phản ứng của hầu hết độc giả đối với *Quan điểm tóm tắt* tập trung vào điểm Jefferson phủ nhận quyền áp đặt của Nghị viện, bởi đó là vấn đề bức xúc về mặt pháp lý mà các cơ quan lập pháp thuộc địa khác nhau đều phải đối mặt. Có một điều mà nhiều người không để ý là Jefferson đã tiến một bước đến mục tiêu kế tiếp, đó là chế độ quân chủ mà trên thực tế chính là trở ngại duy nhất còn lại ngăn cản việc tuyên bố độc lập của Mỹ. Nói cách khác, bản cáo trạng dài dòng phản đối nhà vua mà ta thấy đã chiếm mất hai phần ba Tuyên ngôn Độc lập thực ra đã được thay thế trong *Quan điểm tóm tắt*.

Thái độ của Jefferson đối với chế độ quân chủ trong *Quan điểm tóm tắt* mang tính tuyên bố hơn là ai oán, và giọng điệu của ông khi nói về George III vừa thể hiện sự thiếu tôn trọng vừa có ý tố cáo. Nhà vua không phải là một đấng trị vì trời phú mà chỉ đơn thuần là “người đứng đầu nhân dân theo luật định, và bị hạn chế bởi quyền năng nhất định nhằm hỗ trợ sự hoạt động của cỗ máy chính phủ khổng lồ, được dựng lên để phục vụ chính kẻ trị vì, và do đó phải chịu sự giám sát của kẻ đó”. Jefferson đã không đổ lỗi cho Nghị viện hoặc “Những bộ trưởng xấu xa của nhà vua” vì sự quản lý nước Mỹ yếu kém của cả bộ máy chính sách đế quốc, cách tiếp cận được chấp nhận ngay cả trong phái cấp tiến. Thay vì

thế, ông biến nhà vua trở thành kẻ đồng lõa trong những tội ác chống lại quyền của các nước thuộc địa. Ông cáo buộc George III về tội cấu thả: cho phép hội đồng thuộc địa giải thể; từ chối nghe kháng cáo của bên bị hại; trì hoãn việc thông qua cải cách ruộng đất. Tuy nhiên, ông cũng đã buộc tội nhà vua về những hành vi hoàn toàn phi pháp của chính nhà vua: gửi lính có vũ trang vào các thành phố thuộc địa để dập tắt biểu tình hợp pháp; nghiêm cấm cư dân vùng thuộc địa di cư tự nhiên vượt quá ranh giới dãy núi Appalachian. Ông thậm chí còn đưa lời cáo buộc làm dấy lên một cuộc tranh cãi nảy lửa này vào bản dự thảo ban đầu của Tuyên ngôn Độc lập, cụ thể là George III đã duy trì sự tồn tại của chế độ chiếm hữu nô lệ bằng cách liên tục ngăn cản các nỗ lực của thuộc địa trong việc chấm dứt việc buôn bán nô lệ châu Phi. Trong thực tế, khi có điều kiện nhìn lại, ta có thể thấy cuốn *Quan điểm tóm tắt* là một dự thảo sơ bộ của bản cáo trạng chống lại George III có trong bản Tuyên ngôn, được viết tròn hai năm trước văn bản nổi tiếng hơn và thậm chí là trước cả khi Jefferson có một ghế trong Quốc hội Lục địa.

Thứ hai, thậm chí quan trọng hơn, là *Quan điểm tóm tắt*, vào lúc đó đã không được quan tâm, còn bộc lộ tâm tư của Jefferson ở buổi ban đầu trong sự nghiệp chính trị của ông. Đó là một phiên bản tinh vi và chủ yếu mang tính truyền thuyết của lịch sử Anh. Trong bối cảnh mong muốn chống lại sự lạm dụng quyền lực của chế độ quân chủ, Jefferson đã chèn thêm một đoạn dài, trong đó ông đã lần về nguồn gốc của sự lạm dụng, đó là cuộc chinh phục của người Norman. Nguồn gốc vấn đề thuộc địa của chính quyền Anh không phải là từ cuộc khủng hoảng Đạo luật Tem năm 1765, mà vấn đề thật sự bắt đầu từ năm 1066, khi người Norman đánh bại người Saxon trong trận Hastings. Đây là nguồn gốc của cái mà Jefferson gọi là “nguyên tắc tưởng tượng trong đó mọi vùng đất ban đầu đều thuộc về vua...” Toàn bộ lịch sử Anh kể từ cuộc chinh

phục của người Norman đã là một sự lầm lạc không may, được biết đến với tên gọi chế độ phong kiến, rồi sau đó phát triển thành một hình thức độc ác nhất, đó là quyền lực tuyệt đối của hoàng gia ở các thuộc địa. Jefferson theo đuổi “nguyên tắc tưởng tượng” của mình bằng việc gợi ý tìm hiểu về quá khứ Saxon của Anh trước khi bị người Norman chinh phục, về cái thời trước đây trong những khu rừng ở Đức có một nhóm người sống tự do và hòa hợp, không có vua hoặc lãnh chúa cai trị, họ làm việc và sở hữu đất đai như những chủ thể có chủ quyền.

Kiểu diễn giải “chuyện xưa kể rằng” của Jefferson về sau được biết đến như kiểu diễn giải lịch sử của Đảng Whig, đáng được quan tâm nghiên cứu như một đầu mối quan trọng trong việc tìm hiểu bản năng trí tuệ sâu xa nhất của Jefferson. Ông đã được tiếp xúc với câu chuyện trung tâm của lịch sử Whig qua một số cuốn sách ông đọc thời trẻ, chủ yếu là tuyển tập *Lịch sử Anh* (History of England) của Paul de Rapin và *Lịch sử chế độ sở hữu phong kiến ở Anh* (History of Feudal Property in Great Britain) của Ngài John Dalrymple. Ông cũng đã từng đọc bản dịch cuốn *Germania* của Tacitus, nguồn tài liệu chủ yếu của các sử gia Whig vì có phần mô tả mô hình Saxon của chính phủ đại diện trước khi bị chế độ quân chủ phong kiến làm vấy bẩn. Vì vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, những tác phẩm tiêu chuẩn về lịch sử Whig mà Jefferson đọc thời trẻ đã giúp định hình tư duy chính trị của ông trước năm 1776, và là một lý do để ông thường xuyên liên hệ “các nguyên tắc Whig cổ xưa” với suối nguồn các giá trị căn bản trong phong trào giành độc lập của Mỹ. Nhưng sự hấp dẫn của lịch sử Whig bắt nguồn từ một thứ khác, mạnh hơn lối biện luận hay tính logic của nó. Chúng có sức ảnh hưởng chính là bởi câu chuyện mà chúng kể lại cực kỳ hợp với cách tư duy của ông. Lối hành văn lãng mạn của chúng về một quá khứ hoang sơ, về một thời kỳ dài đã mất và về nơi con người từng sống với nhau rất hòa hợp mà không cần luật

pháp cưỡng chế hoặc những kẻ cai trị khát máu, đã định hình lối viết trần thuật để trí tưởng tượng của Jefferson và những ảo vọng chôn sâu trong nhân cách của ông bay bổng. Lịch sử Whig đã không tạo nên những mơ mộng lãng mạn trong ông, mà nó đã biến những hy vọng và tầm nhìn sẵn có trong tâm trí và trái tim ông thành con chữ.

Trong những tháng đầu ở Philadelphia, Jefferson quan tâm đến việc chia sẻ ý nghĩa thực tế của những nguyên tắc Whig với các đại biểu đồng nghiệp của mình hơn là nghiên cứu sự thâm sâu của chúng. Thuật ngữ chủ chốt ở đây là “biệt xứ”. Ý tưởng cốt lõi ở đây là các giá trị Saxon gốc ẩn chứa trong nước Mỹ. Suốt mùa thu và mùa đông năm 1775, Jefferson chuyên tâm nghiên cứu cuốn *Những cuộc hành trình* (Voyages) của Richard Hakluyt, nhằm thu thập tài liệu làm bằng chứng cho tuyên bố rằng những người di cư đầu tiên từ Anh đến Mỹ đã phải tự chi phí cho chuyến đi của mình, “không được trợ cấp bởi của cải hay sức mạnh của Anh”, và quan trọng nhất, họ coi việc di cư là một cách cắt đứt hoàn toàn với mẫu quốc. Nếu đúng, đây chính là lịch sử được xét lại với những kết quả mang tính cách mạng nhất, vì nó cho thấy việc độc lập khỏi Anh không phải là một viễn cảnh tương lai nào đó mà Jefferson và các đại biểu đồng nghiệp của ông trong Quốc hội Lục địa đã dự tính nghiêm túc; mà đây là một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ mù sương.

Lý thuyết về biệt xứ là hoàn toàn và căn cứ về mặt lịch sử. (Jefferson bám vào lý thuyết này với sự kiên trì gần như ám ảnh suốt cuộc đời mình, dù ngay cả ông cũng thừa nhận rằng: “Tôi chưa bao giờ buộc được ai đồng ý với mình ngoài thầy Wythe”, giáo viên luật cũ của ông). John Adams cũng vừa mới công bố khảo sát của mình về lịch sử thuộc địa, với tác phẩm *Novanglus*, trong đó ông cũng tìm kiếm các nguồn gốc của việc Mỹ tuyên bố độc lập khỏi sự kiểm soát của Hoàng gia và Nghị viện. Nhưng thay vì một quá khứ Saxon thần bí, Adams lại phát hiện ra một

mạng lưới phức tạp của các tiền lệ chồng chéo và quyền tài phán trong tranh chấp. Điều này đúng hơn với sự hỗn độn cố hữu trong lịch sử Anh và thuộc địa, vốn đã chứng kiến nhiều thay đổi lớn trong mối quan hệ giữa quyền lực Hoàng gia và Nghị viện ở thời kỳ thuộc địa, sự khác biệt căn bản giữa các đặc quyền phụ thuộc vào thời điểm thành lập của các thuộc địa khác nhau, và duy nhất việc nhận thức dần dần về một phần thẩm quyền của Anh rằng họ đang giám sát một đế chế trên thực tế. Lý thuyết biệt xứ của Jefferson có cùng quan hệ với lịch sử thuộc địa giống như khúc hát tuổi thơ trong tiểu thuyết kiểu Jamesia. Đó chắc chắn là một phần hấp dẫn của nó.

Khao khát sáng tạo và nắm bắt những tưởng tượng quyền rũ ấy của Jefferson không phải là một nỗ lực có dụng ý tuyên truyền. Jefferson tin vào những gì ông viết. Đúng là ông đã lợi dụng các bằng chứng lịch sử vào mục đích lớn hơn. Kỹ năng trí tuệ của Jefferson, ví dụ như trong việc quy trách nhiệm cho George III về việc buôn bán nô lệ, có thể được giải thích như là một mưu đồ thông minh. Không một ai tỉnh táo lại đi tin điều đó, nhưng phải công nhận đó là một miêu tả sai lạc nhưng hữu ích về chính trị. Tương tự là phiên bản vui mắt của Tiệc trà Boston trong *Quan điểm tóm tắt*. Theo như mô tả của Jefferson, một nhóm trung thành với Boston đã phá hoại một tàu hàng lậu, bất chấp việc có thể bị bắt giữ và truy tố. Samuel Adams, một nhân vật quan trọng trong Quốc hội Lục địa và cầm đầu Tiệc trà, hẳn phải cười khẩy mãn nguyện khi ông ta biết rằng “những người trung thành với Boston” thực ra là một nhóm côn đồ và phá hoại giả làm người da đỏ để tránh bị lộ tung tích, họ cũng nhận được sự ủng hộ ngầm từ những thương gia Boston, nên nhiều người trong số đó đã phát lên nhờ buôn lậu. Sam Adams nhận ra rằng Tiệc trà là một vở diễn được dàn dựng của sân khấu cách mạng. Jefferson đã mô tả nó như một hành động tự phát của chủ nghĩa yêu nước, được tiến

hành theo nghi thức của một buổi tiệc trà. Nhưng rồi một lần nữa, có lẽ phiên bản của Jefferson tự thân nó chính là một động thái tuyên truyền, được dàn dựng có ý thức như chính Tiệc trà.

Tuy nhiên, huyền thoại Saxon và thuyết biệt xứ lại là một vấn đề khác. Chúng không phải là những sự bóp méo khôn ngoan và cố ý. Chúng là sự bịa đặt hoàn toàn. Và Jefferson rõ ràng tin đó là sự thật. Đặc điểm nổi bật của chúng là mang màu sắc của một thế giới khác và gần như một câu chuyện cổ tích. Lịch sử đầy rẫy những nhân vật khôn ngoan và xuất chúng, sự vĩ đại của họ bắt nguồn từ quyết tâm tin vào những điều mà rốt cuộc lại là một tập hợp các ảo tưởng. Nhưng ảo tưởng của Jefferson có đặc điểm là ủy mị và trẻ con tới mức khó tin. Vì đặc điểm chủ chốt trong tư duy trưởng thành của Jefferson là, một mặt ông có cảm tình với những tầm nhìn được lý tưởng hóa và bình dị, mặt khác ông lại chối bỏ bằng chứng chứng tỏ những tầm nhìn ấy chỉ là hảo huyền, do đó ta cần phải đặt câu hỏi xem đặc điểm này từ đâu ra.

Lời giải thích được ẩn giấu trong các nếp gấp bên trong nhân cách của Jefferson, ngoài tầm với của các phương pháp lịch sử truyền thống và vũ khí bằng chứng. Những gì chúng ta có thể nhận ra ở đây là một kiểu hành vi thu mình lại, cho thấy rõ ràng có vấn đề về mặt tâm lý. Chàng thanh niên Jefferson đã thể hiện mình là một người có tính cách cực kỳ khép kín. Monticello cho ta một minh chứng mạnh mẽ nhất về nhu cầu của Jefferson là rút khỏi thế giới vốn đầy rẫy xung đột và áp bức giữa người với người để tạo ra một nơi trú ẩn có lối kiến trúc Palladian hoàn hảo, thiết lập môi trường lý tưởng cho tầm nhìn của ông về sự hài hòa bên trong. Và ông hay nói về mong muốn có một nơi trú ẩn an toàn khỏi sự hỗn độn và rối loạn của thế giới bằng những thuật ngữ rõ ràng là khoa trương. “Có thể có những người mà với tâm tính của họ thì họ sẽ hài lòng với việc đấu đá”, ông viết cho John Randolph năm 1775, “nhưng với tôi,

trong tất cả mọi thứ, đó lại là thứ kinh khủng nhất”. Ông rất thích “rút lui hoàn toàn khỏi sân khấu đại chúng và dành phần còn lại trong đời mình để nội tâm thư giãn và tĩnh lặng, xua tan mọi ham muốn sau tất cả, lắng nghe những gì đang trôi qua trên thế giới”. Người học trò khôn ngoan nhất, khi phải xây đi xây lại Monticello để nó trở thành nơi hoàn hảo và là một “chuyến du lịch bí ẩn huyền diệu của trò ảo thuật kiến trúc”, đã kết luận rằng nỗi ám ảnh cả đời của Jefferson về việc “xây rồi lại đập” tốt nhất nên được hiểu là một hình thức “trò chơi thời thơ ấu áp dụng vào thế giới người lớn”. Cả những kỳ vọng mà Jefferson ấp ủ trong cuộc sống riêng tư của ông nơi ngôi biệt thự trên núi, và cách mà ông cố gắng để thiết kế và xây dựng nó, cho thấy một mức độ đam mê thường thấy ở một thời tuổi trẻ.

Rất ít thư từ cá nhân từ thời trẻ của ông còn sót lại đến nay, và chúng cho thấy một thiên hướng lãng mạn kiểu trẻ con ấy. Ở tuổi 20, ngay sau khi tốt nghiệp trường William & Mary, Jefferson đã viết cho người bạn thân nhất của mình là John Page: “Page ạ, tôi rất tin là mình sẽ chết sớm, và dù tôi không thể đưa ra lý do cho việc đó, nhưng tôi mệt mỏi với cuộc sống. Tại thời điểm khi tôi đang viết những dòng này, tôi gần như không nhận ra mình đang tồn tại. Tạm biệt, Page thân mến”. Vài tháng sau, ông báo với Page cảm giác bẽ bàng khi phát hiện ra mối tình si của mình với Rebecca Burwell, một người đẹp gọi cảm lúc đó đang ở Williamsburg, là một sự vô vọng. Jefferson đã lại gần cô trong một buổi khiêu vũ tại phòng Apollo của quán rượu Raleigh, nhưng lưỡi ông dính chặt và Rebecca thì chẳng hề quan tâm. “Tôi đã chuẩn bị trong đầu, những suy nghĩ đến với tôi, tôi cố nói năng lưu loát hết mức có thể, và hy vọng mình hành xử nhã nhặn ở mức chấp nhận được”, ông giải thích. “Nhưng, Chúa ơi!”

Một mặt, những mẫu bằng chứng như thế cho thấy Jefferson là hình ảnh thu nhỏ của các thiếu niên tự ti (mặc dù trong thực tế, ông đã 20

tuổi tại thời điểm thất tình với Rebecca Burwell). Tuy nhiên, mặt khác, chúng lại cho thấy hình ảnh thoáng qua của một người trai trẻ dễ bị tổn thương, quen xây dựng thế giới nội tâm đầy những hấp dẫn tưởng tượng tuyệt vời mà chắc chắn sẽ xung đột với thực tại. Thay vì điều chỉnh kỳ vọng của mình khi đối mặt với nỗi thất vọng, ông lại chôn chặt chúng vào lòng, coi sự cách biệt giữa những lý tưởng của mình với sự không hoàn hảo của thế gian là vấn đề của mọi người chứ không phải của riêng mình.

Sự gắn bó kỳ lạ của Jefferson lúc đó với truyền thuyết về quá khứ Saxon là một biểu hiện thời kỳ đầu về mặt tư tưởng của lối tư duy đặc trưng kiểu Jefferson. Nó đại diện cho phát hiện của ông - đúng hơn là phát minh của ông- về một thời kỳ bình dị và một nơi hợp với ý thức mạnh mẽ của ông về cách thức mà đáng lẽ mọi thứ nên diễn ra. Và bất kỳ sự thỏa hiệp nào với ảo mộng quyền rũ ấy đều sẽ phản bội lại các nguyên tắc cá nhân của mình. Trở lại thế giới xa xôi của Anh trước khi có người Norman, trước cả những tệ hại phong kiến, nam giới và nữ giới có thể kết hợp sự độc lập cá nhân với sự hòa hợp xã hội, tự do cá nhân với thượng tôn pháp luật, nhu cầu làm việc với ham muốn vui chơi. Cả đời mình, Jefferson bị ám ảnh bởi những viễn tưởng về một thiên đường như vậy và mong muốn tìm thấy nó trong các cảnh đồng quê, các bộ lạc da đỏ xa xôi, những khu vườn tía tốt, những cộng đồng địa phương (sau này ông gọi họ là cộng hòa xã), hoặc những thế hệ mới và do đó chưa bị mua chuộc. Ở cấp độ cá nhân, chàng trai trẻ đang có Demosthenes của người Mỹ (và hy vọng số phận sẽ chọn ông cho cả hai vai trò). Các mục nhật ký của ông thể hiện một tinh thần tràn ngập các cuộc tranh luận, đó là tinh thần mà mỗi người khi đứng lên phát biểu đều được các đồng nghiệp của mình đánh giá như một thí sinh trong trò hùng biện thường thấy. Adams quan sát thấy rằng Edward Rutledge từ Nam Carolina là “người

hoạt bát nhưng không sâu sắc” và có thói quen gây mất tập trung, đó là nói giọng mũi. Benjamin Rush đến từ Pennsylvania đã bị sa thải vì “nói quá nhiều... Lịch duyệt nhưng không sâu sắc”. Roger Sherman của Connecticut thì lại là một mô hình hoàn hảo của sự lúng túng: “Không có một sự tương phản đẹp đẽ và nổi bật nào hơn với chuyển động của đôi tay ông ta. Nói chung, ông ta thường đứng thẳng với đôi tay để phía trước... Nhưng khi ông ta di chuyển bàn tay, giống như một hành động, thì đến cả Hogarth thiên tài cũng không thể nào phát minh ra được một chuyển động đối lập với sự duyên dáng hơn thế. Đó chính là sự cứng nhắc, và lúng túng. Lúng túng như một cử nhân, hoặc sinh viên năm thứ hai”. Vào thời điểm Jefferson đến Philadelphia, Adams đã bắt đầu nổi lên như là một trong những diễn giả hiệu quả nhất trong Quốc hội, một người đàn ông với cái tôi đau đớn đã tự gắn mình với sự nghiệp giành độc lập, người mà sự kết hợp giữa việc học luật với năng lượng hùng biện đơn thuần đã vượt xa những đại biểu ôn hòa hơn trong một phong cách mạnh mẽ, có vẻ vừa như chó bull, vừa như núi lửa.

Trong khi đó, vị thế của đoàn đại biểu Virginia ngày càng cao xuất phát chủ yếu từ tài diễn thuyết nổi tiếng của đoàn. Edmund Pendleton là bậc thầy hùng biện với mái tóc bạc và phong cách thanh lịch. Jefferson sau này mô tả ông ta là “người đàn ông giỏi tranh luận nhất mà tôi đã từng gặp”. Điểm đặc biệt của Pendleton là ở đoạn kết nhẹ nhàng và trầm lắng có sức thôi miên khán giả, trong khi lập luận của ông ta lại là một cuộc chiến tranh du kích ngầm chống lại những ý kiến tốt hơn, cho đến khi vấn đề cần giải quyết đi theo hướng suy nghĩ của ông ta gần như vô thức, giống như một quý tộc tự nhiên chiến thắng một cuộc đua mà không bao giờ tỏ ra phải cố gắng.

Richard Henry Lee thì dễ bị kích động và phô trương hơn. Nếu kỹ thuật của Pendleton cho thấy một công việc yên bình, thì Lee lại là người

ủng hộ một cuộc xâm lược toàn diện. Những người phản đối nhìn mặt mỗi khi ông ta đứng lên nói, bởi biết rằng các lập luận của họ sẽ được cuốn vào cơn lốc ngôn từ để rồi bị lãng quên. Cách thể hiện của Lee có phần giả tạo: ông ta thích quấn tay mình trong một chiếc khăn tay lụa khi phát biểu, giải thích rằng mình muốn ngăn khán giả bên dưới nhìn thấy vẻ khó coi của bàn tay nham nhở ấy, bị mất vài ngón trong một tai nạn đi săn. Hay đó là một trận đấu? Lee với Pendleton giống như quả bom với khẩu súng lục. Nhưng cả hai đều là những diễn giả nổi tiếng.

Nhà vô địch hùng biện không thể tranh cãi của Virginia tất nhiên là Patrick Henry, sự hiện diện của ông ta trong đoàn Virginia thu hút nhiều sự chú ý của công chúng hơn bất cứ ai, trừ George Washington. Bài phát biểu của Henry chống lại Đạo luật Tem đã được công bố rộng rãi ở các thuộc địa, vì vậy ông ta đã trở nên nổi tiếng trong nước vì nhiệt huyết của mình. Như Edmund Randolph đã nói, “thế giới phương Tây vẫn chưa đưa ra được một đối thủ mang lại ấn tượng to lớn trong việc bảo vệ tự do”. Nếu Pendleton là một quý tộc khéo léo và Lee là một kịch sĩ hung hăng, thì Henry là người rao giảng Phúc Âm, đến với khán giả bằng những làn sóng đầy cảm hứng xúc động, mỗi làn sóng cách nhau bằng những quãng dừng được phóng đại khiến cho hầu hết người nghe cảm thấy như những khoảng lặng trước lời phán xét của Đấng Tối cao.

Tất cả các quan sát còn sót lại đến nay của Jefferson về Henry sau này mới có, khi tình bạn của họ trở nên chua chát (Jefferson cho rằng Henry “tham lam và xấu bụng”, luôn phát biểu “không có logic, không có sự chuẩn bị”). Nhưng ngay cả những chỉ trích của Jefferson từng phản bội lại sự ngưỡng mộ nhất định đối với năng lực của Henry trong việc xoay chuyển đám đông bằng những phản đối đầy cảm xúc, không bị vướng víu bởi bất kỳ nghiên cứu hay bằng chứng nào. Năm 1784, ông đã cảnh báo James Madison rằng không được xem nhẹ sự phản đối của Henry với cải

cách hiến pháp ở Virginia, vì một trong những diễn giả hấp dẫn của ông có thể lật lại thành quả của nhiều tuần làm việc cẩn thận nơi hậu trường. Không có cách nào để giải thích cho ảnh hưởng bí ẩn của ông tới những người khác hoặc để nhanh chóng đối phó với ông. “Những gì chúng ta phải làm”, Jefferson than thở với Madison, “là sốt sắng cầu nguyện cho cái chết của ông ta”. Dĩ nhiên, tại Quốc hội Lục địa, tài hùng biện sáng chói của Henry vẫn là một tài sản vô giá hơn là một cản trở to lớn. Giống Jefferson, Henry là một sản phẩm của biên giới phía tây Virginia, người đã giành được sự thừa nhận từ tầng lớp thượng lưu Tidewater, nhưng không như Jefferson, ông ta luôn giữ được phẩm chất nguyên sơ của một lực lượng tự nhiên, giống như cây cầu đá Natural Bridge mà Jefferson rất ngưỡng mộ, một trong những tạo vật ngẫu nhiên của các vị thần được tạo ra ở vùng núi phía tây.

So với Henry, Jefferson là hình ảnh thu nhỏ của một học giả uyên thâm và có kỷ luật với sự nhạy cảm tuyệt đối khác biệt. Theo như chúng ta biết, ông chưa từng có bài phát biểu nào tại Quốc hội Lục địa. Kể cả trong bầu không khí thân mật hơn ở các ủy ban, ông cũng thích nhường cho người khác nói. John Adams nhớ lại, với một cảm giác khâm phục xen lẫn ngạc nhiên, rằng “trong suốt thời gian tôi ngồi với ông ấy ở Quốc hội, tôi chưa bao giờ được nghe ông ấy nói liền ba câu”. Tuy nhiên, không một ai, kể cả Adams vốn luôn hoài nghi, lại mảy may nghi ngờ quan điểm cấp tiến của ông. Những tố cáo khá rõ ràng của ông về sự thống trị của Anh trong *Quan điểm tóm tắt* đã ghi tên ông vào kỷ lục với tư cách một người phản đối ôn hòa. Nhưng ông hoàn toàn vô dụng trong các tình huống đòi hỏi phải xuất hiện trước công chúng. Ông gần như bất lực nơi hậu trường, tay xoắn vào nhau và phỉnh phờ - cũng là sở trường của Sam Adams, em họ của John. Đơn giản là ông quá nhút nhát và thu mình tới nỗi không thể tương tác dễ dàng trong các hành lang.

Theo sự bố trí và thói quen, vũ đài thoải mái nhất với Jefferson là nghiên cứu và bực diễn thuyết tự nhiên nhất của ông là bàn viết. Kể từ hồi học đại học tại trường William & Mary, rồi tiếp tục học lên nữa và cuối cùng là thực tập luật, Jefferson đã luôn ở một mình, đọc sách và ghi chép cực kỳ chi tiết về những gì ông đọc được. Ông gọi đây là việc “thường ngày”, ám chỉ việc chép lại các đoạn văn của Coke hay Pufendorf về luật, của Milton hay Shakespeare về thân phận con người, Kames hoặc Hutcheson về ý thức đạo đức của con người. Nhưng Jefferson đã biến việc chép lại thành một hành động sáng tạo, ông thường xuyên viết lại một đoạn văn sao cho phù hợp với thị hiếu của riêng mình, hoặc thường xuyên hơn, pha trộn những suy nghĩ của mình về chủ đề đó trong các ghi chép. Ông là một chàng thanh niên rất thích được làm chủ. Nghiên cứu một mình cho phép ông sáng tạo ra quan điểm riêng của mình mà không bị can thiệp, không bị sa vào một cuộc tranh luận ngẫu hứng vô định.

Hành động đầu tiên của ông sau khi yên vị trong khu của mình trên phố Chestnut là một mình đánh giá xem cuộc chiến chống lại Anh sẽ khiến các thuộc địa phải tiêu tốn bao nhiêu, không phải về số người thương vong mà là về số đô-la. Ông dường như tin rằng một cuộc xung đột quân sự tổng lực sẽ không kéo dài lâu. “Một chiến dịch đẫm máu”, ông viết cho một người bạn, “có thể sẽ quyết định mãi mãi sự nghiệp tương lai của chúng ta”. Vì vậy, tính toán của ông về chi phí được dựa trên các giả định về một cuộc chiến kéo dài trong sáu tháng mà ông ước tính sẽ cần khoảng 3 triệu đô-la tiền thuế mới.

Vào một thời điểm của mùa hè, ông đã đề nghị chủ nhà của mình, Benjamin Randolph, người có họ hàng với mẹ ông và là một thợ đóng tủ có tay nghề cao, thiết kế một chiếc bàn viết. Ông cũng đặt làm một chiếc ghế Windsor mới để có chỗ ngồi cho thoải mái. Sau này, những đồ vật ấy

đã trở thành các di vật thiêng liêng vì gắn với Tuyên ngôn Độc lập, đã xác định không gian nơi ông có thể thể hiện tốt nhất năng lượng sáng tạo của mình. Chỉ trong một thời gian ngắn, những ước tính kiểu bản kê khai của ông về chi phí quân sự đã bị đặt sang một bên để nhường chỗ cho một công việc quan trọng hơn, lý giải bằng lời, tại sao đứng lên cầm súng là việc đầu tiên các thuộc địa Mỹ cần làm.

Giới lãnh đạo Quốc hội chọn ông là người soạn thảo bài phát biểu mà sau này được đặt tên là *Tuyên bố về những nguyên do và sự cần thiết của việc cầm vũ khí*. Đây là một nhiệm vụ trọng yếu. Bài phát biểu được coi như một tuyên bố chủ đạo đại diện cho lối tư duy hiện thời trong Quốc hội; một nỗ lực thuở ban đầu lúng túng trước những bất đồng về ngôn ngữ. Việc lựa chọn Jefferson đã phản ánh danh tiếng của ông với tư cách một tài nghệ văn chương, và thừa nhận một thực tế rằng đóng góp lớn nhất của ông là trong tư cách một tác giả chứ không phải một diễn giả.

Sự phân công này cũng buộc chúng ta nhận ra một thực tế khó xử và dễ bị lãng quên, rằng mặc dù một tuyên ngôn độc lập chính thức của Mỹ sẽ xuất hiện sau thời điểm này một năm, nhưng cuộc chiến thực ra đã bắt đầu. Bởi khi Jefferson đến Philadelphia thì những trận đánh ở Lexington, Concord, Bunker Hill đã xảy ra, và George Washington đứng ra chỉ huy một đội quân ở ngoài Boston. Trong khi những người ôn hòa trong Quốc hội Lục địa tiếp tục hy vọng vào phương án hòa giải với Anh, thì vào mùa hè năm 1775 sáng kiến này đã bị chuyển qua những người cực đoan, cầm đầu là John và Sam Adams, vốn xem việc đòi độc lập là không thể tránh khỏi. Và mọi hành động của Chính phủ Anh dường như đã được tính toán để phá hoại phe ôn hòa và làm cho phe cực đoan giống như nhà tiên tri. Cũng giống như đoàn đại biểu Virginia, từ đầu Jefferson đã tự xác định mình là người theo trường phái cực đoan. Thư từ cá nhân của ông vào thời điểm đó rõ ràng cho thấy thời gian để thỏa hiệp đã trôi

qua. Ví dụ vào tháng 6 năm 1775, ông đã viết cho người thân ở Virginia rằng “giờ đây người ta đang sôi sục bước vào cuộc chiến, biết trước không có viễn cảnh về sự hòa giải mà chỉ có sự can thiệp hiệu quả của vũ khí”. Một tháng sau, ông viết cho John Randolph rằng thay vì thống nhất với các điều khoản hòa giải của Anh, ông “sẽ giúp một tay để nhấn chìm cả hòn đảo xuống đại dương”. Theo nhìn nhận của Jefferson, vấn đề bây giờ không phải là các thuộc địa Mỹ có tuyên bố độc lập hay không, mà là khi nào và ra sao.

Hiểu được điều này là rất cần thiết, vì nó định hình một cách tinh tế nhưng vô cùng quan trọng sự thay đổi trong văn phong của Jefferson suốt một năm tiếp theo với tư cách là người soạn thảo chính các văn bản cho sự nghiệp cách mạng. Một mặt, các đại biểu trong Quốc hội Lục địa còn đang bận xây dựng quân đội, hướng dẫn các cơ quan lập pháp thuộc địa về cách thức phác thảo ra hiến pháp quốc gia mới, điều tra các liên minh nước ngoài, giám sát cuộc chiến đang diễn ra. Mặt khác, họ khẳng định mong muốn tránh xô xát công khai với mẫu quốc và cam kết trung thành mãi mãi với George III. Bằng cách nào đó, những quan điểm chính trị không tương thích này, vốn phản ánh sự chia rẽ giữa những người ôn hòa và cực đoan trong Quốc hội, cần phải được chấp nối với nhau qua ngôn từ. Và mặc dù các khán giả chính thức là Chính phủ Anh, nhưng khán giả thực chất lại là người dân Mỹ, hoặc ít nhất là các cơ quan lập pháp thuộc địa khác nhau, vốn cần được cung cấp một cách thức để giải thích cho chính mình lý do tại sao những điều không thể tưởng tượng trước đây bây giờ đã trở nên không thể tránh khỏi.

Ở cấp độ hiến pháp đơn thuần, lý luận của Jefferson trong *Những nguyên do và sự cần thiết* (Causes and Necessity) chính là quan điểm trong cuốn *Quan điểm tóm tắt* nhưng ở mức độ nhẹ hơn. Thay vì chối bỏ mọi thẩm quyền hợp pháp của Nghị viện Anh ở các thuộc địa, Jefferson đã

thừa nhận rằng “đôi lúc Nghị viện Anh sử dụng quyền lực, tuy nhiên không được hiến pháp của các chính phủ chúng tôi thừa nhận, cuối cùng đã được nhượng bộ trong thiện chí ấm áp”. Điều này chắc chắn là một sự nhượng bộ với phe ôn hòa trong Quốc hội và phản ánh nhận thức của Jefferson rằng ông cần phải chấp nhận những quan điểm khác biệt với mình. Chủ đề biệt xứ cũng xuất hiện dưới hình thức ngầm. “Ông cha ta... đã rời mảnh đất tổ tiên”, ông viết, “để tìm kiếm trên các bờ biển này một nơi cư trú cho nhân dân và sự tự do tôn giáo”. Nhưng không có câu thần chú nào về huyền thoại Saxon hay về việc người Norman nắm giữ các quyền truyền thống của Anh. Jefferson đã lùi lại để tránh sự chuyển nhượng chưa được quyết định.

Đóng góp chính của Jefferson trong *Những nguyên do và sự cần thiết* là cung cấp một mạch truyện trong đó tập hợp tất cả các thuộc địa Mỹ như những nạn nhân vô tội. Trước đó những người Mỹ chỉ trích chính sách của Anh - những người như John Adams, John Dickinson và Daniel Dulany - đã lập luận về mặt pháp lý rằng sự tham gia của Nghị viện vào các công việc thuộc địa sau khi kết thúc Chiến tranh Pháp-Án (1763) là chưa từng có tiền lệ. Ở Anh, Edmund Burke đã gọi giai đoạn trước chiến tranh là một kỷ nguyên của “sự bỏ bê có lợi”. Phiên bản của Jefferson về cuộc xung đột Anh-Mỹ đơn giản đã thúc đẩy hơn nữa những hàm ý mạnh mẽ của sự thay đổi trong chính sách Anh. Trước năm 1763, đế chế này hài hòa và lành mạnh, một phiên bản Mỹ được ông giới thiệu trước đó, về sự bình yên trong những cánh rừng Saxon. Sau đó, hoàn toàn đột ngột, “chính phủ nhận thấy rằng mọi kẻ thù của Anh đã bị chinh phục, bèn nảy ra ý tưởng không may là chinh phục cả bạn bè mình”. Jefferson thể hiện một sự thính nhạy và một sự quan tâm trực giác đối với một cấu trúc câu chuyện được xây dựng quanh sự phản đối về đạo đức. Chủ đề ở đây là đế chế “ngày ấy và bây giờ”. Câu chuyện biến thành cuộc đụng độ

giữa chế độ độc tài của Anh với sự tự do của thuộc địa, giữa những viên chức Anh xảo quyệt với những người dân thuộc địa đang van xin, mà cao trào là cuộc đụng độ tại Lexington và Concord giữa “quân đội chính phủ” do Tướng Thomas Gage chỉ huy với “người dân ngây thơ” của Massachusetts. Tất cả điều này đã được chuyển tải trong cái mà chúng ta gọi là phong cách bi lụy của các nạn nhân vô tội.

Không thể biết được Jefferson đã tin vào phiên bản biếm họa về cuộc khủng hoảng đế chế này thật sự là bao nhiêu phần trăm, và bao nhiêu phần trăm là giả bộ kiểu cách. William Livingston, đại biểu đến từ New York, nhận xét rằng lối hành văn của Jefferson trong *Những nguyên do và sự cần thiết* nhắc ông nhớ đến lối hùng biện của những người Virginia khác: “Nhăm nhăm vạch lỗi và khoa trương, chẳng có mấy tự trọng. Họ dường như nghĩ rằng một sự tái lập chế độ độc tài, chuyên quyền, đẫm máu, v.v. là tất cả những gì cần thiết để đoàn kết chúng ta nơi quê nhà”. Có lẽ dự thảo của Jefferson đã thể hiện nỗ lực của ông nhằm đạt được trong văn xuôi những gì mà các đồng nghiệp Virginia như Henry đang tạo ra trong các bài hùng biện được chuẩn bị kỹ. Với truyền thống cố tình khoa trương ấy, người ta được phép nói về “những người dân nhẹ dạ” ở Lexington và Concord, trong khi biết rất rõ là họ đã phải xếp hàng vào quân đội khi quân Anh đến.

Việc phóng đại thực tế cụ thể lại không đáng chú ý bằng kế hoạch tường thuật tổng thể của Jefferson. Những người dân thuộc địa là những người ngoài cuộc vô tội bị tác động bởi một Chính phủ Anh hung hăng. Cuộc xung đột chính trị luôn dưới dạng bị phân đôi về đạo đức, không còn chỗ cho những ý nghĩa được đánh bóng hoặc lòng trung thành nước đôi. Sự cay đắng và mập mờ của hiện tại lại trái ngược với phiên bản “ngày xưa ngày xưa” của quá khứ. Và hiệu quả nhất là những nhà cách mạng thật sự không phải là người dân thuộc địa Mỹ, mà là những quan

chức Anh, tham nhũng khủng khiếp trong khi người dân thuộc địa lại rất đạo đức.

Sự quá khích trong cách viết của *Những nguyên do và sự cần thiết* đáng được suy ngẫm thêm, phần vì nó là tiền thân của những điểm hấp dẫn sau này trong Tuyên ngôn, phần vì nó truyền đạt thông điệp bằng ngôn ngữ được mã hóa quen thuộc với Jefferson và những người cùng thời với ông, nhưng lại xa lạ với tri giác và đôi tai của chúng ta ngày nay. Đặc điểm chính ở đây là sự tương phản cực đoan rõ ràng giữa đức hạnh của Mỹ và tham nhũng của Anh, dựa trên một giả định ngầm rằng các thế lực nham hiểm đang bày mưu tính kế trong những hành lang quyền lực xa xôi ở London để tước đoạt quyền tự do của người dân thuộc địa ngây thơ. Giống như huyền thoại Saxon, lối nghĩ và nói về chính trị này bắt rễ từ truyền thống Whig ở Anh, từ thời những người Thanh giáo trong Nội chiến Anh những năm 1640. Vào thế kỷ 18, những người ủng hộ chính của truyền thống bất đồng chính kiến, vốn tự gọi mình là Đảng Whig thực sự hay Đảng Quốc gia⁽⁷⁾, đều là người Anh: Henry St. John Bolingbroke, John Trenchard và Thomas Gordon (viết dưới bút danh Cato) và James Burgh. Họ đã tạo ra một ngôn ngữ, mà thực ra là một ý thức hệ, phản đối sự độc đoán và lạm dụng quyền lực của Chính phủ Anh, thường được mô tả là Đảng Cung đình⁽⁸⁾, nổi bật vì luôn nghi ngờ một cách điên rồ các động cơ của chính phủ và là một sự tương phản đạo đức hoàn toàn giữa đức hạnh của dân chúng và tham nhũng của quan chức.

⁽⁷⁾ Nguyên văn: Country Party.

(8) Nguyên văn: Court Party.

Thư viện của Jefferson chứa bản sao các tác phẩm chính của Bolingbroke, “Cato” và Burgh, ông cùng các đồng nghiệp của mình trong Quốc hội Lục địa đều thuộc làu những lý luận và thành ngữ tiếng Anh của Whig. Những thứ mà ngày nay chúng ta thấy là khoa trương và cường điệu về cả giọng điệu lẫn tư thế đối với uy quyền chính trị - hầu như cách diễn đạt nào của quyền lực chính quyền cũng đều mang màu sắc kỳ thị - trên thực tế là một phần trong truyền thống đấu tranh đáng kính của Whig. Đây là một phong cách được chấp nhận và khá quen thuộc trong lý luận chính trị và đã tỏ ra cực kỳ hữu ích trong những cuộc biểu tình chống đánh thuế ở Anh thập niên trước. Nó giúp người ta có khả năng tranh luận mạnh mẽ bằng việc đơn giản hóa sự phức tạp và rắc rối của hiến pháp mà cả những người dân thuộc địa lẫn Chính phủ Anh phải đối mặt. Ngay cả thái độ gần như hoang tưởng của phong cách này đối với các động cơ của người ra quyết định London và Whitehall chỉ ít cũng trở thành những lý do hay ho vào mùa xuân năm 1776, khi George III và nội các có vẻ rắp tâm xử sự như kẻ ác trong kịch bản của Whig.

Tuy nhiên, đặc biệt đáng chú ý ở đây là việc Jefferson sử dụng lối hùng biện và dẫn dắt câu chuyện của Whig là hoàn toàn chân thành. Dự thảo về *Những nguyên do và sự cần thiết* và bản dự thảo Tuyên ngôn sau này của ông, chưa được viết ra với tư cách một cuộc bút chiến có ý thức hoặc những tài liệu tuyên truyền có tính phóng đại. Những gì ông viết thực ra đã phản ánh sự hiểu biết của mình về những thế lực đang xoáy qua Mỹ Anglo-Saxon. Những điều mà một số đại biểu trong Quốc hội coi như một sự bóp méo hữu ích thuận tiện, có thể giúp vận động dư luận thuộc địa theo hướng mà số phận yêu cầu, thì Jefferson lại coi là sự xây dựng chính xác các yếu tố thiết yếu của tình hình chính trị. Dù có hay không việc ông lĩnh hội được phạm trù căn bản trong tư duy chính trị này từ các sử gia Whig và các nhà lý luận của Đảng Quốc gia, thì vào mùa xuân

năm 1776 ông đã triệt để hấp thụ phong cách và tinh hoa của họ vào nhân cách của mình, nơi chúng càng củng cố thêm sự ác cảm cực đoan với việc công khai thể hiện sự áp đặt cũng như khuynh hướng suy nghĩ đầy bản năng theo hướng phân đôi về đạo đức của ông. Vậy là Jefferson trở thành một người Whig điển hình với những giá trị Whig hấp dẫn, vì chúng pha trộn tuyệt vời với tính cách đặc trưng của Jefferson.

Ông cũng tỏ ra cực kỳ nhạy cảm trước bất kỳ lời chỉ trích nào đối với tác phẩm văn xuôi của mình. Điều này đã dẫn tới cuộc chiến chính trị đầu tiên của Jefferson trong Quốc hội Lục địa, khi John Dickinson đặt câu hỏi về giọng điệu và từ ngữ của một số đoạn trong dự thảo *Những nguyên do và sự cần thiết* của Jefferson. Dickinson là một đại biểu đến từ Pennsylvania, và là một lãnh đạo được công nhận của phe ôn hòa trong Quốc hội. Ông được đưa vào ủy ban để soạn thảo cuốn *Những nguyên do và sự cần thiết* để bảo đảm tài liệu này được cả hai đảng ủng hộ. Do đó, ký ức sau này của Jefferson về sự phản đối của Dickinson nghe có vẻ khá tin cậy: “Tôi đã chuẩn bị một bản thảo của bản Tuyên bố cho chúng ta. Nó quá mạnh mẽ với ông Dickinson. Ông ấy vẫn nuôi hy vọng hòa giải với mẫu quốc, và muốn nó giảm bớt những tuyên bố xúc phạm”.

Tuy vậy, sau nhiều cuộc điều tra trên giấy tờ trong thế kỷ 20, người ta thấy rằng hồi tưởng đáng tin cậy của Jefferson đã mất uy tín. Những sửa đổi theo đề nghị của Dickinson không hề làm giảm bớt đi thông điệp của Jefferson. Trong thực tế, Dickinson đã đưa vào đó những lời lẽ mạnh mẽ nhất và được trích dẫn nhiều nhất trong toàn bộ tài liệu: “Sự nghiệp của chúng ta là chính đáng. Tình đoàn kết của chúng ta là hoàn hảo. Nội lực của chúng ta là to lớn, và nếu cần thiết, chúng ta vẫn có sự hỗ trợ của nước ngoài”. Những phản đối của Jefferson căn bản chỉ là về văn phong và ngữ điệu. Những sửa đổi của Dickinson thể hiện một giọng văn thực tế hơn, bù đắp cho lối tư duy phân đôi đầy lâm ly của Jefferson. Tuy

nhien, Jefferson hầu như không thể chấp nhận bất kỳ xáo trộn nào trong những tác phẩm của mình. Ông đơn độc nghĩ ra cách sắp xếp từ ngữ của riêng mình. Trong khi ban soạn thảo trao đổi ý kiến, ông không hề hoan nghênh và coi tất cả các gợi ý quan trọng là những sửa đổi sai lạc. Sự thuần khiết trong bài viết của ông, giống như sự thuần khiết của sự nghiệp giải phóng thuộc địa, không cho phép sự thỏa hiệp.

Quốc hội Lục địa đã giải quyết bế tắc này bằng cách phê duyệt một dự thảo cuối cùng, trong đó bao gồm hầu hết các thay đổi của Dickinson. Dù đã được sửa đổi, nó vẫn giữ được giọng điệu của Jefferson mà một năm sau đó, dù hình thức có chút thay đổi, đã vang vọng qua các thời đại: “Vì Công lý và vì Ý kiến của nhân loại, chúng ta ràng buộc bản thân mình với nghĩa vụ tôn trọng phần còn lại của thế giới, thông báo Sự nghiệp chính nghĩa của chúng ta”. Giống như cuốn *Quan điểm tóm tắt*, việc viết ra cuốn *Những nguyên do và sự cần thiết* chính là một cách tổng duyệt cho việc soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập.

Đến cuối mùa hè năm 1775, các mô hình đã được thiết lập. Jefferson không đóng vai trò gì trong các cuộc tranh luận công khai, nhưng ông được bổ nhiệm vào một số ủy ban và thường chịu trách nhiệm soạn thảo các báo cáo. Ví dụ, ông được yêu cầu soạn thảo Nghị quyết của Quốc hội về Đề xuất của Lord⁽⁹⁾ North, một văn bản từ chối mạnh mẽ đề nghị thỏa hiệp miễn cưỡng của Chính phủ Anh. Ông được yêu cầu soạn thảo Tuyên bố về Sự đối xử của Anh với Ethan Allen, một cuộc biểu tình chống lại việc kết tội Allen phản quốc. Mặc dù không lên tiếng trước công chúng, cũng như tỏ ra dè dặt trong các cuộc tranh luận ở ủy ban và rất nhạy cảm trước những lời chỉ trích về tài viết của mình, ông vẫn được lãnh đạo phe cấp tiến tại Quốc hội xem là đồng minh đáng tin cậy và có giá trị. Hơn 50 năm sau, John Adams vẫn nhớ Jefferson là “một thành viên lặng lẽ trong Quốc hội”, nhưng “khá nhanh nhẹn, thẳng thắn, rõ ràng và cương quyết...

Ông ấy đã nhanh chóng giành được cảm tình của tôi”. Dù chỉ lớn hơn Jefferson 8 tuổi, nhưng Adams nói rằng ban đầu ông coi Jefferson như con trai.

⁽⁹⁾ Một danh xưng tôn kính (huân tước, tướng công)

Sự hấp dẫn của Monticello vẫn luôn là một cám dỗ. Thật vậy, nếu có một quy tắc vật lý căn bản dành cho tình cảm của Jefferson, thì đó là luật hấp dẫn đối với sự cô lập và ác cảm đối với lĩnh vực công: Ông ghét những cuộc tranh luận tại Quốc hội; hầu như không thể chịu đựng được mấy cuộc cãi vã trong các ủy ban; thích đọc và làm việc một mình trong khu vực của mình hơn, mong mỗi thoát khỏi “chiến trường cách mạng” hoàn toàn và lui về đỉnh núi của mình. Tháng 12 năm 1775, ông đã làm điều đó. Trong suốt mùa đông và mùa xuân, trong khi Thống đốc Virginia là Lord Dunmore tuyên bố thiết quân luật và chọc giận giới lãnh đạo Tidewater bằng cách mời gọi tất cả nô lệ tham gia cùng ông như những con người tự do vào cuộc chiến chống lại giai cấp chủ đồn điền, và trong khi nhịp độ chính trị ở Philadelphia đang tăng tốc, đặc biệt là sau khi cuốn *Lẽ thường* (Common Sense) của Tom Paine được công bố, Jefferson vẫn tách mình ở Monticello. Ông tập trung chăm sóc cho Martha, cô đang bị bệnh, có lẽ là do mang bầu khó khăn. Và ông theo đuổi những đam mê cá nhân. Ông chất đầy vang Madeira (của vụ nho năm 1770) trong hầm rượu của mình, công viên riêng thì đầy giống hươu thuần hóa, trong chuồng ngựa có cả giống ngựa con thuần chủng mới, và tâm hồn ông tràn đầy sự thanh bình.

Ông lên kế hoạch, dù miễn cưỡng, trở về Philadelphia trong tháng 4, nhưng lại vướng phải một “căn bệnh bí ẩn” khiến ông không thể làm việc suốt hơn một tháng. Căn bệnh ấy hóa ra là chứng đau nửa đầu, hiện tượng lần đầu được ghi nhận của thứ sẽ gây ra nỗi khổ sở bất cứ khi nào ông cảm thấy bị áp lực quá mức. Nguồn cơn trực tiếp gây ra áp lực mà ông cảm thấy vào mùa xuân năm 1776 có lẽ từ hai chuyện: thứ nhất, nhiệm vụ của ông trong Quốc hội Lục địa mâu thuẫn với những sở thích riêng của ông tại ngôi nhà của mình; thứ hai, mẹ ông đã qua đời vào ngày cuối cùng của tháng 3. Sự ghẻ lạnh của ông đối với mẹ rất có thể đã khiến

ông mang một tâm trạng đầy phức tạp, vừa day dứt vừa thanh thản. Lúc nào ông cũng chỉ nói tới sự kiện này một cách lạnh lùng và cụt ngủn. “Có thể anh vẫn chưa nghe nói đến cái chết của mẹ tôi”, ông viết cho William Randolph: “Điều này xảy ra vào ngày cuối cùng của tháng 3, sau cơn bạo bệnh gần một tiếng. Chúng tôi cho đó là trúng gió. Xin cho tôi gửi lời chào nồng nhiệt tới chị Randolph và những anh chị em họ mà tôi chưa biết...” Đoạn này được giữ lại và đề cập ngắn gọn trong cuốn tự truyện của ông, đó là lần cuối cùng Jefferson công nhận sự tồn tại của mẹ mình.

Ông trở lại Philadelphia vào ngày 14 tháng 5. Không chỉ không có ý niệm, dù mơ hồ, về những sự kiện lịch sử sắp diễn ra, ông còn thú nhận rằng mình đã hoàn toàn mất liên lạc với diễn biến tình hình tại Quốc hội, nên thậm chí ông đã cố gắng thuyết phục bạn bè ở Virginia giúp ông nhớ lại. Hội đồng lập pháp Virginia đang họp theo thường lệ tại Williamsburg để soạn thảo một hiến pháp bang, và giống như nhiều đại biểu khác ở Philadelphia, Jefferson cho rằng công việc chính trị quan trọng nhất hiện nay đang diễn ra tại cấp bang chứ không phải cấp quốc gia. Việc soạn thảo hiến pháp bang mới, ông nói, “là toàn bộ chủ đề của những tranh cãi hiện thời”. Ý ông là việc thành lập chính quyền bang là cách rõ rệt nhất để tuyên bố nền độc lập của Mỹ, thể hiện việc nước này đứng ra chịu trách nhiệm chính trị trong việc quản lý các công việc nội bộ của mình. (John Adams tán đồng quan điểm này, và mất cả mùa xuân để thiết kế mô hình hiến pháp cho một số bang). Peyton Randolph, Edmund Pendleton và Patrick Henry, tất cả đều lưu lại quê nhà ở Old Dominion, hoặc là để giám sát việc soạn thảo hiến pháp của Virginia, hoặc ra trận để chống lại đội quân nghèo khổ của Dunmore gồm các cựu nô lệ và những kẻ trung thành, George Washington cũng đang ở chiến trường để tổ chức quân đội Lục địa. Philadelphia đã trở thành, hoặc có vẻ đã trở thành, một sân khấu phụ.

Nhưng Philadelphia lại là nơi mà nhiệm vụ yêu cầu Jefferson phải ở lại. Đoán trước sắp có một mùa hè nắng nóng và ẩm ướt, ông quyết định chuyển chỗ ở của mình đến vùng ngoại ô thành phố để “tranh thủ lợi ích của không khí tự do lưu thông”. Ngày 23 tháng 5, ông chuyển chiếc ghế Windsor và bàn viết của mình đến chỗ mới trên tầng hai của một ngôi nhà gạch ba tầng ở góc giao giữa phố Market và phố Seventh. Chiếc ghế, cái bàn và toàn bộ ngôi nhà sẽ trở thành di vật thiêng liêng của điều mà lịch sử sắp ghi nhận như một thời điểm kỳ diệu nhất của Mỹ.

NHỮNG BÀI VIẾT VÀ BỐI CẢNH

Trong sáu tuần tiếp theo, từ giữa tháng 5 đến đầu tháng 7 năm 1776, Jefferson đã viết ra những từ ngữ, làm nên sự nổi tiếng của ông, và trong hai thế niên tiếp theo, đã gắn ông với phiên bản ảo mộng nhất của giấc mơ Mỹ. Kết quả là mảnh đất lịch sử này đã bị những đám sử gia chà đạp lên, không khí xung quanh nó vĩnh viễn đầy sự pha trộn sáng chói của những lời ca tụng và sự chế giễu. Quyền tác giả của ông đối với Tuyên ngôn Độc lập được coi là một trong số ít những tình tiết gần như tôn giáo trong lịch sử Mỹ, tại thời điểm mà chỉ ít là theo những lời giải thích lãng mạn nhất thì một Jefferson đơn độc được phép nhìn thoáng qua những chân lý vĩnh cửu, và sau đó được truyền cảm hứng văn chương để ghi tạc chúng vào tâm hồn Mỹ.

Bối cảnh căng thẳng này giúp ta bắt đầu ngộ ra rằng, Jefferson hay bất kỳ thành viên nào khác đều không nhìn thấy trước được tầm quan trọng mang tính lịch sử của những gì họ đang làm vào thời điểm đó. Hơn nữa, trong bối cảnh mùa hè năm 1776 ở Philadelphia, việc viết Tuyên ngôn Độc lập có vẻ không quan trọng bằng những ưu tiên khác, bao gồm việc xây dựng hiến pháp của các bang và viễn cảnh liên minh với Pháp hoặc Tây Ban Nha. Vầng hào quang xung quanh Tuyên ngôn vẫn chưa hình

thành. Ý nghĩa lịch sử mà ta gán cho Tuyên ngôn lúc này vẫn chưa tồn tại đối với những người làm ra nó.

Một người khi đó là John Adams, để lại một ghi chép cho thấy ông đã ý thức được “sự xuất hiện của việc sáng tạo”. Ông viết thư cho Abigail yêu quý của mình vào tháng 5 với lời tiên tri: “Khi tôi xem xét các sự kiện lớn đã qua, và các sự kiện lớn hơn thế đang phát triển nhanh chóng, rồi việc tôi có thể đã là một công cụ để chạm tới một số Lò xo, xoay một số Bánh lái nhỏ, những thứ đã và sẽ tạo ra Hiệu ứng như vậy, thì tôi cảm thấy một sự kinh ngạc không dễ gì mô tả trong đầu mình”. Hai tuần sau, ông thông báo với Abigail rằng mình đã bắt đầu sao chép lại tất cả các bức thư của mình, một dấu hiệu rõ ràng cho thấy ông định gửi chúng cho hậu thế. Nhưng Adams không phải trường hợp điển hình. Độ nhạy cảm thần kinh của ông đối với chỗ đứng riêng của mình trong lịch sử đã trở thành huyền thoại. Và nhận xét của ông vào thời điểm đó nhằm ám chỉ những hành động trong Quốc hội Lục địa đòi hỏi các bang phải soạn thảo hiến pháp mới, chứ không phải soạn thảo Tuyên ngôn, việc mà ông coi là một hành động muộn màng chỉ có tính trang trí.

Về phía mình, Jefferson vẫn tập trung vào các sự kiện ở Virginia. Trong suốt những tuần cuối tháng 5 và đầu tháng 6, ông cống hiến phần lớn năng lượng của mình để đưa ra ba dự thảo khác nhau của một hiến pháp mới cho bang quê nhà. Chịu ảnh hưởng rõ ràng của cuốn *Suy ngẫm về chính quyền* (Thoughts on Government) của John Adams, Jefferson nhấn mạnh sự phân chia quyền lực thành một cơ quan tư pháp độc lập, một cơ quan lập pháp lưỡng viện, một cơ quan hành pháp hạn chế (gọi là Ban quản trị để thể hiện việc thiếu quyền quản lý). Mọi tài liệu chính trị mà Jefferson đã viết cho đến thời điểm này trong đời ông đều là những tuyên bố phản đối một số khía cạnh trong chính sách của Anh. Vì vậy, điều thú vị có thể thấy ở đây là nỗ lực ban đầu của ông, với một tầm nhìn

tích cực và thiết thực về chính phủ, đã đề nghị một cấu trúc hiến pháp thông qua hình thức chung của các chính phủ thuộc địa cũ, trừ việc thu hẹp cơ quan hành pháp, rõ ràng là một bài học bắt nguồn từ sự kháng cự của thuộc địa trước những đòi hỏi của thủ hiến về đặc quyền hoàng gia.

Bất cứ ai khi quan sát nhằm tìm thêm những tính chất tiến bộ hiển nhiên trong suy nghĩ của Jefferson đều có thể phát hiện ra chúng. Dù yêu cầu tất cả các cử tri phải đạt điều kiện về tài sản, nhưng ông cũng đề xuất một chính sách phân phối đất trong đó mỗi cư dân sẽ được cấp 50 mẫu. Ông lặng lẽ đưa vào một điều khoản căn bản về quyền tự do tôn giáo tuyệt đối. Và ông thúc giục thông qua hiến pháp mới trong một hội nghị đặc biệt dành riêng cho mục đích đó chứ không phải là cơ quan lập pháp lâm thời, một ý tưởng dân chủ mà John Adams cũng đã đề xuất như một cách để thực hiện nguyên tắc về chủ quyền phổ biến. Nói tóm lại, quy định của Jefferson cho nền cộng hòa mới ở Virginia là một sự pha trộn ấn tượng của các hình thức truyền thống và cải cách có chọn lọc. Chúng hình thành nên một bối cảnh mà chính xác về mặt lịch sử, dù không chính thống, là để trả lời câu hỏi ai cũng muốn biết: Jefferson đã nghĩ về điều gì vào đêm trước khi ông viết nên Tuyên ngôn Độc lập? Câu trả lời là không thể chối cãi. Ông đã không nghĩ đến, như một số sử gia khẳng định, lý thuyết về quyền tự nhiên của John Locke hay triết lý đời thường của Scotland. Ông nghĩ về hiến pháp mới của Virginia.

Một khía cạnh trong tư duy của ông đã chứng tỏ nó có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ mà ông sắp đảm nhận. Trong lời nói đầu của mình cho bản thảo lần một và lần ba của hiến pháp Virginia, ông đã soạn một bản cáo trạng chống lại George III. Có thể thấy thấp thoáng những cáo buộc chống lại nền quân chủ Anh trong cuốn *Quan điểm tóm tắt*, rồi tiếp đến là những lời buộc tội công khai hơn trong cuốn *Những nguyên do và sự cần thiết*. Nhưng bản cáo trạng dài về nhà vua trong dự thảo hiến pháp

của ông đã mở rộng danh sách các tội ác chống lại quyền thuộc địa. Trên thực tế, đây là bản dự thảo gần như sau cùng của ông về danh sách các mối bất bình mà sau này đã trở thành phần dài nhất của Tuyên ngôn Độc lập.

Một trong những bất bình nổi bật hơn cả - phần vì nó liên quan đến vấn đề chẳng mấy chốc đã gây nên tranh cãi nhiều nhất trong cuộc tranh luận tại Quốc hội về ngôn từ của Tuyên ngôn, phần do sự khác biệt giữa những gì Jefferson đã viết cho hiến pháp Virginia vào tháng 5 với những gì ông đã viết cho Tuyên ngôn vào tháng 6 - đó là đoạn văn trong Tuyên ngôn, Jefferson buộc tội George III vì đã chủ mưu và duy trì việc buôn bán nô lệ, do đó ngụ ý rằng chế độ nô lệ là một thiết chế độc ác của một vị vua thối nát áp đặt lên người dân thuộc địa. Tuy nhiên, trong dự thảo trước đó cho hiến pháp Virginia, ông quy cho George III đã “xúi giục người da đen của chúng tôi đứng lên cầm súng chống lại chúng tôi, chính những người da đen này đã bị ông ta đối xử vô nhân đạo và không cho phép chúng tôi dùng luật pháp để ngăn chặn”. Ở đây ta có thể thấy Jefferson đang tung hứng giữa hai công thức không tương thích: một là để đổ lỗi cho nhà vua về chế độ nô lệ; hai là đổ lỗi cho ông ta về việc giải phóng nô lệ (tức lời tuyên cáo của Lord Dunmore). Đây là triệu chứng của một sự phân ly sâu sắc trong suy nghĩ của ông về chế độ nô lệ mà ông không bao giờ làm chúng hòa điệu được.

Một trong những câu hỏi khác thường được đặt ra - làm thế nào hoặc tại sao Jefferson lại được chọn để soạn thảo Tuyên ngôn? - cũng có thể trả lời được nếu xem xét lại bối cảnh lúc đó. Câu trả lời ngắn gọn là ông được chọn chắc chắn do dựa trên những tác phẩm ông từng soạn trước đây cho Quốc hội. Đó là chuyên môn của ông. Câu trả lời dài dòng hơn rõ ràng là bắt nguồn từ tình hình Quốc hội hồi tháng 6 năm 1776.

Virginia đã nắm quyền chỉ đạo bằng cách hướng dẫn các đại biểu của mình vào ngày 15 tháng 5 đề xuất việc Mỹ tuyên bố độc lập hoàn toàn khỏi Anh. Ngày 7 tháng 6, Richard Henry Lee đưa ra nghị quyết “rằng những thuộc địa hợp chủng đang và có quyền trở thành những Quốc gia tự do, độc lập”... Một cuộc tranh luận sau đó đã nổ ra về việc khi nào thì nên biểu quyết về nghị quyết của Lee. Quốc hội đã quyết định trì hoãn một cuộc bỏ phiếu cho đến ngày 1 tháng 7, chiếu theo ý muốn của các đoàn đại biểu vẫn đang bị chia rẽ (tức Pennsylvania) và các đoàn đại biểu chưa nhận được những hướng dẫn rõ ràng từ cơ quan lập pháp của bang họ (tức New York). Trong khi đó, một ủy ban đã tiến hành nghiên cứu một tài liệu nhằm thực hiện nghị quyết của Lee. Sự hiện diện của Virginia trong ủy ban là cần thiết, và Jefferson là đại biểu Virginia phù hợp nhất vì hai lý do: ông là một cây bút danh tiếng, và Lee, người có thể được lựa chọn, chính là tác giả của các nghị quyết trước Quốc hội và có lẽ sẽ thay mặt Quốc hội để dẫn dắt cuộc tranh luận.

Ủy ban triệu tập ngay sau khi được thành lập ngày 11 tháng 6. (Ngoài Adams và Jefferson, ủy ban còn bao gồm Benjamin Franklin, Robert Livingston và Roger Sherman). Những thành viên còn lại của ủy ban giao việc soạn thảo cho Adams và Jefferson. Theo lẽ thường, tại thời điểm này người ta có thể sẽ đặt câu hỏi tại sao Adams lại không viết. Đây là câu hỏi mà Adams đã đặt ra với chính mình vô số lần trong những năm sau này, khi mà tầm quan trọng của Tuyên ngôn cứ lớn dần trong hình dung của công chúng, và Jefferson tác giả của nó nhờ vậy mà có được tấm vé bước vào đền thờ Mỹ. Trong cuốn tự truyện của mình, Adams kể lại rằng ông ta giao lại nhiệm vụ cho Jefferson vì nhiều lý do, trong đó có việc ông ta hiểu rằng với tư cách một nhà lãnh đạo nổi bật của phe cấp tiến trong Quốc hội hai năm vừa qua, nếu ông ta viết bản dự thảo, nó sẽ là đối tượng bị xem xét và phê phán nhiều hơn. Nhưng những hồi ức về sau

như vậy thường che khuất thực tế rằng không có ai vào thời điểm đó lại coi việc soạn thảo Tuyên ngôn là một trách nhiệm lớn hay một danh dự. Adams, giống như Lee, cần phải tham gia dẫn dắt các cuộc tranh luận nơi nghị trường. Đó mới được coi là đấu trường quan trọng. Nên khi đó, việc Jefferson được yêu cầu soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập phần lớn là vì các tác giả khác đủ tư cách đã có những việc quan trọng hơn để làm.

Bối cảnh cực kỳ quan trọng. Trên thực tế, quyết định tuyên bố độc lập đã được đưa ra. Cuốn *Lẽ thường* của Thomas Paine, xuất bản hồi tháng 1, đã tràn qua các thuộc địa như một cơn bão lửa, phá hủy mọi tàn tích cuối cùng của lòng trung thành với vua Anh. Trong tháng 5, Quốc hội đã giao cho mỗi thuộc địa soạn thảo một hiến pháp mới cho bang, một hành động công khai thể hiện sự độc lập chính trị mà Adams luôn coi là động thái quyết định. Quan trọng nhất là chiến tranh đã diễn ra ác liệt được hơn một năm. Trên thực tế, phần lớn thời gian của Quốc hội dành cho việc lên kế hoạch chiến tranh và ra các quyết định quân sự, khi hạm đội Anh bị phát hiện ngoài khơi bờ biển New York và Nam Carolina, còn đội quân viễn chinh Mỹ tại Canada thì gặp thất bại nhục nhã. (Chỉ cần thêm một thất bại hoặc sai lầm quân sự lớn nữa, thì chiến tranh giành độc lập của Mỹ đã có thể kết thúc trước khi các đại biểu tại Philadelphia tuyên chiến). Hoàn cảnh lúc đó không cho phép người ta tin tưởng nhiều hoặc có cơ hội để chiêm nghiệm. Đó không phải là thời điểm thuận lợi để thi thố tài năng viết lách.

Nhưng cho dù họ biết điều đó hay không... và cũng chẳng có cách nào mà biết được - các thành viên Quốc hội Lục địa đã đặt công cụ lý tưởng này vào vị trí hoàn hảo chính xác ở thời điểm phù hợp. Trong suốt phần còn lại của sự nghiệp lâu dài của mình, Jefferson không bao giờ còn gặp lại một thử thách có thể giải phóng tốt nhất nguồn năng lượng sáng tạo của ông phù hợp hơn thế. Công việc này phải được thực hiện một mình,

tách khỏi các cuộc tranh luận nơi công cộng. Nó đòi hỏi phải có một phẩm chất cao quý để có thể liên kết nền độc lập Mỹ với những lực lượng lớn và vĩ đại, cho phép vượt qua cuộc khủng hoảng chính trị hiện thời và nâng trí tưởng tượng lên cao, hướng tới một thế giới thuần khiết và kỷ luật hơn. Cuối cùng, nó cần phải vẽ nên một cảnh tượng với màu sắc trong sáng, tương phản giữa sự thật và dối trá, giữa đúng và sai, giữa “nên là” và “chính là” mà không có bất kỳ một sắc thái trung gian hoặc may mắn nghi ngờ nào. Thật khó hình dung ra có người nào ở Mỹ lại được trang bị tốt hơn về mặt tâm lý cũng như kinh nghiệm để thực hiện được nhiệm vụ đó.

Jefferson viết Tuyên ngôn Độc lập chỉ trong một vài ngày - Adams sau này nhớ lại là “một hoặc hai ngày” - rồi cho Adams và Franklin xem bản dự thảo, sau này ông nhớ lại rằng “họ là hai người mà tôi mong được lắng nghe các góp ý và bổ sung nhất”. Họ đề nghị một vài sửa đổi nhỏ (ví dụ, thay thế “chân lý thiêng liêng và không thể chối cãi” bằng “chân lý hiển nhiên”); sau đó ủy ban đưa tài liệu ra trước Quốc hội Lục địa vào ngày 28 tháng 6. Sau khi nghị quyết của Lee được thảo luận và thông qua (ngày 1-2 tháng 7), Quốc hội đã sử dụng lời văn của Tuyên ngôn; Quốc hội đã đưa vào Tuyên ngôn một số thay đổi lớn và cắt mất khoảng một phần tư văn bản. Trong suốt cuộc tranh luận, Jefferson ngồi yên lặng và ủ rũ, xem mỗi đề xuất sửa đổi như một lần mất mặt. Franklin ngồi cạnh ông và cố gắng xoa dịu nỗi đau rõ ràng của ông bằng câu chuyện về một họa sĩ vẽ biển quảng cáo được một người thợ làm mũ thuê cứ liên tục yêu cầu phần chữ trên bảng hiệu phải thật súc tích cho đến khi không còn gì trên đó ngoài hình một chiếc mũ. Ngày 4 tháng 7, Quốc hội phê duyệt phiên bản sửa đổi, và Tuyên ngôn Độc lập được gửi đi in để xuất bản. Jefferson sau này nhớ lại rằng vào hôm đó, Tuyên ngôn đã được các thành viên của Quốc

hội ký vào, nhưng điều này gần như chắc chắn không chính xác: bản sao trên giấy da đã được hầu hết các thành viên ký vào ngày 2 tháng 8.

Phần lớn cuộc tranh luận tại Quốc hội và hầu hết các phiên bản dự thảo Tuyên ngôn của Jefferson đều tập trung vào cáo trạng dài chống lại George III, phần mà độc giả hôm nay lại ít quan tâm nhất. Sau này, khi Jefferson nhấn mạnh nhiều lần rằng ông không phấn đấu cho “tính độc đáo của nguyên tắc hay tình cảm” mà chỉ cố gắng cung cấp một “cách biểu đạt của tư tưởng Mỹ”, có lẽ ý ông là ở phần này được dùng để tổng kết 12 năm đấu tranh của thuộc địa chống lại chính sách Anh, được thiết kế bằng ngôn từ buộc nhà vua phải chịu trách nhiệm cho mọi rắc rối. Jefferson đã thử viết ra danh sách những mối bất bình này trong hơn hai năm, đầu tiên là trong cuốn *Quan điểm tóm tắt* và sau đó trong cuốn *Những nguyên do và sự cần thiết*, rồi trong bản thảo của ông về hiến pháp Virginia. “Tôi hy vọng bạn đã... đọc hết Chủ đề Khiếu nại về George III và bối rối khi phát hiện ra những gì Quốc hội sẽ làm với Tuyên ngôn Độc lập mà không cần sao chép lại”, Edmund Pendleton đã viết khi ông ta lần đầu tiên nhìn thấy phiên bản chính thức, nhưng thấy rằng bạn đã xử trí rất tốt điều đó”.

Nếu rõ ràng là một chiêu, thì với tư cách một phiên bản lịch duyệt của lịch sử Anh-Mỹ cận đại, phần này của bản Tuyên ngôn chắc chắn đã đứng vững trước thử thách của thời gian, cung cấp cho những người tìm hiểu về Cách mạng Mỹ một bản tóm tắt ngắn gọn về cuộc khủng hoảng hiến pháp từ quan điểm của người dân thuộc địa tại thời điểm thuận lợi. Tuy nhiên, với tư cách là sự phản ánh tư tưởng của Jefferson, thì đoạn này thiếu đi ba quan điểm nổi bật và đặc trưng của Jefferson về xung đột. Khi Jefferson viết thư cho bạn bè ở quê nhà Virginia, phần này rằng những lời phê bình trong Quốc hội đã, như cách một người bạn kể lại là, “làm sai lệch... bản thảo”, đây là ba sửa đổi chính làm ông tiếc nuối nhất.

Thứ nhất, như chúng ta từng biết trước đó, Quốc hội đã xóa một đoạn dài quy trách nhiệm cho George III về việc tiến hành “cuộc chiến tranh tàn bạo chống lại chính bản chất con người” bằng cách thiết lập chế độ nô lệ ở Bắc Mỹ; Jefferson cũng cáo buộc nhà vua đã ngăn chặn các nỗ lực của thuộc địa nhằm chấm dứt việc buôn bán nô lệ, rồi “lại kích động chính những người này đứng lên cầm vũ khí chống lại chúng tôi... bằng cách giết hại những người cũng bị ông ta ép buộc”. Một số ý tưởng phức tạp và thậm chí bị dày vò đang đấu tranh cho quyền tối cao ở đây. Có thể phỏng đoán rằng các thành viên Quốc hội đã quyết định xóa đoạn này đi vì quá lộn xộn, nó pha trộn giữa lời lên án ngầm chế độ nô lệ về mặt đạo đức với lời lên án công khai chế độ quân chủ Anh bởi đã mở đầu và cố gắng kết thúc chế độ đó.

Trong ghi chép riêng của mình về cuộc tranh luận tại Quốc hội, Jefferson cho rằng việc phản đối này hoàn toàn mang tính chính trị. Ông thuật lại, một vài đoàn đại biểu miền Nam, đặc biệt là đoàn Nam Carolina và Georgia, đã phản đối bất kỳ sự hạn chế nhập khẩu nô lệ nào, và nói thêm “tôi tin rằng người anh em miền Bắc cũng cảm thấy mình hơi yếu ớt trước những lời phản đối mạnh mẽ này; vì chính người của họ cũng có rất ít nô lệ, tuy nhiên họ lại là những người sở hữu khá nhiều nô lệ so với những người khác”. Rõ ràng Jefferson hàm ý rằng ông đã cố gắng giữ vững lập trường có tính nguyên tắc trong việc chống lại cả chế độ nô lệ lẫn việc buôn bán nô lệ, nhưng đa số đại biểu lại không sẵn lòng đi cùng ông.

Sự thật thì lộn xộn hơn nhiều. Về việc buôn bán nô lệ, từ kinh nghiệm của mình trong Hạ viện vùng, Jefferson biết rằng nhiều chủ nô lệ lâu năm trong khu vực Tidewater ủng hộ việc chấm dứt nhập khẩu, vì các đồn điền của họ đã đầy ắp nô lệ và những nô lệ mới đến sẽ chỉ làm giảm giá trị đám nô lệ hiện tại của họ. Nói một cách ngắn gọn, việc kết thúc

mua bán ở Virginia không đồng nghĩa với việc kết thúc chế độ nô lệ. Về chế độ nô lệ, cách nói của Jefferson mang ý nghĩa lớn về mặt bút chiến nhưng lại vô nghĩa về mặt lịch sử và tri thức. Những gì ông viết giúp cho những chủ sở hữu nô lệ như ông rũ bỏ được bất kỳ trách nhiệm hoặc sự đồng lõa nào với việc thành lập một tổ chức mà rõ ràng là mâu thuẫn với các giá trị tạo nên cơ sở cho nền độc lập non trẻ của Mỹ. Chế độ nô lệ là một trong những tàn tích của chế độ phong kiến bị những kẻ thừa kế độc ác của cuộc chinh phục Norman gán cho những người dân thuộc địa yêu chuộng tự do. Tất nhiên, điều này hoàn toàn là hư cấu, nhưng lại rất phù hợp với mong ước của Jefferson muốn giữ gìn sự trong sáng trong cách nghĩ về đạo đức hai mặt cũng như quan điểm lãng mạn của ông về nguồn gốc thuần khiết của Mỹ. Chế độ nô lệ là con rắn trong khu vườn được vua quỷ Satan gửi tới. Nhưng thông điệp đạo đức được truyền đạt bằng cách mô tả này lại không mang tính giải phóng cũng như gợi nhiều thương xót. Vì người dân thuộc địa không dính dáng đến sự ra đời của chế độ nô lệ - họ là những nạn nhân bất hạnh của sự man rợ của người Anh - họ không thể bị đổ lỗi cho sự tiếp diễn của chế độ này. Đây là một lời mời rũ bỏ trách nhiệm trong vấn đề này hơn là một lời kêu gọi chấm dứt chế độ nô lệ.

Thứ hai, Jefferson đã cố gắng một lần nữa, giống như ông đã cố gắng trước đó trong cuốn *Những nguyên do và sự cần thiết*, để chèn thuyết biệt xứ yêu thích của ông vào, khi cho rằng những người định cư đầu tiên đã phải tự trả giá khi ra đi, và rằng họ “không được trợ giúp bởi của cải hay sức mạnh của Anh”. Nỗi ám ảnh của ông về chủ đề này xuất phát từ sự tận tâm của ông với huyền thoại Saxon, cho phép tách biệt gọn gàng những người dân thuộc địa phái Whig và các bộ trưởng Anh phong kiến hoặc chuyên chế. Lịch sử rối ren của các mối quan hệ triều đình không phù hợp lắm với những phạm trù chính trị này, nhưng Jefferson thấy

việc sửa đổi lịch sử (ví dụ, cho rằng thuộc địa chưa bao giờ công nhận thẩm quyền của Hoàng gia hay Nghị viện) thì dễ dàng hơn việc từ bỏ lối phân đôi đạo đức của mình. Một lần nữa, các đồng nghiệp của ông trong Quốc hội Lục địa thấy lý luận của ông là quá khích.

Thứ ba, phần cắt bỏ cuối cùng nằm ở đoạn cuối trong dự thảo của Jefferson. Đây là một đoạn gây xúc động với hòa âm cực kỳ tình cảm, lên án “người anh em nước Anh của chúng ta” đã gửi đến “không chỉ những người lính cùng chung máu mủ ruột rà, mà còn cả đám lính đánh thuê người Scotch và nước ngoài để xâm chiếm và tiêu diệt chúng ta”. Đoạn này tiếp tục: “Những thực tế này đã đâm một nhát cuối vào tình cảm đau đớn, và tinh thần đàn ông buộc chúng ta phải từ bỏ mãi mãi người anh em vô tình này. Chúng ta phải cố gắng quên đi tình yêu năm xưa dành cho họ, và coi họ, như cách chúng ta coi phần còn lại của nhân loại, là kẻ thù trong chiến tranh, bạn bè trong hòa bình; nhưng dường như họ không đủ tự trọng để giao tiếp một cách đàng hoàng và tự do. Cứ vậy đi, vì họ sẽ nhận lại điều đó. Con đường dẫn đến hạnh phúc và vinh quang cũng đang mở ra cho chúng ta. Chúng ta sẽ bước đi xa khỏi họ”... Đây là một đoạn hùng biện đáng chú ý mà rõ ràng Jefferson coi là một trong những sáng tạo vượt trội của mình. Ngay cả đến cuối cuộc đời, ông vẫn cảm thấy cay đắng về việc đoạn này bị xóa. “Ý tưởng khiếm nhục rằng chúng ta có những bạn bè ở Anh đáng giữ quan hệ, vẫn còn ám ảnh tâm trí của nhiều người”, ông nhớ lại, và do đó những đoạn văn chuyển tải sự chỉ trích mạnh mẽ người Anh đã bị loại ra, vì sợ rằng chúng sẽ khiến họ cảm thấy bị xúc phạm”.

Điều làm cho độc giả hiện đại chú ý không phải là sự rụt rè của Quốc hội Lục địa trong việc cắt xén quá mức đoạn văn này cũng như sự phẫn khích của Jefferson trong lúc sáng tác ra nó. Như với thuyết biệt xứ, Jefferson đã lo lắng khi mô tả việc tách thuộc địa khỏi Đế quốc Anh như

là một quyết định có tính cưỡng ép đối với người dân thuộc địa, là những nạn nhân bị động chứ không phải là những nhân tố tích cực của cuộc cách mạng. Nhưng ở đây, mối liên hệ bị phá vỡ mang tính xúc động hơn là tính chính trị. Một mối quan hệ dựa trên tình yêu và sự tin cậy đã bị vi phạm, và bên bị phản bội là những người dân thuộc địa đã dũng cảm tiếp tục sống, dù bị tổn thương trước sự chối bỏ nhưng sẵn sàng một mình đối diện với tương lai rục rờ mà lẽ ra hai bên đã có thể chia sẻ cùng nhau. Đây là một cách biểu đạt cực kỳ lý tưởng hóa và vô cùng xúc động về cách thức và lý do của cuộc chia tay mùi mẫn, tái hiện cuộc khủng hoảng đế quốc trong sự ngây thơ lãng mạn mà Jefferson đã thể hiện như khi gặp gỡ những thiếu nữ lúc còn trẻ, một kiểu tâm lý được ăn cả ngã về không mà các đại biểu khác thấy không phù hợp với một tài liệu nhà nước có nội dung truyền đạt lý trí hơn là tình cảm.

TÍN ĐIỀU MỸ, GIÁC MƠ MỸ

Phần nổi tiếng nhất của Tuyên ngôn, vốn đã trở thành tuyên bố về các quyền con người được trích dẫn nhiều nhất trong lịch sử từng được ghi nhận, cũng như biện minh hùng hồn nhất cho cách mạng nhân danh các quyền đó, đã được Quốc hội Lục địa thông qua mà không bình luận gì và chỉ có một thay đổi rất nhỏ. Theo mọi khả năng, đó là 58 từ⁽¹⁰⁾ nổi tiếng nhất trong lịch sử Mỹ: “Chúng tôi khẳng định một chân lý hiển nhiên; rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng; rằng Tạo hóa đã ban cho họ những Quyền [tất yếu và] bất khả xâm phạm; trong đó có quyền sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc; rằng để bảo đảm những quyền này, các chính phủ được lập ra trong nhân dân, và có được những quyền lực chính đáng trên cơ sở sự nhất trí của nhân dân”. Đây là một tuyên bố có sức ảnh hưởng ghê gớm của Tín điều Mỹ, thứ gần nhất với thi ca chính trị từng được sáng tác trong nền văn hóa Mỹ. Trong thế kỷ 19, Abraham Lincoln, người cũng biết làm thế nào để thay đổi lịch sử bằng ngôn từ, đã kết hợp

quan điểm gần như có tính tôn giáo của Jefferson với tài hùng biện đặc trưng để tạo ra lời răn đúng chất Mỹ: “Tất cả vinh dự dành cho Jefferson - người mà dưới áp lực nặng nề của cuộc đấu tranh giành độc lập của một dân tộc đơn nhất, vẫn giữ được sự bình tĩnh, khả năng phán đoán, và đưa một chân lý trừu tượng vào một tài liệu mang tính cách mạng đơn thuần, rồi lưu giữ ở đó, để hôm nay và cả mai sau, trở thành lời khiển trách và là trở ngại cho bất kỳ dấu hiệu nào của sự quay trở lại độc tài và áp bức”. Toàn bộ lịch sử của cuộc lịch sử của cuộc cải cách tự do ở Mỹ có thể được viết ra qua ngôn từ của Jefferson như một quá trình khám phá, một nhiệm vụ tinh thần nhằm chấm dứt chế độ nô lệ, trao quyền công dân cho người da đen và phụ nữ, biện minh cho các chương trình phúc lợi xã hội đối với người nghèo và mở rộng quyền tự do cá nhân.

⁽¹⁰⁾ Số từ trong bản tiếng Anh, còn khi được dịch ra các ngôn ngữ khác nhau, con số này có thể thay đổi.

Không có người nghiên cứu nghiêm túc nào về Jefferson hay Tuyên ngôn Độc lập nói rằng anh ta đã thấy trước tất cả và thậm chí hầu hết những hậu quả tư tưởng của những gì ông viết. Nhưng nỗ lực giải thích những gì đã diễn ra trong đầu ông tạo nên nhiều cách diễn giải bằng những từ ngữ sinh ra từ các phong trào chính trị. Trong suốt sự nghiệp của mình, bản thân Jefferson cũng nhiều lần bị kẻ thù hoặc bạn bè ghen ghét buộc tội đạo văn tới nỗi ông đã viết sẵn một lời đáp trả. “Không nhằm vào sự độc đáo của nguyên tắc hay tình cảm, hay sao chép từ bất kỳ văn bản cụ thể nào trước đó”, ông giải thích, ông đã vạch ra ý tưởng của mình từ “tình cảm hài hòa về thời đại cho dù thể hiện bằng con chữ, những bài tiểu luận được in ra hay trong những cuốn sách vỡ lòng về quyền công chúng của Aristotle, Cicero, Locke, Sidney, v.v.”

Đây là một lời giải thích nước đôi rất khéo léo, vì nó vừa phản đối bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến tính độc đáo của Tuyên ngôn, lại vừa khẳng định rằng ông không dựa vào một văn bản hay nguồn cụ thể nào. Hình ảnh mà câu trả lời này gợi lên là một người trung dung, ngồi một mình tại bàn làm việc và biến mình thành một công cụ tích lũy sự thông thái và “tình cảm hài hòa” qua nhiều năm. Hình ảnh này rất gần với cái nhìn của Lincoln về Jefferson như một thánh nhân hay nhà tiên tri, nhận được thông điệp của các vị thần rồi chuyển tới chúng ta và mai sau. Với đặc điểm mang tính tín điều ở phần nói về quyền tự nhiên của Tuyên ngôn, nhiều thế hệ phiên dịch viên Mỹ đã cảm thấy bị thôi thúc và không thể cưỡng lại việc để cảnh tượng ấy tắm mình trong thứ ánh sáng li ti và mờ sương, hàm ý về những nỗ lực xua tan màn bí ẩn thể hiện sự kết hợp mơ hồ nào đó giữa sự báng bổ thánh thần và phản bội.

Bất kỳ nỗ lực nghiêm túc nào nhằm nhìn xuyên qua bức màn này phải bắt đầu bằng việc phục hồi nguyên trạng căn phòng trên các phố Market và Seventh hồi tháng 6 năm 1776. Ngay cả khi chúng ta tin vào lời

của Jefferson rằng ông không sao chép những phần của Tuyên ngôn từ cuốn sách cụ thể nào, thì ông gần như chắc chắn đã có trong tay những bản sao tác phẩm trước đó của riêng mình, bao gồm *Quan điểm tóm tắt, Những nguyên do và sự cần thiết* và ba bản thảo của ông về hiến pháp Virginia. Đây không phải là để buộc tội ông đạo văn, trừ phi muốn lập luận rằng một tác giả có thể đạo văn của chính mình. Đó là để nói rằng hầu như mọi ý tưởng và đa phần ngôn từ cụ thể được tìm thấy trong Tuyên ngôn, đặc biệt là sự bất bình với George III, đã được thể hiện qua những bài viết trước đó.

Hãy nhớ lại bối cảnh. Quốc hội đang bị ngợp với các báo cáo quân sự về sự thất bại sắp xảy ra của quân Mỹ ở New York và Canada. Cả Quốc hội họp sáu ngày một tuần, còn các ủy ban thì họp xuyên đêm. Rõ ràng là Jefferson nên tham gia vào quá trình này để viết lại bản thảo trước đó của ông về cùng một chủ đề chung. Mặc dù nếu nói rằng quá trình sáng tạo nên Tuyên ngôn là một công việc cắt-và-dán nghe có vẻ báng bổ, nhưng không tài nào có thể tin được cũng như hiểu được rằng Jefferson đã không có những tài liệu này trong tay và tự do phác thảo ra chúng khi soạn thảo Tuyên ngôn.

Cũng cần nhớ rằng hiển nhiên là trước đó ông đã bận tâm với những sự kiện đang diễn ra ở Hội nghị Virginia, cũng là lúc hiến pháp Virginia được soạn thảo. Trong suốt giai đoạn cuối tháng 5 và đầu tháng 6, các giao liên đã phải chạy qua chạy lại giữa Williamsburg và Philadelphia, mang theo bản thảo hiến pháp mới của Jefferson đến hội nghị và các báo cáo về cuộc tranh luận ở đó đến Quốc hội Lục địa. Ngày 12 tháng 6, những người Virginia nhất trí thông qua lời mở đầu do George Mason soạn thảo, bao gồm những từ này: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng và độc lập và có những quyền tất yếu và tự nhiên..., trong đó có quyền hưởng thụ cuộc sống và tự do, được thực hiện thông qua việc mua và sở

hữu tài sản, mưu cầu và đạt được hạnh phúc và an toàn”. Từ *Pennsylvania Gazette* đã công bố những từ trên của Mason cùng ngày chúng được thông qua tại Williamsburg. Vì phiên bản cùng ý tưởng của Jefferson được soạn thảo vào tuần tiếp sau đó, và vì chúng ta biết rằng ông coi các sự kiện đang diễn ra ở Virginia quan trọng hơn những gì đang xảy ra ở Philadelphia, và rằng ông được những người đưa tin cập nhật, nên khó có thể phủ nhận ảnh hưởng của Mason lên ngôn ngữ của ông.

Trong khi điều đó lý giải cho việc sử dụng cụm từ rất đắt là “mưu cầu hạnh phúc”, có thể Mason đã tự mình chọn ra cụm từ này từ nhiều nguồn Anh và Mỹ, nhưng nó lại không lý giải được việc Jefferson bỏ đi từ “tài sản”, gây ra nhiều tranh cãi. “Tài sản” cũng là quyền căn bản thứ ba được ghi nhớ trong cuốn *Khảo luận thứ hai về chính quyền* (Second Treatise on Government) của Locke. Ông đã tự chọn việc bỏ đi từ này. Có thể ông nhận thấy ngôn ngữ của Mason đã gây ra sự phản đối mạnh mẽ từ phía một nhóm tầng lớp chủ đồn điền Virginia, những người lo lắng rằng điều này ám chỉ việc phủ nhận chế độ nô lệ; họ khăng khăng đòi sửa bằng cách loại vấn đề nô lệ ra và thêm vào một điều khoản quy định “khi họ trở thành một quốc gia xã hội”. Tất cả những điều này cho thấy rằng Jefferson có thể đã nhận thức được sự mâu thuẫn giữa phiên bản riêng của ông về triết lý quyền tự nhiên với chế độ nô lệ. Bằng cách bỏ đi sự liên hệ với quyền “tài sản”, ông sẽ làm lu mờ được mâu thuẫn đó. Điều này đã giúp trả lời câu hỏi thú vị về việc tại sao không có cuộc tranh luận nào về vấn đề này xảy ra tại Quốc hội Lục địa, như đã xảy ra trong Hội nghị Virginia. Có lẽ cuộc tranh luận về điều khoản liên quan đến việc buôn bán nô lệ cũng phục vụ mục đích đó.

Tuy nhiên, bên cạnh câu hỏi liên quan đến sự ảnh hưởng ngay lập tức trong việc lựa chọn từ ngữ của Jefferson và cách ông định hình trường hợp giành độc lập, còn một câu hỏi mờ mịt hơn liên quan đến những ảnh

hưởng lâu dài đối với tư duy chính trị của ông. Cứ cho rằng những tác phẩm và dự thảo hiến pháp Virginia trước đó của ông gần như chắc chắn nằm rải rác trên đui và bàn làm việc của ông, vậy thì những ý tưởng trong các văn bản đó đến từ đâu? Cứ cho rằng, ngoài việc có lý do để nghi ngờ những tài liệu Jefferson đã xem, thì chúng ta đã biết rằng ông và các đại biểu khác trong Quốc hội bị đặt dưới một áp lực rất lớn là phải xử lý được cuộc chiến tranh đang diễn ra, trong khi thảm họa quân sự đang đe dọa xảy ra ở Canada và New York, vì vậy ông chẳng có mấy thời gian mà chỉ có thể sử dụng lại các tác phẩm trước đây của mình, vậy những ý tưởng cốt lõi nào đã định hình trong đầu ông?

Những câu trả lời hiện có được chia thành hai nhóm chính, mỗi nhóm đều là những lập luận thuyết phục của các học giả nổi tiếng, và mỗi nhóm đều tìm thấy nguồn cơn tư tưởng chính trị của Jefferson trong các cuốn sách nhất định. Theo cách lý giải trước kia và vẫn được coi trọng hơn thì nguồn cơn ấy nằm trong suối nguồn tri thức của John Locke. Thậm chí, lúc Jefferson còn sống, đã có một số nhà bình luận, thường có ý ngờ vực sự độc đáo của ông, cho rằng học thuyết về quyền tự nhiên và hệ quả là sự ủng hộ đối với cuộc cách mạng đúng đắn được lấy trực tiếp từ *Khảo luận thứ hai* (Second Treatise) của Locke. Chẳng hạn, Richard Henry Lee cho rằng Jefferson đơn thuần “đã sao chép từ khảo luận về chính quyền của Locke”. Một số kết luận chính được rút ra từ các tiền đề của Locke, chúng là tư tưởng của Jefferson vốn mang tính tự do và cá nhân, và dù ông đã thay “tài sản” bằng “muru cầu hạnh phúc”, nhưng về căn bản, vẫn phù hợp với tâm tư kiểu tư bản mới nổi của Mỹ.

Truyền thống diễn giải thứ hai và gần đây hơn cho rằng nguồn cơn tư tưởng của Jefferson nằm trong phong trào Khai sáng Scotland, đặc biệt là triết lý đạo đức của Francis Hutcheson. Điều mấu chốt ở đây là niềm tin của Jefferson vào sự bình đẳng tự nhiên của con người, chủ yếu xuất

phát từ học thuyết của Hutcheson về ý thức đạo đức”, một thứ vốn có trong tất cả mọi người mà không chính phủ nào có thể vi phạm. Hơn nữa, trường phái tư tưởng Scotland đã liên kết Jefferson với một truyền thống mang tính tập thể hay làng xã nhiều hơn, đi ngược lại với chủ nghĩa tự do của Locke và do đó không phù hợp với chủ nghĩa cá nhân quá khích, đặc biệt là loại chủ nghĩa cá nhân gắn với hành vi săn mồi (ăn cướp) trên thị trường.

Trên thực tế, có một cách giải thích thứ ba gần đây nhất và lạ lùng nhất, vừa thú vị vừa kỳ dị, đưa ra giả thuyết cho rằng Jefferson định để Tuyên ngôn được đọc to lên hoặc được trình diễn. Cách giải thích này dựa trên phát hiện rằng dự thảo cuối của ông đã được nhấn mạnh bởi một loạt các dấu ngoặc kép, được thiết kế để hướng dẫn cho việc đọc tài liệu nhằm nâng cao hiệu ứng kịch tính của nó. Phát hiện này dẫn đến kết luận rằng Jefferson chịu ảnh hưởng bởi những cuốn sách mới về hùng biện của các tác giả Anh như James Burgh và Thomas Sheridan, trong đó cho rằng ngôn ngữ nói có được sức mạnh của nó nhờ việc chơi đùa với những cảm xúc vô thức của khán giả. Bí quyết sức mạnh của Tuyên ngôn, theo như lập luận này, là xuất phát từ dàn nhạc ngôn ngữ có ý thức của Jefferson, nắm được thuật hùng biện mới, vốn không chấp nhận bất kỳ sự đối lập nào (tức là chế độ nô lệ và sự bình đẳng của con người; chủ nghĩa cá nhân và tập thể) với một loại giao hưởng bằng lời nói mà giờ đây vẫn đang thịnh hành trong nền văn hóa chính trị Mỹ.

Mỗi cách lý giải trên lại cung cấp những hiểu biết có giá trị về ngọn nguồn trí tuệ trong tư tưởng của Jefferson khi ông ngồi viết Tuyên ngôn. Rõ ràng, ông hiểu rõ về Locke, dù chuyên luận của Locke mà ông yêu thích không phải về chính quyền mà là *Tiểu luận về sự hiểu biết của con người* (Essay on Human Understanding). Điều đó cho thấy tuyên bố căn bản rằng cách mạng được biện minh nếu những kẻ cai trị hiện thời tỏ ra

tôn trọng một cách có hệ thống các quyền của người dân chắc chắn có nguồn gốc từ Locke. Có thể Jefferson đã bắt chước ngôn ngữ cụ thể của George Mason, nhưng cả hai đều biết họ đang diễn giải lời của ai. Một điều rõ ràng không kém là Jefferson tin rằng đặc điểm và ý nghĩa nổi bật khiến con người hoàn toàn là con người, đó là ý thức đạo đức. Rốt cuộc, vẫn không biết được ông xây dựng niềm tin ấy bằng cách đọc Hutcheson hoặc thành viên nào đó của trường phái Scotland, hay từ quan sát cá nhân của riêng ông về hành vi con người, nhưng điều đó không thực sự quan trọng.

Việc cho rằng mục đích Jefferson muốn Tuyên ngôn được đọc to lên là rất khó chấp nhận. Một cách giải thích đơn giản hơn cho những dấu chấm câu khác thường của ông là ông lo rằng mình có thể sẽ bị yêu cầu phải đọc to tài liệu này khi ủy ban trao nó cho Quốc hội vào ngày 28 tháng 6, vì vậy ông đã chèn vào những hướng dẫn về cách đọc, vì không tin vào khả năng hùng biện vốn nổi tiếng hạn chế của mình. (Chúng ta thật sự không biết liệu ông đã tự đọc nó hay nó đã được thư ký Quốc hội đọc). Nhưng việc thừa nhận rằng Tuyên ngôn chơi đùa với tình cảm của người đọc và người nghe, rằng giọng điệu và vần điệu căn bản của nó hoạt động theo những kiểu bí ẩn để giành được sự chấp thuận bất chấp những mâu thuẫn về mặt logic và sự ngắt mạch, vẫn là một chi tiết chủ chốt đáng phải suy ngẫm.

Tuy nhiên, vấn đề trọng tâm của tất cả những lời giải thích trên đây là chúng biến tư tưởng của Jefferson thành một chức năng riêng của sách vở. Đúng vậy, ông đọc ngẫu nhiên như một người trẻ tuổi, ghi chép những gì đọc được và để lại một danh sách chi tiết những cuốn sách trong thư viện của mình. Vì chúng ta biết rất nhiều về thói quen đọc sách của ông, nhưng lại biết rất ít về các khía cạnh khác trong cuộc sống thời trẻ của Jefferson (lại là do trận hỏa hoạn Shadwell), nên chúng ta

không tài nào cưỡng được cảm dỗ trước việc ngâm liên hệ các ý tưởng của ông với những cuốn sách ông đọc. Rồi một khi mối liên hệ được thiết lập, chẳng hạn như với Locke hay Hutcheson, thì chúng ta lại thoải mái bàn về những văn bản nào đó cứ như là đang bàn về tư tưởng của Jefferson vậy. Đây là một truyền thống lâu đời trong giới học thuật - có thể gọi nó là phiên bản học thuật của việc cấp phép thi vị - nghĩa là theo giả định bất thành văn thì những gì người ta nghĩ, phần lớn hoặc hoàn toàn là sản phẩm của những gì người ta đọc.

Trong trường hợp của Jefferson, đây là một giả định rất có vấn đề. Trường hợp cụ thể ở đây là phần nói về quyền tự nhiên của Tuyên ngôn, nó đưa chúng ta lang thang trên những con đường mòn văn học tìm kiếm mùi hương tưởng như của các tác giả người Anh hay Scotland, trong khi đối tượng được săn tìm lại đang ngồi ngay trước mặt chúng ta. Trong tất cả các ấn phẩm trước đây của mình, chàng thanh niên Thomas Jefferson đã thể hiện một hứng thú mạnh mẽ và sự gắn bó sâu sắc với tầm nhìn về một xã hội lý tưởng. Ông tìm thấy nó ở nhiều nơi “hồi đó” trong quá khứ: những khu rừng Saxony; nước Anh trước khi có cuộc xâm lăng của người Norman; các thuộc địa Mỹ trước khi có chiến tranh Pháp-Ấn. (Ở đây, những thứ ông đọc trước đó rõ ràng đã có một ảnh hưởng không thể chối cãi, dù những cuốn sách liên quan là lịch sử Whig và các bài viết của Real Whig, nhưng chúng đã được tiêu hóa triệt để tới nỗi chủ đề và chủng loại của chúng được hòa vào tâm trí Jefferson rất tinh tế). Một số lập luận của ông về nền độc lập Mỹ, tất cả đã được định hình xung quanh một motif chủ đạo, trong đó hiện tại không hoàn hảo và không đầy đủ tương phản với một tương lai hoàn hảo và thuần khiết, có thể đạt được một khi nguồn gốc của sự thối nát được loại bỏ. Theo bản năng, tư tưởng của ông nhìn nhận mọi sự theo hai mặt, sử dụng nguồn năng lượng đạo đức có được từ việc làm nổi bật sự tương phản giữa mặt

tốt với mặt xấu trong mọi trường hợp hoặc mọi vấn đề. Trong khi ngôn ngữ của ông thường đầy màu sắc, thì các thông điệp tiềm ẩn gần như luôn chỉ có màu đen và trắng.

Tâm nhìn mà ông nêu lên trong phần quyền tự nhiên của Tuyên ngôn, khi đó lại thể hiện một công thức khác trong trí tưởng tượng của Jefferson. Hình thức cụ thể của tầm nhìn chắc chắn dựa trên ngôn ngữ mà Locke đã dùng để mô tả các điều kiện giả định của xã hội trước khi các chính quyền được thành lập. Nhưng ham muốn nắm bắt một xã hội lý tưởng như thế đến từ sâu bên trong chính con người Jefferson. Đó là tầm nhìn của một thanh niên, bộc lộ khát vọng cá nhân về một thế giới, trong đó tất cả các hành vi là tự nguyện, và do vậy mọi sự cưỡng ép đều không cần thiết, nơi độc lập và bình đẳng không bao giờ xung đột với nhau, nơi ngọn nguồn của mọi thẩm quyền đều vô hình, bởi chúng đã được tích hợp vào trong. Những nỗ lực về phía các học giả nhằm xác định liệu xã hội theo luật định của Jefferson về căn bản có mang tính cá nhân hay cộng đồng hay không chẳng bao giờ có thể đi đến hồi kết, vì trong xã hội không tưởng của Jefferson không cần những lựa chọn như vậy. Chúng hòa hợp với nhau một cách tự nhiên.

Dù mắc nợ với Locke, nhưng tầm nhìn chính trị của Jefferson mang tính cực đoan hơn là tự do, được lái theo chủ nghĩa lãng mạn của tuổi trẻ vốn không muốn đàm phán các tiêu chuẩn cao của nó với một thế giới không hoàn hảo. Một trong những lý do tại sao các nhà bình luận châu Âu về chính trị Mỹ thấy những kỳ vọng Mỹ là quá đáng và lối tư duy chính trị Mỹ nói chung gây thơ một cách thú vị, đó là vì Jefferson được phép nuôi dưỡng những hy vọng và ảo tưởng của tuổi trẻ, rồi đưa thẳng chúng vào thứ mà hóa ra lại chính là văn bản sáng lập nên nền Cộng hòa Mỹ. Như vậy, giấc mơ Mỹ rõ ràng chỉ là giấc mơ của Jefferson.

TRỐN THOÁT

Chẳng bao lâu sau ông đã soạn thảo xong Tuyên ngôn, nhưng trước khi các cuộc tranh luận về nó được mở màn trong Quốc hội Lục địa, Jefferson đã bày tỏ mong muốn mạnh mẽ của mình là thoát khỏi Philadelphia. “Tôi xin lỗi”, ông viết cho Edmund Pendleton, rằng “với nội tình hiện thời của tôi, tôi buộc lòng không còn cách nào khác phải khẩn khoản đề nghị một người thế chỗ tôi ở đây”, và giải thích theo cách gián tiếp của ông rằng “sự tinh tế của Quốc hội sẽ không yêu cầu tôi phải trình bày chi tiết những nguyên do cá nhân của việc cần thiết này”. Không còn nghi ngờ gì nữa, “những nguyên do cá nhân” liên quan đến sức khỏe của Martha: cô đã mang thai lần thứ ba trong sáu năm và bị sẩy thai vào mùa hè đó. “Lạy Chúa, vì lợi ích quốc gia chúng ta, và vì lợi ích của tôi”, ông viết cho Richard Henry Lee, “tôi có một nghĩa vụ thiêng liêng là phải về nhà”. Việc soạn thảo Tuyên ngôn, rồi vắng mặt trong các cuộc tranh luận về nội dung của nó, đặc biệt khi trung tâm thế giới riêng tư của ông tại Monticello đang gặp nguy hiểm, là hoàn toàn phù hợp với tính cách của ông.

Nhưng ở Philadelphia lại cần đến ông để bảo đảm đủ số đại biểu cho đoàn Virginia, gồm toàn những người muốn tham dự các cuộc tranh luận hiến pháp tại Williamsburg. Vì vậy, Jefferson đã thực hiện nhiệm vụ của mình, ở lại vị trí trong suốt mùa hè. Ông không đóng góp gì cho những cuộc tranh luận tại Quốc hội về các liên minh nước ngoài tiềm năng, hoặc hình thức của chính phủ quốc gia theo các điều khoản của Liên bang, nhưng ông đã ghi chép chi tiết về những gì người khác nói, và đây là những ghi chép lịch sử đầy đủ nhất về các cuộc trao đổi này. Trong bối cảnh lúc đó, những vấn đề này lộ lộ hiện ra, lấn át việc thông qua Tuyên ngôn, được ký trên giấy da bởi tất cả các thành viên có mặt vào ngày 2 tháng 8. Một trong nhiều trớ trêu của việc ký này là Jefferson đã có mặt để gắn tên ông vào tài liệu đã làm nên danh tiếng cho mình, chỉ vì

ông bị bắt buộc, trái với ý muốn của mình, nhằm duy trì sự hiện diện chính thức của đoàn đại biểu Virginia tại Quốc hội.

Về phần mình, Jefferson đã từ chối trách nhiệm đối với phiên bản của Tuyên ngôn được thông qua tại Quốc hội. Ông giải thích với bạn bè ở quê nhà Virginia là phiên bản của riêng ông đã bị đối xử tồi tệ (từ được dùng ở đây là “làm mất hay”); ông đã dành bao công sức để sao chép dự thảo của riêng mình, với các phần sửa đổi được Quốc hội chèn vào bên lề và phục hồi các đoạn bị xóa. Ông cần phân biệt ngôn ngữ của mình với phiên bản được xuất bản và lưu hành trên toàn quốc, khẳng định rằng Quốc hội đã pha loãng thông điệp tinh khiết của ông để xoa dịu những người thiếu lòng tin, vẫn còn hy vọng vào việc hòa giải với Anh. Dù sự việc chưa hẳn đã là như vậy - bản dự thảo của ông được biên tập lại, phần nhiều là để làm rõ hơn là để thỏa hiệp - nhưng Jefferson vẫn có cảm giác bị tổn thương vì sự phản bội của Quốc hội trong suốt phần đời còn lại.

Bạn bè ông ở Virginia, có lẽ nhận ra việc ông cần được an ủi, nên đã hồi âm cho ông bằng một giọng cảm thông. “Tôi cũng thấy nên theo Tuyên ngôn Độc lập gốc của anh”, Edmund Pendleton giải thích, “tôi thấy đồng nghiệp của anh đối xử với nó như cách họ đã làm với Tuyên ngôn mùa hè năm ngoái của anh [tức là cuốn *Những nguyên do và sự cần thiết*], thay đổi nó theo hướng tồi tệ hơn nhiều; hy vọng của họ về một Sự hòa giải có thể đã níu chân họ tìm đến những chân lý rõ ràng, nhưng điều gì có thể ngăn được họ đây?” Richard Henry Lee cũng cố gắng xoa dịu lòng kiêu hãnh bị tổn thương ở người bạn trẻ của mình bằng cách đồng ý rằng dự thảo của Jefferson hay hơn nhiều, nhưng kết luận rằng “bản chất của Nó đã rất tốt rồi, nên không có Kỹ thuật nấu nướng nào có thể làm hỏng Món ăn chỉ vì khẩu vị của Người tự do”. Sự quá mẫn cảm của Jefferson trước những lời chỉ trích cản trở khả năng có được một quan điểm tách biệt giống Lee. Ông tự hài lòng với việc giữ nguyên, với

mục đích lưu giữ mang tính lịch sử, sự khác biệt giữa từ ngữ của riêng mình và của phiên bản chính thức.

Sự nhạy cảm của ông đã vượt ra ngoài vấn đề về dự thảo Tuyên ngôn. Vào tháng 7, ông nghe được lời đồn đang lan ra ở Williamsburg rằng sự ủng hộ của ông với nền độc lập chỉ ở mức làng nhàng, một lời quy kết sai lầm có lẽ xuất phát từ mục đích ở ẩn của ông tại Monticello vào mùa xuân, trong khi các nhà lãnh đạo Virginia khác đang trên mặt trận chống Dunmore. “Thật là một tình trạng đau đớn khi đang ở cách đất nước 300 dặm”, ông than phiền với người bạn cũ của mình là William Fleming, “và phải đối mặt với một vụ ám sát bí mật mà không tài nào tự vệ được”. Sau đó vào cuối tháng, ông nghe nói các báo cáo đang được lưu hành trong giới lãnh đạo Virginia nói rằng ông ấp ủ những ý tưởng cực đoan nguy hiểm về sự khôn ngoan cố hữu của nhân dân nói chung, các báo cáo đó có lẽ dựa trên việc suy đoán của giới chủ đồn điền về ngôn ngữ của ông khi nói về quyền tự nhiên trong Tuyên ngôn. Ông đã cố gắng dập tắt những tin đồn này bằng cách viết thư cho Edmund Pendleton, người kế nhiệm Peyton Randolph vừa qua đời, đại diện cho tầng lớp ưu tú của Tidewater, để bảo đảm với ông này rằng “ý tưởng kỳ quái về đức hạnh và lợi ích công là đủ để bảo đảm an ninh nước nhà..., những điều mà ai đó khẳng định với ngài, thì tôi bảo đảm với ngài rằng chưa bao giờ là của tôi”. Ông lưu ý Pendleton rằng không có bản thảo nào của ông về hiến pháp Virginia lại kêu gọi bầu cử trực tiếp Thượng viện: “Tôi đã từng quan sát để thấy rằng lựa chọn của người dân thường không thật sự khôn ngoan” và rằng “lựa chọn của họ thường thô sơ và không đồng nhất”.

Rồi có người quy kết là ông không có lòng dạ nào với cuộc chiến tranh và đã mềm lòng trước câu hỏi có nên có hành động quân sự chống lại người da đỏ liên minh với người Anh hay không. Ông viết thư về nhà để bảo đảm với bạn bè rằng quy kết này cũng là vu khống. Ông ủng hộ một

chiến dịch toàn diện chống lại người da đỏ, truy đuổi họ không thương tiếc: “Không gì có thể làm giảm bớt quân số của những tên khốn này sớm bằng cách đẩy cuộc chiến vào trung tâm đất nước của chúng. Nhưng tôi sẽ không dừng lại ở đó. Tôi sẽ không bao giờ ngừng bám theo chúng khi vẫn còn một kẻ lảng vảng phía bên này sông Mississippi”.

Đây là những lời phóng đại tính hiếu chiến ở ông, từ đó làm tăng thêm sức thuyết phục đáng tin cậy. Ông cảm thấy buộc phải làm vậy để đáp trả những lời chỉ trích mình. Các tuyên bố của ông là thước đo những gì ông thật sự suy nghĩ thì ít mà là dấu hiệu cho thấy ông dễ bị tổn thương như thế nào thì nhiều. Ông tự thấy mình là một thanh niên đáng quý, dù miễn cưỡng nhưng đã tự nguyện đồng ý làm nhiệm vụ của mình khi lưu lại ở Philadelphia bất chấp có những lý do cá nhân hết sức thuyết phục để trở về nhà. Lắng nghe các đại biểu trong Quốc hội Lục địa chất vấn, sửa đổi và xóa đi những từ ngữ của ông trong Tuyên ngôn là đã đủ tệ rồi. Nhưng sau đó còn bị thất thế bởi những lời bịa đặt của kẻ thù nơi quê nhà Virginia, bị cáo buộc là kẻ ủng hộ hoặc hờ hững hoặc quá khích với sự nghiệp cách mạng, thì quả là không thể chịu nổi.

Sau này trong sự nghiệp của mình, Jefferson đã học được cách lặng lẽ chịu đựng và thể hiện ra bên ngoài một vẻ điềm tĩnh, bất khả xâm phạm trước những lời chỉ trích. John Adams nhận xét đầy ngưỡng mộ về khả năng giữ im lặng và không nao núng của Jefferson khi đã trưởng thành, vào những lúc ông bị biến thành mục tiêu của sự bóng gió hay của thói ghen tị không tránh khỏi của những kẻ tham vọng trong cuộc chơi chính trị. (Adams than thở về thất bại của mình trong việc hoàn thiện kỹ thuật mà ông ta gọi là “sự khôn ngoan kiệm lời”, thừa nhận rằng mình có xu hướng cố hữu là phun trào như núi lửa và rất hy vọng dòng dung nham sẽ triệt tiêu được những lời phê bình). Nhưng chàng thanh niên Jefferson thì vẫn chưa hoàn thiện được kỹ thuật ấy. Cuối cùng ông cũng

học được cách đeo những chiếc mặt nạ bí ẩn, thứ bổ sung cần thiết cho nhân cách của ông trước công chúng, chính xác là do bản chất ông không phải người mặt dày và chấp nhận mọi lời chỉ trích cá nhân. Số phận đã chọn ông đóng một vai trò nổi bật trong bối cảnh mà hậu thế coi là thời điểm thuận lợi nhất trong lịch sử Mỹ. Nhưng đối với một thanh niên mềm yếu và dễ bị tổn thương, việc làm nên lịch sử đã khiến ông phải trả một cái giá cá nhân không thể chấp nhận được.

Tháng 9 năm 1776, lời cầu nguyện của Jefferson đã được đáp ứng khi Richard Henry Lee từ Virginia đến thay thế ông ở Philadelphia. Sự ra đi của ông không hoành tráng bằng nhưng lại nhanh hơn so với lúc ông xuất hiện trước đó hơn một năm. Lần này chỉ có Jupiter đi cùng ông, và nếu theo thói quen của ông lúc vội vàng thì Jefferson sẽ tự mình điều khiển cỗ xe phaeton. Ông mong mỗi được trở về với Martha và Monticello. Một tháng sau đó, khi John Hancock thay mặt cho Quốc hội Lục địa đề nghị ông tham gia vào đoàn công vụ Mỹ tới Pháp với tư cách thành viên cùng với Benjamin Franklin và Silas Deane, Jefferson đã bày tỏ sự tiếc nuối và giải thích rằng các tính toán cá nhân “buộc tôi phải từ chối một nhiệm vụ rất vinh dự, đồng thời cũng vô cùng quan trọng với nước Mỹ”. Ông đã bị gạt ra bên lề. Cả niềm kiêu hãnh lẫn cảm xúc riêng tư vẫn mong manh của ông đều đã bị thương tổn. Ông cần thời gian để chữa lành.

CHƯƠNG 2: PARIS: 1784-1789

Tôi rất hài lòng với người dân đất nước này. Với họ, những nếp nhăn ký ức được xóa sạch tới mức dường như có thể lướt qua cả một đời chẳng chút vội vàng.

THƯ JEFFERSON GỬI ELIZA HOUSE TRIST

Paris, ngày 18 tháng 8 năm 1785

Tôi là người hoang dã thích những cánh rừng, những vùng hoang vu và sự độc lập của Monticello, hơn tất cả những khoái lạc chói lòa ở chốn kinh đô phần hoa này.

THƯ JEFFERSON GỬI BARON GEISMAR

Paris, ngày 6 tháng 9 năm 1785

Người đàn ông này khi tới Paris vào tháng 8 năm 1784 đã già dặn và phức tạp hơn người thanh niên Virginia từng đi vào lịch sử chín năm trước tại Philadelphia. Ông lại đi bằng một cỗ xe phaeton, nhưng lần này là cỗ xe lớn hơn, chắc chắn hơn, do những nô lệ của ông tại Monticello lắp ráp thủ công, với kính bảo vệ bốn phía. Ông đi cùng cô con gái Martha 12 tuổi, được đặt theo tên của mẹ nhưng thường được gọi là

Patsy, một cô bé cao lớn khác thường với đôi chân dài, cặp mắt sáng và gương mặt góc cạnh của cha. Một người đồng hành khác của ông là James Hemings, nô lệ lai da đen và da trắng 19 tuổi, đã thay thế Jupiter như một người hầu thân cận. Hemings cũng sẽ học hỏi nghệ thuật nấu nướng Pháp.

Họ mất đúng một tuần để đi từ Le Havre đến Paris, dọc theo sông Seine qua Rouen, nơi nhiều thế kỷ trước Nữ anh hùng Joan xứ Arc đã bị thiêu sống. “Tôi không hiểu được tường tận tiếng Pháp nên không chắc là liệu những người nói chuyện với tôi và tôi có cùng nói về một điều hay không”, Jefferson thú nhận. Vấn đề ngôn ngữ đã khiến ông bị những phu khuân vác tại một số điểm dừng “qua mặt trắng trợn”. Nhưng không gì có thể làm hỏng sự kỳ diệu của vùng nông thôn Pháp vào đầu mùa thu hoạch. Khi họ vượt sông Seine tại Pont de Neuilly, Jefferson tuyên bố đó là “cây cầu đẹp nhất thế giới”. Rồi khi lặn bánh tới đại lộ Champs-Élysées, ông đã thật sự bắt đầu một chương mới trong sự nghiệp của mình với tư cách Công sứ toàn quyền của Mỹ tại Pháp.

Chúng ta biết rõ hơn đáng đấp ông, vì tiếng tăm ngày càng vang dội đã khiến ông trở thành đối tượng của nhiều bức chân dung, chạm khắc và tượng bán thân trong năm năm ông ở Pháp. Da mặt ông lúc này căng bóng và luôn hồng hào khiến ông trông lúc nào cũng như vừa tập thể dục xong. Tóc ông bây giờ màu hung nhiều hơn màu đỏ, nhưng dày hơn hẳn, cắt theo kiểu che kín hai tai, rồi buộc gọn ở phía sau để đuôi tóc thông dưới cổ áo. Ông vẫn gầy, nhưng giờ thì có cơ bắp hơn nên trông đỡ lênh khênh, đó là nhờ việc đi bộ bốn dặm mỗi ngày và một chế độ khổ luyện bao gồm ngâm chân trong nước lạnh mỗi buổi sáng.

Nhìn chung, ông đẹp hơn theo năm tháng, giống như một nam thanh niên nhút nhát và hơi vụng về nhưng cuối cùng cũng sống thoải mái hơn với những đặc trưng của mình qua nhiều năm. Thời gian cũng đã cho

phép ông có một chiều cao với tỷ lệ thích hợp hơn và mang vẻ thanh nhã tự nhiên hơn. Ông vẫn là một người có chiều cao nổi bật trong thời mình. Chúng ta biết rằng khi ông xuất hiện chính thức lần đầu tiên với John Adams và Benjamin Franklin trước triều đình Pháp tại Versailles, sự tương phản về ngoại hình đã gây bất ngờ cho nhiều người có mặt tại đó, giống như đang chứng kiến một viên đạn đại bác, một ấm trà và một giá đỡ nến, tuyên bố mình là bộ ba nước Mỹ.

Nếu tuổi tác đã giúp ông có thể chất tốt hơn - có lẽ đây là một lý do căn bản khiến Jefferson luôn nghĩ rằng tương lai đứng về phía ông thì sự già đi cũng giúp tâm lý dày dặn hơn. Cuộc đời nhiều người Mỹ bị rơi vào tình trạng hỗn loạn của cuộc chiến tranh giành độc lập, rồi bị đẩy về phía bên kia của mâu thuẫn lịch sử với những vết sẹo và thương tích không thể xóa nhòa. Dù Jefferson chưa bao giờ chỉ huy quân đội hoặc bắn một phát súng lúc tức giận, nhưng trải nghiệm cá nhân của ông trong và ngay sau chiến tranh với hai vết thương tâm lý đã hun đúc nội lực bên trong ông, thậm chí còn hơn cả những ngày đi bộ đường dài và tắm nước lạnh rèn luyện thân thể.

Vụ việc đầu tiên xảy ra trong nhiệm kỳ hai năm ông làm Thống đốc bang Virginia từ năm 1779 đến năm 1781. Đó là thời điểm tồi tệ nhất có thể xảy ra với một người vốn ưa thích không gian riêng biệt của học thuật và nghiên cứu hơn là đảm nhận nhiệm vụ của một thống đốc, bởi nhu cầu cấp bách trong thời chiến tạo ra vô số các vấn đề về kinh tế, hậu cần và chính trị lớn mà ngay cả nhà lãnh đạo tài ba nhất cũng sẽ thấy khó khăn. Cho dù ông đã nỗ lực hết mình, nhưng nền kinh tế của Virginia vẫn trở nên hỗn độn và nhà nước không thể đáp ứng đủ hạn ngạch về người cho Quân đội Lục địa. Sau đó, Jefferson đã chấp thuận một cuộc viễn chinh, đưa quân đội tinh nhuệ nhất của Virginia vào một chiến dịch vô ích chống lại Detroit, ngay trước khi lực lượng xâm lược

Anh dưới sự chỉ huy của Benedict Arnold tràn đến từ vịnh Chesapeake và đốt trụ thủ phủ Richmond. Mọi chuyện còn tồi tệ hơn khi những phân đội kỵ binh thuộc quân đội của Tướng Cornwallis di chuyển nhằm chống lại Charlottesville và suýt bắt được Jefferson tại Monticello.

Lan truyền khắp bang câu chuyện về cuộc tẩu thoát nhục nhã vào phút cuối của Jefferson trên lưng ngựa, ám chỉ khá bất công rằng ông đã cư xử một cách hèn nhát và đã không hoàn thành nhiệm vụ của mình, vì đã khiến bang trở nên yếu ớt đến nỗi bị quân đội Anh chiếm đóng. Hội đồng lập pháp Virginia thậm chí đã thông qua một nghị quyết kêu gọi điều tra về tư cách của ông. Cuộc điều tra này rốt cuộc bị hủy bỏ; một nghị quyết cuối cùng đã chính thức xóa bỏ mọi sự kết tội sai trái đối với ông. Nhưng cho dù đó có thể là những rủi ro chiến tranh ngoài tầm kiểm soát của ông hay bất cứ ai, thì chúng cũng đã xảy ra với ông. Vết như thất bại ở cương vị lãnh đạo chẳng bao giờ mất hẳn, mọi chuyện lại được đào bới lên khi ông tranh cử tổng thống vào năm 1796 và lần sau vào năm 1800, và Jefferson nhận ra tri giác nhạy bén của mình không phù hợp với sự lãnh đạo khắc nghiệt trong thời kỳ khủng hoảng. Jefferson tâm sự với một người bạn rằng trải nghiệm ấy đối với các hiệu ứng cảm xúc đã “gây ra một vết thương lòng nơi tôi mà chỉ có thể được chữa khỏi hoàn toàn ở thế giới bên kia”.

Vụ việc thứ hai khoét sâu hơn vết thương lòng đầu tiên, và chẳng nghi ngờ gì nữa, đây chính là nỗi đau lớn nhất trong cuộc đời ông. Vào tháng 5 năm 1782, Martha vợ ông đã trải qua lần sinh nở thứ bảy trong cuộc hôn nhân 10 năm của họ. Con gái, được đặt tên là Lucy Elizabeth, là đứa con thứ ba sống sót, còn Martha thì lâm bệnh nặng sau lần sinh nở ấy. Cơ thể mảnh mai của bà hoàn toàn kiệt quệ sau những lần mang thai liên tục. Bà nằm dài suốt mùa hè, với Jefferson gần như suốt ngày đêm ở bên giường bà. Truyền thuyết gia đình, được gia cố bởi hồi ức của cộng đồng

nô lệ tại Monticello, đã mô tả có phần cường điệu cảnh Martha hấp hối trên giường bệnh, ép Jefferson hứa sẽ không tái hôn, vì nghe đâu bà không muốn những đứa con còn sống của mình phải ở với mẹ kế. Ông đã không bao giờ tái hôn. Bà qua đời vào ngày 6 tháng 9 năm 1782.

Sáu tuần liền Jefferson không thể nào nguôi ngoai, thổn thức suốt đêm, nghẹn giọng mỗi khi ông cố gắng mở lời. Những lời kể về nỗi đau buồn bất tận của ông từ Monticello lan ra và khiến một số người bạn lo lắng ông bị mất trí. “Tôi biết ông ấy thường đặt hạnh phúc gia đình lên ưu tiên hàng đầu”, Edmund Randolph từng viết, “nhưng không ngờ nỗi đau của ông ấy lại dữ dội đến mức có cả báo cáo về việc ông ấy ngất xỉu mỗi khi nhìn thấy những đứa con của mình”. Cuối cùng ông cũng chịu ra khỏi cuộc sống ẩn dật, cưỡi ngựa băng qua những khu rừng trong vùng, và Patsy đã trở thành bạn đồng hành thường xuyên của ông trong những chuyến đi được cô gọi là “những cuộc ngao du u sầu ấy”.

Ông đồng ý nhậm chức vụ ngoại giao ở Paris để phần nào cố quên đi thảm kịch này và chạy trốn ký ức về Martha tại Monticello. Nhưng vết thương vẫn in hằn trong ông, không bao giờ khép miệng hoàn toàn. Chúa cũng thấy đau lòng khi ghé xuống gia đình lý tưởng mà ông đã dày công xây dựng nhưng lại bị mất đi điều quan trọng nhất. (Jefferson dường như không hề cố tình để bà mang thai, không hề được cảnh báo về việc sức khỏe của bà xấu đi sau mỗi lần sẩy thai hoặc sinh nở). Chúng ta không thể biết chắc là liệu ông có hứa với người vợ đang hấp hối rằng mình sẽ không bao giờ tái hôn nữa như truyền thuyết về gia đình này thường kể hay không, nhưng lời ông tự hứa với bản thân chắc chắn cũng có hiệu lực tương tự: Ông sẽ không bao giờ để tâm hồn mình phải chịu nỗi đau đớn như thế nữa; ông thà cô đơn còn hơn bị tổn thương.

Nếu như chúng ta có thể biết rõ về dáng vẻ và cảm nhận của ông khi đến Paris vào cuối mùa hè năm 1784, thì những gì ông nghĩ vẫn còn là

điều bí ẩn. Ông là một nhà tư tưởng chính trị có tiếng tăm, nhưng không phải từ việc ông là tác giả của Tuyên ngôn Độc lập bởi thành tựu này vẫn chưa được nhiều người biết đến, mà chủ yếu nhờ vào công tác lập pháp của mình trong Hội đồng lập pháp Virginia và Quốc hội liên bang. Từ năm 1776 đến năm 1779, ông gần như đơn thương độc mã cố gắng cải cách triệt để đạo luật của Virginia, kêu gọi hủy bỏ chế độ gia trưởng và quyền thừa kế của con trưởng vì đây là những tàn tích cuối cùng của chế độ phong kiến Anh, cải cách luật hình sự để hạn chế việc áp dụng án tử hình, mở rộng quyền bầu cử cho cả những điền chủ độc lập ở miền Tây, mở rộng hệ thống trường công lập của bang, và quan trọng nhất là loại bỏ việc thành lập Anh giáo, ủng hộ việc tách hẳn nhà thờ ra khỏi nhà nước.

Nỗ lực phi thường này trong cải cách lập pháp lại tỏ ra quá xa vời đối với những đồng nghiệp của ông ở Hội đồng lập pháp Virginia, họ đã bác bỏ tất cả những lần ông đề xuất hủy bỏ chế độ gia trưởng và quyền thừa kế của con trưởng, cho dù chúng đang trên bờ vực chết dần chết mòn đây hiển nhiên. Nhưng sức ép về tư duy chính trị của ông khá rõ ràng: phải loại bỏ mọi rào cản pháp lý và chính trị đối với năng lực cá nhân để tạo ra điều mà ông gọi là “một sự mở ra đối với giới quý tộc đức hạnh và tài năng”. Đó là một nỗ lực hiệu quả nhằm thực hiện những lý tưởng được nêu trong phần về quyền tự nhiên của Tuyên ngôn. Nhưng rõ ràng là những ý tưởng mà ông yêu thích luôn đi trước dư luận vài bước. Ông là một nhà tiên tri thì đúng hơn là một chính khách.

Mô hình tương tự được tổ chức đúng như vậy trong Quốc hội Liên bang tại Philadelphia. Trong suốt mùa đông và mùa xuân năm 1784, ông tập trung vào việc cải cách hệ thống tiền đúc, thuyết phục thành công việc sử dụng đồng đô-la và các đơn vị tiền lẻ thay cho đồng bảng và shilling Anh. Ông cũng đã cố gắng nhưng không thể thay thế được hệ

thống đo lường và trọng lượng theo hệ Anh bằng các tiêu chuẩn theo hệ mét. Ông đã viết Pháp lệnh năm 1784, thiết lập các nguyên tắc mà theo đó tất cả các bang mới sẽ được nhận vào Liên minh trên cơ sở bình đẳng với các bang hiện có. Điều khoản cuối cùng là yêu cầu chấm dứt chế độ nô lệ tại tất cả các bang mới thành lập vào năm 1800. Nhưng Pháp lệnh này bị bãi bỏ vì thiếu một phiếu bầu, khiến sau này Jefferson phải thốt lên rằng “số phận của hàng triệu sinh linh chưa ra đời đang bị treo trên lưỡi của một người, và Thiên đàng im lặng trong giây phút khủng khiếp ấy!” Đó là dự thảo có tác động sâu rộng nhất nhằm chấm dứt chế độ nô lệ mà Jefferson từng viết ra, và cũng là những nỗ lực chống lại chế độ nô lệ mạnh mẽ nhất của ông, vì sau này ông phải rút lui để giảm bớt mức độ, thận trọng và trì hoãn.

Trong suốt mùa xuân năm 1784, ông đã bày tỏ sự thất vọng trước sự kết hợp giữa thói lười biếng và tính ba hoa làm tê liệt cả Quốc hội. (Hầu như không thể tập hợp được số đại biểu tối thiểu để phê duyệt hiệp ước hòa bình chấm dứt chiến tranh với Anh). Căn cứ vào thái độ chống đối sau này của ông trước chính quyền liên bang hợp nhất dưới hầu hết mọi hình thức, thì sự thiếu kiên nhẫn của ông đối với những gì ông gọi là “những tranh giành vụn vặt giữa các bang” tại thời điểm này cho thấy ông chỉ đang hợp tác tạm thời khi chấp nhận chính quyền liên bang như một giải pháp khắc phục sự tranh cãi giữa địa phương và khu vực. Ông tâm sự với bạn bè về niềm tin của mình rằng nếu Các điều khoản Hợp bang cho phép chính phủ liên bang kiểm soát những vấn đề đối ngoại thì nó cũng mặc nhiên có quyền đối với ngoại thương và thương mại. (Sự chứng thực này đối với học thuyết về quyền lực ngụ ý đã trở lại ám ảnh ông một thập niên sau đó). Ông muốn chứng kiến những hiệp ước về hữu nghị và thương mại được đàm phán với các quốc gia châu Âu, một phần vì những lợi ích kinh tế mà chúng sẽ đem lại, nhưng theo ông chủ yếu là

bởi “vào thời điểm các hiệp ước này cho phép Quốc hội có quyền quản lý thương mại của các bang, thì quyền lực của các bang sẽ bị xóa bỏ...”

Tóm lại là sau đó, người đàn ông này tới Paris với tư cách là Công sứ toàn quyền của Mỹ, chứ không còn là chàng thanh niên vùng Virginia từng thảo ra Tuyên ngôn Độc lập nữa. Ông nổi tiếng hơn, có ngoại hình ấn tượng hơn, tự tin hơn với những tố chất và khả năng thiên bẩm của mình. Ông là một nhà lập pháp dày dặn hơn, dù vẫn là và luôn là một con người hay lý tưởng hóa với tài năng tuyệt vời hơn trong việc lường trước được những thứ cần thiết hơn cả kỹ năng để dẫn dắt những người khác hướng tới tương lai mà ông hình dung ra. Ông cũng là một người đàn ông từng trải hơn, ít bị tổn thương và bớt nhạy cảm hơn vì đã bảo vệ khéo léo hơn những vùng riêng tư của mình khỏi những vị khách không mời bằng cách sắp đặt các lớp phòng thủ bên trong theo kiểu từ chối xâm nhập ở mọi trạm kiểm soát. (Kỹ năng tâm lý này cũng giúp ông rất nhiều khi ở cương vị một nhà ngoại giao). Cuối cùng, ông đã kết hợp được tầm nhìn không tưởng của mình về một xã hội Mỹ của các cá nhân được giải phóng và tự do mưu cầu hạnh phúc sau khi rũ bỏ gánh nặng thối nát từ Anh cùng chế độ phong kiến châu Âu, với sự công nhận thực tế hơn về một nước Mỹ độc lập yêu cầu một kiểu chính quyền liên bang nào đó phải phối hợp tốt năng lượng đang bùng nổ với năng lượng dư thừa. Không chỉ không từ bỏ thuyết cấp tiến của mình thời tuổi trẻ, ông còn trở thành một nhà dân tộc chủ nghĩa nhiệt thành.

BẠN BÈ VÀ CƯỚP BIỂN

Chuyện thu xếp nơi ăn ở cho mình và đoàn tùy tùng mất nhiều thời gian hơn ông dự kiến. Thoạt tiên, ông gặp vấn đề về sức khỏe, trong khi trước đó thường rất tốt, dù thỉnh thoảng bị tái phát chứng đau nửa đầu. Rồi ông bị cảm lạnh nặng trong vòng vài tuần, tới nỗi ông không thể nhúc nhích được trong suốt sáu tháng. “Tôi đã có một mùa đông rất tệ”,

ông giải thích với bạn mình là James Monroe ở quê nhà Virginia, “bị ốm liệt giường gần hết cả mùa đông. Một mùi vị mà người ta nói là thường xảy ra nhiều nhất với những người lạ: tôi tin rằng chưa có ai có trải nghiệm tệ hơn mình. Không khí cực kỳ ẩm thấp, còn nước thì rất độc. Mặt trời ấm áp (vị bác sĩ toàn năng của tôi) đã ghé thăm chúng tôi trong ba tuần qua, và tôi thấy mình gần như được tái sinh”. Dù cuối cùng thì ông cũng yêu mến con người, rượu vang và kiến trúc Pháp, nhưng thời tiết lại là vấn đề khác, khiến ông cảm giác gần như lúc nào cũng có một đám mây che phủ bầu trời chón này ở Tây Âu, làm cho con người ở đây xanh xao và yếu ớt.

Tiếp theo là vấn đề ngôn ngữ. Jefferson khá nổi tiếng về khả năng ngoại ngữ, bao gồm các thứ tiếng Latin, Hy Lạp, Pháp và Ý. Ông thậm chí còn tuyên bố rằng mình đã tự học tiếng Tây Ban Nha trên chuyến đi đến Pháp bằng cách đọc *Don Quixote* với sự trợ giúp của một cuốn sách ngữ pháp. (Nhiều năm sau, khi đã là Tổng thống, Jefferson có kể lại điều này trong bữa tiệc tối. John Quincy Adams có mặt tại bữa tiệc tối hôm đó với Tổng thống và đã ghi lại câu chuyện này trong hồi ký của mình, và bổ sung: “Nhưng Jefferson đã hơi phóng đại câu chuyện”). Sự thật có vẻ là Jefferson đọc thông thạo tiếng nước ngoài nhưng lại không nói hoặc viết được. Kể cả sau năm năm ở Pháp, ông cũng không thể nói tiếng Pháp đủ trôi chảy để trò chuyện thoải mái, và ông chưa bao giờ tin vào khả năng viết tiếng Pháp của mình nên vẫn cần tới phiên dịch viên khi soạn thảo thư từ công vụ.

Cuối cùng là vấn đề về nơi ở. Ông như con thoi di chuyển giữa một loạt khách sạn trong vài tháng đầu, sau đó vào tháng 10 năm 1784 thì ký hợp đồng thuê một biệt thự tại Cul-de-sac Taitbout trên Bờ Phải⁽¹⁾. Nhưng nơi này lại thiếu thốn và bất tiện, vì vậy năm sau ông bèn chuyển tới Hôtel de Langeac trên đại lộ Champs-Élysées gần Khải Hoàn Môn

ngày nay, sau đó ra vùng ngoại ô thành phố. Ông đã thuê toàn bộ tòa nhà ba tầng sang trọng và rộng rãi, ban đầu được một quý tộc Pháp xây cho tình nhân. Nơi này đã trở thành Monticello tại Paris của ông, sau khi hoàn thiện đã có nhiều phòng khách lớn, ba dãy phòng nghỉ riêng biệt, chuồng ngựa, một khu vườn và đầy đủ đội ngũ hầu cận, giúp việc, đầu bếp, cộng với một phu xe và người làm vườn. Khá xa hoa và tốn kém - tiền thuê nhà và đồ nội thất vượt quá mức lương 9.000 đô-la hằng năm của ông - nhưng đó là những gì ông cần để cảm thấy ở nước ngoài như ở nhà.

⁽¹¹⁾ Nguyên văn: Right Bank.

Khi mọi sắp xếp cuối cùng đã ổn thỏa, Jefferson liền xây dựng một hệ thống hỗ trợ rộng rãi với những người giúp việc, thư ký và thầy dòng, có thể bảo vệ ông về cả thể chất lẫn tinh thần giống như ông có khi ở đồn điền Virginia. Jefferson là nhân vật trung tâm của ngôi nhà. (Patsy đã được gửi tới một trường dòng, Abbaye Royale de Panthemont, nơi Jefferson tin tưởng và thường cảm thấy cần phải tự trấn an - ngôi trường này nổi tiếng là có thái độ thoải mái đối với sinh viên không theo Công giáo. Cô chỉ về nhà vào những dịp cuối tuần đặc biệt). Vòng bảo vệ bên trong được điều hành bởi James Hemings - người hầu riêng của Jefferson khi không phải tham dự các lớp học nấu ăn, và Adrien Petit - quản gia quán xuyên mọi việc trong gia đình và quản lý người làm. Vòng bảo vệ tiếp theo xử lý các vấn đề chính trị và ngoại giao, do hai thư ký quản lý: David Humphreys, nhà thơ 32 tuổi đến từ Connecticut từng phục vụ George Washington trong thời chiến và hiện gắn bó với Jefferson như ngôi sao đang lên nhanh nhất trong đội ngũ lãnh đạo tài năng của Mỹ, và William Short, một sinh viên luật 25 tuổi tốt nghiệp trường William & Mary, được Jefferson đỡ đầu và bảo trợ, là thủ tục của Jefferson trong mọi vấn đề chính trị.

Vòng ngoài cùng là bộ máy cố vấn và tham mưu được đặt ở Mỹ, dựa trên một loạt những phát ngôn ở Virginia và Hội nghị tại Philadelphia để từ đó James Madison và James Monroe gửi đi những báo cáo định kỳ, thường được mã hóa để che giấu thông tin nhạy cảm. Madison, Monroe và Short cùng đại diện cho một bộ phận thế hệ trẻ có tài năng chính trị ở Virginia vốn coi Jefferson như người lãnh đạo danh nghĩa; có người ngang tuổi với em trai ông và hầu hết ngang tuổi với con ông. Việc trao đổi thư từ với Madison cho thấy khởi đầu của sự hợp tác kéo dài 50 năm, có lẽ là duy nhất trong lịch sử Mỹ, và trong mối quan hệ đó Madison là thành viên ít tuổi luôn trung thành. (Madison đã kế nhiệm Jefferson làm

Tổng thống; sau đó Monroe kế nhiệm Madison, như vậy người của Jefferson đã thay nhau giữ chức tổng thống trong vòng 24 năm đầu của thế kỷ 19). Jefferson đã rèn luyện cả ba thanh niên trẻ của Virginia như những người được ông đỡ đầu, thậm chí còn hình dung ra cái ngày họ sẽ sống bên cạnh ông tại Monticello. Vào tháng 2 năm 1784, ông đã chia sẻ giấc mơ này với Madison: “Monroe đang mua mảnh đất gần như sát vách với tôi. Short cũng sẽ làm như vậy. Tôi cho là cậu cũng có thể sẽ rơi vào vòng tròn đó. Với một xã hội như thế này mà tôi có thể hơn một lần đánh liều xây nhà và ung dung tự tại trong suốt phần đời còn lại, gác lại mọi ganh đua ngày càng không thể chịu nổi. Hãy suy ngẫm về điều đó. Để hiện thực hóa điều gì chỉ có cách là cậu phải nghĩ nó đúng như vậy”. Vừa là đội cận vệ, vừa gần như là thành viên trong đại gia đình của ông, những thanh niên Virginia này đã xác định Jefferson sẽ là người kế nhiệm Washington trong vai trò lãnh đạo bang và đất nước. Phần lớn thời gian trong năm đầu tiên của Jefferson ở Pháp được dành để thiết lập mạng lưới liên lạc của triều đại Virginia đang manh nha này.

Quá trình ổn định cuộc sống trong năm đầu tiên ấy còn bao gồm một biến động cuối có ý nghĩa lịch sử lâu dài, đó là mối quan hệ của Jefferson với gia đình Adams. Khi John Adams biết tin Jefferson được bổ nhiệm thì đã cho biết mình rất hài lòng: “Jefferson là một tay xuất sắc”, ông hỏi âm bạn bè ở New England. “Quý vị không thể gửi tới ai tốt hơn”. Khi một số thành viên Quốc hội bày tỏ lo ngại về thứ chủ nghĩa lý tưởng quá mức của Jefferson, Adams chẳng hề bận tâm về điều đó: “Người bạn cùng chí hướng của tôi tại Quốc hội, tám hay chín năm trước đây, trải qua thời Tryals gian khổ, đặc biệt trong quá trình dự thảo Tuyên ngôn Độc lập..., tôi thấy ở ông ấy sự đồng điệu về mặt trí tuệ và là một Con người thận trọng, một Người ái quốc kiên định”. Người vợ Abigail, con gái Nabby và con trai John Quincy đã đi cùng Adams vào đúng cái tuần Jefferson đến

Pháp. Suốt chín tháng, cho đến khi Adams được cử đến London với tư cách Đại sứ Mỹ đầu tiên tại Triều đình St. James, khu nhà Adams ở Auteuil đã trở thành ngôi nhà thứ hai của Jefferson.

Hơn 50 năm sau, và sau một giai đoạn với những bất đồng chính trị quyết liệt đã khiến tình bạn của họ trở nên xung đột gay gắt, nhưng Adams vẫn trân trọng nhớ lại thời kỳ này. Chẳng hạn, khi John Quincy đắc cử Tổng thống vào năm 1824, Adams đã nhắc Jefferson rằng “John của chúng ta” đã thắng. “Tôi gọi là John của chúng ta”, ông giải thích, “bởi khi anh ở Cul de sac tại Paris, John như là con trai anh và con trai tôi”. Mối quan hệ đặc biệt giữa Adams và Jefferson bắt nguồn từ sự hợp tác chính trị của họ vào năm 1776, nhưng sự gắn bó tình cảm sâu sắc giữa hai người lại diễn ra ở Pháp trong thời gian 1784-1785.

Abigail Adams giữ một vai trò rất quan trọng. Mùa đông đầu tiên của Jefferson ở Paris là một trận ốm kéo dài và gần như suy nhược. Bà coi sóc kỹ sự phục hồi của ông trong suốt mùa xuân, và sau đó ông ở cùng cả gia đình Adams trong phòng khách của họ, nói chuyện phiếm, bình luận về mọi vấn đề ngoại giao và trong nước. Abigail là mối liên kết giữa những câu hỏi về chính sách đối ngoại với các ưu tiên dành cho gia đình, có lẽ bà là người phụ nữ đầu tiên mà Jefferson biết rõ vì đã kết hợp được phẩm chất truyền thống của một người vợ-người mẹ với suy nghĩ và phát ngôn sắc bén của một cộng sự đúng nghĩa trong sự nghiệp của chồng. Jefferson từng luôn cho rằng những ưu điểm khác biệt này là những khuynh hướng tồn tại độc lập mà Chúa hay tạo hóa theo một cách nào đó quan niệm là nên tách biệt. Tuy nhiên, chúng lại hội tụ ở Abigail. Bà chính là Martha với một trí tuệ của riêng Abigail. Ghi chép về những cuộc trò chuyện buổi chiều, khởi cần phải nói, là không hề tồn tại. Nhưng nhân vật và nội dung của các câu chuyện đùa ấy vẫn đầy ắp trong

những lá thư vui tươi mà họ trao đổi với nhau sau khi gia đình Adams chuyển đến London.

Đầu tiên là mối quan hệ ngưỡng mộ lẫn nhau và tán tỉnh hài hước. Abigail nhờ Jefferson mua vài bản sao nhỏ của bức tượng cổ. Jefferson trả lời: “Với lòng kính trọng các nhân vật mà bà nêu tên, tôi chỉ có thể tìm thấy ba bức tượng phù hợp về kích cỡ. Đó là Minerva, Diana và Apollo. Tôi xin được thêm vào bức tượng thứ tư, không nằm trong lựa chọn của bà. Họ mời tôi mua một bức tượng Venus tuyệt đẹp, nhưng tôi nghĩ là không hợp nếu bày hai bức tượng trên bàn cùng một lúc”. Hoặc Abigail đề nghị Jefferson khảo sát các cửa hàng ở Paris để tìm vải ren đen và giày tiệc tối, cuối thư lại xin thứ lỗi đã “gây phiền hà cho ông vì những chuyện vặt vãnh”, những chuyện “hơi giống như bắt Hercules kéo sợi”⁽¹²⁾.

⁽¹²⁾ Ngụ ý làm công việc của nữ giới.

Rồi họ tiếp tục pha trò về sự đồi bại cố hữu của nhà vua và nước Anh. Jefferson kể rằng “nơi đây có câu chuyện khó hiểu về một người cố gắng ám sát đức vua của bà [tức George III]. Tôi chưa chân thành cầu nguyện cho người nào trên Trái đất này được tiếp tục sống hơn ông ta. Ông ta thật sự là Cứu tinh của Mỹ..” Abigail thì thấy mọi chuyện bắt nguồn từ các tờ báo tiếng Anh đều là giả dối: “Tôi xin nói rằng đó là lời giải thích sai đến tột hại - nếu nói như vậy là không quá thô lỗ với một Quý bà, tuy nhiên tôi sẽ tìm một cách nói ít biểu cảm hơn và chỉ nói sai giống như người Anh”. Jefferson hỏi bà xem liệu ông có thể làm điều gì trong khả năng chính thức của mình để cải thiện cách cư xử kiểu Anh hay không. Abigail cho ông hay rằng “cần nhiều sản phẩm của Pháp như Lương tri, Bản tính tốt đẹp, Khôn ngoan chính trị và lòng bác ái”; Jefferson sẽ “hỗ trợ Đức vua Anh nếu ông ấy cho phép nhập khẩu những Hàng hóa kiểu này vào vương quốc của mình”.

Cuối cùng, đó là vấn đề về trách nhiệm làm cha của Jefferson. Khi nhà Adams vẫn còn ở Paris, Jefferson nhận được tin con gái út Lucy - khi sinh cô bé này bà Martha lâm trọng bệnh - đã mất vì bệnh ho gà ở quê nhà Virginia. Abigail đã giúp Jefferson vui đi nỗi buồn khi ông chìm sâu vào sự chán nản, và họ đã phát triển một sự đồng cảm đặc biệt như những bậc làm cha mẹ. Khi Nabby con gái bà thông báo ý định kết hôn với Đại tá Stephen Smith, thư ký riêng của chồng mình, Abigail đã đề xuất một sự thu xếp lạ đời với Jefferson: “Giờ tôi đang nghĩ đến một cuộc trao đổi với ông. Giả sử ông giao cho tôi cô Jefferson [Patsy], và một ngày nào đó trong tương lai nhận lại một cậu con trai [cháu của bà] thay thế cho cô ấy. Tôi ủng hộ xúc tiến [một] liên minh thống nhất”. Nhưng hầu hết những lời khuyên với tư cách người mẹ của Abigail đều liên quan tới cô con gái thứ của Jefferson là Maria, còn gọi là Polly. Jefferson đã để cô bé sống với họ hàng tại Virginia khi mới 4 tuổi, và phần vì bị Abigail thúc giục, nên

ông đã quyết định mạo hiểm với hành trình xuyên Đại Tây Dương để đón cô bé sang Paris đoàn tụ với gia đình. Abigail đứng chờ tại cầu tàu ở London khi Polly đến và lập tức để Jefferson làm quen với truyền thống lâu đời khá thẳng thắn của gia đình Adams.

Polly vô cùng xinh xắn. “Tôi chưa từng thấy đứa trẻ nào có nét mặt thông minh đến vậy”, Abigail viết, và những niềm vui cô bé mang đến cho tôi là sự đền đáp to lớn cho mọi điều nhỏ nhặt mà tôi có thể làm cho cô bé”. Nhưng Jefferson cần phải đối mặt với những thất bại của mình như một người cha: “Tôi cho cô bé xem hình của ông. Cô bé bảo không biết, làm sao cô bé biết được khi chẳng biết gì về ông”. Khi Jefferson viết thư nói rằng việc công quá bận bịu nên ông không thể vượt Eo biển để đón Polly, vì vậy ông đã phái quản gia Petit đi, thì Abigail cảm thấy bất buộc phải nhấn mạnh rằng Jefferson cần chứng kiến phản ứng của Polly trước tin này: “Dù cô bé nói không nhớ gì về ông, nhưng cô bé được dạy phải dành cho ông tình cảm và lòng yêu thương, tùy thuộc vào việc ông có đến bên cô bé hay không. Sáng nay, cô bé nói với tôi rằng cô bé đã để lại tất cả bạn bè ở Virginia để vượt qua đại dương tới gặp ông, cô bé đã nghĩ giá như ông có thể cố gắng đến đây gặp nó, và đừng cử tới một người [Petit] mà cô bé không biết là ai. Tôi bày tỏ nỗi lòng của cô bé”. Như thế vẫn chưa đủ, Abigail bị ngỡ ngàng khi sau đó con người tự nhận rất yêu con mình lại có thể tin tưởng giao chúng cho các nữ tu Công giáo chăm sóc. Quyết định gửi Patsy vào tu viện ở Panthemont đã khiến bà luôn trăn trở. Giờ đây khi Polly cuối cùng đã đoàn tụ với cha, “tôi hy vọng rằng cô bé sẽ không đánh mất tâm hồn tinh tế của mình trong những bức tường tu viện, một nơi có lẽ là tôi có nhiều định kiến sai”.

Mối quan hệ của Jefferson với John Adams cũng dựa trên mối thâm tình mà họ dành cho nhau, sự thẳng thắn bộc trực từ phía Adams thường buộc Jefferson phải đối mặt với khoảng cách cố hữu giữa lý

tưởng của mình với thực tại hỗn độn của trần thế. Về phần mình, Jefferson là một đối tác cực kỳ chín chắn và chăm chỉ của Adams trong việc đại diện cho lợi ích của Mỹ ở châu Âu. Abigail tuyên bố Jefferson là “người duy nhất mà bạn đời của tôi có thể hợp tác hoàn toàn thoải mái, chẳng cần đề phòng...” Cùng nhau, hai người này là những sự đối lập mà thu hút: một người New England mập mạp, thẳng thắn, với tính cách lôi cuốn và sắp đặt chuyên nghiệp, và một người Virginia gầy gò, luôn khó nắm bắt với vẻ ngoài lãnh đạm và hầu như trầm lặng đến lạ lùng. Người này dường như đều cảm thấy ở người kia có những phẩm chất bù đắp cho sự thiếu hụt nơi tính cách của mình. Trong bầu không khí hòa nhã do Abigail tạo ra tại Auteuil, họ có được điều kiện thoải mái cho phép mình đánh giá cao sự hấp dẫn trong tính cách của người kia, “hoàn thiện” lẫn nhau (nếu cho là như thế) và tạo ra một đội ngũ nhà ngoại giao thật sự đáng gờm trong giai đoạn này.

Là những sản phẩm đặc thù của cuộc chiến giành độc lập, họ chia sẻ một cam kết bất tận về triển vọng đối với một nước Mỹ độc lập và một sự hồ nghi vô hạn không kém về chính sách của Anh đối với các thuộc địa cũ của mình. Jefferson tuyên bố ông áp dụng “một quy tắc không thể sai được cho việc quyết định những gì mà nước đó [Anh] sẽ làm trong từng trường hợp”. Đó là một quy tắc đơn giản, cụ thể là “xem xét những gì họ nên làm, và xem xét những gì ngược lại với điều đó như những gì họ chắc chắn sẽ làm...” Ông tuyên bố bằng cách áp dụng công thức này, ông “không bao giờ bị lừa”. Adams hoàn toàn đồng tình. “Nếu John Bull không nhìn thấy... một điều gì đó ngay từ đầu”, ông đồng tình với Jefferson, “thì bạn biết đấy, đó là một quy tắc mà mãi về sau ông ấy vẫn thể rằng nó không tồn tại, kể cả khi ông ấy vừa nhìn thấy và vừa cảm nhận được nó”. Adams tin rằng bị thất bại trong cuộc chiến với Mỹ và mất đi khá nhiều lãnh thổ ở nước ngoài đã khiến đa phần người Anh

không thể vô tư được nữa khi nghĩ về những thuộc địa cũ của họ. Ông kết luận: “Họ ít quan tâm đến chúng ta so với những người da đỏ Seminole”. Thậm chí đã có một thời điểm kịch tính, gần như cường điệu hóa, khi sự bài xích Anh của họ được gắn với một lời thề máu mang tính tượng trưng. Khi Jefferson tới thăm Adams tại Anh vào mùa xuân năm 1786, hai nhà cựu cách mạng đã đến diện kiến triều đình, và George III quay lưng lại với cả hai người một cách hờn hĩnh. Cả hai đều không bao giờ có thể quên được sự xúc phạm ấy.

Ngoài nỗi hận thù của họ với Anh và chung sự phẫn nộ trước tính kiêu ngạo khó chịu của nhà vua, tình bạn tồn tại còn vì Jefferson luôn chiều ý Adams. Sau tất cả, Adams có chức vụ cao hơn và đang đàm phán với người Pháp và Anh đã năm năm. Sự tôn kính của Jefferson bắt đầu ngay sau khi ông đến Pháp: “Ông nghĩ gì về Dự thảo kèm theo đây được đệ trình lên triều đình London và Versailles?” Jefferson hỏi. “Tôi biết điều đó vượt quá thẩm quyền của chúng ta, và cũng vượt quá quyền hạn của Quốc hội. Nhưng rõ ràng là vì lợi ích của các bang nên tôi sẽ không ngại mạo hiểm chính mình nếu ông cũng đang có ý kiến tương tự”. Đề xuất này hình dung công dân mọi quốc gia có quyền như nhau, tự do thương mại hoàn toàn và có một hệ thống cải cách luật pháp quốc tế. Đúng, Adams trả lời, đó là một đề nghị “đẹp đến mức lý tưởng”, nhưng không may là nó cũng hoàn toàn không phù hợp với bối cảnh châu Âu khốc liệt hiện nay: “Ông bạn ạ, chúng ta không được hão huyền trước những cảm giác Tự do của riêng mình. Nếu chúng ta không thể có tự do như nhau, chúng ta sẽ phải chấp nhận các sự Cấm đoán, Ngăn chặn, Độc quyền và đánh Thuế nhập khẩu hàng hóa lẫn nhau. Những đề xuất của chúng ta là công bằng, và hơn cả công bằng. Nếu chúng bị từ chối, chúng ta không được để bị lừa nữa”.

Motif ấy cứ lặp đi lặp lại khi bàn luận về chính sách của Mỹ đối với vấn đề gây nhiều tranh cãi về cướp biển Barbary. Một số nước Hồi giáo dọc bờ biển Bắc Phi có truyền thống cướp bóc tàu bè của thương nhân châu Âu và Mỹ ở phía tây Địa Trung Hải và phía đông Đại Tây Dương, bắt cóc thuyền viên và sau đó đòi tiền chuộc từ các chính phủ để thả người. Trong một thông điệp chung gửi cho cấp trên trong Quốc hội, Adams và Jefferson đã mô tả sự táo bạo của các cuộc tấn công khủng bố, những tên cướp biển mồm ngậm dao găm nhảy xuống con tàu không có khả năng tự vệ. Adams và Jefferson giải thích, họ đã hỏi Đại sứ đến từ Tripoli xem dựa trên căn cứ nào để có thể bào chữa cho những hành vi cực kỳ dã man thiếu kiểm chế này: “Đại sứ đã trả lời chúng tôi rằng những hành động này hình thành dựa vào Luật lệ của Nhà tiên tri được viết trong kinh Koran, rằng tất cả các quốc gia đều không thừa nhận quyền lực của họ là tội ác, rằng họ có quyền và nghĩa vụ gây chiến bất cứ nơi nào có thể, và họ có thể giam giữ nô lệ của mọi quốc gia như tù nhân..” Jefferson thấy không thể hiểu nổi cái nạn tống tiền ngày một tăng như vậy và nó vượt quá bất kỳ nguyên tắc nào được luật pháp hoặc công lý thừa nhận. Ban đầu, ông đề xuất Mỹ từ chối trả tiền chuộc, thay vào đó là cử một lực lượng hải quân tới Địa Trung Hải để dạy cho những kẻ ngoài vòng pháp luật nơi biển khơi một bài học. Sau đó, ông bổ sung đề xuất của mình với một chương trình toàn diện, theo đó Mỹ sẽ tổ chức một lực lượng đặc nhiệm quốc tế bao gồm tất cả các quốc gia châu Âu có tàu bị tấn công. “Công lý và Danh dự ủng hộ chiến dịch này”, ông giải thích với Adams, và có lẽ nó sẽ tốn ít chi phí hơn trong thời gian dài khởi động.

Adams đồng ý rằng không thể đàm phán với cướp biển Barbary, như đã từng nói, “Avarice và Fear là Đặc vụ duy nhất tại Algiers...” Nhưng Adams nhận thấy Jefferson ước tính chi phí quá thấp. Phải tốn ít nhất 500.000 bảng Anh mỗi năm để duy trì một lực lượng hải quân trong khu

vực. Quốc hội sẽ không bao giờ phê chuẩn một số tiền lớn như vậy. Và dù sao thì Mỹ cũng chẳng có lợi gì khi cử đi lực lượng hải quân. Ông thông báo cho Jefferson: “Vì những nguyên nhân này, tôi kết luận khôn ngoan hơn cả là chúng ta đàm phán và trả những Khoản cần thiết, mà không mất Thời gian..” Adams nhấn mạnh rằng giải pháp của Jefferson, dù táo bạo và hoàn toàn xứng đáng được tôn trọng theo đúng nghĩa, nhưng là một ý tưởng chưa gặp thời. “Quốc hội sẽ không bao giờ, hoặc ít nhất là trong nhiều năm tới, chấp thuận Nghị quyết này”, ông lưu ý Jefferson, “và trong thời gian này, Thương mại và Danh dự của chúng ta nằm ngoài Dự tính. Chúng ta không nên đánh nhau với chúng trừ phi chúng ta xác định đánh nhau mãi mãi”. Jefferson vẫn không thấy thuyết phục, nhưng đồng ý rằng quan điểm của Adams sẽ là cơ sở cho quan điểm chính thức của Mỹ: “Ông đạt kết quả theo cách khác với những gì tôi làm”, ông viết thư cho Adams ở London, nhưng “đâu có ý nghĩa gì; bởi tôi không có quyền quyết định trong việc này”.

Có thể nhận thấy ban đầu ở Jefferson là một giọng điệu oán giận đối với chủ nghĩa hiện thực của Adams luôn cắt ngang tầm nhìn rộng lớn của ông. Jefferson thậm chí đã cố qua mặt Adams bằng cách nhờ một bên thứ ba trình bày đề xuất của ông về lực lượng hải quân quốc tế trước Quốc hội, nhưng mảnh này đã thất bại khi bị Quốc hội bác bỏ ngay lập tức, như Adams đã dự đoán trước đó. Nếu ai đó đang tìm kiếm những dấu hiệu đầu tiên của sự va chạm có thể xảy ra giữa những cộng sự lâu năm ấy, thì đó chính là lúc này. Nhưng cái trò hai mặt nhất thời của Jefferson vẫn không thể làm mất đi sự ngưỡng mộ chân thành của ông dành cho Adams. Sự ngưỡng mộ này sâu sắc đến mức ông công nhận rằng Adams có những quyết định chiến lược với một tinh thần dẻo dai, một năng lực tỏa sáng giữa những lời bóng gió, công kích. “Quả thực, con người ấy phải là một tảng đá”, Jefferson viết thư cho Abigail, “thì mới có

thể chịu đựng được mọi thứ”. Ông tiếp tục thú nhận rằng mình cảm thấy thiếu tự tin trong những tình huống đối kháng và luôn coi Adams như một cố vấn thông thái: “Tôi không thích khó khăn. Tôi thích yên tĩnh, sẵn sàng làm nhiệm vụ của mình nhưng lại dễ bị kích động trước những lời phỉ báng, và dễ cảm thấy áp lực từ cương vị của mình. Đây là các điểm yếu mà lý trí và những lời khuyên của bà sẽ bảo vệ được ông Adams”.

NGOẠI GIAO VÔ ÍCH

Tất nhiên vẫn có một Công sứ Mỹ thứ ba ở Pháp, nổi tiếng hơn nhiều so với hai người kia. Benjamin Franklin đã từng đại diện cho quyền lợi của Mỹ ở nước ngoài lâu hơn bất kỳ nhà ngoại giao nào, và uy tín của ông ở Pháp đã đạt tới tầm vóc sử thi. Ông là hiện thân rõ ràng của các giá trị Mỹ ở dạng đơn giản hấp dẫn nhất. Khi Franklin và Voltaire ôm nhau trước đám đông ở Paris, nó đã tạo nên một tin giật gân trên báo chí Pháp về sự đoàn kết giữa hai nhà đấu tranh vĩ đại nhất vì sự khai sáng của con người ở thế kỷ rực rỡ nhất của lịch sử. Jefferson coi Franklin là người Mỹ vĩ đại thứ hai của thế hệ cách mạng, chỉ sau Washington, nói như vậy để thấy rằng có một khoảng cách rõ ràng giữa Franklin và thế hệ anh hùng cách mạng Mỹ tiếp theo, một nhóm mà ông đã liệt kê cả Adams trong đó nhưng lại khiêm tốn loại mình ra.

Có những tin đồn không chính thức về việc Jefferson đã được bổ nhiệm thay cho Franklin. (Franklin, đã gần 80 tuổi, thổ lộ mong muốn sớm được trở về Mỹ). Khi Jefferson diện kiến triều đình Pháp ngay sau khi đến nơi, có truyền thuyết rằng Ngoại trưởng Pháp Vergennes đã hỏi Jefferson có phải ông được chọn để thay thế Franklin hay không, và nghe đâu Jefferson đã trả lời: “Không ai có thể thay thế được ông ấy, thưa Ngài; tôi chỉ là người kế nhiệm ông ấy”. Về phần mình, Adams đã rất buồn khi thấy Franklin rời đi. Hai người này từng tranh cãi liên miên trong suốt những cuộc đàm phán dẫn đến Hiệp ước Paris (1783) kết thúc chiến

tranh, và Adams cho rằng Franklin đã để lại cho mình quá nhiều việc, đã chia sẻ quá thoải mái với Vergennes những bí mật đàm phán của Mỹ, và đã nhầm lẫn quá thường xuyên những buổi tối tán tỉnh các quý bà Pháp để mướn là nhiệm vụ ngoại giao chính của mình. Còn Franklin lại coi Adams là kiểu người Yankee đã gán cho sự chăm chỉ một cái tên xấu xí, và đã không trân trọng những lợi ích mà các hội nhóm không chính thức nơi xã hội phòng khách của Pháp mang lại, đặc biệt là sự tán tỉnh vô hại của một ông già dành cho những phụ nữ đáng yêu và từng đáng yêu, những người đã góp phần định hình các giá trị văn hóa Paris. Không một ai, kể cả Jefferson, có thể sử dụng từ ngữ uyển chuyển như Franklin; sự mô tả của ông về tính cách Adams đã trở nên nổi tiếng từ hồi đó, rồi lưu lại hậu thế chỉ bằng một câu nói moi hết gan ruột: “Luôn là người thẳng thắn khôn ngoan, nhưng đôi khi và trong một số trường hợp lại hoàn toàn không kiểm soát được cảm xúc của mình”.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi họ làm việc cùng nhau trong một nhóm công sứ, Jefferson đóng vai trò trung gian quan trọng giữa hai thành viên cấp cao, cả hai đều thấy ông đáng mướn và tận tâm. Thật vậy, sẽ không mấy ai phản đối khi nói rằng trong chín tháng Adams, Franklin và Jefferson đại diện cho quyền lợi của Mỹ ở Pháp, Mỹ đã có được tập hợp những trí tuệ xuất chúng nhất trong toàn bộ lịch sử ngoại giao của mình sau này. Vấn đề chủ yếu của họ hầu như không phải là thiếu trí tuệ hay kỹ năng, mà chỉ đơn giản là có rất ít cơ hội cho họ thể hiện.

Khi tất cả đã được nói và làm, rất ít nước châu Âu quan tâm nhiều đến việc ký kết các hiệp ước hữu nghị và thương mại với nước Cộng hòa Mỹ mới thành lập. Franklin có khả năng nhạy cảm về thời gian hơn bất kỳ thành viên nào của thời đại cách mạng; sự ra đi của ông vào mùa hè năm 1785 đã báo hiệu sự kết thúc của những triển vọng về sự nghiệp Mỹ ở châu Âu. (Ông đã quay về Philadelphia nhiều lần để tham gia các cuộc

thảo luận của Hội nghị Lập hiến). Adams phàn nàn rằng có rất ít việc cho ông làm ở Paris hay London. Ông đã dành phần lớn thời gian của mình biên soạn một nghiên cứu dày ba chương về lý thuyết chính trị mang tên *Sự phòng vệ của Hiến pháp Mỹ* (A Defence of the Constitutions of the United States). Mặc dù Jefferson có tham gia đầy đủ những nhiệm vụ ngoại giao thường lệ trong suốt những năm ở Pháp, nhưng tình hình chiến lược mà gần như đã được số phận và Quốc hội Mỹ giao phó cho ông lại ngăn cản mọi thành tựu có ý nghĩa về chính sách đối ngoại thời ông.

Dù trên thực tế, đã có nhiều khó khăn chồng chất khổng lồ vượt qua, nhưng vấn đề chính lại nằm ở Philadelphia. Nói một cách ngắn gọn nhất, Quốc hội Liên bang thành lập theo Các điều khoản Hợp bang không đủ thẩm quyền để giám sát chính sách đối ngoại của Mỹ. Một lá thư điển hình của John Jay, người phụ trách vấn đề đối ngoại, báo cáo tình trạng bế tắc kéo dài. “Điều này xảy ra trong nhiều Hoàn cảnh khác nhau”, Jay viết cho Jefferson, “được nêu ra trong một số báo cáo về những vấn đề đối ngoại vẫn đang chờ Quốc hội quyết định. Mong muốn về một Đại diện phù hợp trong Thời gian dài... đã bị Chậm trễ và Bỏ sót, tuy nhiên không thể tránh khỏi là còn nhiều điều đáng tiếc”. Jefferson cực kỳ bức bối khi Quốc hội bác bỏ kế hoạch của ông về lực lượng hải quân nhằm tiêu diệt cướp biển Barbary vì lý do chi phí cao không tưởng. Ông viết thư cho Monroe rằng: “Người ta nói là ngàn khối không có tiền. Sẽ chẳng bao giờ có tiền trong ngân khố cho đến khi phe liên minh⁽¹³⁾ nổi giận. Các bang phải xem xét kỹ lưỡng đòn trừng phạt”. Nhưng Madison thông báo với ông rằng đơn giản là chẳng ai có ý định phê chuẩn các hóa đơn tốn kém thế. Thu ngân sách hiện tại chưa đến 400.000 đô-la, không đủ để trả hết nợ cũ, và càng không đủ để trả thêm khoản mới. Madison đồng ý rằng đó là một tình huống đáng tiếc mà sẽ “xác nhận... niềm tin

của cả thế giới rằng chúng ta không được tôn trọng, cũng không được coi là một quốc gia trong các vấn đề Thương mại”. Món nợ khổng lồ với Pháp nói riêng đã đè nặng lên Jefferson, vì ông liên tục bị các cựu binh Pháp trong Cách mạng Mỹ bao vây đòi trả nợ cho họ. Nhưng ngoài cái lắc đầu như một cử chỉ an ủi và hoài nghi, ông hoàn toàn chẳng thể làm gì hơn.

⁽¹³⁾ Tức phe miền Nam.

Rồi một vấn đề nan giải nữa là sự kiêu ngạo của người Anh. David Hartley, một nhà ngoại giao Anh tôn trọng Mỹ hơn hẳn các đồng sự, đã đặt vấn đề thẳng thắn với Jefferson: “Tục ngữ Anh có câu: Kẻ thua có quyền khiêu nại”, Hartley viết. “Sau cơn bão, đôi khi sóng sẽ tiếp tục cuộn trào”. Tóm lại, do đã bị mất một nửa đế chế của mình trong một cuộc chiến kéo dài và thất bại, nên Anh sẽ không trợ giúp kinh tế cho các thuộc địa cũ nữa. Trong chuyến ghé thăm London cùng Adams vào mùa xuân năm 1786, Jefferson đã xác nhận quan điểm đang phổ biến đó: “Với đất nước này, không có gì được thực hiện; và hiện nay họ quyết định chẳng có dự tính gì với chúng ta. Nhà vua phản đối thay đổi đơn vị đo lường; các bộ trưởng phản đối nó...; các thương gia và người dân cũng phản đối nó. Họ coi trọng thương mại của chúng tôi, nhưng lại tin chắc rằng họ được hưởng thụ nó theo những điều khoản riêng”. Thật đáng buồn nếu giả thuyết của người Anh được chứng minh là đúng, thì Anh sẽ tiếp tục kiểm soát hơn 80% ngoại thương của Mỹ. Tại sao họ cần đàm phán các hiệp ước thương mại mới với người Mỹ, trong khi họ đã được hưởng độc quyền theo các điều khoản riêng: Để làm cho vấn đề tồi tệ hơn, người Anh thích đặt những câu hỏi kỳ quặc về thẩm quyền của các nhà ngoại giao Mỹ thay mặt Mỹ trong các cuộc đàm phán, đưa ra câu hỏi tu từ ranh mãnh rằng liệu chính phủ liên bang thật sự có chủ quyền với các bang hay không. Trong khi đó, báo chí Anh vẫn giữ thái độ bài Mỹ khi cho rằng các thuộc địa cũ đang ở trong tình trạng gần như vô chính phủ. (Jefferson đặc biệt quan tâm đến những tin tức thất thiệt trên báo chí London về việc Franklin hoặc bị cướp biển Algeria bắt giữ trên đường trở về hoặc bị đám đông ném đá khi vừa đặt chân tới Philadelphia). Jefferson nhận thấy quan điểm chi phối đa số giới quý tộc Anh trong các câu lạc bộ riêng tư đều là Mỹ đã sẵn sàng thỉnh cầu để được nhận trở lại vào Đế quốc Anh. Khó có thể kỳ vọng vào sự hợp tác từ những người này.

Theo toàn bộ thông tin thu thập được, và chắc chắn theo tính toán ban đầu của Jefferson, thì Pháp lẽ ra đã khác. Sau cùng, Pháp vẫn là đồng minh lớn của Mỹ tại châu Âu, là nguồn cứu giúp Mỹ trong cuộc chiến tranh giành độc lập, là kẻ thù thâm căn cố đế của Anh, và là quê hương của những triết gia chia sẻ đức tin tự do của Jefferson về thị trường mở và tự do thương mại. Jefferson dự thảo nhiều biên bản ghi nhớ dài nhằm thuyết phục Chính phủ Pháp rằng nếu Mỹ và Pháp có thể đạt được những thỏa thuận song phương, theo đó miễn giảm toàn bộ thuế quan và thuế nhập khẩu giữa hai nước, thì kết quả cuối cùng sẽ chính là nguồn nguyên liệu dồi dào giá rẻ hơn cho Pháp và rất nhiều loại sản phẩm giá rẻ hơn cho Mỹ. Hơn nữa, nạn nhân chính của sự bắt tay mới này sẽ là kẻ thù chung, nước Anh. Nhưng một lần nữa, vẻ đẹp lý thuyết trong tầm nhìn phóng khoáng của Jefferson lại vấp phải hiện thực trần tục, lần này là trong nền chính trị triều đình của Paris và Versailles, cùng sự quan liêu cố hữu của chính quyền Pháp ở cấp tỉnh. Mặc dù lời kêu gọi thể hiện tầm nhìn về thị trường mở của Jefferson là hợp lý, nhưng ông vẫn buộc phải thừa nhận rằng nó có vẻ đi trước chúng ta như cái bóng của chúng ta, luôn xuất hiện trong tầm với, nhưng không bao giờ chạm tới được”.

Ví dụ tiêu biểu nhất của vấn đề này chính là độc quyền thuốc lá được duy trì bởi một tổ chức vận động hành lang nông nghiệp có cơ cấu chặt chẽ và cực kỳ bảo thủ, được biết đến dưới tên gọi Quan thầu thuế, cứ khăng khăng giữ mức thuế nhập khẩu cao để bảo hộ nông sản trong nước cũng như dòng tiền chảy vào túi của nhiều cán bộ hải quan. “Việc xóa bỏ độc quyền về thuốc lá nằm trong tay Quan thầu thuế sẽ được chúng tôi thúc đẩy toàn lực”, Jefferson đã viết theo ngôn ngữ mã hóa gửi cho Monroe, “nhưng điều này đan xen với việc thành lập hệ thống tài chính vẫn còn đang lưỡng lự. John Jay gửi thư từ Philadelphia để chia sẻ với Jefferson, nhắc lại rằng trong nhiệm kỳ của ông ở Pháp, ông đã nghe nói

về hệ thống những quy định phức tạp và các khoản hối lộ bí mật “bị hầu hết các quý ông chỉ trích nặng nề khi nghe tôi nói về nó, nhưng có vẻ như vị thế của nó rất chắc chắn, có lẽ bởi Dòng chảy vàng, thậm chí do cả vấn đề Chủ quyền nữa, vì sự Hủy diệt nhanh chóng của nó có vẻ được mong đợi hơn cả dự kiến”.

Ngay cả khi Jefferson đã thuyết phục được Chính phủ Pháp đồng ý cắt giảm phần nào thuế thuốc lá, quyền lực chính trị của Quan tầu thuế vẫn ngăn chặn việc thực hiện. “Tôi không thể đối phó được với những tác nhân đó”, Jefferson phàn nàn, “họ nói với tôi rằng những viên chức hải quan và nông nghiệp chưa coi họ là đối tượng chịu ràng buộc bởi các quy định mới”. Tính quan liêu, chứ không phải là chính phủ, dường như phải chịu trách nhiệm. Trong suốt nhiệm kỳ của ông tại Paris, Jefferson tiếp tục soạn thảo các đề xuất dài và phức tạp, lên án sự phi lý cố hữu của hệ thống đã được thiết lập và mô tả tương đối chi tiết những lợi ích song phương trong chính sách tự do thương mại. Nhưng giống như lập luận Socrat về công lý được trình bày trước các đại diện Mafia, rốt cuộc sẽ chẳng đi tới đâu. Thành công duy nhất của ông sau năm năm nỗ lực không ngừng là giảm nhẹ thuế quan đánh vào dầu cá voi của Mỹ.

Thành tựu ngoại giao lớn trong thời gian ông ở Pháp là một khoản vay 400.000 đô-la từ các ngân hàng Hà Lan, ký kết với Adams vào mùa xuân năm 1787. Khoản vay này có ý nghĩa quan trọng vì nó giúp Chính phủ Mỹ hợp nhất các khoản nợ châu Âu, do đó tạo ra một nguồn tiền chuộc người Mỹ bị bắt cóc ở Algiers và thực hiện thanh toán thường xuyên cho các cựu binh Pháp tham gia Cách mạng Mỹ. Jefferson rất hài lòng với thương vụ này, vì nó đã giao cái vẻ trách nhiệm tài khóa cho các chủ nợ châu Âu của Mỹ. Nhưng ông cũng thừa nhận mình là một cộng sự thụ động trong các cuộc đàm phán, vì chủ yếu mọi việc là do Adams chủ trì. Thực tế, Jefferson thú nhận những vấn đề phức tạp trong các giao dịch

tài chính liên quan đến số tiền lớn, bao gồm lãi suất trái phiếu thả nổi và nhiều mức lãi suất, đã khiến ông cảm thấy bối rối và lo lắng. Ông tin vào phán đoán của Adams trong những vấn đề đó hơn cả của chính mình.

Khi Adams chuẩn bị rời London về Mỹ, ông chuyển giao cho Jefferson trách nhiệm xử lý các khoản vay của Hà Lan, nhắc nhở ông phải cảnh giác trước “lòng tham vô đáy của Amsterdam”. Vào thời điểm các chủ ngân hàng Hà Lan đe dọa tăng lãi suất khoản vay, trong thư gửi Jefferson, Adams chia sẻ lo lắng với Jefferson rằng họ làm như vậy vì cảm thấy Công sứ Mỹ tại Pháp không thật sự hiểu được những nội dung phức tạp trong các hiệp định tài chính: “Tôi thương cảm với ông trong tình huống này, vì ông sẽ bị đòi nợ và khiêu khích, nhưng tất cả Triết lý của ông sẽ hỗ trợ ông”. Adams khuyên chỉ cần nhớ một điều, rằng: “[Người] Amsterdam quá yêu Tiền nên sẽ không thực hiện những lời đe dọa của họ”. Jefferson nghe theo lời khuyên này, không đàm phán lại khoản vay, và tín dụng của Mỹ ở các thủ đô và thị trường châu Âu được cải thiện. Mọi tầm nhìn vượt trước của Jefferson về một cộng đồng quốc tế tự do, bao gồm thị trường mở và hợp tác quốc gia, đã đánh chìm những tảng đá không khoan nhượng của châu Âu. Từ góc độ lịch sử, thời điểm này đã củng cố quan điểm suốt đời của ông rằng chính sách đối ngoại của Mỹ là một lĩnh vực đòi hỏi phải có một chính phủ liên bang mạnh mẽ. Rõ ràng là thiên hướng duy tâm của ông đã được phát huy tốt nhất khi xung quanh là các cộng sự duy vật với lập trường cứng rắn hơn. Trớ trêu thay, thành công chính trong nhiệm kỳ của ông lại là một thỏa thuận tài chính khắc nghiệt với các chủ ngân hàng Amsterdam, những người mà ông không bao giờ hiểu thấu, như ông đã thoải mái thừa nhận.

TIẾNG NÓI NƯỚC MỸ

Dĩ nhiên là ngoại giao không chỉ có việc đàm phán các hiệp ước. Sau khi Franklin trở về Mỹ vào mùa hè năm 1785, Jefferson trở thành Công sứ

Mỹ tại triều đình Versailles. Giống như Franklin, Jefferson được hưởng lợi từ làn sóng sục sôi của Pháp nhằm lôi kéo Công sứ Mỹ vào Cách mạng Pháp có bản chất tương tự Cách mạng Mỹ. Như một hiện thân trẻ tuổi của Franklin với chất giọng miền Nam, danh tiếng của Jefferson càng vang dội khi Marquis de Chastellux xuất bản tác phẩm kể về những chuyến đi của mình ở Mỹ trong đó khắc họa chân dung Jefferson đầy lãng mạn tại Monticello. “Có vẻ như ngay từ thời thanh niên”, Chastellux viết, Jefferson “đã thích những vị trí trên cao, giống như ông đã xây nhà của mình ở một nơi có thể chiêm ngưỡng được vũ trụ”. Tại Mỹ, ông bắt đầu được biết đến ở ngoài biên giới bang Virginia. Hội Triết học Mỹ ở Philadelphia dường như đã xác nhận tiên đoán của Chastellux bằng cách bầu Jefferson làm thành viên của mình vào năm 1786; sau đó cùng năm, Đại học Yale trao cho ông bằng Tiến sĩ Luật danh dự. Những du khách Mỹ đến Paris tiếp tục củng cố danh tiếng đang lên của ông qua việc mô tả sự điềm tĩnh tuyệt đối và phong cách quý tộc của Jefferson trong những lần trình diện tại Versailles.

Ngược lại, sự nổi tiếng của Franklin ở Pháp càng làm tăng thêm danh tiếng đã có của ông tại Mỹ. Sự nổi bật vừa chớm nở của Jefferson ở Paris đã tạo nên hình ảnh về ông như một người Mỹ vĩ đại, mà sau khi ông về Mỹ, nó lại cộng hưởng với tất cả uy tín đã được châu Âu thừa nhận. Ông trở thành cầu nối chính trong trao đổi văn hóa Pháp-Mỹ. Người Pháp chưa từng thấy cây kim ngân hoang dã hoặc nguyệt quế nơi đầm lầy, nên hạt giống đã được gửi từ Virginia tới trồng trên đất Pháp. Về phần mình, người Mỹ cần biết đến những thí nghiệm của người Pháp trong ngành khoa học mới về vận tải hàng không hoặc “khinh khí cầu”, kể cả một số thất bại thảm khốc khi “một số tai nạn xảy ra ở độ cao khoảng 6.000 feet” và những phi công kém may mắn “đã rơi từ độ cao này và tan xác”. Trong khi công chúng Pháp lại đổi tin tức từ Mỹ đến mức Jefferson đã ví

“chúng ta cứ như là trên Mặt trăng vậy”, và họ đã nhận được lợi ích từ những dòng bổ sung chỉnh sửa của Jefferson trong *Bách khoa toàn thư* (Encyclopédie Méthodique). Trong đó, ông sửa lại một số lỗi sai trong những ghi chép của người Pháp về Cách mạng Mỹ, dự đoán rằng chế độ nô lệ tệt hại chắc chắn sẽ chết dần, rằng việc giải phóng “sẽ xảy ra vào một thời điểm không quá xa”, và hình dung toàn bộ lục địa Bắc Mỹ sẽ do những người Mỹ định cư chiếm đóng trong vòng 40 năm.

Ông để mắt tới việc phái Jean-Antoine Houdon, nhà điêu khắc hàng đầu của Pháp, đến núi Vernon để thực hiện tác phẩm cuối cùng về George Washington. Ông yêu cầu, trên thực tế là ra lệnh, ngừng toàn bộ công trình Điện Capitol mới của Virginia ở Richmond, vì vậy các nhà thầu xây dựng có thể bắt đầu với một mô hình kiến trúc do ông gửi tới. Nó mô phỏng Maison Carrée tại Nimes ở miền Nam nước Pháp, được ông gọi là “những tinh túy nhất của kiến trúc cổ hiện còn sót lại”. (Khi nói tới các vấn đề kiến trúc, Jefferson rất am hiểu). Các nhà thầu xây dựng Richmond cần phá bỏ những gì họ đã thi công và bắt đầu lại với những thiết kế do ông cung cấp: “Chúng thật đơn giản và tuyệt vời. Không thể nói gì hơn. Chúng không phải là sự thai nghén từ một ý tưởng kỳ quái chưa từng có, mà là sự sao chép từ mô hình quý giá nhất, hoàn hảo nhất của kiến trúc cổ xưa còn sót lại trên Trái đất”. Hội đồng lập pháp Virginia công nhận con mắt kiến trúc tinh tường và sự kiên quyết của ông nên đã làm chính xác như những gì ông nói.

Cuối cùng, và khá hài hước, Jefferson đã quyết định bác bỏ nhà tự nhiên học hàng đầu của Pháp thời đó là Georges de Buffon, người cho rằng động vật có vú và thực vật Bắc Mỹ thua kém những loài này châu Âu về cả kích thước, thể lực và sự đa dạng. Đến tận bây giờ lý thuyết của Buffon vẫn rất ngớ ngẩn, dù núp dưới danh tiếng là nhà khoa học tự nhiên hàng đầu của Pháp; nó cũng đã cố xoa dịu khi cho rằng toàn bộ

môi trường của Mỹ đang suy thoái trầm trọng, như một phòng thí nghiệm ngày càng xuống cấp. Jefferson đã phát động một chiến dịch toàn diện để thu thập tiêu bản của những loài vật nước Mỹ lớn hơn bất cứ loài nào ở châu Âu. Vì không có kinh phí, nên ông đã cho thực hiện một cuộc thám hiểm trên dãy núi White ở New Hampshire để có được “da, xương, sừng của nai sừng tấm, tuần lộc và hươu sừng tấm”. Các thợ săn được lệnh “để lại móng, xương chân và xương đùi, nếu có thể thì lột da và giữ nguyên những chiếc sừng trên đầu, sau đó khâu lại da vùng cổ và bụng để có được hình dạng và kích thước thật của con vật”. Chuyến thám hiểm đã mang về những tiêu bản như mong muốn, nhưng Jefferson bị thất vọng vì kích cỡ chưa đủ to, đặc biệt là nai sừng tấm mà ông coi là át chủ bài để so với nai châu Âu nhỏ bé của Buffon.

Vì vậy, một bữa tiệc săn bắn nữa lại diễn ra, thêm một con nai sừng tấm nữa bị giết, xác của nó được chuyển đến Paris và được Jefferson trưng bày ở sảnh ra vào khách sạn của ông, nhưng vẫn hơi thất vọng vì con nai sừng tấm này chỉ cao có 7 feet và lông của nó rụng liên tục. Buffon, một người đàn ông thấp bé cao chưa đến 5 feet, đã được mời đến chiêm ngưỡng chiến lợi phẩm hơi nặng mùi và có phần không hoàn hảo này, nhưng vẫn kết luận đây là bằng chứng chưa đủ thuyết phục để buộc phải thay đổi thuyết bài Mỹ của mình. Đó là một trong số những lần thất bại hiếm hoi của Jefferson trong việc tăng cường hiểu biết lẫn nhau của thực Pháp-Mỹ.

Thành công tuyệt đối của ông với tư cách người Mỹ nổi tiếng nhất ở Paris bắt nguồn phần lớn từ tấm chân tình của ông đối với mọi thứ của Pháp. Sự lúng túng của ông khi nói tiếng Pháp có thể tha thứ được, vì nó chỉ là vết gợn duy nhất trên hồ sơ không chút tai tiếng của một người thân Pháp. Rượu vang Pháp, đồ ăn Pháp, kiến trúc Pháp và vẻ đẹp kín đáo của xã hội Pháp, tất cả rõ ràng đều là nguồn vui đối với vị Công sứ Mỹ

tại triều đình Versailles - bên cạnh đó là sự tương đồng của lòng hận thù nước Anh hiển hiện nơi ông cũng giúp cho sự nghiệp - ông khiến cho toàn bộ xã hội Paris biết rằng dù ông được sinh ra ở Virginia, nhưng Pháp là ngôi nhà thứ hai của ông, cũng giống như người Pháp là những người anh em tinh thần của ông dẫu không cùng dòng máu. “Tôi rất hài lòng với người dân của đất nước này”, ông đã viết như vậy để thể hiện tình cảm yêu mến đặc biệt của mình, ông còn ghi chú rằng chính phép lịch sự và nét tinh tế vốn có của người dân nơi đây có thể khiến người ta “đi cả đời với họ mà không chút xô bồ”.

Đây là một tình cảm chân thành, một biểu hiện chân thực của mối quan hệ thật sự giữa con người tao nhã và quảng giao nơi ông với những quyển rữ đầy gọi cảm của kinh đô văn hóa châu Âu. Nhưng nó cùng tồn tại bên cạnh nét đối lập tương phản. Trong những lá thư gửi về cho bạn bè và đồng nghiệp ở Mỹ, hoặc trong những ghi chú tư vấn cho người Mỹ đi du lịch ở châu Âu, Jefferson đã mô tả Pháp và châu Âu nói chung như một hố sâu tuyệt vọng của sự tham lam, ngu dốt và sự nghèo đói khốn khổ. Thật vậy, những gì Buffon từng nói về một nước Mỹ kém cỏi lâu đời được Jefferson dùng để bật lại chính châu Âu, phát triển thứ lý luận có tính công thức về một châu Âu tự ti để đảo ngược những định kiến của Buffon.

Lý luận này có xu hướng sử dụng hình thức tranh luận quen thuộc của Jefferson về sự tách biệt giữa các thái cực đạo đức. “So sánh giữa chính phủ của chúng tôi [ở Mỹ] với những chính phủ của châu Âu”, ông viết, “giống như so sánh thiên đàng với địa ngục vậy”; còn Anh thì ở một trạng thái lấp lửng hoặc “trạm trung gian”. Khi George Wythe viết thư cho Jefferson vào năm 1786 để báo tin tốt lành rằng Hội đồng lập pháp Virginia cuối cùng đã thông qua dự luật của ông về bảo đảm tự do tôn giáo, Jefferson đã phản hồi bằng cách đối chiếu những gì có thể ở Mỹ với

sự tuyệt vọng ở châu Âu: “Nếu mọi nhà quân chủ châu Âu tự nhận nhiệm vụ giải phóng trí óc thần dân họ khỏi sự thiếu hiểu biết và định kiến hiện có nơi họ..., thì một ngàn năm nữa họ cũng sẽ không có vị thế cao ngang bằng với những người dân thường của chúng ta đang có hiện nay... Nếu ai đó nghĩ rằng nhà vua, giới quý tộc, hay linh mục là những người gìn giữ tốt hạnh phúc của nhân dân, thì hãy đưa họ tới đây”. Điều này đã trở thành một chủ đề chung trong những lá thư ông gửi cho các phóng viên Mỹ. Trong thư gửi David Ramsay ở Nam Carolina, ông viết: “Nếu bất kỳ người đồng hương nào của chúng ta ao ước có một đức vua, hãy kể cho họ truyền thuyết của Aesop về những con ếch đòi có một vị vua; nếu câu chuyện này vẫn không làm họ thức tỉnh, hãy gửi họ sang châu Âu”. “Các chính phủ châu Âu giống như những cánh diều cố bay cao hơn chim bồ câu”, ông báo cáo với John Rutledge, và còn bổ sung cay độc rằng “những ngôi trường tốt nhất cho chủ nghĩa cộng hòa chính là London, Versailles, Madrid, Vienna, Berlin, v.v.”

Trong một tài liệu lưu hành nội bộ mang tên “Những gợi ý cho du khách Mỹ ở châu Âu” (“Hints to Americans Travelling in Europe”), ông chỉ trích những du khách quá ấn tượng với nghệ thuật và di tích ở các thủ đô châu Âu, rồi kết luận rằng “chúng đáng để chiêm ngưỡng, nhưng không đáng để học hỏi” bởi chúng có xu hướng đánh lạc hướng sự chú ý khỏi một xã hội thực đang mục nát sâu sắc trong cuộc sống đô thị khắp châu Âu. Ông kêu gọi giới trẻ đang chuẩn bị những chuyến đi lớn hãy cảnh giác trước những cám dỗ và cạm bẫy nhục dục mà họ sẽ gặp phải. (Thư ký riêng của ông, William Short, đã vướng vào mối tình say đắm với người vợ trẻ đẹp của Công tước de La Rochefoucauld Liancourt). Du khách trẻ tuổi điển hình này “bị lôi kéo bởi thứ tình cảm mạnh mẽ nhất của con người khi đan díu tình ái với một phụ nữ, phá hoại hạnh phúc của chính mình và của những người khác, hoặc đam mê với những cô gái

làng chơi làm sức khỏe anh ta kiệt quệ...” Paris, như ông cảnh báo, là một nhà thổ khổng lồ.

Cần có tâm lý nhạy bén để duy trì một thứ tình cảm chân thành và rất rõ ràng dành cho mọi thứ của Pháp, đặc biệt là khi đồng thời lên án sự suy đồi của châu Âu bằng chính tấm chân tình như thế, nó phụ thuộc vào những cơ chế bí ẩn bên trong Jefferson, vốn ngăn cản tiếng nói của ông lắng nghe lẫn nhau. Trong những bức thư của mình, ông có thể điều chỉnh thông điệp để phù hợp với các độc giả khác nhau. Việc xuất bản *Những ghi chép về bang Virginia* (Notes on the State of Virginia) của ông đã kích thích trí tò mò đối với mảnh đất này, bởi không giống như những lá thư cá nhân, người ta không thể kiểm soát được việc lưu hành nó, bất kỳ ai cũng có thể đọc nó. Với các phân hướng dẫn du lịch, chuyên luận khoa học và suy ngẫm triết học, *Những ghi chép* được ông viết vào mùa thu năm 1781, ngay sau trải nghiệm kém may mắn ở cương vị Thống đốc Virginia và ngay trước cái chết bi thảm của người vợ. Ông cho phép xuất bản giới hạn 200 cuốn được dịch ra tiếng Pháp, không in tên ông trên trang bìa, nhằm nâng cao hiểu biết của người Pháp về Mỹ, và chỉ sau khi ông biết rằng báo chí đã đăng tải phiên bản chưa được phép. Thực tế là bất chấp nỗ lực giấu tên của ông, bí mật về việc Công sứ Mỹ tại Pháp là tác giả của *Những ghi chép* đã nhanh chóng được cả xã hội Paris biết đến, góp phần gia tăng đáng kể danh tiếng của ông như là tiếng nói có ảnh hưởng của Mỹ ở châu Âu. Abigail và John Adams đọc nó khi đang đi xe ngựa đến Calais để nhậm chức mới tại London, Adams đã viết: “Chân thành cảm ơn ông vì đã viết Cuốn sách này”, và thêm rằng, “nó khiến chúng tôi Suy ngẫm trong suốt Ngày dài. Hiện tôi chưa thể nói nhiều về nó, nhưng tôi nghĩ rằng nó sẽ vinh danh Tác giả của nó và Tổ quốc của ông. Các Đoạn về chế độ nô lệ là những Viên kim cương quý giá. Chúng sẽ có ảnh hưởng hơn cả những Tuyển tập do các Triết gia thuần túy viết ra”.

Nhưng trên thực tế, Jefferson vô cùng lo lắng về những nhận xét đối với chế độ nô lệ có thể ảnh hưởng đến danh tiếng của ông ở Mỹ, đặc biệt là ở Virginia. Ông tâm sự với Madison rằng “những tình cảm đối với một số đối tượng mà tôi thấu hiểu có thể làm phật ý đất nước [và] có lẽ là cả Hội đồng lập pháp [Virginia] hoặc một số người lãnh đạo nó. Tôi không muốn phải đối diện với sự chỉ trích của họ...” Madison đã viết lại bằng một thông điệp lạc quan thận trọng và theo một phong cách rất giản lược để tránh con mắt rình mò của nhân viên bưu điện, kể cả nếu họ cố giải mã để hiểu được ông đang nói về cái gì: “Tôi đã tìm thấy bản sao các ghi chép của ông..., đã đích thân xem xét chúng cẩn thận và tham khảo ý kiến một số người bạn sáng suốt đáng tin cậy. Chúng tôi đều nhận thấy *sự tự do* trong những chỉ trích của ông đối với một số *biện pháp và quan điểm cụ thể* sẽ làm phật lòng những kẻ xúi giục. Nhưng chúng tôi đều đồng tình với suy nghĩ rằng cân nhắc này hẳn là không có nhiều ảnh hưởng bằng *tính thiết thực trong kế hoạch của ông*”

Trên thực tế, điều đáng lo ngại không phải là niềm tin cá nhân của Jefferson, rằng về mặt đạo đức thì chế độ nô lệ không phù hợp với những nguyên tắc của Cách mạng Mỹ. Ông đã mấy lần bày tỏ quan điểm của mình về chủ đề gây tranh cãi này trước Hội đồng lập pháp Virginia và Quốc hội Liên bang. Điều đáng lo ngại chính là ông bóng gió rằng những chủ đồn điền ở Virginia và vùng Chesapeake đều đang khăng khăng hướng tới việc giải phóng nô lệ. Đây là một sự mơ tưởng coi thường những thực tế chính trị khó ưa. Đúng là ông đã nói nhiều điều tương tự khi đưa ra ý kiến về chế độ nô lệ trong *Bách khoa toàn thư*, nhưng những nhận xét đó nhắm đến độc giả Pháp và nhằm vẽ ra vẻ ngoài bóng bẩy lạc quan cho một chủ đề tiềm tàng nguy hại.

Điều đáng lo ngại nhất trong những đoạn kịch tính của *Những ghi chép* là dự đoán về chiến tranh sắc tộc ở Mỹ và “những biến động có thể

sẽ không bao giờ kết thúc nhưng lại hủy diệt không sắc tộc này thì sắc tộc khác”. Jefferson có vẻ thật sự muốn nói rằng nếu chiến tranh sắc tộc nổ ra thì Chúa sẽ đứng về phía người da đen: “Tôi thật sự lo sợ cho đất nước tôi. Khi nói đến Chúa, tôi chỉ nghĩ rằng: công lý của người không thể mãi ngủ say; rằng nếu chỉ xem xét những con số, tính chất và cách thức tự nhiên, thì một cuộc cách mạng của bánh xe vận mệnh, một sự thay đổi tình hình có thể xảy ra; rằng nó có thể xảy ra do sự can thiệp siêu nhiên! Đáng Toàn năng không đời nào ủng hộ chúng ta trong một cuộc đua như thế”. Jefferson đã đúng khi lo ngại rằng sẽ chẳng có độc giả nào ủng hộ những tình cảm khái huyền như vậy cả. Độc giả Pháp sẽ bị sốc; còn người Virginia sẽ nổi giận.

Khi nó xảy ra, mọi lá thư bình luận về những đoạn phản đối chủ nghĩa nô lệ trong *Những ghi chép* mà ông nhận được đều thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ. David Ramsay, sử gia Nam Carolina, thậm chí còn trách ông chưa lường trước được hết tương lai. Ramsay cho rằng “trong một vài thế kỷ nữa, người da đen sẽ mất đi màu đen của họ. Tôi nghĩ rằng hiện nay ở Jersey họ không còn đen như ở Carolina nữa”. Vì vậy, thay vì xung đột sắc tộc, người ta có thể nhìn về phía trước để đồng hóa dần tất cả người da đen, họ sẽ đạt được mục tiêu cao cả này bằng cách thật sự trở thành người da trắng. Giám mục James Madison, Hiệu trưởng trường William & Mary, lại không đồng ý và cho rằng những phát biểu rõ ràng, chính xác của Jefferson trong *Những ghi chép* được đúc kết từ kinh nghiệm. Giám mục Madison dự đoán, cuối cùng thì cư dân da đỏ sẽ hòa nhập vào xã hội Mỹ. Thậm chí còn có những báo cáo về một người da đỏ gần Albany đã gần như có đầy đủ quyền của người da trắng chỉ trong một vài năm. Nhưng không có báo cáo đáng tin cậy nào về việc thay đổi quyền của bất kỳ người da đen nào. Giám mục Madison buồn bã nhận định, “có vẻ như Tự nhiên đã hoàn toàn từ chối Khả năng anh ta giành được Nước da của

Người da trắng”. Giám mục Madison chúc mừng Jefferson vì đã buộc những chủ nô Virginia nhận ra rằng nếu không làm được điều gì đó để thay đổi chế độ nô lệ, thì con cháu của họ sẽ chết trong một cuộc chiến tranh diệt chủng giữa các sắc tộc. Trong khi ám chỉ hiện trạng phân biệt chủng tộc phổ biến và sâu sắc, ngay cả trong giới tiến bộ của xã hội Mỹ, những nhận xét của Ramsay và Madison cũng cho thấy cách xử lý của Jefferson trước chủ đề cấm kỵ đã không cô lập ông hoàn toàn như ông lo sợ lúc đầu.

Tuy nhiên, mối lo ngại của ông trước phản ứng của công chúng đối với *Những ghi chép* đã cho thấy ông không hề thoải mái với việc thể hiện những suy nghĩ cá nhân mà ông không thể sắp xếp hoặc kiểm soát được. Đây có thể là lý do tại sao *Những ghi chép* là cuốn sách đầu tiên và cuối cùng được ông xuất bản. Đáng kể hơn, trải nghiệm này đã có một ảnh hưởng lâu dài đến thái độ của ông với vấn đề nô lệ. Từ lúc này trở đi, quan điểm điển hình của Jefferson nhấn mạnh sự cần thiết phải chờ cho công luận bắt kịp với mệnh lệnh đạo đức của phong trào giải phóng nô lệ. Thay vì trở thành một người tán thành thập tự chinh, ông lại trở thành một nhà ngoại giao thận trọng. “Bạn biết rằng không ai mong muốn tha thiết hơn tôi để được chứng kiến bãi bỏ không chỉ việc buôn bán mà cả chế độ nô lệ”, ông viết trong thư gửi một người bạn Pháp vào năm 1788. “Nhưng... ở đây tôi là một công chức, và những người mà tôi phục vụ chưa thể lên tiếng chống lại thực trạng này, sẽ tốt cho tới khi tránh được việc phải thể hiện quá công khai về mong muốn của mình là được chứng kiến sự bãi bỏ nó. Nếu không phụng sự ở đây, thì tôi ít có khả năng đưa vấn đề này vượt ra ngoài biên giới”. Ông bắt đầu phát triển lập luận - nó đã trở thành trung tâm trong quan điểm công khai của ông về chế độ nô lệ suốt những năm tháng trưởng thành đến tận cuối đời mình - đến mức vấn đề này cần được thế hệ chính khách Mỹ kế cận thông qua.

Đây là những nhà lãnh đạo sinh ra trong thời kỳ Cách mạng Mỹ và vì thế “thấm nhuần những nguyên tắc về tự do như sữa mẹ”. Và giờ đây ông tuyên bố rằng: “Tôi lo lắng chúng kiến họ thay đổi số phận của vấn đề này”. Đây là một thái độ chính trị mang nhiều lợi thế chiến lược, là người đứng đầu cho phép ông giữ lại những nguyên tắc đạo đức của mình trong khi biện minh cho việc không hành động bằng sự khôn ngoan dày dạn và hiểu biết thực tế. Do vậy, ông giữ cho các nguyên tắc của mình rõ ràng và nguyên vẹn bằng cách đặt chúng trong chiếc kén thời gian, chúng có thể ở đó cho đến thời điểm thích hợp trong tương lai khi thế giới đã sẵn sàng chào đón chúng.

Trong khi đó, cũng có những chiếc kén hoặc khoang bên trong tâm trí hay tâm hồn ông được dựng lên vào thời gian này để giữ cho các tư tưởng xung khắc khởi va vào nhau. Có lẽ ví dụ minh họa rõ nhất về khả năng giữ bí mật này với chính ông xảy ra vào tháng 8 năm 1786. Một chủ nô người Mỹ đi du lịch sang Pháp hỏi ông về đạo luật cấm chế độ nô lệ của Pháp và cho phép bất kỳ nô lệ nào bị đưa vào đất nước này đều có quyền đòi tự do. “Tôi đã tìm hiểu vấn đề liên quan đến cậu bé da đen anh mang theo”, Jefferson giải thích, “và thấy rằng luật của Pháp sẽ trả lại tự do cho cậu bé nếu cậu bé yêu cầu, và khó mà ngăn cản, nếu không muốn nói là không thể, việc thực thi pháp luật”. Nhưng có một con đường vòng hoặc có thể còn vượt lên pháp luật. Jefferson thận trọng nhận định: “Tôi biết một trường hợp, người này mang theo một nô lệ, và không dả động gì về nó, không làm xáo trộn quyền sở hữu nô lệ của ông ta”. Đơn giản là nếu người đó tránh nhắc đến chủ đề này, “cậu bé da đen sẽ không thể... nghĩ đến việc đòi tự do cho mình”. Ví dụ Jefferson đang nói đến gần như chắc chắn liên quan đến người đầy tớ da đen James Hemings của ông. Điều đó cũng giống như Jefferson không hề cảm thấy cần rút lương tâm khi đề

xuất một chính sách bảo mật, đơn thuần phản ánh những bí mật sâu thẳm hơn, bởi ông thường xuyên che giấu bên trong.

Tóm lại, kinh nghiệm ngoại giao đáng kể được Jefferson tích lũy trong những năm ở Pháp đã song hành với thứ mà chúng ta có thể gọi là sự võ về khéo léo những giằng xé nội tâm. Hoặc có lẽ là kỹ năng tâm lý vốn có đã được bộc lộ hoàn toàn trong thời gian ở Pháp của ông. Ở cấp độ rõ ràng nhất và có ý tốt, sự võ về nội tâm này bắt nguồn từ mong muốn chân thành của ông là được nói với người đồng cấp những điều họ muốn nghe. Jefferson luôn coi thẳng thắn và lịch sự là hai khái niệm không thể song hành, và khi buộc phải lựa chọn thì luôn chọn lịch sự để tránh những cuộc đối đầu khó chịu. Đây chính là những gì ông hàm ý khi nói “dàn xếp bằng kết thúc êm đẹp”. Viết thư là một công cụ hoàn hảo của kỹ năng ngoại giao, một phần vì Jefferson là bậc thầy trong sử dụng ngôn ngữ viết, và một phần vì có thể nhắm đến nhiều đối tượng độc giả khác nhau. Một người Pháp sẽ lúng túng khi đọc lời khuyên ông gửi cho giới trẻ Mỹ về những cám dỗ và cám bẫy của Paris suy đồi, theo đó có thể kết luận Jefferson là một kẻ đạo đức giả. Nhưng Jefferson tự điều chỉnh thông điệp của mình cho phù hợp với đối tượng ông hướng tới, chỉnh sửa quan điểm riêng của mình để phù hợp hơn với quan điểm của người nhận thư. Đây không phải là lịch sự kiểu hai mặt.

Tuy nhiên, nếu đi xa thêm một chút nữa, thì động cơ vô hại nhằm tránh mâu thuẫn lại có thể gây ra những tác động đáng sợ hơn. Không giống như Adams, người có trái tim và tâm trí luôn nối kết trong cùng một mạng lưới để thực hiện những ý tưởng và ham muốn nối kết chúng trong một nguồn sức mạnh chung, Jefferson lại tạo ra những dòng truyền tải riêng biệt bên trong ông được xây dựng nhằm ngăn chặn các bộ tín hiệu tương tác với nhau. Kết quả là Adams có thể trở nên nguy hiểm nhất khi trung thực nhất. Còn đối với Jefferson, trung thực là một

cuộc đàm phán nội tâm phức tạp hơn. Ông yếu thế nhất khi một chủ đề mang nhiều yếu tố đạo đức như chế độ nô lệ đã chia rẽ những niềm tin đầy xung đột của ông, còn ông vẫn bình thản lờ đi sự khác biệt.

Những gì khiến ông bị chỉ trích là đạo đức giả cũng không thật sự đúng. Trong một số trường hợp, đó là mong muốn để làm hài lòng những cử tri khác nhau, để tránh mâu thuẫn với đồng nghiệp. Trong một số trường hợp khác, nó là một dàn nhạc với các giọng nói bên trong ông để tránh mâu thuẫn với chính mình. Sự khéo léo trong giao tiếp của ông với cả người ngoài lẫn nội tâm đều bắt nguồn từ sự vô cùng chán ghét những bất đồng sâu sắc, và niềm tin căn bản trong ông rằng hòa hợp là cách tự nhiên để báo hiệu chân lý xuất hiện. Tự lừa dối mình còn hơn là đạo đức giả tính toán, dù sao đó cũng là một dạng bối rối vì tâm lý nhạy bén có thể làm cho Jefferson dạo qua những khu nô lệ trên Mulberry Row tại Monticello, nghĩ về triển vọng rục rĩ của nhân loại mà không có bất kỳ ý niệm nào về sự mâu thuẫn. Dù nó làm ông hầu như không nghe thấy những lời mỉa mai, nhưng nó có lợi thế chính trị quyết định khi xua tan nghi ngờ hoặc vô hiệu hóa sự mơ hồ từ quá trình tư duy của ông. Ông chỉ có sự hai mặt trong trái tim thuần khiết.

NHỮNG CHUYẾN PHIÊU LƯU TÌNH CẢM

Một trong những giọng điệu nổi bật nhất của Jefferson, thứ hoàn toàn có thể nghe được trong những năm tháng ông ở Pháp, chính là giọng điệu ông giả bộ với phụ nữ. Như chúng ta đã thấy, Abigail Adams đóng vai trò quan trọng trong việc giúp ông giải quyết công chuyện ở Paris. Bà là người phụ nữ đầu tiên ông gặp có thể hội tụ đủ những gì một người vợ cần có để làm một cộng sự toàn diện trong sự nghiệp của chồng, cũng như có khả năng trò chuyện và chuyển chủ đề một cách tự nhiên từ câu hỏi về trách nhiệm của cha mẹ đến những vấn đề chính sự của châu Âu. Nhưng thậm chí Abigail còn cảm thấy thoải mái hơn cả khi đưa ra

những lời khuyên sắc sảo nhất cho Jefferson về nghĩa vụ làm cha của ông. Trong chuyện này, bà mặc nhiên công nhận tính hợp pháp của những đường biên giới ngăn cách khu vực nội trợ của phụ nữ với miền hoạt động chính trị truyền thống của nam giới. Trên thực tế, Abigail đã giới thiệu Jefferson với rất nhiều phụ nữ Pháp dám bước qua ranh giới nhục dục mà không bị trừng phạt, điều này dường như khiến ông nghi ngờ mọi giả định truyền thống của mình về giới tính.

Người ta có thể suy ra một số ý nghĩa với những gì Jefferson đã trải nghiệm qua một nhận định của John Adams nhiều năm sau đó, khi ông nhớ lại cuộc gặp gỡ đầu tiên của mình với “Những Quý bà có học” trong các phòng khách Paris. “Tôi cảm thấy Tự ti trước họ”, Adams nhớ lại theo một cách khiêm tốn nhất, “tôi khó có thể nói gì trước sự hiện diện của họ... Rất ít Quý bà trong số đó hạ cố cho phép tôi nói chuyện với họ. Và khi mọi chuyện xảy ra như vậy, tôi luôn cảm thấy xấu hổ khi phát hiện ra sự Tự ti của mình”.

Adams đang nói đến phong cách phóng túng dễ thấy ở những phụ nữ hàng đầu của xã hội thượng lưu Pháp. Jefferson đã tỏ ra lão luyện hơn Adams trong việc ứng xử với những trở ngại thanh lịch như vậy. Điều làm ông đau đầu là những gì xảy ra sau khi những bữa tiệc kết thúc. Ông giải thích với George Washington rằng cho dù không chính thức nhưng chính các bà vợ và các cô tình nhân lại có tác động mạnh đến những quyết định của chính phủ, đó là đặc điểm đáng lo ngại nhất của xã hội Pháp: “Tập quán của nước này cho phép họ gặp riêng tất cả những người đương chức để xin xỏ cho công việc của chồng, gia đình hay bạn bè, sự moi chài của họ bất chấp luật pháp và các quy tắc... [Rất ít người Mỹ] có thể hiểu được tình trạng tuyệt vọng trước những thứ đất nước này đang mất đi vì một thế lực toàn năng, mà may mắn thay ở nước ta thế lực đó không cố vượt khỏi phạm vi gia đình mà chỉ đơn thuần là niềm khoái lạc

nhục dục cá nhân”. Đặc biệt là khi viết thư cho phụ nữ Mỹ, ông thích đưa ra sự tương phản giữa đức hạnh Mỹ với sự suy đồi châu Âu bằng cách chúc mừng phụ nữ Mỹ, “những người có ý thức nâng niu hạnh phúc gia đình hơn mọi thứ khác”, so với phụ nữ Pháp, “những người đau đầu vì chính trị”. Ông kết luận đó là “một sự so sánh giữa các Nữ chiến binh và các Thiên thần”.

Jefferson đứng về phía các thiên thần. Một trong những lý do ông không làm theo lời khuyên của Abigail và cho cả hai cô con gái của mình học ở một trường dòng, là bởi ông cho rằng sự sắp xếp này sẽ giúp cách ly chúng khỏi những thăng trầm của xã hội Paris. Ông chịu áp lực nặng nề trước việc phải bảo đảm với bạn bè rằng Patsy và Polly không bị cách ly khỏi thế giới nhưng lại chịu nguy cơ bị nhồi nhét các giá trị Công giáo. Ông nhấn mạnh rằng “chưa hề có một từ nào về vấn đề tôn giáo được nói với lũ trẻ... Đó là một nơi chỉ có giáo dục”. Và Panthemont cung cấp kiểu giáo dục phù hợp với phái đẹp hơn, tức là các khóa học vẽ hoặc hội họa, khiêu vũ, âm nhạc, phép xã giao và tiếng Ý.

Dù luôn muốn làm hài lòng cha, nhưng Patsy vẫn tiếp tục cho thấy rằng những chương trình giảng dạy dành cho phụ nữ quý tộc cũng như mấy bức tường cao của trường dòng không thể cách ly cô như Jefferson mong muốn. Cô cho biết tiếng Pháp của mình gần như là bản ngữ, nhưng cô đang mất dần khả năng nói, viết hoặc thậm chí nghĩ bằng tiếng Anh. Rồi cô còn tiết lộ rằng thậm chí các nữ tu cũng không thể ngăn chặn các cô gái vị thành niên chia sẻ những câu chuyện về bê bối tình dục. Cô viết thư cho cha, “Có một quý ông đã tự sát vì cho rằng vợ không yêu mình. Họ đã cưới được 10 năm. Con tin rằng nếu người chồng nào ở Paris cũng làm như vậy, thì ở đây sẽ chỉ còn toàn góa phụ”. Rồi giọt nước tràn ly khi Patsy thông báo cô đã quyết định trở thành một nữ tu. Truyền thuyết gia đình này kể rằng hôm sau Jefferson đã đánh xe đến

cổng trường Panthemont, không nói một lời với các nữ tu hay Patsy, mà tống cô vào xe ngựa của mình và lẳng lặng đưa cô về nhà. Điều này xảy ra vào tháng 4 năm 1789, và Jefferson ngay lập tức bắt đầu lên kế hoạch trở về Mỹ, một phần là để bảo đảm rằng con gái ông sẽ được lớn lên trong một môi trường an toàn hơn, hướng về gia đình nhiều hơn.

Lướt qua những gì Jefferson đã làm với các con gái mình, có thể thấy hình ảnh của một người cha yêu thương và tận tụy. Chẳng hạn, một vị khách đến nhà Jefferson đã tả lại cảnh gia đình thân mật, Patsy chơi đàn clavico trong khi người cha say sưa giúp Polly viết thư cho bạn bè ở Virginia. Đây là khung cảnh tình cảm mà Jefferson luôn lý tưởng hóa. Và nó cho phép chúng ta hình dung ra không gian gia đình không chỉ là một nơi đặc biệt giành cho phụ nữ mà còn là nơi sâu thẳm lý tưởng của riêng Jefferson. Về mặt này, ông có xu hướng đưa phụ nữ vào một vùng riêng và ít tranh cãi hơn, không phải để xa lánh mà là để chứng thực các giá trị nữ tính và đạo đức chính là cốt lõi trung tâm trong chốn thiên đường kiểu Jefferson.

Nhưng phần lớn bằng chứng sẵn có về mối quan hệ của Jefferson với các con gái mình lại tìm thấy qua những lá thư. Những lá thư ấy vẫn còn vì Jefferson đã chọn cho các con gái mình sống tách biệt với gia đình trong phần lớn thời gian ông ở Pháp. Hơn nữa, cả thông điệp chính và giọng điệu không đổi trong những lá thư cho thấy sự cố tình tạo khoảng cách giữa người cha với con cái, có thể gọi đó là gia trưởng, theo kiểu ít gần gũi. Ví dụ, Patsy từng muốn đi cùng cha trong chuyến thăm miền Nam nước Pháp mùa xuân năm 1787. Jefferson đã từ chối yêu cầu này, sau đó còn để lại những giáo huấn: “Hãy xác định không bao giờ được lười nhác. Sẽ chẳng ai có dịp phàn nàn là thiếu thời gian, nếu họ không lãng phí chút nào. Nếu chúng ta luôn làm việc, thì có thể làm được bao

nhiều điều thật tuyệt vời. Và con có thể luôn làm điều tốt, con yêu của cha, đó là lời cầu nguyện thiết tha của cha”.

Từ Aix-en-Provence, ông đã xin lỗi vì không viết thư thường xuyên, rồi tiếp tục bằng giọng giáo huấn: “Không có người siêng năng nào lại chưa từng kích động... Một phần của tính cách Mỹ là không tuyệt vọng trước bất cứ điều gì, vượt qua mọi khó khăn nhờ có quyết tâm và sáng kiến... Con đòi cha viết cho con những lá thư dài. Cha sẽ làm điều đó, con thân yêu, với điều kiện con sẽ đọc đi đọc lại chúng, và thực hành những gì được nhấn mạnh trong đó”.

Một lá thư trước đó gửi cho Polly cũng có những bài giáo huấn tương tự về sự chăm chỉ, và sau đó trong một đoạn đặc biệt vô cảm, dường như muốn nói rằng tình yêu của ông phụ thuộc vào việc cô được đánh giá như thế nào. Jefferson thuyết giảng, rằng cô phải “tự học cách chơi đàn clavico, vẽ, khiêu vũ, đọc và nói tiếng Pháp, những thứ sẽ làm cho con xứng đáng hơn với tình yêu của bạn bè... Hãy nhớ một nguyên tắc bất di bất dịch rằng đừng đi ra ngoài mà không đội mũ, vì điều đó sẽ khiến con rất xấu xí và chúng ta sẽ không yêu con nhiều”.

Khó mà tránh được kết luận rằng Jefferson đơn giản đã không thể truyền đạt nổi tình cảm đối với con cái mình, trong khi ông lại là bậc thầy lão luyện khi chọn văn phong sao cho phù hợp với độc giả. Điều này không có nghĩa ông là một người cha không thương yêu hoặc không quan tâm đến con cái. Việc ông lý tưởng hóa hạnh phúc gia đình như nguồn hạnh phúc cá nhân tối cao của mình hiển nhiên là chân thành, và con cái ông là một phần không thể thiếu trong không gian được bảo vệ, nơi lý tưởng trong hình dung của ông. Nhưng trong thực tế đời thường, trong những đối xử hằng ngày với các con gái ruột thịt, ông lại không thể lúc nào cũng tỏ ra gần gũi.

Những mối quan hệ của ông với phụ nữ trưởng thành lại hoàn toàn khác. Nếu Jefferson có xu hướng đưa phụ nữ lên bệ thờ rồi đặt nó trong căn phòng yêu thích nhất của Monticello nơi tinh thần ông trú ngụ, thì những bức thư ông viết cho những người bạn gái lại kết hợp giữa sự chiều chuộng phụ nữ điển hình với phong cách tán tỉnh, thân mật, hài hước. Nếu những bức thư gửi cho các con gái có giọng điệu giáo huấn gần như cứng nhắc và có vẻ vội vã và bắt buộc, thì thư từ gửi cho những phụ nữ cùng độ tuổi lại rất thân mật, mềm mỏng đến độ ủy mị và được chăm chút câu chữ cẩn thận.

Ví dụ như các thư ông viết cho Angelica Schuler Church, một người đẹp nổi tiếng và là một họa sĩ tài hoa có con gái học cùng trường Panthemont với Patsy, lại theo kiểu đàn ông đồm dáng. Sau lần Church ghé thăm Paris, ông viết: “Lần sau em đến, tôi sẽ tự mình cố tìm ra hoặc tưởng tượng về các lỗi nào đó của em, và tôi sẽ trù lên tám mạng để che đi mọi nét đẹp nơi em, nếu tôi có thể tìm thấy một tám mạng đủ lớn”. Rồi ông tưởng tượng Church đến thăm ông tại Monticello, hai người cùng tận hưởng cả buổi chiều tại Natural Bridge uy nghiêm. Ông áp dụng phong cách lả lơi như thế trong thư từ với Quý bà de Tessé, dì của Marquise de Lafayette, người sở hữu khu đất tại Chaville mà Jefferson rất thích đi dạo trong những khu vườn ở đó. Từ Nimes, ông viết: “Thưa Quý bà, tôi ở đây, nhìn chằm chằm vào tòa nhà Maison suốt hàng giờ, như một kẻ đang yêu ngắm nhìn tình nhân của mình. Những thợ dệt và thợ quay tơ quanh đó nhìn tôi như một kẻ dở hơi người Anh, sắp viết nốt chương cuối đời mình bằng súng lục. Đây là lần thứ hai tôi vướng vào tình ái kể từ khi tôi rời Paris”. Ông còn giải thích tình yêu đầu tiên chính là dành cho bức tượng Diana ông thấy ở Beaujolais.

Trên thực tế, có trước cả bức tượng Diana là một phụ nữ đáng yêu không kém và đầy sống động, Maria Cosway, vợ của họa sĩ nổi tiếng

Richard Cosway. (Hầu như tất cả bạn bè nữ giới của Jefferson đều đã kết hôn hoặc góa chồng). Nếu như Jefferson có thể gặp được sự nữ tính bằng xương bằng thịt như ông vẫn hình dung về nó, thì Cosway chính là hiện thân hoàn hảo của lý tưởng đó. Người đương thời mô tả bà là “một người Ý gốc Anh mảnh mai với mái tóc vàng, yêu kiều đến mức kiểu cách và rất tài hoa, đặc biệt trong âm nhạc”, nhiều bức chân dung còn sót lại khắc họa một đôi mắt xanh thẳm, những lọn tóc vàng, một sự pha trộn hấp dẫn giữa nét kiêu kỳ và yếu đuối. Khi những thứ này kết hợp với kiểu bĩu môi có phần khinh khỉnh và chút ngữ điệu nước ngoài - ngôn ngữ mẹ đẻ của bà là tiếng Ý - tất cả có khả năng gây sát thương rất cao đối với nam giới. Jefferson không phải là ngoại lệ. Họ gặp nhau vào đầu tháng 8 năm 1786 qua sự giới thiệu của nghệ sĩ trẻ người Mỹ John Trumbull, từng nhận lời mời gia nhập gia đình của Jefferson ở Paris khi anh sáng tác bức tranh “Tuyên ngôn Độc lập”. Chỉ sau vài ngày, Jefferson đã đắm chìm trong men say tình yêu.

Trong sáu tuần tiếp theo, gần như ngày nào Jefferson và Cosway cũng cùng nhau đi dạo trong các khu vườn, chiêm ngưỡng tất cả tòa nhà, tượng đài, tranh vẽ đặc biệt hay di tích cổ ở Paris và những vùng lân cận. Đối với Jefferson, vẻ đẹp hoa mỹ của một tác phẩm nghệ thuật cũng giống như một người phụ nữ đẹp đã thức tỉnh niềm đam mê sâu thẳm - trân trọng cái đẹp và nét nữ tính là những ham muốn mạnh mẽ mà nguyên sơ quyện chặt với nhau trong tâm hồn ông - cùng sự pha trộn giữa nghệ thuật và kiến trúc Paris với những điểm hấp dẫn quyến rũ nơi một phụ nữ trẻ xinh đẹp (Cosway 27 tuổi) đã tạo ra một sự kết hợp bùng nổ khiến ông hoàn toàn say đắm. Ông bỏ mặc công việc ngoại giao của mình, thường xuyên cử Petit đi xin lỗi cho những lần lỡ hẹn.

Cuộc phiêu lưu hân hoan này lên đến đỉnh cao nhất vào ngày 18 tháng 9 năm 1786, khi Jefferson, vẫn đang lâng lâng trong ái tình, đã bị

gãy cổ tay phải lúc cố nhảy qua một ấm nước lớn hoặc đài phun nước - vẫn chưa thống nhất rốt cuộc nó là thứ gì. Ngay cả nơi xảy ra tai nạn và liệu Cosway có ở bên ông vào thời điểm đó hay không cũng chẳng rõ. Một tháng sau, Jefferson đưa ra bình luận rõ ràng nhất về vụ việc: Trong thư gửi cho William Stephens Smith, ông viết: “Làm thế nào tay phải trở nên thương tật sẽ là một câu chuyện dài cho tay trái viết lại. Đó là một trong những sự điên rồ chẳng mang lại điều gì tốt đẹp, mà chỉ có thể là bệnh tật”. Chấn thương khiến Jefferson phải bất động trong vài tuần và đặt dấu chấm hết cho cuộc vui lãng mạn với Cosway. “Tôi thật sự lấy làm tiếc”, ông viết thư cho bà bằng tay trái, “vì phải từ bỏ những bước đi bên cạnh đầy mê đắm của em để tiến hành phẫu thuật”. Nhưng hai bác sĩ người Pháp khác nhau đều điều trị sai - ông gặp rắc rối với cổ tay này trong suốt phần đời còn lại của mình - còn Cosway rời London với chồng trước khi có thể thu xếp một cuộc hẹn khác. Ông đã phải kiềm chế khi chứng kiến bà ra đi, quả quyết rằng mình đã quay đi khi bà biến mất ở đường chân trời, cảm thấy “thà chết còn hơn là sống”.

Chúng ta không bao giờ có thể biết chắc chắn những gì đã xảy ra giữa Jefferson và Cosway trong suốt mùa thu năm 1786. Các sử gia, người viết tiểu sử và kể cả nhà làm phim đã nấn ná trước giai đoạn yêu đương với những chi tiết cụ thể này, và đưa ra các câu trả lời khác nhau cho câu hỏi “giữa họ đã có hay không có chuyện gì?”

Điều không thể chối cãi là Jefferson đã có vài tháng sống trong màn sương mờ lãng mạn, được ông mô tả bằng cụm từ trong tác phẩm *Nỗi đau của chàng Werther* (The Sorrows of Young Werther) khi hồi tưởng về người yêu trẻ: “Sống qua ngày, không có một kế hoạch cho 24 giờ tới”, ông thú nhận với một người bạn nữ giới khác: “Tôi không lập danh mục về các sự kiện không thể xảy ra. Trong đời, tôi đã từng nghĩ về việc đóng cửa, trốn trong bến cảng, nhưng rồi một người xa lạ đến bên tôi, ném tôi ra biển”.

Thật vậy, mối quan hệ với Cosway mang nhiều ý nghĩa, không phải bởi những câu hỏi kích động đặt ra về chuyện quan hệ thể xác với một người phụ nữ trẻ đẹp đã lập gia đình, mà vì nó hé mở cánh cửa đi vào tâm hồn tình cảm sâu sắc của Jefferson và vai trò vô cùng lãng mạn mà ông gán cho những người phụ nữ chạm được vào tâm hồn ông.

Bức thư bộc lộ bản thân nhiều nhất ông từng viết được gửi cho Cosway vào tháng 10 năm 1786, giữa lúc ông còn đang mê đắm trong cơn lốc tình yêu và cổ tay bị thương vẫn đang trong quá trình hồi phục, nó như một phép ẩn dụ hoàn hảo cho tình trạng bị thương của ông. 12 trang và hơn 4.000 từ, Jefferson đã viết bức thư này trong xúc cảm mãnh liệt ngang với khi viết Tuyên ngôn Độc lập. Bức thư nổi tiếng - được nhiều thế hệ học giả không ngừng giải thích - là minh chứng kinh điển cho kiểu xoay sở “đối thoại giữa Cái đầu và Trái tim”. Mặc dù ý định được công bố của bức thư là nhằm mô tả Cosway như một hình tượng nan giải trong cuộc chiến nội tâm giữa lý trí và cảm xúc của Jefferson, nhưng đây vẫn là một bức thư tình, và do đó trái tim có đặc quyền sức mạnh. Trái tim đưa ra tiếng nói quyết định cũng như đúng đắn nhất (tức là, “Nếu họ [những triết gia] từng cảm thấy niềm vui thuần nhất khi con tim vỡ òa cảm xúc, họ sẽ sẵn sàng đánh đổi mọi suy luận lạnh lùng của cả đời mình để có nó”). Jefferson thậm chí còn cho rằng Cách mạng Mỹ nhân danh lý lẽ của trái tim, tuyên bố rằng chiến thắng trong cuộc chiến tranh giành độc lập là minh chứng của việc “nhiệt huyết chống lại số lượng” bởi nó không tuân theo bất kỳ phép tính lý trí nào về mặt xác suất. Cho nên ở một mức độ nào đó, trái tim là kẻ chiến thắng hiển nhiên trong tranh luận. Dù ông cảm thấy đau đớn khi Cosway ra đi, nhưng đánh đổi nỗi đau ấy để có được cảm giác hạnh phúc lâng lâng trong thời gian bên nhau thì cũng đáng. Tuy nhiên, ở một cấp độ khác, lý trí của Jefferson lại dàn dựng những luận cứ và từ ngữ khi đối thoại. Việc viết thư cho phép

ông kiểm soát lại những cảm xúc mạnh mẽ do mối quan hệ với Cosway gây ra. Ông giữ một bản sao của bức thư để lưu lại những cảm xúc về khoảnh khắc này cho hậu thế. Về lâu dài, lý trí vẫn thắng thế.

Việc thư từ sau này của Jefferson với Cosway giảm dần, và có lẽ sự đắm say cũng không thể tránh khỏi bị nguội lạnh dần. Người ta cũng chứng kiến sự thôi thúc chuyển hướng những cảm xúc mãnh liệt từ một phụ nữ trong đời thực sang một vùng tưởng tượng, nơi có thể trải nghiệm tình yêu hoàn hảo dễ dàng và an toàn hơn. Vào tháng 12 năm 1786, vẫn phải chịu đựng chấn thương cổ tay và nỗi đau chia ly, ông nhớ lại câu chuyện về chiếc mũ ma thuật ông từng đọc khi còn là một đứa trẻ, chiếc mũ có thể giúp người đội nó bay đến bất kỳ nơi nào mình muốn. “Tôi ước được ở bên em, và không muốn xa em lần nữa”, ông viết. “Nếu tôi không thể ở bên em trong thực tế, tôi sẽ ở bên em trong trí tưởng tượng”. Ông kể về giấc mơ của mình, trong đó hai người cùng Virginia, thăm Natural Bridge: “Tôi sẽ gặp em ở đó, và ghé thăm tất cả những cảnh hùng vĩ cùng em. Tôi thà tự đối mình còn hơn là sống mà không hy vọng. Điều đó thật ngọt ngào! Nó khiến chúng ta lướt êm ái qua cuộc đời gập ghềnh”.

Trong những lá thư đầu tiên của mình, Cosway có thể hòa cùng ông bằng trí tưởng tượng lãng mạn nơi bà. Bà viết vào tháng 2 năm 1787: “Có thể mô tả ông trong thời tương lai, cô độc và buồn bã nơi Monticello xinh đẹp, bị dẫn vật trước bóng hình một phụ nữ tặng ông một cây gậy biến dạng [có lẽ là cổ tay của ông], bị xoắn lại và vỡ nát, thay vì những nhạc cụ tiêu biểu của các Nàng thơ⁽¹⁴⁾...”

⁽¹⁴⁾ Nữ thần thơ ca, nàng thơ.

Nhưng đến mùa hè năm 1787, những lá thư của Jefferson đã trở nên thưa thớt hơn. Cosway trở lại kiểu bĩu môi hờn dỗi của mình, phàn nàn về việc ông thiếu quan tâm và dọa sẽ ngừng viết thư cho đến khi số lượng thư của Jefferson bằng với số lượng thư của bà. Tuy nhiên, giờ đây bà đã bị mắc vào cuộc bút chiến với một trong những bậc thầy văn chương của thời đại. Ông giải thích sự im lặng kéo dài của mình là do chuyến đi đến miền Nam nước Pháp và miền Bắc nước Ý, nơi ông “nhìn trộm vào Thiên đường” và nhận ra rằng “Tôi sinh ra để mất mọi thứ mình yêu”. Nhưng không hàm ý là về Cosway, ít nhất là khá rõ ràng; mà ý nói đến kiến trúc Ý và việc ông không thể chiêm ngưỡng Rome. “Sự im lặng kéo dài của ông là không thể tha thứ”, bà trả lời, rồi thừa nhận không biết phải nói gì khác nữa: “Cuộc chiến của tôi với ông là một thứ Tự nhiên mà tôi thậm chí không thể tìm được từ ngữ để diễn đạt nó... Nhưng tôi bắt đầu nói liên tục trong khi dự định của tôi là *không nói gì cả*, chỉ gửi một tờ giấy trắng... ..

Đáp trả của Jefferson trước sự thiếu kiên nhẫn của Cosway chỉ càng làm bà thất vọng: “Tôi không nghĩ rằng tôi còn thiếu nợ trong tài khoản thư từ của mình khi tôi rời Paris. Trong tình cảm, tôi chắc chắn em là con nợ lớn của tôi. Trong suốt cuộc hành trình của mình tôi vẫn định viết thư cho em; nhưng đôi khi sự mệt mỏi về thể chất và đôi khi sự chú ý đến kiệt sức đã cản trở tôi”. Đến lúc này, bà đã trở thành một ký ức đáng yêu mà ông có thể nhớ đến và nâng niu trong trí tưởng tượng riêng tư của mình: “Tại Heidelberg, tôi cũng đã cầu mong cho em. Thực tế là tôi đã dặt tay em đi khắp khu vườn... Tại Strasbourg, tôi đã ngồi vào bàn để viết thư cho em. Nhưng trong tâm hồn tôi, tôi chẳng thể nghĩ đến điều gì ở Strasbourg ngoài những mũi đất... Nếu tôi viết cho em từ đây, đó sẽ là một sự tiếp nối tác phẩm Sterne về những chiếc mũi...” Câu cuối cùng ông nhắc đến một đoạn trong *Tristram Shandy* của Laurence Sterne, mô

tả cái mũi thon dài, một sự ám chỉ tình dục không thể nhầm lẫn mang ý định khiêu khích. Nhưng lại lảng tránh nhắc tới Cosway, vốn đã quen với việc bỏ mặc bao nhiêu nam nhân hâm mộ mình ở nhiều thủ đô châu Âu đang ngẩn ngơ tự hỏi và lang thang theo chân bà. (Cũng chẳng ngoa khi James Boswell nói bà đối xử với đàn ông như những con cún). Nhưng giờ đây, chính bà là người đang đeo bám, nhan sắc chết người này đã gặp phải đối thủ nặng ký hơn. Bà tức giận: “Cuối cùng thì tôi đã nhận được một lá thư từ ông, tôi có tức giận hay không... để tôi nói cho ông biết ít nhất tôi không phải là con nợ của ông... làm thế nào ông có thể dặt tay tôi đi khắp nơi, nghĩ về tôi, có Nhiều điều để nói, nhưng không tìm nổi Một từ để viết, ngoài *Những chiếc mũi?*”

Trong những lần Cosway trở lại thăm Paris, hai người yêu cũ đã cố kiềm chế, chỉ gặp nhau ngắn ngủi và luôn ở những cuộc tụ họp lớn mang tính xã hội. Trong chuyến trở về Mỹ của Jefferson, ông có 10 ngày ở Anh để chờ tàu nhưng vẫn quyết định không tìm cách thăm bà trước khi ra khơi. Bà đáp lại với tuyên bố rằng bị cảm lạnh nặng nên không thể đến gặp ông được. Ở một trong những bức thư cuối cùng của mình, bà đã thừa nhận thất bại trong trận bút chiến với ông, tràn ngập nơi đó là cảm giác không hài lòng: “Tôi luôn muốn trò chuyện với ông lâu hơn. Nhưng khi tôi đọc thư ông, chúng đều được viết rất hay, đầy những thứ tốt đẹp đến nỗi tôi không thể trả lời được những lá thư mê mẩn như vậy. Tôi có thể nói nhiều điều nếu ngòi bút mình có thể viết chính xác về tình cảm và cảm xúc Của tôi, nhưng những lá thư ấy chắc chỉ là những con chữ nguệch ngoạc buồn bã với ông”. Về phần mình, Jefferson nói lời tạm biệt theo cách công nhận sự đam mê nóng bỏng và sau đó là giả vờ gây gổ, khiến nó nguội dần thành một mối quan hệ bằng hữu lạnh nhạt hơn nhưng thoải mái hơn. Những cảm xúc khó kiềm chế hơn từ lâu đã được xếp vào một ngăn trong tâm hồn ông, được giữ kín và cách ly an toàn.

“Tạm biệt người bạn rất thân thiết của tôi”, ông viết. “Tình cảm của chúng ta không thể thay đổi, và nếu câu chuyện ngắn ngủi giữa đôi ta vượt qua cả cái chết, thì đó sẽ là chương dài nhất ghi lại sự tinh khiết, ấm áp và vĩnh cửu”. Trong khi sự thận trọng thường thấy của ông khiến người ta không thể biết liệu mối quan hệ với Cosway có chiều hướng tích cực chứ không chỉ là một mối quan hệ thể xác hay không, thì đặc điểm cố hữu trong những bức thư dài dòng của họ lại cho thấy rõ rằng Jefferson chỉ thích gặp tình nhân trong vùng tâm hồn riêng tế nhị chứ không phải là thế giới vật chất trong phòng ngủ của mình.

LỜI KHUYÊN CỦA MADISON

Sau một nửa thời gian ở Pháp, Paris đã mang nhiều ý nghĩa với Jefferson: Đó là thủ đô ngoại giao của châu Âu, ở đó sự phát triển về chính trị và thương mại của một quốc gia mới như nước Mỹ mà ông đại diện vẫn duy trì ở mức tốt nhất, là hình ảnh thu nhỏ của những cám dỗ cũng như thối nát nơi đô thị của nền văn minh Cựu Thế giới; và là nơi hoàn hảo để mắc vào lưới tình. Paris cũng chứng tỏ là vị trí lý tưởng để quan sát hai trong những sự kiện chính trị có ý nghĩa nhất của lịch sử phương Tây. Nó giúp cho Jefferson có một góc nhìn khách quan thoải mái từ xa về cuộc tranh luận xung quanh việc soạn thảo và phê chuẩn Hiến pháp mới của Mỹ, trong đó sự kết hợp giữa việc ông ở xa và chất lượng nguồn thông tin chính ông có được từ James Madison cho phép ông thích nghi với những ý tưởng chính trị khác hẳn với những bản năng tư tưởng sâu xa nhất của mình. Gần hơn, nó mang đến cho ông cơ hội duy nhất để chứng kiến sự xuất hiện của Cách mạng Pháp, và tính toán đầy đủ những tác động của tầm nhìn chính trị thật sự cấp tiến của ông trong thử thách khi phải đối thoại với những người ủng hộ trung thành và các nạn nhân chính của phong trào này. Tóm lại, vừa là người quan sát toàn bộ sự phát triển của Mỹ, vừa là người đứng ngoài cuộc chứng

kiến những biến động của Pháp, ông đã tạo ra những gì sẽ trở thành niềm tin bền bỉ thuộc về Jefferson trong mối quan hệ mong manh giữa người dân với chính phủ.

Việc trao đổi thư từ liên tục với Madison và Monroe đã giúp ông nắm được sự bất mãn ngày càng tăng trước yếu kém cố hữu của Quốc hội Liên bang ở Philadelphia. “Nền chính trị châu Âu khiến chúng ta nhất thiết phải là một quốc gia duy nhất, gắn kết chặt chẽ với nhau trong tất cả các vấn đề đối ngoại”, ông thông tin với Madison, và thêm, “Chính phủ riêng là những gì mỗi bang nên giữ cho mình”. Ông muốn quê nhà ở Virginia và Philadelphia biết rằng ông ủng hộ cải cách Các điều khoản Hợp bang để mở rộng thẩm quyền liên bang đối với thương mại quốc tế và chính sách đối ngoại, nhưng ưu tiên để các bang giữ lại quyền kiểm soát với mọi vấn đề đối nội, bao gồm cả hệ thống thuế. Trong thư gửi Madison, ông viết: “Để chúng ta là một quốc gia trong các vấn đề đối ngoại và giữ cho chúng ta khác biệt trong các vấn đề đối nội, cần đưa ra lộ trình phân chia quyền lực thích hợp giữa chính phủ liên bang và chính phủ bang”.

Đến năm 1786, Madison đã dự tính về nhiều thay đổi mạnh mẽ trong cơ cấu chính phủ liên bang. Jefferson vô tình đã đóng góp những tư tưởng như vậy khi gửi đến hai hòm sách, có cả những tác phẩm được sưu tầm của David Hume mà sau này Madison tiếp tục nghiên cứu để chuẩn bị cho Hội nghị Lập hiến. (Sử gia Douglass Adair đã gọi việc Madison nghiên ngẫm các tác phẩm của Hume có lẽ là hành động nghiên cứu hiệu quả và logic nhất trong lịch sử Mỹ). Nhưng ban đầu Madison không chia sẻ những đánh giá quan trọng hơn của mình về Chính phủ Mỹ với Jefferson. Mô hình liên minh chính trị vốn có giữa họ là Madison hoặc Monroe cung cấp thông tin về những cuộc tranh luận của Quốc hội cho Jefferson, rồi sau đó Jefferson đưa ra các đường hướng thực hiện. Ví dụ, khi Monroe báo cáo về một đề xuất của Quốc hội là sẽ chuyển thủ đô từ

Philadelphia tới New York, Jefferson đã bảo Monroe cùng với Madison ngăn chặn động thái này, vì lợi ích của Virginia là cần có một vị trí bên sông Potomac. Ông cho Monroe biết: “Rõ ràng là khi một số bang miền Tây sáp nhập, họ sẽ chuyển thủ đô đến thị trấn George. Trong khi đó, chúng ta có lợi khi giữ thủ đô ở vị trí hiện nay và không muốn chuyển đến bất kỳ nơi nào khác”. Nếu Madison không thường xuyên thể hiện sự tôn trọng với mệnh lệnh của Jefferson, thì không có gì đáng ngạc nhiên khi Jefferson không hề biết gì về những cải cách triệt để mà Madison tin là cần thiết cho đến sau khi Hội nghị Lập hiến đã hoàn thành công việc của mình. Trong trường hợp vô cùng quan trọng này, vai trò của họ đã được hoán đổi: Madison lại là người chỉ đạo.

Trong khi đó, Jefferson lại nhận được báo cáo từ các khu vực khác về một cuộc nổi dậy ở miền Tây Massachusetts, do một cựu binh của Cách mạng Mỹ là Daniel Shays lãnh đạo, phản đối chính sách thuế mới được Boston áp dụng. Trong cục diện lúc bấy giờ, cuộc nổi dậy của Shays chỉ là một sự kiện nhỏ được phóng đại, nhưng những nhân vật lỗi lạc trong cả nước hiểu rằng đây là một dấu hiệu của tình trạng hỗn loạn đang manh nha và yêu cầu khẩn thiết có một chính phủ liên bang mạnh mẽ và được trao đầy đủ quyền lực hơn: “Tóm lại, thưa Ngài”, John Jay đã viết từ Philadelphia, “chúng ta đang ở trong một Tình cảnh rất bất an. Thay đổi là Cần thiết, nhưng những thay đổi nào là Nên có, những thay đổi nào sẽ xảy ra, thay đổi thế nào và khi nào, là những câu hỏi gay go”. Từ London, Abigail Adams tưởng tượng ra cảnh ngày tận thế sắp đến. “Những kẻ liều mạng ngu dốt, vô cố, vô lương tâm và vô nguyên tắc”, bà thông báo với Jefferson, “đã dẫn đầu một đám đông nhẹ dạ đi theo chuẩn mực của chúng, giả vờ bất bình nhưng nó không hề có thực mà chỉ có trong trí tưởng tượng của chúng”.

Khi nhìn lại, có thể thấy rõ rằng cả nỗi khiếp sợ của phe Shays về sự bạo ngược lẫn nỗi sợ hãi tương ứng của các quan sát viên như Jay và Abigail Adams về việc xã hội Mỹ đang trên bờ vực tan rã, đều là những phản ứng thái quá, tương hỗ lẫn nhau theo những tỷ lệ gần như hoang tưởng. Phản ứng của Jefferson trước toàn bộ diễn biến này đặc biệt cho thấy cả hai nỗi sợ hãi này chính là sự sáng suốt và thậm chí có phần bình lặn trước sự đối kháng của quần chúng với chính phủ dưới mọi hình thức, và ông thậm chí còn có câu nói nổi tiếng: “Tôi hy vọng người dân tha thứ cho họ [tức những người thuộc phe Shays]”, ông nói với Abigail. “Tinh thần đối kháng với chính phủ rất có giá trị vào những thời điểm nhất định, nên tôi mong nó sẽ luôn sống mãi... Tôi thích thỉnh thoảng lại có một cuộc nổi loạn nhỏ. Nó như một cơn bão trong bầu khí quyển”. Đầu tiên ông đề xuất một công thức tương tự về vấn đề này hai tháng trước đó trong một bức thư gửi Ezra Stiles, Hiệu trưởng của Đại học Yale. “Nếu hạnh phúc của đa số người dân có thể được bảo đảm bằng cái giá của việc thỉnh thoảng có một biến động nhỏ, hoặc thậm chí có đổ máu chút ít, thì nó cũng sẽ là sự đánh đổi đáng quý”. Một tháng sau, ông đã viết cho Madison với giọng điệu gần giống như thông điệp mà ông gửi tới Abigail. Sự thể hiện táo bạo nhất của ông xuất hiện sau đó hơn một tháng, vào tháng 11 năm 1787, khi ông nói với William Stephens Smith rằng cuộc nổi dậy của Shays thực ra là một triệu chứng của sức khỏe chính trị Mỹ: “Điều gì khiến những sinh mạng bị mất đi trong một hoặc hai thế kỷ qua có ý nghĩa?” ông nhận định. “Theo thời gian, cây tự do phải được tưới bằng máu của những người yêu nước và những kẻ bạo chúa. Đó là thứ phân bón tự nhiên của nó”. Hơn nữa, ông cảnh báo rằng những chính khách được cho là muốn lợi dụng cuộc nổi dậy của Shays như một dịp để chứng minh cho những thể chế chính trị có tính cưỡng chế cao

hơn, họ “đang muốn dùng một con điều hâu để cai quản bầy gà mái trong sân”.

Những tuyên bố vô cùng cực đoan này cho dù theo nghĩa đen hay nghiêm trọng hóa vấn đề, cũng định vị Jefferson theo xu hướng cực tả như những nhà lãnh đạo chính trị có trách nhiệm của thế hệ cách mạng. Có nhận xét cho rằng lòng trung thành sâu sắc nhất của ông không hướng đến bảo vệ sự ổn định chính trị mà là sự đối lập trực tiếp với nó. Điều này căn cứ vào việc ông có vẻ ủng hộ các kết quả cực đoan và thậm chí hỗn loạn của những ý tưởng đáp trả sự sợ hãi Shays, người ta bị xúi giục để đàn áp như những sự kiện bị cường điệu hóa, hoặc có lẽ như sự quá đáng tạm thời bởi ông ác cảm thật sự trước phản ứng thái quá ở những người lên án cuộc nổi dậy của Shays, một kiểu ác cảm được thể hiện hợp lý và thoải mái hơn vì ông ở một nơi xa và an toàn tại Paris.

Nhưng thực ra, có lý do để tin rằng điều mà Jefferson hàm ý là cách nghĩ về chính phủ của ông khác hoàn toàn với bất kỳ nhà lãnh đạo nổi tiếng nào của Mỹ vào thời đó. Tháng 1 năm 1787, trong khi Madison đang nghiên cứu những văn bản cổ của Hume và Montesquieu để chuẩn bị cho Hội nghị Lập hiến sau đó vào mùa xuân, thì Jefferson viết thư cho Madison để chia sẻ những suy nghĩ của mình về mô hình chính trị phù hợp với xã hội Mỹ. Giữa lúc Madison đang vật lộn với những câu hỏi về cấu trúc chính trị - làm sao để phân quyền liên bang và bang; thiết kế các thể chế thế nào để cân đối giữa các nhóm lợi ích mà không lặp lại sự bế tắc của chính phủ hiện thời theo Các điều khoản Hợp bang - thì Jefferson suy nghĩ thấu đáo hơn về nền tảng để xây dựng nên bất kỳ và mọi cấu trúc chính trị. Và khi Madison đang trăn trở với việc phân chia quyền hạn cho ba nhánh chính phủ, thì Jefferson xác định ba loại xã hội trong đó con người có thể tự sắp xếp.

Đó là xã hội châu Âu, với những chính phủ cai trị bằng sức mạnh và thường theo hình thức quân chủ, được Jefferson mô tả là “bầy sói chính phủ cai trị đàn cừu”. Tiếp đó là xã hội Mỹ, và ở một mức độ kém hơn đôi chút là xã hội Anh, với những chính phủ coi quân chúng như một thể thống nhất, trong đó “đa số nhân dân được hưởng tự do và hạnh phúc ở một mức độ đáng quý”. Cuối cùng là xã hội da đỏ, tự quản lý không cần bất kỳ một chính phủ chính thức nào bằng cách duy trì quy mô nhỏ và bảo đảm nội hóa những giá trị phổ biến trong mọi thành viên. Nếu buộc phải lựa chọn, Jefferson thích nhất xã hội da đỏ, dù thừa nhận rằng nó “không phù hợp với bất kỳ quy mô dân số nào”. Ông nhắc lại quan điểm trong một bức thư viết cho Edward Carrington, một chủ đồn điền và chính khách bảo thủ người Virginia. Ông giải thích: “Tôi tin những xã hội (như của người da đỏ) sống không có chính phủ thì người dân được hưởng hạnh phúc nhiều hơn những người sống dưới sự cai trị của các chính phủ châu Âu”.

Tóm lại, lý tưởng kiểu Jefferson không phải là một phiên bản cụ thể của chính phủ cộng hòa trung lập. Đó là một thế giới mà trong đó những công dân cá nhân đã tiếp thu toàn bộ trách nhiệm xã hội của mình đến mức thiết kế cấu trúc chính trị của Madison là thừa. Dù đã chuẩn bị để công nhận yêu cầu cần có những thỏa hiệp cần thiết với lý tưởng của ông vì những lý do thực tế - quy mô dân số và lãnh thổ rộng lớn của Mỹ rõ ràng đòi hỏi một số sự ủy quyền vượt cả quyền lực tối cao - ông đã làm vậy đầy miễn cưỡng. Và do cấu trúc hiến pháp phức tạp đến mức những nhà tư tưởng chính trị say mê nó như Madison và các đại biểu khác tại Hội nghị Lập hiến không bao giờ cố vũ những nguồn năng lượng tốt nhất trong tâm trí ông, khiến chúng phải giành cảm hứng từ một tầm nhìn cá nhân không tưởng được giải phóng chống lại mọi ép buộc từ bên ngoài

và coi mọi hình thức quyền lực chính phủ rõ ràng là chuyện chẳng đáng
đùng.

Tất cả điều này giúp giải thích phản ứng chống đối ban đầu của ông trước những tin tức rò rỉ từ Philadelphia về hình thức của Hiến pháp Mỹ mới vào mùa hè năm 1787. Madison đã cố gắng chuẩn bị cho mình trước những gì sắp xảy ra, cho rằng Mỹ cần một chính phủ liên bang đầy năng lượng “*cực tuyệt trong mọi trường hợp dù gì đi nữa* các cơ quan lập pháp địa phương”. Nhưng Jefferson phản đối suy nghĩ này và nghi ngờ quyết định thay đổi toàn bộ chính phủ quốc gia hiện tại, cho dù nó không phù hợp: “Để nghị phủ quyết... tất cả các đạo luật của một số cơ quan lập pháp [ví dụ bang] hiện thời là lần đầu tiên tôi nghe thấy”, ông nói với Madison: “Nhìn qua, tôi đã không thích. Nó không phù hợp về căn bản [vì đã đề xuất] mạng một lỗ thủng nhỏ bằng cách vá cả bộ quần áo”. Ông cũng bày tỏ nỗi lo âu này với Adams khi cho rằng “ưu điểm của hiến pháp mới có thể được diễn tả bằng ba hoặc bốn điều khoản được bổ sung vào nội dung tốt, cũ và đáng trân trọng, nó cần được bảo tồn thậm chí như một di sản tôn giáo”. Edward Carrington cũng đã cố gắng để chuẩn bị cho ông một hình thức chính phủ liên bang tương đối mới, chứ không chỉ điều chỉnh một chút Các điều khoản Hợp bang. Carrington viết hồi tháng 6: “Những ý tưởng được đề nghị xa rời những ý tưởng chiếm ưu thế khi bạn đặt mình vào vị trí chúng tôi, và vì chúng có khả năng xuất hiện nhất, nên khi nhìn nhận các sự kiện một cách thực tế, có khả năng bạn không chuẩn bị chờ đợi chúng”. Vị trí của Jefferson ở Paris thay vì ở Philadelphia chứng tỏ là một lợi thế lớn, vì ông có thời gian để điều chỉnh những ý tưởng chính trị ngược lại với mình mà ông rất có thể đã phản đối nếu có mặt.

Ông che giấu lo lắng của mình về những gì đang trù tính ở Philadelphia trong mọi thư từ châu Âu của mình, thích đóng vai trò

thường lệ của mình như quán quân nước Mỹ. “Công ước Liên bang của chúng tôi có khả năng bàn thảo đến tháng 10”, ông viết thư cho một người bạn Pháp, “và chúng tôi có thể bảo đảm những đề xuất sẽ khôn ngoan, vì chưa từng có một Quốc hội nào có năng lực hơn Quốc hội này ở Mỹ. Hạnh phúc thay, khi chúng tôi phát hiện ra hiến pháp của mình có thiếu sót và không đủ để bảo đảm hạnh phúc của nhân dân, chúng tôi có thể tập hợp tất cả các triết gia điềm tĩnh và trao quyền cho họ, trong khi mọi nước khác trên Trái đất phải trông cậy vào quân đội...” Trong khi đó, Madison xin lỗi vì không thể cung cấp thông tin chi tiết về những thảo luận đang diễn ra. “Tôi cứ thấy xấu hổ vì đã phải kiềm chế tiết lộ bất kỳ nội dung nào trong tiến trình đó”, ông viết trong thư hồi tháng 7. “Ngay khi tự do tôi sẽ nỗ lực sửa đổi sự im lặng của mình và... khiến ông hoàn toàn hài lòng. Tôi đã ghi chú khá dài mọi thứ vừa trôi qua...”

Madison đã làm đúng như lời ông nói. Trong lá thư ngày 24 tháng 10 năm 1787, ông gửi cho Jefferson một báo cáo dài về những thảo luận trong nhiều lĩnh vực tại Hội nghị Lập hiến và đánh giá xác đáng những vấn đề mà hiến pháp cần xem xét. Ông mô tả cách các đại biểu đã cố gắng “để vạch ra một đường ranh giới mà sẽ trao cho Chính phủ Liên bang mọi quyền lực cần thiết vì những mục đích chung, và để lại cho các bang mọi quyền lực mà họ có thể quản lý một cách hữu ích nhất”. Công thức này đã xóa nhòa những quyền hạn tương đối của chính quyền liên bang so với bang, nhưng theo hướng gia tăng đáng kể thẩm quyền liên bang trong chính sách đối nội theo những cách mà Jefferson kiên quyết phản đối. Madison sau đó tiếp tục phân tích việc phân chia quyền lực phức tạp và có mục đích không rõ ràng trong các nhánh chính phủ và những phiên bản trình bày khác nhau. “Những người đấu tranh cho một nền Dân chủ Đơn giản, hay một nền cộng hòa thuần túy, được chiêm ngời theo tâm lý đám đông, và hoạt động trong những giới hạn chật hẹp”, ông

nhận định, “phỏng đoán hoặc giả sử về một trường hợp hoàn toàn không có thật”. Những gì Madison cho là “không có thật” trên thực tế là bản chất tư tưởng của Jefferson về chính phủ. Jefferson công nhận khá nhiều điều khi phản hồi cho Madison. “Tôi thừa nhận mình không phải là một người bạn của một chính phủ rất năng động”, ông thú nhận. “Chính phủ luôn áp bức... Sau tất cả, nguyên tắc của tôi là ý muốn của Đa số nên luôn thắng thế”. Madison đã không hồi âm để giải thích rằng, ít nhất là khi nhìn thấy nó, Hiến pháp đã được thiết kế để phá vỡ nguyên tắc đa số đối với giả định rằng mối đe dọa chính với tự do cá nhân ở Mỹ có khả năng sẽ đến từ hướng đó. Jefferson chắc khó mà hiểu được thứ lý luận như vậy, vì ông thấy không thể coi đa số phổ biến là nguy hiểm hoặc suy nghĩ về quyền lực của chính phủ theo những cách tích cực. Toàn bộ sự nhấn mạnh của Madison về cân bằng xã hội lại mâu thuẫn với cam kết của Jefferson về giải phóng cá nhân.

Đây là lần đầu tiên - nhưng cũng không phải là lần cuối cùng - mối quan hệ đặc biệt giữa Jefferson và Madison mang một phiên bản con người của nguyên tắc cân bằng và giám sát. Dù rất do dự về một chính phủ liên bang đầy quyền lực, đặc biệt là một chính phủ liên bang có quyền về thuế khóa, nhưng Jefferson đã quyết định làm theo lời khuyên của vị đồng liêu trung thành nhất với mình và đồng ý thông qua Hiến pháp mới. Đầu tiên, ông tuyên bố trung lập khi nói với Carrington rằng “nó có vô số điểm tốt..., nhưng tôi vẫn thấy một vài điểm chưa ổn”, sau đó chỉ đạo ông này hỏi ý kiến Madison để có thêm thông tin cụ thể về quan điểm của Madison. Đối với tất cả những điều khoản cụ thể về trao cho chính phủ quốc gia mới quyền làm luật cho tất cả các bang, ông đã quyết định giữ im lặng và để cho Madison phát ngôn thay mình. Trong suốt những tháng sau đó, khi quá trình phê chuẩn được tiến hành lần lượt ở các bang, Jefferson đã đưa ra một cách nhìn quan trọng và hợp lý: Hiến

pháp mới đã được ông chấp thuận, dù ông vẫn muốn có những giới hạn cụ thể cho nhiệm kỳ tổng thống và một dự luật hoặc tuyên bố rõ ràng về các quyền, chúng sẽ đưa ra định nghĩa về tự do cá nhân mà không chính phủ liên bang nào có thể vi phạm.

Ngay cả Adams cũng đồng tình với quan điểm thứ hai, như nhiều người ủng hộ Hiến pháp đã làm trong những công ước phê chuẩn ở bang. Trên cơ sở những hiểu biết của mình về sự lạm dụng quyền lực, Jefferson đã viết thư cho Washington để kể với người hầu như chắc chắn sẽ được bầu làm tổng thống đầu tiên những lo lắng của mình về tương lai khi Washington rời nhiệm sở. Những lo lắng này còn được củng cố thêm bằng kinh nghiệm ở châu Âu của ông. “Tôi đã từng là người rất thù ghét chế độ quân chủ trước khi tôi đến châu Âu”, ông trình bày với Washington, và “bây giờ tôi thậm chí còn chực ngàn lần căm ghét hơn kể từ khi tôi chứng kiến những gì họ [tức các vị vua] đã làm... Tôi cũng có thể nói thêm rằng chắc chắn không có một vị vua nào ở châu Âu có tài năng hoặc phẩm chất đủ để được con chiên ở bất kỳ một giáo xứ nào của Mỹ bầu làm những chủ chăn”. Ông đã trực tiếp bày tỏ sự lo lắng của mình với Adams, tuyên bố rằng: “Tổng thống có vẻ là một phiên bản xấu của vua Ba Lan”. Nhưng việc ông muốn giới hạn nhiệm kỳ - ông ủng hộ một nhiệm kỳ bốn năm - vẫn không đẩy ông ra ngoài ranh giới chỉ trích đáng kính.

Tuy nhiên, thông tin rò rỉ về Mỹ lại là Jefferson không mấy ủng hộ Hiến pháp mới và thậm chí có lẽ còn không ủng hộ. Từ Philadelphia, Francis Hopkinson viết: “Nhân đây, ông thường trình bày sự việc với tôi như một người cực lực chống thuyết liên bang, nó gần giống với những gì mà một thành viên Đảng Bảo thủ Anh đã làm trong thời chiến tranh, vì lý do gì thì tôi không biết, nhưng tôi không tin điều đó và hoàn toàn phủ nhận chuyện Bóng gió”. Trong cuộc tranh luận về việc phê chuẩn ở

Virginia, cả Patrick Henry lẫn George Mason, đứng đầu phe đối lập, đều tuyên bố rằng những người bạn chung bảo đảm với họ là Jefferson cũng phản đối việc thành lập một chính phủ trung ương hùng mạnh với quyền lực mạnh hơn các bang. Tuy nhiên, Madison lại phủ nhận tuyên bố đó, và như ông giải thích với Jefferson, “*cứ tự do nếu các quan điểm của ông ở phe ủng hộ*”.⁷⁸

Không thể biết đích xác Jefferson sẽ nói gì nếu ông có mặt tại Virginia trong những cuộc tranh luận về việc phê chuẩn. Madison, có lẽ là nhà vận động quốc hội có năng lực nhất trong nền chính trị Mỹ, đã đưa lá cờ Jefferson đi cùng với mình đến chiến thắng trong Công ước Virginia. Những nhận xét riêng của Jefferson trong suốt mùa hè và mùa thu năm 1788 không thống nhất và mâu thuẫn. Đầu tiên, ông chủ trương ủng hộ Hiến pháp cho đến khi 9 bang phê chuẩn, sau đó lại phản đối đòi sửa đổi và chấp nhận một dự luật về các quyền. Rồi ông lại quay ngoắt, ủng hộ phê chuẩn nhưng chỉ với điều kiện bổ sung một dự luật về các quyền khi chính phủ mới nhậm chức. Lúc Carrington gửi cho ông một bản sao *Luận cương Liên bang* (Federalist Papers) mới công bố, Jefferson đã gửi lời khen ngợi Madison, một trong những người đóng góp chính, ca ngợi nó là “lời chú thích hay nhất cho những nguyên tắc của chính phủ từng được viết” và thừa nhận rằng “nó đã khiến tôi thay đổi ở một số điểm”. Trong một lá thư trước đó gửi Madison, ông đã nhận thua trong vấn đề cụ thể về giới hạn nhiệm kỳ tổng thống, “do đó, tôi sẵn sàng cho rằng mình đã sai...” Nhưng khi Hopkinson hỏi có phải ông là một người trung thành với thuyết liên bang hay không, nghĩa là một người ủng hộ Hiến pháp, ông đã đưa ra một câu trả lời không rõ ràng, được dòng kết luận du dương của ông giải nguy khỏi mâu thuẫn vốn có của nó: “Tôi không phải là một người theo thuyết liên bang, vì tôi không bao giờ biện hộ toàn bộ hệ thống ý kiến của mình theo tín điều của bất kỳ đảng phái nào... Thói

quen này là sự tha hóa cuối cùng của một người tự do và đạo đức. Nếu tôi có thể lên thiên đường nhưng phải đi cùng với một đảng phái, tôi thà không lên đó còn hơn”.

Dù không cố ý, nhưng theo một ý nghĩa rất thực tế, tuyên bố này vẫn nắm bắt được bản chất trong quan điểm căn bản của Jefferson về Hiến pháp và quan điểm thật sự của ông về mọi dự thảo hiến pháp nhất định. Ông thấy chúng về mặt kỹ thuật đã đi quá sâu vào quyền lực chính trị mà không nói một cách trực tiếp về tín điều chính trị của riêng ông, thứ tín điều đã vượt lên trên những phạm trù như “ủng hộ” và “phản đối” thuyết liên bang vì ông sống ở một vùng yên bình hơn, nơi mà các đảng phái chính trị, các khác biệt trong hiến pháp và kể cả hình thức chính phủ đều không phù hợp. Trong đời, ông vẫn có thái độ khó hiểu và mơ hồ đối với việc thỏa thuận về hiến pháp thời kỳ 1787-1788. Trong thư gửi Hopkinson, ông cho rằng rắc rối với hầu hết người châu Âu chính là họ đã được nuôi dưỡng để thích “một chính phủ mà có thể cảm nhận được; một chính phủ có quyền hành. Có thể Chúa phù hộ cho nước ta không bao giờ có một chính phủ mà có thể cảm nhận được”. Madison và hầu hết những người ủng hộ thuyết liên bang lại cho rằng Hiến pháp Mỹ mới xứng đáng được ca tụng vì chính những đặc tính quyền lực bị Jefferson lên án. Đối với Jefferson, lý trí và trái tim ông ao ước một thế giới không có chính phủ. Trong cuộc tranh luận ồn ào về những điều khoản của Hiến pháp ở Mỹ vào năm 1788, thứ thể hiện rõ nhất nhận thức chính trị của ông chính là việc khẳng định theo đuổi một dự luật về các quyền vượt xa tất cả những điều phức tạp theo kiểu Madison. Đó gần như là những gì ông chọn để nhấn mạnh.

NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG VÀ CÁC THẾ HỆ

Gần như cùng thời điểm các đại biểu dự Hội nghị Lập hiến tập trung ở Philadelphia, Hội đồng Nhân sĩ đã được vua Pháp là Louis XVI triệu tập

tại Versailles. Lợi thế của việc nhận thức muộn màng cho phép chúng ta biết rằng việc triệu tập này là kết quả tất yếu của một cuộc khủng hoảng tài chính đe dọa Chính phủ Pháp phá sản, thật sự là chương mở đầu trong một chuỗi các sự kiện phức tạp khó hiểu và đẫm máu kinh hoàng, xé toạc xã hội Pháp thành từng mảnh và thay đổi căn bản tiến trình lịch sử hiện đại. Nhưng Jefferson hay bất kỳ ai khác cũng không thể kỳ vọng rằng vấn đề đó sẽ được nhận ra tại thời điểm ông chứng kiến sự khởi đầu của Cách mạng Pháp, hoặc thoả mái tự tin ủng hộ việc “thỉnh thoảng có một cuộc nổi loạn nhỏ” sẽ mang một ý nghĩa rất khác sau biến cố năm 1789.

Thiên hướng ban đầu của Jefferson là coi Hội đồng Nhân sĩ như một phiên bản thấp hơn của Hội nghị Lập hiến, một minh họa khác trong dòng lập luận của ông về tính ưu việt vốn có của môi trường Mỹ và tình trạng suy thoái của nền chính trị châu Âu. Ông tiếp tục câu chuyện bông đùa về địa vị với gia đình Adams, trong đó các đại biểu tại Philadelphia được mô tả như những á thần hay Ciceros thời hiện đại, còn giới quý tộc Pháp tập trung tại Versailles như mấy anh hề khôi hài đang đọc thoại những câu dài ngoằng, vốn chỉ có một mối quan hệ mong manh với các vấn đề chính trị nóng hổi. (Lafayette, người bạn Pháp thân nhất của Jefferson và là một đại biểu trong Hội đồng Nhân sĩ, tham gia vào trò đùa bằng cách tự hỏi liệu có nên gọi các đồng sự của mình là “không có năng lực”). Vào mùa hè năm 1787, Jefferson có thể phàn nàn với Monroe rằng những báo cáo của Monroe về Hội nghị Lập hiến đầy hào hứng và lập luận mạnh mẽ, trong khi “tôi không có gì để trao cho ông ngoài lịch sử diên rồ của các quốc gia giữa sự lảm cẩm của họ”.

Lúc đầu, ông mô tả về hành vi của nhà vua theo cùng một khuôn mẫu tham nhũng của châu Âu. “Vua vô tích sự”, Jefferson viết thư cho Jay. “Ông ta dành nửa ngày đi săn, nửa ngày còn lại say xỉn, và ký bất cứ thứ

gì được trình lên”. Những bức thư riêng được mã hóa gửi cho Adams và Madison đã nhắc lại hình ảnh của một hoàng gia chìm đắm trong rượu và không có khả năng lãnh đạo chính trị dưới mọi hình thức, ngoại trừ vai trò đi đầu như là hình mẫu trong nghệ thuật lang chạ và tình dục bừa bãi. Ông tin chắc là chẳng có gì quan trọng xảy ra tại Versailles - sự khoa trương quý tộc do một vị vua nát rượu chỉ đạo giống như một vở nhạc kịch chính trị hơn là dịp thể hiện tài năng chính trị nghiêm túc - tới mức ông đã chuẩn bị trước những kế hoạch du ngoạn miền Nam nước Pháp thay vì ở lại thủ đô.

Dù motif suy thoái ở châu Âu không bao giờ biến mất hoàn toàn khỏi suy nghĩ hoặc thư từ của ông, nhưng vào mùa hè năm 1787, Jefferson đã bắt đầu nhận ra tính nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng chính trị mà Pháp đang phải đối mặt. Giọng điệu bông lơn trong những bức thư đầu tiên của ông giảm dần, thái độ chỉ trích và kể cả của ông trước tình trạng tham nhũng đến mức tuyệt vọng ở châu Âu chỉ còn là một lưu ý nhỏ, còn lưu ý lớn là cái nhìn tôn trọng và lạc quan thận trọng trước một lịch sử đang hình thành. Trong các báo cáo ông gửi cho Jay là người vẫn chịu trách nhiệm chung về chính sách đối ngoại của Mỹ, đã nhấn mạnh vào những bước tiến vững chắc mà Pháp đang thực hiện: Hội đồng đại diện đã được thành lập ở các tỉnh; chế độ lao dịch khét tiếng cưỡng ép nông dân lao động không công cho lãnh chúa phong kiến đã bị bãi bỏ; một số kiểu hệ thống nghị viện trong chính quyền dường như đã trở nên quen thuộc, dấu quyền lực của nhà vua trong đó có lẽ còn lớn hơn cả mô hình lập hiến của Anh. Trong thư gửi Jay, ông cho rằng đây là những cải cách ấn tượng đến mức “Tất cả cùng nhau tạo nên một bước tiến lớn trong điều kiện của nước này”.

Sự thay đổi từ việc chỉ trích bất kính sang lạc quan thận trọng đã phản ánh niềm tin ngày càng tăng của ông về việc Cách mạng Mỹ “phát

tán tự do” ra thế giới, hiện lan rộng sang châu Âu và Pháp là quốc gia châu Âu đầu tiên trải nghiệm những hệ quả tự do mà nó mang lại. Là một trong những người chứng kiến sự hình thành phong trào cách mạng này tại Mỹ, ông cảm thấy mình may mắn, vì gần như có đặc quyền được chứng kiến nó đến như một đội quân giải phóng, với những ý tưởng diễu hành qua Pháp, và ông hy vọng cuối cùng sẽ là cả châu Âu. Nếu như ông không dồn toàn bộ năng lượng vào việc soạn thảo chi tiết hiến pháp, thì lại trầm ngâm về những xu hướng chính trị và chân lý bao quát hơn một cách tự nhiên.

Tất cả điều này giải thích cho đánh giá cực kỳ lạc quan của ông trước vở kịch chính trị căng thẳng đang diễn ra ở nước Pháp cách mạng, như những sự kiện sau này đã chứng minh. “Vì vậy mà tôi nghĩ rằng rất có thể đất nước này trong vòng hai hoặc ba năm tới sẽ ban hành một hiến pháp khá tự do”, ông viết thư cho Monroe vào năm 1788, “và chẳng phải tốn một giọt máu nào”. Khi Adams bày tỏ quan ngại rằng các phe phái khác nhau trong Hội nghị Ba đẳng cấp sẽ thấy không thể thỏa hiệp, nhưng Jefferson bảo đảm với ông rằng “những vấn đề nội bộ của nó [Pháp] sẽ được dàn xếp mà không phải đổ máu” vì những người ôn hòa trong cơ quan lập pháp quốc gia mới đã kiểm soát tình hình. “Trong mọi trường hợp, tôi nghĩ rằng bản khoản hiện nay sẽ kết thúc tốt đẹp”, ông nói với Washington, giải thích rằng nhân dân Pháp “đã được cuộc cách mạng của chúng ta thức tỉnh, họ cảm thấy sức mạnh của mình, họ được giác ngộ, ánh sáng cách mạng đang lan rộng, và họ sẽ không lùi bước”. Pháp trong mắt ông như Mỹ của châu Âu. Đất nước này đang đấu tranh để lập ra hiến pháp mới; giống như Mỹ - tiếng vang từ cuộc nổi dậy của Shays trong bối cảnh chung - phải đối mặt với mối đe dọa bạo lực “nhưng vẫn chưa mất đi sinh mạng nào”, và một lần nữa giống như Mỹ, các nhà

lãnh đạo thận trọng “tất cả đều bện rộn lên kế hoạch cho dự luật về các quyền”.

Về cuối đời, có lẽ khi xem lại thư từ của mình để chuẩn bị viết tự truyện vào năm 1821, Jefferson đã hơi bối rối bên cạnh sự lạc quan không thay đổi của mình vào cuối thập niên 1780. Tất nhiên, nhờ đó mà ông biết Hội đồng Nhân sĩ sẽ không thống nhất được về giải pháp cho cuộc khủng hoảng tài chính, sẽ dẫn đến sự kêu gọi của Hội nghị Ba đảng cấp nhưng sẽ không giải quyết được cuộc khủng hoảng chính trị theo cái cách mà giới quý tộc và tư sản có thể chấp nhận được, dẫn đến hành động quần chúng tại Paris, bạo động hoành hành khắp các vùng nông thôn, hành hình tập thể, Thời kỳ Kinh hoàng và cuối cùng là sự cai trị độc tài của Napoleon. Ít nhất một lần vào lúc cuối đời, ông đã sửa lại thư từ của chính mình, chèn thêm một tuyên bố thận trọng hơn nhằm thuyết phục hậu thế rằng tình cảm của ông dành cho Pháp không hề làm ông mù quáng đến mức không nhìn ra khả năng bạo lực chưa từng có. “Nếu họ cố gắng nhiều hơn... những thói quen cố hữu của người dân đã chín muồi”, sau này ông còn thêm vào một bức thư từ năm 1787 dòng chữ “họ có thể mất tất cả và trì hoãn vô thời hạn đối tượng căn bản trong mục tiêu của mình”. Tuy nhiên, những lá thư không bị sửa chữa lại chẳng cho thấy linh cảm về những cơn chấn động đang manh nha, thay vào đó cho thấy niềm tin vĩnh cửu rằng những nhà lãnh đạo chính trị Pháp sẽ lèo lái đất nước vượt qua được rắc rối như các đồng cấp của họ ở Mỹ đang làm.

Khá nhiều sự kiện lịch sử đã xảy ra ở nước Pháp tiến cách mạng trong hai năm cuối Jefferson làm Công sứ, đến nỗi khó mà tóm tắt những vị trí chính trị ông đã kinh qua, mà chắc là chỉ có thể nói rằng ông đoán Pháp sẽ vượt qua sự sôi sục theo kiểu như chế độ quân chủ lập hiến. Dù trước đó ông mô tả vua Pháp như một ma men, hoàn toàn vô cảm với những

nhu cầu và tâm trạng thất vọng của người dân Pháp, nhưng vào mùa hè năm 1788 ông đã đi tới chỗ coi Louis như một nhà cai trị khai sáng, muốn đóng vai trò cốt yếu trong việc thành lập liên minh chính trị giữa giới quý tộc và các thành viên của Đảng cấp Thứ ba. (Cuối cùng Louis XVI hóa ra lại giống như George III, mang định mệnh là làm chính xác những điều sai trái vào đúng thời điểm, được Jefferson gọi là “cỗ máy để làm cách mạng”). Nhưng những hy vọng hảo huyền nhất của ông dành cho việc phục hồi sự ổn định chính trị lại tùy thuộc vào nhóm quý tộc giác ngộ và ôn hòa, do người bạn tốt Lafayette của ông lãnh đạo, được gọi là Hội Những người yêu nước hay Đảng Ái quốc. Dù ông đã được chuẩn bị để thừa nhận rằng các tình huống khác nhau về căn bản, nhưng Jefferson dường như vẫn coi Hội Những người yêu nước ở Pháp giống như những người ủng hộ thuyết liên bang ở Mỹ; họ “nhận biết được chính phủ lừa gạt đang cai trị họ, mong mỏi có dịp cải cách nó” và hết lòng “thiết lập một hiến pháp mà sẽ bảo đảm... một mức độ tự do tốt”. Lafayette có vai trò giống như một Madison ở Pháp, dàn xếp những thỏa hiệp cần thiết giữa các phe phái khác nhau và qua đó củng cố sức mạnh của cách mạng trong một bối cảnh chính trị thể chế hóa những lợi ích tối đa được hoàn cảnh lịch sử cho phép.

Jefferson đã được chuẩn bị để nhận ra những hoàn cảnh không lý tưởng. Sự phân chia giai cấp sâu sắc trong xã hội Pháp cũng như những tàn dư vẫn còn mạnh mẽ của chế độ phong kiến, đã được nêu ra trong suốt những cuộc tranh luận tại Hội nghị Ba đảng cấp mà ông tham dự vào tháng 5 và tháng 6 năm 1789. Mọi tàn dư này đã biến mất ở Mỹ, nhưng ở Versailles vẫn gây ra sự nguy hại vô cùng với hình thức phô trương của các ông hoàng bà chúa được phong tước và những đám rước phong nhã. Với những trở ngại cố hữu này, cách mạng không thể bùng nổ hoàn toàn theo lối Mỹ, Jefferson khuyên bạn bè của mình trong Đảng Ái

quốc chấp nhận mô hình hiến pháp của Anh, bổ sung một nội dung quan trọng của Mỹ - tức là ông đề nghị duy trì chế độ quân chủ Pháp dù quyền lực đã bị suy giảm nhiều, thành lập cơ quan lập pháp lưỡng viện với thượng viện dành cho giới tu sĩ và quý tộc - và đóng góp của Mỹ là khẳng định đòi một tuyên ngôn về các quyền để bảo vệ các quyền tự do cơ bản, không cho phép nhà vua, lãnh chúa hay ngay cả cơ quan lập pháp được bầu ra vi phạm các quyền này. Theo tính cách đặc trưng, ông dành phần lớn thời gian và sức lực của mình để soạn thảo Hiến chương Nhân quyền, kêu gọi bãi bỏ mọi đặc quyền đặc lợi và việc miễn thuế cho giới quý tộc, dân sự chỉ huy quân đội, đối xử công bằng theo luật pháp và điều chỉnh tự do báo chí. Với Pháp cũng như với Mỹ, chủ đề chính trị ông quan tâm nhất không phải là sự sắp xếp khéo léo quyền lực chính phủ, mà là sự cách ly khỏi khu vực không có quyền lực chính phủ nào có thể tồn tại. Ông đã chuyển dự thảo của mình đến Lafayette vào tháng 6 năm 1789; nó được coi là cơ sở cho Tuyên ngôn Nhân quyền được Lafayette trình bày ở Quốc hội vào tháng tiếp theo.

Lúc đó Jefferson tin rằng nguy cơ tan rã và bạo lực cách mạng đã bị đẩy lùi. “Đại suy thoái giờ đã qua”, ông viết thư cho Jay, “Tôi chẳng còn vấn đề nào đủ thú vị để làm khó ông liên tục như gần đây nữa”. Hội nghị Ba đẳng cấp không thực hiện lời khuyên của ông và không thành lập một viện riêng biệt cho giới tu sĩ và quý tộc, nhưng đủ cho những tầng lớp đặc quyền đổi sang Đẳng cấp Thứ ba để chọn Quốc hội mới thành lập làm cơ quan đại diện, tuy cơ quan này có phần hơi cồng kềnh. Tuy nhiên, như ông giải thích với Tom Paine vào ngày 11 tháng 7 năm 1789, Cách mạng Pháp thật sự đã trôi qua. “Quốc hội (đó là tên họ đã chọn)... bây giờ đang nắm hoàn toàn chủ quyền và không thể tranh cãi. Cơ quan hành pháp và giới quý tộc hiện đang ở dưới chân họ. Hầu hết quốc gia, tu sĩ và

quân đội đứng về phía họ. Họ lật đổ chính phủ cũ, và giờ đang bắt đầu xây dựng một chính phủ mới từ gốc”.

Hôm sau, Paris bùng nổ một loạt các vụ bạo động, đám đông nổi dậy đã được tưởng nhớ trong vô số những trang sử, tiểu thuyết và phim ảnh về Cách mạng Pháp: cuộc tấn công vào Trụ sở Hải quan; vụ ném đá và cuối cùng là thảm sát của kỵ binh hoàng gia; cuộc đột kích ngục Bastille và sau đó là chặt đầu và phanh thây cai ngục. Sau năm ngày bạo lực tự phát và những cuộc biểu tình lớn, Jefferson mô tả với Jay cảnh Louis XVI trở về thủ đô, với Lafayette bên cạnh, được “khoảng 60.000 dân chúng dưới mọi hình thức và điều kiện với trang bị súng hỏa mai của ngục Bastille và... súng ngắn, kiếm, giáo, liềm, lưỡi hái, v.v.” chào đón và cùng hô vang “Quốc gia muôn năm”.

Nếu có một cảnh tượng nào có thể làm suy yếu niềm tin của Jefferson vào lòng bác ái vốn có của những phong trào quần chúng hoặc làm lung lay vẻ ngoài bình thản của ông trước những cuộc nổi dậy của quần chúng, thì khó có cảnh nào có thể làm tốt hơn cảnh trên. Do đó, đáng lưu ý rằng, dù ban đầu bị sốc bởi đặc điểm tự phát và man rợ của bạo lực đám đông, nhưng ông luôn giữ vững niềm tin vào tính đúng đắn cần có trong nguyên nhân hay chiến thắng cuối cùng của những nguyên tắc tiến bộ. Các thư ông gửi cho Jay và Madison mô tả cuộc tàn sát tháng 7 năm 1789 như một sai lầm đáng tiếc, nhưng tạm thời không có gì phải nghi ngờ về triển vọng cho một giải pháp chính trị lâu dài và hòa bình. Ông dường như coi bạo lực bùng nổ là sản phẩm của một quyết định sai lầm từ nhà vua hoặc các bộ trưởng nhằm tăng cường sức mạnh quân đội trong thành phố chứ không phải là bằng chứng đáng ngại cho những mâu thuẫn giai cấp sâu sắc và không thể hòa giải. Thực tế là đến đầu tháng 8, ông tin rằng cơn bão (bóng tối của cuộc nổi dậy Shays) đã qua và tương lai có vẻ rõ ràng và tươi sáng: “Bình yên đã trở lại nơi đây, tôi nghĩ không

còn gì để e sợ nữa. Vụ thu hoạch sắp đến nên không còn phải lo sợ nhu cầu về bánh mì nữa. Quốc hội thông thái, kiên định và ôn hòa. Họ sẽ thiết lập hiến pháp kiểu Anh, sau khi thanh lọc khá nhiều thiếu sót tai hại của nó”.

Trong tâm trạng dửng dưng cảm và sôi nổi này, ngày 6 tháng 9 năm 1789, Jefferson đã ngồi viết những điều dường như sau này trở thành một trong những lá thư nổi tiếng nhất trong kho thư từ khổng lồ của ông. Ông giải thích với Madison: “Quá trình suy ngẫm ở đây mà chúng ta đắm chìm vào dựa trên các nguyên tắc căn bản của xã hội đã hình thành nên câu hỏi trong đầu tôi”. Bản thân câu hỏi này không hoàn toàn mới. Đó là “Liệu thế hệ này có quyền ràng buộc thế hệ khác hay không”, mà Jefferson từng tuyên bố là hàm ý của nó đã không được đánh giá đầy đủ ở cả châu Âu và Mỹ. Câu trả lời của ông dành cho câu hỏi này là theo cách dứt khoát giống như trong những văn kiện kiểu Tuyên ngôn Độc lập. Ông tuyên bố: “Tôi trình bày dựa trên cơ sở mà tôi giả sử là hiển nhiên, rằng quyền sử dụng và hưởng hoa lợi trên đất thuộc về người đang sống”.

Hàm ý chính xác của Jefferson trong tuyên bố này từng là chủ đề tranh luận bất tận giữa các sử gia trong một thời gian. Ở bức thư này, Jefferson dường như ủng hộ một số quyền thế hệ. “Chúng ta dường như không nhận thấy”, như ông nói với Madison, “rằng theo quy luật tự nhiên, các thế hệ độc lập với nhau như các quốc gia vậy”. Ông đưa ra những tính toán tỉ mỉ dựa trên các bảng nhân khẩu học của Buffon để chứng minh một thế hệ kéo dài trung bình khoảng 19 năm. Do đó, từ nguyên lý này suy ra - “Trái đất luôn thuộc về những thế hệ đang sống” - nghĩa là tất cả các khoản nợ cá nhân và quốc gia, tất cả luật, thậm chí tất cả hiến pháp, nên hết hạn sau quãng thời gian đó.

Madison, vốn luôn phê bình nhẹ nhàng những ý tưởng của Jefferson, khen ngợi Jefferson vì những “suy ngẫm thú vị”, rồi mới phản bác ý tưởng

về quyền thế hệ, rằng đó thật sự không phải là một ý tưởng, mà đúng hơn là một ảo tưởng nguy hiểm. Trong khi trình bày lập luận của mình, Jefferson đã đề nghị Madison tưởng tượng “cả một thế hệ sinh ra trong cùng một ngày, đến tuổi trưởng thành trong cùng một ngày, và chết cùng một ngày”. Ở đây, không theo kiểu ngoại giao, Madison nhận thấy manh mối chủ yếu do Jefferson đã vận dụng ma thuật nhiều hơn là triết lý chính trị. Không có và không bao giờ có thể có một thế hệ đúng như định nghĩa của Jefferson. Những người cùng thế hệ không đơn giản bước vào thế giới như những thực thể rời rạc.

Thay vào đó là một mạng lưới các thế hệ đến và đi nối tiếp nhau, cùng với một mạng lưới tương tự gồm những kết nối bắt buộc giữa các thế hệ quá khứ và hiện tại. Những kết nối này không chỉ là bắt buộc mà còn rất cần thiết để tiếp tục xã hội văn minh.

Madison không nói ra điều đó, nhưng toàn bộ nội dung chính trong phản hồi của ông ngụ ý rằng lá thư của Jefferson đã vô tình phủ nhận mọi sự lao tâm khổ tứ mà ông và những cộng sự ủng hộ thuyết liên bang đã làm trong hai năm qua. Ý tưởng của Jefferson (hoặc nếu muốn, bạn cứ việc tưởng tượng) nhằm vào sự rất ổn định và có tính pháp lý dài hạn, nên Hiến pháp mới đã được soạn thảo để bảo đảm điều này. Quan điểm cho rằng tất cả luật pháp, những nghĩa vụ giao kèo và tiền lệ hiến pháp mất nhiều công sức để xây dựng có thể mất hiệu lực sau mỗi 19 hay 20 năm sẽ là một công thức cho tình trạng hỗn loạn. Giống như ý kiến trước đó của Jefferson về việc muốn thấy “thỉnh thoảng có một cuộc nổi loạn nhỏ” dường như đã gây tiếng vang, lập luận thế hệ nhắm vào Madison là một ví dụ rất vô trách nhiệm và cực kỳ nguy hiểm cho sự suy đoán dễ dãi, chỉ là loại lý luận trừu tượng đưa lại hư danh cho các nhà tư tưởng chính trị Pháp khi xây lâu đài trên cát.

Như thường lệ, Jefferson nghe theo lời khuyên của Madison. Ông chưa bao giờ trình bày lập luận thế hệ của mình như một đề xuất pháp lý nghiêm túc, và ông kiềm chế không bao giờ đề cập vấn đề này với Madison nữa. Nhưng bất cứ vấn đề thực tế nào đề ra ý tưởng, bất cứ điều gì bất cập là lý do thực tế để cải cách luật pháp, ông đều kiên trì bám chặt vào nó, trình bày nó trong những cuộc đàm luận và thư từ trong suốt phần đời còn lại của mình. Như Madison đã gợi ý, nếu cốt lõi của ý tưởng không phù hợp với cách thức thế giới thật sự vận hành, thì nó sẽ tương thích với cách suy nghĩ của Jefferson. Thật vậy, không có tuyên bố nào trong vô số tác phẩm của Jefferson và về Jefferson mang đến một cái nhìn rõ ràng và sâu sắc đối với suy nghĩ của ông về cách thế giới nên vận hành. Quan điểm cho rằng “Trái đất thuộc về người đang sống” thực chất là một sản phẩm đa diện từ hình dung chính trị của ông, tập hợp vào một chỗ những nỗi ám ảnh chủ yếu và niềm tin cốt lõi của ông.

Do đó chúng ta nên hỏi Jefferson đã có ý tưởng đó khi nào và như thế nào. Người ta có thể phát hiện ý niệm mơ hồ đầu tiên trong một bức thư trước đó gửi Madison, mô tả những ấn tượng của ông về vùng nông thôn Pháp xung quanh Fontainebleau năm 1785. Ông kể với Madison rằng, cuộc gặp gỡ với một phụ nữ nông dân đã dẫn dắt ông “vào một chuỗi suy ngẫm về việc phân chia của cải bất bình đẳng là nguyên nhân gây ra vô số tình cảnh cùng khổ mà tôi từng chứng kiến ở đất nước này và được chứng kiến trên toàn châu Âu”. Những suy ngẫm này sau đó đã đưa ông đến kết luận rằng “Trái đất như là một cỗ phiếu phổ thông dành cho con người lao động và sinh sống trên đó. Nếu để khích lệ ngành công nghiệp, chúng ta có thể cho phép chiếm dụng đất, nhưng chúng ta phải chú ý tạo công việc khác cho những người bị mất đất. Nếu chúng ta không bảo đảm quyền căn bản về lao động, Trái đất sẽ toàn người thất nghiệp”. Những gì có vẻ đang dẫn dắt suy nghĩ của Jefferson ở đây chính là sự

đánh giá mới về tình trạng nghèo đói khó có thể thay đổi của giai cấp nông dân châu Âu và sự khác biệt giữa tình trạng gần như vô vọng và “quyền căn bản về lao động trên đất”. Những gì có vẻ là thủ phạm chính là sự bất bình đẳng được tích tụ và sự túng thiếu cố hữu dưới bàn tay chết chóc của quá khứ châu Âu - ngắn gọn là chế độ phong kiến.

Ý tưởng tiếp tục xuất hiện thêm trong thư từ của Jefferson với Lafayette trong khoảng từ tháng 1 đến tháng 7 năm 1789. Thực chất, bản thân sự trao đổi thư từ này cũng là một nguồn giải lược và khó nắm bắt, nhưng chủ đề chính của nó, việc soạn thảo Tuyên ngôn Nhân quyền, đã nhắc nhở cả hai suy nghĩ về những gì được Lafayette gọi là “quyền của những thế hệ nối tiếp” (*le droit des générations qui succèdent*), một cụm từ có trong đề xuất Tuyên ngôn Nhân quyền mà Lafayette trình bày trước Quốc hội vào tháng 7. Ở một mức độ nào đó, văn bản này được xây dựng nhằm bảo đảm tiếp tục cải cách hiến pháp, theo hình thức sửa đổi hoặc công ước được các bang mới của Mỹ đi tiên phong. Ở một mức độ sâu sắc hơn, tư tưởng ẩn sau ngôn từ gợi ra nhu cầu phải lường trước được sự thảm định độc lập của hậu thế đối với những lợi ích cao nhất của chính họ. Sau hết, cuộc khủng hoảng chính trị Pháp hiện thời bắt nguồn từ những vấn đề tài chính giờ đây đang đòi hỏi thế hệ hiện tại phải gánh các khoản nợ được tích tụ từ các tổ tiên. Trong bối cảnh chính trị Pháp vốn có, nói cách khác là một sự nhạy cảm ngày càng tăng đối với những gánh nặng mà quá khứ đổ lên hiện tại, đặc biệt không chỉ là các khoản nợ mà còn là những tàn dư như đặc quyền của tầng lớp tu sĩ và quý tộc. Jefferson và Lafayette dường như đang mò mẫm đi về phía những cơ chế hiến pháp tích hợp mà sẽ có thể giảm bớt những gánh nặng tương tự cho các thế hệ tương lai.

Ý tưởng này được thấy lần cuối vào tháng 8 và đầu tháng 9 năm 1789 trước khi nó mất dạng trong thư gửi Madison. Ngày 26 tháng 8, thể theo

yêu cầu của Lafayette, Jefferson đã tổ chức một bữa tối công việc cho tám thành viên đứng đầu của Đảng Ái quốc, họ tụ họp để tranh luận về một cuộc bỏ phiếu đang manh nha trong Quốc hội về việc liệu nhà vua nên có quyền phủ quyết các đạo luật của cơ quan lập pháp hay không. Đó là một cuộc thảo luận có phạm vi rộng, được Jefferson mô tả là “thật sự xứng đáng được ngang hàng với những cuộc đối thoại tuyệt nhất ở thời cổ đại, do Xenophon, Plato và Cicero để lại cho chúng ta”. Trong khi không có bằng chứng trực tiếp cho thấy có cả chủ đề về quyền thế hệ, thì việc tụ họp này tượng trưng tiêu biểu cho biện pháp không chính thức và hoàn toàn không thể phát hiện được để truyền bá những ý tưởng mới ở Paris cách mạng. Và mặc dù Tom Paine và Marquis de Condorcet đều không tham dự bữa tiệc, nhưng cả hai đều là thành viên Đảng Ái quốc và từng đưa ra những phiên bản riêng của họ về lý luận thế hệ. Condorcet, nhà toán học hàng đầu của Pháp và là người công khai ủng hộ chế độ cộng hòa, cũng tán thành một phiên bản của lý luận thế hệ rất giống với Jefferson, bổ sung bằng những bảng nhân khẩu học và những tính toán tương tự về khoảng thời gian sống của một thế hệ. Hơn nữa, Condorcet là bạn và là bệnh nhân của bác sĩ Richard Gem, người điều trị chứng đau nửa đầu tái phát cho Jefferson trong tuần đầu tiên của tháng 9. Chúng ta biết rằng Gem và Jefferson đã thảo luận vấn đề về những quyền của hậu thế, và rằng Gem đã trao cho Jefferson một văn kiện về vấn đề này, khẳng định nguyên lý “một thế hệ trong xã hội dân sự không có quyền thực hiện những hành động ràng buộc một thế hệ khác, đây là một sự thật không thể tranh cãi”.

Thay vì vướng vào một cuộc tranh cãi bất tận về tính độc đáo và ưu việt của trí tuệ, có vẻ hợp lý hơn nếu bỏ qua những câu hỏi khó trả lời như thế và kết luận rằng tư tưởng của Jefferson về các nghĩa vụ của thế hệ hiện tại với thế hệ tương lai đã phát triển ở nước Pháp cách mạng,

rằng việc hình thành ý tưởng này của ông có lẽ đã chịu ảnh hưởng từ những tình huống khó xử cụ thể mà Chính phủ Pháp phải đối mặt vào thời điểm đó, và rằng quan niệm về quyền thế hệ là “điều viển vông” nơi văn hóa phòng khách của Pháp, theo cách tương tự như những ý tưởng cốt lõi ở phần nói về quyền tự nhiên trong Tuyên ngôn Độc lập là “điều viển vông” của mùa hè năm 1776. Câu hỏi đặt ra sau đó là: Tại sao Jefferson lại không đặt ý tưởng đặc biệt này trong bầu không khí của năm 1789, mà lại cho nó vị thế cao quý của một sự thật hiển nhiên mới được phát hiện?

Hai câu trả lời khác nhau, nhưng bản chất giống nhau. Đầu tiên, những nỗi e ngại ngày càng tăng của Jefferson về khả năng phá hủy của những khoản nợ thừa kế ở khía cạnh cả công lẫn tư ngập tràn tâm trí ông trong thời gian này. Những món nợ chưa trả của Mỹ đã làm giảm các nỗ lực mạnh mẽ của ông trên cương vị Công sứ tại Pháp và ngăn cản sáng kiến ngoại giao của ông khi đàm phán các điều khoản với những cường quốc châu Âu khác. Và tình hình chính trị bất ổn ở nước Pháp cách mạng đã được châm ngòi bởi một cuộc khủng hoảng tài chính do một món nợ công khổng lồ gây ra. Hơn nữa, tình hình tài chính cá nhân của ông - chi phí chỗ ở, quần áo, nội thất, ngựa và xe ngựa, những gì ông gọi là “trang bị” của mình - đã vượt xa mức tiền lương của ông và buộc ông phải giải trình các giao dịch với cấp trên của mình ở Philadelphia về chênh lệch giữa chi phí sinh hoạt và lương Công sứ của ông.

Nhưng khoản nợ ngày càng tăng của ông ở Paris theo cách ngôn chỉ là phần nổi của tảng băng. Đến cuối những năm 1780, ông bắt đầu nhận ra rằng những khoản nợ mà ông kế tục từ cha vợ đang được tính lãi suất ở mức có lẽ ông không bao giờ có thể trả được. Đầu tiên, ông bắt đầu hiểu rằng mặc dù sở hữu hàng ngàn mẫu đất và khoảng 200 nô lệ, nhưng ông vẫn còn nợ các chủ nợ của mình một khoản lớn đến mức khi ông xuống

mồ vẫn chưa hết nợ. Nhận ra điều này cũng là gánh nặng gần như bản thân các khoản nợ. “Tôi sẽ phải chịu đựng nỗi khổ tâm cho đến khi nào tôi không còn nợ một shilling trên Trái đất này”, ông viết thư cho người đốc công của mình tại Monticello vào năm 1787, “nó thật sự đồng nghĩa với một cuộc sống không mấy giá trị ở đây”. Thực ra mà nói, ông được chuẩn bị về cả trí tuệ lẫn tâm lý để đánh giá đúng những gì mà các khoản nợ gây ra cho các quốc gia và cá nhân, và do đó cởi mở với những ý tưởng nhằm hạn chế thiệt hại.

Hơn nữa, học thuyết về chủ quyền thế hệ lại là một phiên bản của chủ nghĩa cực đoan không tưởng của ông. Madison chắc chắn đã đúng khi tuyên bố toàn bộ kế hoạch là rất không thực tế và hoàn toàn không có tính khả thi. Nhưng điều đó không thích hợp. Trước viễn cảnh mỗi thế hệ khởi đầu từ tay trắng, được giải thoát khỏi những di sản chông chất của nợ cũ, pháp luật, nghĩa vụ thể chế và các quy định, đã cho phép Jefferson nêu lên giấc mơ hảo huyền nhất của mình, một thế giới trong đó ý nghĩa nguyên thủy của nền độc lập có thể hưng thịnh không bị hạn chế, sự ngây thơ chưa bị làm hoen ố. Đây là thế giới của những người định cư Saxon tiên phong kiến, thế giới của các bộ lạc da đỏ tiền chính trị, thế giới của những nông dân tiểu chủ độc lập sát biên giới, thế giới sau một cuộc nổi dậy chính nghĩa đã xua tan không khí nặng nề. Đó là một thế giới hoàn toàn tự nguyện, nơi không biết đến áp bức và không cần đến chính phủ. Dù thoáng qua - gần như ngay lập tức lịch sử sẽ bắt đầu tiến hành những cuộc xâm nhập khó tránh khỏi - nhưng sự hòa hợp bình dị vẫn tự duy trì một khoảnh khắc tỏa sáng ngắn gọn. Do đó, nó là nơi thích hợp để cất giữ những kỷ niệm trong mối quan hệ với Maria Cosway (dù bản thân Cosway chẳng hề nhớ đến) và để bảo tồn các giá trị nữ tính mà bà là hiện thân đỉnh cao của sự hoàn hảo được họ nhớ đến. Tóm lại, niềm tin về “một Trái đất thuộc về người sống” là đòn tấn công

thay cho ước mơ được Jefferson ấp ủ nhất: một xã hội không bị gò bó bởi thể chế và pháp luật; một nỗ lực để quen với việc loại bỏ chúng, do đó bàn tay xoa dịu của lịch sử thường xuyên vỗ để nhường chỗ cho một cuộc gặp gỡ tinh khôi với những gì ông tin là trật tự tự nhiên.

TRỞ VỀ NHÀ

Jefferson đã dự liệu chuyến trở về Mỹ trong cả mùa đông và mùa xuân năm 1789. Ngay cả trước khi Washington được bầu làm Tổng thống, một kết quả mà mọi người đã tiên đoán trước, thì cái tên Jefferson đã được bàn tán như một thành viên tương lai của chính quyền mới. Vào tháng 5, Madison đã thông báo về những tin đồn này, và thêm rằng “những nhân vật xuất chúng nhất” (có lẽ bao gồm cả chính Washington) đã hỏi ông bên lề xem liệu một vị trí trong chính phủ mới có phù hợp với Công sứ Mỹ tại Pháp hiện thời hay không. “*Không biết ông nghĩ gì*”, Madison viết theo ngôn ngữ mã hóa, “nên tôi không dám *liều trả lời*”. Đến tận tháng 8, Jefferson mới nhận được thư của Madison, nhưng ông đã trả lời quá quyết và ngay lập tức: “Ông hỏi xem liệu tôi có chấp nhận việc bổ nhiệm mình ở bên kia đại dương hay không ư? Ông biết những tình huống khiến tôi không về hưu được, mà cứ lần lượt bị bổ nhiệm hết lần này đến lần khác, đến tận bây giờ. Mục tiêu của tôi là trở về để nghỉ hưu”. Tóm lại, câu trả lời là không. Ông muốn trở lại Virginia để giữ Patsy và Polly trong môi trường an toàn hơn của quê hương mình. Và ông muốn lập lại trật tự cho những vấn đề cá nhân của mình ở Monticello. Nhưng sau vài tháng ở nhà, ông đã muốn quay lại vị trí của mình ở Paris - không có lý do gì để nghi ngờ sự chân thành của ông ở đây - và rồi nghỉ hưu .. với cương vị công chức.

Những bức thư sau cùng của ông từ Pháp lại mâu thuẫn một cách thú vị với vấn đề khủng hoảng chính trị đang diễn ra ở Pháp. Một mặt, ông nhắc lại sự lạc quan của mình. “Sự thanh bình đã được lập lại tương đối

tốt ở đất nước này”, ông giải thích, “và Quốc hội đang tiếp tục khá ổn trong việc soạn thảo hiến pháp. Họ khó mà soạn thảo được một bản hiến pháp tốt nhất cho tất cả mọi người, nhưng họ sẽ soạn thảo được một bản hiến pháp tốt, đặt tự do và tài sản trên một cơ sở chắc chắn hơn ở Anh. Tôi hình dung họ sẽ mất hai hoặc ba tháng để làm việc này”. Ông đã được chuẩn bị để công nhận sự tồn tại của một phe phái ranh mãnh trong Quốc hội “với những quan điểm rất nguy hiểm”. Nhưng họ dễ dàng bị choáng ngợp vì “đa số dân tộc [là] một khối thống nhất vững chắc đến mức họ dường như đã từ bỏ mọi kỳ vọng về sự khó hiểu của trò chơi”.

Mặt khác, ông lại tỏ ra thận trọng hơn với một số trao đổi thư từ. “Cuộc khủng hoảng của đất nước này chưa kết thúc”, ông viết cho David Ramsay ở Nam Carolina. “Nếu nhu cầu về bánh mì bắt đầu gây rối loạn thì sẽ không thể lường trước được hậu quả, vì ảnh hưởng lan rộng của các nguyên nhân khác sẽ gia tăng cùng với sự kích động”. Tâm trạng trong những bức thư ông gửi cho Jay vừa lạc quan vừa thận trọng. Ông mong Đảng Ái quốc chiếm đa số trong Quốc hội, do đó gây được ảnh hưởng có mức độ với những phần tử cực đoan, và dẫn dắt Pháp đi đến sự ổn định như một chế độ quân chủ lập hiến. Nhưng có một số kịch bản kém hấp dẫn hơn. Nếu các cuộc bạo động vì bánh mì bắt đầu ở Paris, hoặc cuộc khủng hoảng tài chính trở nên tồi tệ hơn, hoặc nhà vua vì quá khiếp sợ đã cố chạy trốn khỏi Versailles, thì đó sẽ “là tín hiệu của Thánh Barthelemy [ví dụ, một vụ thảm sát] chống lại giới quý tộc ở Paris...” ít nhất với Jay, phụ trách đối ngoại của Mỹ và là cấp trên của ông, ông được bảo hiểm rủi ro cho sự đánh cược của mình.

Chuyến đi dài trở lại Monticello bắt đầu vào ngày 28 tháng 9 năm 1789. Thời tiết xấu đã khiến ông bị mắc kẹt tại Le Havre hai tuần, đủ lâu để thu hút sự chú ý của một người đồng hành mà đã mô tả một cảnh dễ thương: Jefferson chờ đợi thời tiết với Patsy và Polly ngồi quanh ông, đọc

to cho cha nghe trong khi ông giúp Polly phát âm những từ khó. Khi họ đang chờ con tàu sẽ chở họ đến Anh và sau đó tới Mỹ, ba lá thư khác nhau đã đem tới cho ông những tin tức quan trọng: Maria Cosway nói lời từ biệt, nói rằng bị cảm nên không thể hẹn hò lần cuối ở Anh; William Short thông báo từ Paris rằng các cuộc bạo động vì bánh mì đã nổ ra ở đó và một đám đông 5.000 phụ nữ đã diễu hành qua Versailles; còn George Washington thì viết thư đề nghị ông đảm nhận vị trí Ngoại trưởng đầu tiên của Mỹ.

CHƯƠNG 3: MONTICELLO: 1794-1797

Ông xây cho mình tại Monticello một biệt thự cách biệt với con người. Với ông đời sống chính trị khốc liệt là một sự tra tấn không ngừng, và những công kích cá nhân làm ông đau khổ sâu sắc... Ông co lại trước mọi sự hung dữ hoặc lỗ mãng, và sự khao khát đồng cảm của ông khá nữ tính.

HENRY ADAMS

(Lịch sử Mỹ: Thời kỳ Thomas Jefferson cầm quyền)

(1889-1891)

Từ năm 1793 đến năm 1797, cha chỉ sống khép kín trong nhà, chẳng gặp ai ngoài những người đến đây, và cuối cùng cũng hiểu được tâm bệnh của chính mình... Cha cảm nhận được tác động của việc rút lui khỏi thế giới, để rồi thấy việc này đã dẫn đến một tâm trạng chống xã hội và chán ghét con người, tâm trạng này sẽ trừng phạt nặng nề những ai nương bộ nó. Và đó là một bài học cha không bao giờ cho phép mình quên.

JEFFERSON VIẾT THƯ CHO MARIA JEFFERSON EPPES

Ngày 3 tháng 3 năm 1802

Monticello là nơi luôn được ưu tiên trong hình dung của Jefferson, nhưng Cách mạng Mỹ đã chen ngang, sau đó là sứ mệnh ngoại giao ở Paris, tiếp đến là những trách nhiệm một Ngoại trưởng Mỹ trong chính

quyền Washington. Nhưng rồi đến tháng 1 năm 1794, ông rút cuộc cũng tin rằng sự nghiệp chính trị của mình đã kết thúc. Ông tuyên bố: “Tôi hy vọng sẽ dành những ngày còn lại của mình cho những công việc dễ chịu hơn những gì tôi đã cố gắng trong suốt 18 năm đẹp nhất của đời mình”. Sự thật là ở tuổi 51, ông tin rằng thời kỳ đẹp nhất của mình đã qua và những ngày cuối đời đã cận kề. Trong hơn một năm, ông đã xin Washington miễn cho ông những nhiệm vụ chính trị để ông có thể sống như một nông dân cho đến hết đời: “Hằng ngày tôi đều tin rằng tài năng, tâm trí, cũng như đời sống của mình là không phù hợp với đời sống xã hội”.

Những câu thần chú về cuộc sống hưu trí tiết hạnh, tách biệt ở vùng nông thôn sau khi kết thúc sự nghiệp chính trị là điệp khúc quen thuộc và thậm chí công thức trong tầng lớp lãnh đạo của Mỹ thế kỷ 18, đặc biệt trong triều đại Virginia. Mọi người đều biết những mô hình ở ẩn kinh điển ngày nay được đại diện bởi Cicero và Cincinnatus cùng những bài ca tôn vinh vẻ đẹp đồng quê trong tác phẩm *Georgics* của Virgil. Những tuyên bố về việc rút lui có nguyên tắc khỏi sự ồn ào của đời sống chính trị để hòa cùng giai điệu thiên nhiên ở trang trại phổ biến tới nỗi John Adams - bản thân cũng khao khát kiểu Cicero nhưng suốt nhiều năm cũng lại hoài nghi tuyên bố của bất cứ ai về phẩm hạnh nông thôn - đã bắt đầu nghi ngờ toàn bộ hội chứng Cicero. “Có vẻ như Một để trở nên vĩ đại là nghỉ hưu”, ông viết thư cho Abigail. “Những cái Cây chính trị lớn lên trong bóng râm mới tuyệt vời làm sao”. Adams đã không ám chỉ cụ thể Jefferson, nhưng các nhà chỉ trích khác thuộc phe Liên bang đã hé lộ rằng ở Philadelphia, Ngoại trưởng sắp mãn nhiệm về nhà chỉ để liếm láp những vết thương, tích trữ năng lượng cho cuộc tấn công không thể tránh khỏi vào nhiệm kỳ tổng thống, giả vờ làm một nông dân nghỉ hưu.

Nhưng Jefferson không hề diễn. Ông giải bày với một Madison luôn kín tiếng - như một lời thú tội thật thà lạ thường - rằng đã có lần cảm thấy “tôi có chút mùi vị tham vọng trong những ngày còn trẻ”, nhưng các thúc giục bên trong “từ lâu đã tan biến, và danh tiếng lưu lại sau khi tôi mất sẽ vẫn ít hơn sự nổi tiếng hiện nay”. Ông nói với Giáo hội Angelica rằng tất cả những gì ông muốn trong phần đời còn lại là “được giải phóng khỏi những công việc chính trị đáng ghét, và ở trong vòng tay gia đình, trang trại, và những cuốn sách”. Đến tận lúc này, Monticello vẫn là một ảo vọng tiếp tục lùi dần vào quãng đời trung niên của ông. Giờ thì ông đột nhiên ở đó. “Tôi có nhà để xây, cánh đồng để cày cấy” - một cách sống có trách nhiệm và vui vẻ - “và để mong chờ niềm hạnh phúc đến với những người làm việc cho tôi”.

Một trong những nô lệ da đen của ông, lần này là Robert Hemings chứ không phải Jupiter, đang mẫn cán chờ đợi ở Fredericksburg với mấy con ngựa khỏe mạnh vào ngày 12 tháng 1 năm 1794, rồi cả hai cùng cưỡi ngựa tới chân núi Blue Ridge và về nhà. “Phạm vi hoạt động của tôi bây giờ cố định trong cuộc sống giữa Monticello và Richmond”, Jefferson tuyên bố hai tuần sau đó. Thu mình trên đỉnh núi, ông thông báo với Adams rằng giai điệu thôn dã đã níu chân mình: “Giờ đây tôi trì hoãn việc trả lời thư, kiểu nông dân, cho đến một ngày mưa”. Ông tuyên bố đã trở nên “cách ly triệt để với báo chí và chính trị”, và rất hài lòng khi “thấy tâm trí hoàn toàn tập trung vào những công việc nơi đồng quê”.

Có lẽ nguồn cơn rõ ràng nhất cho quyết định nghỉ hưu của ông là tuổi tác. Sau khi vượt qua dấu mốc nửa thế kỷ cuộc đời, rõ ràng ông không có lý do để mong đợi vận may sức khỏe của mình sẽ tiếp tục kéo dài lâu hơn. Suy nghĩ kinh điển rằng mỗi người có “70 năm cuộc đời” khiến ông nghĩ mình chỉ còn hơn một thập niên, và ông làm sao biết rằng, không giống như cha mẹ mình, ông sẽ không tuân theo con số đó và sống tới 80 tuổi.

Thực tế, những dấu hiệu đầu tiên bắt đầu xuất hiện cho thấy thể chất chưa từng biết mệt mỏi của ông đang xuống cấp với những cơn đau nhức ở các khớp xương, trong đó có một lần ông bị thấp khớp nghiêm trọng vào mùa hè năm 1794 khiến ông phải nằm trên giường hai tuần. “Tôi bắt đầu cảm thấy những ảnh hưởng của tuổi tác”, ông ghi lại vào năm sau đó, thêm vào đấy, cơ thể đã có những dấu hiệu “khiến tôi tin rằng mình sẽ không có nhiều thời gian để đối phó với *tình trạng mệt mỏi*”. Mái tóc vàng đỏ vẫn còn dày dù đã điểm bạc; khuôn mặt gầy và hơi dài vẫn có sự nhuận sắc của một người ưa ở ngoài trời dù đã có dấu hiệu tuổi tác và nếp nhăn nơi khóe mắt; cơ thể vẫn còn tương đối săn chắc và khỏe mạnh, lưng vẫn thẳng khi đi lại, dù khớp cổ tay và đầu gối thường đau nhức khi trời ẩm ướt hoặc lạnh. Hơn hết, ông trông vẫn trẻ hơn so với tuổi, vẫn có thể cưỡi trên những con ngựa to khỏe nhất, vẫn thức dậy vào lúc bình minh và làm việc 16 giờ một ngày không nghỉ, vẫn lên kế hoạch cho một chính thể với hình ảnh đầy sinh lực của một đất nước trẻ có cả tương lai phía trước. Nhưng còn tương lai cá nhân, hiện thời ông cảm thấy xương cốt của mình chỉ còn một khoảng thời gian hạn chế theo đúng nghĩa đen. Ông muốn dành thời gian còn lại đó vào những hoạt động cá nhân khiến ông hạnh phúc.

Tất cả điều này có thể đã đủ để kéo Jefferson ra khỏi đời sống xã hội, cùng Robert Hemings phi nước đại xuống đường từ Fredericksburg đến Charlottesville và sau đó lên tới đỉnh núi của mình. Như chính ông thừa nhận, một phần quan trọng là ông chưa bao giờ cảm thấy thoải mái khi đảm nhận quyền lực chính trị hoặc tham gia vào những cuộc tranh luận lôi thôi mà chính phủ đại diện thường yêu cầu. Không như Adams, người cho rằng tranh luận là cách thức trò chuyện lý tưởng, hay Franklin, người có thể giành phần thắng trong mọi cuộc đấu đá chính trị nội bộ nhờ sự thâm niên và trí tuệ của mình, hay Washington, được coi là người đứng

trên đỉnh Olympus của Mỹ và do đó không thể chạm tới; Jefferson, về phần mình, cảm nhận được từng lời chỉ trích. Những ý kiến mâu thuẫn hay sự tranh luận nhắm vào ông như tiếng ồn chói tai, dẫn tới một sự bác bỏ thẳng thừng của sự hòa hợp tự nhiên ông vốn tin tưởng và nghe thấy từ bên trong mình. Ở một khía cạnh nào đó, nghỉ hưu để trở về cuộc sống riêng tư vào năm 1794 là một sự thừa nhận muộn màng rằng ông luôn bị phân nhảm vai nhân vật của công chúng.

Nhưng dù cho các điều kiện lâu dài có thể phù hợp về mặt lý thuyết, nhưng trong thực tế thì lịch sử đã khiến nỗi đau khổ chính trị của ông tăng gấp đôi bằng việc trù liệu thập niên 1790 là một trong những thập niên nhiều hiểm khích và ưa tranh cãi nhất trong lịch sử Mỹ. Tính từ thời điểm Jefferson đảm đương trách nhiệm Ngoại trưởng Mỹ năm 1790 cho đến khi ông thoát khỏi Philadelphia năm 1794, ông luôn là một nhân vật trung tâm trong một vở kịch chính trị đang diễn ra và được chứng tỏ là khốc liệt hơn, gần như đến mức hoang tưởng, hơn bất kỳ kinh nghiệm nào trong đời sống chính trị của ông. Ông cũng phải chịu những vết thương tâm lý trong thời gian làm việc cho chính quyền Washington mà chẳng bao giờ lành lại hoàn toàn. Và ông đưa ra những lời công kích chính trị của riêng mình, hay đúng hơn là đã có người thay ông làm điều đó, khiến ông trở thành biểu tượng chính của phe đối lập với chính phủ mà ông phụng sự. Liệu thời gian đã thay đổi ông hay chỉ đơn thuần ghi dấu lên ông là một câu hỏi thú vị. Nhưng không có câu hỏi nào ông rút ra từ kinh nghiệm lại nói lên một ngôn ngữ chính trị đảng phái rõ ràng hơn mà mới chỉ bắt đầu gắn với tên tuổi của ông ở cấp quốc gia. Nếu chúng ta muốn hiểu được tình cảm và lý trí của người đàn ông trung niên muốn cô lập mình tại Monticello, chúng ta cần phải biết thêm đôi chút về những gì đã xảy ra với ông trong cái thế giới chính trị mà ông đã trốn khỏi.

ĐAM MÊ VÀ ĐẢNG PHÁI

Nhiệm kỳ của Jefferson trong vai trò Ngoại trưởng Mỹ trùng với thời kỳ sơ khai nhất trong lịch sử chính trị Mỹ. Chính vì chính quyền quốc gia mới còn non trẻ, nên tất cả các quyết định quan trọng đều tạo ra một tiền lệ và mọi sáng kiến trong chính sách đối nội hay đối ngoại đều báo trước sự thiết lập nguyên tắc mang tính bước ngoặt. Đặc điểm nổi bật của Hiến pháp mới là không có mục đích rõ ràng về mối quan hệ giữa thẩm quyền liên bang và bang, và về thẩm quyền chồng chéo nhau giữa các nhánh tương ứng của chính phủ liên bang. Tóm lại, Hiến pháp không giải quyết được những bất đồng chính trị đã tồn tại từ lâu trong thể hệ cách mạng, đến mức phải tạo ra một bối cảnh mới và ổn định hơn để tranh luận về những bất đồng đó.

Jefferson và tất cả những người tham gia chủ yếu trong cuộc tranh luận này đều hiểu ra vấn đề đó, nên chính ý nghĩa thật sự của Cách mạng Mỹ là cái bị đặt câu hỏi nhiều nhất. Và kể từ khi Jefferson phụng sự ở Pháp trong suốt nửa cuối thập niên 1780, khi những trận đánh đầu tiên nổ ra nhằm xác lập quyền lực thật sự của chính phủ liên bang, ông đã bước vào cuộc tranh luận của những năm 1790 với những giá trị cách mạng nguyên vẹn hơn so với hầu hết các đồng nghiệp của mình, vì họ đã kết luận rằng việc bảo đảm thành tựu của Cách mạng đòi hỏi những thỏa hiệp với quyền lực chính trị ở cấp quốc gia, thứ mà ông chẳng hề chuẩn bị cả về tư tưởng lẫn tâm lý để thực hiện.

Sự phát triển lạ kỳ nhất và hoàn toàn không lường trước được của thời đại là sự xuất hiện của các đảng phái chính trị. Những đảng phái chính trị vào thời đại đó có cơ chế để quyền tiền, lựa chọn ứng viên và tiến hành các chiến dịch bầu cử, nhưng lại chưa được tổ chức đầy đủ trong những năm 1790. (Các đảng phái chính trị hoàn thiện có tất cả thể chế gắn liền với chúng ta trong khoảng thời gian từ những năm 1830 tới

những năm 1840). Tuy nhiên, những gì chúng ta có thể coi là “ưu điểm” của các đảng phái chính trị đều bắt nguồn từ quãng thời gian Jefferson là Ngoại trưởng Mỹ, và ông đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình tạo dựng đó. Nhưng vấn đề là thuật ngữ “đảng”, và ý tưởng rất mới mà nó đưa ra, vẫn chưa được coi trọng chút nào. Một “đảng”, theo cách hiểu thông thường, chỉ là một “phe”, nghĩa là một nhóm nhỏ có tổ chức với mục đích rõ ràng là làm nhục ý chí của công chúng, thường là bằng chiêu trò xảo quyệt và bản thủ. Khi gọi ai đó là thành viên của một đảng phái chính trị, chính là để cáo buộc người đó ích kỷ có hệ thống, và có lẽ còn là kẻ phản bội đúng nghĩa. Vào thời đó, không tồn tại khái niệm về một tổ chức đối lập hợp pháp với chính phủ được bầu ra. Quả thực, vấn đề này đáng lẽ đã nhắm đến đa số thành viên của thể hệ cách mạng như một mâu thuẫn về khái niệm.

Tất cả điều này mang tới những vấn đề vô cùng đau đầu và đau lòng cho Jefferson, bởi cùng với Madison, ông đã thiết lập nên những nguyên lý căn bản của Đảng Cộng hòa trong khoảng từ năm 1790 đến 1794, và do đó tạo ra một giải pháp thay thế rõ rệt và có tổ chức cho những thành viên Đảng Liên bang. Nhắc lại một lần nữa, lúc đó chưa có quy tắc cho những gì họ đang làm, không có từ “trung lập” để nói về nó. Trong cơn mất và tâm trí của các nhà phê bình thuộc phe Liên bang, Jefferson và Madison là những kẻ phản bội, đặc biệt là Jefferson, người mà thực tế thì phụng sự trong nội các của chính phủ nhưng lại đứng về phe đối lập. Điều này giúp giải thích những lời công kích chua cay và rất cá nhân đối với tính cách của ông trên báo chí trong những năm đó; vẫn chưa có ngôn ngữ hoặc tâm lý sẵn sàng để giải thích hành vi của ông cụ thể hơn.

Duy trì vị thế này của tổ chức đối lập không chính thức cần phải rất tin tưởng vào tầm nhìn chính trị của một người đối với ý nghĩa của Cách mạng Mỹ. Điều này cũng đòi hỏi một năng lực khác mà Jefferson đã phát

triển trong giai đoạn ở Pháp, có thể gọi là lòng khoan dung sâu sắc trước sự mâu thuẫn mà ở những người khác có thể coi là lừa dối, đạo đức giả. Ở cương vị một nhà lãnh đạo đảng hữu danh vô thực trong một thời đại mà các đảng phái chính trị còn bị ghét cay ghét đắng, Jefferson buộc phải nhiều lần lừa dối và che giấu, sự thành công của ông khi làm điều đó phụ thuộc vào sự nhanh trí, xử trí khôn ngoan của ông trong các phát ngôn và vai trò khác nhau, vào khả năng chơi trốn tìm với chính mình.

Cuối cùng, đầu những năm 1790, mối quan hệ lâu dài giữa Jefferson và Madison đạt đến một cấp độ hợp tác mới, đôi khi không thể biết được sự kết thúc suy nghĩ của người này lại là sự bắt đầu suy nghĩ của người kia ở chỗ nào. John Quincy Adams đề cao việc này khi ông nhận thấy “sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa hai trí tuệ này là một hiện tượng, giống như những tương tác vô hình và bí ẩn của nam châm trong thế giới vật lý, nơi mà sự sắc sảo của sử gia tương lai có thể tìm ra giải pháp cho lịch sử đất nước chúng ta nếu không thì phải chịu trách nhiệm không thể chối cãi”. Hai người đàn ông đã có những thói quen bảo mật và kinh nghiệm lúc trao đổi qua thư từ được mã hóa khi Jefferson làm việc ở Pháp, chúng đã giúp họ khá nhiều trong những năm 1790, khi họ cùng hợp tác để phản đối các chính sách tài chính của Alexander Hamilton và bắt đầu phát triển nền tảng cho một đảng đối lập. Sẽ là không công bằng lắm với trí tuệ và kỹ năng lãnh đạo của Madison, nếu chỉ xem ông như là đối tác trẻ tuổi hay như người luôn sẵn sàng thay mặt Jefferson trong những cuộc đấu đá chính trị nội bộ mà Jefferson thấy rất khó chịu. Trên thực tế, trong các giai đoạn đầu của cuộc chiến với Hamilton, 1790-1792, Madison đã thật sự lãnh đạo cuộc đấu tranh, đặc biệt là phong trào chống lại kế hoạch rút vốn và đề xuất lập một ngân hàng quốc gia của Hamilton.

Nhưng nói chung, có vẻ công bằng khi đồng tình với những thành viên phe Liên bang coi Madison là “Tướng” và Jefferson là “Tổng Tư lệnh”

của phe đối lập Cộng hòa đang mạnh mẽ. Jefferson là lãnh tụ tinh thần và thành viên kỳ cựu của tổ chức. Ông sắp đặt chiến lược và Madison thực hiện các chiến thuật. Jefferson có đủ điều kiện để chú ý tới những diễn biến bao quát nhất của một vấn đề chính trị, vì Madison đã âm thầm xử lý những rắc rối cụ thể. (Nếu Chúa có mặt trong từng chi tiết khi câu chuyện diễn ra, thì Madison thường đã ở đó để chào đón người đến). Lợi thế của sự phân công này khá rõ ràng: Phát ngôn viên vô cùng tài năng được đẩy ra mũi nhọn tấn công, trong khi cho phép Jefferson ở lại sau hậu trường và bên ngoài xung đột.

Nhưng cũng có một số nhược điểm cần chỉ rõ: Nó đưa đến niềm tin vào sự cáo buộc, rằng Jefferson là một kẻ thao túng quanh co, không dám đối mặt với sự thật. Trong khi những người bảo vệ ông có thể và đã mô tả niềm khao khát sự riêng tư cá nhân nổi tiếng của ông như là một đặc điểm của tính nhút nhát hoặc thận trọng, thì tuyên bố rằng “sự táo bạo trong suy nghĩ của ông được bọc trong một cái vỏ của sự lịch thiệp”, thậm chí Dumas Malone, người viết tiểu sử ngưỡng mộ ông nhất, đã buộc phải thừa nhận rằng trong các cuộc chiến tranh đảng phái vào những năm 1790, Jefferson thường xuyên vượt qua ranh giới mong manh giữa “lịch sự và lừa dối”. Các nhà bình luận phê bình thì coi danh tiếng của ông như một phiên bản bí ẩn và không-đáng-ngưỡng-mộ của Nhân sư Mỹ kể từ giai đoạn này trong sự nghiệp của ông. “Ông ấy chẳng bao giờ nói thật như mình cảm nhận”, Charles Francis Adams viết, “dù là đối với bạn bè hay kẻ thù. Kết quả là trong giới chính trị, ông ấy mang tiếng là kẻ tráo trở..., nhìn chung người ta thường cảm thấy sự tráo trở đó nhiều hơn là chứng kiến nó”. Dù Madison đã có những nỗ lực quả cảm để bảo vệ ông khỏi những lời chỉ trích, nhưng thật sự thì những nỗ lực đó phần nào cũng làm dấy lên nghi ngờ về lập trường của Jefferson, hầu hết các đánh giá không thân thiện về nhân cách khó nắm bắt của Jefferson đều bắt

nguồn từ bầu không khí chính trị siêu nóng của những năm 1790, nơi mà tính cách của ông trở thành vấn đề gây tranh cãi.

Nó cũng giống như những ưu tiên và chính sách của ông khi ở cương vị Ngoại trưởng Mỹ. Giữa lúc mong muốn về hưu của Jefferson trôi dạt, James Monroe đã gửi cho ông một lá thư an ủi, nhằm cam đoan với vị thầy của mình rằng: “dù ngài đã trải qua những thời khắc quan trọng và thậm chí hỗn loạn [mà ngài có], thì đó không chỉ là sự tán thành của riêng trái tim ngài và những đồng hương của ngài nói chung, mà còn là sự im lặng và tất nhiên là cả sự tán thành miễn cưỡng của kẻ thù”. Điều này có vẻ là một đánh giá hợp lý theo hơi hướng đảng phái.

Jefferson đã giúp khởi động chính sách đối ngoại của Mỹ theo hướng phụng sự những mục đích quốc gia khá tốt trong suốt thế kỷ tiếp theo. Ông chia sẻ với các nhân vật quan trọng khác, đặc biệt là Washington, Adams và Hamilton, nhận định căn bản rằng nhiệm vụ chủ yếu mà nền cộng hòa non trẻ phải đối mặt chính là những vấn đề nội bộ và trong nước, ổn định thể chế chính trị mới thành lập và củng cố quyền kiểm soát lục địa Bắc Mỹ. Điều này có nghĩa là bằng mọi giá phải tránh xa những mâu thuẫn của châu Âu, dành thời gian và không gian cho nền kinh tế quốc gia mới nổi của Mỹ phát triển tiềm năng còn non trẻ của mình. Dù các cuộc chiến đảng phái về cách thức thực hiện những nguyên tắc chính sách đối ngoại có vẻ cay đắng hơn, chưa kể đến sự thất bại hoàn toàn của hiệp ước liên quan đến những mối đe dọa do Anh đặt ra hoặc những thách thức từ phía Pháp đối với sự trung lập của Mỹ, thì bản thân những nguyên tắc của Mỹ vẫn là vấn đề về sự đồng thuận xuyên suốt mọi thành tựu lớn nhất của chính phủ. Jefferson thường xuyên bị buộc là thân Pháp, vì ý định tốt mà đã bóp méo lời giải thích về tính trung lập của Mỹ. Nhưng Công sứ Pháp, Pierre Adet, lại đưa ra những đánh giá thấu đáo nhất về sự đồng cảm sâu sắc nhất của

Jefferson. Adet viết: “Ông Jefferson yêu mến chúng tôi vì ông ấy ghét Anh..., nhưng ông ấy có thể thay đổi quan điểm về chúng tôi vào ngày mai, nên Anh ngừng gây thêm cho ông những nỗi sợ hãi... Có thể nói, vì Jefferson là người Mỹ nên ông không thể là người bạn chân thành của chúng tôi. Người Mỹ là kẻ thù bẩm sinh của mọi dân tộc châu Âu”. Đánh giá sắc sảo và chính xác này mang tới vẻ ngoài hào nhoáng nhất cho những mục tiêu tổng thể của Jefferson trong vai trò Ngoại trưởng Mỹ, nhằm thỏa thuận mạnh mẽ về những lợi ích của Mỹ nhưng đồng thời tránh mọi hình thức đảng phái có thể dẫn đến chiến tranh.

Điều đó cho thấy nhận định của Adet về việc Jefferson thật sự căm ghét Anh cũng hoàn toàn đúng. Thật vậy, nỗi căm hận vô cùng lớn của Jefferson với tất cả những gì liên quan tới Anh (có lẽ chỉ ngoại trừ những khu vườn của họ) đã chi phối toàn bộ hoạt động của ông trong vai trò Ngoại trưởng Mỹ, và nhiều lần suýt nữa đã dẫn đến sự đổ vỡ trong quan hệ Anh-Mỹ. Ví dụ, trong cuộc khủng hoảng Nootka Sound năm 1790, khi một tranh chấp bất ngờ nổ ra giữa Anh và Tây Ban Nha gần Vancouver ngày nay, cảnh báo chiến tranh có thể xảy ra ở toàn bộ khu vực phía Tây xuyên Mississippi, Jefferson tỏ ra đặc biệt hiếu chiến trước những ý định của người Anh tại khu vực đến mức sẵn sàng phiêu lưu chiến tranh với Anh cho đến khi cuộc khủng hoảng nguội đi. Trong những cuộc đàm phán với George Hammond, Công sứ Anh có trách nhiệm giải quyết những khác biệt lâu dài trong các điều khoản của Hiệp ước Paris, Jefferson cực kỳ kiên quyết và cứng nhắc, gần như không hề có phong thái ngoại giao theo quy định như thứ phong thái ông từng thể hiện rất tự nhiên trong những hoàn cảnh khác. Và vào năm 1793, báo cáo đầy đủ của ông về chính sách thương mại của Mỹ với tư cách một quốc gia trung lập đã đề nghị áp các mức thuế quan trả đũa với Anh như là biện pháp tự sát về kinh tế và dựa trên niềm tin có phần ảo tưởng rằng sức mạnh kinh

tế Mỹ có thể sánh với Anh. Rõ ràng sự đề cập đến Anh đã xả nỗi hận thù chôn giấu ở những nếp gấp sâu sắc hơn trong con người ông, khiến cho hầu như không thể tháo gỡ vấn đề theo con đường ngoại giao.

Nguồn gốc sâu xa nhất của hận thù luôn là vấn đề quan trọng cần xem xét. Ví dụ, cũng nên nhớ lại rằng ông đã bắt đầu sự nghiệp chính trị bằng cách thảo một bản cáo trạng chống lại George III và sau đó là lên án việc bán buôn của người Anh; những văn bản này động chạm đến quá nhiều bên, tới mức đồng nghiệp của ông ở Quốc hội Lục địa thấy cần phải hạ giọng cho bớt gay gắt và hoàn toàn xóa bỏ sau này. (Dường như với ông, những gì mà người khác tuyên truyền luôn được coi là chính đáng, dù đó là sự thật hiển nhiên nhưng lại tầm thường). Phải chăng George III cũng đã thể hiện sự ghê tởm lẫn nhau bằng việc quay lưng lại với Jefferson và Adams trước toàn bộ triều đình Anh đó sao? Trước đó, những người lính của Cornwallis đã đốt cháy mùa màng của ông, chiếm đoạt vật nuôi của ông và cắt cổ những gia súc họ không thể mang theo. Trong những năm ở Paris, ông cũng được tiếp xúc với sự ngạo mạn thường trực của báo chí Anh, dường như không thể chấp nhận thực tế phũ phàng rằng các thuộc địa Mỹ đã thật sự giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh giành độc lập.

Nhưng các ảo tưởng của Anh cũng là triệu chứng của những gì mà Jefferson coi là mối đe dọa, cụ thể là Anh sẵn sàng sử dụng sức mạnh kinh tế và quân sự ghê gớm của mình nhằm ngăn chặn và thậm chí đảo ngược cái tiến trình chuyển động rộng lớn hơn của Cách mạng Mỹ. Việc quân đội Anh vẫn còn đóng trên biên giới phía tây của Mỹ chẳng phải là một tuyên bố rõ ràng về ý định gây hại và mong muốn thường trực của Anh là tái chiếm thuộc địa cũ vào một ngày nào đó hay sao? Chẳng phải chính sách thương mại của Anh kiên quyết chống lại những thỉnh cầu của Jefferson về thương mại tự do và vô cùng tự mãn về quyền bá chủ

của mình trên thị trường thế giới là bằng chứng cho nỗ lực trắng trợn của Anh hòng tái thiết chế độ thuộc địa của mình trên đất Mỹ hay sao? Cuối cùng, để hoàn thành và làm cho nó mang đậm tính cá nhân, có phải ông, cùng với nhiều nông dân Virginia, vẫn thấy mình đang lún sâu trong nợ nần với những chủ nợ người Anh và Scotland, họ liên tục tăng lãi suất cho các khoản nợ này đến mức khiến cho việc độc lập ngày càng khó khăn? Đó phải chăng là một suy nghĩ gây khó chịu, nhưng trên thực tế đó không phải là trường hợp mà ông, Thomas Jefferson, vốn từng làm rất nhiều việc để tổ chức và định hình Cách mạng Mỹ, tiếp tục điên dại làm lợi cho chính quyền Anh hay sao?

Mọi nỗ lực tách bạch lý do cá nhân khỏi lý do chung trong việc bài Anh, hoặc có lẽ cả việc tách bạch động cơ tâm lý khỏi động cơ tư tưởng của ông, sẽ là một nhiệm vụ khó khăn và rất cuộc vô ích. Có lẽ cách tốt nhất để giải thích chính là trong lý trí và tình cảm của ông thì việc bài Anh là một chủ đề không cần tranh luận. Ở cấp độ chính sách đối ngoại, lịch sử cuối cùng đã chứng minh rằng ông sai, vì liên minh Anh-Mỹ và sự bảo vệ của hạm đội Anh đã hỗ trợ đáng kể cho sự trưởng thành của nước Mỹ non trẻ trong suốt thế kỷ 19. Và suy đoán của ông về việc Anh đang trên đà đi xuống lịch sử đã giáng một đòn quyết định theo dự đoán chưa từng có về những giá trị Anh trong thời đại Victoria. Nhưng cảm nhận bản năng của ông cho rằng vấn đề giữa Anh và Mỹ vẫn chưa kết thúc đã được Chiến tranh năm 1812 xác nhận. Và nỗi lo ngại của ông về việc Anh vẫn toan tính tái thiết chế độ thuộc địa đã mất trên đất Mỹ, dù hơi phóng đại nhưng vẫn là một nỗi lo chính đáng, nó có vẻ không đáng tin với chúng ta hiện giờ chỉ vì chúng ta có lợi thế là biết rõ điều đó đã không xảy ra.

Hàng loạt lý do công và tư lẫn lộn đã định hình tình cảm của ông dành cho Pháp, ông thường xuyên đưa ra định nghĩa về sự trung lập của

Mỹ theo một giọng Pháp đặc trưng. Điều Jefferson gọi là “trung lập công bằng” có nghĩa rằng chính sách đối ngoại của Mỹ thừa nhận Pháp đóng vai trò quan trọng với tư cách đồng minh châu Âu của Mỹ trong Cách mạng Mỹ và tuân thủ những nghĩa vụ vĩnh viễn trong Hiệp ước Pháp-Mỹ năm 1778. Ông đã thành công trong việc thuyết phục Washington rằng nghĩa vụ của Mỹ trong hiệp ước là đối với Pháp, chứ không phải với bất kỳ chính phủ hay cá nhân cụ thể nào, nên việc hành quyết vua Louis XVI vào năm 1793 và sau đó là những cuộc diễu hành đẫm máu giữa các phe phái chính trị thay nhau nắm quyền ở nước Pháp cách mạng, không được coi là một cái cớ để từ bỏ liên minh. Dù gây tranh cãi vào thời điểm đó, bị Hamilton và những thành viên cực đoan phe Liên bang chống đối kịch liệt, nhưng khi nhìn lại, ý kiến của Jefferson dường như lại có cơ sở. Nhưng thái độ của ông trước Công sứ Pháp, Edmond Genêt, là hình ảnh đối lập với thái độ của ông trước George Hammond của Anh, gần như kiên nhẫn đến vô tận và bao dung vô cùng, sẵn sàng chịu đựng sự can thiệp trắng trợn của Genêt vào nội bộ chính trị Mỹ và hoàn toàn ảo tưởng rằng ông thật sự được trao quyền phủ quyết Tổng thống Mỹ. Kể cả khi Jefferson cuối cùng cũng quyết định chấm dứt quan hệ với Genêt vào tháng 8 năm 1793, thì động cơ của ông rõ ràng mang tính chính trị và nội bộ. “Tôi thấy cần từ bỏ một đồng đồ nát”, ông thông báo với Madison, “nó có thể không chìm, nhưng sẽ nhấn chìm tất cả những ai cố bám vào nó”.

Ngay cả hành vi kiêu ngạo vô vọng của Genêt cũng không thể phá hoại nỗi sự đồng cảm sâu sắc của Jefferson với Gallic, nó có nền tảng vững chắc hơn cả mối quan tâm nổi tiếng của ông đối với ẩm thực Pháp và kiến trúc Paris. Sự đồng cảm này thể hiện rõ nét nhất trong việc ủng hộ ngẫu hứng của ông đối với sự quá độ khủng khiếp mà sau đó đã cuốn Cách mạng Pháp vào sự chi phối của phái Jacobin và Thời kỳ Kinh hoàng. “Giọng điệu trong những lá thư của ông đôi lúc đã mang tới cho tôi niềm

đau”, ông nói với William Short, người đã viết thư từ Paris kể về hành vi giết người của những đám đông hỗn tạp và sự sụp đổ hoàn toàn của trật tự xã hội. Rồi Jefferson đưa ra một bài thuyết trình về chi phí con người mà đôi khi phải trả khi lịch sử đang tiếp diễn: “Tự do của toàn cầu tùy thuộc vào vấn đề đấu tranh, và là một giải thưởng có thể giành được với rất ít máu đổ? Những tình cảm của tôi bị tổn thương sâu sắc vì một số người đã hy sinh do nguyên nhân này, nhưng nếu nó thất bại, tôi lại thấy một nửa Trái đất bị bỏ hoang. Giả như chỉ còn một Adam và một Eva ở mỗi quốc gia và để cho họ được tự do, thì sẽ tốt hơn hiện giờ”. Phiên bản cực đoan của những gì có thể gọi là chủ nghĩa hiện thực cách mạng, gọi lên sự so sánh với tư tưởng cấp tiến của Lenin hay Mao Trạch Đông ở thế kỷ 20, bộc lộ một khía cạnh ớn lạnh của con người Jefferson, có vẻ khá mâu thuẫn với tính khí và ý thức hệ kiên định của ông. Nhưng trên thực tế, phản ứng tự nhiên của ông trước sự tàn bạo của Cách mạng Pháp là một phần không thể thiếu của một cảm nhận tinh vi nhưng sâu sắc về cái đích lịch sử hướng tới.

Những nét chính của bức tranh trong tâm trí ông ngưng đọng lại kể từ những năm ông ở Paris. Nó hình dung ra Cách mạng Mỹ chỉ đơn thuần là cảnh mở màn trong một cuộc chiến toàn cầu mà cuối cùng đã đến lúc lan rộng khắp thế giới. Ông thông báo với một phóng viên theo cách thức thông thường: “Quả cầu tự do, mà tôi tin là ngoan đạo nhất, hiện đang chuyển động tốt đến mức nó sẽ lăn đi khắp địa cầu”. Sự độc lập của Mỹ khỏi Anh chỉ là biểu hiện chính trị ban đầu của quá trình giải phóng rộng lớn và triệt để hơn nhiều, tuân theo tự nhiên, dù rõ ràng là không phải không có sự phản đối bằng bạo lực, vì những tàn dư cuối cùng của chế độ phong kiến và quân chủ đã bị phá hủy và hốt vào thùng rác của lịch sử. Cuốn sách tốt nhất nắm bắt được bản chất của tầm nhìn Jefferson là *Quyền Con người* (The Rights of Man) (1791) của Tom Paine,

phiên bản Mỹ của cuốn sách này được Jefferson nhiệt tình ủng hộ và đã tạo nên sự xúc động trước ngôn từ tinh tế khi mô tả về “tinh thần năm ‘76” và “tinh thần năm ‘89” như những sự thể hiện giống nhau của sự thôi thúc tự do tương tự nhau. Do đó, theo quan điểm của Jefferson, sự khác biệt khá rõ rệt giữa cách mạng Mỹ và Pháp đều là những sự tình cờ vô nghĩa - về điểm này, Adams nghĩ rằng mình thật may mắn không biết hoặc mất trí tạm thời - khi so sánh với mục tiêu chung của chúng. Tương tự, Jefferson tin rằng bạo lực ngẫu nhiên và tiến trình tất nhiên của Cách mạng Pháp là một phần của một chương đã qua nhưng đáng tiếc trong một câu chuyện lớn hơn về cuộc cách mạng toàn cầu đầy hân hoan. Mọi quyết định cụ thể về chính sách đối ngoại của Mỹ cần phải được thông báo theo hình mẫu bao quát, gần như hài hòa này. Trên thực tế, nó có nghĩa là khớp nối sự phức tạp rắc rối của chính sách đối ngoại thành một sự lưỡng phân về đạo đức đơn thuần, như thường xảy đến với Jefferson. Điều này khiến Anh đóng vai phản diện và Pháp là anh hùng cách mạng.

Trong khi đó, tầm nhìn quốc tế của ông đã có sự đồng điệu rõ rệt với trong nước. Sau khoảng một năm họp tác chính trị tương đối ăn ý trong nội các của Washington, Jefferson bắt đầu trình bày rõ quan điểm chính trị của Mỹ cũng với giọng đạo đức và đầy những nhân vật phản diện và anh hùng được phác họa rõ nét. Nguyên nhân trực tiếp của sự thay đổi này là Alexander Hamilton, hay đúng hơn là hàng loạt chính sách chướng tai gai mắt trong vai trò Bộ trưởng Tài chính và tính khí quan cách khó chịu của ông ta. Jefferson và Hamilton đã nhanh chóng trở thành những nhân vật chiếm ưu thế trong nội các của Washington. (John Adams, đáng lẽ là một đối trọng tương đương, đã bị gạt sang một bên vì cương vị Phó Tổng thống tại Thượng viện khiến ông nhận thấy rằng mình giữ “vị trí vô nghĩa nhất mà con người từng phát minh hay có

thể hình dung ra”, đây là lời phàn nàn đầu tiên trong số hàng loạt những lời phàn nàn đủ loại của những người kế nhiệm vị trí này). Trong “thương vụ bàn ăn” nổi tiếng mà Jefferson và Hamilton cùng tham dự vào tháng 6 năm 1790 - Madison cũng có mặt và thực tế là đóng vai trò trưởng đoàn đàm phán - nhằm đi tới một thỏa hiệp giúp Hamilton có đủ phiếu ủng hộ tại Quốc hội để thông qua đề xuất của ông về việc chính phủ liên bang sẽ gánh tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của các bang. Chính sách này chống lại lợi ích của bang Virginia, vốn đã giãn phần lớn các khoản nợ của mình, cho nên Hamilton đã ủng hộ cam kết đặt thủ đô quốc gia bên sông Potomac trong chục năm nữa. Nhưng thương vụ bàn ăn chính là thỏa thuận lưỡng đàng cuối cùng giữa hai nhà lãnh đạo nội các. Jefferson nhanh chóng thú nhận rằng ông đã bị Hamilton “lừa” và “biến thành một công cụ để xúc tiến những kế hoạch của ông ta mà tôi đã không hiểu cặn kẽ; và giữa tất cả những sai lầm trong cuộc đời chính trị của tôi, đây là điều tôi hối tiếc nhất”. Trong suốt thời gian còn lại cùng làm trong chính phủ, Jefferson và Hamilton đã tranh đấu dữ dội để được Washington lắng nghe và chú ý, cũng như đấu tranh cho những gì mà mỗi người coi là linh hồn của nền Cộng hòa Mỹ.

Dù nguồn cơn sâu xa hơn của mối bất hòa này bắt nguồn từ tư tưởng, nhưng rõ ràng, khía cạnh cá nhân cũng góp phần không nhỏ. Hamilton là người mà Chúa mang tới Trái đất để bác bỏ mọi giá trị của Jefferson. Với thái độ táo bạo và thẳng thắn, Hamilton sở hữu tất cả sự tự tin của một nhà lãnh đạo quân sự quen với việc chỉ huy, là kiểu người thể hiện quyền lực mà Jefferson cảm thấy rất khó chịu. Dù có lẽ bắt nguồn từ những chiến công quân sự của Hamilton trong vai trò một sĩ quan thuộc đội của Washington trong Chiến tranh Cách mạng (một trải nghiệm anh hùng khác mà Jefferson không thể có), dự đoán chắc chắn này của chính quyền kêu gọi chú ý vào sự huy hoàng riêng của nó theo phong cách gọi

nhớ đến tài hùng biện của Patrick Henry, thứ mà Jefferson cũng không tin tưởng vì nó phô trương. Giống như Henry, Hamilton là một thần đồng trẻ tuổi có nguồn gốc thấp kém - John Adams sau này gọi ông ta là “đứa con hoang của kẻ bán dạo rượu Scotland” - khao khát trở nên vĩ đại có thể thấy khá rõ ở ông ta đã vi phạm những quy tắc bất thành văn của giới quý tộc Virginia chân chính. Vấn đề trở nên tệ hơn khi Hamilton còn là một đối thủ có lập trường và dấu ấn mạnh mẽ không kém. Jefferson kể lại vụ đụng độ với Hamilton trong cuộc họp nội các như một dạng tử vì đạo và báo cho Madison biết để soạn thảo tất cả bài báo công kích cá nhân Hamilton, chỉ rõ riêng Hamilton đã là “một đạo quân”... Có khả năng xoay sở với nhiều chi tiết và tung ra các bài luận chính trị phức tạp trong một thời hạn rất ngắn, trí óc của Hamilton phát ra năng lượng không ngừng thay vì sự trầm lặng ở Jefferson. Nó cũng có xu hướng bắt đầu với một vấn đề rõ ràng và thực tiễn - làm thế nào để tấn công một vị trí của Anh, phê chuẩn hiến pháp hoặc phát triển kinh tế quốc gia - rồi lý trí hướng đến các nguyên tắc bao quát để đưa ra giải pháp. Trí óc của Jefferson cũng hoạt động theo quỹ đạo tương tự nhưng theo chiều ngược lại, từ những lý tưởng có nguyên tắc tới những bối cảnh hoặc vấn đề cụ thể. Điều này nghĩa là Jefferson sẽ thất vọng khi thực tế không đáp ứng những kỳ vọng của ông; Hamilton thất vọng khi những đề xuất thực tế của ông ta va chạm với những đề xuất hoàn toàn vô nguyên tắc khác. Jefferson xuất hiện trước các kẻ thù của mình như một Candide phiên bản Mỹ; Hamilton như một Machiavelli của Mỹ.

Những thù oán lẫn nhau đầy tính cá nhân đã trở thành đề tài của công chúng bắt đầu từ năm 1792, khi Hamilton và những người thuộc phe ông ta, viết dưới nhiều bút danh (ví dụ, Catullus và Scourge), công kích Jefferson trên báo chí vì sự đồng cảm thân Pháp, việc thay đổi quan điểm về Hiến pháp và cốt lõi tính cách khó nắm bắt của ông. Hamilton

viết: “Thận trọng và nhút nhát, được bao bọc trong sự im lặng và bí ẩn bất khả xâm phạm, ông ta [Jefferson] bí mật lưu giữ *sự ghê tởm* của mình tại một nơi trốn tránh kín đáo nhất định, ở đó ông ta ngồi trên chiếc ghế xoay, dính líu vào mọi mưu đồ chính trị tối tăm và dối trá... ông ta phát tán chất độc của mình qua tờ *National Gazette*”. Cuối cùng phải nói đến tờ báo chống Hamilton do Philip Freneau làm chủ bút, người được Jefferson thuê làm biên dịch tại Bộ Ngoại giao để hỗ trợ công việc biên tập chống lại chính phủ của ông, dù mọi tuyên bố đều cho rằng sự sắp xếp này không vi phạm nguyên tắc xung đột lợi ích nào mà ông biết. Trong khi đó, Hamilton liên tục đưa ra những công kích gay gắt chưa từng có trước công chúng đối với người được gọi là Tổng tư lệnh của đảng đối lập, cụ thể là về sự nghiệp và tính cách của Jefferson: “Nếu như tò mò tìm kiếm bằng chứng về Khả năng của ông ta với tư cách một Chính khách trong những ngày đó, ông ta sẽ liên quan đến những lộn xộn ở Pháp, con đẻ của những giáo điều chính trị nhất định được Công sứ Mỹ nuôi dưỡng, và của những nguyên tắc mang tính lý thuyết nhất định chỉ phù hợp với Xã hội không tưởng. Là một Chiến binh, Thành tích chói lọi của ông ta là ở *Monticelli*; là một Triết gia, ông ta đã phát hiện ra sự yếu thế của Người da đen so với Người da trắng, vì họ có mùi cơ thể khó chịu hơn và thận tiết ra nhiều nước tiểu hơn; là một Nhà toán học, ông ta phát minh Ghế xoay”.

Ngoài Freneau, hậu phương chính của Jefferson đều là người Virginia: Madison và Monroe luôn trung thành, cộng với Nghị sĩ trẻ tuổi William Branch Giles, người mà Jefferson khuyến khích mở một cuộc điều tra chính thức, dù ngụ ý, về việc sử dụng tài chính bất hợp lý của Hamilton trong vai trò Bộ trưởng Tài chính. Jefferson chưa bao giờ đích thân tham gia tranh luận công khai, luôn thích làm việc thông qua người đại diện, và đã khéo léo che đậy dấu vết của mình đến mức suốt

gần 200 năm, việc ông tham gia vào cuộc điều tra của Giles không hề bị phát hiện.

Đằng sau động cơ cá nhân đơn thuần giữa hai thành viên nội các có suy nghĩ khác nhau và tính khí xung khắc, Jefferson và Hamilton đã trở thành những biểu tượng tiêu biểu cho một sự bất hòa về tư tưởng căn bản hơn. Vào năm 1792, Jefferson đã quy kết giới lãnh đạo phe Liên bang là những kẻ “theo chủ nghĩa quân chủ”, “thành viên đảng bảo thủ”, “chống cộng hòa” và những người ủng hộ chính sách tài chính của Hamilton là những tên “độc tài”, “đầu cơ chứng khoán” và “hình nộm”. Định hình trong tâm trí của Jefferson là câu chuyện phỏng đoán về những diễn biến của âm mưu đảo ngược tiến trình Cách mạng Mỹ, với các nhân vật chính ở phe bên kia thủ vai phản diện ngầm và tàn bạo do Bộ trưởng Tài chính ranh ma chỉ huy, người mà ông miêu tả với Washington là “một kẻ với lai lịch, từ khi được lịch sử biết đến, là một chuỗi những âm mưu chống lại nền tự do của đất nước mà đã... giao danh dự của mình cho ông ta”. Sự căm hận rất rõ ràng.

Các sử gia đã nghiên cứu thời điểm bất định này trong sự nghiệp của Jefferson và trong lịch sử chính trị của nước cộng hòa non trẻ, tìm cách trả lời khéo léo trước những gì có vẻ ám ảnh và gần như hoang tưởng với dư luận hiện đại, mô tả nó như một sự áp dụng mới của hệ tư tưởng Whig mà ông đã tung ra rất thành công khi chống lại Công sứ Anh trong các thập niên 1760 và 1770. Có nhiều điều để nói về cách giải thích này, trong đó có thói quen đã kết nối sự ám ảnh trước đó của ông về tham nhũng chính trị của Anh với sự hận thù ám ảnh của ông trước chương trình tài chính và tầm nhìn của Hamilton về một chính phủ quốc gia chủ động, được Jefferson cho là sự hiện hình hôm nay của một con rồng chính trị mà ông nghĩ đã giết chết hồi năm 1776. Theo cách hiểu này, tài hùng biện theo quỹ đạo hyperbol của Jefferson trong những năm 1790 -

như tái diễn những nỗi sợ hãi của Đảng Quốc gia về Cách mạng Mỹ - cũng có thói quen là bỏ đi những lời chỉ trích theo chủ nghĩa cực đoan hiển nhiên của ông trong cuộc thập tự chinh chính trị chống lại Hamilton. Nếu ai đó thắc mắc về sự sáng suốt của Jefferson vào những năm 1790, thì liệu có bịa ra cuộc bút chiến công kích George III trong thời điểm rực rỡ nhất của lịch sử Mỹ hay không?

Đối với nội dung này, chúng tôi xin được nói rõ và nhấn mạnh rằng Jefferson không phải là một người tâm thần không ổn định hoặc một người có khuynh hướng hoang tưởng tiềm ẩn. Tất cả các học giả của ý thức hệ Whig đã nhắc nhở chúng ta rằng tính chất bí ẩn trong tư duy chính trị của ông hồi những năm 1790 là một đặc điểm phổ biến của văn học chính trị bấy giờ, và có thể tìm thấy dấu vết đáng kể của tâm trí phát sốt như thế trong thư từ riêng của toàn bộ giới lãnh đạo chính trị, bao gồm cả Adams, Madison và Hamilton. (Có vẻ chỉ mỗi Washington còn miễn dịch, rồi sau đó ông đã miễn dịch với mọi thứ). Trừ khi người ta sẵn sàng gạt bỏ những gánh nặng tâm lý chống lại các thành viên tiên phong của toàn bộ thể hệ cách mạng và thường được công nhận là nhóm trí thức tài năng nhất của giới lãnh đạo chính trị trong lịch sử Mỹ, thì sau này cần thừa nhận rằng sự tự đánh giá về tâm lý của Jefferson là sai lầm và không công bằng. Học giả hàng đầu của thời đại cách mạng cũng đã nhắc nhở chúng ta rằng những thuyết âm mưu không chỉ là cách suy nghĩ và tranh luận phổ biến về các sự kiện chính trị theo những số liệu chính thống cũng như bên lề, mà còn cung cấp một cách giải thích thể tục về những thay đổi xã hội gây trở ngại trên phương diện cải tiến theo phương sách trước đó cho tới số phận, thiên mệnh hoặc ý Chúa.

Điều đó nói lên rằng, màn trình diễn giản dị thái quá và đầy đạo đức của Jefferson về những gì mà phe Liên bang và đặc biệt là phe Hamilton đang làm đúng là một khoảnh khắc trầm tư, nếu không vì lí do này thì

cách giải thích theo kiểu Jefferson rằng Đảng Quốc gia không thực thi đầy đủ công lý sẽ thật sự có tác dụng. Có lẽ cách tốt nhất để diễn tả điều này là do ông bắt đầu với một quan niệm tinh khiết và đậm nét duy tâm hơn về các cấp độ tự do cá nhân có thể có trong thế giới này, đặc biệt là sau khi những tàn tích cuối cùng của vương quyền và thẩm quyền bị thổi bay, Jefferson đã che giấu sự nhạy bén trước việc thực thi rõ ràng quyền lực chính phủ hơn bất kỳ thành viên nào của thế hệ cách mạng. Bởi đen và trắng là những màu căn bản trong hình dung chính trị của ông, không có màu bóng mờ, không có khoảng nghỉ giữa các màu để ông hiểu rằng những tác động áp bức của quyền lực chính trị có thể được nghỉ ngơi nhiều hơn, ngay khi mối đe dọa với các mục tiêu không tưởng của ông trở thành hiện thực. Kế hoạch của Hamilton về một chính phủ liên bang chủ động được trao quyền để định hình thị trường và sắp đặt cả chương trình nghị sự tài chính lẫn chính trị chắc chắn không có đặc điểm quân chủ - nếu có thì cũng giống với những giá trị tiền thân trong Chính sách Kinh tế mới thế kỷ 20 hơn là một nỗ lực xưa cũ nhằm khôi phục quyền hành độc đoán của các vị vua và triều đình Trung cổ - nhưng trong tâm trí Jefferson, những khác biệt này là không đáng kể. Quyền hành của chính phủ thuộc bất kỳ loại nào đều là không thể chấp nhận vì nó có nguồn gốc bên ngoài cá nhân; do đó nó vi phạm lý tưởng lãng mạn của ông về tự trị cá nhân. Sắc lệnh của George III và các chính sách thuế của Nghị viện Anh đúng là đã gợi ra những nỗi sợ hãi giống như hồi thập niên 1760 và 1770. Nhưng Hamilton không chỉ gợi nên những ký ức xấu xa về sự đàn áp từ Anh, mà ông ta còn trực tiếp đe dọa cái cốt lõi của một thế giới đầy tiếc nuối ở Jefferson.

Ngoài ra, Ở Jefferson với tư cách là nhà lãnh đạo Đảng Quốc gia đang xuất hiện một ý thức mang nét rất đặc trưng Jefferson, khác hẳn với ý nghĩa gốc tiếng Anh của thuật ngữ này, vì lý do khá rõ ràng là “Quốc gia”

có nghĩa khác hẳn đối với ông so với một người dân Walpole của Anh. Khi ông được yêu cầu mô tả các thành phần xã hội của hai bên, ví dụ, danh sách những người “chống cộng hòa” của ông bao gồm những người trung thành và bảo thủ trước đây, thương nhân Mỹ làm ăn với Anh, các nhà đầu cơ chứng khoán và quan chức ngân hàng, công chức liên bang và những người chạy chức chạy quyền khác, và - một phạm trù tâm lý đa năng - “người bồn chồn, với những dây thần kinh uể oải mang trạng thái thụ động nhiều hơn là chủ động”. Mặt khác, danh sách những người “cộng hòa” ngắn hơn nhiều nhưng bao gồm đa số cử tri Mỹ. Nó bao gồm “toàn bộ chủ đất trên khắp nước Mỹ” cũng như “tập thể người lao động không phải là chủ đất, dù làm nghề nông hay nghề thủ công”. Jefferson ước tính “tỷ lệ của phe cộng hòa và chống cộng hòa có thể là 500/1”.

Ở đây, người ta nhận được một luồng sinh khí mới mang đặc trưng dân chủ gắn liền với tên tuổi Jefferson sau này. Trong việc xây dựng Đảng Whig truyền thống, Đảng Quốc gia gồm một nhóm các chủ đất ưu tú, vốn phản đối các chính sách của Đảng Cộng hòa, và hai tầng lớp ưu tú cạnh tranh đưa ra những quy định khác nhau mang lại lợi ích tốt nhất cho nhân dân. Nhưng Jefferson đã xem mình là người lãnh đạo của phe đa số phổ thông, đấu tranh chính trị chống lại phe *thiểu số* ưu tú. Đây là một cách suy nghĩ mới về chính trị vào cuối thế kỷ 18. Đúng, nó đã dựa trên quan điểm truyền thống về âm mưu liên quan lâu dài đến ý thức hệ Whig. Ví dụ, những người “chống cộng hòa” ủng hộ các chính sách của Hamilton, dù chỉ là một nhóm thiểu số, nhưng được hưởng “những điều kiện giúp họ vừa mạnh vừa đông”. Lợi thế chính của họ, theo Jefferson, là “tất cả họ đều sống ở các thành phố, cùng nhau, và có thể sẵn sàng hoạt động trong một nhóm bất kỳ lúc nào”, trong khi các cử tri của ông “rải rác khắp cả nước, [và] có ít phương tiện để liên lạc với nhau”. (Nói cách khác, bất lợi chính mà Đảng Quốc gia phải đối mặt chính là Đảng này hoạt

động ở vùng nông thôn). Nhưng đặc trưng khác thường trong việc xây dựng đời sống chính trị Mỹ của Jefferson chủ yếu là vấn đề về các con số. Ông coi mình là người phát ngôn cho đa số người Mỹ ngấm ẩn mà nếu có thể huy động thì họ sẽ đảm nhận vị trí xứng đáng như những người thừa kế đúng với “tinh thần năm ‘76”. Và thay vì coi họ là “công chúng”, vào những năm 1790 ông đã bắt đầu sử dụng cách nói dân chủ hơn: “người dân”. Đây là những xu hướng tiên tri.

ƯỚC MƠ VÀ NỢ NẦN

Trong năm đầu tiên Jefferson nghỉ hưu, rất ít thư được gửi đi từ Monticello, và những thư này đã chuyển tải được ấn tượng về việc cựu Ngoại trưởng Mỹ đã hoàn thành tốt cuộc phiêu lưu được chờ đợi đã lâu từ ngục tối chính trị tới thiên đường đồng quê của riêng mình. Ông viết thư cho Washington không phải với tư cách chủ trì mà như người bạn nông dân, gợi nhớ lại rằng cả hai người đã từng quen thuộc với kế hoạch sản xuất “một loại phân bón tinh chất, một pint⁽¹⁵⁾ có thể bón cho một mẫu Anh”, và nếu bất kỳ nhà phát minh tài giỏi nào có thể làm ra phân bón đóng gói thì Jefferson giờ đây sẽ sẵn sàng mua với số lượng lớn. Trong thư gửi cho James Monroe, người đang là Công sứ Mỹ ở Paris, ông xin lỗi vì không thường xuyên viết thư, đổ lỗi cho sự im lặng lâu là “một dạng trì hoãn rất thường xảy ra khi không có điều kiện ấn định công việc trong một thời gian cụ thể”. Khi ông hay biết rằng người tình Paris cũ của ông, Maria Cosway, đã bỏ chồng, bỏ rơi đứa con nhỏ của bà và ở ẩn trong một tu viện Y, ông viết thư cho bà theo phong cách tình cảm thời quá khứ: “Tôi lấy làm tiếc vì khoảng cách đã làm chúng ta cách biệt, và sẽ không cho phép mình tin rằng chúng ta không có cơ hội gặp lại nhau nữa cho tới khi bà gặp lại tôi ở nơi thời gian và khoảng cách không có nghĩa lý gì nữa”. Nhưng bà đã sai khi chôn mình trong một phòng giam nơi “chưa từng [có] Mặt trời, những làn gió dịu mát chẳng bao giờ thổi

tới...” Ông đã chọn hướng ngược lại cho mình, dành cả ngày hoạt động ngoài trời như “một nông dân thực thụ, đo đất, cày ruộng, giúp phơi cỏ khô, và chưa từng biết đến một ngày không làm được điều gì đó cho tương lai”. Ông quả quyết với bạn bè rằng sự thanh thản của mình, như một cánh đồng hoa được trồng, giờ đây đã nảy mầm và nở rộ bên trong tâm hồn. Đó là lý tưởng cả đời trong lòng Jefferson, hiện ở tuổi trung niên và trong khung cảnh nông thôn thích hợp: được “sống như một tộc trưởng Antedeluvia xung quanh con cháu, và cày xới đất của mình”.

⁽¹⁵⁾ Đơn vị đo lường ở Mỹ, 1 pint = 0,473 lít.

Những đặc điểm nhất định giữa khung cảnh bình dị này, đặc biệt là ở khía cạnh gia đình, dường như đã cùng đến một lúc với Jefferson, ít nhất là trong giây lát vào giữa những năm 1790. Patsy giờ đây đã là một phụ nữ hoàn toàn trưởng thành, được Jefferson gọi là Martha, kết hôn với Thomas Mann Randolph, Jr. vào năm 1790, ngay sau khi cô từ Pháp về. Khi cô còn là một cô gái trẻ học tập tại Paris, Jefferson đã lo lắng ra mặt về khả năng “nó chỉ cưới được một kẻ ngu dốt”, nhưng Randolph đã xóa tan những lo lắng này. Là một quý ông Virginia của dòng họ thượng lưu, anh từng theo học tại Edinburgh, và thực tế đã bắt chước theo hình mẫu của cha vợ. Cao ráo, gân guốc, giống như Jefferson, nhưng có mái tóc màu đen và một làn da sẫm màu, Randolph là một kỹ sư huy hoàng, một trong số ít người Virginia có thể cưỡi ngựa nhanh hơn Jefferson, một người trẻ sở hữu sự quyến rũ rạng ngời và sự lập dị hấp dẫn giống như những người đàn ông khác trong gia tộc Randolph, chẳng hạn như vẫy chào lạnh lùng khi cưỡi ngựa phi qua một hàng rào cao khủng khiếp. Tới năm 1795, anh và Martha đã sinh được hai đứa cháu cho Jefferson. Sau này còn có thêm chín đứa nữa. Ngoài việc nắm giữ số bất động sản đáng kể ở Varina bên sông James phía dưới Richmond, vào năm 1792 Randolph còn mua Edgehill, một bất động sản 1.500 mẫu Anh cách Monticello chỉ hai dặm, vì vậy anh và Martha có thể hiện diện thường xuyên trong gia đình của Jefferson và là thành viên chính thức của Monticello suốt mùa hè.

Tháng 6 năm 1796, nhà quý tộc Pháp là Công tước de La Rochefoucauld-Liancourt, một trong những quý tộc tị nạn do cuộc chiến đẫm máu thời bấy giờ tại Pháp, đã ghé thăm và mô tả cảnh Jefferson giám sát thu hoạch lúa mì trên những cánh đồng với Randolph bên cạnh, nhận xét rằng “qua tình cảm mà ông ấy [Jefferson] dành cho anh ta”, Randolph “cứ như là con trai chứ không phải là con rể của ông ấy”. La

Rochefoucauld-Liancourt sau đó đã tiếp tục mô tả các thành viên khác của gia đình Jefferson tại Monticello: Polly trước đây, giờ đã đủ trưởng thành để biến tất cả những cử nhân hội đủ điều kiện tại hạt Albemarle thành các vệ tinh. Cô đã được gọi bằng tên riêng của mình: “Cô Maria luôn sống với cha mình; nhưng khi cô 17 tuổi và khá xinh đẹp, thì chẳng nghi ngờ gì, cô sẽ sớm nhận ra rằng có những nhiệm vụ còn ngọt ngào hơn là làm một cô con gái”. Một năm sau, Maria hoàn thành lời tiên đoán ấy qua việc đính hôn với John Wayles Eppes, người mà Jefferson chỉ mô tả là chàng trai trẻ mà ông sẽ chọn cho cô con gái xinh đẹp tuyệt vời của mình “kể cả khi tôi có cả Trái đất này để chọn bạn đời cho con bé”. Jefferson sau này giải thích cho Martha là cuộc hôn nhân sắp tới của Maria đã đem đến hợp phần cuối cùng cho kế hoạch lâu dài của ông về sự hài hòa gia đình như thế nào: “Bây giờ cha thấy cuộc sống gia đình chúng ta đã tạo thành một nhóm, không một thành viên nào có thể gây to tiếng hay ganh tị lẫn nhau. Không có những cảm xúc bất thường, không thiên vị nguy hiểm, là những thứ có thể gây ra rắc rối cho vận mệnh và hạnh phúc tương lai của con cháu chúng ta. Chúng ta đang cố gắng duy trì tình trạng này ít nhất một thế hệ nữa”.

Giống như những mong muốn ảo tưởng và chân thành nhất của Jefferson, điều này quá tốt để có thể trở thành sự thật. Bất chấp món quà cưới của cha cô là 800 mẫu đất trong vùng Monticello để có thể giữ cô ở gần bên, Maria thích sống trên vùng đất của gia đình chồng ở Eppington. Và cũng giống như mẹ mình, cô đã sớm qua đời trong khi sinh con vào năm 1804. Cùng thời điểm đó, Thomas Mann Randolph bị ảnh hưởng bởi chứng rối loạn thần kinh khó hiểu ngay sau khi chuyển về sống với Jefferson như cha con ruột thịt. Cả chuyến du lịch đến vùng New England mát mẻ lần nhiều lần đến các suối nước nóng của Virginia cũng chẳng chữa trị được căn bệnh như mong muốn, khiến Jefferson tự hỏi

nhiều lần điều gì làm con rể yêu quý của ông phiền não đến vậy. Chứng nghiện rượu trở thành vấn đề trong những năm tiếp theo, và bắt đầu lan truyền tin đồn rằng chàng trai Randolph thừa hưởng tính lập dị trong hành vi - những kẻ ác ý gọi đó là tình trạng điên dại hoàn toàn - nó bám lấy dòng họ Randolph. Vào năm 1802, Randolph thú nhận mình cảm thấy không phù hợp trong tư cách một thành viên của gia đình Jefferson, “giống như một cái gì đó không liên quan, rơi vào một cách tình cờ và phá hủy tính đồng nhất”, tuyên bố mình là “con chim ngớ ngẩn” không bao giờ có thể cảm thấy thoải mái giữa bầy thiên nga.

Thật sự thì phần tử trung kiên duy nhất trong giấc mơ gia đình của Jefferson chính là Martha, người đã quên mình vì cha và các con của mình trong hình tượng vị tha mà cô đã được nuôi dưỡng, cô không bao giờ nói về những vấn đề tình cảm ngày càng trầm trọng của chồng mình, thực tế thì vào năm 1798 cô thừa nhận rằng tình yêu của mình dành cho chồng không bao giờ thật sự thay thế được “thứ đầu tiên và tốt nhất có tính tự nhiên”, tức tình cảm cô dành cho cha. Không rõ liệu biểu hiện có phần cực đoan trong tình cảm con gái dành cho cha có góp phần khiến Thomas Mann Randolph rơi vào thất vọng và sau cùng là cơ cực hay không. Điều rõ ràng là dù chắc chắn Jefferson đã có những khoảnh khắc bình dị ngay sau khi nghỉ hưu, nhưng những kỳ vọng về một mô hình hạnh phúc gia đình vĩnh cửu trên đỉnh núi của ông buộc phải tự điều chỉnh trước những mối quan hệ tình cảm cạnh tranh lẫn nhau đã xâm nhập vào gia đình ông.

Thái độ của Jefferson trước bất cứ một xung đột tâm lý nào có thể dần xói mòn những ước mơ ấy luôn là sự im lặng đầy e ngại. Có lần Maria nhắc đến tình trạng khó xử do chứng nghiện rượu dai dẳng của một người họ hàng xa, Jefferson khuyên cô nên tránh thảo luận đề tài này. “Mục đích chính chính anh ta là gì, nếu điều đó không quan trọng”, ông

hỏi một cách hoa mỹ, “và nếu quan trọng, hãy để cho nó qua đi trong hiện tại... Thật kỳ lạ khi bao nhiêu người trở nên không hạnh phúc chỉ vì chưa chú ý đến những quy tắc nhỏ này về tính thận trọng”. Những hành động bỏ qua kiểu thận trọng như vậy cũng đem lại lợi thế cho việc duy trì lý tưởng ảo vọng. Theo nguyên tắc gia đình Jefferson, mọi người không chỉ giữ bí mật với bên ngoài, mà còn giữ bí mật với trong nhà.

Giống như lý tưởng về gia đình, lý tưởng nông nghiệp của Jefferson hoàn toàn chân thành, thể hiện trung thực cách thức ông mong muốn chứng tỏ bản thân, nhưng lại cách quá xa thực tế lộn xộn và nhàm chán của đời sống nông trang ở Virginia sau cách mạng tới mức không thể tránh xảy ra xung đột giữa các sở thích bên trong và những giới hạn bên ngoài, rồi kết thúc trong bi kịch. Một trong những câu nói nổi tiếng nhất của ông, chỉ sau tuyên bố kinh điển về nhân quyền trong Tuyên ngôn Độc lập, như một đóng góp hùng hồn cho lịch sử diễn thuyết Mỹ, chính là đoạn văn sau đây trong *Những ghi chép*: “Những người lao động trên Trái đất chính là những người được Chúa chọn, nếu người chọn ai, thì trong trái tim người đó đã có sẵn một phẩm chất đích thực. Đó là trọng tâm trong đó người sống mãi với ngọn lửa thiêng ấy, nếu không nó có thể thoát ra khỏi mặt đất”. Một học giả kiêm nông dân hiện đại đã nhận định, ngành nông nghiệp Mỹ chẳng bao giờ phục hồi hoàn toàn sau lời khen lừng lẫy này. Thật vậy, toàn bộ lịch sử nông nghiệp Mỹ trong thế kỷ 19 và 20 có thể được viết như là một cuộc đụng độ giữa trạng thái thần thoại của người nông dân phong cách Jefferson với những thực tế khắc nghiệt của thời tiết thất thường và thị trường cũng thất thường không kém. Câu chuyện dài và thường mang tính nghịch lý đó, hóa ra lại thật sự bắt nguồn từ kinh nghiệm của chính Jefferson.

Thực tế dội vào Jefferson những đợt sóng dồn dập, nhưng vấn đề căn bản nhất ở chỗ ông không phải là một nông dân tiểu chủ độc lập mà là

một chủ đồn điền Virginia mắc nợ. Khi nghỉ hưu với tư cách Ngoại trưởng Mỹ, ông còn nợ các chủ nợ người Anh ở Bristol khoảng 4.500 bảng và một công ty ở Glasgow 2.000 bảng. Phần lớn số nợ này phát sinh trong thập niên 1770, khi ông thừa kế gánh nặng bất động sản của cha vợ là John Wayles. Nhưng những gì ông gọi là “nô lệ của nợ nần” còn trở nên phức tạp thêm do lạm phát thời chiến đã xóa tan mọi nỗ lực trả nợ của ông, bởi năng suất trên đất đai bị giảm khi ông vắng mặt ở Monticello khá lâu trong thời gian từ năm 1784 tới năm 1794, và cũng bởi ông dường như bẩm sinh không có khả năng sống với một ngân sách eo hẹp, biết từ chối những cuốn sách, đồ nội thất cao cấp, rượu vang đắt tiền hay những thứ thiết yếu khác của cuộc sống thượng lưu. Vào cuối nhiệm kỳ Công sứ tại Pháp, ông ngày càng nhận thức được cách biệt gia tăng giữa thu nhập và chi tiêu của mình, thật sự gần như bị ám ảnh rằng tiền lãi của các khoản nợ đang bị tính lãi suất kép với tỷ lệ cao hơn tiền trả cho nợ gốc của ông. Khi rời nhiệm sở vào năm 1794, với phong cách Cicero quen thuộc ông đã nói lên ước muốn về sự giản đơn nơi đồng quê, và thiết thực hơn, ông cho Washington biết rằng ông nghỉ hưu để giải cứu mình khỏi nợ nần và cứu vùng đất của ông từ “sự tàn phá của những người quản lý [đã] khiến cho khu đất xuống cấp quá mức mà tôi có thể mừng tượng”.

Tình trạng tài chính của ông khá nghiêm trọng. Những khoản nợ nếu tính theo giá trị hiện nay thì vô cùng khó, nhưng có thể thận trọng ước tính trong khoảng vài trăm ngàn đô-la. Tình trạng nợ nần này khá điển hình cho tầng lớp chủ đồn điền của Virginia sau cách mạng. Năm 1790, những cư dân của Old Dominion còn nợ các chủ nợ người Anh và Scotland 2,3 triệu bảng, những gia đình danh tiếng nhất của Virginia cũng là những cái tên nổi bật nhất trong danh sách hơn 30.000 con nợ khó đòi của các thương gia người Anh. Jefferson thấu hiểu được tình

trạng nợ nần khủng khiếp đang giày vò bạn bè và hàng xóm của mình, có lần ông thậm chí còn giải thích cho một người hâm mộ từ Pháp rằng nợ nần của các chủ đồn điền Virginia là “di truyền từ đời cha sang đời con qua rất nhiều thế hệ, do đó các chủ đồn điền là một loại tài sản, bị các nhà buôn ở London thôn tính”. Ông nói cho cô con gái nhỏ của mình khá nhiều điều tương tự: “Bất động sản ở Virginia nói chung là không có khả năng sinh lời nên người sở hữu chúng không thể tránh khỏi bị phá sản. Và tình trạng này sẽ tiếp tục cho đến khi cách thức làm việc của họ có một số thay đổi. Trong khi đó, không có gì có thể cứu chúng ta và con cháu chúng ta khỏi cảnh nghèo nàn ngoài quyết tâm có được trước hết là một năm tự kiểm chế nghiêm khắc để xóa nợ cũ. Nếu một nông dân mắc nợ, thì khoản nợ đó không bao giờ trả được trừ phi bán [bất động sản].” Với thói quen đam mê tiêu dùng của ông và số phận sau cùng của Monticello yêu quý, thì đây là một tuyên bố rất mỉa mai. Nhưng vào giữa thập niên 1790, ông không thể nhìn thấy trước tương lai cũng như không đánh giá cao sự mỉa mai này. Những gì ông có thể làm, hoặc ít nhất là cố gắng mãnh liệt để làm, là làm cho vùng đất của mình màu mỡ hơn và trả hết các khoản nợ. Sau đó, trồng trọt có nghĩa là kiếm tiền.

Sở hữu đất đai của ông khá ấn tượng, nhưng chỉ có vẻ là như vậy. Jefferson sở hữu gần 11.000 mẫu Anh, một nửa là các bất động sản xung quanh Monticello ở hạt Albemarle và một nửa là các vùng đất phía tây tập trung ở hạt Bedford, cách đó khoảng 90 dặm. Ông đã bán khu vực nằm dọc theo sông James ở phía đông nam các hạt Goochland và Cumberland, một phần để trả nợ và một phần là để củng cố tài sản của mình. Bất chấp việc bán đất, Jefferson vẫn là một trong những chủ đất lớn nhất ở bang. Một trong những lý do ông thấy khó chấp nhận được đầy đủ những tác động của tình trạng nợ nần là ông nghĩ về sự giàu có giống như một quý tộc Virginia kiểu cũ, tức là phải sở hữu đất chứ không

phải là tiền bạc hoặc những thứ có tính thanh khoản cao hơn. Đối với Jefferson, đất là thước đo tốt nhất giá trị của một người, và như ông nói, “trong số đó tôi là người kiên trì nhất”. Bất chấp sự hiện diện đầy ám ảnh của những chủ nợ người Anh và Scotland, ông vẫn nghĩ mình là một người có đất và do đó là một người giàu có.

Ông hy vọng đất sẽ giúp ông thoát khỏi các chủ nợ khi ông tự quản lý việc canh tác. Kế hoạch của ông rất rõ ràng. Ông sẽ từ bỏ thuốc lá vốn là loại cây trồng mang đến nguồn thu hoa lợi chính của mình bằng lúa mì. Trong *Những ghi chép*, ông đã mô tả trồng thuốc lá là “một nền văn hóa gây ra tình trạng khốn cùng”, một phần vì giống cỏ độc hại này chẳng có công dụng nào khác ngoài việc nuôi dưỡng một thói quen xấu, nhưng cũng vì trồng giống cây này sẽ hoàn toàn vắt kiệt sự màu mỡ của đất. Vùng đất riêng của ông, như ông nói, “như vừa được tái sinh từ sự tàn bạo khi bị các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá bỏ lại một cách cẩu thả”, ông nhấn mạnh cần áp dụng một kế hoạch dài hạn gồm bảy bước luân canh cây trồng nhằm giúp đất phục hồi sự màu mỡ trước đây. Trong suốt mùa xuân và mùa hè năm 1794, Jefferson tập trung phần lớn sức lực và toàn bộ tâm huyết của mình vào việc lên kế hoạch luân canh bảy bước chi tiết, giống như trước đây ông đã cống hiến cho đời sống chính trị trong nước hay chính sách đối ngoại của Mỹ.

Ít nhất là ở mức độ lý thuyết, Jefferson luôn có những tư tưởng ấn tượng nhất, kế hoạch của ông có rất nhiều điều đáng nói. Lúa mì đã trở thành cây trồng được đa số chủ đồn điền cấp tiến của Virginia lựa chọn (ở đây, Washington đã giúp đưa ra chỉ đạo) vì nó không hại cho đất và được hưởng một số lợi thế thị trường hơn so với thuốc lá, những người lãnh đạo là những người cần ăn hơn cần hút thuốc, và rằng cuộc chiến đang diễn ra giữa Anh và Pháp cho thấy một cơ hội vàng để chiếm lĩnh thị trường thực phẩm châu Âu. Chương trình luân canh bảy bước công

phu của ông cần một thời gian dài, ít nhất là bảy năm, trước khi đất đai hoàn toàn sẵn sàng cho việc canh tác lúa mì trên diện rộng, nhưng đây dường như là một cái giá xứng đáng để làm được một việc đúng đắn. Kế hoạch là một bằng chứng nữa cho thấy Jefferson vẫn coi mình là phần còn lại tại Monticello trong giai đoạn này. Ông đang lên kế hoạch cho một đoạn đường dài.

Sau một số thành công ban đầu, kế hoạch này đã thất bại hoàn toàn; trong tất cả những lý do khiến kế hoạch thất bại, có lẽ thủ phạm chính là tai ương đối với tất cả nông dân: thời tiết xấu và không may mắn. Hạn hán và sương giá đến sớm đã làm hỏng vụ lúa mì của Jefferson ba năm liên tiếp. Mưa lớn làm ướt hết lúa mì đang được vận chuyển bằng sà lan ở phía hạ lưu. Sau đó, nạn dịch ruồi Hessian kinh hoàng thường xuyên xảy ra trên các cánh đồng, phá hủy tất cả những gì họ đã xoay sở để vượt qua những yếu tố thất thường của thời tiết. Ai đó nếu đọc qua *Sách Nông nghiệp* (Farm Book) của ông, trong đó Jefferson ghi lại những khó khăn gặp phải vì những thay đổi bất thường của thời tiết ở từng vụ mùa và vô số trở ngại với kế hoạch được ông chuẩn bị kỹ lưỡng nhất, thì không thể không kết luận rằng cho dù ông là một người nổi tiếng may mắn đến đâu đi chăng nữa, ông vẫn là một nông dân vô cùng đen đủi.

Tuy nhiên, ngoài việc kém may mắn, còn có hai nguyên nhân căn bản nữa khiến các đồn điền của Jefferson không thật sự có khả năng canh tác mùa màng đủ để tạo ra lợi nhuận đáng kể. Thứ nhất, ông chỉ nghĩ đơn giản là không có đủ đất canh tác. Với một đồn điền 11.000 mẫu Anh, dễ dàng tượng ra khung cảnh đầy những nhà máy sản xuất nông nghiệp lớn phổ biến ở miền Nam trước nội chiến với những cánh đồng rộng lớn và những nhóm nô lệ được tổ chức thành các đơn vị bán quân sự. Nhưng mấy vùng đất của Jefferson, và hầu hết các đồn điền của Virginia trong thế kỷ 18, trông lại không giống hoặc không hoạt động giống như thế.

Thay vì một cánh đồng rộng trải dài tới tận chân trời, Jefferson lại sở hữu bảy trang trại riêng biệt và nằm cách xa nhau: Monticello, Shadwell, Tufton và Lego ở hạt Albemarle; cùng Poplar Forest, Bear Creek và Tomahawk Ở Bedford. Hơn nữa, chỉ có khoảng 1.000 mẫu Anh trong tổng diện tích đất ông sở hữu có thể trồng trọt. Phần còn lại là rừng. Trong thực tế, Jefferson đã không giám sát kỹ việc dồn vào canh tác trong một thửa ruộng lớn như một loạt các trang trại quy mô vừa. Tóm lại, những cộng đồng nông nghiệp nằm rải rác này có khả năng sản xuất đủ ngô, yến mạch, khoai tây, lúa mạch đen, đậu, lúa mạch và lanh để tự nuôi mình và trong những năm mùa màng thuận lợi, cho thấy có chút lợi nhuận. Đó chính là thực tế những gì họ đã làm từ năm này sang năm khác. Nhưng diện tích đất canh tác quá nhỏ, và tổ chức quá manh mún nên không thể làm nhiều hơn được nữa.

Thứ hai, đất thuộc sở hữu của Jefferson thiếu các chất dinh dưỡng và sự màu mỡ cần thiết để sản xuất một vụ mùa bội thu. Ngay cả khi thời tiết và số phận bớt khắc nghiệt hơn, họ vẫn có một khoảng thời gian khó khăn để cải thiện những điều kiện địa chất. Jefferson muốn quy chất lượng đất kém cho việc trồng cây thuốc lá đã vắt kiệt chất dinh dưỡng và dốc công đã quản lý đất đai không sát sao trong thời gian ông vắng mặt để làm việc tại Pháp và Philadelphia. Điều này cũng đúng thôi, nhưng nó lờ đi một thực tế căn bản hơn là các đồn điền của ông đều nằm trên sườn đông của dãy núi. Về mặt thẩm mỹ và trực quan, vị trí này có thể không có lỗi gì, nó cho phép nhìn ngắm toàn cảnh ngoạn mục từ đông Monticello hướng về phía Tidewater. Nhưng dù nó có nhìn xuống mấy vùng đất màu mỡ nhất Virginia, mảnh đất dốc này chỉ là một điểm ngắm cảnh tuyệt đẹp chứ không hề màu mỡ để trồng trọt. (Nếu ông có được phân bón và những kỹ thuật canh tác của thế kỷ 20, mọi thứ có thể đã khác. Nông dân hiện đại trong khu vực này kiếm sống bằng nghề chăn

nuôi gia súc). Vì vậy, trong khi Jefferson muốn tin rằng vùng đất của mình đã bị xói mòn - điều này có nghĩa là nếu chăm sóc đúng cách bằng một hệ thống luân canh tỉ mỉ thì có thể khôi phục lại độ màu mỡ của đất - nhưng sự thật khó có thể chấp nhận hơn là đất thiếu các chất dinh dưỡng cần bản cần thiết cho cây trái sum suê mang lại tính kinh tế. Chẳng hạn như đất mặt quanh Monticello là đất nện sét và đây là vật liệu cực kỳ tuyệt vời để đóng gạch, nhưng ngay cả khi ngưỡng mộ màu đen đỏ đặc trưng của mặt tiền ngôi biệt thự ngày nay, người ta cũng đang nghĩ đến một điều sâu xa hơn: vì sao Jefferson đã không được số phận định đoạt là một nông dân thành công.

Mặc dù Jefferson không bao giờ hiểu thấu đáo tình trạng kinh tế khó cải thiện của mình, nhưng ông vẫn có ý thức sâu sắc về việc phải tạo ra thu nhập, có lẽ là để duy trì cuộc sống cho đến khi vùng đất của mình phục hồi khả năng sản xuất, vì vậy ông quyết định sớm thành lập một cơ sở sản xuất đình ở Monticello. Ông trình bày lý lẽ của mình trong một bức thư gửi cho một người bạn Pháp vào mùa xuân năm 1795: “Trở về nhà sau chục năm vắng mặt, tôi nhận ra các trang trại của mình rối loạn đến mức tôi thấy rõ... rằng mình cần tìm một số nguồn lực khác trong khi chờ đợi... Cuối cùng, tôi quyết định bắt đầu sản xuất đình, công việc này cần rất ít hoặc không cần vốn, và bây giờ tôi thuê 12 cậu bé từ 10 đến 16 tuổi, tự tôi giám sát toàn bộ công việc kinh doanh và thu được lợi nhuận đủ nuôi sống bản thân cho đến khi các trang trại của tôi có thể sinh lời”. Ông nói đùa rằng nghề mới của mình là nhà sản xuất và quản đốc nhà máy, tuyên bố “thương vụ mới về sản xuất đình khiến tôi có thêm danh xưng quý tộc ở đất nước này hoặc trở thành người khởi xướng một trật tự mới ở châu Âu”, nhưng đích thân ông đã giám sát công việc vô cùng nghiêm túc và thực thi một chế độ hà khắc đối với những nô lệ da đen tuổi thiếu niên tạo nên lực lượng lao động của ông.

Mỗi buổi sáng trừ chủ nhật, ông đi bộ tới xưởng làm đinh ngay sau bình minh để cân sắt nguyên liệu cho từng công nhân, sau đó trở lại vào lúc hoàng hôn để cân đinh thành phẩm và tính toán lượng sắt bị lãng phí của những công nhân có năng suất cao nhất và những công nhân có năng suất thấp nhất. Isaac Jefferson nhớ lại là ông chủ cũ của mình đã nói rõ với tất cả rằng xưởng làm đinh là ưu tiên cá nhân, và rằng đặc quyền sẽ được dành cho những người làm đinh giỏi nhất. “[Ông ấy] cấp cho các chàng trai trong xưởng đinh mỗi tuần một cân thịt... Nếu họ là người có năng suất tốt nhất, họ sẽ được thưởng một bộ quần áo màu đỏ hoặc màu xanh; điều này đã khích lệ họ rất nhiều”. Jefferson thậm chí còn thêm xưởng làm đinh vào điệp khúc đồng quê quen thuộc của mình. “Tôi dành nhiều tâm trí cho chăn nuôi và làm đinh”, ông thông báo vào mùa thu năm 1794, “đến nỗi chẳng còn lúc nào nghĩ đến làm chính trị nữa”. Ông cũng say sưa với công việc kinh doanh đinh, yêu cầu nhà cung cấp sắt nguyên liệu cho đinh ở Philadelphia với giá rẻ hơn, theo dõi việc tăng giá sắt theo dõi doanh số bán lẻ của sản phẩm tại các cửa hàng địa phương và lo lắng khi “đinh của Anh tràn ngập” thị trường nội địa “với suy nghĩ điều này làm ảnh hưởng xấu đến công việc kinh doanh của tôi”. (Thực tế là ông thấy đinh của Anh đe dọa công việc kinh doanh của mình).

Từ góc độ tài chính, xưởng làm đinh thật sự hiệu quả. Trên thực tế, trong khi ông phải vật lộn để khiến các đồn điền của mình sinh lợi, thì xưởng làm đinh lại là một câu chuyện thành công, kiếm được gần 1.000 đô-la trong một năm thuận lợi. Nhưng xét trong bối cảnh của bài hùng ca Jefferson về những vẻ đẹp đồng quê của cuộc sống nông thôn, đó là một điều phi lý lớn. Một sử gia với giọng điệu mỉa mai, nói rằng một ngày nào đó Henry Adams có thể chiêm ngưỡng tầm quan trọng mang tính biểu tượng của một nhà máy nhỏ, tọa lạc trên điểm cao nhất của

Monticello ở trung tâm xã hội nông nghiệp không tưởng của Jefferson, và chắc sẽ kết luận rằng đó chính là phiên bản Mỹ gốc của “cỗ máy trong khu vườn”. Hoặc một tiểu thuyết gia với tính khí của Charles Dickens có thể đã thấy vui thích khi so sánh chế độ quản lý trong xưởng làm đình của Jefferson với các công xưởng bóc lột công nhân tàn tệ và công việc cực nhọc, buồn tẻ từ bình minh đến hoàng hôn trong các nhà máy của quỷ dữ ở London. Cần lưu ý, chính Jefferson không hề có ý so sánh châm biếm hay gây tranh cãi; ông cảm thấy không cần phải xin lỗi vì đã đưa ngành công nghiệp đến Monticello. Không có bằng chứng cho thấy hằng ngày ông đến xưởng làm đình của mình cùng với những thợ rèn đầy nhiệt huyết và những thiếu niên da đen siêng năng được sắp xếp theo một dây chuyền của những búa và đe, ông đã thấy trước chính xác hình ảnh một thế giới công nghiệp mà ông thật sự mong Mỹ tránh được, hoặc ít nhất là trì hoãn càng lâu càng tốt.

Ở một mức độ thực tế hơn, sự tận tụy của Jefferson trong việc quản lý tỉ mỉ xưởng làm đình cho thấy những thứ đã chiếm toàn bộ tâm trí ông ở cương vị ông chủ của Monticello. Cả nô lệ cũ Madison Hemings và cựu đốc công Edmund Bacon khi về già nhớ lại, đều tuyên bố rằng Jefferson có vẻ “không thích thú hay quan tâm lắm đến việc theo đuổi nông nghiệp... Dường như ông ấy chủ yếu hướng tới máy móc của mình và quan tâm rất nhiều đến hoạt động của chúng”. Mặc dù năm đầu tiên nghỉ hưu của ông trong giai đoạn 1794-1795 có vẻ như một ngoại lệ, nhưng nguyên tắc chung của ông là dành một chút thời gian trên đồng ruộng của mình, còn đâu thì để cho các đốc công quản lý việc trông trọt, ngoại trừ vụ thu hoạch. Ông không có thời gian giám sát việc cày bừa và gần như không có thời gian để mắt đến việc điều hành trang trại hằng ngày. Ông thích thú nhất và dành nhiều sự quan tâm nhất cho những dự án mới, đòi hỏi kỹ năng cơ khí hoặc tay nghề của người lao động và cho

phép ông lên kế hoạch cũng như giám sát toàn bộ hoạt động. Xưởng làm đình là dự án đầu tiên như vậy, sau đó là chế tạo một máy đập lúa mới, các kế hoạch về xưởng xay bột và một con kênh tốn kém trên sông Rivanna.

Nhưng dự án lớn nhất trong tất cả chính là Monticello. Trên thực tế ông đã lên kế hoạch cho một sự thay đổi lớn ở biệt thự của mình kể từ khi ông trở về từ Pháp năm 1789. Trên quan điểm tài chính, ý tưởng đổi mới Monticello không hề hiệu quả, khác hẳn những kế hoạch của ông với xưởng làm đình. Nhưng nó mang đến sự sang trọng và thoải mái trong không gian sống riêng tư của ông, thói quen suốt đời của Jefferson là chẳng để ý đến chi phí đi kèm, thường thực hiện nhiều thay đổi kiến trúc tốn kém trong những ngôi nhà hoặc khách sạn cho dù đó chỉ là nơi ông ở tạm thời. Những kế hoạch vĩ đại hơn của ông dành cho Monticello bắt nguồn tự nhiên từ hai sự thôi thúc duy tâm, thể hiện trí tưởng tượng của ông với toàn bộ ảnh hưởng của những nguyên tắc đầu tiên: Thứ nhất, ông cần nhiều không gian hơn, rộng gấp đôi căn nhà ban đầu, để thỏa giấc mơ sâu thẳm của ông là được sống sum vầy cùng con cháu; thứ hai, phiên bản sửa đổi Monticello của ông cần thể hiện các nguyên tắc tân cổ điển mang phong cách Palladian mà ông đã lĩnh hội trực tiếp trong chuyến đi châu Âu. Sự kết hợp của hai khao khát này đã có những tác động mạnh mẽ, vì việc mở rộng không gian phải phù hợp với những hạn chế nghiêm ngặt về tính đối xứng và tỷ lệ chi phối theo những nguyên tắc Palladian về vẻ đẹp. Kết cấu mới này có thể không kéo dài như các toa xe lửa, nhưng cũng không mọc thẳng đứng vì các tòa nhà kiểu Palladian ít nhất phải có một tầng bố trí theo hàng ngang và thường có mái vòm. Điều này có nghĩa là cần phá hủy gần như hoàn toàn căn nhà ban đầu và xây dựng lại từ phần hầm.

Ông đã bắt đầu đóng gạch ngay sau khi trở về nhà vào năm 1794, nhưng trong suốt năm đó và năm tiếp theo, Jefferson đã dồn hết sức lực của mình vào công việc đồng áng và xưởng làm đình. Một số công việc xây dựng đã bắt đầu ngay lập tức, vì Jefferson kể cho George Wythe vào tháng 10 năm 1794 rằng ông “hiện đang sống trong một lò gạch, ngôi nhà của tôi hiện trạng hầu như chẳng còn gì”. Nhưng một năm rưỡi sau đó, vào tháng 3 năm 1796, ông thông báo với William Branch Giles về việc mình “chỉ mới bắt đầu phá bỏ ngôi nhà”, và thêm rằng Giles “không nên để điều này ngăn cản ngài ghé thăm chúng tôi nếu ngài đi vắng qua chốn này vào mùa hè”, và nói đùa rằng ông ấy có thể ở lại một trong những căn phòng ngoài trời chưa hoàn thiện. Một du khách người Ireland đi qua đây vào tháng 5 năm đó đã mô tả Monticello là “trong trạng thái dở dang, nhưng nếu có kế hoạch nghỉ lại, thì đây sẽ là một trong những chốn riêng thanh lịch nhất tại Mỹ”. Chuyến thăm của hai người Pháp cũng trực tiếp xác nhận điều kiện vật chất về cuộc sống trên đỉnh núi vào lúc này. Công tước de La Rochefoucauld-Liancourt có xu hướng bỏ qua sự lộn xộn, và giống như một người theo phong cách Jefferson đặc trưng, đã mô tả triển vọng: “Chuyến đi châu Âu đã cung cấp cho ông ấy những mô hình; ông ấy đã đưa chúng vào thiết kế của mình; và kế hoạch mới của ông ấy, vốn đã được cải thiện khá nhiều, sẽ được hoàn thành vào cuối năm sau...” (Ông hoàn tất sau 12 hay 26 năm, tùy thuộc vào cách tính toán mức độ hoàn thành). Bá tước Francois de Volney, một người tị nạn do Cách mạng Pháp, ngỏ ý muốn đến thăm và đã nhận được một lá thư hoan nghênh từ Jefferson, trong đó thông báo thẳng thắn về cảnh quan sẽ chào đón ông ấy: “[T]iếng ồn, sự lộn xộn và thiếu thốn của quang cảnh sẽ đòi hỏi ngài phải vô cùng bình thản và kiên nhẫn”.

Trên toàn bộ phần đất ở ẩn rộng lớn của Jefferson, Monticello có vẻ rõ ràng là một công trường xây dựng đông đúc với đầy những gạch vỡ, những căn phòng chưa có mái, cọc gỗ, và nếu một số báo cáo là tin cậy được thì có hơn một trăm công nhân đang đào đất và đập phá khắp nơi. Hàng triệu du khách của thế kỷ 20 đến thăm khu biệt thự này là những người được hưởng lợi thật sự nhờ quyết định phi lý của Jefferson trong việc thiết kế và xây dựng lại Monticello vào những năm 1790, mặc dù họ sẽ bị sai lầm nếu nghĩ rằng ngôi nhà Jefferson từng sống đã có diện mạo như bây giờ. Ngôi nhà đã được sửa chữa hoặc nâng cấp ở một số thời kỳ trong suốt cuộc đời Jefferson. Tóm lại, từ năm 1794 đến năm 1797, Monticello có một phần bị đổ nát, một phần chỉ còn cấu trúc khung, và phần lớn vẫn chỉ là giấc mơ. Không chỉ sai khi hình dung bất động sản của Jefferson là một doanh nghiệp nông nghiệp tổng hợp dọc theo dòng Tara trong *Cuốn theo chiều gió*, không chỉ sai lầm khi tưởng tượng Jefferson đi sau cái cày hay dành nhiều thời gian giám sát người khác đi sau cái cày, mà còn sai lầm khi nghĩ rằng ông sống trong một ngôi nhà nguy nga được định hình theo thị hiếu riêng của mình đầy những đồ vật hiếm lạ mà ông yêu thích. Ở giai đoạn này, Monticello là một sự khai quật thì đúng hơn là một tòa biệt thự. Đây cũng là dự án lớn nhất và tốn kém nhất của ông, ông dồn hết tâm sức cho hoạt động này và nó mang lại cho ông cảm giác sống có mục đích. Trong khi ông gửi đến những nông dân chân chính bài ca tụng đầy cảm hứng nhưng chân thành, thì sự thật là ông thấy chán nghề nông. Về hưu ở chốn nông thôn hiu quạnh không có nghĩa là cày xới, mà là đào đất để xây dựng một cái gì đó mới mẻ và hữu ích.

NÔ LỆ

Hầu như mọi việc, cho dù trên đồng ruộng, trong xưởng làm đình hay ở công trường xây dựng Monticello đều do nô lệ thực hiện. Tổng số nô lệ

ở một số đồn điền của Jefferson dao động quanh mức trên dưới 200 người, trong đó hạt Albemarle chiếm khoảng 3/5 và hạt Bedford chiếm 2/5. Từ năm 1784 đến 1794, vì cố gắng để củng cố quyền sở hữu đất đai và giảm nợ nần của mình, Jefferson đã bán và tặng 161 nô lệ. Nhưng sự gia tăng tự nhiên đã nâng số nô lệ trên tất cả những vùng đất của ông thành 167 người vào năm 1796, và con số đó tăng dần qua các năm sau này. Tại các đồn điền của ông ở hạt Albemarle, con số ước tính đáng tin cậy cho thấy Jefferson có khoảng 100 nô lệ trong ba năm nghỉ hưu của mình. Mặt khác, không có cách nào để đánh giá chính xác những suy nghĩ và cảm xúc của Jefferson về đa số cư dân có trên thực tế tại Monticello.

Mặc dù Jefferson đã thực hiện những chuyến về thăm Monticello kéo dài trong những năm là Ngoại trưởng, nhưng các nhiệm vụ của ông ở Paris, Philadelphia và Williamsburg đồng nghĩa với việc ông chủ yếu là một chủ nô vắng mặt để làm một công việc tốt hơn trong 15 năm. Trong thời gian đó, quan điểm của ông về chế độ nô lệ đã thay đổi liên tục, tương tự như số lượng nô lệ của ông, lưỡng lự giữa việc lên án thẳng thừng chế độ nô lệ không phù hợp với các giá trị cộng hòa nhưng cũng lại trì hoãn bằng mọi cách khi buộc phải đưa ra các biện pháp thiết thực để kết thúc nó. Tất nhiên khoảng cách giữa “những gì nên” và “những gì thế giới cho phép” tạo thành tình thế tiến thoái lưỡng nan chủ yếu trong xu hướng suy nghĩ của Jefferson đối với hầu hết các chủ đề chính trị. Nhưng vấn đề về chế độ nô lệ đã bộc lộ khoảng trống đáng kể hơn so với mọi vấn đề khác; nó cũng bộc lộ sự lúng túng trong suy nghĩ của ông khi cố gắng trụ vững trước thực tế kể bên miệng vực thẩm đày giữa những gì ông biết là đúng với những gì mà nếu không có thì ông không thể làm gì. Sau đó, ngay cả ở mức độ hoàn toàn lý thuyết, suy nghĩ của ông về chế độ nô lệ là một vấn đề về chính sách công mâu thuẫn sâu sắc và pha trộn với những cân nhắc cá nhân. Sự trở lại Monticello vào năm 1794 và sự ở lại

dường như vĩnh viễn của ông giữa “những người lao động vì hạnh phúc của tôi” còn khiến nghịch lý trở nên căng thẳng hơn khi biến vấn đề lý thuyết trở thành hiện hữu, thành một loạt tương tác cá nhân hằng ngày.

Nếu Jefferson đã có quan điểm công khai rõ rệt về chế độ nô lệ vào giữa những năm 1790, thì chủ đề này nên được phép nhẹ nhàng rời khỏi chính trường, giống như ông đã làm bằng cách về nghỉ hưu tại Monticello. Điều này thể hiện sự thay đổi có tính quyết định trong quan điểm của ông với tư cách một thanh niên, khi ông từng đảm nhận vai trò đứng đầu trong việc đưa chế độ nô lệ vào chương trình nghị sự của Hội đồng lập pháp Virginia và Quốc hội Liên bang. Thật sự thì những phát biểu có hệ thống nổi tiếng nhất của ông khá hoa mỹ: đổ lỗi cho chính việc buôn bán nô lệ và sự thành lập chế độ nô lệ vào thời George III trong Tuyên ngôn Độc lập; tố cáo chế độ nô lệ là một thể chế bị phá sản về đạo đức và đã tuyệt chủng trong *Những ghi chép*. Tất cả những đề xuất thiết thực nhất của ông đều được đưa ra vào đầu thập niên 1780, mô tả một chương trình bãi bỏ dần dần để tiến tới chấm dứt việc buôn bán nô lệ, cấm chế độ nô lệ ở tất cả các vùng lãnh thổ phía Tây và đưa ra một mốc thời gian cố định như ông đề nghị là năm 1800 để tất cả con cái của nô lệ sinh ra sau đó sẽ được giải phóng. Tóm lại, cho đến giai đoạn này trong sự nghiệp chính trị của mình, ông là một thành viên của đội tiên phong nhấn mạnh chế độ nô lệ không phù hợp với các nguyên tắc mà nền Cộng hòa Mỹ đã đưa ra. Trong suốt giai đoạn đầu đời, sẽ không công bằng nếu cáo buộc ông là đạo đức giả vì sở hữu nô lệ, hay trách ông vì đã không thể lãnh đạo chủ đề chính trị nhạy cảm nhất của Mỹ theo hướng đạo đức. Trên thực tế, sẽ công bằng hơn nhiều khi tán dương những nỗ lực của ông để bắt đầu cuộc cách mạng chống chủ nghĩa nô lệ, cho dù hầu hết chúng bị coi là vô ích, và tự hỏi đầy ngưỡng mộ là làm thế nào mà một

người thuộc tầng lớp chủ đồn điền ở Virginia lại quyết định phát triển những nhận thức về tự do như vậy.

Xác định nguyên nhân của sự im lặng kéo dài là một công việc vốn đã không chính xác, nhưng có vẻ như thái độ của Jefferson đối với chế độ nô lệ bắt đầu thay đổi từ giữa đến cuối những năm 1780 trong thời gian ông làm Công sứ tại Pháp. Đây là điều mỉa mai, vì trong cùng thời gian này, ông đã kể với công chúng Pháp những câu chuyện lạc quan sai lệch về việc chế độ nô lệ sắp sụp đổ ở quê hương Virginia của mình và đóng vai một người Mỹ đi đầu trong việc chống chế độ nô lệ ở Paris. Nhưng ông đồng thời bắt đầu rút lui khỏi tất cả các vai trò lãnh đạo trong cuộc đấu tranh chống lại chế độ nô lệ của Mỹ. “Tôi từ lâu đã từ bỏ kỳ vọng chuẩn bị trước cho sự xóa bỏ chế độ nô lệ ở nước ta”, ông viết vào năm 1805, tiếp tục khẳng định lại niềm tin của ông rằng chế độ nô lệ là một dị tật ở nước Mỹ cộng hòa; nhưng ông khẳng định cho rằng tổ chức hiện thời của các lực lượng chính trị đã chặn đứng bất kỳ cải cách có ý nghĩa nào vào thời điểm này, do đó thực tế mọi người chỉ có thể làm một việc là chờ đợi tương lai để chuẩn bị dư luận cho điều không thể tránh khỏi. Quan điểm này thụ động và phụ thuộc vào định mệnh hơn, được ông duy trì đến hết đời, là sản phẩm của nhiều dòng tư tưởng khác nhau hội tụ trong tâm trí của ông kể từ năm 1785-Trên thực tế, đó là một quan điểm phức tạp hơn về mặt trí tuệ và tâm lý so với lần xuất hiện đầu tiên, và vì đó là quan điểm ông mang trong đầu mình đến Monticello vào năm 1794, nên nguồn gốc của nó khiến chúng ta phải lưu ý.

Thứ nhất, như chúng ta đã thấy, Jefferson rút lui khỏi đội tiên phong Chống chủ nghĩa nô lệ ngay sau khi xuất bản *Những ghi chép*, Trong đó đã thể hiện sự lên án dứt khoát chế độ nô lệ, điều mà Jefferson không bao giờ dự định dành cho công chúng Mỹ, khiến ông trở thành nhân vật gây tranh cãi, đặc biệt là trong tầng lớp sở hữu nô lệ ở Virginia, và nhà lãnh

đạo tương lai của nhóm vẫn còn khá nhỏ gồm những chủ đồn điền miền Nam tiến bộ ủng hộ hình thức giải phóng nô lệ dần dần nào đó. Đó là một vai trò cộng đồng nổi bật đi ngược lại với bản chất của ông là bản năng tự tách biệt. Mối ác cảm sâu xa của ông đối với việc tranh cãi thật sự đã khiến ông phóng đại những lời chỉ trích cá nhân hơn mức dự kiến như trong *Những ghi chép* hoặc như ông đã lo sợ. Nhưng vấn đề không phải là liệu phần lớn những hiểu biết của ông đã được chứng minh hay chỉ là tưởng tượng. Đơn giản là ông không được trang bị sự kiên định để giữ vững vị trí tiên phong trong phong trào chống chế độ nô lệ sau khi ông được thức tỉnh mạnh mẽ.

Thứ hai, các tác động bi quan hơn của luận điểm ông đã đưa ra trong *Những ghi chép* bắt đầu xảy ra và khiến ông lần đầu tiên nhận ra rằng mình không có câu trả lời khả thi cho câu hỏi tất yếu: điều gì sẽ xảy ra một khi nô lệ được giải phóng? Đây là loại câu hỏi thực tế mà qua đó Jefferson đã thể hiện sự khéo léo tuyệt vời trong việc né tránh hàng loạt những vấn đề chính trị lớn khác. Thật vậy, nói chung một trong những đặc trưng gây ấn tượng nhất ở tư duy chính trị của ông chính là niềm tin lý thú rằng tương lai có thể tự lo cho mình. Tuy nhiên, chế độ nô lệ lại là một ngoại lệ đối với nguyên mẫu lớn hơn của sự lãng quên có tính toán. Qua một thời gian ngắn, vào năm 1789, ông dường như ấp ủ một kế hoạch táo bạo, nếu không muốn nói là có phần kỳ lạ, theo đó những nô lệ được giải phóng sẽ được “trộn lẫn” với nông dân Đức nhập cư ở các nông trại 50 mẫu Anh, nơi cả hai nhóm này có thể học được thói quen làm việc thích hợp. Nhưng thậm chí để nghị ngăn ngừa này chỉ nhằm phơi bày sự bảo thủ cố hữu của thế giới sau khi giải phóng nô lệ như Jefferson đã cố gắng tưởng tượng ra nó. Niềm tin căn bản của ông, một điều ông không bao giờ nghi ngờ, chính là người Mỹ da trắng và da đen không thể sống hòa thuận với nhau. Ông đã giải thích lý do của điều này trong

Những ghi chép: “Những định kiến lâu đời của người da trắng; vô số hồi ức của người da đen về những nỗi đau họ phải chịu đựng; những hành động khiêu khích mới; sự phân biệt thật sự mà tự nhiên đã tạo ra; và nhiều tình huống khác, sẽ chia rẽ chúng ta, và tạo ra những biến động có thể sẽ không bao giờ kết thúc nhưng lại hủy diệt không màu da này thì màu da khác”. Ở đây là trường hợp duy nhất, với những hậu quả tàn khốc nhất, khi mà Jefferson không thể tin rằng những lực lượng tự do được giải phóng nhờ Cách mạng Mỹ đã không thể quét sạch “bàn tay chết chóc của quá khứ”. Người da đen và người da trắng vốn đã khác nhau, và mặc dù ông đã thận trọng đưa ra trước quan điểm “chỉ là một sự nghi ngờ”, nhưng người gốc Phi vẫn cứ thua kém người da trắng về sức mạnh tinh thần đến mức bất kỳ chính sách giải phóng nào cho phép hòa hợp dân tộc cũng đều là một sự bất công vô đạo đức đối với những nô lệ được giải phóng cũng như một trò hề sinh học chống lại “sự phân biệt thật sự do tự nhiên tạo ra”. Sau đó, kết luận tất yếu là chế độ nô lệ sai về mặt đạo đức, nhưng sự phân biệt chủng tộc lại đúng về mặt đạo đức. Và nếu chưa có một giải pháp phù hợp cho vấn đề phải làm gì với những nô lệ được giải phóng, thì việc thúc bách giải phóng nô lệ chẳng có ý nghĩa gì.

Thứ ba, trong giai đoạn cuối ở Pháp, Jefferson đã nhận thức rõ ràng hơn rằng sự sung túc của ông phụ thuộc vào giá trị đồng tiền và sức lao động của những nô lệ của ông. Khi bắt đầu chìm sâu vào nợ nần, ông có ba cách xoay được những số tiền lớn để trả bớt các chủ nợ của mình: Ông có thể bán đất, như ông đã từng làm có phần miễn cưỡng khi bán quyền sở hữu đất ở các hạt Cumberland và Goochland; ông có thể bán thẳng thừng nô lệ; và ông có thể cho các chủ đồn điền lân cận thuê sức lao động nô lệ của mình. Ông bày tỏ cảm giác vô cùng tội lỗi khi theo đuổi hai lựa chọn cuối cùng, ông cho rằng mình đã phản bội những nghĩa vụ của mình trong tư cách người trụ cột đối với những thành viên da đen trong

“đại gia đình” của mình. Ông chỉ thị cụ thể rằng những nô lệ đặc biệt, tức là những người đã từng gắn bó lâu với ông, sẽ không bị bán hoặc cho thuê trừ khi họ muốn. Nhưng dù ông không thích bán hay tạm chuyển giao quyền kiểm soát nô lệ cho người khác, ông vẫn nhận ra rằng cách giải quyết như vậy là “sự cứu rỗi duy nhất của tôi”. Tóm lại, khi ông phải tìm cách giải quyết tình trạng khó khăn kinh tế cá nhân của mình, câu hỏi lớn hơn về giải phóng nô lệ rơi vào một bối cảnh mới và rõ ràng là ít thuận lợi hơn. Bây giờ, hóa ra đó lại là một vấn đề ông không đủ khả năng để cởi mở; ông không thể thay đổi tình trạng nợ nần túng quẫn trong suốt cuộc đời mình, ngoại trừ làm cho tệ hơn.

Kết quả cuối cùng của tất cả những tác động này là một quan điểm xuyên tạc nhất định về chế độ nô lệ, vừa chỉ trích mạnh mẽ thể chế này trên phương diện lý thuyết, vừa trì hoãn trắng trợn bất cứ khi nào có phương án giải phóng nô lệ cụ thể được đề xuất. Công tước de La Rochefoucauld-Liancourt đã nhận ra những đặc điểm chủ yếu và đặc thù chung trong lập trường về chế độ nô lệ của Jefferson trong chuyến thăm của ông tới Monticello vào tháng 6 năm 1796: “Ông Jefferson có thể không hào phóng và giác ngộ nhưng lại biểu thị mong muốn chứng kiến những người da đen này được giải phóng. Nhưng ông ấy thấy rất nhiều khó khăn trong việc giải phóng nô lệ, thậm chí trì hoãn, ông ấy cần thêm rất nhiều điều kiện để biến điều này thành sự thật, đến mức gần như bất khả thi. Chẳng hạn, ông ấy giữ quan điểm đã đưa ra trong ghi chép của mình, cho rằng người da đen của Virginia chỉ có thể được giải phóng đồng thời, và bằng cách xuất khẩu toàn bộ người da đen đến một nơi xa xôi. Quan điểm của ông ấy dựa trên nguy cơ chắc chắn về việc phải chứng kiến dòng máu bị pha tạp mà không có biện pháp nào để ngăn chặn, nếu không làm điều gì đó khác đi”.

Nếu quan điểm của ông đối với chế độ nô lệ khi còn là một thanh niên trẻ tuổi xứng đáng được hoan nghênh vì tính chất thẳng thắn và tiến bộ, thì khi là một người đàn ông trưởng thành lại đầy hoài nghi vì thói vị kỷ và sự chính trực gây tranh cãi. Nhưng những đánh giá đạo đức sau này chắc hẳn đến từ tâm thế thoải mái thường có được nhờ sự nhận thức muộn màng. Và những đánh giá như thế không hẳn trở thành một sự thay thế cho việc gọi lại hiểu biết riêng của Jefferson về những gì ông đã làm khi tiếp tục vai trò ông chủ của Monticello, bất kể sai sót thế nào. Ông coi mình là nạn nhân của sự từ chối ngoan cố của lịch sử trong hành trình tiến bộ mà tất cả những người quan sát được giác ngộ coi là không thể tránh khỏi, thậm chí còn hơn cả những nô lệ của ông. Theo nghĩa đó, ông và những nô lệ Mỹ gốc Phi của mình đã cùng bị mắc kẹt trong một khoảng thời gian dài, một bế tắc lịch sử mà trong đó những quy luật tự nhiên sẽ được kiểm chứng gắt gao khi cả hai bên cùng chờ đợi câu chuyện to tát hơn về giải phóng con người diễn ra. Trong khoảng thời gian biến đổi quá đỗi kéo dài này, nghĩa vụ chính của ông là phục vụ như một người quản lý đối với những người đang tạm ủy thác cho ông chăm sóc và suy nghĩ về những nô lệ của mình, như trên thực tế ông đã liệt kê họ trong *Sách nông nghiệp* như những thành viên “gia đình”, được chăm sóc giống con nuôi cho đến khi tìm được nơi ăn chốn ở lâu dài và cách xa về mặt địa lý.

Mặc dù tính vị kỷ của quan điểm gia trưởng này trông có vẻ khó chịu và giả tạo với chúng ta, nhưng nó đã quyết định vì lợi ích cho những nô lệ của Jefferson cũng như cho chính ông. Lý do chính khiến ông nhiều lần trở về Monticello đều luôn nhận được sự chào đón của những cư dân da đen trên núi là vì điều đó đồng nghĩa với việc tạm thời chấm dứt sự kiểm soát của các đốc công và được tiếp tục bằng sự cai quản nhân từ và quảng đại hơn của Jefferson. Nơi ông ở có ít đòn roi hơn, việc chia thực phẩm và

quần áo có lý hơn, bảo đảm phân lịch làm việc công bằng hơn. Không có bằng chứng đáng tin cậy nào ghi lại việc đích thân Jefferson đánh đập hay thi hành bất kỳ sự trừng phạt thể xác nào đối với nô lệ. Rất hiếm khi, và chỉ khi không còn cách nào khác, ông mới ra lệnh cho đốc công sử dụng roi da, nhưng chính sách chung của ông là bán đi những kẻ gây rối, trục xuất những kẻ cứng đầu hay chống phá khỏi đại gia đình của mình như đứa con hay cái. Ông cực kỳ miễn cưỡng khi phải bán đi những nô lệ trái với ý muốn của họ. Khi các chủ nợ buộc ông phải bán đi 11 nô lệ vào năm 1792, ông đã ra lệnh chọn tất cả số này từ những đồn điền Bedford xa xôi của mình, và việc buôn bán này được thực hiện ở một nơi rất xa, như ông thừa nhận “không muốn tên mình xuất hiện trên báo chí đại chúng vì việc bán tài sản”. Mặt khác, ông cố gắng tôn trọng mong muốn được bán đi của những nô lệ, thường là để được đoàn tụ với gia đình họ. Ví dụ vào năm 1792, ông chấp thuận bán Mary Hemings cho Thomas Bell, một thương gia địa phương, cố tránh đề cập một sự thật là Bell, một người da trắng, là cha của hai đứa con út của Mary và việc mua bán này “thuận theo mong muốn của cô ấy” sẽ cho phép họ chung sống như vợ chồng trên thực tế.

Mạng lưới phòng thủ nội tâm chặt chẽ của riêng Jefferson cũng giúp ông duy trì sự tự nhận thức về tính gia trưởng qua việc chặn đứng những bằng chứng không thích hợp (giống như mối quan hệ Hemings-Bell) hoặc gửi nó tới vùng lãng quên của tâm trí vì đã bị cắt đứt mối giao tiếp với thế giới ý thức, một cách trục xuất những ý tưởng ngoan cố khỏi tâm trí. Cũng như khi ông có thể nhìn thẳng vào những hành vi tàn bạo nhất của đám đông bạo loạn ở Paris cách mạng và chỉ thấy một sự dư thừa nhất thời của quyền tự do con người, hoặc có thể cho Philip Freneau vào bảng lương của mình như một người ủng hộ cuộc chiến phe phái mà không chịu thừa nhận xung đột lợi ích, hoặc thậm chí không thừa nhận

rằng ông và Madison đang dàn dựng những thủ đoạn chính trị của một đảng đối lập, Jefferson sở hữu những kỹ năng tâm lý để bác bỏ những cảm giác khó xử, bao gồm cả những thực tế hằng ngày của cuộc sống nô lệ. Ông là kiểu người mà sẽ có thể tuyên thệ - và có thể qua mặt cả máy phát hiện nói dối nếu thời đó đã có công nghệ này - xác nhận rằng các nô lệ của mình, với tư cách là thành viên trong đại gia đình của ông, đều hài lòng hơn và khấm khá hơn bất kỳ hoàn cảnh nào có thể tưởng tượng ra. Và cũng giống như một vị tướng thu mình trong trụ sở, ông chuyển tải một tín hiệu rõ ràng tới những đốc công của mình trên đồng ruộng, rằng không nên vì những sự cố khó chịu mà vẽ đường cho hươu chạy.

Một phần do cách trở địa lý, một phần do kế hoạch riêng của ông, mà việc tổ chức lao động nô lệ ở các đồn điền của Jefferson đã củng cố tâm lý cách ly này theo vài cách chủ yếu. Nhớ lại lúc ban đầu, tất cả đất canh tác của ông manh mún khắp nơi, một nửa nằm ở Bedford, cách vài ngày đi xe. Cho đến khi ông xây ngôi nhà thứ hai tại Poplar Forest sau khi nghỉ hưu hẳn, Jefferson hiếm khi đến thăm những bất động sản xa xôi này. Nhớ lại thêm một chút, ngoài sự nhiệt tình nhất thời trong giai đoạn 1794-1795, ông ít khi dành thời gian trên những cánh đồng tại Monticello hoặc Shadwell, ngoại trừ vào thời gian thu hoạch, ông giao toàn bộ việc quản lý công việc đồng áng hằng ngày cho những đốc công. Trong khi ông tiếp tục ghi chép tỉ mỉ số lượng nô lệ của mình trong *Sách nông nghiệp*, bao gồm cả tên và tuổi của tất cả, nhưng lại hạn chế tiếp xúc trực tiếp với những người lao động trên cánh đồng. Ghi chú khó hiểu của ông trong việc phân công lao động nô lệ cũng tiết lộ vấn đề này: “Trẻ em dưới 10 tuổi làm việc vặt trong nhà. Từ 10 đến 16 tuổi, con trai làm đình, con gái quay sợi. Đến tuổi 16 thì đi vào lòng đất hoặc học buôn bán”. Cái cụm từ gở miệng “đi vào lòng đất” chuyển tải chính xác mối liên hệ cá nhân của Jefferson với đại đa số nô lệ trưởng thành làm việc trên những cánh

đồng của ông. Trừ khi có tên trong sách kỷ lục của ông, nếu không thì họ đã biến mất trên thực tế.

Khi Jefferson gặp họ, thường là khi họ đang làm việc cho một trong những dự án xây dựng của ông hoặc học nghề trong xưởng làm đình. Hầu hết những lần ông tiếp xúc mặt đối mặt với các nô lệ làm việc nặng nhọc đều xảy ra ở những bối cảnh phi nông nghiệp như xưởng làm đình, xưởng cưa, công trường xây dựng xung quanh biệt thự, đây là những nơi ông giám sát họ như những công nhân đang làm những công việc có kỹ năng và đặc thù. Ngay cả xưởng làm đình, với những âm thanh của dây chuyền lắp ráp đơn điệu và nhàm chán theo phong cách Dickens, cũng khiến ông nghĩ rằng công việc của những cậu bé nô lệ chính là kinh nghiệm học việc giúp họ có giá hơn trên thị trường. Có thể giải thích cho xu hướng có phần khiên cưỡng của Jefferson khi khởi động nhiều dự án cơ khí và xây dựng tại Monticello, đây là những dự án không chỉ là chỗ để ông tiêu hao năng lượng của mình mà còn cho phép ông tạo một bối cảnh dễ chịu hơn để tương tác với những nô lệ của mình, coi họ như nhân công được thuê chứ không phải bị chiếm hữu.

Cuối cùng, tất cả những nô lệ làm việc trong gia đình, và hầu hết những người sống dọc Mulberry Row trên đỉnh núi, đều là thành viên của hai gia đình đã ở với Jefferson kể từ những ngày đầu tiên ông kết hôn với Martha. Họ được hưởng đặc quyền trong hệ thống phân cấp nô lệ tại Monticello, được cung cấp nhiều thức ăn và quần áo hơn, được di chuyển trong phạm vi rộng hơn đáng kể và thậm chí thỉnh thoảng được tùy ý lựa chọn hoặc từ chối công việc vào dịp nào đó. Great George và vợ là Ursula, hay còn được gọi là Vua George (một trò đùa về George III) và Hoàng hậu Ursula, là những nô lệ duy nhất có tên và thật sự quản lý gia đình. (Khi Jefferson yêu cầu Thomas Mann Randolph bảo với George Bé, con trai họ, làm một công việc cụ thể, Randolph đã khẳng định “Tôi chắc chắn

George sẽ không nghe lệnh tôi”). Một gia đình nô lệ khác đông đảo hơn là Hemings, đứng đầu là nữ tướng Betty Hemings mà Jefferson đã được thừa kế cùng với 12 đứa con của bà từ cha vợ John Wayles, vào năm 1773. Một bí mật mà cả cộng đồng nô lệ tại Monticello đều biết: các đặc quyền mà gia đình Hemings được hưởng là do dòng máu lai của họ. Vài người con của Betty, có lẽ đến sáu người, gần như chắc chắn là con của John Wayles. Họ là một phần trong đại gia đình của Jefferson theo đúng nghĩa đen chứ không phải theo cách nói hoa mỹ bóng bẩy. Tất cả những nô lệ mà cuối cùng được ông trả tự do chính là nhà Hemings, trong đó có Robert và James lần lượt vào hai năm 1794 và 1796. Nếu điều gây ấn tượng với những nô lệ khác ở Monticello chính là sự gần như độc lập của gia tộc Hemings với dòng máu liên quan đến bản năng người cha của Jefferson, thì điều khiến đa số du khách có xu hướng chú ý lại là màu da của họ. La Rochefoucauld-Liancourt đã miêu tả điều này vào năm 1796: “Tại Virginia có đông người da đen lai hơn ở Carolina và Georgia; và tôi đã thấy đặc biệt là tại những đồn điền của ông Jefferson, những nô lệ chẳng có mấy đặc điểm hay màu da của nguồn gốc ban đầu; nhưng vì mẹ của họ là nô lệ, nên họ cũng có tình trạng tương tự”.

Vì những thành viên của gia đình Hemings là những nô lệ nổi bật tại Monticello, nên hầu hết bạn bè và du khách đến đỉnh núi này đều thấy chế độ nô lệ phiên bản Jefferson về căn bản là ít người da đen hơn và ít áp bức hơn chế độ nô lệ thông thường. Như đốc công Edmund Bacon nhớ lại, “không có Người da đen và mấy khu nhà phụ khác xung quanh biệt thự, như ta thường thấy ở những đồn điền [khác]”, cho nên việc bố trí bề ngoài như vậy cũng đã ngụ ý nghĩa thật sự về vấn đề nô lệ. Tóm lại, Jefferson đã tổ chức cộng đồng nô lệ của mình như vậy để ông có thể tương tác thường xuyên nhất với những người Mỹ gốc Phi, họ không bị đối xử như những nô lệ theo đúng nghĩa đen và thậm chí không giống

như người châu Phi thuần chủng, bởi thực tế họ không phải như thế. Trong những cuộc gặp gỡ thường ngày và những tương tác thường lệ, ông ngày càng thấy mình giống một người thuê lao động và giám hộ gia trưởng hơn là một chủ nô.

Tương tự như vậy, nếu chế độ nô lệ là một thể chế kiểu gì cũng bị diệt vong vì nó chỉ biện hộ trên thực tế nhằm bảo tồn sự tách biệt của các chủng tộc cho đến ngày giải phóng vào một thời gian chưa xác định trong tương lai, thì xung quanh Jefferson có hàng loạt bằng chứng hùng hồn cho thấy nhiệm vụ này đã thất bại thảm hại. Gây giống lai tại Monticello rõ ràng là một sự nghiệp còn hưng thịnh hơn nhiều những cánh đồng lúa mì của ông. Một số người cháu của Betty Heming trông gần như người da trắng, minh chứng rõ ràng cho thấy việc lai giống mà John Wayles đã khơi mào chắc chắn không dừng lại ở đó. Mối ác cảm công khai của Jefferson đối với chuyện pha trộn sắc tộc bằng cách nào đó đã dàn xếp được với mọi minh chứng hiển hiện xung quanh ông. Về nghĩa nào đó, những gì ông thấy chỉ xác nhận nỗi sợ hãi sâu thẳm nhất nơi ông về sự pha trộn sắc tộc, mặc dù mật mã im lặng của ông đã khống chế việc không đề cập công khai vấn đề này. Dầu ông hết sức né tránh, nhưng đây là một chủ đề chúng ta có thể chắc chắn ông luôn đau đầu, ngay cả khi ông không bao giờ nói về nó và được ghi chép lại. Sức thuyết phục trong sự im lặng của ông chính là bằng chứng hùng hồn nhất cho thấy Monticello giống như một chốn trần gian chứ không phải là một lý tưởng tưởng tượng. Nếu ngôn ngữ văn chương bóng bẩy có đủ khả năng để lột tả, thì chúng ta cần bỏ qua những áng thơ ca ngợi đồng quê của Virgil và bắt đầu suy ngẫm về sự hư cấu của William Faulkner.

KHIÊU VŨ PHONG CÁCH MADISON

James Madison có lẽ là người biết rõ Jefferson hơn bất cứ ai, và ngay từ đầu ông đã nhận ra ở sự cô lập tại Monticello hai sự thật Jefferson cần

cùng chung sống hòa bình, ít nhất là trong tương lai gần: Thứ nhất, người cố vấn giàu kinh nghiệm và là cộng sự chính trị của ông cuối cùng đã quyết định nghỉ hưu, rút khỏi đời sống chính trị; do đó, ông lấy lại phần nào sự thanh thản nhờ vào việc duy trì ảo tưởng rằng ông gắn bó với chính trị mãi mãi. Thứ hai, khi thời gian trôi qua và những vết thương chính trị của ông được chữa lành, Jefferson sẽ cảm thấy khó khăn nếu tiếp tục đứng ngoài cuộc, nhất là khi sự nghiệp mà đã từng thôi thúc họ hợp tác xuất hiện nguy cơ. Vì vậy, ông đã trình bày tại phiên họp mùa thu của Quốc hội hồi tháng 10 năm 1794, “Đại tướng” được viện dẫn đã viết thư cho “Tổng tư lệnh” giả định rằng ông sẽ “luôn sẵn lòng nhận lệnh của cấp trên, và sẽ tiếp tục gửi thư báo cáo khi có sự vụ xảy ra”.

Đây thực chất là nối lại mối quan hệ cũ từ những năm ở Paris, với việc Madison gửi những báo cáo định kỳ từ chính trường ở Philadelphia và Jefferson nhận được chúng ở một nơi xa xôi khiến ông có thể yên tĩnh lắng nghe và đáp lại bằng chế độ thiền định ông ưa thích. Trong năm đầu tiên, Jefferson gần như hoàn toàn thờ ơ với những tin tức chính trị. Những báo cáo chi tiết của Madison về triển vọng cho ứng viên Đảng Cộng hòa trong bầu cử ở các bang khác nhau chỉ nhận được sự im lặng ngao ngán từ Monticello, cùng với lời nhắc nhở rằng ông thật sự không theo dõi những vấn đề như vậy nữa và đã dừng đọc báo để không bị phiền lòng với những chuyện linh tinh. Khi Madison ghé qua cùng công hàm ngoại giao với những thắc mắc về đường lối thích hợp cho chính sách đối ngoại của Mỹ, Jefferson tỏ ra không quan tâm: “Ngài trả lời thế nào tôi cũng vui lòng. Nếu mùa màng của tôi luân canh, tôi sẽ tự trả lời, có lẽ dài dòng, nhưng chắc chắn *vui vẻ*”. Hoặc khi Tổng chương lý Edmund Randolph viết thư hỏi liệu ông có thể sẵn lòng hỗ trợ nỗ lực đàm phán của Mỹ với Tây Ban Nha, Jefferson đã từ chối thẳng thừng: “Thưa Ngài kính mến, không chuyện gì có thể khiến tôi tham gia vào

công việc xã hội nào nữa. Tôi đã nghĩ mình chắc chắn sẽ không thay đổi quyết định này khi tôi rời Philadelphia, rời từng ngày và từng giờ trôi qua lại càng củng cố thêm quyết định ấy”. Cho dù bạn bè ông ở Philadelphia đã thăm nghĩ, nhiều kẻ thù của ông cũng thăm nói, ông sẽ mãi mãi gắn bó với chính trị.

Những vết rạn nhỏ đầu tiên trong quan điểm cứng rắn này bắt đầu xuất hiện vào mùa đông năm 1794-1795. Trong mùa hè trước đó, một cuộc nổi dậy quần chúng đã nổ ra tại bốn hạt phía tây Pennsylvania, buộc Washington phải huy động lực lượng dân quân. Các phiến quân đã phản đối việc thu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu whiskey do Hamilton chủ trương để liên bang có tiền chi trả cho các khoản nợ của bang vào năm 1791. Nông dân miền Tây thấy khoản thuế này bất công vì nó làm giảm đáng kể việc kinh doanh mặt hàng xuất khẩu được nhiều nhất của họ - whiskey là thứ bán chạy nhất trên thị trường nông sản của họ - và một đội quân tự xưng gồm 7.000 phiến quân whiskey đi diễu hành rầm rộ qua Pittsburgh ở biên giới để phản đối. Thậm chí quân đội liên bang còn phô diễn rầm rộ hơn với gần 13.000 quân, đã nhanh chóng dập tắt cuộc nổi loạn và với bạo lực tối thiểu. Jefferson có xu hướng xem toàn bộ vụ việc là một sự lặp lại đáng xấu hổ Cuộc nổi dậy thất bại của Shays, trong đó những nông dân Mỹ bình thường đã thể hiện sự bất mãn quần chúng rất lớn một cách khá vô hại, nhưng chính phủ lại có phản ứng quân sự mang tính đàn áp hơn so với yêu cầu của tình hình. Tuy nhiên, ông kiềm chế không đưa ra bất kỳ bình luận nào trong suốt mùa thu năm 1794, cho dù Madison đề nghị ông lên án những gì được cho là phản ứng thái quá của chính phủ.

Thứ đã kéo ông tham gia vào cuộc tranh luận là phát biểu của Washington trước Quốc hội sau Cuộc nổi loạn Whiskey, tố cáo “các hội nhóm tự sinh nhất định” là những tổ chức tìm cách lật đổ, kích động bất

mãn và coi thường thẩm quyền của chính phủ hợp pháp. Việc Washington công kích cái gọi là các hội nhóm Dân chủ-Cộng hòa khiến Madison phải rung chuông cảnh báo trước sự thanh thản nơi thôn dã đang bao quanh người bạn mình tại Monticello. Madison nói, phát biểu của Washington là một “đòn tấn công vào nguyên tắc thiêng liêng nhất trong Hiến pháp và Chủ nghĩa cộng hòa của chúng ta”, và chắc chắn đã được Hamilton khéo léo dàn dựng để liên kết các nhà chỉ trích thuộc phe Cộng hòa trong chính phủ của Đảng Liên bang với whiskey và cuộc nổi loạn. Madison nghĩ thấy một âm mưu theo kiểu mà Jefferson đã thường xuyên cảnh báo, “những kẻ theo chủ nghĩa quân chủ” ẩn mình trong cơ quan hành pháp của chính phủ dàn dựng để tước quyền tự do của “nhân dân”. Đó là vấn đề cấp thiết đến mức Jefferson bùng tỉnh từ hang ổ của mình và tham gia vào cuộc chiến: “Nếu người dân Mỹ đang thoái hóa đến mức không nhận ra... rằng Thành trì tự do của họ bị đe dọa bởi tiền lệ ngay trước mắt mình, thì họ cần phải có những người ủng hộ khả dĩ hơn những người họ đang có, để cứu họ thoát khỏi những hậu quả”.

Về cơ bản Jefferson đã có động thái, nhưng ông vẫn chưa rục rịch. Madison đánh giá hoàn toàn chính xác về những gì đã diễn ra. Jefferson đồng ý rằng: “Việc tố cáo các hội nhóm dân chủ là một trong những hành vi liều lĩnh bất thường mà chúng ta đã thấy rất nhiều từ phe Quân chủ”. Washington rõ ràng chỉ là một chỗ dựa cho những tham vọng chính trị của Hamilton; phát biểu của Tổng thống khiến ông nhớ lại “những mẩu truyện ngụ ngôn của Aesop và Tom Thumb”, bằng chứng rõ ràng cho thấy Tổng thống không hề tự viết bài phát biểu. Nhưng rồi một bất ngờ xuất hiện và ít nhất là Madison cũng đã được quan tâm, một sự đảo chiều bất ngờ:

Tiếp tục đi, bạn thân mến... Trong tâm trí của những người tôi cùng trò chuyện, tôi không thấy nỗi ưu phiền nào lớn hơn nỗi sợ hãi về việc nghỉ hưu của ngài; nhưng điều này sẽ không hẳn là thế, nếu như có một bài viết hay và hiệu quả hơn. Tôi nên vui mừng khi thấy ngài... Nhưng tôi phải thật tế nhị giữ im lặng. Có lẽ tôi phải nói rằng, trong khi tôi sẽ không từ bỏ sự nghỉ hưu của mình để xây dựng đế chế của Vũ trụ, thì làm thế nào tôi có thể biện minh cho việc yêu cầu một người cũng dành nhiều tình cảm cho tôi như ngài tham gia vào cuộc chiến vì sự an toàn của tôi.

Đây là một cách gián tiếp lịch thiệp từ chối lời đề nghị ông chấm dứt nghỉ hưu, cũng như đề nghị Madison đảm nhận hoàn toàn sự nghiệp của Đảng Cộng hòa và chuẩn bị chạy đua vào ghế tổng thống. Mặc dù có lay động trước những tin tức từ Philadelphia, nhưng ông vẫn muốn Madison biết rằng, dù thích hay không, thì ngọn đuốc đã được trao vào tay ông ấy.

Cho dù Jefferson nói ra điều ông nghĩ, thì cuộc tranh luận về những hội nhóm Dân chủ-Cộng hòa đã khuấy động lại những vấn đề cũ. Những bức thư của ông trong nửa đầu năm 1795 chứa đầy những lời bóng bẩy công kích chính trị xen lẫn những đoạn kể lể dài dòng hơn về vụ lúa mì của mình và thời tiết. Ông viết cho William Branch Giles rằng việc sử dụng quân đội liên bang “để ngăn chặn quyền tự do gặp nhau của công dân chúng ta” đã báo hiệu một sự thay đổi mang tính quyết định sang hướng chuyên chế “sớm hơn cả một thế kỷ so với tôi dự kiến”. Ngay cả Washington, người đã thoát khỏi sự chỉ trích trực tiếp vì giả thuyết đáng ngờ rằng Hamilton đã thao túng lời lẽ và quyết định của ông, bây giờ cũng bị công kích: Washington đã cấp cho Hamilton “quyền có thể làm

quá nhiều điều tốt nhưng cũng không đủ để bù đắp nỗi thiệt hại”. Cần nhắc lại, những sự bùng phát chính trị này thường xảy ra giữa bối cảnh suy tư ôn hòa và triết lý hơn trong tâm trạng điền viên và những quyết tâm vững chắc mãi nguyện với thôn quê. Những lá thư gửi Madison có lẽ là sự phản ánh chính xác nhất trạng thái tâm lý phức tạp của Jefferson vào thời điểm này; ông yêu cầu sao chép những thư từ trước đây với Edmond Genet khi ông là Ngoại trưởng, ngay sau đó lại đòi cuốn sách nhỏ mới nhất về luân canh, thông tin về cuộc bầu cử Hạ viện từ các quận của Virginia, sau đó là đoạn bình luận dài về khả năng tuyệt vời của đậu tằm trong việc khôi phục độ màu mỡ cho đất ở mảnh đất hoang trên những cánh đồng thuốc lá cũ của mình. Nhà triết học-nông dân về hưu hạnh phúc đang đấu tranh với nhà lãnh đạo lưỡng lự nhưng sẵn sàng của Đảng Cộng hòa ở một mức độ tiềm thức nào đó trong nhân cách Jefferson. Nhưng ông thích duy trì mâu thuẫn ngầm, vô hình, thậm chí với chính mình, tất cả những điều tốt hơn để duy trì điều để lại ấn tượng chi phối: rằng ông vẫn miễn dịch với sự cám dỗ chính trị.

Nếu tìm kiếm một thời điểm chính xác khi những mối quan tâm đến chính trị của Jefferson bắt đầu chiến thắng trong cuộc đấu tranh nội tâm, một lựa chọn tốt sẽ là ngày sau Lễ Giáng sinh năm 1795. Vào ngày đó, ông gửi 8 đô-la cho Benjamin Franklin Bache để đặt mua một năm tờ *Aurora* của Bache, một tờ báo hàng đầu của Đảng Cộng hòa. Trong khi chưa sẵn sàng bước vào tranh luận công khai, ông đã chuyển sang thừa nhận rằng ông muốn theo dõi nó.

Nhưng tất nhiên, những tiến triển của Jefferson hướng tới việc nối lại sự nghiệp chính khách của ông là một quá trình lâu hơn một chút. Tốc độ bình luận về chính trị của ông đã làm số lượng thư từ của ông tăng nhanh vào cuối năm 1795 và đầu năm 1796, đó cũng là thời điểm ông đốc toàn lực phá dỡ Monticello, cho thấy là ông hoàn toàn có khả năng xoay

chuyển nhiều lựa chọn cho cuộc sống tương lai của mình mà chẳng có bất kỳ mâu thuẫn nào. Lúc này, xuất hiện tin tức về Hamilton trên báo chí: Ông ta đã công bố quyết định rút khỏi nội các; Quốc hội nhanh chóng tiến hành một cuộc điều tra về những bất thường trong sổ sách kế toán tại văn phòng của ông ta. Bất cứ điều gì có khả năng liên quan đến Hamilton đều thu hút sự chú ý của Jefferson - ông vô cùng ghét con người này - và cuộc điều tra đó dường như đã bí mật trao cho riêng Jefferson những nỗ lực để tóm được việc Hamilton gian lận sổ sách từ ba năm trước đó: “Tôi không hề ngạc nhiên trước tình trạng tài chính của Mỹ hiện nay”, ông viết cho Madison. “Mục tiêu của Hamilton ngay từ đầu là để ném chúng vào những bảng biểu mà sẽ khiến không ai giải mã nổi. Tôi thậm chí cho rằng chính ông ta cũng không hiểu được tình trạng của chúng”.

Những nhận xét của Jefferson chỉ trích về sự mập mờ tài chính của Hamilton là rất mỉa mai, rằng những bảng biểu này nếu đến từ một người vốn có ghi chép tỉ mỉ về tài chính cá nhân trong sổ sách, thì dường như không bao giờ có thể tạo ra được một sự tô trát thực tế với những ngôn từ như vậy. Chúng cũng lôi kéo sự chú ý tới vấn đề khác có thể ảnh hưởng đến suy nghĩ của Jefferson về sự trở lại chính trường vào thời gian này ở một mức độ chưa vượt quá sự cân nhắc kỹ lưỡng có ý thức của ông, nhưng cũng gây áp lực đối với hiểu biết hạn chế của chúng ta về những nguồn động lực vô lý ở con người nói chung.

Sự nghi ngờ sẵn có của Jefferson với phong cách tiêu xài phóng túng của Hamilton chỉ làm cho nghi ngờ ấy càng sâu sắc hơn, rằng ý định thật sự của Hamilton chính là khiến nợ công gia tăng để biện minh cho việc bành trướng quyền kiểm soát liên bang về kinh tế, bao gồm cả kiểm soát thuế, thao túng lãi suất tín dụng và thiết lập mọi khoản trợ cấp của một quốc gia-dân tộc hiện đại giống kiểu Anh. (Ở điểm này, ông không sai

lắm). Sau đó, nợ là công cụ quan trọng để có thể thực hiện được toàn bộ kế hoạch của Hamilton. Vì vậy, nếu Jefferson trở lại chính trường, một trong những ưu tiên cao nhất của ông sẽ là giảm bớt và xóa bỏ nợ công. Nhưng nỗi ám ảnh với nợ công đã khép lại cùng với những khoản nợ cá nhân của ông theo phong thái ung dung của riêng mình. Chỉ riêng cách phân biệt đáng ngạc nhiên này giữa thói quen cá nhân và chính sách công xảy ra thực tế trong con người Jefferson đã vô cùng khó nắm bắt, mặc dù rõ ràng đó là nghịch lý với công việc. Xét trên cấp độ cá nhân, sổ sách kế toán khó hiểu của Jefferson có thể khiến ông có niềm tin sai lầm rằng vấn đề nợ của mình vẫn trong tầm kiểm soát. (Nó rõ ràng không đúng, và quyết định xây dựng lại Monticello đã giúp khẳng định nợ ấy sẽ không bao giờ kiểm soát được). Có thể thấy ông sắp quyết định chấm dứt việc nghỉ hưu và trở lại chính trường như một cách trốn chạy khỏi vấn đề nợ cá nhân có vẻ khó khắc phục của mình; ông sẽ giải quyết công khai những gì ông không thể giải quyết riêng. Cho dù mô hình tương tác như thế nào, thì có vẻ như công bằng khi nói rằng vấn đề nợ đã ám ảnh ông ở cả hai cấp độ, khiến việc căm ghét Hamilton trong ông tăng lên do nỗi niềm lo âu cá nhân mà chính bản thân ông không hiểu rõ, và quá trình suy nghĩ về việc trở lại với đời sống xã hội liên quan đến một sự pha trộn phức tạp giữa những cân nhắc về tình cảm và ý thức hệ.

Sự kiện quyết định trong quá trình đó rõ ràng và dễ nhận biết hơn, đó là việc thông qua Hiệp ước Jay, đây đồng thời là một dấu mốc trong việc định hình chính sách đối ngoại Mỹ, một ảnh hưởng quyết định đối với vấn đề hiến pháp của cơ quan hành pháp trong các công việc đối ngoại và là dịp để Jefferson quay lại vị trí lãnh đạo Đảng Cộng hòa. Nếu Jefferson nghiêng về việc trở lại với những cuộc chiến chính trị ở Philadelphia, trong khi vẫn luôn tuyên bố chuyện nghỉ hưu của mình là mãi mãi và đúng từng từ một, thì trận chiến về Hiệp ước Jay đã kéo ông

ra khỏi chuyện nghỉ hưu và kết thúc mọi sự giả vờ còn sót lại của một đại diện phong cách Ciceron trong nền chính trị Mỹ. Việc thông qua Hiệp ước Jay là một thắng lợi lớn cho phe Liên bang, nhưng chính Jefferson hiểu rõ hơn ai khác, rằng đó là một chiến thắng khiến đối thủ của ông không bao giờ có thể hồi phục hoàn toàn. Nó trở thành bộ phận của chiến dịch vận động tranh cử tổng thống rất cuộc sẽ thành công của ông.

Câu chuyện này bắt đầu từ những tháng đầu năm 1795. Madison gửi báo cáo về Monticello rằng các điều khoản của hiệp ước mà John Jay thương lượng với Anh vẫn còn trong vòng bí mật, nhưng phe Liên bang với thông tin nội bộ “không dám phỏng đoán không khí chiến thắng”, từ đó “có thể suy ra là việc thương lượng sẽ ít có lợi cho chúng ta hơn so với mong đợi...” Sẽ là sai lầm nếu vội xét đoán, ông cảnh báo, “nhưng tôi nghi ngờ rằng Jay đã bị đánh lừa bởi sự lo lắng của mình về việc nối kết chúng ta với Anh và tránh dính líu bằng mọi cách”. Ở giai đoạn đầu của câu chuyện, Jefferson từ chối cắn câu. Trong những thư gửi Madison, ông không hề đề cập những tác động đáng ngại của Hiệp ước Jay, thay vào đó lại đưa ra một đề nghị hơi kỳ lạ về việc chuyển trường Đại học Geneva đến Virginia, yêu cầu chuyển hộ một bức thư tới họa sĩ ngoài trời mà có thể sẽ vẽ trên những bức tường mới của Monticello, và trở tài hùng biện về đậu tằm như một vụ luân canh lý tưởng.

Nỗi sợ hãi của Madison về các điều khoản của hiệp ước dường như không thể chính đáng hơn, vì ông hiểu được những nội dung rò rỉ từ các phiên họp đặc biệt của Thượng viện kêu gọi bỏ phiếu ủng hộ hiệp ước vào mùa hè năm 1795; sau đó nó lan rộng, như Madison nói, “với vận tốc dòng điện đến mọi khu vực trong Liên bang”. Phản ứng ban đầu của công chúng gần như là hoàn toàn tiêu cực. John Jay sau đó tuyên bố toàn bộ bờ biển phía Đông của Mỹ đã được soi sáng mỗi tối nhờ ánh lửa đốt cháy những bức chân dung của ông. Dư luận cho rằng phe Cộng hòa phải chịu

trách nhiệm về việc Jay đã phản bội danh dự cũng như lợi ích của Mỹ để đổi lấy chút ít bảo trợ từ Anh. Tại New York, Alexander Hamilton đã bị giáng một đòn đau và buộc phải rút lui trong khi đang cố gắng giải quyết sự phản đối hiệp ước, và dân quân địa phương để xuất giả vờ chúc mừng Jay và Thượng nghị sĩ Rufus King của Đảng Liên bang: “Có thể chiếc lồng được tạo ra để bắt con đại bàng Mỹ đã chứng minh cái bẫy chính là dành cho Jays và Kingbirds”.

Phản ứng đầu tiên của Jefferson kết hợp sự phẫn nộ với lời hô hào. Ông lại bắt đầu ra lệnh. Madison phải chiến đấu với Hamilton, người đã đốt nóng báo chí với những bài xã luận nhân danh hiệp ước. “Hamilton thật sự là một người khổng lồ đối với phe chống cộng hòa. Không cần nhiều người, bản thân ông ta đã là một đạo quân. Họ đã tự đưa mình vào hẻm núi, nơi họ có thể thiệt mạng, nhưng an ninh chặt chẽ của Đảng Cộng hòa sẽ cho tài năng của ông ta thêm thời gian... Chúng ta chỉ có những màn chống đối thông thường dành cho ông ta. Sự thật, khi ông ta tiến về phía trước, không có ai ngoại trừ chính ngài có thể ngang cơ với ông ta”. Monticello sớm bắt đầu có chức năng như trụ sở cho chiến dịch chống lại hiệp ước của phe Cộng hòa. Madison đã kéo dài chuyến thăm đến đỉnh núi trong tháng 10 năm 1795 để lập chiến lược chống đối hiệp ước trong Hội đồng lập pháp Virginia, một loại diễn tập cho cuộc tranh luận dự kiến tại Quốc hội Liên bang vào năm sau. Ông để lại cho Jefferson bản sao duy nhất “Ghi chép về những tranh luận tại Hội nghị Lập hiến” của ông, một tín hiệu rõ ràng cho thấy Jefferson cần phải nắm vững các vấn đề về hiến pháp, mà sẽ trở thành trọng tâm trong quan điểm của phe Cộng hòa ở cuộc tranh luận Quốc hội về việc phê chuẩn. “Sự hợp tác tuyệt vời” ngày nào giờ đây đã trở lại và vận hành theo lối quen thuộc. Trong suốt mùa thu, thư từ bắt đầu gửi đi đều đặn từ Monticello, tập hợp sự ủng hộ dành cho Đảng Cộng hòa xung quanh

quan điểm cho rằng Hiệp ước Jay là “thật sự không hơn gì một hiệp ước liên minh giữa Anh và người sùng Anh ở đất nước này để chống lại cơ quan lập pháp và nhân dân Mỹ”.

Thật vậy, nếu các vị thần đã thấy cần đưa ra một tuyên bố duy nhất về chính sách đối ngoại của Mỹ nhằm thổi bùng lên mọi nỗi sợ hãi sâu thẳm nhất và những hận thù cố hữu nhất của Jefferson, thì họ không thể nào làm tốt hơn Hiệp ước Jay. Nó chấp nhận thực tế về uy thế thương mại và hải quân của Anh, qua đó xác nhận một phiên bản thân Anh của tính trung lập Mỹ, chỉ đối lập với phiên bản “trung lập công bằng” thân Pháp của Jefferson. Nó bác bỏ nỗ lực của Jefferson trong vai trò Ngoại trưởng Mỹ để áp thuế nhập khẩu đối với hàng hóa Anh đồng thời chấp nhận quyền của Anh trong việc giữ nguyên thuế nhập khẩu với hàng hóa Mỹ. Cuối cùng, nó cam kết Mỹ sẽ trả cho các chủ nợ Anh những khoản nợ lớn trước cách mạng, hầu hết trong đó là nợ của các chủ đồn điền Virginia. Theo quan điểm Jefferson, đặc điểm tích cực duy nhất của nó là thỏa thuận tuân thủ cam kết được đưa ra vào năm 1783, giải tán quân đội Anh tại các nơi đóng quân của họ trên biên giới phía tây, nhưng ngay cả việc nhượng bộ đơn thuần cũng chỉ cho thấy thiện chí thực hiện những yêu cầu cách đó đã lâu trong Hiệp ước Paris. Hơn nữa, những người ủng hộ chính của hiệp ước là những thương gia và chủ ngân hàng của các thành phố cảng trên nước Mỹ. Và người phản đối hiệp ước mạnh mẽ nhất chính là Alexander Hamilton. Thực tế, như Jefferson nhận thấy, Hiệp ước Jay là một sự phủ nhận Tuyên ngôn Độc lập, liên minh Pháp-Mỹ, phong trào cách mạng quét qua châu Âu và tất cả nguyên tắc chính trị mà ông đã đặt cược sự nghiệp chính trị của mình với tư cách là một chính khách Mỹ.

Với tất cả những lợi thế của việc biết trước kết quả xảy ra, những thế hệ các sử gia sau này không nhìn thấy bức tranh giống như Jefferson đã

thấy. Với cái nhìn công bằng hơn, hậu thế đồng thuận rằng Hiệp ước Jay là một thỏa thuận thực tế giúp tránh được một cuộc chiến với Anh vào thời điểm Mỹ không hề có sự chuẩn bị tốt cho chiến đấu. Nó đã khiến xung đột Anh-Mỹ tạm ngưng một cách hiệu quả, điều mà trong sâu thẳm Jefferson cảm thấy là không thể tránh khỏi cho đến năm 1812, khi Mỹ đã mạnh hơn về kinh tế và ổn định hơn về chính trị. Trong tầm nhìn thậm chí xa hơn, nó đã liên kết việc phát triển an ninh và kinh tế của Mỹ với hạm đội Anh nhằm có được một lá chắn bảo vệ đầy giá trị trong suốt thế kỷ 19. Trên thực tế, nó đã đặt cược Anh thay vì Pháp như một cường quốc bá chủ châu Âu trong tương lai. Do đó, nó bác bỏ giả định Jefferson cho rằng Anh là một lực lượng phản cách mạng cố hữu đang trên đà đi xuống của lịch sử.

Tất nhiên, không có nhận thức nào về lịch sử có sẵn cho Jefferson, ông đã bị cuốn vào một cuộc tranh cãi đang diễn ra khiến niềm tin chính trị mà ông coi trọng nhất gặp rủi ro, và khiến mọi lời hứa về việc sống ẩn dật nơi thôn dã mà ông tự cam kết với chính mình trở thành như tàn tích ký lạ của một thời đã qua. Madison cố gắng cảnh báo những gì định mệnh đã sắp đặt sẵn cho ông: “Ông nên tự chuẩn bị để lắng nghe chân lý, thứ sẽ không thể bẻ cong được”. Nói dễ hiểu hơn, điều này có nghĩa là Jefferson, chứ không phải Madison, đã được Đảng Cộng hòa đồng thuận lựa chọn để kế nhiệm Washington làm Tổng thống. Bây giờ Hiệp ước Jay đã mang tới cho phe Cộng hòa một vấn đề vốn đã làm mất uy tín của phe Liên bang, và giờ thì chắc chắn Washington sẽ nghỉ hưu sau hai nhiệm kỳ, và sự trở lại chính trường của Jefferson có ý nghĩa vô cùng to lớn. Trong những bức thư mã hóa gửi cho Monroe ở Pháp, Madison giải thích là “*phe cộng hòa biết rằng chỉ bằng cách thúc đẩy Jefferson mới có thể nhen nhóm hy vọng thành công*”. Vào đầu mùa xuân năm 1796, cho dù ông có

biết điều đó hay không, thì ông cũng đã trở thành người cầm cờ của Đảng Cộng hòa.

Điều này không có nghĩa là Jefferson chính thức tuyên bố ủng hộ cử tổng thống; không có chính khách tự trọng nào thời ấy làm điều đó. Điều này có nghĩa rằng ông chỉ quên đưa ra một tuyên bố rút lui công khai. Nhưng vì Jefferson không cho phép suy nghĩ về việc ủng hộ cử tổng thống len lỏi vào tâm thức mình, mặc dù nó đã được bàn tán trong khắp mạng lưới của Đảng Cộng hòa và một số tờ báo, ông thật sự không có lý do để tuyên bố rút lui. Madison hiểu hệ thống phức tạp của những công tác nội bộ mà Jefferson có thể tắt và bật rất khéo léo. Vì thế, ông hiểu sự hợp tác lớn đáng ghi nhận chính là ý định trở lại chính trường của Jefferson phụ thuộc vào việc duy trì sự hư cấu rằng điều này sẽ không bao giờ xảy ra. Mặc dù Madison đã dành cả mùa hè và đầu mùa thu năm 1796 tại Montpelier, chỉ cách Jefferson một vài dặm, ông đã chọn cách không đến thăm người thầy của mình tại Monticello vì sợ bị lôi vào cuộc hội thoại khiến cơ chế từ chối của Jefferson bị đảo lộn. “Tôi chưa gặp Jefferson”, ông viết cho Monroe bằng ngôn ngữ mã hóa, “và nghĩ rằng đó là cách tốt nhất để cho thấy ông ấy không có cơ hội phản đối người bạn của mình tham gia cuộc đua này”?⁷²

Điều nhảy tâm lý này được hưởng lợi từ việc cho phép Jefferson khiêu vũ trở lại trong đời sống xã hội mà không hề biết rõ điều gì đang xảy ra. Mặt khác, vì ông vẫn chưa thừa nhận với chính mình rằng những nhận xét của ông chỉ là nhận xét của một công dân cá nhân, nên ông không cảm thấy có trách nhiệm với bất cứ ai ngoại trừ bản thân, hoặc tiếp thu bất kỳ nhu cầu nào cần được bảo vệ trong thư từ của ông. Tuyên bố gây tổn hại nhất mà ông viết trong một lá thư gửi cho người bạn Y Philip Mazzei vào tháng 4 năm 1796 đã dẫn tới việc kết thúc mối quan hệ thân mật của ông với Washington khi báo chí Mỹ vớ được bức thư này vào

năm sau đó: “Ngài chắc hẳn sẽ phát sốt khi tôi kể tên những người bỏ đạo và trở thành dị giáo, những người Samson trên đồng ruộng và những người Solomon trong hội đồng, nhưng đã bị con điếm Anh cạo đầu... Chúng ta chỉ cần thức tỉnh và nắm lấy những sợi dây những người tí hon Lilliput đang quấn quanh chúng ta trong giấc ngủ đầu tiên sau những công việc nặng nhọc”. Như tất cả mọi người tại thời điểm đó giả định, nếu Samson là George Washington và ám chỉ cạo đầu là một nhận xét về việc ông ủng hộ Hiệp ước Jay, thì lá thư của Jefferson hiển nhiên vừa không công bằng lại vừa vô cùng thất sách. Theo tính cách đặc trưng, ông tuyên bố rằng phiên bản in trên báo chí Mỹ đã bóp méo ý nghĩa thật sự trong lá thư của ông do bản dịch tồi trên báo chí Ý, nơi lần đầu tiên nó xuất hiện. Nhưng sự thật đơn giản là những ý kiến của ông không hề bị vô tình bóp méo trong bản dịch, mà cũng không phải là một phút lầm lạc như một số người viết tiểu sử sau này tuyên bố. Đây là cách nhìn thật sự của ông với đối thủ chính trị của mình vào thời điểm đó, như những người bỏ đạo và dị giáo và như những kẻ phản bội sự nghiệp độc lập của Mỹ. Những ranh giới đạo đức là rõ ràng và tinh khiết. Những màu sắc là đen và trắng. Tâm trí ông không mảy may cho rằng người đàn ông trung thực và nguyên tắc có thể không đồng ý một vấn đề mang tính bước ngoặt như Hiệp ước Jay và đòi hỏi sự thật phải có lợi cho cả hai bên.

Ông cũng đưa ra một số ý kiến mở về những vấn đề hiến pháp được nêu lên trong các cuộc tranh luận về Hiệp ước Jay rằng ông sẽ gần như chắc chắn có thể tránh được nếu ông ở tư thế phòng thủ. Madison đã cho ông mượn bản sao “Ghi chép về những tranh luận tại Hội nghị Lập hiến” vào mùa thu năm 1795, vì rõ ràng rằng chiến lược của Đảng Cộng hòa sau đó nhằm ngăn chặn sự thông qua Hiệp ước Jay phụ thuộc vào việc tranh luận vấn đề này ở Hạ viện, nơi Đảng Cộng hòa chiếm đa số; điều này đòi hỏi xử lý khéo léo về mặt hiến pháp vì quyền ký kết hiệp ước nằm trong

tay Tổng thống và Thượng viện. (Thật sự, xem xét “Ghi chép về những tranh luận” của Madison tiết lộ chính Madison đã từng là một trong những người phản đối kiên định nhất việc vi phạm quyền hành pháp trong chính sách đối ngoại tại Hội nghị Lập hiến). Giải pháp táo bạo và thẳng thừng của Jefferson trước tình trạng khó xử này là tuyên bố rằng “lý thuyết thật sự của hiến pháp chúng ta” trao cho các đại diện được bầu ở Hạ viện một sự chia sẻ quyền lực ngang bằng với Tổng thống và Thượng viện liên quan đến các hiệp ước. Bởi ông coi Hạ viện là cơ quan dân chủ nhất trong Chính phủ, có những mối quan hệ chặt chẽ với dư luận, “các đại biểu cũng có quyền như Tổng thống và Thượng viện khi xem xét liệu lợi ích quốc gia có đòi hỏi hoặc cấm họ đưa ra những hình thức và sức mạnh luật pháp cho những điều khoản mà họ có thẩm quyền”. Thật vậy, Jefferson cho rằng để phản đối Hạ viện, vai trò kiểm soát phải được chuyển từ người dân Mỹ sang “bất kỳ thủ lĩnh nào của các chủng tộc Da đỏ, Algerine, v.v.” Ông thậm chí đã đi xa hơn khi nói với Monroe rằng với ông không thành vấn đề trong việc chuyển đổi trách nhiệm chính cho Hạ viện phê duyệt tất cả các điều ước quốc tế và “xóa bỏ toàn bộ hiệp ước trao quyền [cho cơ quan hành pháp], ngoại trừ việc lập lại hòa bình”.

Đây là những quy định cực đoan mà nếu thực hiện nghiêm túc, hẳn sẽ ném chính sách đối ngoại Mỹ vào vạc dầu chính trị trong nước mỗi dịp tranh cãi. Chúng trái ngược với lập luận hiến pháp chặt chẽ và cẩn trọng hơn của Madison, đã trở thành quan điểm chính thức của Đảng Cộng hòa, rằng Hạ viện có thể ngăn chặn việc thông qua Hiệp ước Jay vì một số quy định cần có tiền mới thực hiện được và Hạ viện là cơ quan thích hợp để quyết định mọi hóa đơn tiền bạc. Madison cẩn trọng hơn khi không tấn công trực diện vào quyền hành pháp nhưng vẫn đạt được mục tiêu mong muốn là cho phép đa số thành viên Cộng hòa tại Hạ viện nắm giữ Hiệp ước Jay làm con tin. Quan điểm cực đoan hơn của

Jefferson lại phản ánh thái độ ung dung hơn của ông về vấn đề hiến pháp nói chung. Không giống như Madison, vốn đưa ra đánh giá sâu sắc rằng Hiến pháp như là một sự sắp xếp đan xen khéo léo các nguyên tắc và quyền hạn có ảnh hưởng vĩnh viễn đến những thế hệ tương lai, Jefferson có xu hướng xem nó đơn thuần là một thỏa thuận thuận tiện về các tổ chức chính trị, không nên ràng buộc các thế hệ tương lai hoặc ngăn chặn khả năng thảo luận về mọi quyền lực chính trị - dư luận - ảnh hưởng đến chính sách của chính phủ. Những nhận xét ngẫu hứng của ông vào mùa xuân năm 1796 giữa lúc cuộc tranh luận về Hiệp ước Jay đang lên cao chỉ có ý nghĩa rằng Jefferson thường để lại những vấn đề hiến pháp cho Madison xử lý khéo léo. Nhưng chính xác là do ông không cảm thấy có nghĩa vụ phải đưa ra ý kiến của mình thông qua Madison, tuyên bố của ông phản ánh chính xác hơn ý chí mãnh liệt nhằm uốn cong các luận cứ của hiến pháp để phục vụ những gì ông coi là mục đích cao hơn, trong trường hợp này là đánh bại liên minh phản cách mạng với Anh. Làm lệch cán cân hiến pháp tinh tế hoặc thiết lập những tiền lệ nguy hiểm không khiến ông nao núng trong những khoảnh khắc như vậy.

Madison đóng vai trò đạo diễn cho phe Cộng hòa trong cuộc tranh luận tại Hạ viện, đó là lần đầu tiên họ gặp nhau trong phiên họp kín với tư cách một đảng đối lập - và ông đã bị sỉ nhục khi đa số phe Cộng hòa tan biến hết. John Adams nhận xét rằng: “Trông ông Madison lo lắng như sắp chết. Nhọt nhạt, tiều tụy, hốc hác”. Khi cuộc bỏ phiếu chính thức diễn ra vào cuối tháng 4 năm 1796, Madison cho rằng phe Liên bang chiến thắng sát nút là nhờ âm mưu nơi đô thị của “các ngân hàng, nhà buôn Anh, các công ty bảo hiểm”. Sự thật thì số phiếu thay đổi ý kiến là của các đại diện miền Tây, các cử tri đã quyết định ủng hộ hiệp ước vì việc quân đội Anh rút khỏi vùng biên giới đã hứa hẹn khả năng định cư

tại thung lũng Mississippi. Madison thông báo với Jefferson rằng “nỗ lực và ảnh hưởng của giới quý tộc, phe thân Anh, và chủ nghĩa trọng thương” đã kết hợp để “áp đảo sự nghiệp Cộng hòa, [và] khiến nó rơi vào tình trạng lụn bại...” Thảm họa này quá lớn và quá bất ngờ, đến mức như Madison giải thích sự bàng hoàng của mình với Jefferson, “niềm an ủi của tôi... là qua đó, họ chú ý đến những mục đích tương lai của tôi”. Ông đã bị gạt ra ngoài cuộc chơi và sẵn sàng nghỉ hưu.

Jefferson, với lợi thế khi quan sát thất bại này từ Monticello, đã có một đánh giá khác hẳn và sắc sảo hơn về mặt chính trị. Ông nói cho Monroe ở Pháp biết lý do cơ bản khiến Đảng Liên bang chiến thắng chính là uy tín vĩ đại của Washington, “một người có ảnh hưởng hoàn toàn với nhân dân” và việc họ ủng hộ Hiệp ước Jay cuối cùng đã cho thấy còn quá nhiều điều phải vượt qua. Kết luận của Jefferson mang tính tiên tri sắc sảo:

Cuối cùng người sùng Anh đã ký kết được hiệp ước, và do đó đã giành chiến thắng trước sự nghiệp của chủ nghĩa cộng hòa. Tuy nhiên, chiến thắng này đã được trả bằng cái giá khá đắt... và chắc chắn họ sẽ vui mừng khi lại được đặt chân trên mảnh đất họ từng sở hữu ngay trước khi Jay được bổ nhiệm vào chức vụ đặc biệt. Họ thấy không gì có thể hỗ trợ họ ngoại trừ ảnh hưởng to lớn của Tổng thống với nhân dân, và vào lúc ông ấy nghỉ hưu, người kế nhiệm ông ấy, nếu là một Nhà độc tài, sẽ bị ý thức cộng hòa đè bẹp... Trong khi đó, hãy kiên nhẫn.

Hơn cả Madison, Jefferson thậm chí thường có khuynh hướng coi bất kỳ thành công nào của phe Liên bang là kết quả của tham nhũng và âm mưu. Sau tất cả, nếu đại đa số công dân bị cáo buộc chống đối một chính

sách cụ thể, và chính sách đó vẫn giành chiến thắng, thì lời giải thích hợp lý nhất chính là thuyết âm mưu. Những gì Jefferson thấy rõ ràng trong việc khơi dậy cuộc tranh luận về Hiệp ước Jay, và Madison chỉ đơn giản là tham gia quá sâu vào việc thông báo, chính là những giải pháp về vấn đề phát sinh do hiệp ước đã được một loại hình chính trị mới giải quyết, trong đó cả hai bên công nhận rằng thành công phụ thuộc vào việc thu hút được dư luận. Tầm ảnh hưởng mạnh mẽ gần như không thể vượt qua của Washington đã giúp phe Liên bang cán đích trong cuộc thi đặc biệt này. Nhưng một khi trò chơi đã được định nghĩa theo những điều khoản đó - có nghĩa là, một khi chủ nghĩa cộng hòa trở nên dân chủ hơn trong đặc trưng - thì phe Liên bang đã đến ngày tận số.

NHỮNG KẺ THUA CUỘC MAY MẮN

Tháng 9 năm 1796, Fisher Ames, quán quân tiên tri của sự nghiệp Liên bang, nhận định rằng Diễn văn Từ giã của Washington là “một tín hiệu, như làm rơi mũ, cho những cuộc đua đảng phái bắt đầu”. Trên thực tế, phe Cộng hòa đã tiến hành được vài tháng. Việc ứng cử của Jefferson là một kết luận bị bỏ ngỏ gần một năm; đầu tháng 5 năm 1796, Madison đã thông báo với Monroe rằng bầu cử tổng thống chắc chắn sẽ là cuộc chạy đua giữa “*Jefferson ứng viên của một phe [và] Adams rõ ràng là phe còn lại*”. Chẳng ai trong hai người được kỳ vọng tham gia tranh cử. Một dạng sơ khai của nền chính trị dân chủ đã xuất hiện nhưng vẫn chưa đạt đến giai đoạn phát triển. Việc một chính khách nghiêm túc lại bán rẻ sự liêm chính của mình để trực tiếp lôi kéo cử tri vẫn bị coi là không đúng chuẩn mực.

Quy chuẩn quý tộc còn sót lại này hoàn toàn phù hợp với tâm trạng của Jefferson, cho phép ông tiếp tục ở ẩn tại Monticello trong suốt mùa hè, chính thức quên đi chiến dịch mà Madison đang tiến hành trên danh nghĩa của mình và thậm chí có thể bí mật duy trì một cái cớ để nghỉ hưu

suốt phần đời còn lại. Madison là đồng lõa trong trò chơi tâm lý này, không bao giờ trao đổi thư từ với Jefferson về cuộc bầu cử sắp diễn ra cho đến khi nó kết thúc. Thậm chí sau đó, khi ông chính thức điền tên Jefferson vào tháng 12 năm 1796, báo cáo chính trị của ông vẫn thận trọng tránh đề cập việc ứng cử của Jefferson. “Không phải là không thể xảy ra chuyện Pinckney sẽ xen vào giữa hai người được coi là hai nhân vật chính trong câu chuyện này”, ông nhận định, dẫn ra một loạt nỗ lực của Hamilton nhằm chạy đua cho một ứng viên thứ ba là Thomas Pinckney của Nam Carolina, người có thể thay thế Adams làm ứng viên tổng thống của Đảng Liên bang. Madison nói tiếp: “Jockeyship này được cất nhắc là nhờ sự thù hằn của Adams đối với ngân hàng và hệ thống tài chính, và do lo sợ rằng ông ta quá cứng đầu để làm một con rối cho cuộc vận động ngầm sau cánh gà”. Nói cách khác, Adams không phải người trung thành với Hamilton - sự thật là Adams không thích Hamilton cũng gần bằng Jefferson, và sau khi biết về kế hoạch Pinckney này, ông còn căm ghét ông ta nhiều hơn - vậy nên tổng thống tiếp theo chỉ có thể là Jefferson hoặc một người có thể được phe Cộng hòa nhượng bộ.

Jefferson lần đầu tiên thừa nhận mình sẽ ra tranh cử khi đáp lại bức thư của Madison. Trong khi cố làm ra vẻ hoàn toàn bất ngờ, Jefferson vẫn giữ được điệu bộ Madison luôn ưa thích: “Ước nguyện đầu tiên từ trái tim tôi là ngài nên được đề cử vào chính phủ. Dù ngài phản đối thì tôi vẫn ước ai đó ứng cử hơn là chính tôi. Và không có gì khiến tôi hy vọng trong lo âu hơn là việc tên tôi có thể xếp thứ hai hoặc thứ ba. Tôi thờ ơ với mấy việc này; nếu đứng cuối cùng trong danh sách, tôi sẽ có thể ở nhà cả năm; còn người khác [phó tổng thống] và hai phần ba còn lại”. Sau đó, Jefferson bảo Madison tuyên bố rằng nếu cuộc bầu cử kết thúc với một kết quả hòa, ông muốn Adams trở thành người chiến thắng. “Ngài ấy luôn là đàn anh của tôi kể từ ngày chúng ta tham gia chính trị”, Jefferson

quan sát với việc trở nên khiêm tốn, trong bối cảnh “nên ưu tiên ngài ấy”, và thêm như một suy nghĩ sau cùng mà ông có “mình chẳng tự tin để đảm nhiệm”.

Trong những tuần tiếp theo, kết quả bỏ phiếu ở 14 bang đã rõ ràng, trước công chúng Jefferson vẫn duy trì một điệu bộ miễn cưỡng cá nhân và sự tôn kính chính trị với Adams. Ngay cả trước khi kiểm phiếu, ông đã viết thư cho đồng nghiệp cũ của mình từ những ngày ở Philadelphia và Paris, lấy làm tiếc rằng “nhiều sự cố nhỏ [đã] xảy ra hoặc được trừ tính để chia tách chúng ta” và muốn từ bỏ bất kỳ ham muốn cạnh tranh nào. Ông giải bày: “Tôi không có tham vọng cai trị người khác. Đó là một nhiệm vụ đau đớn và bạc bẽo”. Ông rõ ràng luôn để mắt tới những thông tin báo chí về cuộc bỏ phiếu, vì ông là người đầu tiên dự đoán Adams sẽ chiến thắng nhờ ba phiếu đại cử tri (71-68), mà hóa ra đây lại kết quả chính xác. Nhưng ông muốn dập tắt mọi tin đồn về việc ông không đồng ý phụng sự dưới quyền Adams: “Tôi là đàn em của ngài ấy trong cuộc sống, ở Quốc hội, trong đoàn Ngoại giao, và gần đây là ở chính phủ dân sự”. Bên cạnh đó, Adams “có lẽ là rào chắn vững chắc duy nhất chống lại việc Hamilton trúng cử”. Chức vụ phó tổng thống là một “vị trí yên bình và vô hại” sẽ giúp Jefferson được nghỉ hưu phần nào. Ông mong chờ sẽ dành “các buổi tối mùa đông cho triết học và những ngày hè ở nông thôn”.

Bên dưới những thể hiện miễn cưỡng và tôn kính, phản chiếu chính xác cảm xúc chân thực ở một tầng tính cách của ông, còn tồn tại một tầng khác nữa, đánh giá tình hình chính trị thực tế hơn. Trong khi nhắc lại sự ngây thơ chính trị của mình, ông tuyên bố rằng: “Trong cuộc đời mình, tôi chưa bao giờ trao đổi với bất kỳ ai về chủ đề này, cho tới khi tên tôi được nhắc tới rộng rãi, cạnh tranh với tên của ông Adams”, ông cũng đưa ra một phân tích sắc sảo về những thứ đang chờ đợi người chiến

thắng. “Chức vụ thứ hai trong Chính phủ là một vị trí danh dự và dễ dàng”, ông giải thích; “nhưng đứng đầu thì đúng là một nỗi thống khổ lớn lao”. Vấn đề chính là cái bóng quá lớn của George Washington. Trong một phép ẩn dụ lộn xộn khác thường, ông nói với Madison về cái nhìn sâu sắc kỳ lạ này: “Tổng thống may mắn vì đã rời bỏ chức vụ trước khi bong bóng vỡ, để cho những người khác giữ lấy cái vỏ. Tuy nhiên, sự ra đi của ông ấy sẽ đánh dấu thời điểm làm việc khó khăn, ngài sẽ thấy, họ sẽ đổ tại Chính phủ mới, và rằng ông ấy sẽ thường có được vận may từ người khác và bỏ họ lại với đống sai lầm của ông ấy”. Tóm lại, bất cứ ai nhậm chức sau Washington chắc chắn sẽ thất bại, và “chẳng ai khi rời khỏi ghế tổng thống mà vẫn giữ được danh tiếng đã mang lại cho mình chức vụ đó”. Đảng Cộng hòa đã may mắn khi thua cuộc.

Cả người quá bận rộn với việc phân tích đường lối tổng thống của Adams như Madison, lẫn người có hư danh phù phiếm và nổi ám ảnh công quyền không bao giờ cho phép chia rẽ chính trị như bản thân Adams, đều không thể nhìn nhận mọi việc rõ ràng như vậy. Về phần mình, phản ứng đầu tiên của Jefferson là chia sẻ đánh giá chính trị này với người bạn lâu năm của ông đến từ Quincy. Ông làm điệu bộ Cicero của người nông dân đã nghỉ hưu; như ông nói với Adams rằng ông đang sống ở một bang hẻo lánh, nơi “tôi tìm hiểu chút ít về những thứ đang trôi qua; tôi chưa từng thấy truyền đơn, giấy tờ thì thấy chút ít và càng ít thì càng hạnh phúc”. Mặc dù không trung thực, nhưng Adams hiểu rằng chính điệu bộ đó là thứ giữ lại phép lịch sự giả tạo giữa hai người đàn ông trong những năm gần đây. Sau khi chúc mừng chiến thắng của Adams và bảo đảm rằng ông “không bao giờ có khoảnh khắc nào mong đợi một kết quả khác”, Jefferson đã cố gắng cảnh báo con báo ông sắp phải đối mặt. Đầu tiên là “cái tinh quái của người bạn New York”, tính hai mặt của Hamilton là một sự bảo đảm cho việc đồng thuận hoàn toàn

- người “sẽ bị thất vọng với ngài” và “mưu toan đằng sau hậu trường” thao túng những nhân vật thân tín trong nội các. Nói chung, cả vấn đề đối ngoại và đối nội của quốc gia đều là nạn nhân của đấu đá phe phái: “Kể từ ngày ngài ký hiệp ước Paris, chân trời của chúng ta chưa bao giờ u ám tới vậy”. Ông kết luận sau khi so sánh với những ngày tươi đẹp trước đây “khi chúng ta đấu tranh cho nền độc lập của mình”, và đưa ra một lời hứa mơ hồ để làm mới quan hệ đối tác cũ.

Thay vì gửi thư trực tiếp đến Adams, Jefferson đã quyết định để Madison xem trước, chỉ để bảo đảm nội dung lá thư đúng mực. Madison khuyên không nên gửi, nêu ra sáu lý do khiến những tâm tư trong đó có thể bị hiểu sai đi. Lý do cuối cùng và trọng yếu nhất về mặt chính trị là: “Xem xét khả năng sự nắm quyền của ông A tạo ra làn sóng phản đối từ phe Cộng hòa, và tình hình bất ổn chung mà chúng ta có thể phải đối mặt, đó có thể là điều bẽ mặt thật sự nếu viết về ông ta, ở mức độ khen ngợi và sự tự tin trên cơ sở tình bạn và sự thân thiện cá nhân của ngài”. Nói cách khác, thứ tình cảm nổi tiếng mà Jefferson dành cho Adams là đáng ngưỡng mộ, nhưng nó không được phép trở thành một trở ngại cho sự nghiệp Cộng hòa. Nếu Jefferson đã đúng về những biến động chính trị sắp làm lung lay chiếc ghế tổng thống của Adams, thì tốt nhất là nên giữ khoảng cách.

Jefferson ngay lập tức nhận thấy đây là một lời khuyên chính trị tuyệt vời, nhưng cũng phải trả giá. Jefferson cảm thấy mối gắn kết của mình với Adams là rất rõ ràng. “Ông A và tôi là những người bạn chân tình từ đầu cuộc cách mạng”, ông giải thích với Madison, và mặc dù tình bạn của họ bị chia rẽ vì một số vấn đề trong những năm đầu thập niên 1790, nhưng những khác biệt này đã “không khiến tôi cảm nhận được ít hơn sự chính trực từ trái tim ông ấy. Và tôi muốn ông ấy biết điều này...” Hơn nữa, Adams không phải là một thành viên Liên bang trung kiên thuộc

phe Hamilton. Ông thật ra còn phản đối kế hoạch ngân hàng và ngân sách của Hamilton và chỉ ủng hộ Hiệp ước Jay. Hơn nữa, Jefferson biết rằng Adams cũng giống mình, không tin tưởng người Anh. (Vấn đề là ông thậm chí còn không tin tưởng người Pháp nhiều hơn thế). Tóm lại, Adams không phù hợp với khuôn mẫu Liên bang mà cả Jefferson và Madison áp ủ. Thật vậy, bản năng đầu tiên của Adams trong vai trò Tổng thống mới đắc cử là đã hỏi liệu Madison có sẵn sàng làm người đứng đầu phái đoàn ngoại giao Mỹ sang Pháp, và liệu Jefferson có cân nhắc phụng sự trong nội các chứ không phải là lãng phí tài năng của mình tại Thượng viện. Đó rõ ràng là một cử chỉ lưỡng đảng dành riêng để mời những người Cộng hòa vào các vị trí trọng yếu trong chính quyền mới.

Quyết định giữ khoảng cách với Adams của Jefferson do đó vừa mang tính cá nhân sâu sắc vừa mang tính định mệnh chính trị. Trên phương diện chính trị, chỉ có thể suy đoán về triển vọng của một chính phủ lưỡng đảng do Adams-Jefferson đứng đầu, và ít nhất là chính phủ đó được chứng kiến cơ hội tranh đấu giữa hai người kế tục di sản vĩ đại của Washington. Nhưng suy đoán như thế chẳng đi đến đâu, không chỉ bởi quyết định của Jefferson mà còn vì những thành viên phe Liên bang được Adams lựa chọn thiếu khôn ngoan giữ lại trong nội các của mình luôn phản đối sự hiện diện mạnh mẽ của phe Jefferson cũng như Madison trong chính quyền mới; họ dọa từ chức hàng loạt nếu điều đó xảy ra.

Trên phương diện cá nhân, Jefferson buộc phải lựa chọn giữa lòng trung thành lâu dài của mình với bạn bè và trách nhiệm với nghị trình của Đảng Cộng hòa. Về mặt tâm lý, ông thấy mình không có khả năng là một nhà lãnh đạo đảng, nhưng trên thực tế ông đã một lần nữa phải gánh vác. Ông đã trút bỏ gánh nặng trong tâm trí của mình vào tháng 3 năm 1797, sau một bữa tối thân mật tại nhà của Washington ở

Philadelphia, ông cùng Adams đi bộ về nhà dọc đường Market và Adams thông báo với ông rằng phe Liên bang đã bác bỏ sáng kiến lương đảng vì thấy phi lý. Như Jefferson nhớ lại sau này, hai đồng minh cũ đi theo những hướng khác nhau, “ông ấy đi xuống đường Market, tôi đi dọc đường Thứ Năm, và chúng tôi đã bỏ đi; và sau đó ông ấy không bao giờ nói với tôi lời nào về vấn đề này nữa, cũng chẳng bao giờ hỏi ý kiến tôi về những biện pháp của chính phủ”. Adams là vậy, khi buộc phải lựa chọn, đã chọn đảng thay vì tình bạn.

Cần phải biết rằng không ai trong hai người này xem xét quyết định của mình trên những phương diện đó. Adams coi mình là phiên bản Mỹ của “nhà vua yêu nước” tiết hạnh, phản đối tất cả các bè cánh nhấn danh lợi ích cộng đồng, thậm chí không giao thiệp với cả những đồng nghiệp phe Liên bang của chính mình, như cuối cùng đã làm thế thật. Còn Jefferson thì thấy mình là người đứng đầu chính phủ lưu vong, một lần nữa được đặt ở vị trí bất thường phụng sự chính thức cho chính quyền mà ông chống đối. Tại buổi lễ nhậm chức của mình, ông nói đùa mình chẳng còn nhớ hết thủ tục nghị viện, một tín hiệu rõ ràng rằng thời gian ông ở Philadelphia sẽ dành cho công việc vô bổ là điều khiến những cuộc tranh luận tại Thượng viện. Ba tuần sau, vào ngày 20 tháng 3, ông đã trở lại Monticello, chờ đợi thảm họa không thể tránh khỏi khiến phe Liên bang sụp đổ và là thời điểm tốt để chuyển giao lời ước hẹn của Cách mạng Mỹ vào đúng tay người xứng đáng.

CHƯƠNG 4: WASHINGTON, D.C.: 1801-1804

Tất cả chúng ta là đều là người Cộng hòa - tất cả chúng ta đều là người Liên bang.

THOMAS JEFFERSON

Diễn văn Nhậm chức, ngày 4 tháng 3 năm 1801

Tôi sẽ không tìm cách trả thù nào khác, ngoài cách kiên trì theo đuổi kinh tế và hòa bình, thiết lập vững chắc các nguyên tắc cộng hòa, cả về nội dung lẫn hình thức, nhấn chìm chủ nghĩa liên bang vào một vực thẳm không thể thoát ra.

JEFFERSON GỬI LEVILINCOLN

Ngày 25 tháng 10 năm 1802

Truyền thuyết kể rằng ông đến lễ nhậm chức tổng thống của mình trong sự cô độc huy hoàng và với một thái độ khiêm nhường. Theo các nguồn không đáng tin cậy, dựa trên câu chuyện bịa của một du khách người Anh, ngay trước buổi trưa ngày 4 tháng 3 năm 1801, Jefferson đi tới đại lộ Pennsylvania bụi bặm trong một khung cảnh mà các nhà sản xuất hình ảnh sau này có lẽ sẽ đặt tên là “Ông Jefferson tới Washington”: “Ông ấy mặc quần áo vải trơn, và ông ấy cưỡi ngựa đến đồi Capitol mà không có một người bảo vệ hay thậm chí tùy tùng nào đi cùng, xuống ngựa mà không cần ai giúp, và buộc dây cương ngựa vào hàng rào”. Câu

chuyện tiếp diễn: ông bước vào phòng Thượng viện, đọc Diễn văn Nhậm chức của mình trong một phong cách khiêm tốn và bằng chất giọng, theo nhân chứng Margaret Bayard Smith thì “nhẹ nhàng như phụ nữ”. Thật vậy, ông phát biểu khẽ khàng đến mức rất ít khán giả có thể nghe thấy những gì ông nói. Sau khi tuyên thệ nhậm chức, ông nhanh chóng rời đi không chút phô trương và lại đơn độc cưỡi ngựa trở về phòng mình tại nhà trọ Conrad & McCunn. Ở đó, ông ngồi ở đầu bàn cách xa lò sưởi - vị trí quen thuộc của ông - và nhìn ra thế giới như một công dân bình thường của nước Cộng hòa Mỹ đang bẻ bánh mì cùng những người như mình.

Các chủ đề dân chủ về chủ nghĩa cá nhân và sự bình đẳng điều hành, hoặc có lẽ là tiến thẳng đến chỗ chúng ta trong cách tạo dựng huyền thoại này. Và vì việc nhậm chức tổng thống của Jefferson có liên hệ mật thiết với sự xuất hiện của một xã hội Mỹ dân chủ hơn trong những năm đầu thế kỷ 19, nên nó có vẻ như rất hợp lý khi đưa ông vào cái bẫy của huyền thoại dân chủ. Chính Jefferson đã vô tình đóng góp cho cách giải thích này, khi mà một vài năm sau sự kiện đó, ông đã gọi cuộc bầu cử của mình là “cuộc cách mạng năm 1.800”, rồi lý giải rằng nó “là một cuộc cách mạng thật sự theo nguyên tắc của chính phủ chúng ta, giống như cuộc cách mạng năm 1776 vậy”. Nhưng ý tứ thật sự của Jefferson khi nói những lời này, và những gì người đương thời với ông nghĩ về cuộc bầu cử lúc đó, lại không hoàn toàn dựa trên các mệnh lệnh huyền thoại của một nền văn hóa dân chủ. Có lẽ cách tốt nhất để làm nổi bật sự khác biệt giữa truyền thuyết dân chủ và thực tế lịch sử chính xác hơn là đi vào mô tả riêng rẽ những gì chúng ta biết về các sự kiện có thật trong ngày 4 tháng 3 năm 1801.

Không có con ngựa nào trong bức tranh. Phòng của ông ở Conrad & McCunn chỉ cách đồi Capitol một quãng ngắn, chỉ một vài trăm thước,

nên ông đi bộ. Nhưng ông không đi bộ một mình. Trước mặt ông là một đội dân quân từ khu vực Alexandria gần đó, kiếm tuốt trần đang hành quân, theo sau là một đoàn đại biểu nghi lễ của quận Columbia. Đằng sau ông là một cuộc diễu hành nhỏ của các chức sắc, dẫn đầu là một dân biểu Cộng hòa và hai thành viên của nội các sắp mãn nhiệm, sự hiện diện của họ nhằm để minh họa cho sự tiếp nối công việc của Tổng thống Adams. Bản thân Adams lẽ ra phải có mặt thì lại không hiện diện, hoạt động sáng hôm đó sẽ diễn ra lúc 4:00 ngoài thành phố.

Các nhân chứng gần như đều nhất trí rằng sự đơn giản tương đối của “cuộc diễu hành nhỏ” ấy chính là để đưa ra một tuyên bố chính trị. Hầu hết các nhà bình luận đều nhấn mạnh vào sự tương phản giữa đoàn tùy tùng khiêm tốn, không trang hoàng và hào nhoáng của Jefferson với cỗ xe sáu ngựa đã được Washington và Adams sử dụng trước đó tại lễ nhậm chức của mình. Nhưng từ khóa ở đây là “cộng hòa” chứ không phải “dân chủ”. Không ai lúc đó nghĩ rằng sẽ mô tả cuộc bầu cử của Jefferson như sự lên ngôi của một thường dân. Những nhà quan sát duy nhất sẵn sàng mô tả ông như một “nhà dân chủ” là một vài người theo tư tưởng Liên bang cực đoan; và họ đã dùng thuật ngữ này như một biệt danh (nghĩa là, “nhà dân chủ nguy hiểm”). Chính Jefferson cũng ít khi sử dụng từ “dân chủ” trong tuyên bố công khai hay thư từ riêng của mình trước năm 1800, và chỉ đến khi được bầu ông mới bắt đầu làm như vậy. Trong một bức thư gửi cho Maria một vài tuần trước lễ nhậm chức, ông đã mô tả những gì đang xảy ra theo công thức quen thuộc nhất kiểu Jefferson, đó là: “Tôi cảm thấy một mong muốn chân thành, thật vậy, là được thấy chính phủ chúng ta trở lại nguyên tắc cộng hòa, được thấy chính phủ mà tôi đã cống hiến cả đời mình được gắn chặt với những nguyên tắc ấy”. Ông coi mình như một công cụ nhằm khôi phục “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy”, theo đó ý ông là các nguyên tắc chính trị được rèn giũa trong

thử thách của Cách mạng Mỹ, những nguyên tắc sau đó đã bị những kẻ chủ trương Liên bang phá hỏng (tức là “người sùng Anh”, “người theo chủ nghĩa quân chủ”) từ năm 1776.

Trong tâm trí của cả ông lẫn của những người ủng hộ ông, lúc đó, việc Jefferson lên làm tổng thống tượng trưng cho sự phục hồi tình trạng thất lung buộc bụng thời cách mạng hơn là việc lên ngôi của một người bình dân. Sự đơn giản trong cách ăn mặc của Jefferson và thái độ khiêm tốn của “cuộc diễu hành nhỏ” đến đồi Capitol của ông được xem như một tuyên bố lạc hậu về “tinh thần năm “76”. Trong tâm trí Jefferson, những đột phá lịch sử lớn lao gần như luôn là sản phẩm của một cuộc thanh trừng, nó giải phóng xã hội khỏi các mảnh vỡ tích lũy của quá khứ và do đó cho phép các lực lượng tự nhiên bị cản trở trước đó tiến tới tương lai. Sự giản dị và cần kiệm, chứ không phải bình đẳng hay chủ nghĩa cá nhân, là những thông điệp từ cuộc diễu hành nhậm chức của ông. Đó là một tuyên bố của chủ nghĩa tối giản về một cuộc thanh trừng sự dư thừa và chú trọng vào bản chất.

THÀNH PHỐ CỘNG HÒA

Nếu đây chính là ý nghĩa của “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” đối với Jefferson và những người đương thời, thì thông điệp mà họ dự định đã được hưởng một môi trường sống tự nhiên hoàn hảo tại thủ đô mới. Vì Washington, D.C., vào năm 1801 là địa điểm lý tưởng để khởi động một cuộc thập tự chinh chống lại sự thái quá. Sẽ không thể hình dung ra cảnh những triều thần lập kế hoạch trong những dãy hành lang, hoặc những kẻ chủ mưu đang âm mưu đằng sau những cánh cửa cung điện khóa kín, vì chẳng có tòa án, chẳng có cung điện, ngoài sự thật là có rất ít nhà cửa. Những vị dân biểu nếu muốn họp kín trong hành lang của đồi Capitol chưa hoàn thiện thì sẽ phải thường xuyên nói thi với tiếng súng trường của đám thợ săn đang đi bắn chim cú và gà tây rừng cách đồi

Capitol chừng một trăm thước. Washington là thành phố cộng hòa hoàn hảo theo nghĩa vụng về ở chỗ nó không hẳn là một thành phố. Các gốc cây vẫn còn nhô lên ở một số điểm trên đại lộ Pennsylvania (có lẽ đây là một lý do nữa cho việc Jefferson không đến lễ nhậm chức của mình bằng xe ngựa), và khi một số du khách dừng lại để hỏi thủ đô mới của Mỹ ở đâu thì họ được thông báo rằng họ đang đứng ngay trong trung tâm của nó. Càng hợp lý hơn khi có ghi chép cho rằng vị tổng thống đầu tiên cư trú tại đây tin rằng các thành phố là những vết lở loét trên cơ thể chính trị, vì Washington làm người ta nghĩ ngay đến thôn quê nhiều hơn thành thị, một vết thương hở đang chảy máu vào sông Potomac.

Jefferson từ lâu đã hối tiếc về “thương vụ bàn ăn”, dẫn tới việc thủ đô quốc gia bị đặt ở vị trí phía nam, trên bờ sông Potomac; ông gọi nó là quyết định sai lầm nhất trong cả sự nghiệp của ông. Nhưng lúc đó ông đang ám chỉ lối ngoại giao xảo quyết của Hamilton đã quyến rũ ông, khiến ông chấp nhận giả thiết của liên bang về các khoản nợ công, chứ không phải việc đặt thủ đô tại một nơi khó tin giữa đầm lầy Chesapeake. Chính Washington đã đưa ra các quyết định quan trọng về địa điểm đầm lầy và diện tích vô duyên của nơi này. Ông đã chọn một chỗ đất lún tự nhiên, có vành hình đĩa, có thể giữ nhiệt và độ ẩm hiệu quả đồng thời là một nơi sinh sản lý tưởng cho muỗi. Những ngọn đồi xung quanh vừa đủ cao để cản trở sự di chuyển của không khí và vừa đủ thấp để ngăn cản sự hiện diện của cảnh vật ở xa. Washington cũng đã hợp nhất cả hai kế hoạch đô thị được đề xuất với ông, do đó mở rộng biên giới của thành phố này. Kết quả là, thay vì bắt đầu với một nơi tập trung dân cư và mở rộng ra, thì thành phố mang tên ông lại bắt đầu bằng một không gian rộng lớn nhưng hầu như trống rỗng, rồi sau đó mới dần dần được lấp đầy. Du khách châu Âu và Mỹ luôn bị nhầm lẫn khi đặt chân vào thủ đô của Mỹ, vì những nhà quản lý thành phố đã công bố các tấm bản đồ và bản in

chi tiết cho thấy cách bố trí của các đường phố và các tòa nhà trong hình dung mà không giải thích rằng sẽ phải mất hàng thập niên thì thực tế mới bắt kịp với tầm nhìn. Những lời cuối cùng của Washington về dự án này, chính xác một cách kỳ quái như thường lệ mỗi khi nói đến những vấn đề thiết yếu, dự đoán rằng các không gian trống sẽ cho phép thủ đô của quốc gia trở nên vĩ đại “trong khoảng một thế kỷ”.

Điều đó làm cho Washington trở thành một thành phố phong cách Jefferson kiểu mẫu theo một nghĩa khác, cụ thể đó là một lời hứa chắc chắn, một số người sẽ nói là ngớ ngẩn, về khả năng tiềm ẩn của quốc gia, giống như một chàng thanh niên trong những năm đầu đời đã vẽ lên một kế hoạch cho ngôi nhà trong mơ của mình và sau đó tự tin chờ đợi những kỳ vọng của mình sẽ đạt được trong tương lai. Du khách nước ngoài thường xuyên ghi lại sự không bằng lòng của họ với phong cách tân cổ điển táo bạo của Tòa nhà Tổng thống và đồi Capitol - tòa nhà công cộng duy nhất ở đó vào năm 1801 - sau đã bị lún xuống giữa một đầm lầy. “Đường phố đầy bùn vào mùa đông, và bụi mù vào mùa hè”, một người hài hước kể lại, “và thay vì những công trình lớn lộng lẫy, bạn sẽ chẳng thấy gì ngoài ruộng ngô và đồng cỏ, những kênh rạch cạn khô và những đầm lầy bắn thủ, nơi ếch nhái làm tình trong âm điệu thích thú giòn vang nhất, và chúng rống lên như thể chúng quyết tâm không giữ bí mật chuyện này”. Đổi tên Goose Creek thành Tiber đã trở thành nguồn cho nhiều câu chuyện cười về sự lố bịch của một thành Rome nước Mỹ. Một nhà thơ Ireland trẻ là Thomas Moore đã biến những ý tứ ấy thành vần vè, thậm chí đưa cả Tổng thống Jefferson vào mạch thơ:

*Đây nơi đô thị đồng quê, nơi trong trí tưởng tượng ta thấy
Quảng trường trong đầm lầy, bia tượng niệm trên cây cối.
Những thứ sẽ đẹp đẽ theo lời tiên tri*

Đền miếu chưa dựng và anh hùng chưa sinh.

Dù giờ chỉ thấy tuyên rùng và J--,

Nơi lý ra phải là phố phường và ngải đặng.

Dù bài thơ dở tệ này có thiếu sót đến đâu về mặt thi ca, nhưng đúng là nó đã thu hút được sự chú ý đến sự khác biệt rõ ràng giữa thực tế là Washington giống như một bộ sưu tập hỗn tạp những ngôi làng và tuyên bố khá tự phụ, mà kỳ diệu thay qua thời gian lại hóa ra gần đúng, rằng thủ đô giả tạo này là tâm chấn của một trận động đất chính trị mà định mệnh đã định để lật đổ mọi vương triều và bạo chúa trên hành tinh. Nhưng vào thời điểm đó, nghịch lý đáng chú ý này chỉ trông giống như một mâu thuẫn đơn giản. Capitol chưa hoàn thiện đã minh chứng cho điều này bằng hình ảnh. Thứ mà Jefferson nhìn thấy khi ông kết thúc “cuộc diễu hành nhỏ” của mình chính là một công trường xây dựng. Trung tâm của đồi Capitol đã mất tích hoàn toàn, và các cột trụ được thiết kế để đỡ mặt tiền phía trước vẫn đang nằm ngổn ngang trên bãi cỏ. Chái nhà phía bắc, nơi Hạ viện họp, mới chỉ xong phần khung nhưng mái chưa xong; đám nghị sĩ gọi vui nó là “cái lò”. Jefferson đã chọn tuyên thệ nhậm chức tổng thống trong phòng Thượng viện chủ yếu là vì lúc đó nó là tòa nhà công duy nhất có sẵn.

Tất nhiên biểu tượng đô thị và kiến trúc chỉ có thể giúp ta dựng lại không khí ban đầu ở buổi lễ nhậm chức của Jefferson. Một khi bước vào phòng Thượng viện, chúng ta bước vào một khu vực nội bộ theo nhiều nghĩa. Mọi chỗ trong phòng Thượng viện đều đã có người ngồi, hành lang hết chỗ chứa. Cảnh phóng viên ước tính khán giả tham dự vào khoảng 1.000 người. Trong khi chúng ta có thể chắc chắn rằng họ đã không đến để nghe về sự xuất hiện của Nền Dân chủ Jefferson mà là về sự phục hồi

của “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy”, thì ta lại không tài nào biết được rõ ràng ý nghĩa của nó là gì. Có một sự kịch tính và căng thẳng đằng sau màn chào đón Jefferson khi ông tiến đến sân khấu nhỏ ở tầng dưới phòng Thượng viện. Chờ để gặp ông là Phó Tổng thống Aaron Burr, đã tuyên thệ nhậm chức trước đó vào buổi sáng, và Chánh án John Marshall, có mặt để điều hành lễ tuyên thệ của Jefferson.

Bất kỳ cuộc tụ tập nào có mặt Burr đều có khả năng trông giống như một âm mưu. Trong mắt những người đương thời, ông là một thành viên bí ẩn và lạnh lợi nhất của thế hệ cách mạng. John Adams tin rằng Burr là người duy nhất có khả năng vượt qua cả Hamilton trong cuộc đua để trở thành một Napoleon của Mỹ. Ông tỏa sáng và xuất sắc trong phong cách Hamilton, và lợi thế duy nhất của ông so với Hamilton, trên thực tế là so với tất cả các đối thủ cạnh tranh, đó là khả năng bất chấp mọi nguyên tắc đạo đức hay chính trị vốn cản trở con đường quyền lực của mình. “Đối với Burr”, Hamilton viết vào tháng 12 năm 1800, “đến đám bạn thiên vị nhất cũng không ủng hộ tính cách cá nhân của ông”, và thêm rằng “Ông Burr [là] người không thích hợp nhất cho vai trò Tổng thống tại Mỹ”. Hamilton dường như cảm thấy ở Burr một phiên bản hiểm ác hơn về tham vọng chính trị chộn rộn của chính mình, cũng giống Burr dường như cảm thấy ở Hamilton một chính khách Mỹ duy nhất cả gan thách thức yêu cầu chính đáng của ông. Sự rất giống nhau về tính khí của hai người đã khiến họ cạnh tranh với nhau đến mức sống còn. Nếu chỉ nhìn lại, có vẻ hoàn toàn có thể dự đoán được rằng hai nhân vật phản diện sẽ đối mặt nhau bằng súng ngắn trên cánh đồng Weehawken ba năm sau đó và Burr, không bị đè nặng bởi bất kỳ quy tắc danh dự cổ lỗ nào, sẽ lạnh lùng găm một viên đạn vào cột sống của Hamilton.

Tại sao một nhân vật không có chút gì tính cách của Jefferson lại đang đứng đó trong phòng Thượng viện, chào đón Jefferson với tư cách là

người đứng thứ hai sau ông? Câu trả lời ngắn gọn là Burr chịu trách nhiệm chính cho cuộc bầu cử của Jefferson. Trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1800, một lần nữa Jefferson lại phải đấu với Adams. Mặc dù ứng viên Cộng hòa cho vị trí trong Quốc hội và nhà nước giành chiến thắng vang dội, nhưng Adams vẫn dẫn đầu các ứng viên Liên bang khác về số phiếu. Trong tất cả các bang trừ New York, Adams thực ra có số phiếu đại cử tri bằng hoặc hơn số phiếu ông đã giành được trong cuộc đua năm 1796, cuộc đua mà ông đã thắng sít sao. Nhưng New York đã dứt khoát bầu cho Jefferson, nên chiến thắng của Adams sẽ là rất mong manh. Và người đã giao các đại cử tri của New York cho phe của Jefferson chính là Aaron Burr kiên cường, cái giá phải trả cho Burr về những đóng góp quan trọng này chính là một chỗ trên lá phiếu cùng Jefferson.

Đoạn kết tối quan trọng cho câu chuyện chính trị này xảy ra trong những tuần sau chiến thắng của Jefferson. Sau đó, kỳ lạ thay, đầy đau buồn là hệ thống bầu cử đã ngăn cản cử tri phân biệt giữa phiếu bầu cho tổng thống với phiếu bầu cho phó tổng thống (sau đó đã được sửa lại bằng Tu chính án Thứ mười hai), nên Jefferson và Burr đã nhận được cùng số phiếu đại cử tri. Điều này đã đẩy cuộc bầu cử vào Hạ viện, nơi phe Liên bang có thể chặn được phần lớn số phiếu cần thiết cho việc Jefferson được chọn trong sáu ngày với 36 phiếu. Mặc dù tất cả đều thừa nhận rằng cử tri Mỹ đã có ý định chọn Jefferson làm tổng thống, nhưng Burr đã không làm gì để cho thấy ông sẵn sàng từ hoãn. (Hành vi từ hoãn tôn kính là một thứ xa lạ với phong cách của Burr). Vì vậy, người đón chào Jefferson khi ông bước vào phòng Thượng viện là một kẻ âm mưu chính trị tai tiếng, người mà chỉ một vài tuần trước đó đã bị động trao mình cho một âm mưu của phe Liên bang được thiết kế để lừa Jefferson ở chức vụ ông sắp nhận.

Rồi có John Marshall. Xét theo mọi lẽ, Marshall đáng ra phải là một đệ tử của Jefferson. Một người đồng hương Virginia, thậm chí là một người họ hàng xa thông qua gia tộc Randolph có mặt ở mọi nơi, Marshall cùng thời với Madison và Monroe, bằng cách nào đó đã lách được qua mạng lưới thường tập hợp những người trẻ tuổi tài năng của Virginia vào gia đình chính trị của Jefferson. Vào thời điểm Hiệp ước Jay, ông đã trở thành một trong những người nổi bật nhất của phe Liên bang; Jefferson đã từ chối ông vì cho rằng con người này “có tác phong lười biếng, thiếu cẩn thận... và đạo đức giả sâu sắc”, cách mà Jefferson coi Marshall là một kẻ phản bội phiến bản chủ nghĩa cộng hòa của Virginia. Tài năng của Marshall đã thu hút sự chú ý của Adams vào năm 1797, và ông được bổ nhiệm làm một thành viên trong đoàn đại biểu hết sức quan trọng của Mỹ sang Pháp, sau đó là Ngoại trưởng, và cuối cùng trong tuần chót của Tổng thống sắp mãn nhiệm Adams là Chánh án tối cao của Mỹ.

Nếu nói rằng Jefferson và Marshall ghét nhau, thì đó sẽ là đi quá xa ở thời điểm năm 1801; ghét bỏ chỉ xuất hiện sau này và thể hiện rõ nét hơn. Bằng một cách lạ lùng, Marshall đại diện cho những khó khăn là hình ảnh phản chiếu của những khó khăn do Burr đại diện, vì Marshall luôn che đậy được những cảm xúc cá nhân dành cho Jefferson ẩn sau một lớp màn được xây dựng tỉ mỉ bằng các luận cứ vô tư, luôn kết thúc bằng việc khiến ông không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc đặt mình vào phía bên kia. Cũng giống như việc Hamilton không ưa Burr bắt nguồn từ sự chông chéo tham vọng của họ và việc hai người đều nổi tiếng quyết đoán, nên sự mất lòng tin của Jefferson vào Marshall càng trầm trọng hơn do cả hai đều ưa thích một phong cách tinh tế và gián tiếp hơn, có lẽ xuất phát từ quy tắc lịch sự của Virginia. Nếu Hamilton đến với bạn bằng dao kiếm, Marshall lại ưa thích dao găm.

Mặt khác, thứ làm nên sức mạnh cho sự rất thẳng thắn ở Marshall là một đầu óc có cách làm việc khác căn bản với Jefferson, người có xu hướng lọc và xếp kinh nghiệm vào hai hạng mục căn bản là đúng và sai. Marshall thì lại làm việc trong tông màu nhờ nhờ và mang quang phổ trung gian hơn, cũng giống như Madison, Marshall có trí tuệ nhanh nhẹn hơn theo kiểu luật sư trong việc phân biệt và phá vỡ lối tư duy phân đôi của Jefferson thành nhiều phần nhỏ hơn. Ông là một thiên tài về lĩnh vực mà Jefferson sau này gọi là “khả năng bóp méo” - nghĩa là những lập luận phức tạp mà dường như đang đi theo đúng hướng của Jefferson, nhưng sau đó, bằng cách nào đó, quay trở lại và hạ cánh dứt điểm ở phía bên kia chiến tuyến. Rất giống sự khéo léo của Hamilton trong cách làm việc với sổ sách kế toán và những con số tài khóa phức tạp, đối với Jefferson mà nói, lý luận của Marshall thường xuất hiện như những hành động ma quỷ của một phù thủy độc ác. Ông cũng cực kỳ khéo léo khi gây ra thiệt hại lớn nhất với sự nghiệp của người khác bằng cách ra sức bảo vệ nó. Ví dụ, trong những tuần trước lễ nhậm chức, ông đã thừa nhận mình có “những phản đối khó chịu” về việc bầu Jefferson và tin rằng định kiến chính trị của Jefferson đã làm ông “hoàn toàn... không phù hợp với vai trò quan tòa của một quốc gia, nghĩa là không thể chiều theo những định kiến này mà không gây ra thương tổn sâu sắc và lâu dài”. Nhưng bất chấp những dè dặt này, ông vẫn mong người ta biết rằng một số lời chỉ trích của phe Liên bang đối với Tổng thống đắc cử là không công bằng. Nếu những người theo thuyết Jefferson được chia thành “những nhà lý thuyết ước đoán và những kẻ khủng bố tuyệt đối”, thì chính Jefferson lại không cho mình là thành viên của nhóm thứ hai.

Ở cấp độ chính trị hơn là cá nhân, người đàn ông đang chờ để chủ trì lễ tuyên thệ cho Jefferson trong phòng Thượng viện đông đúc cảm thấy đặc biệt khó chịu vì ông đứng đó như hiện thân cuối cùng của “đám

quan tòa nửa đêm”. Cụm từ này không phải do Jefferson nghĩ ra, mặc dù ông đã nhanh chóng sử dụng nó như một cách để ám chỉ các vị trí tư pháp mà Adams đã chỉ định, bị cho là vào những giờ cuối cùng làm tổng thống của ông. Bản thân cụm từ đã phần nào gây hiểu nhầm, vì nó gợi lên hình ảnh Adams dành đêm cuối cùng của ông tại dinh thự tổng thống, giận dữ ký những lá thư bổ nhiệm dưới ánh đèn dầu nửa đêm trong một cơn co thắt vô vọng của hận thù chính trị trước khi đón thời kỳ mới vào sáng sớm ở thành phố ngoài kia. Trong thực tế, Adams đã bổ nhiệm phần lớn các vị trí trong cơ quan tư pháp, trong đó có Marshall với chức vụ chánh án, vài tuần trước đó, ngay sau khi thông qua Đạo Luật Tư pháp vào tháng 2 năm 1801. Tuy nhiên, đúng là những việc bổ nhiệm này, bao gồm cả vị trí của Marshall, lại diễn ra sau khi công khai kết quả của cuộc bầu cử tổng thống năm 1800, vì vậy theo nghĩa đó chúng đã tạo thành một hành động mang tính đảng phái được thiết kế để di các thẩm phán phe Liên bang vào tay tổng thống tương lai của phe Cộng hòa. Adams có thể tuyên bố như ông đã làm, rằng ông chỉ đơn giản là làm những gì Washington đã làm trong tuần cuối cùng trên cương vị tổng thống; nhưng đó là một tiền lệ thiếu thuyết phục vì việc bầu Jefferson thể hiện sự phủ nhận căn bản chính quyền phe Liên bang đương nhiệm, trong khi Adams lại đại diện cho một sự tiếp nối.

Để làm cho các vấn đề tồi tệ hơn, Marshall được bổ nhiệm không có nhiệm kỳ. Đó là một vị trí suốt đời và chỉ có thể bỏ trống nếu Marshall phạm vào “hành vi phản nghịch” hoặc bị truy cứu là “tội phạm cấp cao và xằng bậy”. Điều này biến ông thành một kiểu “con ngựa thành Troy” được đặt ngay chính giữa nhiệm kỳ tổng thống của Jefferson, vị tư lệnh chính thức của hệ thống tư pháp phe Liên bang mà rõ ràng là không hề bị lay chuyển trước ảnh hưởng hành pháp hay công luận. Cũng không phải là Marshall không ý thức được vị trí thật sự duy nhất của ông và cơ

hội gần như mở đến tận cùng của mình - ông coi đó là một nhiệm vụ - gây rối. Vào ngày nhậm chức, ngay trước khi ông bước tới đồi Capitol, ông đã viết một lá thư trấn an một đồng nghiệp phe Liên bang. “Về tầm quan trọng của ngành tư pháp tại mọi thời điểm, mà đặc biệt hơn là ở thời điểm hiện tại, tôi hoàn toàn ấn tượng”, ông giải thích, “và tôi sẽ nỗ lực trong vai trò mới của mình, một vai trò mà tôi được yêu cầu là không làm bạn bè tôi thất vọng”. Jefferson tất nhiên là không biết gì về lá thư này, nhưng ông biết đủ nhiều để nghi ngờ trò phá hoại thường xuyên xuất phát từ cái góc được bảo vệ của Marshall. Ngày hôm trước, dự đoán rằng Marshall có thể sẽ xuất hiện muộn nhằm phá hỏng sự trang trọng của buổi lễ, Jefferson đã gửi cho ông một ghi chú ngắn gọn nhắc nhở ông phải có mặt đúng 12 giờ. Marshall hồi âm, trấn an Tổng thống đặc cử rằng ông luôn đúng giờ.

Dù bộ ba kỳ quặc gồm Burr, Marshall và Jefferson có nuôi dưỡng một sự ghét bỏ và thiếu tin tưởng lẫn nhau đến đâu, thì đây cũng chỉ đơn thuần là chuyện cá nhân hoặc chuyện riêng mỗi người. Ở mức độ công cộng lớn hơn, sự căng thẳng hiện hữu trong phòng Thượng viện bắt nguồn từ hai nỗi lo chồng chéo: Thứ nhất, việc Jefferson và phe Cộng hòa lên nắm quyền là chưa có tiền lệ theo nghĩa rằng phe Liên bang đã kiểm soát chính phủ liên bang kể từ khi thành lập vào năm 1789; thứ hai, thông điệp chính trị chi phối của Jefferson trong suốt những năm 1790 gần như hoàn toàn tiêu cực, theo nghĩa rằng ông cầm đầu phản đối các phiên bản của phe Liên bang về quyền lực liên bang và phản đối việc thành lập một chính phủ quốc gia mạnh trên cơ sở cho rằng điều này vi phạm những ý định ban đầu của Cách mạng Mỹ. Hai nỗi lo này gộp lại làm dấy lên những câu hỏi nghiêm túc về sự tồn tại của một chính phủ liên bang mà tân Tổng thống dọa sẽ phá bỏ.

Câu trả lời cho loạt câu hỏi đầu tiên có vẻ rõ ràng và chắc chắn, về căn bản đã được thể hiện ngay trong lễ nhậm chức. Margaret Bayard Smith, vợ của biên tập viên tờ *National Intelligencer* thân Jefferson và là một khán giả của buổi lễ, đã diễn đạt một cách ngắn gọn nhất về điều này: “Những thay đổi về chính quyền, cái mà với mọi chính phủ trong mọi thời đại nói chung, thường là những kỷ nguyên của sự lộn xộn, ti tiện và đổ máu, diễn ra trong đất nước hạnh phúc này mà không có bất kỳ sự phân tâm hoặc hỗn loạn nào”. Quan trọng là điều này đã diễn ra như một thực tế căn bản, quan trọng hơn cả sự giản dị phô trương và tính biểu tượng cộng hòa của cuộc diễu hành nhậm chức. Việc chuyển giao quyền lực chính trị một cách hòa bình từ chế độ này sang chế độ khác, một vấn đề đã ám ảnh các chính phủ châu Âu từ lớn tới nhỏ, trong mọi hình dạng và hình thức từ thời xa xưa, và thật sự vẫn tiếp tục ám ảnh một số quốc gia hùng mạnh nhất trong thế giới hiện đại, đã diễn ra vô cùng bình thản. Phe Liên bang bị đánh bại cảm thấy cay đắng, hằn ròi, nhưng họ vẫn tôn trọng ý chí của cử tri. Trong cuộc tranh luận và bỏ phiếu kéo dài tại Hạ viện vào tháng 2, Thomas McKean, Thống đốc theo phe Cộng hòa của bang Pennsylvania, đã đe dọa sẽ kêu gọi 20.000 dân quân nếu phe Liên bang định giở trò gian lận với chiến thắng của Jefferson. Một người Pennsylvania khác, Hugh Henry Brackenridge, đã khuyên Jefferson giành chính quyền và triệu tập chính phủ mà không cần chờ cho Hạ viện giải quyết bế tắc với Burr. Một số người Virginia đã đề nghị triệu tập một hội nghị lập hiến mới để tái cơ cấu chính phủ liên bang, vì dự đoán phe Liên bang sẽ giở trò lừa bịp. Nhưng tất cả những cảnh báo ấy đều không được ai để ý, và cảm giác của họ hóa ra chỉ là sự phóng đại mà thôi. Mặc dù đó không phải là điều Jefferson muốn ám chỉ khi sử dụng cụm từ “cuộc cách mạng năm 1800”, nhưng tính cách mạng đặc trưng nhất trong việc nhậm chức tổng thống của ông chính là ý nghĩa thông thường của

nó. Nói cách khác, những sự kiện trọng yếu nhất lại chính là những thứ đã không xảy ra.

Câu trả lời cho loạt câu hỏi thứ hai - về chương trình nghị sự chính trị của Jefferson với tư cách Tổng thống - còn đau đầu hơn nữa. Không ai biết chắc chắn ông hàm ý gì trong cụm từ “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy”, ngoại trừ có lẽ là điều này đòi hỏi phải giảm bớt quy mô và phạm vi của chính phủ liên bang. “Ông Jefferson đã được tính toán kỹ càng để kéo đổ mọi công trình chính trị lớn”, một người Virginia theo phe Liên bang viết, “và người ta sẽ không phải thất vọng, không phải lo ngại ông sẽ dùng chính mình... để phá tan tòa nhà quốc gia ra từng mảnh...”; ông cảnh báo rằng “ngay cả nền móng của nó cũng sẽ bị san bằng trong vòng chưa đầy bốn năm”. Việc nhắc đến “nền móng” là ám chỉ mối lo chính của phe Liên bang, đó là việc Jefferson định từ bỏ việc dàn xếp hiến pháp năm 1788. Dù sao thì ông cũng đã được bầu làm lãnh đạo của một đảng chính trị mà tiền đề trung tâm của nó lại thù địch với bất kỳ hành động thực thi quyền lực nào của chính phủ liên bang đối với các vấn đề trong nước. Cái mà Jefferson gọi là “các nguyên tắc Whig cổ” với thái độ đầy ngưỡng mộ, thực ra lại hoàn toàn đối lập về mặt bản chất, được phát triển ở Anh như truyền thống bất đồng chống lại sức mạnh tích tụ của nhà vua và triều đình, sau đó là ở Mỹ với tư cách cơ sở tư tưởng cho việc chống lại sự áp đặt của cả sức mạnh Hoàng gia lẫn Nghị viện lên các thuộc địa. Rõ ràng Jefferson và những người ủng hộ phe Cộng hòa của ông coi các chính sách của phe Liên bang trong những năm 1790, đặc biệt là chương trình tài khóa của Hamilton, như một sự phản bội đối với “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy”. Nhưng theo như logic vốn đối lập trong tư tưởng Jefferson, việc ông cũng bác bỏ quyền hạn quá lớn được giao cho chính phủ quốc gia theo Hiến pháp không chỉ hợp lý, mà còn có vẻ gần như bắt buộc. Điều này có nghĩa là quay ngược kim đồng hồ trở lại

những năm 1790 và 1780, khi quyền lực của chính phủ quốc gia căn cứ theo Điều lệ Liên bang là rất yếu. Thật ra, nếu xem xét sự ác cảm sâu xa của Jefferson đối với những ép buộc chính trị thuộc mọi thể loại và cam kết lâu dài của ông với truyền thống bất đồng, trong đó coi tất cả quyền lực nhà nước về mặt bản chất là độc đoán và tham nhũng, thì thật khó để biết nơi ông đã vẽ đường ngăn cách giữa việc thực hiện hợp pháp quyền lực chính trị với việc vi phạm quyền tự do cá nhân một cách áp bức và lạm dụng. Phe Liên bang sẽ đặt câu hỏi, làm thế nào ông có thể tuyên thệ giữ gìn, bảo đảm và bảo vệ Hiến pháp Mỹ, nếu mục tiêu chính của ông khi làm tổng thống là phá bỏ các thiết chế liên bang được tạo ra bởi chính văn kiện này?

Câu trả lời ông dường như rò rỉ ra cho những người ủng hộ Đảng Cộng hòa trong những tháng trước lễ nhậm chức của mình, đó là ý định của ông không phải phá bỏ chính phủ liên bang, mà chỉ là thu nhỏ nó. “Lý thuyết thật sự trong Hiến pháp của chúng ta”, ông nói với Gideon Granger, là “các bang độc lập mọi thứ trong đối nội, và đoàn kết mọi thứ trong đối ngoại”. Điều này nghe có vẻ rất giống với quan điểm mà ông đưa ra trong thập niên 1780, khi Hiến pháp được soạn thảo và trước khi Madison thuyết phục ông ủng hộ việc phê chuẩn nó. Điều này cũng thống nhất với quan điểm của ông vào năm 1798, khi ông và Madison cùng làm việc để soạn thảo các Nghị quyết Kentucky và Virginia nhằm ngăn chặn việc thực hiện các Đạo luật về ngoại kiều và chống nổi loạn, một đạo luật trọng yếu dưới thời ông làm Phó tổng thống. Ở chức vụ đó Jefferson đã đi được xa hơn nhiều so với Madison trong việc công nhận quyền của một bang được phép vô hiệu hóa luật liên bang trong phạm vi biên giới của nó, thậm chí còn mô tả sự can thiệp của liên bang vào các vấn đề của bang giống như sự can thiệp của chính phủ nước ngoài. Tháng 10 năm 1801, ông cũng cho thấy là ông ủng hộ một đề nghị được

lưu hành ở Virginia của John Taylor và Edmund Pendleton, trong đó kêu gọi thực hiện chế độ tổng thống một nhiệm kỳ và giảm bớt quyền hành pháp, nhiệm kỳ ngắn hơn cho thượng nghị sĩ, các thẩm phán liên bang có thể bị Quốc hội bỏ phiếu bãi miễn và giới hạn trong hiến pháp về quyền đi vay của chính phủ liên bang. Dù người ta có coi những gợi ý này là “co lại” hoặc “tháo dỡ”, thì chúng đều cho thấy những tin đồn của phe Liên bang là đúng, rằng Jefferson có ý định tiêu diệt nền tảng hiện tại của chính quyền trung ương và do đó cho phép Mỹ trở thành một loạt các quốc gia-dân tộc riêng biệt như châu Âu, theo kiểu của Pháp, Ý và Áo.

Nếu có một sự đồng thuận trong nội bộ cả hai phe Cộng hòa và Liên bang, rằng việc bầu Jefferson có nghĩa là giảm triệt để quyền hạn của chính phủ liên bang, thì câu hỏi duy nhất ở đây sẽ là giảm bao nhiêu và bất đồng chính trị duy nhất là phe Cộng hòa thì vui mừng khôn xiết còn phe Liên bang lại hoảng sợ, và một tiếng nói bất đồng sẽ không là ai khác ngoài Alexander Hamilton. Nhận thức được rằng “đã là quá muộn để tôi trở thành người biện hộ cho ông ấy”, và rằng dù sao ông “cũng không thật sự có bất kỳ ý muốn nào làm điều đó”, Hamilton tiếp tục nửa đùa nửa thật bảo vệ các nguyên tắc chính trị của Jefferson: “Tôi thừa nhận rằng chính trị của ông ấy nhuộm màu cuồng tín, rằng ông ấy quá nghiêm túc với quy tắc dân chủ của mình, rằng ông ấy là một kẻ thù tinh quái đối với các biện pháp chủ yếu của chính quyền trước đó, rằng ông ấy xảo quyệt và kiên trì với các mục tiêu của mình, rằng ông ấy không thành thật về những phương tiện để thành công, cũng không lưu tâm lắm đến sự thật, và rằng ông ấy là một kẻ đạo đức giả đáng khinh”. Nhưng bất chấp mọi điểm yếu cá nhân này, mà thực ra là một phần do những điểm yếu này đã khiến Hamilton dự đoán rằng Jefferson “có khả năng giống như bất kỳ người nào mà tôi biết có thói quen trì hoãn...; và kết quả có thể xảy ra với một tính khí như vậy là việc bảo tồn những hệ thống, mặc dù ban đầu là

đổi lập, nhưng một khi đã được thiết lập, sẽ không thể bị lật ngược mà không gây nguy hiểm cho người đã làm việc đó”. Cũng giống như mọi người khác, Hamilton thừa nhận, ông chỉ đang đoán, nhưng ông không tin rằng Jefferson lại muốn duy trì loại áp lực cần thiết để hủy bỏ chính phủ liên bang. “Đối với tôi”, Hamilton kết luận, “một ước tính thật sự về tính cách của ngài J bảo đảm kỳ vọng về một hệ thống tùy cơ ứng biến hơn là một hệ thống bạo lực”.

Lúc đó, những điều này là các rung động cá nhân hoặc riêng tư cũng giống như những suy đoán chính trị lớn hơn hiện hữu trong phòng Thượng viện khi Jefferson quay ra khán giả và bắt đầu đọc Diễn văn Nhậm chức của mình. Một đặc điểm trong lời kể huyền thoại là hoàn toàn chính xác - giọng ông khê khàng và khó nghe tới mức chỉ ít người ở hàng đầu tiên mới có thể nghe thấy những gì ông nói - nhưng ông đã chăm chút cho bài phát biểu của mình giống như ông đã làm với Tuyên ngôn Độc lập. Và lần này, mọi từ ngữ đều là của ông, không bị chỉnh sửa bởi các ủy ban hoặc những vị đại biểu thích can thiệp. Hơn thế nữa, ông đã kịp hoàn thành việc sửa đổi để có thể đưa dự thảo cuối cùng đi in và gửi cho tờ *National Intelligencer* vào ngày phát biểu, vì vậy có khả năng là một số người trong đám khán giả đã có trong tay bản in bài phát biểu từ trước để theo dõi bất chấp giọng đọc khó nghe của ông. Những gì họ nghe thấy, hoặc có thể đọc được, hóa ra là một trong hai hoặc ba bài phát biểu nhậm chức quan trọng nhất trong lịch sử Mỹ, và ngoài bản Tuyên ngôn thiêng liêng, đây là tài liệu hùng hồn và nghệ thuật nhất mà Jefferson từng chế tác.

DIỄN VĂN NHẬM CHỨC ĐẦU TIÊN

Giống như bất kỳ tuyên bố khai sinh nào trong lịch sử Mỹ, mặc dù không giống phần lớn những phát biểu nhậm chức của các tổng thống Mỹ khác, nhưng phát biểu của Jefferson ngày 4 tháng 3 năm 1801 lại có

lợi ích trên nhiều cấp độ. Ở mức độ tinh vi nhất và cao nhất, ở nơi mà kỹ năng văn phong của Jefferson cảm thấy thoải mái nhất và vận hành hạnh phúc gần như thơ, bài phát biểu của ông chứa nhiều đoạn văn vang vọng qua năm tháng với những cụm từ đáng nhớ. Là một tuyên bố hùng hồn về sự khiêm tốn phù hợp với sự thông tuệ toàn diện mà chúng ta tìm kiếm ở một tổng thống mới, không ai nói điều đó hay hơn, ví dụ như:

Tôi đã học được cách hy vọng rằng đám những người đàn ông không hoàn hảo sẽ hiếm khi rời khỏi vị trí này với danh tiếng và sự ủng hộ đã đưa ông ta vào vị trí đó... Tôi sẽ thường xuyên phạm sai lầm do thiếu sót trong phán xét. Ngay cả khi đúng, tôi vẫn bị cho là sai bởi những người mà quan điểm của họ không đại diện cho tất cả mọi người. Tôi xin ân xá cho những lỗi lầm của riêng tôi, chúng chưa bao giờ là cố ý; và xin quý vị ủng hộ việc chống lại những sai lầm của người khác, vốn có thể lên án những gì họ không được nhìn thấy toàn bộ.

Hoặc nếu có ai đó đang tìm kiếm một ví dụ kinh điển về nguyên tắc tự do ngôn luận, thì không có chính khách Mỹ nào từng thể hiện điều ấy gãy gọn hơn: “Nếu có bất kỳ ai trong số chúng ta muốn giải tán liên minh này hoặc thay đổi hình thức cộng hòa của nó, thì cứ để họ đứng đó, yên tĩnh như những di tích an toàn, cùng với sai lầm về ý kiến có thể được dung thứ khi lý lẽ được tự do chống lại nó”. Hoặc để đưa ra một minh họa cuối cùng trong số những đề mục hùng hồn không kém, thì có công thức ngắn gọn này về các mục tiêu chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ: “Công lý bình đẳng và chính xác cho tất cả mọi người, dù thuộc bang nào hay niềm tin nào, mang tính tôn giáo hay chính trị; hòa bình, thương mại, và tình bạn chân thành, với tất cả các quốc gia - không vương vào

liên minh với nước nào”. Jefferson, chứ không phải Washington, là người đã đặt ra thuật ngữ “không vương vào liên minh”.

Nhưng những lời thường được trích dẫn, có thể vượt qua thời gian trở thành một biểu hiện trữ tình của chân lý siêu việt, trong thực tế hoàn toàn dễ hiểu khi nhìn vào bối cảnh nền chính trị Mỹ năm 1801. Ngoài phần quyền tự nhiên của Tuyên ngôn Độc lập, có lẽ đây là tuyên bố chính trị nổi tiếng nhất mà Jefferson từng đưa ra: “Nhưng mọi sự khác biệt về quan điểm không phải là khác biệt về nguyên tắc. Chúng ta đã gọi bằng những cái tên khác nhau những người anh em cùng chung nguyên tắc của chúng ta. Tất cả chúng ta đều là người Cộng hòa - tất cả chúng ta đều là người Liên bang”. Đây cũng là đoạn mà hầu như mọi phóng viên và quan sát viên đặc biệt quan tâm thú vị vào thời điểm đó, bởi câu nói này dường như đại diện cho tuyên bố rõ ràng, thực ra là chính yếu, của Jefferson về hòa giải và ôn hòa. Nó báo hiệu rằng các trận chiến cay đắng giữa các đảng phái hồi những năm 1790 sẽ không tiếp tục trong nhiệm kỳ tổng thống của Jefferson, rằng phe Cộng hòa đang lên sẽ không tìm cách trả thù cho những tội ác của phe Liên bang trong quá khứ giống như các Đạo luật về ngoại kiều và chống nổi loạn, và quan trọng nhất là cách hiểu của Jefferson về “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” không đồng nghĩa với một đột phá triệt để so với các chính sách của phe Liên bang hay một sự bác bỏ đầy kịch tính về khuôn khổ chính phủ được thiết lập trong Hiến pháp. Hamilton đã nói thay cho phe Liên bang thanh thản, họ xem bài phát biểu như “một sự rút gọn thẳng thắn những hiểu lầm trong quá khứ, và một cam kết với cộng đồng rằng tân Tổng thống sẽ không cho phép những đổi mới nguy hiểm, nhưng tại các thời điểm cần thiết sẽ tiếp bước những người tiền nhiệm của mình”.

Nhưng ý của Jefferson lại không hẳn là những điều Hamilton và tất cả các nhà bình luận khác cho là nghe được từ ông. Một phần của vấn đề

thực ra là ở cách diễn giải. Trong phiên bản của bài phát biểu được in trong tờ *National Intelligencer* và sau đó được phát hành cho báo chí trong cả nước, đoạn quan trọng là: “Tất cả chúng ta đều là người Cộng hòa - tất cả chúng ta đều là người Liên bang”. Bằng cách viết hoa những từ quan trọng, bản in đã để Jefferson đưa ra một tuyên bố trung thành về những mục tiêu trùng lặp của hai đảng chính trị. Nhưng trong phiên bản viết tay của bài phát biểu mà Jefferson sẽ đọc thì những từ khóa này không được viết hoa. Do đó không phải Jefferson đang ám chỉ nền tảng chung được chia sẻ bởi hai đảng, nhưng như nhiều người vẫn tin, được chia sẻ bởi tất cả các công dân Mỹ, rằng một hình thức chính phủ cộng hòa với sự gắn kết mang tính liên bang giữa các bang là thích hợp nhất. Vì sẽ khó có thể tìm ra một số ít các công dân Mỹ không đồng ý với nhận xét này, nên tuyên bố của ông thiên về một sự tế nhị chính trị hơn là một sự nhượng bộ về ý thức hệ. Ấn tượng về việc Jefferson công khai rút lại tuyên bố trước đó của ông về xung đột đảng phái như một cuộc đấu tranh đạo đức giữa các lực lượng ánh sáng và các lực lượng bóng tối, hóa ra lại là một nhầm lẫn tai hại.

Có một vài đoạn có tính chất gợi ý đã cung cấp manh mối cho phiên bản thật sự nhìn xa trông rộng của Jefferson về “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy”, nhưng hầu hết các nhà bình luận đã bị dọa cho chết khiếp bởi thông điệp tiết chế rõ ràng đến độ không nhận ra những manh mối đó. John Marshall, người có lẽ đứng đủ gần bục phát biểu để nghe bài phát biểu trong lúc Jefferson trình bày, đã đi thẳng về nhà mình và ghi lại ấn tượng của ông: “Tôi đã chủ trì lễ tuyên thệ cho Tổng thống... Nó [Diễn văn Nhậm chức] thể hiện bằng những từ ngữ trực tiếp, đưa ra lời nói dối cho bài diễn thuyết đảng phái bạo lực khiến ông ấy được bầu; nhưng nó thể hiện mạnh mẽ đặc điểm lý thuyết chính trị của ông ấy”. Marshall đã đúng, mặc dù ông không nói rõ ý ông là gì khi nhắc tới “lý

thuyết chính trị”. Nhưng điều này khó có thể là lỗi của vị Chánh án. Một thành phần quan trọng trong thiên tài của Jefferson là khả năng nêu lên tầm nhìn của ông về nền chính trị Mỹ ở mức độ khái quát, trong đó thách đố tính cụ thể và sử dụng một thứ ngôn ngữ cao độ khiến người ta cảm thấy có nghĩa vụ phải ngược lên nhìn và ngưỡng mộ trong khi không hoàn toàn chắc chắn về các chi tiết.

Một trong những đoạn văn như vậy đã xuất hiện trong Diễn văn Nhậm chức khi Jefferson liệt kê các lợi thế tự nhiên mà công dân Mỹ được hưởng, vốn bị “ngăn cách với sự tàn phá hủy diệt của một phần tư thế giới bởi thiên nhiên và một đại dương rộng lớn” và có may mắn sở hữu “một đất nước do họ chọn, với đủ chỗ cho con cháu đến hàng trăm và hàng ngàn thế hệ sau”. Sau đó, ông kết luận danh mục tài sản với những gì ông gọi là “thêm một điều nữa”: “một chính phủ khôn ngoan và thanh đạm sẽ kiểm chế con người làm tổn thương nhau, sẽ để con người tự do điều chỉnh theo đuổi ngành nghề của mỗi người và sự tiến bộ của họ, và sẽ không cướp khỏi miệng người lao động miếng bánh mì kiếm được. Đây là tóm tắt về một chính phủ tốt, và điều này là cần thiết để khép kín vòng tròn hạnh phúc của chúng ta”. Đây là tuyên bố rõ ràng nhất của Jefferson về lý thuyết chính phủ tối giản của ông. Trong khi phe Liên bang bồn chồn lắng nghe ông giải thích quan điểm của mình về quyền hành pháp, về vai trò của cơ quan tư pháp và thẩm quyền thích hợp của luật liên bang so với luật bang, thì Jefferson lại đóng khung câu trả lời của mình ở một mức độ mà theo đó mọi sự phân biệt đó đều biến mất. Chính quan niệm về chính quyền là vấn đề cốt lõi ở đây. Theo nghĩa đó, ông vẫn tuân theo truyền thống Whig, trong đó kỳ thị tất cả các hình thức của quyền lực chính trị như sự tham nhũng cố hữu, đồng thời ông vẫn tuân theo lý tưởng của chính mình về sự tự trị cá nhân, coi bất kỳ việc công khai thực hiện thẩm quyền nào mà không có sự thỏa thuận

hoặc tự nguyện đều là một sự can thiệp. Mặc dù là một truyền thống chính trị cũ, đáng kính và là một niềm tin lâu dài thuộc về Jefferson, nhưng quan điểm này có hình thức một tiểu thuyết dưới dạng Diễn văn Nhậm chức, vì nó có nghĩa là Jefferson đang tuyên bố rằng trách nhiệm chính của ông với tư cách tổng thống là để đại diện cho chính cái chính phủ thiếu hiệu quả và vô hình mà ông được bầu ra để lãnh đạo. Bên ngoài, quan điểm này dường như đặt ông vào một vị trí kỳ lạ và bất thường, giống như việc cho Luther đứng đầu Giáo hội Công giáo vậy.

Về phía Jefferson, câu hỏi rõ ràng được đặt ra một cách logic tiếp theo sau việc chối bỏ vai trò tích cực đối với chính phủ này đã không biến mất. Ông nêu vấn đề này lên trong bài phát biểu của mình và đã cố gắng ít nhất một lần thử đưa ra câu trả lời:

Tôi biết, thật sự là một số người trung thực lo sợ rằng một chính phủ cộng hòa sẽ không thể mạnh được; rằng chính phủ này chưa đủ mạnh. Nhưng liệu những người yêu nước trung thực với trải nghiệm thành công có từ bỏ một chính phủ cho đến nay vẫn cho chúng ta tự do và vững mạnh, vì cảm thấy sợ hãi về mặt lý thuyết và tầm nhìn, rằng chính phủ này, hy vọng lớn nhất của thế giới, có thể sẽ cần năng lượng để tự duy trì mình? Tôi tin là không. Trái lại, tôi tin rằng, chúng ta là chính phủ mạnh nhất trên Trái đất. Tôi tin rằng đó là chính phủ duy nhất mà mọi người, theo lời hiệu triệu của pháp luật, sẽ tuân theo tiêu chuẩn của luật pháp, và sẽ coi những sự vi phạm trật tự công cộng là vấn đề của chính mình.

Đây là đoạn văn vừa phong phú nhất, vừa khó nắm bắt nhất trong Diễn văn Nhậm chức của Jefferson. Đoạn văn ít nhất đã ngầm thừa nhận rằng cuộc bầu cử của ông đã áp ủ, khơi ngòi cho lo âu lan rộng về việc

chia cắt chính phủ liên bang và kéo theo đó là việc giải thể liên bang quốc gia. Nhưng sau đó Jefferson lại lật ngược lập luận, tuyên bố rằng phê bình của ông bị thít chặt bởi “nỗi sợ lý thuyết và tầm nhìn”. Điều này trên thực tế chính là lời buộc tội chống lại ông - đó là, ông là một người có tầm nhìn ngây thơ, thiếu hiểu biết thực tế về sự ổn định của quốc gia phụ thuộc nhiều như thế nào vào một chính phủ liên bang tràn đầy năng lượng mà ông (chứ không phải những lời chỉ trích phe Liên bang của ông, như ông dường như muốn nói) đã cam kết sẽ phá bỏ. Bằng cách nào đó Jefferson đã biến mình thành người bảo vệ cho một chính phủ quốc gia với tư cách là “hy vọng lớn nhất của thế giới” - một cụm từ Abraham Lincoln đã định chọn và cải tiến nó thành “hy vọng cuối cùng, tốt nhất” trong Diễn văn Nhậm chức đầu tiên của riêng mình - và giao phó những chỉ trích của mình sang vai trò của những kẻ hoài nghi, vốn thiếu đức tin cộng hòa như ông.

Nhưng sự chuyển đổi thật sự sáng tạo, một lần nữa, lại mang tính ngụ ý nhiều hơn là khẳng định, chính là đề nghị của Jefferson, rằng nguồn năng lượng đích thực, thật ra là duy nhất, trong một nền cộng hòa không phải của riêng chính phủ mà là quan điểm tự nguyện của nhân dân mà nó dựa vào. Giả định truyền thống, một quy kết nền tảng trong toàn bộ phe Liên bang, là một chính phủ liên bang hoạt động là điều cần thiết để thể hiện quyền hạn và chính sách quốc gia tập trung. Khi thiếu vắng sự lãnh đạo của một chính phủ như vậy, nền Cộng hòa Mỹ được cho rằng sẽ bị rơi vào vòng xoáy của một loạt các phe phái và các nhóm lợi ích rồi cuối cùng tách thành các đơn vị khu vực. Nói ngắn gọn, nếu không có một chính quyền trung ương mạnh, sẽ không thể có một quốc gia Mỹ thống nhất. Tuy nhiên, trong công thức của Jefferson, hẳn là điều đó đi ngược với phe Liên bang, sự giải phóng năng lượng quốc gia được tăng lên trong khi quyền lực của chính phủ bị giảm xuống. Trong khi cách

nghĩ của phe Liên bang về chính phủ liên quan đến việc duy trì kỷ luật, sự ổn định và cân bằng, thì tâm lý Jefferson lại bỏ qua những mối quan tâm truyền thống như vậy và tán dương lý tưởng giải phóng. Ẩn trong ngôn ngữ của ông về những gì làm cho một chính phủ cộng hòa mạnh mẽ là niềm tin vào sự gắn kết vốn có của một xã hội Mỹ mà không đòi hỏi các cơ chế nhà nước để duy trì sự ổn định quốc gia.

Trong những tuần sau khi trình bày và phân phối bài Diễn văn Nhậm chức của mình, Jefferson tiến hành viết thư cho những người ký tên vào Tuyên ngôn Độc lập còn sống, cũng như các đồng nghiệp khác từ Quốc hội Lục địa, cũng đã “có mặt lúc tạo ra”, để chia sẻ cảm giác vui mừng của ông khi phiên bản của “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” mà ông đã tuyên xưng trong phát biểu của mình là một sự khôi phục những gì mà tất cả họ dự định hồi năm 1776. Dù ý tưởng thực nghiệm mới và ý thức hệ nào ẩn sau ngôn từ của bài Diễn văn Nhậm chức, thì Jefferson cũng hoàn toàn chắc chắn rằng thông điệp của ông đại diện cho sự phục hồi một tầm nhìn được chia sẻ bởi những nhà cách mạng thuở ban đầu, đó là “những chân lý thiêng liêng và cổ xưa” mà trên đó nền độc lập Mỹ được đặt cơ sở. Ông giải thích cho Benjamin Rush, một lão thành cách mạng ở Philadelphia, rằng “những tâm tình này từ lâu đã hoàn toàn là của tôi”, và Rush đồng tình rằng phát biểu của Jefferson đã thể hiện một cách nên thơ các giá trị mà vì nó tất cả họ đều nghĩ rằng mình đã tranh đấu trong những ngày vinh quang. Một cái gì đó linh thiêng và huyền bí đã xảy ra tại thời điểm thành lập, một kiểu gặp gỡ nguyên sơ với sự thuần khiết chính trị mà tất cả những người tham gia ban đầu đều trải qua giống như một sự hiển linh tập thể. Bản năng đầu tiên của Jefferson là chia sẻ với những người đồng đội còn sống và những người chia sẻ các trải nghiệm đó với mình - những thứ mà người ngoài cuộc và thế hệ trẻ không thể hiểu - rằng “tinh thần năm '76” đích thực đã trở lại. Các tội

nhân ít nhất đã bị tống ra khỏi đền thờ, và các thánh thần một lần nữa lại chiếm quyền kiểm soát.

Chuyện ông nhấn mạnh vào cả việc thắt lưng buộc bụng và tính giản dị, cả trong lễ nhậm chức lẫn trong phương thức của ông dành cho một chính phủ liên bang bị tước bỏ, thể hiện niềm tin cốt lõi của ông về sự phục hồi ý nghĩa của Cách mạng Mỹ và về những gì mà ông sẽ tái lập khi được bầu làm tổng thống. Rất giống như việc ông yêu thích “một cuộc nổi loạn nhỏ thi thoảng xảy ra” hoặc “quét sạch” các mảnh vỡ tích lũy của lịch sử qua mỗi thế hệ, Jefferson coi việc ông nắm quyền là một nhiệm vụ nhằm thanh trừng tất cả các hành lý thể chế quả cân mà Chính phủ Mỹ đã mua vào từ thuở khai sinh lập địa cách đây một phần tư thế kỷ. Trong khi các nhà chỉ trích ông ở phe Liên bang và kể cả một số người ủng hộ phe Cộng hòa ôn hòa của ông lên tiếng lo lắng về việc cải cách của Jefferson sẽ đi xa tới đâu (có bao gồm loại bỏ các ngân hàng quốc gia? tư pháp liên bang? hải quân?), thì tâm trí của riêng Jefferson chỉ đơn giản là không làm việc ở cấp độ cụ thể đó. Cách ông suy nghĩ về chương trình nghị sự tổng thống, giống như ngôn ngữ trữ tình của ông trong Diễn văn Nhậm chức, lơ lửng bên trên những chi tiết cụ thể đó. Như ông giải thích với John Dickinson, một trong những thành viên của “nhóm tiền bối” cách mạng, Chính phủ Mỹ giống như một con tàu đã đi qua một số vùng biển dữ: “Chúng tôi sẽ đưa con tàu trở lại hải trình cộng hòa, và con tàu ấy sẽ phô diễn kỹ năng của những người đóng tàu bằng vẻ đẹp chuyển động của nó”. Nói ngắn gọn là, một khi đất nước đã được đưa vào khuôn khổ thích hợp, các lực lượng tự nhiên như gió và thủy triều sẽ phụ trách và đưa con tàu nước Mỹ tới vận mệnh của nó. Với Jefferson, Chúa không phải là một chi tiết; người ở trên trời cùng những vì sao. Nếu có ai đó có thể sắp xếp con tàu nhà nước với những ngôi sao một lần nữa, thì mọi cuộc cãi vã nhỏ về quyền hành pháp và quyền tài phán liên bang sẽ trở

nên không còn cần thiết nữa và sẽ biến mất khỏi tầm mắt. Những ai vẫn cứ nêu mấy câu hỏi chọc giận về các điểm đó đã vô tình thú nhận rằng họ thiếu đức tin cộng hòa thuần khiết.

TỔNG THỐNG VĂN BẢN

Bất cứ nơi nào người ta muốn xác định sự hiện diện vĩnh cửu của Chúa, thì biểu hiện chính trị của nó có thể thấy rất nhiều bên Jefferson lúc bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống của ông. Hóa ra Adams đã từng là người tiền nhiệm hoàn hảo. Phong cách điều hành quá con người và có phần nóng tính đã đối lập một cách không thuận lợi với sự hiện diện như thần thánh trên đỉnh Olympia của Washington, do đó làm cho Adams ít được ưa chuộng và hạ thấp kỳ vọng đối với người kế nhiệm của ông. Hơn nữa, hành động ít được ưa chuộng và đơn phương nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của Adams, đó là gửi một phái đoàn Mỹ tới Paris với các hướng dẫn để đàm phán chấm dứt một thứ “kiểu như chiến tranh” với Pháp, đã được chứng minh là một thành công rực rỡ. Các điều khoản của hòa ước mới đến quá muộn để có thể giúp Adams thắng cử trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1800, nhưng kịp để kết thúc thứ “kiểu như chiến tranh” trước khi Jefferson nhậm chức. Và không chỉ có Mỹ hòa bình với các cường quốc châu Âu, mà Pháp và Anh cũng đã đồng ý với một hiệp ước đình chiến có hiệu lực trong cuộc đấu tranh tưởng như vĩnh viễn của họ vì sự thống trị của châu Âu. Jefferson thừa kế nền hòa bình quốc tế ổn định nhất kể từ khi Mỹ tuyên bố độc lập.

Về tình hình trong nước, Chúa cũng tỏ ra nhân từ như vậy. Đạo luật ngoại kiều và chống nổi loạn bị nhiều người xem thường, cho phép phe Liên bang truy tố tội phản quốc ở các đối thủ Cộng hòa thẳng thắn nhất, trên thực tế lại có kết quả ngược lại, giúp huy động sự ủng hộ rộng rãi đối với các ứng viên Cộng hòa trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1800. Trong Quốc hội mới đi cùng Jefferson đến Washington, phe Cộng hòa chiếm

hai phần ba đa số trong Hạ viện và một phần nhỏ hơn nhưng có tính quyết định trong Thượng viện. Hơn nữa, quyền lực pháp lý tạo ra Đạo luật ngoại kiều và chống nổi loạn sắp mất hiệu lực trong những tháng đầu của nhiệm kỳ tổng thống Jefferson, vì vậy ông không cần phải làm gì về điểm này mà chỉ cần ngồi đợi. Thêm vào một loạt những tình huống may mắn này, việc nối lại thương mại Tây Ấn đang nở rộ trong hoàn cảnh giờ đây hòa bình với Pháp đã được phục hồi, mở rộng toàn diện thương mại của Mỹ với một châu Âu hiện đang hòa bình và một nền kinh tế nông nghiệp sôi động với năng suất ở mức độ chưa từng có, và tầm nhìn của Jefferson về một chính phủ liên bang thu nhỏ - theo đuổi những gì ông mô tả là “một quá trình không tiếng ồn... không thu hút sự chú ý” - bắt đầu trông giống như một hành động hợp lý của một nhà lãnh đạo chủ động. Khi lịch sử chia bài như thế này, ai mà không muốn giữ nguyên?

Hóa ra là, ngay cả chính phủ liên bang vô hình và không phô trương nhất cũng đòi hỏi phải có sự lãnh đạo điều hành, nếu không vì lý do khác, để thực hiện nguyên tắc khắc khổ cộng hòa. Ở đây một lần nữa Jefferson được hưởng lợi từ chính quyền của Adams, nhưng lần này là một ví dụ minh họa cho việc làm thế nào để không làm điều đó. “Mong muốn của tôi là tập hợp lại quanh chính quyền toàn bộ các năng lực và sự tôn trọng để các văn phòng hoạt động ở đây có thể sử dụng”, Jefferson giải thích, bổ sung rằng ông quyết tâm “không cung cấp chúng cho các nhân vật phụ”. Adams, không chắc chắn về việc mình có bao nhiêu tự do với tư cách tổng thống mới, nên cảm thấy bắt buộc phải sử dụng lại nội các của Washington. Đây đã được chứng minh là quyết định tai hại nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của ông và là nguồn cơn chính cho những bức xúc chính trị của ông, vì ông thừa hưởng những “nhân vật phụ” mà Jefferson nói đến, cũng như một nội các trung thành với Hamilton và

những ký ức về Washington hơn là với chính Adams. (Jefferson sau này nhớ lại rằng Adams đã rất bức xúc về sự ngoan cố của nội các của chính ông tới nỗi cuối cùng ông triệu tập nội các để hét lên những lời tục tĩu đối với lời khuyên mà họ đưa ra trong khi dậm chân quanh phòng họp nội các và “quẳng mái tóc giả xuống sàn và đập chân lên nó”). Lựa chọn nội các mà Jefferson đưa ra dựa trên hai tiêu chí: năng lực đã được chứng minh và lòng trung thành tuyệt đối với phiên bản Jefferson về chủ nghĩa cộng hòa. Về điểm này, ông đã vô cùng khôn ngoan cũng như may mắn. Nội các của ông đã chứng tỏ là một trong những tập thể cố vấn điều hành có năng lực và ổn định nhất trong lịch sử các nhiệm kỳ tổng thống Mỹ.

Hai thành viên nổi bật và vô giá nhất là James Madison và Albert Gallatin. Madison từ lâu đã được nhắm cho vị trí Ngoại trưởng. Ông là bạn đồng liêu và là người được Jefferson bảo trợ suốt đời, một thành viên bè bạn trong triều đại Virginia, một cựu binh đã qua thử thách chinh chiến trong cuộc chiến phe phái những năm 1790, và là học trò sắc sảo chưa từng có của tinh thần Jefferson trên Trái đất này. Gallatin là một người gốc Thụy Sĩ di cư sang Mỹ, định cư ở Pennsylvania và nhanh chóng leo vào hàng ngũ Cộng hòa nhờ tài ăn nói và giỏi tính toán của mình. Ông có dáng người thấp lùn, đầu hói và mũi khoằm, nhưng bề ngoài thiếu ấn tượng của ông và chất giọng còn hơi hướng Geneve thực ra lại che giấu một sức mạnh trí tuệ không ai bì nổi trong thế hệ đang lên của các nhà lãnh đạo Cộng hòa. Gallatin mới chỉ 40 tuổi, và ông là một người ở Mỹ có khả năng tranh luận tay đôi với Hamilton về chính sách tài khóa mà vẫn thoải mái bình tĩnh. Vì kinh nghiệm đáng kể của Jefferson trong chính sách đối ngoại đồng nghĩa với việc - không có ý xúc phạm năng lực đặc biệt của Madison - ông có thể và thường sẽ làm ngoại trưởng cho

chính mình, Gallatin với tư cách Bộ trưởng Tài chính là thành viên vô giá nhất và có vị trí chiến lược nhất trong nội các.

Các thành viên khác, nếu không phải là “nhân vật phụ”, đều là những nhân vật kém hơn. Levi Lincoln, Tổng chưởng lý, là một luật sư được kính trọng tới từ Massachusetts. Cùng với Henry Dearborn, Bộ trưởng Chiến tranh, đến từ quận Maine của Massachusetts, Lincoln là hiện tượng đơn lẻ trong đó, một người theo thuyết Jefferson đến từ New England, người sở hữu những chứng thư Cộng hòa đã chứng tỏ chúng bằng cách sống sót tại quê hương của Chủ nghĩa liên bang. “Cả hai đều là những người của năm 1776”, Gallatin nhận xét, “và là những người Cộng hòa nổi bật”. Có thể nói tương tự về Gideon Granger, người với tư cách là Tổng giám đốc bưu điện, không phải là thành viên chính thức của nội các nhưng có trọng trách phân phát bảo trợ. Granger là loài hiếm nhất, một người Cộng hòa tới từ bang Connecticut, nơi đồn rằng tấm bằng Đại học Yale là điều kiện tiên quyết để thành công trong chính trị hay trên bục giảng, và lời thề giữ thái độ thù địch suốt đời với kẻ vô đạo tới từ Monticello là một phần bắt buộc trong buổi lễ khai giảng ở Yale. Lựa chọn cuối cùng về Bộ trưởng Hải quân, sau nhiều lần vận động không thành công các ứng viên khác, là Robert Smith, một luật sư nổi tiếng ở Baltimore. Jefferson từng nói đùa rằng ông “sẽ phải quảng cáo chức Bộ trưởng Hải quân”, vì có một giả thiết khá phổ biến, sau này đã được chứng minh là đúng, rằng nhiệm vụ chính của công việc này là phá hoại hạm đội non trẻ của nước Mỹ nhằm thực hiện mục tiêu của Jefferson về thất lưng bụng bụng kiểu cộng hòa.

Hầu hết các học trò của nhiệm kỳ tổng thống Jefferson giải thích phong cách lãnh đạo của ông theo hướng các bài học tích cực ông đã học được từ Washington và những bài học tiêu cực học được từ Adams. Đúng là chính Jefferson cũng coi các mô hình rõ ràng và đối lập này như

những hướng dẫn của mình, với mô hình của Adams (tức là, tộc trưởng hòn dũi) ít hấp dẫn về mặt cá nhân và hiệu quả về mặt chính trị hơn so với mô hình của Washington (tức là, tổng chỉ huy quân đội được bao quanh bởi đám sĩ quan nhân viên). Theo một nghĩa nào đó thì cách tổ chức cơ quan hành pháp của Jefferson thể hiện việc áp dụng Đề án Washington. Tất cả các doanh nghiệp phải tìm đến trưởng các cơ quan liên quan trước tiên. Trong mỗi ngày làm việc, mỗi bộ trưởng phải gửi cho Jefferson một văn bản tóm tắt tất cả các quyết định hoặc các vấn đề thuộc lĩnh vực của mình. Jefferson sẽ trả lời bằng văn bản, nếu có thể là trong cùng ngày, và cũng phải sẵn sàng cho các cuộc họp riêng trước khi trèo lên lưng ngựa hằng ngày lúc 1 giờ chiều. Không giống như Washington, Jefferson không thích sắp xếp các cuộc họp thường xuyên với cả nội các, ông chỉ triệu tập toàn bộ nhóm khi có những quyết định khó khăn hoặc khi có nguy cơ khủng hoảng. Sự sắp xếp này làm cho Tổng thống, như cách Jefferson nói, là “trục bánh xe” trong khi công việc của quốc gia là vành bánh, chuyển tải thông qua các nan hoa, chính là các bộ, nhưng tất cả sẽ được giám sát tại trung tâm. Đó là một hệ thống trong đó tối đa hóa sự kiểm soát, đồng thời tạo khoảng cách cần thiết với các chi tiết.

Tám gương của Washington chắc chắn ảnh hưởng lớn đối với Jefferson, nhưng chính xác hơn, phải hiểu phong cách điều hành của ông biểu hiện cho kinh nghiệm và cá tính riêng của ông. Dù sao thì tầm quan trọng mang tính biểu tượng tại lễ nhậm chức của Jefferson đã được dự định để trở thành một sự bác bỏ của chế độ cộng hòa đối với sự phô trương của triều đình và sự triu mến của quân vương, tất cả đều là một phần của mô hình Washington. Và khuôn khổ quân sự mà Washington đem theo từ kinh nghiệm của mình với tư cách là chỉ huy của quân đội Lục địa rõ ràng quá độc đoán và không phù hợp với tính khí của

Jefferson, người thích một biểu hiện gián tiếp của quyền lực và đã cố gắng tạo ra một bối cảnh có sự đồng thuận trong đó mọi quyết định ít nhất cũng có vẻ mang tính tự nguyện. Trên thực tế, ông đã thực hành phong cách lãnh đạo gián tiếp này theo những cách khác nhau trong suốt quãng đời sau này của mình. Đó là phong cách ngoại giao của một người Mỹ thanh lịch khó nắm bắt ở Paris. Đó là phong cách chính trị của nhà lãnh đạo đảng vô hình nhưng hiệu quả, người đã thành thật nói rằng mình khinh rẻ các đảng chính trị. Đó là phong cách gia trưởng của một chủ đồn điền, người đã thiết kế Monticello để biến chế độ nô lệ trở nên gần như vô hình. Đó là phong cách đối nội của một tộc trưởng nhân từ được bao quanh bởi một gia đình lớn gắn bó với nhau trong sự hài hòa dường như hoàn hảo bằng tình cảm thuần khiết. Cuối cùng, đó là phong cách cộng hòa của Tổng thống đắc cử, một lời tuyên bố rằng nhiệm vụ chính của ông là làm cho chính phủ liên bang mà ông sắp nắm quyền kiểm soát trở nên mờ nhạt và bất lực về chính trị. Thành phần chung trong tất cả các bối cảnh này là niềm thôi thúc của Jefferson muốn che giấu quyền lực của mình trước những người khác và với chính mình.

Ví dụ, cách ông mô tả các cuộc họp nội các, nhấn mạnh vào bầu không khí hài hòa; vay mượn từ thứ ngôn ngữ sướt mướt mà ông thường dùng để mô tả các cuộc sum họp gia đình. “Chưa bao giờ xảy ra, trong suốt thời gian đó”, ông nhớ lại vào năm 1811, “việc các thành viên mảy may có tư tưởng hay lời nói khó chịu với nhau. Đôi khi chúng tôi có quan điểm khác biệt, nhưng hiếm khi không đưa ra được một kết quả thống nhất”. Đặc điểm đồng thuận trong các cuộc họp nội các của Jefferson là có thật, phần lớn bắt nguồn từ thực tế là Jefferson chọn những người có cùng quan điểm với mình. Nhưng ông cũng dàn xếp các sự kiện để ngăn chặn xung đột. Một lý do ông giữ các cuộc họp toàn nội các ở mức tối thiểu là để tránh các cuộc tranh luận. “Phương pháp tham vấn riêng”, ông giải

thích, “ngăn chặn những va chạm khó chịu”. Khi một cuộc trao đổi bị nóng lên tại một cuộc họp, ông đề nghị Madison điều khiển đằng sau hậu trường và để cho các đồng nghiệp của mình biết rằng hành vi không thích hợp như vậy sẽ không được dung thứ trong tương lai: “Xin các ngài vui lòng cố gắng, một cách không nghi ngờ, cho phép các quý ông khác hưởng những lợi thế của việc đôi khi phải nhờ đến tham vấn riêng? Với ngài Gallatin có thể nhận xét về mối ác cảm mới chớm mà chúng tôi ghi nhận giữa hai người anh em của chúng ta trong cuộc tham vấn muộn; và với những người khác có thể đề xuất những cân nhắc quan trọng có lợi cho tham vấn”. Tranh luận to tiếng trong nội các đối với ông là một sự bất nhã. Ông muốn các bộ trưởng của mình giải quyết các bất đồng riêng với nhau chứ không phải qua các cuộc họp nội các bị nhiễm tinh thần gây gổ. Nếu các đặc tính dân chủ hoan nghênh một thương hiệu rộng mở, hòa hiếu của xô đẩy chính trị, phiên bản của sự thanh thản cộng hòa kiểu Jefferson lại không tương thích với nó.

Ông dường như muốn hoạt động của chính phủ liên bang không chút ồn ào, vô hình và hoàn toàn học thuật. Ngay sau khi ông thành lập nội các, ông tiến hành tổ chức bữa tiệc tối mỗi tuần tại dinh thự tổng thống để tập hợp các thành viên của Quốc hội và phu nhân của họ, cùng các đại diện cơ quan hành pháp và các nhà ngoại giao nước ngoài đóng tại Washington. Một số miêu tả sinh động nhất về Tổng thống Jefferson đến từ hồi tưởng cá nhân của những vị khách trong những dịp giao lưu xã hội thân mật này (12-20 người). Edward Thornton, Đại sứ Anh, bị ấn tượng bởi nỗ lực gần như kịch hóa của Jefferson “nhằm khắc sâu vào ấn tượng mọi người sự gắn bó của ông với phong thái cộng hòa giản dị và thái độ không sẵn lòng thừa nhận sự khác biệt nhỏ nhất, có thể tách ông khỏi đông đảo nhân dân mình”. Margaret Bayard Smith coi phong cách xã hội khiêm tốn và thanh đạm của ông như một dấu hiệu của sự khiêm

nhường đích thực. Louisa Catherine Adams, vợ của John Quincy, lại coi đó như là một nỗ lực vụng về của một quý tộc để tác động đến người thường. Sự cố được nhắc đến nhiều nhất diễn ra năm 1803, khi Công sứ Anh mới đến, Anthony Merry, tỏ ra cực kỳ khó chịu về một buổi tối khó xử mà ông và vợ ông đã tham dự tại bữa tiệc tổng thống. Trong cuốn sách nổi tiếng với tựa đề *Lịch sử* (History) của ông, Henry Adams đã biến nó thành một loạt các mẫu tập hợp hiếm độc thú vị, trong đó những kỳ vọng của triều đình và những tình cảm không thể chịu đựng được của bà Merry hòa một cách vui nhộn vào quy tắc xã giao “pêlê mêlê” của Jefferson, một quy tắc mà bà cho là thật dã man khi mọi người được ngồi thoải mái.

Nhưng những mô tả đối lập về hành vi xã hội của Jefferson chỉ đơn thuần là một cách khác để những người quan sát các chương trình nghị sự chính trị khác nhau cảm thấy trong đầu một phong cách cộng hòa tự giác của Jefferson vô cùng khó hiểu. Tầm quan trọng thật sự của các bữa tiệc tối là ở mục đích căn bản của chúng. Chúng đặt ra một nghĩa vụ xã hội to lớn cho Jefferson, đặc biệt là trong những tháng khi Quốc hội đang họp. Ông vẫn tổ chức chúng trong suốt nhiệm kỳ tổng thống của mình, vì chúng tăng cường triển vọng tạo ra sự gắn kết cá nhân và gắn bó tình cảm, có thể giúp vượt lên những bất đồng chính trị. Nếu mọi người ngồi xuống để ăn tối cùng nhau và buộc phải tuân theo phép lịch sự thông thường, họ sẽ ít có khả năng nhảy vào mồm nhau trên Quốc hội vào hôm sau. Nhưng những ý định đáng khen ngợi đằng sau bữa tối của tổng thống lại bị loãng đi rất nhiều bởi chính những động cơ đã truyền cảm hứng cho chúng. Lúc đầu, Jefferson thiết lập quy tắc, điều hẳn đã khiến cho một số dân biểu thấy thật lạ lùng, rằng những cuộc trò chuyện chính trị công khai sẽ bị cấm tại bàn. Và sau khi cố gắng xếp những người Liên bang ngồi lẫn với những người Cộng hòa được một thời gian ngắn, thì

ông đã từ bỏ cuộc thử nghiệm để tránh mối đe dọa từ các cuộc trao đổi bất ổn hay các trò đùa có hơi hướng chính trị về rượu vang Pháp của ông. Do đó giấy mời đã được gửi đi theo đúng nhóm đảng phái. Thậm chí hơn cả họp nội các, sự hài hòa giữa các bên rất đáng mong đợi trong tiệc tối được sắp đặt ở mức độ cao.

Các bữa tối phục vụ một mục đích khác cần phải ghi nhận, đặc biệt là vì những giả định ngày nay về việc truy cập ngay những hình ảnh và âm thanh của những quan chức được bầu cản trở sự phục dựng trung thành không khí của sự kiện hồi đó. Nói đơn giản là, các bữa tối chính là một dịp để nhìn thấy Tổng thống Jefferson. (Đây là lý do chính tại sao vẫn còn rất nhiều các mô tả hình ảnh về Jefferson đến từ những vị khách ăn tối). Ngoài những chuyến cưỡi ngựa hằng ngày băng qua rừng và cầm cương trên các nẻo đường của vùng bán nông thôn Washington, thì Jefferson không hề xuất hiện trước công chúng ở nơi nào khác. Điều này đã tạo ra một sự ngắt quãng với những người tiền nhiệm, vì cả Washington và Adams đều đặn có những bài phát biểu trước đám đông và xuất hiện trước Quốc hội ít nhất mỗi năm một lần để chuyển tải Thông điệp hằng năm của họ. Jefferson không tiếp tục thông lệ trình bày Thông điệp hằng năm như một bài phát biểu, tuyên bố rằng một phiên bản viết sẽ hiệu quả hơn. Điều này cũng loại bỏ cảnh tượng đoàn tùy tùng của tổng thống diễu lên đồi Capitol, một sự mô phỏng rõ ràng về hoàng gia châu Âu, rồi đặt các thành viên Quốc hội vào vị trí của các đối tượng thụ động lắng nghe lời rao giảng của ông. Jefferson tin rằng một tổng thống Cộng hòa phải là người không dễ thấy. Ông muốn thể chế hóa một nhiệm kỳ tổng thống phi vương quyền một cách tự ý thức. Như ta đã biết, trong tám năm, hai bài phát biểu duy nhất mà ông trình bày chính là hai bài phát biểu nhậm chức của ông.

Công việc chính của ngành hành pháp dưới thời Jefferson được thực hiện gần như hoàn toàn bằng văn bản. Thật vậy, nếu chúng ta muốn dựng lại bức tranh lịch sử chính xác về Tổng thống Jefferson, thì sẽ là ông không đi xe hay đi bộ lên đồi Capitol trong lễ nhậm chức của ông, mà sẽ ngồi ở bàn viết của ông khoảng chục giờ mỗi ngày. Ông thường ngủ dậy trước lúc rạng đông, khoảng 5 giờ sáng, làm việc tại bàn một mình đến 9 giờ, khi quan chức nội các và dân biểu đã được phép vào gặp. Ông cưỡi ngựa vào đầu giờ chiều, trở về kịp lúc cho bữa tối lúc 3 giờ 30. Ông quay lại bàn làm việc lúc 6-7 giờ và đi ngủ lúc 10 giờ. Theo như ông giải thích cho một người bạn thì ông “có thói quen chú trọng đến sức khỏe, đó là không bao giờ đi ra ngoài vào buổi tối”. Ngoài tháng 8 và tháng 9, khi nhiệt độ và độ ẩm của Washington đẩy ông trở lại đỉnh núi của mình tại Monticello, thời gian còn lại Jefferson dính chặt vào bàn làm việc. Trong năm đầu tiên là tổng thống, ông đã nhận được 1.881 lá thư, không kể thư từ nội bộ trong nội các của ông, và gửi đi 677 thư từ của mình. Chế độ ảm đạm này khiến ông thực tế đã trở nên vô hình trước công chúng. Ông thậm chí còn có vẻ quyết tâm tiêu diệt bất kỳ dấu vết văn bản ghi chép nào của mình với tư cách tổng thống, ông nhấn mạnh rằng tất cả các thư từ công chúng của ông phải được xếp vào một trong các phòng ban điều hành khác “để tôi sẽ không bao giờ phải thêm một tài liệu nào vào những ghi chép của văn phòng tổng thống”.

Đó là toàn bộ các mảnh ghép. Một chính phủ liên bang tối giản cần một tổng thống tối giản. Quyền lực chính trị, để vừa vặn với mô hình cộng hòa, cần phải được thực hiện một cách kín đáo, không được cho người ta cảm giác về quyền lực hay không được trông giống như quyền lực. Kỹ năng hùng biện có tiếng là kém của Jefferson, thuận tiện thay, lại được coi là không phù hợp hoặc có thể biến thành một trách nhiệm đầy đạo đức. Công việc thật sự của nghề này rơi trọn vào bàn tay giải giang,

có thể biến hóa con chữ khéo léo hơn bất kỳ nhân vật của công chúng nào cùng thời với ông, và đi đúng vào sở thích của Jefferson - đó là một sự cách ly lỏng lẻo, nơi mà các kỹ năng ứng tác là không cần thiết, gần như hoàn toàn có thể kiểm soát các ý tưởng và việc đưa ra chính sách công về căn bản chỉ là vấn đề về mặt văn bản.

Thật vậy, người ta có thể khéo léo mô tả phong cách điều hành không quan cách và đầy ý thức của Jefferson như là một tổng thống văn bản. Nghệ thuật ra quyết định đồng nghĩa với nghệ thuật soạn thảo và sửa đổi các văn bản. Các cuộc tranh luận chính sách trong nội các diễn ra dưới hình thức trao đổi biên tập về lựa chọn từ ngữ và cú pháp. Ví dụ, khi Jefferson chuẩn bị Thông điệp hằng năm đầu tiên của ông cho Quốc hội, tất cả bộ trưởng được yêu cầu nộp bản ghi nhớ đề xuất các mục cần đưa vào. Ông đã sáng tác một bản dự thảo dựa trên tư vấn bằng văn bản của họ và sau đó đệ trình dự thảo đó để họ cho ý kiến. Ông đề nghị Madison chú ý đặc biệt tới ngôn ngữ của văn bản: “Đề nghị ngài xem lại văn bản kèm theo, không chỉ về mặt nội dung mà cả ngôn từ. Ở những chỗ mà ngữ pháp không làm ảnh hưởng đến cách biểu đạt, thì nó nên được xem xét để chiều theo những người theo chủ nghĩa thuần túy ở New England. Nhưng ở những chỗ mà việc bỏ qua những lỗi ngữ pháp nhỏ làm cho năng lượng của một ý tưởng bị cô đặc, hoặc một từ đại diện cho cả một câu, tôi sẽ coi lỗi ngữ pháp là một sự xúc phạm”.

Gallatin có xu hướng đưa ra nhiều đề nghị về mặt biên tập hơn bất kỳ thành viên nội các nào khác. Ông thường viết ra các bản chỉnh sửa dài gấp hai lần dự thảo gốc của Jefferson và đưa vào đó những nhận xét phê bình sắc bén, thường không phù hợp với việc tranh luận trong cuộc họp nội các đầy đủ, nhưng lại chấp nhận được trong văn bản viết cho phép sự riêng tư. “Về mặt phong cách”, ông viết năm 1802, “Tôi không phải là người am tường mọi thứ, nhưng tôi không thích, trong đoạn đầu tiên, ý

tưởng về việc hạn chế lòng biết ơn do có các đáng tối cao; và có vẻ như, cũng có quá nhiều chỗ nói về người da đỏ trong lúc liệt kê các phước lành của chúng ta ở câu tiếp theo”.

Sự phụ thuộc bất thường vào văn bản này đã gây ra một số hậu quả mỉa mai. Một mặt, nó cho phép Jefferson tiếp tục trở thành một trong những tổng thống tách biệt và vô hình trước công chúng nhất trong lịch sử Mỹ. Mặt khác, nó tạo ra một dấu vết về mặt giấy tờ khiến các sử gia dễ tiếp cận và nhìn được quá trình ra quyết định dưới thời tổng thống của ông hơn bất kỳ vị tổng thống nào khác - nghĩa là, cho đến khi ghi âm điện tử được cài đặt dưới thời John Kennedy và vụ tiết lộ giạt gân đoạn băng Nhà trắng của Richard Nixon. Và vì các Thông điệp hằng năm của Jefferson là tài liệu đã được đánh bóng và thiết kế để đọc nội dung - và vì chưa có tổng thống Mỹ nào bị được khả năng ngôn ngữ của ông, trừ Lincoln - nên những thông điệp này đại diện cho một tuyên bố cực kỳ thuyết phục và súc tích vô song về cái mà ông cho là “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy”, trên thực tế chứ không chỉ trên lý thuyết.

NỢ NẦN, PHE LIÊN BANG, NGƯỜI DA ĐỎ

Trên tất cả, điều này có nghĩa là xóa bỏ nợ công. Trong những ngày hội họp khi kết quả hòa trong cuộc bỏ phiếu đại cử tri giữa Jefferson và Burr được tung ra Hạ viện, một số người Liên bang đã cố gắng gọi ra một lời hứa từ Jefferson rằng ông sẽ tôn trọng các nghĩa vụ giải quyết nợ liên bang, hàm ý là phiên bản của Jefferson về chủ nghĩa cộng hòa là không phù hợp với nhiệm vụ tài khóa. Họ đâu biết rằng những lo lắng như vậy là không cần thiết. Như Jefferson đã giải thích cho Gallatin: “Tôi coi vận may của chế độ cộng hòa chúng ta phụ thuộc một cách đáng kể vào việc xử lý nợ công...”, nói thêm rằng việc không thể xử lý nợ sẽ khiến Mỹ lao theo “sự nghiệp nợ nần, tham nhũng, thối nát, kết cục là cách mạng của Anh”. Trả nợ công, với Jefferson, thật sự là một vấn đề chuộc lại đất nước,

một vấn đề “sống còn đối với vận mệnh của chính phủ chúng ta...” Ông thông báo với Gallatin rằng đó là ưu tiên cao nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của mình và có vẻ Mỹ sẽ “chưa từng thấy một Tổng thống và Bộ trưởng Tài chính nào làm cho tất cả các mục tiêu khác kém hơn mục tiêu này”.

Ông đã không nói quá. Năm 1801, nợ công ở mức 112 triệu USD, hầu hết trong đó đã được tích lũy lại từ chương trình gánh nợ nhà nước của Hamilton (Jefferson luôn coi quyết định này là một phiên bản chính trị của tội lỗi nguyên thủy của Mỹ, trong đó ông vĩnh viễn phải đền tội vì sự đồng lõa của chính mình). Theo hướng dẫn của Jefferson, Gallatin đã đưa ra một kế hoạch xử lý nợ trong vòng 16 năm với mức 7 triệu đô-la mỗi năm. Vì thu nhập hằng năm của chính phủ liên bang, chủ yếu là từ thuế hải quan và việc bán đất công, vào khoảng 9 triệu đô-la, nghĩa là chỉ còn khoảng hơn 2 triệu đô-la để dùng cho các khoản chi tiêu hằng năm của toàn bộ chính phủ. Nhưng đó chính là điều Jefferson đề xuất thực hiện.

Một cách mỉa mai thì cả Jefferson và Hamilton đều coi nợ công là nền tảng của chính sách quốc gia. Đối với Hamilton thì đó là một phước lành quốc gia bởi nó tạo ra nhu cầu về các chính sách thuế, ngân hàng và tài khóa liên bang, nhờ đó phóng đại quyền lực của chính phủ quốc gia. Đối với Jefferson đó lại là một lời nguyền quốc gia; nó gợi lên tất cả những hình ảnh ma quỷ gắn với chế độ quân chủ châu Âu, đặc biệt là lớp lớp tham nhũng tích tụ và được đại diện bởi sự tàn phá chính trị, đó là Chính phủ Anh. Tuy nhiên, đó cũng là một phước lành được ngụ ý, vì nó xác định và quy định nhiệm vụ cốt lõi của chính quyền của ông. Xung lực trung tâm của tư tưởng Whig, như ta đã nói trước đó, có tính đối lập; nó đòi hỏi một “mối nguy hiểm rõ ràng và hiện tại” để tập trung năng lượng của mình. Khoản nợ đã đem đến cho Jefferson kẻ thù chính

yếu của ông. Chương trình giải quyết nợ của Gallatin đòi hỏi phải giảm số lượng viên chức liên bang, thu hẹp quân đội và những cắt giảm quan trọng trong hải quân. Khoản nợ, theo nghĩa này, là một thứ trời ban vì nó đã trở thành công cụ ngân sách để thực thi việc thắt lưng buộc bụng và giảm quy mô chính phủ. Khoản nợ xác định, đầy xuất sắc và thực dụng, cách làm thế nào tổng thống sử dụng quyền điều hành để hạn chế quyền lực của chính phủ.

Thật khó để chúng ta ở Mỹ ngày nay có thể trân trọng, chứ đừng nói là hiểu, nổi ám ảnh của Jefferson với món nợ công, một món nợ trông tương đối nhỏ. Số lượng viên chức liên bang tại Washington năm 1801 tổng cộng 130 người, và món nợ công trị giá 17 triệu đô-la là ít hơn đáng kể so với các khoản thanh toán lãi suất hàng giờ, hiện dồn vào nợ công hiện tại trị giá vài nghìn tỉ đô-la. Hơn nữa, sự khôn ngoan lữ kế của các nhà kinh tế và các sử gia kinh tế đã dạy ta rằng không nên suy nghĩ về nợ công theo cùng một cách thẳng thắn như với nợ cá nhân và gia đình, vì một gánh nặng hỗn hợp bị loại bỏ với tốc độ càng từ từ càng tốt. Tổng kết sau này cho thấy rằng ngay cả đối với những người muốn phủ nhận tầm nhìn của Hamilton về một nước cộng hòa thương mại tích hợp và mở rộng, thì khoản nợ công mà Jefferson phải thừa kế vẫn cần được xem xét như một khoản đầu tư hoàn toàn hợp lý vào sự phát triển tương lai của Mỹ, một khoản vay thận trọng, nếu có, được bảo đảm bởi các tài sản thế chấp chính là tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Trong cách nghĩ ngày nay, việc Jefferson nặng lòng về món nợ công trông thật đơn giản và ngớ ngẩn.

Theo một nghĩa nào đó, điều này vẫn đúng vào thời đó. Niềm đam mê duy nhất ông dành cho vấn đề này lên đến mức cực đoan. Một số đồng nghiệp Cộng hòa ôn hòa hơn của ông và khá nhiều người Liên bang cho rằng chính sách tài khóa bị nợ thao túng của ông là quá khắc khổ. Adams

sống ẩn dật tại Quincy và liếm láp vết thương chính trị của mình trong lúc chuẩn bị trả thù bằng cuốn tự truyện của mình, lo lắng nhất về việc giải tán hải quân, điều có thể một ngày nào đó sẽ được chứng minh là thiếu cận. (Chiến tranh năm 1812 đã chứng minh ông đúng). Nhưng thái độ của Jefferson về khoản nợ phải được hiểu theo cách của riêng Jefferson. Điều này có nghĩa là phải công nhận các vực sâu trong sự kết án tư tưởng và tâm lý mà từ đó rút ra đặc điểm không thể đàm phán của nó.

Nợ công là một động cơ không thể nhầm lẫn của sự tham nhũng chính phủ theo “nguyên tắc Whig cổ”. Nó sắp xếp tất cả các dây dẫn điện và thổi tung tất cả các cầu chì trong mạch tư tưởng Jefferson, khiến nó phát nổ trong một tâm nhìn chớp nhoáng của kẻ sùng Anh, những kẻ theo chế độ quân chủ và những ông chủ ngân hàng đầy toan tính đang âm mưu trong đống đổ nát của nước Cộng hòa Mỹ. Đúng đây là một tâm lý bí ẩn; bị lầm đường lạc lối một cách bệnh hoạn, gấn nợ nần với tham nhũng và với phiên bản độc hại của thói bài Anh. Nhưng nó đã được thánh hóa như một chi tiết trung tâm của đức tin cộng hòa trong Cách mạng Mỹ, và Jefferson hết lòng chấp nhận nó như một con chiên thật sự.

Về mặt tâm lý, nợ nần đặt ra một kiểu phản ứng dây chuyền khác trong Jefferson. Ông không những đã nhìn thấy một số người trong tầng lớp chủ đồn điền của Virginia chi tiêu và biến mình thành phá sản, mà cá nhân ông còn biết được cảm giác chỉ còn cách chủ nợ của mình một bước ngắn về phía trước, thậm chí là trải qua cái cảm giác kinh tởm khi mà cuối cùng đám chủ nợ cũng sẽ sẵn lòng được mình. Tất nhiên, trong cuộc sống cá nhân của Jefferson, chúng ta biết rằng bóng ma lơ mờ của những món nợ khủng khiếp không có tác dụng rõ rệt đối với thói quen tiêu xài của ông. (Riêng các hóa đơn rượu của Jefferson trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên đã lên tới gần 10.000 đô-la, những lần tân trang đất

tiền và rõ ràng là vô tận của tòa nhà Monticello tiếp tục diễn ra nhanh chóng trong suốt nhiệm kỳ tổng thống của ông). Có lẽ cách tốt nhất để nói về vấn đề này là, cũng giống như việc tiếp xúc nhiều với chế độ nô lệ dường như khiến cho Jefferson đặc biệt coi trọng tự do cá nhân, những thói quen riêng trong việc tiêu xài của ông khiến ông cực kỳ coi trọng, một cách kỳ lạ, sự thất lưng buộc bụng của chính phủ. Trong cả hai trường hợp, nhiệt tình công chúng của ông xuất phát trực tiếp từ những trải nghiệm thất bại cá nhân của ông.

Trong cuộc sống cá nhân của Jefferson với tư cách một chủ đồn điền mắc nợ, những kế hoạch tỉ mỉ nhằm phục hồi tài chính dường như không có mấy tác dụng; những con số không bao giờ nhân lên. Tuy nhiên, với cương vị Tổng thống, dòng chảy lịch sử (cũng như khả năng quản lý của Gallatin) lại đứng về phía ông. Sự tăng trưởng theo cấp số nhân trong xuất khẩu của Mỹ làm tăng doanh thu liên bang thậm chí còn nhanh hơn Gallatin đã dự đoán, cho phép xử lý khoản nợ nhanh hơn. Phe phản đối chủ yếu về ngân sách thất lưng buộc bụng là những người Liên bang tại Thượng viện, họ đã cảnh báo rằng việc cắt giảm quân đội sẽ đặt an ninh nước Mỹ vào rủi ro. Nhưng đa số những người Cộng hòa dễ dàng lấn át những người Liên bang bất đồng, và nền hòa bình mở rộng ở châu Âu đã khiến cho việc đánh cược của Jefferson vào vụ cắt giảm hải quân trông giống một lời tiên tri. Trong Thông điệp hằng năm đầu tiên trước Quốc hội vào tháng 12 năm 1801, Jefferson cảm thấy đủ tự tin để đề nghị bãi bỏ tất cả các loại thuế nội địa. Ông đã đưa ra một phân tích cộng hòa kinh điển: “Nguyên tắc sáng suốt sẽ không biện minh cho việc chúng ta đánh thuế các ngành công nghiệp của nhân dân ta nhằm tích lũy của cải cho những cuộc chiến tranh mà ta không biết khi nào sẽ xảy ra, và có thể sẽ không xảy ra nếu không có những cám dỗ từ đồng của cải đó”. Quân đội và hải quân không ngăn cản chiến tranh; họ thường gây

ra chiến tranh. Trong khi đó, việc loại bỏ các loại thuế nội địa sẽ làm giảm hơn nữa sự chú ý của công chúng vào chính phủ liên bang ở lĩnh vực nhạy cảm nhất của quan điểm công chúng, đó là thu thuế. Đến cuối nhiệm kỳ đầu tiên của ông, Jefferson đã có thể đặt câu hỏi tu từ: “Có người nông dân nào, thợ cơ khí nào, người lao động nào từng nhìn thấy người thu thuế ở Mỹ hay chưa?”

Trong khi những hạn chế về ngân sách được áp đặt bởi các cam kết giảm nợ có tác dụng như một công cụ chạy đều đều, gặm nhấm dần vào cái mà Jefferson sốt sắng coi là một bộ máy liên bang quan liêu công kênh. “Chúng ta đang sẵn tìm và loại bỏ đám đông quan chức vô dụng”, ông nhiệt tình kể với với con rể, “đuổi việc, loại bỏ chúng một cách âm thầm...” Ông thông báo cho William Short, vẫn đang ở Paris, rằng ông và Madison đang xem xét một cách nghiêm túc việc vô hiệu hóa tất cả các điều ước quốc tế nước ngoài và đóng cửa các sứ quán Mỹ ở châu Âu. (Ý tưởng này cuối cùng đã bị bỏ). Gallatin đã thuyết phục được ông rằng ngân hàng trung ương và cán bộ hải quan nên được tha; họ thật sự giúp cho việc giảm nợ; theo cách nói hiện đại, họ “hiệu quả về mặt chi phí”. Jefferson miễn cưỡng đồng ý. “Tôi thấy xấu hổ khi phải tăng cường những nguyên tắc mà tôi cho là hoàn toàn xấu xa”, ông phàn nàn, nhưng có lẽ Gallatin đã đúng, “rằng chúng ta không bao giờ có thể hoàn toàn thoát khỏi hệ thống tài chính của ông ta [Hamilton]”. Tuy nhiên, các cam kết tuân thủ phải nhằm mục đích đơn giản hóa hồ sơ tài chính, cắt bớt lớp lớp các kế toán viên, công chức và - Chương trình nghị sự Cộng hòa cốt lõi - “đưa mọi thứ trở lại với một hệ thống thông minh đơn giản mà đang ra phải có từ lúc đầu”.

Việc đứng đầu trận chiến về ngân sách đến với ông một cách tự nhiên và xuất phát từ các nguồn cá nhân sâu sắc chung một dòng chảy và cùng một hướng. Nhưng nhiệm vụ phân phối bảo trợ tương đối trần tục đã

làm ông điều đứng từ lúc bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống. Ông viết nhiều thư và bày tỏ những ý kiến trái ngược nhau về chủ đề này nhiều hơn bất kỳ chủ đề nào khác. Tuyên bố đầy màu sắc nhất của ông - rằng những quan chức chính phủ phe Liên bang đã ngăn chặn việc tạo ra các vị trí trống, rằng “những người từ bỏ vị trí của mình vì chết thì ít; mà vì từ chức thì không có ai” - được đưa ra lúc ông đang trong tâm trạng muốn “càn quét”, nghĩa là muốn loại bỏ toàn bộ đám người Liên bang để nhường chỗ cho những người Cộng hòa trung thành. Trong những dịp khác ông có một phát biểu mang tính hòa giải hơn, đó là ông sẽ để phe Liên bang ở lại vị trí của mình trong chính phủ và chỉ thay thế họ khi có vị trí trống; nhiều khi ông thậm chí còn tỏ ra nhân từ hơn khi đề xuất rằng phe Liên bang thuộc thành phần dân thường nên được bổ nhiệm và chỉ có các nhà lãnh đạo Liên bang cực đoan nhất, “những người mà tôi từ bỏ vì cho rằng không còn thuốc chữa”, mới bị loại trừ. “Nếu chúng ta có thể đánh trúng vào cách ứng xử”, ông viết cho Horatio Gates, “điều này sẽ giúp thu phục được phần trung thực trong những người được gọi là theo phe Liên bang, và đòi lại công lý cho những người đã bị loại ra khỏi phe quá lâu, tôi hy vọng có thể tiêu diệt, hay đúng hơn là đoàn kết những người Liên bang và những người Cộng hòa”. Đây có vẻ như cách hiểu phổ biến nhất về dòng chữ “Tất cả chúng ta đều là người Cộng hòa - tất cả chúng ta đều là người Liên bang” trong Diễn văn Nhậm chức của ông. Trong nhiều tháng, ông dao động qua lại giữa hai quan điểm khác nhau này.

Vấn đề bảo trợ tiến thoái lưỡng nan của Jefferson đã vượt ra ngoài hoàn cảnh chính trị chưa từng có tiền lệ được tạo ra bởi cuộc bầu cử của ông. Ông là nhà lãnh đạo đảng đối lập đầu tiên được bầu làm Tổng thống và là lãnh đạo đảng đầu tiên được thừa nhận phải đối mặt với vấn đề “bánh mì và cá” trong khi tất cả các văn phòng cấp trung-cấp thấp của

liên bang vẫn đang do chính quyền cũ nắm giữ. Trong những năm sau này, chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống có nghĩa là thay đổi toàn bộ đội cận vệ theo kênh đảng đã trở thành một thông lệ phổ biến và thể hiện sự hiểu biết lẫn nhau. Không có vấn đề gì mang tính nguyên tắc một cách khủng khiếp hay cực kỳ đạo đức đang bị đe dọa. Vấn đề bảo trợ chỉ đơn giản là một sản phẩm phụ của quyền lực chính trị. Nhưng Đảng Cộng hòa chiến thắng đã nắm trong tay chính quyền với niềm tin vào đức hạnh của chính mình và tự xưng là đại diện cho sự phục hồi các nguyên tắc miễn trừ với chính trị như thường lệ. Như Henry Adams đã nói, “một tình trạng như vậy không bao giờ có thể xuất hiện một lần nữa, vì chỉ có một quốc gia non trẻ mới có thể thiếu kinh nghiệm chính trị”. Thật khó xử cho Jefferson khi phải bắt đầu hành xử giống một nhà lãnh đạo đảng sau một thập niên phủ nhận phe Cộng hòa là một đảng chính trị.

Giải pháp thực tế cho vấn đề tiến thoái lưỡng nan này, riêng mình nó không quan trọng bằng những gì giải pháp này tiết lộ về tâm lý vốn đã mang tính đạo đức của Jefferson. Trong suốt những năm 1790, ông đã mô tả phe Liên bang là một phe độc ác gồm những kẻ theo chế độ quân chủ ngầm và những kẻ ủng hộ Đảng Bảo thủ Anh trốn trong tủ, họ đã trưng dụng mục đích ban đầu của Cách mạng Mỹ và đưa chính phủ đến bờ vực của tham nhũng không cứu vãn nổi. Lời chẩn đoán danh thếp này chưa bao giờ chính xác xét về mặt thực tế. Rất ít người phe Liên bang là người theo chế độ quân chủ hoàn toàn. Thật vậy, nếu có ai đó đang tìm kiếm những tạo vật như vậy, thì ứng viên hàng đầu sẽ là Burr, một người Cộng hòa và là Phó Tổng thống cho Jefferson. Những vấn đề căn bản gây chia rẽ phe Liên bang và Cộng hòa không thật sự nằm ở mặt đạo đức hay hiến pháp hay chiến lược: Phe Liên bang ưa thích một chính phủ liên bang hợp nhất hơn, trong đó các cơ quan hành pháp và tư pháp có nhiều

quyền lực hơn và Anh là đồng minh châu Âu chính cũng như tấm gương của Mỹ. Phe Cộng hòa thì lại muốn có một chính phủ liên bang nhỏ hơn và yếu hơn, trong đó Hạ viện là động lực chi phối; họ coi Pháp là người bạn châu Âu chính yếu. Trong khi những quan điểm này hầu như không phải tình cờ mà khác nhau - nghĩa là chúng có nguồn gốc từ các ý tưởng đối lập nhau một cách căn bản về việc phân bổ phù hợp quyền lực chính trị trong một chính phủ cộng hòa - những quan điểm này đã không thật sự trở thành loại mệnh lệnh đạo đức mà đầu óc Jefferson cần để huy động các nguồn năng lượng chính trị của nó. Tuy nhiên, để Jefferson ám chỉ những điều mà rất nhiều độc giả của Diễn văn Nhậm chức của ông cho rằng ông ám chỉ - rằng sự khác biệt giữa phe Liên bang và Cộng hòa là hoàn toàn có thể thương lượng - thì ông phải thừa nhận rằng cuộc thập tự chinh đạo đức của mình trong những năm 1790 là một sự lầm đường.

Vào mùa hè năm 1801, Jefferson đã đi đến kết luận của mình: Có những người theo phe Liên bang và những người chủ trương liên bang. Những người theo phe Liên bang là những người ủng hộ chế độ quân chủ không gì lay chuyển được, “những kẻ chuyên chế vô phương cứu chữa” và “những kẻ liều mạng của bè phái thời xưa”. Ông tuyên bố “không muốn gì, mà chỉ muốn sự hận thù vĩnh viễn từ phía họ”, và nếu điều đó bị chấm dứt, “tôi phải trở nên nghi ngờ chính mình”. Nhóm sau là những người lầm lạc đi theo, họ muốn một cơ quan hành pháp đại loại là mạnh hơn nhưng trong thâm tâm họ lại là những người chủ trương cộng hòa và do đó “được sự tín nhiệm của nhân dân”, vẻ đẹp của sự phân biệt đơn giản này là ở chỗ nó cho phép Jefferson giữ lại đạo đức của mình, quả thật là để tập trung hận thù của ông hơn nữa vào những nhóm có ảnh hưởng của phe Liên bang ngoan cố còn sống sót, đặc biệt ở New England, trong khi đồng thời áp dụng một thái độ hòa giải ở nơi khác và khuyến khích

đào tẩu hàng loạt với Đảng Cộng hòa. Ví dụ, ở Connecticut, ông tuyên bố rằng phần lớn người dân vẫn bị thôi miên bởi phiên bản kém cỏi nhất của phe Liên bang: “Thói quen ổn định của họ sẽ loại trừ những tiến bộ của thông tin và họ sẽ chính là họ khi tách khỏi các Thánh của Oliver Cromwell”. Ông tin tưởng, họ sẵn sàng “làm theo tiếng sủa của tự do chỉ với sự giúp đỡ của một sợi dây tời”. Do đó Connecticut đòi phải có “một trận càn quét lớn” những kẻ ủng hộ Liên bang khỏi vị trí của mình. Việc bổ nhiệm một người theo phe Liên bang “trông giống như bổ nhiệm một người vô thần làm linh mục”. Massachusetts thì tốt hơn một chút, mặc dù Jefferson vẫn hy vọng rằng “như người da đỏ vẫn nói, họ cũng đang rửa trôi hạt bụi trong mắt”, để cuối cùng “phần cộng hòa sau một thời gian sẽ trỗi dậy, và các lớp trầm tích của chủ nghĩa quân chủ sẽ bị bỏ lại như cặn ở dưới đáy”. Tuy nhiên, cho đến lúc đó, “một trận càn quét sạch sẽ” là việc làm cần thiết ở Massachusetts.

Đặc điểm đạo đức của Jefferson coi như đã mất đối với hầu hết những người ủng hộ Liên bang, vốn coi việc thanh trừng hàng loạt ở New England là một sự phản bội lời hứa nhậm chức của Jefferson. “Sự thật là”, các biên tập viên của tờ *New York Evening Post* nhận xét, “thật lố bịch khi ông Jefferson và những người ủng hộ ông giả đò là, trong hệ thống sẵn lòng những người Liên bang như thú hoang hiện tại, họ bị chi phối bởi bất kỳ nguyên tắc nào hoặc những nguyên tắc có tính thể nguyên hoặc có thể được ủng hộ với bất kỳ cái cớ nào trong khoảnh khắc”. Sự thật là việc giả vờ đó rất quan trọng đối với những người theo phe Cộng hòa; họ không muốn nghĩ về mình như những chính khách điển hình, đã đánh đổi nguyên tắc của mình để lấy quyền lực sống sượng khi nắm quyền. Đối với bản thân Jefferson, vấn đề bảo trợ lợn xộn đã thể hiện cái cách mà đầu óc của ông có khả năng di chuyển trên hai tuyến song song, một bên là báo thù dã man và tàn nhẫn, một bên là giúp đỡ và từ thiện.

Tất cả đều phụ thuộc vào việc ai đó hạ cánh ở đâu trong thế giới đạo đức cố hữu của Jefferson?

Giai đoạn bảo trợ cũng tiết lộ việc Jefferson lãnh đạm như thế nào với các đặc tính đa nguyên có vai trò trung tâm đối với chủ nghĩa tự do chính trị hiện đại, trong đó quy định việc tôn trọng các giá trị khác nhau căn bản và coi sự toàn vẹn là một cuộc đối thoại văn minh, thậm chí sôi nổi, giữa các ý tưởng đối lập. Quan điểm của ông là một sự kết tội truyền thống và phổ quát: Có một sự thật, không nhiều. Ông có thể kiên nhẫn và thực dụng vô tận đối với những khác biệt nhỏ, nhưng một khi quan điểm của bạn rõ ràng nằm ở phía bên kia chiến tuyến, nghĩa là cuộc chiến sinh tử bắt đầu. Cái đã cứu sống số lượng lớn phe Liên bang, hóa ra không phải sự hào phóng của tinh thần cũng như hy vọng tha thiết rằng họ thực ra là những người Cộng hòa tiềm ẩn đang chuẩn bị cải đạo.

Đó là một viễn cảnh đặc trưng kiểu Jefferson, và nó đóng góp vào danh tiếng đầy nghịch lý của ông với tư cách một người đàn ông văn minh cực kỳ bình tĩnh và bình thản, vô cùng thanh lịch, người sẽ đều đều tuôn ra những cơn tức giận đột ngột và thù địch đối với kẻ thù của mình. Ở cấp độ cá nhân, điều này mang lại một khía cạnh sắc bén nguy hiểm cho thái độ mềm mỏng của ông, đặc biệt đối với những người làm tướng phong cách kín đáo của ông là thái độ thờ ơ và lạc vào một trong những chủ đề được cảm nhận sâu sắc. Ở cấp độ bán công cộng, chẳng hạn như các cuộc họp nội các hoặc các phiên họp một chọi một trong văn phòng tổng thống, điều này tăng cường quyền lực của ông bằng cách gợi ý một khu vực dưới lòng đất mãi mãi khuất khỏi tầm nhìn và bị các lực lượng đáng sợ chiếm đóng, mà nếu vô tình mở khóa, sẽ không nhận tù nhân, ở cấp độ công cộng, phe Liên bang ở New England đã kích hoạt các vụ nổ đạo đức, rất giống George III và sau đó là những người theo phái Hamilton đã làm những năm trước đó. Nhưng màn trình diễn kịch tính

nhất của hội chứng Jefferson trong nhiệm kỳ tổng thống của ông, một màn trình diễn có hậu quả lớn nhất về chính sách đối nội và do đó là cả lịch sử Mỹ sau này, lại xảy ra lúc ông xử lý vấn đề người Mỹ bản xứ.

Thái độ của Jefferson đối với cư dân da đỏ ở Mỹ luôn có vẻ đối lập sâu sắc với thái độ của ông đối với chế độ nô lệ. Một mặt, ông đã dành nguyên một chương trong cuốn *Những ghi chép* của mình để ngợi ca nền văn hóa bản địa của những cư dân nguyên thủy Mỹ, ôn lại những kỹ năng hùng biện ấn tượng của các tù trưởng bộ tộc, đề xuất nghiên cứu nghiêm túc các ngôn ngữ da đỏ và tiếng bản địa khác nhau, thậm chí còn đi xa đến mức so sánh người da đỏ hơn người da đen về đặc điểm tinh thần và thể chất cũng như khả năng hòa nhập của họ vào xã hội Mỹ da trắng. Là Tổng thống, ông chào đón đoàn đại biểu da đỏ với thái độ ân cần phù hợp và sự tôn trọng rõ rệt. Trong một vài dịp, ông còn cố gắng mô tả người da đỏ Bắc Mỹ như một chủng tộc cao quý, những nạn nhân vô tội của lịch sử: “Những người được ban cho năng lực và quyền con người, thở một tình yêu nồng nàn đối với tự do và độc lập”, như ông hùng hồn nói, “và sống ở một quốc gia mà họ không mong muốn gì khác ngoài việc được sống yên ổn... họ đã bị choáng ngợp bởi hiện tại, hoặc bị đẩy ra đối mặt với nó”. Có thể cảm nhận được trong rất nhiều quan sát của Jefferson về người da đỏ một sự ngưỡng mộ đích thực pha lẫn với một cảm giác bị kích thích sự sâu sắc về số phận của họ với tư cách một dân tộc.

Mặt khác, chính trong nhiệm kỳ tổng thống của Jefferson, các quyết định căn bản đã được thực hiện trong đó đòi hỏi phải trục xuất những nhóm lớn người da đỏ và chuyển họ sang mảnh đất phía tây Mississippi. Trong ngôn ngữ của các học giả hàng đầu về chủ đề này, “những hạt giống của sự tuyệt chủng” đối với văn hóa Mỹ bản địa đã được gieo dưới thời Jefferson. Bản chất tư duy của Jefferson về việc di dời người da đỏ

được thể hiện trong một bức thư gửi cho thống đốc lãnh thổ bang Ohio vào năm 1803:

Bằng cách này, các khu định cư của chúng ta sẽ dần được phân định và gắn lại với người da đỏ, và theo thời gian, họ sẽ hoặc kết hợp với chúng ta, những công dân Mỹ, hoặc phải ra đi, sang bờ kia sông Mississippi. Phương án đầu chắc chắn sẽ chấm dứt lịch sử hạnh phúc nhất đối với bản thân họ, nhưng xét cả quá trình, đây là việc cần thiết để nuôi dưỡng tình yêu của họ. Đối với nỗi sợ hãi của họ, chúng tôi cho rằng sức mạnh của chúng tôi và điểm yếu của họ hiện nay rõ rệt tới mức họ phải thấy rằng chúng tôi chỉ cần nắm tay lại là có thể nghiền nát họ, và rằng tự do mà chúng tôi dành cho họ xuất phát từ động cơ nhân văn thuần túy.

Đây là một tuyên bố nổi bật theo nhiều nghĩa: sự bảo đảm gián dị về ý nghĩa của những dự định lịch sử; sự pha trộn đáng sợ giữa lòng thiện tâm và sự độc ác; giọng điệu tự phụ và độc đoán. Trong tâm trí Jefferson, người da đỏ chiếm một không gian có vấn đề như những người Liên bang. Họ là một giống loài tội lỗi. Tội lỗi của họ không phải do ông mà ra, nhưng ông không may mắn may áy náy hay hồ nghi về việc biến mình thành một công cụ hủy diệt họ. Và cũng giống như những người theo chủ nghĩa Liên bang hạng thường dân nên nhận ra rằng sinh mệnh chính trị của họ phụ thuộc vào việc đón nhận những nguyên lý trung tâm của chủ nghĩa cộng hòa (như đã được Đảng Cộng hòa định nghĩa), người da đỏ cũng nên nhận ra rằng văn hóa của họ muốn sống sót phải phụ thuộc vào việc họ từ bỏ xã hội săn bắn du mục của mình - nó đòi hỏi quá nhiều đất - và áp dụng lối sống nông nghiệp, cuối cùng là sử dụng ngôn ngữ Anh, và dần bị đồng hóa vào xã hội Mỹ da trắng. Nói ngắn gọn, văn hóa

da đỏ sẽ sống sót khi người da đỏ ngừng sống theo cách của người da đỏ, cũng giống như người Liên bang sẽ tồn tại bằng cách ngừng đi theo phe Liên bang.

Những người da đỏ chống lại sự đồng hóa, lại giống như các nhà lãnh đạo Liên bang ngoan cố ở Connecticut và Massachusetts, xứng đáng được nhận không gì khác ngoài sự tiêu diệt hoặc xua đuổi. Giống như các nhà tư tưởng phe Liên bang ở New England, các nhà lãnh đạo da đỏ vốn bám chặt vào tập tục bộ lạc và nhấn mạnh vào việc khắc sâu “một lòng tôn kính tín ngưỡng đối với tập tục tổ tiên” phải thấy rằng không có lòng từ bi nào dành cho họ. Jefferson tin rằng việc lưu đày người da đỏ đến các vùng đất hiện đang trống phía tây sông Mississippi chỉ là một giải pháp tạm thời, vì người da trắng di cư cuối cùng cũng sẽ tràn đến những vùng đất này và sau này cũng sẽ đặt ra cùng một câu hỏi. Nhưng ông không hề lo lắng về câu trả lời. Khi James Monroe, với tư cách Thống đốc bang Virginia, viết cho ông để nêu khả năng tạo ra một khu bảo tồn phía tây cho những nô lệ được giải phóng, Jefferson đã phản đối ý tưởng đó, dựa trên những cơ sở không khả quan đối với người da đỏ cũng như người da đen: “Không thể không nhìn về phía trước, trong thời gian xa, khi sự sinh sôi nhanh chóng của chúng ta sẽ... bao trùm toàn bộ miền Bắc, nếu không muốn nói là cả lục địa miền Nam, bằng một dân tộc nói cùng một ngôn ngữ, được điều hành dưới các hình thức tương tự nhau, theo những pháp luật tương tự; chúng ta cũng không thể hài lòng khi thấy ở đó một vết nhơ hoặc một sự hỗn tạp”. Cũng giống như việc ông không thể tưởng tượng ra một nền chính trị Mỹ đa nguyên, trong đó những quan điểm đối lập nhau về ý nghĩa của Cách mạng Mỹ có thể cùng tồn tại, trí tưởng tượng của ông cũng không có chỗ cho một xã hội Mỹ với những nền văn hóa đa dạng, trong đó người Mỹ bản địa sống cùng với người da trắng trong khi vẫn lưu giữ giá trị của riêng người da đỏ.

PHÉP MÀU PHÍA TÂY

Cũng có một đường sắc nét chạy qua tư duy lập hiến của Jefferson giữa chính sách trong và ngoài nước. Trên thực tế, để nói về “tư duy lập hiến” có lẽ sẽ làm một số người nhầm lẫn vì tâm trí của Jefferson ưa thích những phân loại đạo đức rộng lớn hơn, trong đó bao hàm được những đặc điểm hiến pháp thông thường. Tuy nhiên, theo cách của riêng mình, Jefferson tin rằng Hạ viện có trách nhiệm chính về chính sách đối nội và cơ quan hành pháp có trách nhiệm tương đương về hoạt động đối ngoại, mặc dù ông dường như đã chấp nhận một sự báo trước có phần mờ mờ trong các cuộc tranh luận về Hiệp ước Jay, trong đó cho Hạ viện quyền phủ quyết các hiệp ước quốc tế. Ở mức nào đi nữa, vẫn sẽ là hợp lý khi nói rằng Jefferson không nghĩ là văn phòng tổng thống nên vô hình hoặc không dễ thấy đối với các quốc gia nước ngoài như đối với các công dân Mỹ.

Chỉ hai tháng sau khi ông làm lễ nhậm chức, cướp biển Barbary trên bờ biển Bắc Phi đã thử nghiệm lý thuyết này khi Tổng trấn của Tripoli tuyên chiến với Mỹ. (Tổng trấn đã tức giận sau khi biết rằng những cống vật ông ta nhận được từ người Mỹ ít hơn những cống vật dành cho Algiers). Đây là một câu chuyện cũ với Jefferson, người đã thất bại trong việc lập luận với Adams những năm ở Paris rằng trả tiền hối lộ cho những kẻ khủng bố Hồi giáo trên biển là một việc đê tiện. Bây giờ, với tư cách Tổng thống, ông lại được đặt vào vị trí thực hiện điều ông muốn từ lâu đối với hành động quân sự. “Tôi là kẻ thù của mọi loại tiền hối lộ, cống vật và sự nhục mạ”, ông giải thích cho Madison, và “Tôi biết rằng không gì ngăn chặn được sự sinh sôi vĩnh viễn của lũ cướp biển ngoài sự hiện diện của một lực lượng vũ trang...” May mắn thay, và thật mỉa mai là chỉ có Adams mới có thể đánh giá được đầy đủ ý nghĩa của việc xây dựng lực lượng hải quân Mỹ mà Adams đã nhấn mạnh trong nhiệm kỳ tổng

thống của mình, bất chấp sự phản đối của Jefferson và Đảng Cộng hòa, có nghĩa là một hạm đội tàu chiến đã sẵn sàng đợi Jefferson phái đến Địa Trung Hải. Với sự đồng ý từ nội các của mình- chỉ riêng Gallatin, người có nhiệm vụ lo ngân sách, phản đối vì lý do chi phí, Jefferson đã lệnh cho một phân đội hải quân thực hiện tuần tra bờ biển Bắc Phi.

Trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên, và sang cả nhiệm kỳ thứ hai của ông, Mỹ đã tham gia vào một cuộc chiến tranh hải quân quy mô nhỏ ở Địa Trung Hải mà không bao giờ giành được sự kết thúc quyết định như Jefferson mong muốn. Ông phục hồi chương trình cũ của mình, đó là tạo ra một lực lượng đặc nhiệm quốc tế bao gồm các tàu chiến châu Âu và Mỹ để giám sát khu vực - có lẽ là tiền thân của lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc - nhưng không bao giờ thành công. Tuy nhiên, ít nhất là ở mức tượng trưng, xung đột hiện tại với đám cướp biển Barbary trở thành “cuộc chiến tranh nhỏ bé huy hoàng” đầu tiên của Mỹ bằng cách tạo ra các cuộc biểu tình yêu nước trên toàn quốc. Những cuộc biểu tình này đạt đến đỉnh cao năm 1804, khi Stephen Decatur, một sĩ quan hải quân người Mỹ, ngang nhiên đi thuyền vào vịnh Tripoli để giải cứu tù binh chiến tranh Mỹ trên con tàu bị bắt mang tên *Philadelphia* và sau đó tiếp tục trả thù cái chết của anh trai mình bằng cách giết chết những kẻ sát nhân người Hồi giáo trong trận chiến tay đôi. (Một nhà chức trách uy quyền ngang với Tử tước Nelson của Hải quân Anh đã gọi đó là “hành động táo bạo và quyết liệt nhất của thời đại”). Cuộc tấn công của Decatur đã được ghi lại bằng thơ và kể lại một cách phóng đại như phiên bản Bắc Phi của trận đánh Bunker Hill; ông trở thành anh hùng quân đội đầu tiên của Mỹ thế kỷ 19.

Chính quyền của Jefferson được hưởng lợi từ sự trỗi dậy của chủ nghĩa quốc gia này, mặc dù Jefferson đã cảnh thận khi nhắc nhở các bên liên quan rằng các hoạt động hải quân ở Địa Trung Hải chỉ là cuộc trình

diễn bên lề không hơn không kém và sẽ không ngăn cản kế hoạch đưa lên bờ một phần khổng lồ hạm đội Mỹ. Về mặt kế hoạch, trọng tâm chính sách đối ngoại của ông vẫn là tránh chiến tranh bằng mọi giá. Xử lý khoản nợ và duy trì thắt lưng buộc bụng kiểu cộng hòa phải được ưu tiên. Trên tinh thần đó, chiến dịch chống lại quân cướp biển Barbary là hoàn hảo: Đó là một sự trỗi dậy an toàn và được giới hạn của sức mạnh Mỹ ở nước ngoài, nó thể hiện quyết tâm của Jefferson với tư cách Tổng thống, nó dễ tạo ra những vị anh hùng để tung hô và lại tốn ít chi phí. Đó là một cuộc chiến thu nhỏ lý tưởng của nhiệm kỳ tổng thống tối giản của Jefferson.

Không có gì thu nhỏ về miền Tây nước Mỹ, không có gì kém vĩ đại hơn tầm nhìn của Jefferson về vai trò tương lai của khu vực này trong lịch sử Mỹ và không có gì ngoài một sự lãnh đạo đặc biệt của Tổng thống xứng với một may mắn thậm chí còn đặc biệt tốt lành hơn đã dẫn tới Vụ mua lại Louisiana. Khi tin tức đến được Washington vào năm 1803 (chậm nhất ngày 4 tháng 7) rằng Pháp đã đồng ý bán lãnh thổ Louisiana với giá 15 triệu đô-la, nước Cộng hòa Mỹ như vậy chỉ qua một đêm đã tăng gấp đôi diện tích. Ngay cả so với vụ mua lại rẻ mạt huyện thoại xứ Manhattan từ người da đỏ, việc mua lại một nửa lục địa với giá khoảng 3 xu một mẫu còn là một vụ ăn cắp lớn hơn. Không ai nghi ngờ những thành tựu vĩ đại nhất của Tổng thống Jefferson, và vẫn còn chỗ cho những chỉ trích học thuật về Abraham Lincoln năm 1861, Franklin Roosevelt trong những năm 1930 và Harry Truman vào năm 1945, là một trong những quyết định điều hành có tác động lớn nhất trong toàn bộ lịch sử Mỹ.

Sau nhiều năm, ta vẫn có thể lịch sự mà kể lại câu chuyện về giao dịch này giống như một sự suy ngẫm về ảnh hưởng của vận may thuận túy. “Có thể nói Napoleon đã ném tỉnh đó vào tay Livingston, Monroe,

Madison và Jefferson”, một sử gia viết, “và bọn họ đã chia đều công trạng với nhau, bắt lấy và giữ được tỉnh đó, tất cả là vậy”. Cách giải thích này đại diện cho một sự tiếp nối của cách giải thích của phe Liên bang vào thời điểm đó. “Vụ mua lại hoàn toàn là nhờ vào một sự trùng hợp ngẫu nhiên của những tình huống bất ngờ”, một biên tập viên của tờ *New York Evening Post* cho biết, “mà không phải là do bất kỳ biện pháp khôn ngoan hay mạnh mẽ nào từ phía Chính phủ Mỹ”. Phán quyết công bằng có lẽ sẽ là Jefferson vừa gặp may vừa có khả năng tiên tri hơn ta tưởng vào thời điểm đó. Và cảm giác gần như thần bí của ông về miền Tây nước Mỹ khiến ông trở nên linh hoạt trong việc thực hiện các nguyên tắc chính trị của mình hơn bất cứ thời điểm nào trong cuộc đời hoạt động xã hội của ông. Để nắm bắt được một đế chế, hóa ra là cần phải có một tổng thống uy quyền.

Mặc dù bản thân ông chưa bao giờ tới khu phía tây của thung lũng Shenandoah, nhưng thái độ sở hữu của Jefferson đối với phần thung lũng Mississippi và khu vực rộng hơn nữa đã có từ lâu. Trong thập niên 1780, khi có tin đồn rằng John Jay đang thương lượng việc đổi lại quyền đi lại của Mỹ trên sông Mississippi cho Tây Ban Nha, cả Jefferson và Madison đều bày tỏ sự phẫn nộ. Họ thống nhất mô tả Mississippi là động mạch chính của cơ thể chính trị Mỹ, “sông Hudson, Delaware, Potomac, và tất cả các con sông có thể đi lại được của Đại Tây Dương, đều hợp thành một dòng”. Khi còn là Ngoại trưởng Mỹ, đặc biệt trong cuộc khủng hoảng Nootka Sound năm 1790, Jefferson đã chuẩn bị tinh thần cho chiến tranh nhằm ngăn chặn hoặc Anh hoặc Pháp thay Tây Ban Nha trở thành sự hiện diện của châu Âu tại khu vực xuyên Tây Mississippi. Từ đó trở đi, Jefferson coi quyền sở hữu của Tây Ban Nha đối với khu vực phía tây rộng lớn của Bắc Mỹ về căn bản là một sự chiếm đóng tạm thời mà thuận tiện thay lại giúp Mỹ tranh thủ thời gian cho cuộc càn quét

không thể tránh khỏi khắp châu lục. Trong tất cả các cường quốc châu Âu, Tây Ban Nha, “con bệnh của châu Âu” ốm yếu lâu năm, theo như cách nói của Vua Rufus, là “thích hợp nhất để sở hữu một đế chế vĩ đại với tầm quan trọng hạn chế”. Khi tin đồn lan tới Washington vào năm 1802 rằng Tây Ban Nha đã nhượng lại quyền lợi của mình ở Bắc Mỹ, bao gồm cả việc kiểm soát tối quan trọng trên sông Mississippi, cho Napoleon và Pháp, Jefferson ngay lập tức nhận ra sự hiện diện của Pháp là một sự thay đổi căn bản trong tình hình chiến lược; điều này vừa đe dọa an ninh của Mỹ vừa cản trở sự bành trướng ra phía tây của Mỹ. Không cần phải gạt Madison ra ngoài lề, Jefferson nắm quyền kiểm soát cá nhân trong sáng kiến ngoại giao nhằm loại bỏ sự xâm lược không thể chấp nhận này của một cường quốc châu Âu vào lục địa Mỹ.

Hướng dẫn của ông cho Robert Livingston, Đại sứ Mỹ mới được bổ nhiệm tại Pháp, đi thẳng vào vấn đề không chút vòng vo. Ông xin lỗi vì đã tạm thay Ngoại trưởng, nhưng giải thích rằng, ông “không thể ngừng được việc nghĩ tới điều này theo hướng cá nhân, ấn tượng mà nó để lại trong tâm trí tôi là vô cùng sâu đậm”. Việc mua bán vùng Louisiana với Pháp là một thảm họa lớn đến nỗi “hoàn toàn đảo ngược tất cả các mối quan hệ chính trị của Mỹ và sẽ hình thành một kỷ nguyên mới trong sự nghiệp chính trị của chúng tôi”. Vụ mua lại này, ông tin rằng, đặt ra thách thức lớn nhất đối với nền độc lập và toàn vẹn quốc gia của Mỹ kể từ Cách mạng Mỹ: “Có một điểm duy nhất trên toàn thế giới, mà người sở hữu nó là kẻ thù tự nhiên và thường xuyên của chúng tôi”, ông giải thích cho Livingston. Tâm chấn lợi ích quốc gia đó của Mỹ chính là New Orleans. Bất chấp tình bạn trong quá khứ với Pháp và quan hệ cá nhân gần gũi của riêng ông với liên minh Pháp-Mỹ, thời điểm Pháp chiếm đóng New Orleans, hai nước phải trở thành tử thù. “Từ thời điểm đó”, ông kết luận một cách đáng ngại, “chúng ta phải kết hôn với hạm đội

Anh và Anh”. Với lòng căm thù sâu sắc và lâu dài của ông với Anh, Jefferson đã mô tả một cách hiệu quả sự kiểm soát của Pháp với Mississippi tương đương một trận động đất quốc tế làm di chuyển tất cả các mẫu địa chất thành một mô hình mới.

Mặc dù có khả năng hơn hẳn, nhưng Livingston lại sở hữu bất lợi duy nhất là không phải người của bang Virginia. Jefferson muốn một người nào đó trên đất Paris mà ông có thể tin tưởng tuyệt đối. Vì vậy, ông đã lệnh cho James Monroe, một người được Jefferson bảo trợ hiện đang làm Thống đốc Virginia, nhận nhiệm vụ biệt phái sang Pháp. “Hoàn cảnh ấy khiến cho việc từ chối là không thể”, Jefferson nhận xét một cách phóng đại, vì “tính chất của nhiệm vụ này, số phận tương lai của nước cộng hòa này phụ thuộc vào đây”. Những hướng dẫn của Monroe cho phép mua lại vùng New Orleans và càng nhiều vùng thung lũng Mississippi càng tốt - ranh giới địa lý của mảnh đất Pháp mua của Tây Ban Nha khá lơ mơ - bằng tối đa 10 triệu đô-la. Ngay cả mục tiêu đối nội tối quan trọng là giảm nợ cũng bị xếp sau việc khôi phục quyền kiểm soát nội bộ của Mỹ.

Trong suốt mùa đông và mùa xuân năm 1803, trong khi kết quả nhiệm vụ Monroe vẫn chưa ngã ngũ, Jefferson đã lèo lái một cách khéo léo và khôn ngoan cuộc khủng hoảng tiềm tàng. Ông thấy rằng du Pont de Nemours, một bạn cũ người Pháp, đã được cung cấp thông tin về những dự định nghiêm trọng chết người của Mỹ có thể bị rò rỉ trong các hành lang thích hợp tại Versailles. Khi người Tây Ban Nha vẫn đang cai quản New Orleans đột ngột đóng cửa các cảng và chấm dứt giao thương với Mỹ, Jefferson đã phải chịu áp lực đáng kể để khởi động một cuộc thám hiểm quân sự đơn phương nhằm nắm bắt cả thành phố và Floridas, do đó từ bỏ chính sách ngoại giao nghiêng về chiến tranh với cả Tây Ban Nha và Pháp. Hamilton, viết dưới tên Pericles, tán thành giải pháp quân sự, và lập luận rằng “trong trường hợp khẩn cấp như hiện nay,

năng lượng là trí khôn”. Mặc dù Quốc hội cho phép trao quyền cho Tổng thống huy động 80.000 tình nguyện viên cho một chiến dịch quân sự, nhưng Jefferson vẫn giữ bình tĩnh. Thậm chí nếu các cuộc đàm phán đang diễn ra ở Paris thất bại, ông giải thích, và tất nhiên chúng đã không thất bại - chiến tranh tổng lực vừa không khôn ngoan vừa không cần thiết. Thời gian và quân số nghiêng về phía Mỹ, biện minh cho chính sách kiên nhẫn “cho đến khi chúng ta phát triển được một cộng đồng trên dòng Mississippi, để họ có khả năng tự kinh doanh, không cần phải có lính hành quân từ bờ biển Đại Tây Dương cách đó 1.500 hoặc 2.000 dặm...”

Trong một số trường hợp, Jefferson cực kỳ may mắn, may mắn một cách mỉa mai. Quyết định của Napoleon về việc bán không chỉ New Orleans mà toàn bộ khu vực Tây Trung Mỹ bị thúc đẩy bởi chiến tranh Anh-Pháp được nối lại vào năm 1802. Đại sứ Livingston trước c đã phàn nàn rằng đàm phán với Pháp là không thể: “Không có người, không có cơ quan lập pháp, không có luật sư. Một người đóng tất cả mọi vai trò. Ông ấy ít khi hỏi ý kiến, và không bao giờ quan tâm có câu hỏi hay không”. Tất nhiên, điều này là tinh hoa trong phong cách được ăn cả ngã về không của Napoleon. Nhưng một khi Napoleon đã quyết định cắt lỗ của mình tại Mỹ để đổi lấy số tiền sẽ hỗ trợ cho quân đội của ông ở châu Âu, phong cách ấy cũng có tác dụng và đem lại lợi thế cho Jefferson; Napoleon đã bán tất cả tài sản của mình ở Bắc Mỹ và trên thực tế, không đổi lại được gì. Những nỗ lực ban đầu của phe Liên bang trong việc bán rẻ thành tích mua lại lãnh thổ Louisiana của Jefferson đã làm nổi bật tính bốc đồng trong quyết định của Napoleon, điều này không liên quan gì tới thủ đoạn ngoại giao của Jefferson và liên quan cực kỳ tới sự chuyển dịch bối cảnh châu Âu và tính cách khó đoán của Napoleon.

Sự thật sâu xa là Louisiana là một món quà trời ban từ những nô lệ nổi dậy và đám muỗi mang bệnh sốt rét của xứ Santo Domingo (nay là Cộng hòa Dominica và Haiti). Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến quyết định của Napoleon về việc từ bỏ giấc mơ của mình về một đế quốc Pháp trên đất Mỹ là sự thất bại thảm hại của lực lượng viễn chinh gồm 25.000 người do Charles Leclerc, anh rể của Napoleon, chỉ huy, được phái đến Santo Domingo để đàn áp cuộc khởi nghĩa nô lệ dưới sự lãnh đạo lôi cuốn của một người đàn ông da đen tên là Toussaint L'Ouverture. Tin rằng nếu thể hiện sự ủng hộ của Mỹ với việc chống lại chính quyền cách mạng của Toussaint sẽ giúp giành được cảm tình của Napoleon, Jefferson đã thông báo cho Chính phủ Pháp rằng “không gì dễ hơn việc chu cấp mọi thứ cho quân đội và hạm đội của ngài, và để đám Toussaint chết đói”. Chuyện xảy ra là, quân Leclerc đã bị tiêu hao trong cuộc chiến man rợ chống lại cuộc nổi dậy của nô lệ trước khi viện trợ của Mỹ đến được, và đám muỗi đã giết chết những người còn lại. Sự tuyệt chủng ảo của lực lượng viễn chinh Pháp, vốn đã được lên kế hoạch để tiến tới New Orleans sau khi thanh toán nhanh gọn đám người da đen ở Santo Domingo, là nguyên nhân trực tiếp khiến Napoleon quyết định cắt lỗ của mình ở Tây bán cầu. Theo nghĩa đó, Jefferson không chỉ cực kỳ may mắn mà còn chịu ơn lực lượng lịch sử mà ông thực ra lại phản đối.

Nếu lúc đó, có người đã từng muốn xây một đài tưởng niệm ở New Orleans để ghi nhớ Vụ mua lại Louisiana, Jefferson sẽ phải là một nhân vật trung tâm, nhưng bên cạnh ông cũng sẽ cần phải có thêm tượng bán thân của Toussaint và những đồng bào nô lệ nổi loạn của ông, cộng thêm có lẽ là một lời viếng tới loài muỗi chết người. Và lời trích dẫn hùng hồn phù hợp nhất sẽ đến từ Talleyrand, Ngoại trưởng Pháp mà ai cũng biết là vô lương tâm. “Tôi không thể cung cấp cho ngài định hướng nào”, ông nói với Livingston, “ngài đã kiếm được một món hời cao quý cho mình, và tôi

cho rằng ngài sẽ tận dụng tối đa điều đó”. Talleyrand đang ám chỉ đường biên giới không chính xác và do đó gây tranh cãi của Pháp ở Louisiana, nhưng tuyên bố của ông đã mô tả chính xác phong cách tổng thống của Jefferson ngay sau vụ mua lại. Ông đã vài lần vi phạm các nguyên tắc chính trị mà ông trân trọng nhất để bảo lãnh các phiên bản mở rộng nhất của “món hời cao quý”, và tạm thời biến mình thành đúng cái loại chánh án quân chủ mà ông đã từng cảnh báo và chống lại. “Những người chịu trách nhiệm lớn lao có bốn phận phải”, ông giải thích sau đó, “liều mình trong những dịp tuyệt vời”, và thêm rằng “để mất đất nước do quá tuân thủ văn bản pháp luật, nghĩa là đã đánh mất chính pháp luật...”

Về vấn đề biên giới, Jefferson đã có những hành động phủ đầu, ngay cả trước khi biết Napoleon sẽ bán tất cả hoặc một phần của Louisiana. Ông đã ủy quyền cho thư ký riêng của mình là Meriwether Lewis tổ chức một đoàn thám hiểm gồm “10 hoặc 12 người được chọn” để khám phá khu vực xuyên Mississippi và tìm ra con đường thủy trực tiếp nhất, nếu có, đến Thái Bình Dương. Vì Pháp và Tây Ban Nha vẫn sở hữu tuyến đường lớn Lewis sẽ khám phá, Jefferson đã xin được ủy quyền của Quốc hội rằng đây là một đầu cơ khoa học hay “một sự theo đuổi theo nghĩa đen” và rằng việc này sẽ không đi xa hơn lưu vực sông Mississippi về phía tây. Đây là lời giải thích chính thức “làm thỏa mãn trí tò mò”, ông thông báo cho Lewis, “và che lấp một cách đầy đủ điểm đến đích thực”. Tin tức về Vụ mua lại Louisiana tới đúng vào thời điểm mà lịch sử biết đến như Cuộc viễn chinh của Lewis và Clark rời Washington, vì vậy ngay từ đầu họ đã biết mình là một đội trinh sát bí mật khám phá biên giới phía tây, và xa hơn nữa là vùng đất mới dưới quyền sở hữu của Mỹ.

Một khi đã đưa được Lewis vào khu vực rộng lớn và chưa có bản đồ của vùng phía tây xuyên Mississippi, Jefferson chuyển sự chú ý của mình sang Bồ Vịnh. Quay lại Monticello trong thời gian cuối mùa hè

năm 1803, ông nghiên cứu những tấm bản đồ cũ và tin rằng biên giới phía đông nam của vùng Louisiana của Pháp là sông Perdido, gần Pensacola ngày nay. Ông tiếp tục giám sát bản đồ và tin rằng biên giới Tây Nam là Rio Grande. Điều này có nghĩa là Mỹ đã mua lại tất cả phần đất phía tây của Florida ngày nay dọc theo Bờ Vịnh xuyên qua Texas ngày nay. Pháp không phản đối gì phần giải thích có phần mở rộng này của hiệp ước. Như Talleyrand đã chỉ ra, Pháp muốn rũ sạch mọi thứ dính dáng đến Mỹ, và dù sao cũng không ai ở Pháp biết vị trí của Perdido hoặc Rio Grande từ Hudson hay Potomac.

Tuy nhiên, Tây Ban Nha lại có cái nhìn hơi ít rộng rãi hơn đối với tuyên bố của Mỹ, khẳng định rằng cả Bờ Vịnh (gọi là Tây Florida) và bất cứ mảnh đất phía tây nam nào của New Orleans cũng đều không được tính trong vụ mua lại này. Jefferson đã chỉ đạo Monroe rời Paris về Madrid và ở đây, có một nỗ lực khiêm tốn nhằm mua lại phần Tây Florida từ Tây Ban Nha. “Chúng tôi hầu như không mong đợi bất kỳ sự dàn xếp nào tự do hay công bằng với Tây Ban Nha”, Jefferson nhận xét, nhưng điều này không tạo ra khác biệt lớn vì “dù quan điểm của Tây Ban Nha là gì đi nữa, chúng tôi sẽ không gặp khó khăn... trong việc đạt tới mục đích của mình”. Nói ngắn gọn, Tây Ban Nha là Tây Ban Nha, nước này cần phải được coi là một công ty đơn thuần đối với Mỹ, “và nếu, ngay khi nước này rơi vào chiến tranh, chúng ta sẽ đẩy họ thật mạnh bằng một tay, tay kia sẽ ra giá, chắc chắn chúng ta sẽ có được Floridas, và chỉ cần kiên nhẫn một chút”. Mặc dù điều này đòi hỏi thêm 15 năm nữa, cộng thêm chủ nghĩa phiêu lưu quân sự của Andrew Jackson, nhưng đó chính xác là những gì đã diễn ra.

Cuối cùng, và nổi tiếng nhất, đó là các vấn đề hiến pháp được đặt ra từ vụ mua lại một dải đất rộng lớn, bất kể đường biên giới như thế nào. Mặc dù Madison và Gallatin cố gắng thuyết phục ông làm cách khác,

Jefferson vẫn tin rằng việc mở rộng Liên bang đòi hỏi phải sửa đổi Hiến pháp: “Hiến pháp không có điều khoản nào quy định chúng ta được phép nắm giữ lãnh thổ nước ngoài” ..., ông công nhận. “Việc ra quyết định nắm giữ lãnh thổ của kẻ trốn chạy, là một hành động vượt ra ngoài Hiến pháp”. Như Jefferson đã giải thích với Thượng nghị sĩ John Breckinridge của Kentucky, ông bị đặt vào thế khó của một người giám hộ, được bày ra trước mắt một cơ hội đầu tư chưa từng có, và quyết định hành động mà không có sự đồng ý của khách hàng của mình, nói rằng trong thực tế “tôi nghĩ rằng nhiệm vụ của mình là liều mình vì ngài”. Nhưng giờ đây ông lại có bốn phận đạo đức phải yêu cầu Quốc hội sửa đổi hiến pháp đồng thời chuyển hiệp ước cho Quốc hội để phê chuẩn.

Tuy nhiên, tới lúc phiên họp đặc biệt của Quốc hội diễn ra vào tháng 10 năm 1803, Jefferson lại thay đổi quyết định. Các báo cáo từ Paris chỉ ra rằng Napoleon luôn bốc đồng đã suy nghĩ lại; cùng lúc đó, người Tây Ban Nha lại đe dọa lật lại toàn bộ hiệp ước trên cơ sở là không ai thật sự biết đường biên giới chính xác của bang Louisiana. Lo sợ rằng bất kỳ sự chậm trễ nào cũng có thể đặt vụ mua lại vào rủi ro, Jefferson kết luận rằng “càng ít bàn về những khó khăn hiến pháp của tôi càng tốt; và rằng tốt nhất là Quốc hội làm những việc cần thiết *trong im lặng*. Nếu lựa chọn ở đây là giữa việc duy trì cách giải thích nghiêm ngặt của ông về quyền điều hành hoặc mất đi một nửa lục địa, ông đã chọn cách thực dụng hơn, đó là bày tỏ hy vọng rằng “ý tốt của đất nước chúng ta sẽ sửa chữa cái ác khi có tác động xấu”.

Sự lúng túng về mặt hiến pháp trở nên ngày càng tệ hơn trong những tháng kế tiếp. Phần lớn những người Cộng hòa tại Quốc hội phê chuẩn Vụ mua lại Louisiana, như một thượng nghị sĩ nói, “mất ít thời gian hơn một hợp đồng da đò tầm thường nhất”, sau đó lại thông qua những luật pháp thuận lợi, trong đó giao cho Tổng thống gần như toàn quyền quyết

định một chính phủ lâm thời tại Lãnh thổ Louisiana. John Quincy Adams, một trong số ít các thượng nghị sĩ phản đối điều này, nhận xét rằng Jefferson sẽ có “một quyền lực ngầm rất lớn..., lớn hơn nhiều so với quyền lực ngầm của cả nội các Washington và Adams cộng lại”. Kẻ thù cũ của George III đang nắm trong tay quyền lực độc đoán đối với các cư dân của Louisiana nhiều hơn bất kỳ những gì mà nhà vua Anh nào đã từng nắm giữ đối với người dân thuộc địa Mỹ.

Hơn nữa, Jefferson đã chọn cách sử dụng quyền điều hành để đề xuất lập một chính phủ phi cộng hòa một cách ngang nhiên trên lãnh thổ này. Phác thảo hiến pháp đề xuất của ông được gửi kèm một lá thư giới thiệu cho Thượng nghị sĩ Breckinridge cùng lời thề giữ bí mật. “Ngài không bao giờ được để cho bất kỳ người nào biết rằng tôi đã đặt bút ký vào giấy”, ông cảnh báo “và cần tiêu hủy ngay văn bản gốc” lập tức sau khi đã sao ra một bản. “Tôi đặc biệt nói điều này”, Jefferson giải thích, “là vì ngài biết những kẻ Liên bang sẽ dùng những chiếc răng máu me của chúng để tấn công bất kỳ thứ tình cảm hoặc nguyên tắc nào được biết là đến từ tôi, và bọn chúng sẽ biến mọi sự ra thành đê tiện và cá nhân như thế nào”.

Lý do chính cho lo âu của Jefferson là chính phủ lâm thời của lãnh thổ mà ông đề xuất bao gồm một thống đốc do Tổng thống chỉ định và một hội đồng không qua bầu hoặc thượng nghị sĩ, mà Jefferson gọi là “hội của các danh nhân”. Đây chính xác là loại dàn xếp hiến pháp mà người ta có thể mong đợi từ John Adams, người thoả mái hơn với chính quyền quý tộc, thích danh xưng và có thể đã lập luận rằng các cư dân Pháp chiếm số đông ở Louisiana sẽ đánh giá cao một khuôn khổ chính trị quen thuộc gợi nhớ tới chế độ cổ xưa của họ. Nhưng đây cũng chính xác là loại chính phủ mà Jefferson đã lên án phe Liên bang vì ủng hộ cho nó, vì chính phủ loại này tước đoạt của các cư dân mọi quyền bầu cử, và

như Madison đã thừa nhận riêng, “sẽ khiến người dân của Quận đó không có tổ chức chính quyền theo như lý thuyết Cộng hòa quy định”.

Trong cuộc tranh luận về đề nghị của Jefferson tại Thượng viện, John Quincy Adams, rõ ràng đang vui thú trước sự trớ trêu này và hoàn toàn hiểu rằng phe Cộng hòa sẽ bỏ phiếu cho bất cứ điều gì Jefferson muốn, nên ông đã cố gắng thêm vào một điều khoản bảo vệ quyền lợi của người dân Louisiana trong đó chống lại việc bị đánh thuế mà không có sự đồng ý của họ. Năm sau, một phái đoàn gồm ba đại diện từ lãnh thổ Louisiana đã đến Washington để bày tỏ sự phản đối. Họ phản đối sự vi phạm các quyền và tư cách người dân thuộc địa không chính thức của họ. “Liệu có phải các tiên đề chính trị trên Đại Tây Dương đã trở thành vấn đề”, họ hỏi một cách hoa mỹ, “khi được áp dụng trên bờ sông Mississippi?” Jefferson tránh mọi tiếp xúc với đoàn đại biểu hoặc đối thoại với họ về phản đối này. Trong thư từ riêng của mình, ông giải thích rằng “những công dân mới của chúng ta [ở Louisiana] vẫn chưa có khả năng tự quản, giống như những đứa trẻ, trong khi đó một số không thể bắt mình tuân theo nguyên tắc [cộng hòa] chỉ trong chốc lát”. Việc tuân theo này chỉ là tạm thời, ông hứa, cho đến khi ông cảm thấy yên tâm rằng nhiệt độ chính trị đã hạ xuống đủ để tránh những rủi ro do nổi dậy.

Từ góc nhìn lịch sử lâu dài, và với tất cả những lợi thế của việc nhìn lại, quyết định gây tranh cãi của Jefferson về lãnh thổ Louisiana có thể được - hầu hết trong số đó thật sự nên được - bảo vệ vì khôn ngoan. Quyết định bỏ qua vấn đề hiến pháp rõ ràng là một quyết định chính xác, vì lý do thực tế là cuộc tranh luận về sửa đổi hiến pháp sẽ nêu lên một loạt các câu hỏi khiến người ta phát cáu - về chế độ nô lệ và buôn bán nô lệ, các vùng đất da đỏ, tuyên bố về đất của Tây Ban Nha và một loạt các vấn đề về quyền tài phán khác - mà có thể sẽ đặt vụ mua lại vào rủi ro. Thái độ cứng rắn và thô bạo đối với lập luận của Tây Ban Nha về biên giới, đặc

biệt ở Tây Florida, nối tiếp một cách tự nhiên từ một đánh giá thực tế về sự bất lực của Tây Ban Nha và vận mệnh dân cư Mỹ. Ngay cả quyết định thiết lập một chính phủ lâm thời có bản chất độc đoán và chuyên quyền trên lãnh thổ Louisiana để cai quản vùng đất này trong những năm đầu đồng hóa cũng không thể bị lên án ngay, vì cả quy mô lớn của khu vực này và sự đa dạng sắc tộc của cộng đồng Creole ở đây đều đặt ra những vấn đề về quản trị trong đó cần một bàn tay cứng rắn ngay lúc đầu.

Vấn đề lúc đó không phải là liệu chính sách của Jefferson đối với vùng Louisiana là đúng hay sai, mà là làm thế nào ông có thể thực hiện các quyết định đi ngược lại, theo rất nhiều cách, cam kết lâu dài của ông đối với việc hạn chế quyền hành pháp và tính chất gần như thiêng liêng của các nguyên tắc cộng hòa. Hai trong số các câu trả lời thông thường cho câu hỏi này nghe không đúng sự thật: Thứ nhất, Jefferson đã không chỉ đơn giản bị chi phối bởi sự thèm khát quyền lực một khi nhậm chức tổng thống, vì trong một loạt các lĩnh vực chính sách khác, ông thể hiện kỷ luật đáng kể đối với cơ quan hành pháp và thói quen tôn trọng Quốc hội; thứ hai, ông không đột ngột phát hiện ra một nét thực dụng trong triết lý chính trị của mình, vì đối với các vấn đề như khoản nợ và sau đó là lệnh cấm vận, ông vẫn bám chặt vào các nguyên tắc Jefferson bất chấp những bằng chứng khổng lồ cho thấy những nguyên tắc này đi ngược với thực tế. Cách giải thích thực tế không giải thích được lý do tại sao ông có khả năng đặt sang một bên niềm tin của mình vào “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” trong trường hợp này mà không phải trong những trường hợp khác.

Câu trả lời dường như là nằm ở nơi đặc biệt, thật sự gần như huyền bí, mà ông dành cho phương Tây trong suy nghĩ của mình. Khi lịch sử tặng ông cơ hội bất ngờ và chưa từng có để loại bỏ mãi mãi sự hiện diện của bất cứ một cường quốc châu Âu nào trên biên giới phía tây của Mỹ (Tây

Ban Nha không tính ở đây), nó đã kích hoạt năng lượng tầm nhìn mạnh mẽ nhất của ông, cái mà sau đó đã đề lên cả những huấn thị cộng hòa truyền thống của ông. Đối với Jefferson, hơn bất kỳ thành viên chủ chốt nào của thế hệ cách mạng, phía Tây là tương lai của Mỹ. Bảo đảm một mảnh đất lớn ở miền Tây cho hậu thế của Mỹ có nghĩa là kéo dài qua nhiều thế hệ sự giải phóng một cách có hệ thống năng lượng quốc gia đi kèm với các phong trào định cư bùng nổ trong khắp các không gian bất ổn. (Người Da đỏ, như Tây Ban Nha, không nằm trong tính toán này). Điều mà Frederick Jackson Turner sau này gọi là một van an toàn là để dành cho Jefferson, phần nhiều giống như một động cơ tự đổi mới lèo lái nước Cộng hòa Mỹ về phía trước. Miền Tây là nơi cảnh điền viên nông nghiệp của ông có thể được thường xuyên tìm lại, do đó trì hoãn những điều kiện đông đúc và tắc nghẽn chính trị của xã hội châu Âu trong tương lai bất định. Jefferson thích nghĩ về phương Tây theo cùng một cách mà một số người lạc quan hiện đại nghĩ về công nghệ, đó là khả năng tái tạo gần như vô tận và màu mỡ trừ phú vô hạn. Đó là vũ khí bí mật khiến cho cuộc thí nghiệm chủ nghĩa cộng hòa của Mỹ được miễn nhiễm với quá trình lão hóa quốc gia, ít nhất là cho đến hết thế kỷ. Đó là suối nguồn tươi trẻ của Mỹ.

Kết quả là, bất kỳ vấn đề nào liên quan đến số phận của miền Tây nước Mỹ đều có khả năng bật lại những kết án chính trị khác của ông. Tầm nhìn của Jefferson về ý nghĩa của miền Tây đối với Mỹ cũng khiến ông hầu như miễn dịch với những nghi ngờ, rất phổ biến trong phe Liên bang và thậm chí còn được chia sẻ bởi một số đồng nghiệp Cộng hòa của ông, về khả năng đồng hóa lãnh thổ Louisiana rộng lớn của Mỹ. Sau tất cả, khi một khu vực lớn như vậy được đặt dưới sự kiểm soát của Anh sau chiến tranh Pháp và Da đỏ năm 1763, nó đã trực tiếp dẫn đến các vấn đề chính trị mà kết thúc là Cách mạng Mỹ và sự tan rã của đế quốc Anh tại

Mỹ. Trong khi những người ở miền Đông, đặc biệt là những người phe Liên bang ở New England, lo lắng rằng ảnh hưởng của họ sẽ bị xói mòn khi các bang miền Tây nhập vào Liên bang, nỗi sợ lớn nhất là sự rời rạc, rằng phiên bản nước Mỹ mở rộng sẽ chia cắt các khu vực theo chế độ châu Âu. Phản ứng của Jefferson trước nỗi sợ đó là chối bỏ gần như câu trả lời: “Cho dù chúng tôi vẫn còn trong một liên minh, hoặc hình thành các liên minh Đại Tây Dương và Mississippi, thì tôi tin cũng chẳng quan trọng mấy đối với hạnh phúc của một trong hai bên. Những người thuộc liên minh phương Tây sẽ giống như con cháu của chúng tôi và hậu duệ của những người phía đông, và tôi cảm thấy bản thân mình gắn với đất nước đó trong tương lai, như với liên minh này”.

Đây là một tuyên bố đáng chú ý vì nó truyền đạt một sự lãnh đạm gần như phô trương đối với việc bảo tồn liên bang, vấn đề chính trị chiếm ưu thế trong nửa thế kỷ tới. Jefferson không lo lắng về sự hội nhập của miền Tây vào Mỹ, vì ông nghĩ về quá trình này năng động hơn và như là một phần của một sự biến đổi lớn. Từ quan điểm của ông, Mỹ đã không chỉ tích hợp mảnh đất phía Tây vào Liên bang; phương Tây thực ra lại đang tích hợp Mỹ vào một phiên bản mới hơn và luôn thay đổi của Mỹ. Về tinh thần, nếu không phải là trên thực tế, Jefferson là một người phương Tây, bị quyến rũ bởi những chân trời dường như vô tận và các ẩn số thú vị mà Meriwether Lewis có thể mang lại để nuôi dưỡng hiện tại với các tin tức của tương lai. Điều này cũng giúp cho đại đa số người dân miền Tây tỏ ra là những người Cộng hòa trung thành.

NHỮNG VỤ BÊ BỐI

Nếu miền Tây là nơi trong tương lai các loại nước ép sáng tạo của các nước Cộng hòa Mỹ đang bành trướng được chảy tự do nhất, thì New England là quá khứ, nơi mà như Jefferson đã nhìn nhận, Chủ nghĩa liên bang om các loại nước độc hại của riêng nó trong khi điều chỉnh theo

tính không thích hợp bất biến của nó. Thật không may cho Jefferson, người có một trí tuệ ấn tượng nhưng lại không đánh giá được nguồn năng lượng nén chặt của Thanh giáo New England, tuyên bố của ông về cuộc chiến sinh tử chống lại “những kẻ hết thuốc chữa” theo Chủ nghĩa liên bang đã đẩy một số thành phần ưu tú nhất trong giới trí thức Mỹ ra xa. Jefferson là một người ghét bỏ tuyệt vời và một tay bút chiến khéo léo, nhưng ông không chỉ gặp phải đối thủ cân sức trên báo chí và bục giảng Liên bang, nơi mà điều kiện để Chủ nghĩa liên bang, với tư cách một phong trào chính trị sáng giá, trở nên hết thời và làm tăng sự tuyệt vọng của những người bảo vệ cho nó. Trong cuộc sống sau này, sau khi Jefferson và Adams đã hòa giải và nối lại thư từ với nhau, họ vẫn nói đùa về việc ai có thể lớn tiếng hơn trong những lời chỉ trích thù hằn nhắm vào ông trong nhiệm kỳ tổng thống. Đây là một lĩnh vực cạnh tranh vui vẻ mà Jefferson là người chiến thắng không thể chối cãi. Chưa từng có cuộc tấn công như thế vào tính cách của ông trong lịch sử của nền cộng hòa thời kỳ đầu.

Điều đó không có nghĩa là chưa từng có tiền lệ. Trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1800, một số người đã cố nhắm đến Adams để chỉ trích ông về mặt tính cách: cú đòn chính đến từ Hamilton, người đã xuất bản một bản cáo trạng dài dòng về cá tính bùng nổ của Tổng thống. Các ý chính của lời buộc tội này là Adams bị loạn trí và hoàn toàn có khả năng phá hủy nước Cộng hòa Mỹ non trẻ trong một cơn co thắt điên rồ. Ngay cả những thần thánh như Washington cũng trở thành mục tiêu của sự lạm dụng khi trong nhiệm kỳ thứ hai của mình, ông bị quy cho mắc bệnh lão suy cũng như sự thiên vị Hamilton bắt nguồn từ những cáo buộc vô căn cứ nhưng giật gân rằng Hamilton là con trai bí mật ngoài giá thú của ông. Chính Hamilton cũng bị buộc tội thiếu suy xét nhiều lần, vụ tai tiếng nhất là chuyên bê bối tình dục với một phụ nữ đã

lập gia đình, khiến ông bị chồng bà này tống tiền và đòi đổi ưu đãi chính trị lấy sự im lặng. Từng là một bậc thầy của sự táo bạo, Hamilton đã dùng báo chí để thông báo rằng những lời buộc tội thiếu chung thủy đáng buồn lại là sự thật, nhưng bất chấp thất bại cá nhân này, đức hạnh công chúng của ông với tư cách một quan chức chính phủ chưa bao giờ bị đánh đổi. Đường phân định ranh giới mà ông đã cố gắng vẽ giữa cuộc sống riêng và sự liêm chính của ông chính xác là đường phân định mà các biên tập viên báo chí và chuyên gia chính trị từ chối công nhận. Bởi lúc Jefferson lên nhậm chức tổng thống, khi đó cuộc sống riêng tư của các nhân vật công chúng rõ ràng được coi như một trò chơi công bằng của giới báo chí, và Jefferson, người rất năng nổ nơi hậu trường trong việc thuê ám sát các nhân vật trong các cuộc chiến tranh đảng phái năm 1790, biết rõ rằng ông có thể mong đợi sự đối xử y hệt. “Họ nói chúng ta lừa dối họ để tước quyền lực”, ông nhận xét về những người Liên bang, “và công khai bày tỏ ý định sẽ làm như vậy với chúng ta”.

Cuộc phòng ngự của phe Liên bang bắt đầu ngay lập tức, mặc dù phát súng đầu tiên nhằm gây thương tích chứ không phải định giết chết, trêu chọc các mục tiêu như phong cách văn học đặc trưng của Jefferson, với sự ưa chuộng các cụm từ cao quý và sự lặp lại âm đầu thường xuyên. “Con người, theo tự nhiên, là một con lười khổng lồ”, một người Liên bang đã viết nhại theo giọng điệu của Tuyên ngôn Độc lập, “được ra đời có mục đích, trong một quan điểm triết học, để đi vợ vắn, cướp bóc, tuyên truyền, và sa đọa”. Việc công bố năm phiên bản mới của *Những ghi chép* vào năm 1801 có lẽ là một nỗ lực của các nhà xuất bản để thu lời từ sự kiện Jefferson mới lên nhậm chức tổng thống, cung cấp cho các biên tập viên phe Liên bang một loạt các mục tiêu dễ dàng. Vì một số lý do họ có xu hướng bám chặt vào tuyên bố của Jefferson rằng những quái thú to lớn, lông lá thời tiền sử là voi ma mút vẫn tồn tại trên mảnh đất miền

Tây nước Mỹ chưa được khám phá, một trong những ý tưởng trước thời Darwin mà Jefferson thấy hấp dẫn vì nó bênh vực tranh luận chống lại Buffon của ông rằng môi trường ở Mỹ sản sinh ra những động vật lớn. Phe Liên bang khôn lanh đã chế nhạo đi chế nhạo lại “lý thuyết voi ma mút” của ông, và motif này trở thành trọng tâm cho phe đối lập mãi mãi Jefferson như một kẻ ngụy khoa học. Với cùng một thái độ nửa đùa nửa thật, những người bênh vực Jefferson phản đối sự tấn công voi ma mút bằng cách tặng ông một miếng “pho mát voi ma mút” nặng 1.235 pound nổi tiếng làm từ sữa của 900 con bò, “và không con bò nào theo phe Liên bang”.

Các cuộc tấn công thật sự ác liệt vào tính cách của ông là trên mặt trận tôn giáo. Trong cuốn *Những ghi chép*, Jefferson đã trình bày một luận cứ về tự do tôn giáo trong đó kết thúc bằng một bình luận thông minh trên tinh thần cởi mở của riêng mình: “Nhưng cũng chẳng hại gì với hàng xóm của tôi khi nói rằng có 20 vị thần hoặc không có vị thần nào. Tôi chẳng bị móc túi hay gãy chân vì điều đó”. Giới tăng lữ phe Liên bang của New England đã bám vào nhân xét này và coi nó như là bằng chứng thuyết phục cho thấy Jefferson là một sự kết hợp của ngoại giáo, vô đạo, vô thần và dị giáo. Bài xã luận được lưu hành khắp New England nói về chủ đề trong đó hầu hết các nước Ki-tô giáo trên thế giới hiện nay được lãnh đạo bởi một người đã chối bỏ những nguyên lý trung tâm của Ki-tô giáo. Trong khi cá nhân Jefferson tỏ ra không bị tổn thương bởi lời buộc tội này, ông vẫn nhận ra những thiệt hại chính trị mà lời buộc tội này gây ra cho Đảng của ông; do đó, ông đã sáng tác một bài luận ngắn gọn về ân đức của Chúa Jesus với tư cách một tấm gương, bài luận thực ra được dựa trên một bài tiểu luận tương tự của Joseph Priestley, nhà thần học Anh, và đã so sánh Jesus với Socrates như hiện thân lộng lẫy của các giá trị nhân văn. Jefferson cho rằng bài luận của mình đã bị rò rỉ cho bạn bè

Cộng hòa để chống lại cái mà ông gọi là “hệ thống chống Ki-tô giáo bị gán cho tôi bởi những người không biết gì về ý kiến của tôi”. Phải, ông giải thích với Benjamin Rush, ông không chấp nhận “sự tham nhũng của Ki-tô giáo”, chứ không phải là “lời dạy thật sự của chính Jesus”.

Tất nhiên, sự phân biệt đó đã là để dành cho những người chỉ trích chế độ liên bang của ông, những người đang tìm kiếm đạn dược hơn là chân lý. Jefferson cung cấp cho họ nhiều hơn những thứ họ có thể hy vọng, khi chỉ sau hai tuần nhậm chức, ông mời Tom Paine lên con tàu chính phủ, người đang cố gắng trở về Mỹ từ Pháp sau khi suýt nữa không thoát khỏi máy chém. Lá thư Jefferson gửi cho Paine đã được báo chí Mỹ xào lại từ báo chí Paris, nơi chính Paine có thể đã gieo rắc lá thư này nhằm ban bố danh dự và tôn vinh lời chứng thực của Jefferson. “Tôi hy vọng”, Jefferson viết thư cho Paine, “ngài sẽ thấy chúng tôi nói chung đáp lại tình cảm xứng đáng với thời gian trước đây. Ngài sẽ được hưởng vinh quang vì đã miệt mài lao động và đạt hiệu quả nhiều như bất kỳ người nào đang sống. Tôi chân thành cầu chúc ngài có thể sống lâu mà tiếp tục lao động một cách hữu ích và gặt hái phần thưởng trong sự biết ơn của các quốc gia. Xin gửi ngài lời chào trân trọng và thân ái”.

Theo quan điểm của Jefferson, Tom Paine là một anh hùng Mỹ đích thực, một thành viên sáng lập của “nhóm huynh đệ” đã làm nên Cách mạng Mỹ và sau đó đã mang “tinh thần năm ‘76” sang Pháp, nơi mà nó lại gây ra thiệt hại ngoài dự kiến nhiều hơn dự tính, đúng như vậy, nhưng tương lai chắc chắn sẽ phục hồi các đặc tính ban đầu. Thật không may cho Jefferson, uy tín của Paine ở Mỹ không giữ được lâu. Khi ông ta hạ cánh ở Baltimore, tờ báo địa phương đã nắm bắt được tâm trạng bằng cách nhận xét mỉa mai rằng “vị Tổng thống ngoan đạo của chúng ta nghĩ rằng thật thích hợp khi gửi một con tàu khu trục đến phục vụ cho loài bò sát ghê tởm này”. Tội lớn nhất của Paine không phải ở chỗ ông ta là một

người hay rượu chè và có tác phong của một kẻ ăn mày, mặc dù điều đó là đúng, mà là ở chỗ ông ta đã viết cuốn *Thời đại của Lý do* (The Age of Reason), một đòn tấn công ác liệt vào Ki-tô giáo giống như cuốn *Lẽ thường* đối với chế độ quân chủ. Bằng cách công khai kết hợp với Paine, Jefferson đã phơi mình ra trước các tit bài giạt gân nhất của báo chí phe Liên bang với tư cách một “kẻ vô đạo tình quái”, “một kẻ làm vấy bẩn Ki-tô giáo” và “một người bạn đồng hành của tội nhân thấp hèn, tham nhũng, đáng ghét nhất của thế kỷ”. Tất cả những người Mỹ coi trọng Ki-tô giáo giờ đây buộc phải lựa chọn, một biên tập viên cho biết, giữa việc “từ bỏ vị cứu tinh của họ, hoặc tổng thống của họ...” Các cuộc tấn công diễn ra liên tiếp và vô song trong lịch sử thuở ban đầu của quốc gia non trẻ tính về cường độ bút chiến. Như Henry Adams mô tả, nếu Jefferson đã quyết định chúc mừng Napoleon về sự chuyên quyền của ông ở Pháp, “ông không thể gọi nên hứng thú trong tâm trí những người theo phái Calvin ở New England một cảm giác ghê tởm sâu sắc bằng cách dường như gắn mình với Paine”. Theo một nghĩa thực tế, đó là một trong những khoảnh khắc hay ho của Jefferson, vì ông nhận thức đầy đủ tai tiếng của Paine nhưng vẫn dính lấy ông ta cho đến phút cuối, thậm chí còn mời ông ta lưu lại và dùng cơm tại dinh thự tổng thống trong vài tuần. Những biên tập viên phe Liên bang đã có một ngày thực địa mô tả “hai chàng Tom” dắt tay nhau tản bộ, họ bị cáo buộc so sánh các ghi chú về cách lý tưởng để thúc đẩy chủ nghĩa vô thần hoặc những thành công quá khứ của họ trong việc hủy hoại những trình nữ Ki-tô giáo.

“Vòng tròn hạnh phúc của Tổng thống chúng ta được mở rộng ra nhiều”, biên tập viên của tờ *Port Folio* phe Liên bang nhận xét, “bởi dự vọng của áo tang Sally, và sự xuất hiện tốt lành của anh chàng Tom Paine ngoan đạo”. Việc liên hệ tới “áo tang Sally” là một sự chèn vào ngẫu nhiên lời buộc tội giạt gân nhất đối với Jefferson về hành vi tính dục (và tại thời

điểm đó, mang tính chủng tộc) không thích hợp. Hầu như tất cả các báo phe Liên bang trong nước đều vô lấy câu chuyện, xuất hiện lần đầu trên tờ *Richmond Recorder* tháng 9 năm 1802. “Ai cũng biết”, câu chuyện bắt đầu, “rằng người đàn ông, mà mọi người vẫn tôn vinh, trong nhiều năm qua giữ bên mình một người vợ lẽ, cũng chính là một trong những nô lệ của riêng mình. Tên người phụ nữ ấy là SALLY... Tên con trai cả của bà là TOM. Đặc điểm của ông được cho là rất ấn tượng, mặc dù giống một cách tang thương những đặc điểm của chính Tổng thống”. Đã nhiều tháng qua báo chí phe Liên bang in bài xã luận tuyên bố về những việc như liệu các cáo buộc là đúng hay không, nhưng sau đó tiến tới cung cấp cho độc giả các biến thể đầy màu sắc về những tin đồn khiêu khích, một số thậm chí còn thành thơ:

*Trong tất cả những quý cô trên cỏ xanh
Trên núi hoặc trong thung lũng
Một cô nàng hùng hực bạn chưa từng được nhìn thấy
Như nàng Sally xứ Monticelly.*

Đám biên tập viên nhắc đến cô với cái tên “Sally Tối màu”, “Sal đen”, “Venus Phi châu” và “cô nàng quyến rũ da màu gỗ lim”. Báo chí Boston đặc biệt quan tâm đến việc làm thế nào một ngài tổng thống 95 tuổi có thể làm tình với một phụ nữ trẻ hơn ông nhiều (Sally chỉ khoảng 31 hay 32 tuổi). Câu trả lời là những nét châu Phi của nàng:

*Đôi môi dày bĩu lên! Ôi mỗi ngọt ngào xiết bao!
Đam mê bùng cháy khi ta hôn đôi môi ấy!
Lan ra hơn một nửa khuôn mặt,*

Không tài nào bỏ lỡ.

Và vân vân.

Đó là giấc mơ của một nhà báo vào thời điểm đó, vì câu chuyện đã cho những người Liên bang, đang ngày càng tuyệt vọng hơn với mỗi chiến thắng của Đảng Cộng hòa trong cuộc bầu cử toàn quốc đang diễn ra, loại bê bối nhỏ nhưng sắc nét có khả năng cắt xuyên qua mọi bất đồng trong Đảng hay về mặt chính sách và đi thẳng vào câu hỏi cốt lõi về tính cách của Jefferson. Đó là giấc mơ lớn nhất của một nhà báo, vì lời buộc tội đó tính tới nay vẫn chưa thể được chứng minh một cách thuyết phục hay phủ nhận, và vì cả hai bên tranh luận đều chỉ sở hữu vừa đủ chứng cứ để ngăn chặn một phán quyết nghiêng về bên đối lập. (Xem thêm “Ghi chú về vụ Sally Hemings” ở cuối để biết tóm tắt ngắn gọn về các bằng chứng). John Adams đã có một trong những phản ứng khôn ngoan nhất trước những lời buộc tội khi chúng lần đầu được nêu lên. Adams vẫn còn trong giai đoạn chống Jefferson, do đó phản ứng của ông không dính dáng đến tình bạn cũ của họ. Là một nạn nhân của mối thù ác độc tương tự, Adams tuyên bố đồng cảm với Jefferson. Mặt khác, các cáo buộc rằng “một hậu quả tự nhiên và gần như không thể tránh khỏi của sự lây lan bản thù trong tính cách con người, nô lệ da đen”. Jefferson đã không chỉ bị ô nhiễm bởi sự lây lan đó, mà còn bị nghi ngờ vì “không có một chủ đồn điền nào ở Virginia”, Adams nhận xét, “không nhận ra trong số nô lệ của ông một số con cái của ông”. Lời buộc tội về hành vi tính dục không phù hợp do đó đã đặt ra “một vết nhơ trong tính cách của ông” và điều này không phải là hoàn toàn không hợp lý. Lời buộc tội ấy cũng sở hữu một chân lý đạo đức nhất định vì nó giải phóng điều kiện sống vốn vô đạo đức của tất cả những chủ sở hữu nô lệ, trong đó có Jefferson.

Điều mà Adams đã không nói ra trong các ghi chép, nhưng chắc chắn đã nghĩ tới, đó là có một cảm giác công lý thơ mộng tương tự về những cáo buộc, bởi vì chúng đều xuất phát từ một kẻ chuyên nói xấu sau lưng từng thuộc Đảng Cộng hòa tên là James Callender, kẻ mà sự nghiệp trước đó chỉ tập trung phỉ báng đối thủ của Jefferson, trong số đó có Adams, với cùng một kiểu tiết lộ sự thật giật gân trong đó có sự hỗ trợ và đồng thuận của Jefferson. Callender là tay phóng viên đã viết nên câu chuyện về cuộc phiêu lưu bất hợp pháp của Hamilton năm 1797 và năm sau đó đã vu khống Adams là “vị vua tham nhũng và chuyên quyền của Braintree” trong một cuốn sách nhỏ với tựa đề *Viễn cảnh trước mắt ta* (The Prospect Before Us). Jefferson đã thông qua và giúp trả tiền cho cuốn này, nhưng Callender, người mà chỉ nhất quán mỗi một việc đó là tài năng phản bội ngoan cố, đã quay lưng lại với ông khi Jefferson từ chối giao cho Callender vị trí giám đốc bưu điện ở Richmond như một phần thưởng cho lao động của người này. Theo lời kể của một người phe Liên bang, có lẽ là nạn nhân, Callender đã nấn ná bên ngoài dinh thự tổng thống trong vài ngày với hy vọng có được một cuộc phỏng vấn cá nhân. Khi hắn phát hiện ra Jefferson đứng ở một cửa sổ trên gác, hắn hét lên đe dọa: “Thưa ngài, ngài biết rằng bằng cách nói dối tôi đã biến ngài thành Tổng thống, và tôi sẽ - nếu tôi không hủy hoại ngài bằng cách nói sự thật”. Jefferson lên án Callender là “một kẻ phản bội chủ nghĩa cộng hòa đối trá”, và sau đó yêu cầu Monroe, lúc đó vẫn là Thống đốc Virginia, đưa ra tuyên bố phủ nhận rằng Jefferson chưa bao giờ kết bạn hoặc trả lương cho Callender hoặc có bất cứ dính dáng gì đến lời lẽ công kích trước đó của ông ta chống lại Adams. Nhưng Callender đã lưu lại bản sao lá thư buộc tội của Jefferson và công bố ngay cho báo chí phe Liên bang. “Tôi cảm ơn ngài về bằng chứng mà ngài đã gửi kèm”, Jefferson viết cho

Callender liên quan đến cuốn sách; “Giấy tờ đó không thể không tạo ra hiệu ứng tốt nhất”.

Trò hai mang bị vạch trần trong giao dịch của ông với Callender là hoàn toàn hợp với tính cách của Jefferson. Đó rút cục lại là sự lừa dối kiểu Freneau và nghịch ngợm kiểu Mazzei, với việc Jefferson phủ nhận với chính mình và sau đó là với cả thế giới tội đồng lõa của ông trong vụ lừa đảo chính trị ở hậu trường, rồi lại tỏ ra thật sự ngạc nhiên khi sự thật bị bại lộ. Giờ đây, với việc công khai thư từ có ý định xấu của ông với Callender, ông đã bị bắt quả tang nói dối, thế đã là tệ lắm rồi, vậy mà lời nói dối lại làm tăng thêm độ tin cậy trong lời buộc tội của Callender về những tự do phóng túng đầy kích động nơi hậu trường với Sally Hemings.

Có một lý do nữa khiến cho những lời buộc tội của Callender gây phiền toái cho khả năng lừa dối và phủ nhận khá đáng kể của Jefferson. Lý do là, chúng về căn bản là đúng. Trong khi chúng ta không thể biết chắc những đặc điểm cảm xúc có thể có trong mối quan hệ tính dục của Jefferson với Sally Hemings, nhưng chúng ta có thể chắc chắn một cách hợp lý rằng đó là một mối quan hệ đã có từ lâu, có lẽ từ hai năm cuối cùng của ông ở Paris. Đây có lẽ cũng là mối quan hệ có sự đồng thuận lớn nhất, ít nhất ở mức độ là bất kỳ mối quan hệ nào vốn đã không bình đẳng giữa chủ và nô lệ có thể cho phép đồng ý lẫn nhau. Rõ ràng nhu cầu sinh lý căn bản đã được thỏa mãn ở đây khi Jefferson đã không thể hoặc không muốn chối bỏ điều này, vì hai người vẫn tiếp tục liên lạc trong vài năm sau vụ tiết lộ của Callender.

Tuy nhiên, chuyện này chủ yếu vẫn là một bí mật, theo nhiều nghĩa của từ này. Không một dấu vết bằng chứng nào về mối quan hệ này từng được tìm thấy trong lượng lớn các thư từ cá nhân của Jefferson. (Jefferson cực kỳ lão luyện trong việc che giấu dấu vết của mình, đến nỗi

phải mất gần hai thế kỷ và công tác điều tra di truyền tiên tiến nhất của khoa học hiện đại mới có thể đặt vấn đề ông là cha của những đứa con của Sally). Hơn nữa, ở thế giới bên trong Monticello, nơi mà Jefferson luôn mô tả với phong cách chân thành nhất của mình như một thiên đường thôn dã của sự thanh thản nội tâm, hẳn phải có một mê cung thật sự các không gian vật lý và tâm lý bị niêm phong kín mít.

Martha Jefferson Randolph, con gái cả của ông, sống với đàn con ngày càng sinh sôi của mình tại Monticello trong suốt thời gian Jefferson có quan hệ với Sally Hemings. Làm thế nào cô có thể không biết về sự thật này, thậm chí nó làm kéo giãn sự hiểu biết tinh vi nhất của chúng ta về khả năng chối bỏ của con người. Nhưng Martha đến lúc xuống mồ vẫn khẳng định những cáo buộc của Callender là không đúng, cô vẫn bảo vệ danh tiếng của cha mình, bằng cách nào đó thuyết phục chính mình trong lúc thuyết phục người khác. Và sau đó đến lượt Jefferson, nghiêm túc ghi lại tên những đứa con của Sally trong cuốn *Sách Nông nghiệp* của mình với tư cách là những nô lệ, đối xử với chúng y như những nô lệ khi chúng lớn lên, cứ như thể không có sự kết nối giữa chúng và ông, thật sự cứ như thể người cha của chúng và người sở hữu chúng là những người khác nhau.

Ở mức độ công chúng, những hậu quả mà lời buộc tội của Callender để lại không đến nỗi quá sâu sắc, trong khi vết sẹo trên danh tiếng của Jefferson lại không bao giờ biến mất, và những người Liên bang ở New England đã làm hết sức mình để giữ cho những cáo buộc này mãi tươi mới trên báo chí công khai, thậm chí đi xa đến mức đưa vấn đề tính cách của Jefferson vào các chương trình nghị sự chính thức của cơ quan lập pháp Massachusetts, thiệt hại chính trị đối với nhiệm kỳ tổng thống của ông thực ra lại không nghiêm trọng bằng sự kỳ thị kéo dài đến tận hậu thế gắn với hình ảnh của ông. Các đội kiểm soát thiệt hại trên báo chí

Cộng hòa cũng đóng góp vào đây. Thái độ im lặng của Jefferson về vấn đề này đã ngăn chặn bất kỳ cuộc tranh luận kéo dài nào được tiếp tục, và quan trọng nhất là chuỗi thành công ổn định của Đảng Cộng hòa - nợ được xử lý, các khoản thuế đã được loại bỏ, nền kinh tế đi lên tốt đẹp, một nửa lục địa đã được mua lại trong hòa bình - đơn giản đã đẩy lui những tin xấu. Ở đỉnh điểm câu chuyện về Sally, John Quincy Adams đã cho rằng phe Liên bang bị buộc phải viện tới cách tung tin đồn vì chương trình chính trị của họ đã “hoàn toàn bị hầu hết dân chúng bỏ rơi và từ chối một cách không thể cứu vãn nổi”. Dù những người ủng hộ Jefferson cảm thấy lo lắng đến đâu, ông nhận xét, thì cũng sẽ chỉ chốc lát mà thôi. “Những gì mà họ cho là cái công tắc”, Adams nói, “thực ra chỉ là những đám mây hơi nước vô căn cứ”. Đây cũng trở thành quan điểm trước công chúng của Jefferson. Các hành vi điên cuồng của báo chí phe Liên bang là triệu chứng của sự tuyệt vọng hoàn toàn, ông nhấn mạnh, vì sự nghiệp của Đảng này đang trượt dài mãi trong nền chính trị Mỹ. Phe Liên bang đơn giản là đang tóm lấy đám cát bụi mà họ đang hóa thành.

Nhưng trải nghiệm này đã ảnh hưởng đến quan điểm của Jefferson về báo chí Mỹ. Tuyên bố hùng hồn của ông trong Diễn văn Nhậm chức “thì cứ để họ đứng đó, yên tĩnh như những di tích an toàn, cùng với sai lầm về ý kiến có thể được dung thứ khi lý lẽ được tự do chống lại nó” - ý nói quyền hoàn toàn tự do báo chí vừa là bất khả xâm phạm vừa mang tính tự điều chỉnh. Giờ đây ông không chắc chắn đến thế. “Hầu hết những tờ báo của chúng ta, hiện nay chỉ thể hiện những ý kiến bất mãn”, ông kết luận vào năm 1803, và những gì ông gọi là “sự lạm dụng quyền tự do báo chí” đã tạo ra một nền văn hóa chính trị tục tĩu “chưa bao giờ được biết đến hay sinh ra bởi bất kỳ quốc gia văn minh nào”. Jefferson thật sự đã nói đúng ở một điểm, vì nhiệm kỳ tổng thống của ông trùng với sự gia tăng theo cấp số nhân số lượng tuyệt đối của các tờ báo Mỹ, cũng như ý

thức đi kèm với đó - còn sót lại từ những năm 1790 - rằng không có một quy tắc ứng xử không chính thức hay chính thức nào về việc cái gì sẽ được hay nên được in.

Jefferson muốn báo chí được tự do, nhưng ông cũng cho rằng một nền báo chí tự do cần duy trì một số biện pháp tôn trọng sự thật. Tâm lý và phong cách tất-cả-đều-tự-do của nhiều tờ báo cho phép ông thuyết phục bản thân rằng nguyên tắc tự do báo chí đang bị phá hủy bởi chính sự thái quá của báo chí. “Đây là một tình trạng nguy hiểm”, ông giải thích cho Thomas McKean ở bang Pennsylvania, “và báo chí cần phải được phục hồi uy tín của mình nếu có thể”. Ông không có vũ khí gì mạnh ngoài Đạo luật chống nổi loạn trong đầu. Thay vào đó ông đề nghị thống đốc phe Cộng hòa ở những bang được chọn nhắm đến các biên tập viên phe Liên bang khó chịu nhất và quy cho họ cho tội phỉ báng: “Và do vậy từ lâu tôi đã cho rằng”, ông thông báo cho McKean, “việc truy tố một vài kẻ phạm tội nổi bật nhất sẽ có một tác động lành mạnh trong việc khôi phục sự liêm chính của báo chí. Không phải là một vụ truy tố chung chung, vì như thế sẽ trông giống như đàn áp [tức là, cách tiếp cận của phe Liên bang với Đạo luật chống nổi loạn], mà là một vụ truy tố có lựa chọn”. Thống đốc McKean của Pennsylvania và De Witt Clinton của New York đã thực hiện đề nghị đó bằng cách lệnh cho các luật sư của họ làm việc với các biên tập viên phe Liên bang cứng đầu nhất. Như cách Jefferson nhìn nhận, ông đã không vi phạm nguyên tắc nào, ông chỉ cứu những nguyên tắc ấy khỏi khuynh hướng bị lạm dụng và tự hủy hoại của chính nó. Nhưng rõ ràng là ít nhất ông đã rút lại một nửa câu thần chú trước đó của mình về việc không kiểm chế quyền tự do ngôn luận.

GIBRALTAR

Một đường thẳng trong tâm trí ông đã tách những người Liên bang có thể cứu rỗi với những người “hết thuốc chữa”, những người da đỏ tốt khỏi

những người xấu, chính đường thẳng này cũng tách những nhà báo trách nhiệm khỏi những kẻ nói dối ghê tởm. Cho đến khi đường này bị vượt qua, thì ông có thể vẫn cực kỳ hòa nhã khoan dung. Tuy nhiên, ở phía bên kia của đường thẳng, sẽ không có lòng thương xót, vì các vấn đề đạo đức bị đe dọa sẽ không dễ đàm phán hay thỏa hiệp. Trong chương trình đạo đức mạnh mẽ này, một nhóm vĩnh viễn được đặt ở nơi xa trong sự phân chia của Jefferson, và trong thực tế có vai trò như một biểu tượng dễ thấy nhất của cái ác được thể chế hóa và vẫn có thể thách thức “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” mà Jefferson muốn phục hồi. Đây là những thẩm phán của tòa án liên bang, đặc biệt là những vị được gọi là thẩm phán nửa đêm mà Adams đã bỏ nhiệm trong giai đoạn sắp mãn nhiệm. Ngay sau khi Jefferson bổ nhiệm Levi Lincoln làm tổng chưởng lý của mình, ông đã nói với ông này rằng “việc loại bỏ những thừa thãi khỏi ngành tư pháp là nhu cầu phổ quát”. William Branch Giles, người được Jefferson bảo trợ ở Virginia và được bầu vào Thượng viện trong vụ ngập lụt Đảng Cộng hòa năm 1800, nhắc nhở Jefferson rằng “cuộc cách mạng vẫn chưa kết thúc, cho đến khi pháo đài mạnh vẫn nằm trong tay kẻ thù”. Vì tâm lý của Jefferson thực ra lại đòi hỏi phải có kẻ thù rõ rệt để mở khóa năng lượng năng động của nó, nên người ta có thể lập luận rằng Adams đã giúp ông một tay bằng di sản tư pháp của mình. Nhưng nếu các cơ quan tư pháp liên bang là một mục tiêu thuận tiện để huy động tất cả năng lượng chiến đấu của Jefferson, thì như cách nói của biên tập viên tờ *National Intelligencer*, “Gibraltar” của Chủ nghĩa liên bang, tọa lạc thẳng thắn và vững chãi giữa vùng biển Cộng hòa. Jefferson dành nhiều thời gian trong nhiệm kỳ đầu tiên để bao vây thành trì này của phe Liên bang, gửi những người lính tận tụy nhất của mình tới để tấn công nó, ví dụ như Giles, nhưng chưa bao giờ xâm nhập được hệ thống phòng thủ ghê gớm của nó.

Quan trọng là phải phân biệt giữa sự thù địch của Jefferson đối với những vị thẩm phán nửa đêm như các cuộc hẹn chính trị, với sự thù địch tổng quát hơn của ông đối với tư pháp liên bang với tư cách một tổ chức. Năm 1804, như là một phần của một nỗ lực không thành nhằm nối lại mối quan hệ bạn bè với John và Abigail Adams, ông giải thích cho cô rằng “một hành động trong đời của ngài Adams” đã thật sự làm ông khó chịu và khiến ông cảm thấy “không tốt về mặt cá nhân” chính là việc bổ nhiệm những người Liên bang vào các tòa án liên bang. “Họ là những kẻ thù chính trị hăng hái nhất của tôi”, ông phàn nàn, “và ở họ, không bao giờ có thể mong đợi một sự hợp tác trung thành... Âu cũng là lẽ thường khi để người kế nhiệm tự do hành động bằng các công cụ do người đó tự chọn”. Tất nhiên, việc bổ nhiệm gây xúc phạm nhất là việc chọn John Marshall làm chánh án, điều này đặc biệt đáng ghê tởm vì nhiều lý do: thứ nhất, vì đây là một vị trí suốt đời, thứ hai, vì nó đặt một người Liên bang lên trên toàn bộ hệ thống tư pháp quốc gia, và thứ ba, vì bản thân Marshall chính là, theo cái cách khác biệt của riêng ông, một kẻ thù đáng gờm hơn cả Hamilton. Marshall là tạo vật hiếm hoi, một người Liên bang với phong cách Jefferson. Ông là một người mà Jefferson không tin có thể tay đôi mà đánh bại trong đấu đá chính trị hậu trường: “Khi trò chuyện với Marshall”, ông thú nhận, “tôi không bao giờ thừa nhận bất cứ điều gì. Dù bạn có chắc chắn thừa nhận một quan điểm tốt, dù có xa với kết luận theo ý ông ấy đến đâu, thì bạn vẫn thua. Khả năng ngụy biện của ông ấy tuyệt vời đến mức bạn không bao giờ được đưa cho ông ấy một câu trả lời khẳng định, nếu không bạn sẽ buộc phải đưa ra kết luận theo ý ông ấy. Nếu ông ấy hỏi tôi đây có phải là ánh sáng ban ngày hay không, tôi sẽ trả lời, “Thưa ngài, tôi không biết, tôi không nói được”.

Ngoài những hận thù cá nhân và sự cay đắng có thể hiểu được về việc bị kìm kẹp bởi những vị trí mà Adams bổ nhiệm, cảm giác thù địch đây

tra tấn của Jefferson còn xuất phát từ toàn bộ hệ thống tư pháp liên bang. Một phần của vấn đề phục hồi tâm lý của ông trong lĩnh vực này là nó không ăn nhập với kiểu phân loại theo logic và theo pháp lý mà các học giả hiến pháp, vốn giỏi nhất về chủ đề chung, có xu hướng mang theo bên mình. Ví dụ, các câu hỏi về quyền tài phán liên bang so với nhà nước, hoặc câu hỏi gây nhiều tranh cãi về rà soát tư pháp đã không thu hút được sự chú ý đầy đủ của ông, ngoại trừ như những tập cụ thể trong một bộ phim chính trị nhiều tập về ý nghĩa thật sự của Cách mạng Mỹ. Và sự thật đơn giản là các nhà cách mạng Mỹ thuở đầu đã hoàn toàn không hình dung ra một nền tư pháp quốc gia. Thịnh thoảng Jefferson dường như tin rằng, để theo đúng “tinh thần năm ’76” lúc đầu thì tất cả các tòa án liên bang phải bị bãi bỏ hoàn toàn và các quyết định tư pháp phải do các bang đưa ra. Nhưng những suy nghĩ như vậy không xuất hiện bên ngoài các lập luận pháp lý cụ thể như một cảm giác vĩ đại của “sự càn quét” tàn dư thể chế đã bị tích tụ từ sau Cách mạng.

Tương tự, Jefferson không có một quan điểm thống nhất hoặc chắc chắn về những câu hỏi căn bản liên quan đến chủ quyền lập hiến. Trong khoảnh khắc quyết liệt hơn, ông dường như tin rằng mọi câu hỏi căn bản về hiến pháp cần được giải quyết bằng một cuộc trưng cầu dân ý, vì học thuyết về chủ quyền phổ biến trao quyền cho duy nhất nhân dân nói chung để đưa ra những phán quyết đó. Điều này rõ ràng là gánh nặng, nếu không muốn nói là hoàn toàn không thực tế, nhưng lại thu hút cảm hứng từ cùng một sự thôi thúc tầm nhìn trong đó chào đón một “sự càn quét” của tất cả các thể hệ luật. Trong Thông điệp hằng năm đầu tiên trước Quốc hội, ông đề xuất một ý tưởng ôn hòa hơn rằng mỗi nhánh của chính phủ liên bang có chủ quyền và do đó được trao quyền tự mình diễn giải Hiến pháp. Gallatin và Madison, nhận ra sự nhầm lẫn cố hữu trong quan điểm này, nên đã thuyết phục ông xóa đoạn đó đi.

Để công bằng, Jefferson hầu như không hề đơn độc trong cuộc chiến bất thành với vai trò thích hợp của ngành tư pháp liên bang, đặc biệt là Tòa án Tối cao. Các cơ quan tư pháp vẫn đang đông kết lại như một phần không thể tách rời của chính phủ quốc gia. Cũng không có bất kỳ một sự đồng thuận rõ ràng nào tại Hội nghị Lập hiến về vai trò của Tòa án Tối cao với tư cách là trọng tài cuối cùng quyết định ý nghĩa của Hiến pháp. Hamilton đã đưa ra một trường hợp rõ ràng nhất thay mặt cho nguyên tắc xét xử trong *Chế độ liên bang* 78, nhưng đây lại là một phần trong thiên tài của việc dàn xếp hiến pháp năm 1788, đó là cứ để cho những câu hỏi gây tranh cãi mù mờ và chưa được giải quyết. Trong bối cảnh đấy, sự nhầm lẫn của Jefferson phản ánh chính xác các luồng ý kiến dọc ngang về hiến pháp phổ biến vào thời điểm đó.

Nhưng tâm trí của Jefferson lại ưa thích hoạt động ở mức độ cao hơn, nơi các chi tiết và vấn đề kỹ thuật biến mất khỏi tầm mắt và những mô hình đạo đức lớn hơn có một hình dạng rõ ràng. Từ quan điểm đó, ông coi các cơ quan tư pháp liên bang và khối đá của nó là Tòa án Tối cao như một nguồn cực kỳ nguy hiểm. Nếu miền Tây đối với Jefferson là một động cơ năng động cho việc mở rộng và giải phóng dân tộc, liên tục hồi sinh nước Cộng hòa Mỹ bằng năng lượng của nó, thì ngành tư pháp liên bang là động cơ của quá trình tập trung hóa và củng cố, hút các nguồn năng lượng của quốc gia mới vào một cái hố ngọt ngào. Thực tế là tất cả các vị trí quan trọng bị phe Liên bang chiếm giữ đã đủ tồi tệ lắm rồi, vậy mà chính cơ quan tư pháp liên bang lại còn đại diện cho những khuynh hướng phản cách mạng, về căn bản là mâu thuẫn với các xung động sâu xa nhất của “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” theo cách hiểu của Jefferson. Quan điểm của Jefferson về điểm này rất khác biệt và cấp tiến. Cả Adams và Madison đều công nhận cần phải có đối trọng tư pháp để số đông chi phối. Thực tế thì thẩm phán liên bang là vị trí suốt đời và lại ít

phải chịu trách nhiệm nhất trước công chúng, và như cách họ nhìn nhận, là một tài sản quan trọng, vì những yêu cầu như vậy đã giúp cân bằng sự dân chủ thái quá của các nhánh chính phủ được bầu trực tiếp hơn. Tuy nhiên, Jefferson thấy không cần một cơ chế cân bằng như vậy. Đối với ông, Cách mạng Mỹ có ý nghĩa giải phóng chứ không phải kiểm chế. Ngoài việc là một Gibraltar Liên bang bị chiếm đóng bởi kẻ thù tận tụy nhất của ông lúc đó, cơ quan tư pháp quốc gia là một má phanh cố định đặt trên những bánh xe đang lăn của Cách mạng Mỹ.

Trận chiến trong ngành tư pháp diễn ra dưới hình thức ba cuộc đụng độ riêng biệt. Cuộc đầu tiên vào mùa đông năm 1802, xảy ra tại Quốc hội, nơi phe Cộng hòa đã sử dụng đa số của mình để bãi bỏ Luật Tư pháp năm 1801. Jefferson đã khởi động cuộc tấn công trong Thông điệp Hằng năm của mình. “Hệ thống tư pháp... và đặc biệt là phần vừa mới dựng lên của nó”, ông tuyên bố, “tất nhiên sẽ được Quốc hội nghiên cứu”. Ông muốn ám chỉ cụ thể đến Luật Tư pháp năm 1801, một bộ luật gây khó chịu cho phe Cộng hòa vì nhiều lý do: Đó là một biện pháp thiên lệch được thông qua bởi Quốc hội sắp mãn nhiệm vào tháng 2, khi phe Liên bang đang vật lộn để duy trì quyền kiểm soát hệ thống tòa án trước khi Jefferson nhậm chức; nó thiết lập một tòa án riêng biệt với 16 thẩm phán mới, căn bản tạo nên một lớp thẩm quyền liên bang mới giữa Tòa án Tối cao và các tòa án quận; và hầu hết các thẩm phán nửa đêm do Adams bổ nhiệm sẽ lấp đầy các vị trí mới trong tòa án sơ thẩm này. Mặc dù Jefferson đã tích cực huy động các lực lượng Cộng hòa nơi hậu trường, nhưng ông vẫn duy trì một khoảng cách với các cuộc tranh luận của Quốc hội đang được hâm nóng, và một nỗ lực nhằm thể hiện sự phản đối của ông với các tòa án sơ thẩm bằng hình thức vô hại nhất, tuyên bố rằng đơn giản là không có đủ vụ án để đưa ra xét xử trước một lớp mới các thẩm phán liên bang. Thay vì nêu lên vấn đề hiến pháp hay tư tưởng gây tranh cãi về toàn bộ

hệ thống tư pháp, ông lại thích gán các vấn đề vào sự khắc khổ cộng hòa. Do phe Cộng hòa chiếm đa số trong Quốc hội, nên chiến thắng đã được biết trước. Gallatin đã chuẩn bị dự toán ngân sách năm 1802 với giả định rằng các thẩm phán tòa án sơ thẩm sẽ bị loại bỏ.

Cuộc đụng độ thứ hai xảy ra vào năm 1803 tại đấu trường không thân thiện của Tòa án Tối cao, nơi ảnh hưởng và trí tuệ nhanh nhẹn của Marshall đã hóa phép như thường lệ và tạo ra một thất bại đáng xấu hổ cho Jefferson. Vấn đề cần giải quyết rõ ràng là tầm thường: việc bổ nhiệm William Marbury vào vị trí cấp thấp với tư cách thẩm phán hòa bình ở quận Columbia. Tầm quan trọng mang tính lịch sử tiếp theo của quyết định của Marshall cũng to lớn rõ ràng không kém, quyết định ấy đã trở thành tiền lệ quan trọng cho nguyên tắc giám sát tư pháp và quyền chủ quyền của Tòa án Tối cao trong việc giải thích ý nghĩa của Hiến pháp. Nhưng trong bối cảnh lịch sử của thời đó, ý kiến được hoan nghênh của Marshall về vụ *Marbury* và *Madison* vốn chiếm một mức độ trung bình, không quá tầm thường mà cũng không quá ghê gớm. Bối cảnh đó cho phép Marshall có dịp lên mặt dạy đời Jefferson vì không tuân theo luật pháp bằng cách từ chối bổ nhiệm Marbury. Thông điệp rất rõ ràng cho tất cả các bên quan tâm trong ngày: Cuộc tấn công của phe Cộng hòa vào hệ thống tư pháp liên bang có thể đã thành công ở việc loại bỏ các tòa án sơ thẩm, nhưng không thể nào chạm tới được Tòa án Tối cao. Thành trì Liên bang ở Gibraltar có thể đáp trả.”

Điểm thiên tài pháp lý trong quan điểm của Marshall, cái mà Jefferson mô tả như là “ngụy biện” và sau này như là “sự bóp méo” của Marshall, bắt nguồn từ việc Chánh án sắp xếp lại các câu hỏi được đưa ra Tòa án, trong đó cho phép ông tuyên án chống lại kiến nghị của Marbury chỉ sau khi giảng giải cho Tổng thống và ra phán quyết về tính hợp hiến trong một hành động của Quốc hội, Luật Tư pháp năm 1789. Nếu Chánh

án nhận các câu hỏi theo thứ tự được đưa lên, sẽ không cần phải giải quyết các vấn đề lớn hơn nữa. Thiên tài chính trị trong ý kiến của Marshall ở đây bao gồm hai mặt: Ông tăng cường sức mạnh của Tòa án Tối cao bằng cách bác bỏ thẩm quyền của tòa án, và ông giám sát Tổng thống trong khi ra quyết định cho trường hợp này theo hướng có lợi cho mình. Đó là phong cách cổ điển của Marshall khi ông muốn giấu giếm điều gì. Nó cũng tiết lộ rằng Marshall, giống như Jefferson, muốn tránh đối đầu trực diện về vai trò lâu dài của ngành tư pháp liên bang, vì ông đang che giấu việc rà soát tư pháp bằng cách tỏ ra bất lực và đã ra phán quyết rằng Jefferson, mặc dù vi phạm pháp luật, hoàn toàn không cần phải bỏ nhiệm Marbury. Từ thành trì của mình lên đường, Marshall lại trở về lặng lẽ trong sự an toàn của Gibraltar.

Cuộc đụng độ thứ ba diễn ra vào cuối nhiệm kỳ đầu tiên của Jefferson, khi phe Cộng hòa trong Quốc hội, với sự xúi giục của Tổng thống, đã không thành công trong việc buộc tội Chánh án Samuel Chase. Tiếp theo Marshall, Chase là một sự hiện diện ghê gớm nhất của phe Liên bang tại Tòa án Tối cao, một người khổng lồ bồm trắn, thích đóng vai Jehovah với tất cả những người theo phái Jefferson bất hạnh bị rơi vào phòng xử án của ông. Ông đã thu hút được những chỉ trích mạnh mẽ đối với việc ông tích cực ủng hộ Đạo luật chống nổi loạn, đặc biệt nhất (và trở trêu thay cho Jefferson) là vì hành vi không đúng mực của ông khi cử James Callender tới một nhà tù Richmond trong giai đoạn Callender chống phe Liên bang. Nếu Marshall là bậc thầy của chiến thuật tàng hình và du kích, thì Chase lại thích dẫn dắt các cuộc tấn công kỵ binh. Tháng 5 năm 1803, sau khi đọc về lời buộc tội đầy kích động của Chase với bồi thẩm đoàn Baltimore, Jefferson đã viết thư cho một nhà lãnh đạo Cộng hòa tại Hạ viện: “Lẽ nào cuộc nổi loạn chính thức tấn công vào các nguyên tắc của Hiến pháp chúng ta... lại không bị trừng phạt? Và công chúng sẽ tìm

kiếm các biện pháp cần thiết ở những người sâu sắc như ngài. Tôi hỏi những câu này để ngài xem xét. Đối với bản thân, tốt hơn tôi không nên can dự”. Lời nói này ngang với việc lệnh cho các đồng liêu Cộng hòa của ông trong Quốc hội khởi động tiến trình luận tội Chase.

Nhưng luận tội, như Jefferson sẵn sàng thừa nhận, là một công cụ vụng về, đòi hỏi phải có bằng chứng về “tội phản quốc, nhận hối lộ, hoặc những trọng tội và sự xằng bậy”. Mặc dù phe Cộng hòa đã cố gắng khoác lên mình tấm áo về tính hợp pháp, nhưng việc xét xử ở Thượng viện rõ ràng có sự thiên vị đảng phái, khiến nhiều nhà quan sát có ấn tượng giống như một phiên bản Cộng hòa về Đạo luật chống nổi loạn. Jefferson theo dõi chặt chẽ tiến trình; ông lập bảng theo dõi số phiếu bỏ cho mỗi tội danh nhưng vẫn chính thức giữ im lặng. Chase cuối cùng đã được tuyên bố trắng án đối với tất cả các tội. Phe Liên bang bênh vực ông tận hưởng lợi thế về các yêu cầu hẹp được quy định bởi Hiến pháp đối với việc loại bỏ thẩm phán; họ có thể mô tả một cách hợp lý Chase như một mục tiêu và nạn nhân chính trị; và họ đặc biệt thích thú cơ hội được nhắc nhở Jefferson rằng nguyên tắc của một nền tư pháp độc lập là một lời hiệu triệu vào năm 176, giống như một trong những chân lý thiêng liêng mà Jefferson đã từng cáo buộc George III vi phạm.

Trong quá trình tiếp theo của lịch sử Mỹ, nhiều tổng thống cũng đã cố gắng can dự vào Tòa án Tối cao, và tất cả đều phải bỏ đi với một cảm giác bức xúc tương tự như Jefferson. Nhưng những thách thức sau này đối với ngành tư pháp chỉ diễn ra sau khi Tòa án Tối cao được đặt ở trạng thái gần như thiêng liêng, nghĩa là được coi như một thiết chế chính trị Mỹ nhận chỉ đạo trực tiếp từ Chúa chứ không phải từ các cử tri. Chiến dịch của Jefferson chống lại cơ quan tư pháp đã có trước khi các tòa án liên bang được công khai phong thánh, đặc biệt nhất là Tòa án Tối cao, như một yếu tố Olympia được chỉ định trong chính phủ. Thật vậy, chiến dịch

của Jefferson được thúc đẩy bởi sự xác tín mà như ông nói, “sự độc lập về ý chí của dân tộc là một điều lầm lỗi, ít nhất là trong một chính phủ cộng hòa...” Những gì trông có vẻ gần như xúc phạm với chúng ta lúc đó vẫn còn trong quá trình khắc tạc vị trí của nó trong nền thần học chính trị Mỹ.

Đối với Jefferson, suối nguồn tôn giáo gợi cảm hứng cho tầm nhìn của ông về sự thiêng liêng vẫn là “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” của Cách mạng Mỹ. Cơ quan tư pháp liên bang không có vị trí nổi bật trong tầm nhìn đó, thật sự không có vị trí nào trong đó, và Jefferson tới lúc xuống mồ vẫn tin rằng Marshall và các đồng nghiệp của ông ta ở Tòa án Tối cao là một hội kín ma quỷ, một băng đảng “công binh dò gỡ mìn” chuyên phá hoại các thử nghiệm cộng hòa từ bên trong. Nhưng nếu xác tín về tư tưởng của ông là rõ ràng và vững chắc, thì việc ông do dự tuyên bố chiến tranh không giới hạn với tư pháp liên bang lại nổi lên như một đặc điểm định nghĩa cuộc xung đột. Có lẽ ở một mức độ nào đó ông nhận ra rằng một chính phủ quốc gia đòi hỏi một số loại hệ thống quốc gia về pháp luật, trong đó phe Cộng hòa ôn hòa coi Hiến pháp và việc dàn xếp hiến pháp năm 1787-1788 là hệ quả thiêng liêng đối với phép thuật cách mạng năm 1776 phải có chí ít một nửa điểm. Nếu vậy, ông không bao giờ thừa nhận sự nhượng bộ này một cách công khai hay riêng tư. (Có thể ở một trong những dịp im lặng này, ảnh hưởng vô hình của Madison đã chứng tỏ là có tính quyết định). Hoặc có lẽ Hamilton đã đúng sau tất cả, rằng ác cảm của Jefferson đối với xung đột đã dẫn tới chính sách thận trọng vì những lý do cá nhân thuần túy, bất chấp việc ông luôn chắc chắn về mặt luân lý rằng ngành tư pháp liên bang là một điểm yếu trên khuôn mặt của “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy”. Hoặc có lẽ niềm tin của riêng ông trong những hạn chế cố hữu mà chủ nghĩa cộng hòa áp đặt lên ngành hành pháp - đó là quyền hạn tổng thống phi vương quyền - khiến cho

ông không thể hành động cương quyết hơn. Người ta không thể chắc chắn về câu trả lời đúng ở đây, hoặc thậm chí chắc chắn rằng Jefferson biết đó là cái gì, trong trường hợp nó thật sự tồn tại. Vì chính trong bối cảnh này, sau tất cả, Henry Adams sáng tác bức chân dung bắt mắt nhất của ông về tính cách ẩn giấu của Jefferson: “Hầu hết các chính khách Mỹ khác đều có thể được mô tả trong ngoặc đơn”, Adams nhận xét. “Một vài nét cọ to là ta có thể vẽ nên chân dung của tất cả các tổng thống đời đầu, ngoại trừ người này... mà chỉ có thể vẽ Jefferson từng chút từng chút một, bằng một cây bút chì vót nhọn, và để bức chân dung giống người thật một cách hoàn hảo thì sẽ phụ thuộc vào sự chuyển dịch và lung linh không chắc chắn của những hình bóng bán siêu việt của nó”.

NHỮNG DANH SÁCH VÀ NHỮNG MÁT MÁT

Ở một vài thời điểm trong năm trước khi nhậm chức tổng thống, Jefferson đã viết một tài liệu cá nhân không giống với đặc trưng của ông chút nào với tiêu đề “Bản ghi nhớ về sự phục vụ” (“Memorandum of Services”). “Tôi đã đôi khi tự hỏi, liệu đất nước của tôi có phải là một nơi tốt để sống hay không”, ông tự trầm ngâm. “Tôi đã trở thành công cụ để làm những điều sau đây; nhưng chúng có thể sẽ được người khác làm, một số trong họ có lẽ sẽ làm tốt hơn một chút”. Sau đó ông lên danh sách về một phiên bản đầy tò mò những thành tựu xã hội của mình, đặt việc nạo vét sông Rivanna ngang với việc soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập, nhập khẩu cây ô liu từ Pháp ngang với những nỗ lực nhằm chấm dứt việc buôn bán nô lệ. Một phiên bản cập nhật của danh sách được sáng tác vào cuối nhiệm kỳ đầu tiên làm tổng thống của ông chắc chắn sẽ bổ sung một cách đáng kể cho những thành tựu đó. Hai thành tựu tổng thống khiến ông hài lòng nhất là Vụ mua lại Louisiana và việc giải quyết một phần đáng kể nợ công. Mặc dù nhiều nhóm Liên bang vẫn tồn tại ở một số nơi ở New England, nhưng với tư cách một đảng quốc gia thì phe Liên

bang kể như đã kết thúc. Ngoại trừ hành động hải quân đang diễn ra chống lại cướp biển Barbary, Mỹ hòa bình với thế giới trong một số vấn đề hữu hạn. Và biểu tượng của việc chính phủ can thiệp vào cuộc sống riêng tư, những người thu thuế, đã bị xua đuổi cùng với các thẩm phán tòa án, phần lớn quân đội và hải quân, một chiếc xuồng chở đám công chức và một số bộ lạc của người da đỏ ngoan cố. Tất nhiên, ông không có cách nào biết được điều này, nhưng trong nhiệm kỳ đầu tiên của Jefferson, ông đã đi vào lịch sử với tư cách một trong hai hoặc ba tổng thống Mỹ thành công toàn diện nhất trong việc đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Xét về mặt cá nhân, các cuộc tấn công của phe Liên bang vào tính cách của ông đã có tác động về mặt tình cảm. Nhưng ông tuyên bố rằng đây chính xác là “những lời vu khống vô căn cứ của Đảng Liên bang”, điều đã thuyết phục ông ứng cử tổng thống thêm một nhiệm kỳ thứ hai. Ông đã luôn cho rằng, ông giải thích với Elbridge Gerry, ông sẽ nghỉ hưu sau bốn năm, nhưng sự hiện diện kéo dài của những lời tuyên truyền của phe Liên bang trên báo chí, mặc dù giống như từ ngữ của người chết mà thôi, cần phải được dập tắt hoàn toàn. “Họ buộc tôi phải tiếp tục”, ông tuyên bố. “Nếu tôi có thể giữ cho con tàu nhà nước ổn định trong hải trình của mình thêm bốn năm, thì tôi đã thực hiện được mục đích trần thế của tôi, và tôi sẽ được tự do vui thú” - rồi tiếp đến là thói thu mình quen thuộc - “gia đình của tôi, trang trại của tôi, và những cuốn sách của tôi”. Việc ông tái đắc cử, nếu ông lại chọn ra tranh cử, là một kết luận đã được đoán trước.

Nhưng một điều gì đó đã rời bỏ ông ngay cả khi ông quyết định kéo dài nhiệm kỳ tổng thống của mình. Những gánh nặng của công việc chắc chắn tích lũy theo thời gian. Các cuộc tấn công vào danh dự cá nhân của Jefferson từ phe Liên bang cũng gây ra những vết thương không bao giờ

hàn gắn được hoàn toàn. Sức khỏe của ông, mặc dù vẫn còn khá tốt so với một người đàn ông 61 tuổi, giờ đây đã bị hủy hoại bởi những cơn tái phát bệnh tiêu chảy, cứ theo định kỳ hút hết năng lượng của ông. Tuy nhiên, cú nặng nhất, đến vào tháng 4 năm 1804, khi Maria chết vì biến chứng trong khi sinh, cô cũng đẻ nhiều như mẹ mình. “Người khác có thể bị mất đi sự phong phú của họ”, ông viết cho John Page, người bạn tri kỷ của ông, “nhưng tôi thì mất đi mọi nhu cầu, tôi đã mất đi thậm chí là một nửa những gì tôi có”. Triển vọng của ông, ông tin rằng, “hiện treo trên sợi chỉ mảnh mai của một cuộc sống độc thân”. Martha, người duy nhất còn lại để làm gia tăng kích cỡ gia đình trong mơ của Jefferson, giờ đây theo như ông mô tả là “tàn lụi một cách đáng sợ”. Ông chưa bao giờ trở lại như xưa sau cái chết của Maria, ít cởi mở và tin vào thuyết định mệnh hơn, còn lịch sử lại chuẩn bị sẵn một loạt những bất ngờ khó chịu trên trường quốc tế, được định mệnh sắp đặt để làm cho nhiệm kỳ tổng thống thứ hai của ông trở thành một cú lao đầu xuống đất thân bại danh liệt.

CHƯƠNG 5:

MONTICELLO: 1816-1826

Tôi thích những giấc mơ về tương lai hơn là lịch sử của quá khứ.

JEFFERSON GỬI JOHN ADAMS

Ngày 1 tháng 8 năm 1816

Tôi lấy làm tiếc rằng giờ đây niềm tin trong tôi đã chết, rằng sự hy sinh vô ích của thế hệ năm 1776... đã bị vứt bỏ bởi những đam mê thiếu khôn ngoan và không xứng đáng của đám con cháu, và niềm an ủi duy nhất của tôi là, tôi sống không phải để khóc than về điều đó.

JEFFERSON GỬI JOHN HOLMES

Ngày 22 tháng 4 năm 1820

Những vị khách ghé thăm ngài cựu tổng thống trong 10 năm cuối đời của ông có thể thoáng thấy ông ngồi trên lưng con ngựa yêu thích của mình, Eagle, trong hai hoặc ba giờ đồng hồ, băng qua những cánh đồng và khu rừng xung quanh Monticello vào hầu hết đầu các buổi chiều. Thời gian, theo một cách không thể tránh được, đã từng chút một lấy đi từ cơ thể già nua của ông, rồi sự mất mát ấy tích tụ ở từng khớp xương và huyết mạch của người thanh niên một thời trai tráng. Sự mất khả năng kéo dài đã khiến cho việc phải đứng dậy khi đang ngồi trên ghế hay tản bộ qua khu vườn trở nên khó khăn; tuy nhiên, vì một lý do nào đó, dường như biến mất hoàn toàn khi ông leo lên lưng ngựa. (Năm 1809, ở tuổi 65,

lần cuối cùng ông cưỡi ngựa từ Washington về nhà để nghỉ hưu mà không cần bất kỳ sự trợ giúp nào và thậm chí, ở tám tiếng đồng hồ sau cùng, ông đã vật lộn vượt qua cơn bão tuyết). Vì Eagle cũng già đi như ông và trở thành Eagle Già nên các thành viên gia đình lo lắng rằng những chuyến đi đơn thương độc mã vào mỗi buổi chiều như vậy sẽ khiến cả người và ngựa gặp bất trắc. Nhưng Jefferson đã bỏ qua những lời cảnh báo như vậy, và giải thích rằng, mặc dù ông là một ông già trên đôi chân của mình, nhưng trên yên ngựa ông vẫn là một thanh niên trai tráng. Ngay cả khi ông bị ngã gãy tay từ cầu thang sau tòa Monticello vào năm 1822, ông vẫn khẳng khái đòi cưỡi ngựa hằng ngày. Ông sai người mang Eagle Già lên bậc thêm để ông có thể leo lên lưng nó dễ dàng hơn, nhẹ nhàng ngồi vào yên với cánh tay lành của mình trong khi con ngựa kiên nhẫn dựa vào tường hiên, rồi ở tư thế lưng thẳng tắp của một người sinh ra để cưỡi ngựa, ung dung lên đường như một nhà quý tộc bẩm sinh đang cố giữ cuộc hẹn với số phận.

Chúng ta biết về vẻ ngoài và chế độ sinh hoạt hằng ngày của Jefferson trong 10 năm cuối đời nhiều hơn bất kỳ giai đoạn nào khác trong cuộc đời ông. Sau tất cả, ông là một thành viên nổi bật của thế hệ sáng lập nước Mỹ, rõ ràng đã được định mệnh sắp đặt một vị trí trong sử sách, để du khách cảm thấy một sự thôi thúc đặc biệt phải ghi lại ấn tượng về Nhà thông thái của Monticello cho hậu thế. Sự tàn phá không thể cưỡng lại của quá trình lão hóa cũng buộc Jefferson phải ghi nhận những thực tế về cơ thể và sức khỏe của ông dù ông từng lãnh cảm với chúng. Đến tận lúc cuối, ông vẫn có tính nghi ngờ cố hữu với tất cả các bác sĩ, và tuyên bố rằng bất cứ khi nào ông thấy ba bác sĩ với nhau, “ông sẽ nhìn lên xem có con kền kền nào gần đó không”. Tuy nhiên, ông cũng thừa nhận, theo như lời ông nói với Adams, rằng “cỗ máy của chúng ta hiện nay đã chạy được 70 hoặc 80 năm rồi, và chúng ta biết nó sẽ bị hao mòn

đi, nay thì trực, mai thì bánh xe, giờ là bánh răng, sau lại đến lò xo, lần lượt sẽ bị hỏng”.

Tranh luận khi xưa về màu tóc của ông là màu đỏ hay vàng hoe, giờ đã thay bằng lời mô tả chung của gia đình và bạn bè ông rằng nó đã chuyển sang màu xám. Ông cũng cắt tóc ngắn hơn, bỏ phần đuôi sam sau lưng, phần vì dễ chăm sóc hơn, phần vì một tóc dài có vẻ bắt đầu lỗi thời. Khi đi ra ngoài hoặc cưỡi ngựa, ông thường đội một chiếc mũ lớn, tròn, rộng vành để tránh ánh nắng chiếu vào mặt. Dù vậy, da mặt ông vẫn đầy chấm đồi mồi và thường bị tróc ra do tiếp xúc với ánh nắng; các mao mạch nằm sát dưới da dễ vỡ, khiến khuôn mặt ông loang lổ; xét cả về mặt sinh học lẫn tâm lý học, ông là người da mỏng. Chứng tiêu chảy và rối loạn đường ruột tái phát khiến ông trở nên tiêu tụy - cuối cùng, chính căn bệnh này đã cướp đi sinh mạng của ông - nên phần lớn thời gian, ông cần dùng gậy để đi lại, và người hầu da đen trung thành của ông, Burwell, kế nhiệm Jupiter và James Hemings, luôn đi cùng ông, trừ những chuyến cưỡi ngựa buổi chiều. Ông vẫn đứng khá thẳng dù phải dùng gậy, mặc dù, một số vị khách nhận thấy đầu và cổ của ông bây giờ nghiêng về phía trước, như thể ông luôn tựa vào gió.

Khi các vị khách cùng ông đi tham quan, họ thường thể hiện sự ngạc nhiên trước cách nói đầy say mê và sinh động cũng như tốc độ nói chuyện của ông, thường dài ngắn khác nhau và đi kèm với một cái nhún vai nhấn mạnh cùng động tác vung cánh tay dài với bàn tay lớn. Một người bán sách lưu động, rõ ràng mong đợi một thái độ điềm tĩnh và khắc kỷ hơn, đã mô tả ông giống như “một đảng viên hơn là một nhà triết học”. Lối ăn mặc thoải mái được Jefferson yêu thích cũng làm một số vị khách viếng thăm bất ngờ. Ông thường mặc một chiếc vest sáng màu (thường là màu đỏ) bên dưới một chiếc ghi-lê xám kết hợp cùng một chiếc tây hoặc quần nhung lưng búng, và hai ống quần được nhét vào đôi

bốt cưới ngựa. Nói cách khác, ông ăn mặc giống như một chủ đồn điền Virginia đang làm việc hơn là một cựu chính khách hoặc một biểu tượng quốc gia đầy cảm hứng. Dù có làn da loang lổ và thường phải chống gậy, dù có sự khác biệt giữa thái độ lãnh đạm của ông và những kỳ vọng về ông như một vị thần, hầu hết mọi người xung quanh đều nhận xét rằng Jefferson có ngoại hình tương đối trẻ trung, ở tuổi 80, ông trông như 60 tuổi.

Chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt hằng ngày của ông vẫn theo lối cũ. Ông ăn rất ít thịt đỏ, thích rau củ, thịt gia cầm và các loại hải sản có vỏ, mặc dù các loại hải sản thường không phù hợp với hệ tiêu hóa của ông. Ông uống cà phê và trà vào bữa sáng, rượu mạch nha và rượu táo vào bữa tối. Trong khi tránh tất cả các loại rượu mạnh, ông lại thường thức ba hoặc bốn ly rượu vang mỗi ngày. Ông thức giấc cùng Mặt trời bất kể mùa nào trong năm. Ông thường dành năm đến tám tiếng để ngủ, độ dài tùy thuộc vào giờ giấc nghỉ ngơi, mà giờ giấc này lại phụ thuộc vào chất lượng của cuộc trò chuyện khi có khách viếng thăm hoặc mức độ hứng thú của ông với cuốn sách ông đọc tối hôm đó. Ông ngâm chân trong nước lạnh vào mỗi buổi sáng, dành phần đầu giờ sáng cho thư từ và công việc vườn tược, cưới ngựa mỗi chiều, trò chuyện với gia đình và khách đến thăm từ bữa tối cho đến đêm. Thính giác của ông vẫn rất tốt, ngoại trừ như ông vẫn nói, “khi một số tiếng nói cắt ngang nhau”, nghĩa là không phải lúc nào ông cũng theo kịp những cuộc trò chuyện trong bữa tối. Mắt ông nhìn xa rất tốt, nhưng ông phải dùng đến kính khi đọc sách, đặc biệt vào ban đêm.

Có những cảnh tượng vô cùng xúc động, giống như cảnh trong tranh vẽ nhưng có thêm âm thanh, được kể lại từ hồi tưởng của những đứa cháu ông. Giống như mô tả về những chuyến dã ngoại hằng ngày trên lưng Eagle Già, những cảnh tượng ấy dựng lại những khoảnh khắc hấp

dẫn nhất, mang đến cảm giác bình dị, và trong những tháng ngày nghỉ hưu, ông có thể bắt trọn khung cảnh thanh bình nơi thôn quê mà ông hằng theo đuổi trong suốt cuộc đời. Có một cảnh trong vườn nhà, ngay sau bữa sáng, bên cạnh Wormley, người làm vườn phụ trách thuổng cuốc của ông, Jefferson sắp xếp ngay ngắn các hàng hoa và rau bằng một thước đo hoặc cắt bớt phần nụ và lá bằng con dao tĩa. Hoặc có một cảnh khác trên sân thượng, sau bữa tối, khi Jefferson tổ chức thi chạy quanh nhà cho đám cháu, ông thả một chiếc khăn tay màu trắng làm hiệu lệnh xuất phát, sau đó những đứa nhỏ hơn và chậm hơn vẫn nhận được những miếng hoa quả như những đứa thắng cuộc.

Có hai sự xâm phạm nho nhỏ nhưng dai dẳng vào cảnh tượng thanh bình nơi thôn dã trên đỉnh núi, và cả hai sự xâm phạm này đều là hậu quả trực tiếp của việc Jefferson là một trong những người sống sót cuối cùng của năm 1776. Thứ nhất, dòng khách khứa, khách du lịch và những người theo phong cách Jefferson tự xưng đều đặn đổ về, gần như biến Monticello thành một khách sạn ít nhất tám tháng trong năm. “Tôi không cần phải nói cho bạn biết cửa nhà ông ấy rộng mở thế nào”, một khách tham quan kể lại vào năm 1815, “vì bạn cũng quá biết rằng ngọn núi của ông ấy giống như một kiểu thánh địa Mecca”. Các đại biểu Quốc hội, các chức sắc nước ngoài, đại diện của người da đỏ, các sĩ quan quân đội và hải quân đã nghỉ hưu, những nhà truyền giáo Tin Lành, những người bán sách lưu động, những chính khách Virginia đầy tham vọng - tất cả đều cảm thấy phải làm một chuyến hành hương đến Monticello. Một khi đến đó, một số lượng lớn đến đầu đầu những người này đã chọn cách xem sự hiếu khách của Jefferson như một lời mời đích danh vị khách này lưu lại vài ngày. Con gái của Martha, Ellen, nhớ lại rằng mẹ cô đôi khi phải phục vụ ăn uống và chăm lo cho 50 vị khách nghỉ lại qua đêm. Những người không hề quen biết, chỉ đơn giản là đi ngang qua,

dường như cũng tin rằng Monticello là một ngôi đền quốc gia nơi họ có thể coi là thánh đường. Họ thường nhìn qua cửa sổ khi gia đình đang ngồi ăn tối, đi thẳng vào hành lang trước nhà, bẻ những mẫu gạch hoặc gỗ làm quà lưu niệm, thậm chí là tham gia cùng đám khách mời uống trà hoặc rượu vang và chủ động bắt chuyện với vị tộc trưởng (Jefferson), thậm chí chính ông đôi khi cũng không chắc liệu mình đang tiếp một vị khách mời hay một kẻ chen ngang. Tới năm 1816, vì dòng khách khứa liên tục này đã gần như trở thành một cơn lũ, Jefferson quyết định, ba hoặc bốn lần một năm, rút lui về căn nhà của ông ở hạt Bedford, cách Monticello khoảng 90 dặm. Ông giám sát khâu hoàn thiện của công trình đã trở thành tổ ấm thứ hai của ông mang tên Poplar Forest, một nơi trú ngụ nhỏ hơn nhưng thậm chí còn đặc biệt hơn về mặt kiến trúc so với Monticello (Poplar Forest có hình bát giác hoàn hảo) và biến ngôi nhà thành nơi trú ẩn riêng của mình bất cứ khi nào Monticello bị quá tải.

Thứ hai, thư từ của ông đã trở thành một gánh nặng ghê gớm và tốn thời gian. Jefferson nhận được hơn 1.000 lá thư mỗi năm từ khi nghỉ hưu. Năm 1820, ông cố gắng lập con số chính xác và đếm được 1.267 lá thư riêng biệt, hầu hết từ những người ông không quen biết, rất nhiều thư đặt ra những câu hỏi lịch sử đòi hỏi những câu trả lời dài. Ông đã dành ba hoặc bốn tiếng đồng hồ mỗi buổi sáng để cố gắng trả lời thư, sau đó ông sẽ quay lại bàn làm việc trước khi đi ngủ. “Liệu đây có phải cuộc sống không nhỉ?”, ông hỏi Adams, và tự trả lời câu hỏi đó bằng cách mô tả mình là “một con ngựa kéo cối xay, mà chỉ có cái chết mới giúp nó thoát khỏi vòng quay”. Adams bày tỏ cảm thông với những gì mà Jefferson gọi là “trọng trách thư tín”, lưu ý một cách tinh nghịch rằng ông không gặp phải vấn đề của Jefferson bởi ông đã tiên tri được điều này và làm cho mình trở nên khó ưa. Hơn nữa, như Adams giải thích,

ông chỉ đơn giản là bỏ qua việc trả lời những lá thư từ những kẻ lập dị và người lạ có ý tốt, để ông có thể cống hiến sức lực còn lại của mình cho những lá thư quan trọng, nhất là thư của chính ông, Jefferson.

Nhưng khiêu hài hước của Adams lại không có tác dụng với Jefferson, người mà bằng cách nào đó luôn cảm thấy phải có trách nhiệm trả lời từng lá thư. Madison khuyên ông nên chuẩn bị sẵn một mẫu thư, “một lời đáp tiêu chuẩn mà gia đình có thể gửi đi để bày tỏ lòng biết ơn”, nhưng ông không làm theo được. Đặc biệt là sau khi bệnh viêm khớp ở cổ tay và các ngón tay của ông chuyển biến nặng hơn theo với tuổi tác, ông phàn nàn rằng “việc viết lách nhàm chán không ngừng làm tôi đau đớn và dễ nổi nóng”. Chỉ vài tháng trước khi qua đời, ông than thở rằng việc ông thoát khỏi bàn viết hay không phụ thuộc vào “hy vọng cho đến nay vẫn ảo tưởng rằng những người không liên quan gì đến tôi, sau một thời gian, sẽ tính đến tình trạng tuổi tác và bệnh tật của tôi, mà cảm thấy cần phải buông tha cho cả hai thứ này”. Nhưng sự việc lại không diễn ra như vậy. Ông đã không tài nào buộc được cả những người hành hương táo bạo tới Monticello hay vô vàn những lá thư từ khắp cả nước tôn trọng sự riêng tư của ông và để ông yên. Là một huyền thoại sống, ông đã trở thành tài sản công.

Ông tuyên bố rằng có một người quen bí ẩn mà ông sẵn sàng gặp tại Monticello bất cứ lúc nào. Viễn cảnh về cái chết không làm ông sợ hãi bằng cái mà ông gọi là “tuổi già lắm cảm”. Ông đã nói với bạn bè, trong hơn 20 năm qua, rằng cơ thể ông khỏe mạnh đến mức đôi khi ông lo mình sẽ sống quá lâu. Sự sợ hãi tột cùng là tình trạng lão suy mà Adams gọi là “chết ở trên đỉnh”. Tình trạng đáng lo ngại không kém là sự thoái hóa dần dần của cơ thể khiến ông mất đi vẻ ngoài tự chủ và chủ quyền cá nhân. (Một lý do ông coi trọng chuyến đi hằng ngày trên lưng Eagle Già là vì nó tượng trưng cho sự sống còn của tinh thần độc lập nơi ông). Cuối

cùng, có một cách hiểu đặc trưng kiểu Jefferson rằng ta không nên lưu luyến quá lâu khoảng thời gian dành cho thế hệ của ta, rằng ta có nghĩa vụ gần như thuộc về phạm trù đạo đức, đó là dọn dẹp mặt bằng cho thế hệ tiếp theo bằng cách đặt mình bên dưới mặt bằng ấy. “Tôi là người tiếp theo”, ông viết cho tình cũ của mình là Maria Cosway vào năm 1820, “và tôi sẽ đón nhận số phận bằng thiện chí; và sau khi tất cả bạn bè của tôi đã ra đi trước tôi, và cả những năng lực của tôi cũng ra đi, lần lượt từng thứ, thì tại sao tôi lại phải níu kéo cuộc sống, trong tình trạng thực vật, giống như một thân cây đơn độc trên cánh đồng hoang vu, nơi tất cả bè bạn trước đây đã không còn”.

Cảm giác sống quá thời này ở Jefferson càng tăng lên theo số tuổi của ông. Vào năm trước khi ông qua đời, Jefferson tuyên bố rằng nhìn lại cuộc sống của ông “giống như nhìn vào một bãi chiến trường. Tất cả, tất cả đã chết! và tôi còn lại một mình giữa một thế hệ mới mà tôi không biết họ, và họ cũng chẳng biết tôi”.

Một cảnh đáng nhớ đã chứng minh điểm này một cách tương đối rõ rệt về mặt hình ảnh. Năm 1824, Lafayette có chuyến thăm cuối cùng đến Mỹ, và dĩ nhiên đã lên kế hoạch hẹn gặp Nhà thông thái của Monticello. Một đoàn hộ tống gồm 120 kỵ sĩ và một đám đông 200 người xem đi cùng Lafayette lên núi để chứng kiến màn hội ngộ của những người đồng chí cũ. Madison mô tả vị tướng “có sức khỏe tốt và tinh thần phấn chấn, nhưng phát tướng nhiều và thay đổi theo khía cạnh mà tôi trước giờ không hề biết tới”. (Lafayette bị giam nhiều năm trong ngục tối ở Thụy Sĩ, bị những kẻ cực đoan cầm tù vì đứng về phe ôn hòa trong Cách mạng Pháp, rồi bị béo phì sau khi được thả). Trong khi đó Lafayette mô tả Jefferson “yếu ớt và già đi nhiều”, mặc dù “tâm trí và trái tim ông ấy vẫn tràn trề sức sống”. Trong lúc hai con người đáng kính lớn tuổi ấy lão đảo bước lại ôm nhau trước đám đông, những nhân chứng khẳng định họ đã

nhìn thấy hai con ma từ một thời đại đã qua hiện hình lần cuối, vì lợi ích của thế hệ hiện tại. Với mong mỗi biến Jefferson thành một biểu tượng lịch sử, thật khó xử khi ta nhận ra rằng ông vẫn còn sống.

Hoặc một cảnh mang tính biểu tượng cao nhưng đáng sợ vào năm sau đó, 1825, khi Jefferson đồng ý ngồi để làm “mặt nạ sống”, sẽ cho phép hậu thế có được một chân dung đáng tin cậy về người anh hùng nước Mỹ, nó dựng lại hình tượng của biểu tượng sống khi sử dụng một kỹ thuật đặc biệt được thiết kế để chuyển sự diễn giải nghệ thuật thành hình dạng và đường nét thực tế của khuôn mặt. Nhà điêu khắc người Mỹ John Henri Browere đổ liên tiếp nhiều lớp thạch cao bí ẩn lên đầu Jefferson, nhưng chất lỏng này khô và cứng lại nhanh hơn so với dự kiến, khiến Jefferson cảm thấy cực kỳ khó chịu và buộc Browere, như cách nói của Jefferson là, “thoải mái dùng vồ và đục để đập vỡ cái mặt nạ thành nhiều miếng” với những cú đập mạnh và liên tục đến nỗi “một con rùa cũng cảm nhận được...” Trải nghiệm này đã thuyết phục Jefferson “nói lời từ biệt với những bức tượng bán thân và kể cả những bức chân dung”. Ngoài việc minh họa quan niệm phổ biến về Jefferson như một di tích sống của quá khứ Mỹ huy hoàng, sự cố Browere vô tình báo hiệu các vấn đề sau này trong trường hợp có ai đó định thiết lập một mối liên hệ chặt chẽ giữa hình ảnh của Jefferson và con người thật sự của ông. Ngay cả khuôn thạch cao của Browere cũng dựa vào những mảnh vỡ được ghép lại từ chiếc “mặt nạ sống” bị đập bể. Giống như chính con người ông, ngay cả khuôn mặt của Jefferson cũng dường như chống lại những mô tả thực tế.

Nhưng việc phác họa lại một cách trung thực những khoảnh khắc mang tính biểu trưng - khi ông cưỡi trên lưng Eagle Già, đón Lafayette, chịu đựng những kỹ thuật lưu giữ của Browere - chỉ cung cấp cho chúng ta cái nhìn thoáng qua về con người thật của Jefferson ở giai đoạn về già của ông. Những cảnh như vậy cũng cắt gọt, và do đó đã bóp méo với ý tốt,

giai đoạn tiến hóa cuối cùng của Jefferson trong khoảng 10 năm, khi mà mặc dù có những cuộc đột nhập dai dẳng của du khách và nỗi đau dai dẳng không kém của tuổi tác, ông vẫn tận hưởng di sản của mình một cách thoải mái và trọn vẹn hơn so với bất kỳ thời điểm nào khác trong đời. Một cảnh tượng cuối cùng, mặc dù chỉ là một cái nhìn thoáng qua nhất thời, đem lại cho ta có lẽ là góc độ tốt nhất để từ đó nắm bắt được tình trạng tâm lý của Jefferson trong suốt thập niên cuối cùng của ông bằng cách cung cấp một đầu mối cho những mối quan tâm luôn hiện hữu trong tâm trí và trái tim ông.

Đó là buổi sáng cuối cùng trong đời ông, như thể ý trời đã định, vào ngày 4 tháng 7 năm 1826, kỷ niệm 50 năm ngày công bố Tuyên ngôn Độc lập. Ông rơi vào tình trạng hôn mê từ tối hôm trước, và khi tỉnh dậy, ông đã hỏi bác sĩ và những người trong gia đình ông có mặt bên giường bệnh, “Hôm nay có phải Ngày 4 không?” Tất cả đều thấy rõ, kể cả ông, rằng đây sẽ là trận ốm cuối cùng của ông, và trong vài ngày, khách khứa và gia đình đã tỏ lòng tôn kính, ghi nhận sự kiên định của tinh thần độc lập nơi ông; đêm đến, ông khẳng khẳng chỉ để một mình Burwell mà ông tin cậy bên cạnh, còn ban ngày ông sẽ tự đuổi ruồi. Lời cầu nguyện của cả gia đình rằng ông có thể cầm cự đến Ngày 4 đã được ứng nghiệm, mặc dù trong những thời khắc cuối đời, ông đã không còn biết gì nữa. Ông có động đậy một chút, lẩm bảm điều gì đó mà cả bác sĩ và gia đình đều không thể hiểu được, cho đến khi Burwell, người duy nhất hiểu được những gì ông chủ của mình đang yêu cầu, bước về phía trước để điều chỉnh gối. Yêu cầu cuối cùng của ông, trên thực tế đã được đáp ứng bởi một nô lệ, giống hệt như ký ức đầu tiên của ông, ít nhất là theo truyền thuyết, khi còn nhỏ được một nô lệ đặt lên một chiếc gối để đem đi. Những âm thanh cuối cùng của ông là những lời lan man nửa tỉnh nửa mê, rõ ràng là dựa trên những giấc mơ của ông. Ông trở lại thập niên

1770, chỉ đạo cho ủy ban An toàn về sự cần thiết phải cứng rắn trước chế độ độc tài Anh. Ông ra đi lúc xế trưa ngày 4 tháng 7, trong lúc hồi tưởng về những năm đầu hỗn loạn của Cách mạng Mỹ. Điều này vừa đau xót vừa mang tính biểu tượng. Đối với ý nghĩa của Cách mạng Mỹ - vai trò cá nhân và ý thức không lay chuyển của ông về ý nghĩa của cách mạng đối với hậu thế - cũng là nỗi ám ảnh trung tâm của ông trong suốt thập niên cuối cùng ông nghỉ hưu.

NGÔN TỪ VÀ ÂM NHẠC

Mặc dù theo định nghĩa, nỗi ám ảnh không cần bất cứ sự thúc giục nào, nhưng trong trường hợp của Jefferson, rất nhiều lần ông nhìn lại là do có một sự thúc giục, cũng có thể nói là sự đốc thúc điên cuồng của John Adams. Khi nhìn lại, việc nói lại thư từ giữa hai vị tộc trưởng dường như là việc không thể tránh khỏi. “Ngài và tôi không nên chết”, như Adams đã rất hùng hồn nói, “trước khi Chúng ta giải thích được cho nhau”. Nhưng trong nhiều năm, điều mà giờ đây có vẻ không thể tránh khỏi và gần như bi thương thì lúc đó lại là hoàn toàn không thể. Chiến thắng sát sao của Jefferson trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1800 đã đẩy Adams về nghỉ hưu tại Quincy, nơi ông đã dành gần 12 năm đắm mình, biểu lộ sự đau đớn và co rúm trong sự oán giận hầu như không bị kìm nén, sau đó bắt đầu tiến hành theo phong cách Adams hiệu quả nhất của mình, nã một loạt ngôn từ công kích vào tất cả những kẻ thù chính trị của ông, trong đó có Jefferson. “Ngài Jefferson có lý do để nhìn lại mình”, Adams nhận xét một cách căm ghét về việc Jefferson từ chức tổng thống. “Tôi không biết làm thế nào ông ấy rũ bỏ được sự hối hận về hành động từ chức của mình. Ông ấy phải biết rằng mình rời bỏ chính phủ trong tình trạng chắc chắn là tồi tệ hơn khi ông ấy tiếp nhận nó, và đó là lỗi của ông ấy hoặc sự thiếu hiểu biết của chính ông ấy. Tuy vậy, tôi mong rằng những chiếc kính thiên văn và các công cụ toán học của ông

ấy có thể bảo vệ được hạnh phúc của ông ấy”. Adams có một cách vừa biểu lộ sự tức giận sâu xa đối với Jefferson vừa cố gắng phủ nhận sự tồn tại của nỗi tức giận này. “Tôi không thù hận ông ấy”, ông giải thích cho Benjamin Rush, “mặc dù ông ấy đã vinh danh và trả lương cho gần như mọi nhân vật phản diện, như ông ấy có thể nhận thấy, đã từng là kẻ thù của tôi”.

Câu nói cuối cùng này nhằm ám chỉ chiến dịch tuyên truyền của phe Cộng hòa chống lại Adams trong nhiệm kỳ tổng thống của ông, chủ yếu là những cáo buộc bôi nhọ của James Callender trong cuốn *Viễn cảnh trước mắt ta*, mà Jefferson trong thực tế đã trợ cấp và thông qua. Cuốn sách mô tả Adams là một công cụ vô ích (đúng), thiếu cân bằng một cách nguy hiểm (bóp méo một cách phóng đại sự thật) và quân chủ ngấm (chủ yếu là không đúng sự thật) của sự tham nhũng Liên bang (hoàn toàn không đúng sự thật). Jefferson đã thực hiện một nỗ lực chung nhằm mở lại đường dây liên lạc với Nhà thông thái của Quincy năm 1804, thử một tuyến đường gián tiếp thông qua Abigail. Nhưng ông đã mắc một sai lầm gấp đôi khi nhắc đến sự tức giận của ông đối với Adams về việc bỏ nhiệm những thẩm phán nửa đêm và sau đó tuyên bố hoàn toàn không biết gì về vụ Callender. Abigail trả lời giống như một con sư tử cái bảo vệ đàn của nó. Jefferson đã từng là một người bạn đáng tin cậy, bà giải thích, và tình cảm còn sót lại “vẫn luôn tồn tại trong Trái tim, ngay cả khi sự quý trọng đã không còn nữa”. Nhưng bà không còn tôn trọng hoặc tin cậy một người có khả năng vừa đạo đức giả vừa tự dối mình, và bà thừa nhận bản thân có một ý thức riêng về công lý thơ mộng khi “con rắn bạn vẫn nâng niu và ủ ấm [tức Callender] lại quay ra cắn bàn tay đã nuôi dưỡng mình”, điều này ám chỉ các cáo buộc về Sally Hemings. “Vết thương mà người bạn gây ra vẫn còn đó”, bà nhận xét chua cay, sau đó tuyên bố không cần thư từ gì nữa. (Adams đã không đọc được bất kỳ lá thư nào

trong số này cho đến tận vài tháng sau, khi Abigail đưa chúng cho ông, và ông ghi nhanh bên lề: “Tôi không có nhận xét gì vào lúc này và tại nơi này”). Không có thêm trao đổi gì nữa giữa Quincy và Monticello trong tám năm sau đó.

Nếu Adams dành nhiều thời gian đến thế để liếm láp vết thương chính trị của mình, thì Jefferson cũng đang phải chịu một loạt thương tổn xảy ra với mình. Những đánh giá hà khắc của Adams về những năm sau này với tư cách là Tổng thống của Jefferson chỉ là một cách diễn tả dữ dội hơn của một bản án nhìn chung là tiêu cực. Những thứ đã từng diễn một cách bình yên trong nhiệm kỳ đầu tiên của ông dường như sụp đổ trong đống thảm họa bất hạnh ở nhiệm kỳ thứ hai. Nguyên nhân cơ bản của những thất bại này, hóa ra lại nằm trong chính những thành công trước đó, cụ thể là sự mâu thuẫn ở châu Âu giữa Anh và Pháp. Hòa bình tạm thời giữa hai đấu sĩ trợn đời này đã cho phép thương mại Mỹ phát triển cực thịnh từ năm 1800 đến năm 1803; điều này đã cho phép Jefferson, với sự hỗ trợ tuyệt vời của Gallatin, thực hiện trò làm phép chính trị, đó là vừa giải quyết khoản nợ vừa cắt giảm thuế. Ngay cả khi chiến tranh Anh-Pháp quay trở lại vào năm 1803, Jefferson và chính quyền của ông là những người hưởng lợi trực tiếp khi Napoleon quyết định làm giảm thiệt hại của mình ở Bắc Mỹ bằng cách bán lãnh thổ Louisiana với giá rẻ mạt. Nhưng việc nối lại cuộc chiến trên toàn Lục địa vào năm 1803, sau đó là việc áp đặt phong tỏa hải quân ở Đại Tây Dương và khu vực Caribe, đã khiến động cơ kinh tế của Mỹ bị đảo ngược. Sự tha thiết của Jefferson trong việc thắt lưng buộc bụng về tài chính khiên lực lượng hải quân non trẻ của Mỹ phải phơi khô ở trên bờ hoặc bị giải tán, thật sự là có rất ít lựa chọn chiến lược cho Jefferson trong lúc các tàu thương mại Mỹ bị tàu chiến Anh hoặc Pháp cuỗm mất ngoài khơi.

Câu trả lời của Jefferson trước những thách thức này là Đạo luật Cấm vận năm 1807, trong đó chủ yếu đóng cửa các cảng của Mỹ với mọi giao dịch thương mại với nước ngoài. Ý tưởng về lệnh cấm vận xuất phát từ Madison, người đã thuyết phục chính bản thân mình rằng đóng cửa các hoạt động xuất khẩu và thị trường nội địa của Mỹ sẽ buộc Anh và Pháp thay đổi chính sách của họ. Đây luôn là một ảo tưởng, nhưng lại được pha trộn rất hợp với tầm nhìn đạo đức của Jefferson, nghĩa là chỉ chăm chăm cắt đứt tất cả mối liên hệ đến những quốc gia nhượng nhiều, hiếu chiến của châu Âu. Kết quả là một tai họa nghiêm trọng đã giáng xuống nền kinh tế Mỹ, không những không có tác động rõ rệt đối với chính sách hay nền kinh tế của Anh hoặc Pháp mà còn buộc chính phủ liên bang phải dùng đến quyền cưỡng chế để thi hành lệnh cấm vận, do đó mâu thuẫn với nguyên tắc của Jefferson về chính phủ hạn chế. Tệ hơn nữa, trong lúc cuộc khủng hoảng quốc tế đang gia tăng, Jefferson đồng thời phải đối phó với khủng hoảng trong nước, với khả năng nghiêm trọng không kém khi Aaron Burr, cựu Phó Tổng thống của ông, bị bắt vì âm mưu khởi động một kế hoạch tham vọng một cách hoang đường - ngay cả ngày nay, những mục tiêu kỳ lạ của Burr vẫn thật khó hiểu - đó là tách một phần đáng kể của miền Tây Nam Mỹ để thành lập một quốc gia độc lập, và ở đó, Burr là vị bạo chúa nhân từ. Việc bắt giữ và cuối cùng là đưa ra xét xử Burr chỉ gây thêm khó khăn cho Jefferson, người háo hức được nhìn Burr bị kết tội phản quốc đến nỗi ông sẵn sàng vi phạm nguyên tắc hiến pháp căn bản để làm theo cách của mình, nhưng một lần nữa lại thấy cách thức ấy bị ngăn chặn bởi vị linh mục tối cao đại diện cho sự thách thức của phe Liên bang, đó là John Marshall bất khuất, người kết luận Burr không có tội.

Tổng kết lại, nhiệm kỳ đầu tiên của Jefferson vinh quang bao nhiêu thì nhiệm kỳ thứ hai của ông bất hạnh bấy nhiêu. Ông thông báo quyết

định tuân theo tiền lệ của Washington và nghỉ hưu sau hai nhiệm kỳ vào tháng 12 năm 1807, ngay khi Đạo luật Cấm vận được Quốc hội chấp thuận. Từ thời điểm đó trở đi, trong hơn một năm, ông chuyển giao tất cả các quyết định quan trọng cho Madison và Gallatin, theo cách ấy tạo ra một cảm giác trôi dạt trong chính sách của Mỹ đúng vào thời điểm lệnh cấm vận không được quần chúng ưa chuộng và nặng nề, đòi hỏi có sự điều hành. Có người buột miệng, thậm chí trong giới Cộng hòa, về việc Pontius Pilate muốn rũ sạch những trách nhiệm khó nhằn. Trong số những người Liên bang đã có những so sánh mang tính khiêu khích nực cười về việc Jefferson chuyển đổi một cách đáng hổ thẹn thành người lính Anh trong những ngày cuối từ vai trò Thống đốc ở cuộc cách mạng bang Virginia. Ông rõ ràng là một tổng thống hết thời. “Chưa bao giờ một tù nhân, được thoát khỏi xiềng xích”, ông nhận xét trước lễ nhậm chức của Madison, “cảm thấy nhẹ nhõm như tôi khi được rũ bỏ gông cùm quyền lực”.

Đó là một kết thúc không mấy dễ chịu và có phần trống rỗng với một người có hơn 40 năm phục vụ nhân dân hầu như không nghỉ. Như chính ông đã dự đoán trong Diễn văn Nhậm chức đầu tiên của mình, không người nào có khả năng rời khỏi văn phòng tổng thống mà giữ được uy tín như khi đặt chân vào đó. Với tất cả những lợi ích của việc nhìn nhận lại, giờ đây có thể dễ dàng thấy rằng những thất bại trong nhiệm kỳ thứ hai của ông có nguyên nhân bắt nguồn từ các cuộc chiến tranh Napoleon, và điều này nằm ngoài sự kiểm soát của Jefferson, hoặc dùng ra là của bất kỳ ai. May mắn ở thời kỳ đầu làm tổng thống của ông đơn giản là đã hết. Tuy nhiên, sự ám đạm ở giai đoạn cuối của nhiệm kỳ tổng thống đã phủ một màn sương mù lên cả quá trình; điều này giúp giải thích tại sao ông đã quyết định không liệt kê giai đoạn này trong sự nghiệp chính trị của mình trên bia mộ. Lúc đó ở Quincy, một ngày sau khi nhiệm kỳ của

Jefferson kết thúc, Adams viết thư cho Benjamin Rush, tuyên bố rằng ông đã biết trước tất cả những kết cục đáng thất vọng này. Nhưng ít nhất kết cục của ông với tư cách tổng thống, Adams ghi nhận, có tính chất rõ ràng và sắc nét của một thất bại trong bầu cử. Bất cứ ai cố gắng đọc bài kinh tạ ơn về nhiệm kỳ tổng thống của Jefferson cũng khó có thể tìm được lời nào để nói. “Jefferson đã hết thời và Madison đến với cuộc đời vào đúng 12 giờ đêm qua”, Adams đã nói đùa với Rush. “Ngài có thể vui lòng đánh một giấc ngủ, mơ thấy những lời chỉ dẫn của tôi và sự soi sáng tên tuổi Jefferson và chính quyền của ông ta không?” Tất nhiên, để an toàn thì nên nói “chỉ hậu thế mới có thể định đoạt”.

Cả Adams và Jefferson đều để ý đến sự phán xét của hậu thế, vì vậy có lẽ điều đầu tiên cần phải nhớ trong đầu khi chúng ta xem xét những thư từ hùng hồn trong mấy năm cuối đời của họ là họ không chỉ viết cho nhau mà còn viết cho hậu thế chúng ta. Adams liên tục bị Rush thúc giục phá vỡ sự im lặng giữa Quincy và Monticello trong nhiều năm, Rush tuyên bố rằng ông liên tục nằm mơ thấy hai vị tộc trưởng nổi lại quan hệ năm xưa, khi họ thành lập nên, theo cụm từ đáng nhớ của Rush, “cực Bắc và cực Nam của Cách mạng Mỹ”. Ban đầu Adams nói với Rush rằng giấc mơ đó giống như ác mộng với ông; Jefferson là một “cái bóng” bí ẩn, người có tính cách “giống như những con sông lớn êm ả ta không nhìn thấy đáy”.

Nhưng dần dần lớp băng tan chảy ở Quincy. Ông không áp ủ “oán giận hay thù địch chống lại Quý ngài ấy” và chắc chắn sẽ trả lời “nếu tôi nhận được thư của ông ấy..”, có nghĩa là Jefferson sẽ phải là người viết thư trước. Sau đó, Adams trở nên hết sức vui vẻ về vấn đề này, ông tuyên bố sẽ đổi tên bất động sản ở Quincy của ông thành “Montezillo”, một phiên bản thu nhỏ từ ngôi nhà lớn của Jefferson, tự hỏi thành tiếng với Rush những điều đã gây chia cắt giữa ông và Jefferson lúc đầu và kết luận

“rằng điều gây chia rẽ giữa Jefferson và tôi chính là kiểu tóc”. Ông thích tóc thẳng và Jefferson lại chuộng tóc quăn. Hay là ngược lại? Adams rõ ràng đang đi men về phía xích lại gần nhau.

Cuối cùng, vào ngày 1 tháng 1 năm 1812, ông đã có một bước đi mang tính quyết định với đôi lời nhắn nhủ chân tình, phản đối rằng sự hòa giải này chẳng có gì quan trọng hay mang tính lịch sử. “Jefferson luôn là một cậu bé với tôi”, ông nói đùa; “Tôi dám nói tôi là thầy dạy cậu ta về Chính trị và đã dạy cậu ta mọi thứ về cách ứng xử chính trị sao cho tốt và chính chu”. Làm thế nào một người lại có thể có ác cảm đối với đệ tử của chính mình? Adams ngụ ý rằng, sự khác biệt giữa hai người là sản phẩm của sự bóp méo cộng thêm phóng đại của những kẻ thù chung của họ, đặc biệt là Hamilton. Tình bạn ấy có thể được khôi phục dễ dàng bởi nó chưa bao giờ hoàn toàn mất đi. “Nó giống như việc một thủy thủ gặp một thủy thủ anh em, sau 25 năm vắng bóng”, Adams châm biếm, “và bắt chuyện với nhau, dạo này thế nào, Jack?” Tất cả những chuyện này đều nửa đùa nửa thật, và việc viện dẫn lý do hài hòa đã giúp Adams tránh được chuyện phải đối mặt với thực tế rằng ông đang với tay qua cái đã trở thành sự ngăn cách cá nhân và chính trị to lớn.

Trong quá trình suốt 14 năm sau đó, họ đã trao đổi 158 lá thư và tạo ra cái mà nhiều sử gia coi như là những ghi chép thư từ phong phú nhất giữa các chính khách nổi bật trong lịch sử Mỹ. Điều mà hầu hết các độc giả ngày nay cảm nhận được trong những bức thư này là một giọng điệu bi thương và sự thanh thản cảm động của hai phiên bản nhà triết học kiêm đấng quân vương của Mỹ, đang trầm ngâm thành tiếng với nhau tất cả các chủ đề vượt thời gian, đôi khi khẩu chiến với nhau để giành giải hùng biện như hai cậu học sinh khôn sớm. “Tính khí của tôi là lạc quan”, Jefferson viết năm 1816. “Tôi điều khiển con tàu tiếng nói với Hy vọng nơi đầu tàu, để lại Nỗi sợ hãi nơi đuôi tàu”. Adams đáp lại hiền từ: “Tôi

ngưỡng mộ khả năng điều khiển của ngài và muốn gióng buồm đi cùng ngài, dù trên con tàu tiếng nói của ngài hay của tôi, sát cánh bên ngài; đặt Hy vọng với Phù hiệu vui vẻ của mình bày ra ở Mũi tàu; để Sợ hãi với đám Yêu quái của nó ở cuối tàu”. Và rồi cả hai còn nhại theo phong cách Cicero. “Nhưng tính ba hoa người già đang dẫn tôi đến đâu đây?” Jefferson hỏi tu từ: “Tới chính trị, nơi rút cục tôi đã ra đi... Tôi đã từ bỏ báo chí để đổi lấy Tacitus và Thucydides, Newton và Euclid; và tôi thấy mình hạnh phúc hơn”. Adams trả lời bằng cách phô diễn hỏa lực văn chương của mình: “Tôi đã đọc Thucydides và Tacitus thường xuyên, và lâu đến nỗi cảm thấy mệt mỏi với phong cách thanh lịch, sâu sắc và mê hoặc của họ”; ông nói đùa rằng “Tính ba hoa người già của tôi hơn cả cả trả đũa ‘tính ba hoa người già’ của ngài” và sau đó kết thúc bằng một lối thăng hoa gần như theo kiểu Jefferson trong phong cách lặp âm: “Dù một tộc trưởng cái kinh có nói gì đi nữa, tôi chưa bao giờ thấy ngày mà tôi có thể nói rằng tôi không cảm thấy Vinh hạnh; hoặc là tôi có nhiều Niềm đau hơn Vinh hạnh”.

Họ thích thú và phấn khích một cách có ý thức khi viết cho nhau về một loạt các chủ đề an toàn: quá trình lão hóa; vẻ đẹp và sự mục nát của Ki-tô giáo; các nhân vật kỳ lạ và đôi khi điên rồ - những người khách không mời mà tới thăm vị Tổng thống bận rộn (Adams tuyên bố rằng bất cứ khi nào những nhà tiên tri tự xưng yêu cầu một cuộc phỏng vấn trong nhiệm kỳ tổng thống của ông, ông sẽ yêu cầu họ thực hiện phép lạ trước, do đó tránh được tất cả các cuộc gặp gỡ không cần thiết như vậy; những cuốn sách đáng đọc; sự phát triển ấn tượng của một ngôn ngữ bản địa Mỹ. Jefferson đặc biệt thăng thần về sự cần thiết của việc cho phép đưa những từ mới như “coi thường” (belittle) và “cách nói mới” (neologism) vào sử dụng. “Từ điển là nơi lưu trữ các từ ngữ đã được hợp thức hóa thông qua việc sử dụng chúng”, ông nhận định, và những cuộc trò

chuyện hằng ngày “là hội thảo, nơi những từ ngữ mới được tạo ra”. Adams hoàn toàn đồng ý, lập luận rằng họ nên phối hợp với nhau để phản đối chế độ độc tài Anh, lần này là bác bỏ sự kiểm soát độc tài của Anh đối với từ ngữ. “Chúng tôi không còn bị ràng buộc bởi từ điển của Johnson”, Adams nhận xét, “hay bởi... Luật Nhà thờ của Anh”.

Adams thừa nhận rằng từ ngữ là lĩnh vực đặc biệt của Jefferson. (Đó là một trong những lý do ông thích nói với bạn bè rằng ông đã đề nghị Jefferson trẻ tuổi soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập). “Chúng ta chẳng mấy chốc sẽ được đánh dấu sao”, Adams ghi nhận vào năm 1821, thêm là, “Sic transit Gloriola (có từ Latin như vậy sao?) Mundi”.⁽¹⁶⁾ Jefferson cũng đồng tình về số lượng ngày càng ít những người sống sót từ năm 1776, sau đó khẳng định rằng chính Cicero đã sử dụng từ “Gloriola”, có nghĩa là “chút vinh quang”, một mô tả khiêm tốn phù hợp xứng đáng với ông, Adams và những đồng chí cách mạng của họ. Adams đáp lại và dự đoán rằng Jefferson, “là người trẻ nhất và năng động nhất về mặt tâm trí cũng như thể xác”, sẽ là người sống sót cuối cùng. Giống như người cuối cùng đi ngủ trong nhà, nên Jefferson có trách nhiệm đóng lò sưởi lại “và cào tro trong đồng than...”

Đỉnh cao tình cảm trong loạt thư từ với tư cách một cuộc đối thoại cổ điển giữa hai vị tộc trưởng hòa giải là vào năm 1823. Trong những năm đầu khi mới nghỉ hưu, Adams đã viết một số bức thư trong đó lên án Jefferson về sự lừa dối và chỉ trích chính sách tổng thống của

⁽¹⁶⁾ Tạm dịch: Vinh quang chẳng mấy chốc sẽ qua đi. (ND)

ông. Khi một số bức thư này được đăng trên các báo vào năm 1823 mà không có sự cho phép của ông, Adams đã rất bối rối và lo lắng rằng chúng sẽ làm tổn hại tình bạn mới được phục hồi của hai người. Nhưng Jefferson đã có một phản ứng tuyệt vời trước tình huống này: “Hãy yên tâm, bạn thân mến”, ông viết, “rằng tôi không tài nào tiếp nhận nổi một ấn tượng, dù là nhỏ nhất, từ nỗ lực nhằm cắm gai nhọn lên chiếc gối tuổi tác, giá trị, và sự khôn ngoan, và gieo cỏ dại giữa những người bạn đã bên nhau trong gần nửa thế kỷ. Tôi khẩn cầu ngài đừng bắt tâm trí phải chịu đựng và lo lắng về những nỗ lực độc ác đầu độc sự thanh thản này, và cầu nguyện ngài sẽ ném sự lo lắng ấy đi bằng cách...” Adams vui mừng khôn xiết, đòi đọc to lá thư của Jefferson cho cả nhà cùng nghe tại bàn ăn sáng. Đó là “lá thư hay nhất từng được viết..., lá thư như tôi mong đợi, chỉ là nó được thể hiện hay hơn nhiều”. Ông kết thúc lá thư với loạt đạn theo phong cách điển hình của Adams chống lại “sự tuôn trào câu kính và phiến nhiễu của các chính khách... [những người] không đáng nhớ, chứ chưa nói đến chuyện là đáng quan tâm... Tôi xin trân trọng gửi lời chào tới tinh thần chiến đấu của ngài”, sau đó đã ký tên “J. A. đang ở tuổi 89 và vẫn quá béo nên không thể sống lâu hơn”.

Và như vậy, mặc dù cả hai người đều đang làm duyên cho hậu thế, lại có một sự thật đáng kể trong bức chân dung cổ điển của Adams và Jefferson với tư cách hai nhà hiền triết hội ngộ trò chuyện với nhau, và sau đó qua các thời đại nói chuyện với chúng ta, trong vai trò đặc biệt của họ với tư cách người Mỹ gốc. (ít nhất cũng rất khó để tìm được và cùng một thời điểm tiếng cười châm biếm bật ra, hai vị tổng thống đã nghỉ hưu trong lịch sử Mỹ mà lại tương đương nhau về năng lực văn chương và sự tinh tế về tri thức như vậy). Tuy nhiên, ở một bức tranh khác, có thêm một vài sự thật đặc biệt quan trọng đối với việc tìm hiểu tâm lý của Jefferson trong những năm cuối đời. Trong bức tranh này

Jefferson đang đứng thẳng người, cao lớn với cánh tay khoanh trước ngực như thường lệ, và Adams đang thoãn thoắt đi đi lại lại trước mặt ông, nói chuyện với phong cách một dặm một phút của mình, cứ định kỳ dừng lại tóm lấy vạt áo Jefferson để làm rõ quan điểm gây tranh cãi và sống động của mình. Thật sự là có rất nhiều việc còn dở dang giữa hai vị tộc trưởng, đặc biệt là nếu Adams đã nhất quyết tỏ ra nghiêm túc, như ông rõ ràng đang làm như thế, với niềm tin của mình rằng họ không được phép chết trước khi giải thích bản thân cho nhau. Adams có lẽ là người duy nhất trên thế giới có khả năng thách thức, thường với phong cách gây hấn đầy ngang ngạnh, niềm tin được trân trọng nhất của Jefferson về ý nghĩa thật sự của Cách mạng Mỹ.

Jefferson muốn phân biệt giữa một bên là tình cảm chân thật của mình dành cho Adams với tư cách một người đàn ông khôn ngoan và dũng cảm có tính cách không phải bàn cãi, một trong những thành viên của “nhóm huynh đệ” thời đầu, đã làm nên Cách mạng Mỹ, với một bên là bất đồng của ông với thương hiệu tư duy chính trị của Adams. Theo cách ông nói với Rush thì ông luôn bảo vệ tính cách của Adams “với ngoại lệ duy nhất liên quan đến quan điểm chính trị”. Nhưng xét đến sự kết hợp trọn vẹn của chính trị và cá tính trong con người Adams, thì đây giống như nói rằng một người luôn trung thành lắng nghe Giáo hoàng, trừ khi người đó lên tiếng về vấn đề đức tin và luân lý. Ngoài ra, Adams còn có ưu thế nhất định về tâm lý so với Jefferson do tuổi tác và kinh nghiệm của người đi trước trong từng vị trí mà hai người đều kinh qua: trong Quốc hội Lục địa ở thập niên 1770, châu Âu trong thập niên 1780, Phó Tổng thống những năm 1790, và sau đó là Tổng thống. Mặc dù Adams nói đùa khi ông mô tả Jefferson là đệ tử trẻ tuổi của mình, nhưng điều này chí ít cũng có một phần sự thật trong đó. Vì những lý do này, Jefferson có xu hướng vì nể Adams theo cách mà những người được ông

bảo hộ vì nể ông - Madison, Monroe, Gallatin. Hơn nữa, trong khi các nhà lãnh đạo phe Liên bang khác, chủ yếu là Hamilton và Marshall, là những kẻ thù thuần túy - người rõ ràng đứng hẳn một bên của ranh giới đạo đức trong tâm trí Jefferson với một bên là sức mạnh của ánh sáng và bên kia là sức mạnh của bóng tối, Adams dường như đứng ở cả hai bên lẫn ranh ấy, trong thực tế ông phủ nhận sự tồn tại của một lần ranh như vậy. Ông chỉ đơn giản là không thích hợp với bất kỳ hạng mục nào của Jefferson. Còn nữa, Adams có một văn phong dào dạt điên cuồng trong đó phản ánh chính xác thương hiệu trò chuyện nổi tiếng về tài mở khóa của mình, trong đó một ý tưởng nảy ra từ một ý tưởng khác ở góc độ không thể đoán trước và với tốc độ khiến cho khó có được ý niệm về một cuộc trao đổi thận trọng, mang tính ngoại giao và tránh né những chủ đề không an toàn vốn dĩ là không có khả năng.

Có lẽ điểm bất đồng rõ nhất giúp cho ta thấy hai người đàn ông đã đầu tư kỳ công thế nào trong việc định hình câu chuyện Cách mạng nhằm nâng cao danh tiếng của mình liên quan đến ký ức của hai người về Tuyên ngôn Độc lập. Khi tài liệu này lần đầu tiên được xuất bản và ra mắt thế giới vào năm 1776, chỉ có các đại biểu dự Quốc hội Lục địa mới biết rằng Jefferson là tác giả chính. Mãi đến giữa thập niên 1780, khi Jefferson ở Paris, người ta mới bắt đầu công nhận mối liên kết giữa từ ngữ của Tuyên ngôn với một cá nhân. Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo, khi Ngày 4 tháng 7 trở thành dịp kỷ niệm Quốc khánh, thì người ta mới bắt đầu chính thức liên hệ Jefferson với ngôn ngữ của Tuyên ngôn, và danh tiếng của ông cũng từ đó mà lên theo văn bản thiêng liêng này. Hành động chính thức cuối cùng với tư cách tổng thống của Madison là vào mùa xuân năm 1817, ông chọn ra bốn bức tranh của John Trumbull cho mái vòm Capitol Rotunda, những bức tranh đó đã được phục hồi sau vụ cháy do người Anh gây ra trong Chiến tranh năm 1812. Lựa chọn đầu

tiên là bức tranh Trumbull mô tả Jefferson bàn giao bản thảo Tuyên ngôn cho Chủ tịch Quốc hội Lục địa, đằng sau là Adams và các thành viên khác của Ban soạn thảo.

Có thể cảm nhận được cái tôi đau nhói của Adams đằng sau tất cả những than phiền của ông về tính biểu trưng của cảnh tượng này. Ví dụ như năm 1819, một tài liệu xuất hiện ở hạt Mecklenburg, Bắc Carolina, được cho là được viết vào tháng 3 năm 1775, hơn một năm trước khi Tuyên ngôn ra đời, và có lời văn giống với văn bản thiêng liêng một cách kỳ lạ. Hàm ý rõ ràng là nếu những nghị quyết Mecklenburg là thật, thì văn bản này đã phủ một bóng đêm lên tuyên bố của Jefferson về tính nguyên bản của Tuyên ngôn. Adams khá khiêu khích khi hỏi Jefferson liệu ông có biết tí gì về sự phát hiện đáng ngạc nhiên này không. Jefferson trả lời ngay lập tức, cho rằng những nghị quyết Mecklenburg gần như chắc chắn là một sự giả mạo, và ông chưa bao giờ nhìn thấy chúng. Mặc dù Adams đã viết lại cho Jefferson để nói rằng ông tin lời của Jefferson, nhưng ông lại đi nói với những người bạn khác điều ngược lại. “Tôi có thể tin ngay rằng một tá hoa tú cầu trước mắt tôi bây giờ chỉ là tình cờ”, ông buồn chuyện, “cũng giống như cách tôi tin rằng những nghị quyết Mecklenburg và bản tuyên ngôn của ông Jefferson không liên quan đến nhau”.

Tuy nhiên, nhìn chung Adams có xu hướng không đặt câu hỏi về tính xác thực trong sáng tác của Jefferson mà nhấn mạnh vào tầm quan trọng của quá trình soạn thảo hoặc thậm chí là của chính Tuyên ngôn. Trong phiên bản của Adams về câu chuyện này, lần đầu tiên được trình bày trong cuốn tự truyện của ông và sau đó chuyển tải trong những bức thư cho bất cứ ai có câu hỏi về vấn đề này, ban soạn thảo đã bổ nhiệm ông làm chủ tịch một tiểu ban gồm hai người là Jefferson và ông. Sau đó, ông đã giao phó công việc soạn thảo thật sự cho Jefferson. Khi phiên bản này

quay trở lại với Jefferson, ông ngay lập tức nhận ra rằng Adams đã cố gắng ăn cắp phần công trạng viết nên những từ ngữ kỳ diệu của ông (bạn có thể nghĩ theo hướng nhằm đẩy Adams lên vị trí phía trước trong bức chân dung của Trumbull), và ông nhanh chóng đưa ra một lời đáp lịch sự nhưng chắc nịch: “Bộ nhớ của ngài Adams đã dẫn ông ấy đến một lỗi lầm rõ ràng. Ở tuổi 88, và 47 năm sau ngày Độc lập, điều này chẳng có gì hay ho. Và tôi, ở tuổi 80, cũng không dám ỉ vào sự khác biệt tuổi tác để bộ nhớ của tôi chống đối lại của ngài ấy, nếu không có bằng chứng bằng văn bản do chính tay tôi viết ra tại thời điểm đó và ngay tại nơi đó”. Ghi chú của Jefferson, được ông đưa vào cuốn tự truyện của mình, cho thấy ông và Adams đích thực đã tham khảo ý kiến trước khi bắt đầu quá trình soạn thảo, nhưng việc tham khảo sau đó đã bị “nhớ sai thành hoạt động của một tiểu ban”. Không có sự hợp tác, thậm chí ở hình thức hành chính nào tại thời điểm sáng tạo. Jefferson đã cố gắng chối bỏ bất cứ cáo buộc nào liên quan đến tính độc đáo về mặt triết học trong Tuyên ngôn. Như Madison đã nói rất ngắn gọn về điều này, mục tiêu của Jefferson “là khẳng định không phát hiện ra sự thật, và để biến sự thật thành Hành động Cách mạng”. Nhưng để làm vậy, Jefferson khẳng định, ông đã hành động một mình.

Khi nhìn lại, có vẻ sẽ thật vụn vặt khi ta cứ đi sâu vào lịch sử chuyện này, nhưng sự kiện ấy đã mô tả rõ nét cách thức cả hai người công nhận đầy đủ tầm quan trọng mang tính biểu tượng mà Tuyên ngôn đã đạt được, ngay cả lúc họ đang sống, và do đó cũng mô tả luôn vị trí của họ trong ngôi đền vinh danh các vị thần nước Mỹ phụ thuộc nhiều đến đâu vào mối liên hệ của họ với việc tạo nên Tuyên ngôn. Đó là một thực tế làm Adams trần trở hơn bất cứ điều gì khác. “Liệu bao giờ sẽ có một đoạn cao trào, có tác động lớn như sự kiện Jefferson chấp bút cho Tuyên ngôn Độc lập hay không?” Ông hỏi Rush. Ông đủ thẳng thắn để nói với

Jefferson rằng ý nghĩa của Tuyên ngôn đã được nhiều người đánh giá quá cao; Tuyên ngôn chỉ giống như “trò bắn bi hoặc ném lon của trẻ con mà thôi... Chỉ là quần là áo lượt và đồ trang trí chứ không phải là Thể xác, Tâm hồn và bản chất”. Ông tuyên bố không ai tại Quốc hội Lục địa coi ngôn ngữ của Tuyên ngôn là một thứ gì khác hơn một tài liệu tuyên truyền hùng hồn. Tuyên ngôn chỉ đơn thuần là “một vở diễn sân khấu bên lề” mà các thế hệ tiếp theo đã biến thành sự kiện chính. Kết quả là, “Jefferson đã chạy theo hiệu ứng sân khấu... và tất cả vinh quang của nó”.

Vậy thì, câu chuyện thực về Cách mạng Mỹ là gì? Cả hai đều thống nhất rằng câu chuyện ấy có lẽ sẽ theo họ xuống mồ và không bao giờ tìm được đường đi vào sử sách. Adams thích lưu ý sự gia tăng đột ngột của những lời kể giả mạo đã làm nhiễu loạn các ghi chép và hồi ký tự viết, rằng như ông và Jefferson có thể làm chứng, đó là mấy phiên bản giả tưởng về những gì đã thật sự được nói ra trong các dãy hành lang và các cuộc họp riêng, nơi những quyết định thật sự được đưa ra. Jefferson đồng tình rằng chỉ những “sự kiện bên ngoài” mới đi vào các ghi chép lịch sử, và rằng “cuộc sống và tâm hồn của lịch sử mãi mãi không được phép biết đến”. Tuy nhiên, trong phiên bản của Adams về câu chuyện có thật, thời điểm đỉnh cao không phải là ngày 4 tháng 7 năm 1776, và tài liệu mang tính quyết định không phải là Tuyên ngôn Độc lập. Bản thân cuộc chiến đã bắt đầu nổ ra từ thời điểm đó. Hầu hết các đại biểu tham dự Quốc hội Lục địa coi Tuyên ngôn như một bản xác nhận mang tính nghi lễ về những gì đã xảy ra; giá trị thực tiễn chính của nó, ngoài việc công bố một kết cục khó tránh bằng ngôn ngữ trữ tình, là nhằm nâng cao triển vọng về một liên minh thời chiến với Pháp, và tất cả các nhà lãnh đạo cách mạng hiểu liên minh với Pháp là vấn đề cấp bách lúc bấy giờ. Tuyên ngôn của Jefferson giống như sấm sét trong một cơn bão; Tuyên ngôn ấy gây ra nhiều tiếng vang, nhưng sét đã lóe lên trước đó và có hiệu quả thật sự.

Đối với Adams, thời điểm đỉnh cao đã xảy ra vào ngày 15 tháng 5 năm 1776, khi Quốc hội Lục địa thông qua một nghị quyết - không tình cờ cho lắm, vì ông đã đề xuất điều đó - kêu gọi đưa ra hiến pháp mới tại mỗi bang. Đây chính là hành động mang tính quyết định, như cách Adams nhìn nhận, vì ba lý do: Thứ nhất, đó là quyết định đòi hỏi phải tạo ra một Chính phủ Mỹ riêng biệt và độc lập; thứ hai, nghị quyết quy định rằng mỗi bang nhóm họp để soạn thảo hiến pháp của từng bang, do đó ủng hộ học thuyết về chủ quyền phổ biến, ý tưởng thiêng liêng rằng “nhân dân là nguồn cội của tất cả chính quyền và gốc gác của tất cả quyền lực”; thứ ba, và đáng chú ý nhất trong phiên bản của Adams, điều này có nghĩa Cách mạng Mỹ là một cam kết có trách nhiệm và tích cực với các hình thức mới của kỷ luật chính trị, chứ không phải chỉ là một sự khẳng định vô trách nhiệm và tiêu cực của việc tách khỏi Anh dựa trên một lời hứa quyến rũ về sự giải phóng hoàn toàn. Theo Adams, Jefferson là một trong số ít, có lẽ là người duy nhất tham gia các cuộc tranh luận, coi ngôn ngữ trong phần quyền tự nhiên của Tuyên ngôn là một tuyên bố nghiêm túc về sự rũ bỏ sạch trơn và triệt để những khôn ngoan chính trị tích lũy từ quá khứ. Mặt khác, theo Jefferson, nếu Adams đã đúng, thì Cách mạng Mỹ thật sự không phải là một cuộc cách mạng.

Sự bất đồng về ý nghĩa của cuộc cách mạng cho thấy mối căng thẳng tiềm ẩn xuyên suốt những bức thư giữa Adams-Jefferson. Nó chưa bao giờ thể hiện ra ngoài dưới hình thức một cuộc trao đổi quan điểm đầy đủ và tự do, vì cả hai đều không muốn đặt sự hòa giải muộn màng của họ vào rủi ro. Những bắt buộc về mặt ngoại giao của cuộc đối thoại trên thực tế khiến hai vị tộc trưởng Mỹ không thể hoàn thành lời hứa của Adams và phân bua cho bản thân trước khi họ qua đời. Thật vậy, nếu Jefferson làm theo cách của mình, thì các chủ đề nhạy cảm sẽ được tránh nói đến hoàn toàn, phần vì ông ghét sự xung đột bao nhiêu thì Adams lại thích thú

điều đó bấy nhiêu, và phần vì tình cảm của ông với Adams quan trọng đối với ông hơn bất cứ sự giải thích nào về khác biệt chính trị giữa hai người. Kết quả là, thư từ của họ giống như những tuyên bố ngoại giao cấp cao mà các chuyên gia chính sách thường nghiên cứu khi tìm hiểu về sự im lặng được thai nghén và những ý nghĩa bị che giấu. Động lực trung tâm của cuộc đối thoại có xu hướng tuân theo một mô hình nhiều tập: Jefferson sẽ vô tình nêu lên một trong những vấn đề bất trắc và gây ra một loạt phản ứng bằng lời từ Adams, trong giây lát soi rọi sự khác biệt về ý thức hệ giữa họ; sau đó việc trao đổi sẽ trở lại kiểu bình dị của nó.

Một trong những tập như vậy trong thực tế đã xảy ra với chính thuật ngữ “hệ tư tưởng”. Đây là một trong những từ mới mà cả hai tin rằng nên được chấp nhận trong vốn từ vựng. Jefferson sử dụng từ này lần đầu tiên vào năm 1816, để ám chỉ các tác phẩm của Destutt de Tracy, một triết gia người Pháp đã truyền bá thuật ngữ này ở Pháp. “Thuật ngữ này có nghĩa là gì?” Adams hỏi. “Tôi rất thích thuật ngữ này, theo nguyên tắc Chung của niềm vui thích với mọi Điều Chúng ta không hiểu được. Có phải nó có nghĩa là Chủ nghĩa gốc gác không? Khoa học của Chủ nghĩa phi sáng suốt? Khoa học của Sự điên khùng?” Danh sách những định nghĩa lố bịch và hài hước của Adams kéo dài nhiều dòng, cùng với đề xuất mang tính châm chọc rằng vì từ này rõ ràng là một trong những từ tiếng Pháp mà Jefferson nay muốn chuyển lậ sang tiếng Mỹ, từ này phải có nghĩa vụ nộp thuế nhập khẩu. Nhưng dưới lớp đánh bóng hài hước, Adams muốn chuyển lậ vào cuộc đối thoại của ông với Jefferson một điểm cực kỳ nghiêm túc, cụ thể là phong cách tư duy chính trị của Jefferson “mắc nợ nhiều đến việc phát minh ra từ TƯ TƯỞNG” vì Jefferson nuôi dưỡng một tập hợp các ý tưởng hấp dẫn, như niềm tin vào sự hoàn thiện của con người hoặc bình đẳng xã hội, rằng niềm tin sai lầm của ông có thể được thực hiện trong thế giới này chỉ đơn thuần là vì

những niềm tin ấy tồn tại trong đầu ông. Đây là cách tư duy của người Pháp về chính trị, một tiên nghiệm và thói quen không tưởng ngầm của tư duy, mà như Adams nhớ lại thì ông và Jefferson đã gặp phải ở Paris hồi trước cách mạng trong các cuộc hội thoại với Lafayette, Turgot và Condorcet. Đó là một truyền thống trí tuệ mà Adams mô tả như là “trường phái điên rồ” vì sự nhầm lẫn có hệ thống giữa những gì người ta có thể tưởng tượng ra với những gì có trong thực tế và khả thi. Về cơ bản, ông đã cáo buộc Jefferson ôm ấp những giấc mơ hấp dẫn, sau đó buộc tội tất cả những lời phê bình về sự ngây thơ của Jefferson chính là kẻ thù của mục tiêu, trong khi trên thực tế, lời phê phán chỉ nhằm vào tính chất ảo tưởng của những giấc mơ ấy mà thôi. Đó là lời chỉ trích kinh điển của một người theo chủ nghĩa hiện thực dành cho một người theo chủ nghĩa lý tưởng.

Một vụ nổ khí có tính soi rọi khác xảy ra năm 1816, khi Jefferson, trong lúc cố gắng chứng minh một điểm vô hại rõ ràng rằng người ta không nên đắm mình trong nỗi đau, đã đặt một câu hỏi tu từ rằng “tác dụng của nỗi đau lên nền kinh tế [con người] là gì, và điều đó đem lại lợi ích gì...?” Adams tiếp tục bùng nổ trong một tràng “các công dụng của đau buồn”, một chủ đề mà ông tuyển bố mình là một trong những chuyên gia hàng đầu của Mỹ. Theo cách ông nhìn nhận, đau buồn là một cảm xúc con người quan trọng, trong đó “gọt giũa những Hiểu biết và Làm mềm lòng”. Đau khổ đối với thành tựu của con người giống như là cái gai đối với hoa hồng. Lẽ nào Jefferson chưa bao giờ nhận thấy rằng các bức chân dung hay tượng của tất cả những nhân vật vĩ đại trong lịch sử đều trưng ra khuôn mặt đầy nếp nhăn đau buồn? Jefferson đã cố gắng giương cờ trắng: “Với câu hỏi thật sự về Lợi ích của Đau buồn, vẫn chưa có câu trả lời nào được đưa ra. Ngài đã nói hết về chủ đề này rồi”. Nhưng Adams mới chỉ bắt đầu. Bên cạnh “những công dụng khác nhau của đau buồn”

còn có rất nhiều “sự lạm dụng đau buồn”, bao gồm - Jefferson chắc chắn có thể đánh giá được điều này - việc Hamilton lạm dụng danh tiếng của Washington để có được sự hỗ trợ cho các chương trình ngân hàng của mình. Hóa ra, đau buồn là một thứ cảm xúc đa diện và huy hoàng.

Jefferson đã cố gắng chống trả sự tấn công của Adams bằng một lập luận thông minh, rằng vì đau buồn được sử dụng và bị lạm dụng nhiều như nhau nên có lẽ hai việc đó bù trừ lẫn nhau và khiến cho toàn bộ đối tượng trở nên vô dụng. Adams hoàn toàn không đồng ý với quan điểm này. Nghiên cứu về tình cảm con người là nhiệm vụ cao nhất của chính khách, Adams tuyên bố: “Niềm đam mê của chúng tôi... sở hữu quá nhiều sự tinh tế siêu hình và hùng biện áp đảo, tới nỗi hai điều này luồn vào nhau và biến thành Hiểu biết và Lương tâm và chuyển đổi cả hai thành Đảng của họ...” Đức tin không gì lay chuyển được của Jefferson trong chiến thắng cuối cùng của lý tính con người đối với định kiến và mê tín dị đoan, như Adams thừa nhận, là một niềm hy vọng đáng ngưỡng mộ. Nhưng cái ông quan tâm, và như toàn bộ lịch sử cho thấy, là “có vẻ như Lý tính con người và Lương tâm con người, mặc dù tôi tin rằng có những điều như vậy, không Tương xứng với, Đam mê của con người, Tưởng tượng của con người và Sự nhiệt tình của con người”. Đó là cuộc tranh luận kinh điển giữa một người duy lý và một người duy nghiệm.

Cuối cùng có một sự trao đổi bền lâu và trực tiếp nhất về nguyên tắc chính trị trong toàn bộ thư từ. Jefferson vô tình bắt đầu với một tuyên bố quen thuộc, và hẳn là ông cho rằng nó hoàn toàn bình thường về tầm nhìn Jefferson đối với các đảng chính trị:

Những đảng phái chính trị giờ đây đang khuấy động nước Mỹ chính là những đảng phái đã tồn tại từ xưa tới nay. Sức mạnh của nhân dân hay sức mạnh của *tầng lớp quý tộc*, cái nào nên chiếm ưu thế

chính là những câu hỏi khiến các thành bang Hy Lạp và Rome mãi chìm trong biến động; vì giờ đây họ đang ly giáo tất cả những người mà tâm trí và miệng lưỡi vẫn chưa bị bạo chúa nhét giẻ... Đối với tôi dường như đã có sự khác biệt giữa các đảng phái... từ ngày đầu thành lập các chính phủ, cho đến ngày nay... mọi người đều theo phe ông ấy vì nhiều người, hoặc vì ít người.

Jefferson nhanh chóng nhận ra ông đã đi lang thang vào lãnh thổ chính trị nguy hiểm nhất. Trong công thức của Jefferson, tất cả lịch sử chính trị được coi là một cuộc đụng độ đạo đức giữa đa số nhân từ và giới tinh hoa chuyên chế, từ đó gán Adams và phe Liên bang vào vai trò như nhuốc của những kẻ bảo trợ tham nhũng cho số ít kẻ được hưởng đặc quyền, thách thức có hệ thống ý muốn của đa số người Mỹ. Rõ ràng, đây không phải là một quan điểm hùng biện làm cho Adams cảm thấy thoải mái hoặc chấp nhận được.

Ngay cả Nhà Thông thái xứ Quincy hùng hổ cũng cảm nhận được đây là một khu vực rải đầy mìn và đòi hỏi vô cùng thận trọng. Bản năng đầu tiên của ông là tìm kiếm một nơi trú ẩn an toàn. “Chính xác”, ông viết lại cho Jefferson; sự khác biệt giữa số ít và số nhiều quả là “xưa như Aristotle”, một lý do tại sao ông tuyên bố rằng chính trị, không giống như các ngành khoa học khác, “đã được hiểu rõ hơn một chút; thực hành tốt hơn một chút so với ba hoặc bốn nghìn năm trước đây”. Và nếu Jefferson định ám chỉ Cách mạng Mỹ đã cam kết gắn quốc gia mới vào các nguyên tắc của Locke về chủ quyền phổ biến, một học thuyết cho rằng tất cả quyền lực chính trị bắt nguồn từ nhân dân - thì hai người đã hoàn toàn đồng thuận. Tuy nhiên, cũng tại đây, Adams bắt đầu chạm vào những khối thuốc nổ chôn dưới tình bạn của họ, sự phân biệt đơn giản giữa một bên thuộc về đa số lành tính và bên kia thuộc về giới tinh hoa độc ác là

một cách nói hay hơn là một mô tả về thực tế chính trị. Nguy hiểm có thể đến từ nhiều hướng khác nhau, từ đa số cũng như thiểu số. “Điều khoản căn bản trong Tín điều chính trị của tôi”, Adams tuyên bố đầy thách thức, “là Chế độ chuyên quyền, hoặc Chủ quyền không giới hạn, hoặc Quyền lực tuyệt đối là như nhau dù nằm trong tay đa số của một Hội nhóm dân chúng, một Luật sư Quý tộc, một phe đảng chính trị đầu sỏ hay một Hoàng đế duy nhất”.

Nếu tiếp tục cuộc trao đổi này thì nguy cơ đe dọa tình bạn đối với cả hai người đều nghiêm trọng đến nỗi không ai theo đuổi kết luận logic trong thư từ giữa hai bên. Adams chuyển cuộc đối thoại sang vấn đề tài sản thế chấp, một đặc điểm của tầng lớp quý tộc, mà ông nhớ lại rằng Jefferson đã kêu gọi ông viết trong khoảng thời gian họ cùng nhau ở Paris, tuyên bố rằng ông “vẫn luôn viết về chủ đề này”, vấn đề duy nhất ở đây là “rất không may là tôi không làm người khác hiểu được mình”. Cốt lõi của quan điểm Adams là giới tinh hoa đã và sẽ luôn là một thứ cố định thường trực trong xã hội. Tại sao? Bởi vì “sự bất bình đẳng giữa Tâm trí và Thể xác đã được Chúa thiết lập trong hiến pháp của người về Bản chất Con người, rằng không một Nghệ thuật hay chính sách nào có thể hạ thấp sự bất bình đẳng ấy xuống một cấp độ được”. Adams tiếp tục viết một tràng dài và màu mè phản đối ảo tưởng về bình đẳng xã hội, kết luận rằng ông “chưa bao giờ cảm thấy Lý tính vô lý hơn, Phép ngụ ý biện thô tục hơn lao động tinh tế để chứng minh cho Tín điều Athanasian hoặc Sự biến thể... để thể hiện Sự bình đẳng Tự nhiên của Nhân loại”. Bây giờ Adams chính là người xâm phạm vào khu vực được nâng niu nhất của Jefferson, về cơ bản Adams gọi lý tưởng của Jefferson về bình đẳng của con người là một ảo tưởng quyến rũ trong đó nhằm lẫn đầy thách thức giữa một hy vọng đẹp đẽ (nghĩa là “hệ tư tưởng”) với thực tế xã hội lộn xộn và kém hấp dẫn hơn. Trên thực tế, ông đã buộc tội Jefferson nói cho

người Mỹ những gì họ muốn nghe, để lại cho Adams nhiệm vụ khó khăn hơn, đó là nói những gì họ cần biết.

Jefferson nhận thấy thư từ của hai người đã rơi vào một trong những chủ đề bất ổn mà ông và Adams không bao giờ có thể đồng ý với nhau. “Chúng ta đều đã quá già để thay đổi ý kiến”, ông thừa nhận, “kết quả của cả một đời tìm hiểu và nghiên ngẫm”. Tuy nhiên, ông cũng cố gắng giải cứu cuộc trao đổi khỏi thế bế tắc một cách ngược ngùng bằng cách làm một điều mà ông hy vọng sẽ giữ được thể diện cho cả hai. Thứ nhất, ông cho rằng quan điểm của Adams về quyền lực của quý tộc là phù hợp ở châu Âu, nơi đặc quyền phong kiến, tước hiệu gia đình và các cơ hội kinh tế hạn chế hơn cho phép duy trì sự phân biệt đẳng cấp. Mặt khác, ở Mỹ, việc loại bỏ chế độ con trưởng thừa kế và chế độ thừa kế theo thứ tự cùng sự tồn tại của một lục địa chưa bị tác động có nghĩa là “tất cả mọi người có đất để lao động cho chính mình theo cách họ chọn”, vì vậy giới tinh hoa lâu đời khó có khả năng xuất hiện ở đây. Thứ hai, Jefferson phân biệt giữa tầng lớp quý tộc tự nhiên, dựa trên đạo đức và tài năng, với tầng lớp giả quý tộc “dựa trên sự giàu có và xuất thân, mà không có cả đạo đức hay tài năng”. Ông cho rằng, sự phê bình của Adams về tầng lớp quý tộc, thực ra là lời cảnh báo chống lại tầng lớp giả quý tộc, mà Jefferson đã thống nhất là “một thành phần gây hấn trong chính phủ, và cần có những điều khoản để ngăn chặn uy thế của thành phần đó”. Với pháp luật thuận lợi và đất đai phong phú của Mỹ, âu cũng là hợp lý khi cho rằng “cấp bậc, và xuất thân, và những thứ hào nhoáng quý tộc rút cục sẽ co cụm lại và trở nên không còn quan trọng..”

Adams không có gì trong đó. “Cách ngài phân biệt giữa quý tộc tự nhiên và giả quý tộc”, ông nhấn mạnh, “tôi thấy không có căn cứ vững chắc”. Người ta có thể tách sự giàu có và tài năng thành những thế giới lý tưởng trong lý thuyết hoặc tưởng tượng, nơi chúng không phụ thuộc lẫn

nhau (một lần nữa lại là “hệ tư tưởng”), nhưng trong thế giới thực chúng lại gắn bó chặt chẽ theo những cách thức không tuân theo lý thuyết của Jefferson. Adams cũng phê phán cái nhìn của Jefferson về một xã hội Mỹ không giai cấp. “Không Sự trữ tình nào có thể thú vị hơn”, ông khiển trách, vì môi trường rộng mở của Mỹ sẽ chỉ bảo đảm sự bất bình đẳng lớn hơn và sự tích lũy tài sản ngày càng bất bình đẳng trừ khi chính phủ can thiệp để phân phối lại của cải. Trừ khi có người tin rằng bản chất con người bằng cách nào đó đã thay đổi trong lúc di cư từ châu Âu sang Mỹ, quyền lực không cân xứng của “thiểu số” cũng sẽ phá hoại đời sống chính trị ở Mỹ. Các lý tưởng của Jefferson về bình đẳng xã hội, trong ngắn hạn là một ảo tưởng, và bằng cách cố giả vờ rằng đó là một thực tế, càng chỉ làm tăng khả năng khiến vấn đề trở nên tồi tệ hơn. Dưới đây là một cuộc đối đầu kinh điển, thật sự là một lập luận chính trị rõ ràng nhất trong thư từ, mặc dù không thể gán cho cuộc đối đầu này một cái nhãn đơn giản. (Tự do đụng độ bảo thủ sẽ không lột tả được hết). Chắc có thể gọi nó là cuộc đụng độ giữa một người lạc quan lãng mạn và một người bi quan mới giác ngộ.

Khi Rush gọi Adams và Jefferson là “cực Bắc và cực Nam của Cách mạng Mỹ”, có lẽ ý ông chỉ đơn thuần là nói về mặt địa lý. Nhưng cuộc đối thoại giữa một người New England và một người Virginia cho thấy phép ẩn dụ của Rush có ý nghĩa sâu rộng hơn nhiều. Bên dưới lớp vỏ bình dị và có phần giả tạo của những triết gia Mỹ, hai nhà cách mạng lão luyện đã tạo ra một cuộc đối thoại giữa hai cách hiểu biết đặc trưng và khác biệt về ý nghĩa của Cách mạng Mỹ trong vai trò một phong trào chính trị. Trong phần lớn cuộc đời trưởng thành của mình, Jefferson coi “tinh thần năm '76” và học thuyết “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” là một cách biểu đạt dứt khoát rõ ràng của việc đoạn tuyệt với quá khứ và với tất cả các hình thức truyền thống của tổ chức chính trị đã áp đặt những hạn chế

không cần thiết lên tự do cá nhân. Vì thế, ông kết luận rằng phe Liên bang là những kẻ phản bội, họ phản bội các nguyên tắc được coi là hiển nhiên này và ủng hộ một chính phủ liên bang cưỡng chế, thứ sẽ phục hồi chính những cơ chế mang tính thể chế mà cuộc cách mạng định loại bỏ. Giờ đây, Adams, người mà ta không thể phủ nhận tư cách người sáng lập và định hình Cách mạng Mỹ, kháng kháng cho rằng phiên bản này của câu chuyện không phải là những gì ông nhớ được, thậm chí ông còn cho rằng cách hiểu của Jefferson cực kỳ mang tính cá nhân bởi cách nó nhấn mạnh vào một sự đoạn tuyệt với quá khứ và đặc tính chống chính phủ của nó.

Ở cấp độ biểu tượng và tâm lý, cuộc đối thoại 14 năm của Jefferson với Adams có ý nghĩa quan trọng, vì Jefferson thấy rằng không tài nào phủ nhận nổi người đồng nghiệp cũ có tính cách nóng nảy của mình. Mặc dù có ác cảm với xung đột, ông vẫn cho phép Adams cuốn ông vào một cuộc tranh luận kéo dài, một cuộc tranh luận đã dựng nên tượng đài văn học cho cuộc cách mạng yêu dấu của họ như một sự kiện phức tạp với nhiều ý nghĩa. Hai người họ là hai lối cách ngôn đối lập đầy thu hút. Hoặc nếu Cách mạng Mỹ đã trở thành khúc thánh ca quốc gia, thì hai người họ là phần lời và phần nhạc của khúc ca ấy. Thật trớ trêu khi cậu con trai phải tự lực cánh sinh của bác nông dân kiêm thợ đóng giày ở New England cứ khẳng khẳng cho rằng mục tiêu của thế hệ cách mạng chẳng phải là tự do cá nhân hay bình đẳng xã hội, trong khi nhà quý tộc Virginia được thừa kế đồn điền đất đai và nô lệ lại khẳng khẳng tin vào điều ngược lại. Cùng lúc Jefferson bắt đầu phát triển ý tưởng của mình về trường Đại học Virginia như một tấm bia đá cho sự nghiệp của mình và một đài tưởng niệm cho di sản của ông, ông đã vô tình và đôi khi đi ngược lại bản năng của riêng mình, cùng với Adams tạo nên thứ hóa ra lại trở thành di

sản văn học cuối cùng của Cách mạng Mỹ dưới hình thức một cuộc khẩu chiến đang tiếp diễn giữa xung lực lý tưởng và xung lực hiện thực.

Trong lá thư cuối cùng ông gửi cho Adams, được viết ngay trước khi ông rơi vào cơn bạo bệnh cuối cùng, Jefferson đã nhờ người cháu mang tên ông, Thomas Jefferson Randolph (hoặc “Jeffy”), tới thăm Nhà thông thái xứ Quincy trong chuyến đi của cậu tới Boston. “Giống như những thanh niên khác”, Jefferson giải thích, “ông ấy muốn trong những đêm đông của tuổi già, có thể kể lại cho những người xung quanh những gì ông ấy đã nghe thấy và biết được về thời đại anh hùng... cái thời của những Argonauts mà ông ấy đặc biệt kíp nhìn thấy”. Giống như các vị thần trong thần thoại bị đông cứng trong những tư thế kinh điển, Jefferson và Adams đã trở thành pho tượng sống cho thế hệ đang trưởng thành. Những thư từ của họ được gìn giữ cho hậu thế đã thể hiện chính tính chất năng động và đầy tranh cãi của cuộc Cách mạng mà họ đã cùng nhau chiến đấu và rèn luyện.

NHÌN LẠI

Nếu thư từ của họ khá giống một bức tranh được sắp đặt, định kỳ được cứu thoát khỏi việc trở thành một phiên bản tranh tĩnh vật của cách mạng Mỹ do sự bất lực của Adams trong việc ngồi yên hoặc giữ mồm giữ miệng, thì điều đáng chú ý là cả hai người đã chịu diễn trong nhiều năm. Giống như tất cả thành viên lãnh đạo của thế hệ cách mạng, Adams và Jefferson từ lâu đã tự coi mình là những người sáng lập với vị trí nổi bật trong sử sách. (Dù sao thì Adams đã bắt đầu sao chép lại tất cả các lá thư của ông vào năm 1776, còn Jefferson thì đã giữ gìn hầu hết thư từ của ông kể từ năm 1782). Alfred North Whitehead có lần nhận xét rằng chỉ có hai trường hợp lịch sử đã ghi nhận tài năng lãnh đạo chính trị một đế quốc mới nổi thể hiện tốt như người ta thật sự có thể mong đợi: Trường hợp đầu tiên là Rome dưới thời Caesar Augustus, và trường hợp

thứ hai là Mỹ trong thời kỳ cách mạng. Trong khi các sử gia đưa ra một số giải thích cho sự bùng nổ đáng chú ý này về vấn đề lãnh đạo ngay từ những ngày đầu của nước Cộng hòa Mỹ - điều này thật sự đáng chú ý - thì việc tự ý thức được rằng tương lai đang quan sát đã giúp nâng cao các tiêu chuẩn và kỳ vọng cho tất cả các bên liên quan. Ít nhất theo một cách nhỏ bé, chúng ta đã đồng lõa với thành tích của họ, vì chúng ta là những khán giả cuối cùng chiêm ngưỡng buổi biểu diễn của họ.

Mặc dù Jefferson chưa bao giờ quên vấn đề phán xét của hậu thế, vào khoảng năm 1816 mối quan tâm của ông trước những gì lịch sử sẽ nói về mình tăng lên ghê gớm. Lý do hiển nhiên cho sự thay đổi rõ rệt này là tuổi tác. Dù ông có muốn sửa đổi hay thêm thắt gì vào các ghi chép lịch sử thì việc này cũng không thể chờ lâu hơn được nữa vì thời gian của ông đã sắp hết. Việc thư từ qua lại với Adams, theo hướng buộc ông vào cuộc đối thoại với một nhân vật phản diện đáng yêu, có lẽ cũng góp phần vào xu hướng hồi tưởng của ông. Hơn thế, năm 1816, ông đã bị kéo vào cuộc tranh luận liên quan đến cuốn tiểu sử rất thành công về Patrick Henry của William Wirt. Wirt đã tham khảo ý kiến Jefferson về nguồn cội phong cách giả dối của Henry. “Ngài đã thêm vào những nguồn cội ấy về lòng lầy theo đúng yêu cầu”, Jefferson thông báo với Wirt, qua đó thể hiện một cách ngoại giao quan điểm từ xưa của ông rằng Henry được đánh giá quá cao. Jefferson chỉ đề nghị một chỗ chỉnh sửa, một đoạn văn trong đó mô tả Wirt Henry đang thật sự đọc một cuốn sách. “Những tìm tòi, nghiên cứu được gán cho ông ta, trong đoạn này”, Jefferson rất tế nhị nhận xét, sẽ là không phù hợp với “bức tranh xuất sắc về sự lười biếng của ông ta trong suốt phần còn lại của tác phẩm”. Để phần nào bù đắp cho thực tế rõ ràng rằng ông xem thường Henry, Jefferson cho phép cuốn sách được xuất bản trích dẫn bài phát biểu của ông về công lao đáng khen của Henry trong việc kích động phản đối chính sách của Anh hồi

thập niên 1760, nói rằng “Ông Henry chắc chắn đã tạo ra xung lực đầu tiên cho quả bóng cách mạng”.

Nhận xét rõ ràng là vô hại này đã gây ra một tiếng gào lớn từ vài người New England, trong đó có Adams hùng hổ, người diễn giải việc ca tụng những nỗ lực ban đầu của Henry thay mặt cho nền độc lập Mỹ là một âm mưu quỷ quyết biến Virginia chứ không phải Massachusetts thành buồng lái thật sự của Cách mạng. Jefferson tỏ ra bất ngờ về sự trả đũa dữ dội từ New England. Ông là người cuối cùng muốn ca tụng Henry như một nhân vật quan trọng; cuộc tranh luận xem ai là người đại dột trước, cũng như việc đặt ra câu hỏi “ai là người phát hiện ra lực hấp dẫn”. Nhưng cuộc tranh luận vẫn cứ kéo dài - Adams được truyền cảm hứng để đưa James Otis ở Massachusetts với tư cách người tiên nhiệm của Henry trong cuộc thi về tính ưu việt trở thành “nhà cách mạng Mỹ đầu tiên” - cho đến khi Jefferson đưa ra một nhượng bộ. Ông “không bao giờ có ý ngăn chặn danh tiếng chính đáng của bang Massachusetts, vì tinh thần kháng chiến nhanh nhẹn và kiên cường từ thuở ban đầu”. Ông thậm chí còn sẵn sàng nhường lại cho bang này danh hiệu “cái nôi của nền độc lập”, mặc dù ông cảm thấy bắt buộc phải thêm rằng, liên quan đến các nguyên tắc của cuộc cách mạng, một vài người trong chúng ta tin rằng bang ấy đã đi chệch khỏi những nguyên tắc này trong quá trình thực hiện”, ngay cả khi “chúng tôi vẫn hoàn toàn tin tưởng rằng cuối cùng thì bang ấy vẫn sẽ trở lại với những nguyên tắc này”.

Jefferson muốn tránh mấy tranh luận tầm thường như vậy về những sự kiện hay con người cụ thể, trừ khi chủ đề tranh cãi là Tuyên ngôn độc lập; với chủ đề đó, ông sẵn sàng bảo vệ phiên bản của mình trước mọi sự xâm phạm, cảm giác như thể đó là một nguồn phun trào lịch sử. Mối quan tâm chính của ông nằm ở bản phác thảo lớn hơn của câu chuyện mà sẽ được truyền lại cho hậu thế về ý nghĩa của Cách mạng Mỹ. Việc

Madison nghỉ làm tổng thống vào năm 1817 đã làm tăng kỳ vọng về việc đối tác cũ của ông trong các cuộc chiến tranh chính trị sẽ dành năng lượng để viết một phiên bản Jefferson về lịch sử Mỹ. Ông kêu gọi Madison hãy “sử dụng những tháng ngày hưu trí một cách hữu ích nhất có thể, vào một công việc mà chúng ta đều mong rằng nó được thực hiện tốt...” Ông hứa sẽ đặt tất cả các thư từ cá nhân và ghi chú của mình “hoàn toàn dưới quyền chỉ huy của ngài”. Như trong các trận chiến giữa các đảng phái những năm 1790, Jefferson muốn Madison nắm lấy điểm này; việc Jefferson trốn trong hậu trường và tránh xa chiến trường là cần thiết với tâm vóc của ông, đồng thời, đó cũng là một mệnh lệnh cảm tính. Nhưng lần này, Madison lấy lý do sức khỏe giảm sút và đang cảm thấy vô cùng mệt mỏi để từ chối lời mời.

Như Jefferson nhìn nhận, việc này đã hoàn toàn trao trận địa vào tay kẻ thù. Ai cũng biết con trai của Hamilton đã viết sẵn một cuốn tiểu sử về cha mình, mà Jefferson đã cảnh báo rằng việc này chắc chắn sẽ thúc đẩy “sự hận thù của chủ nghĩa liên bang hung hăng nhất”. Rồi cả một kho tàng những trải nghiệm không theo lối Jefferson dự trữ tại Quincy được tìm ra. “Giấy tờ của ngài Adams”, Jefferson ghi nhận đầy quan ngại, “và tiểu sử của ông ấy, tất nhiên sẽ truyền lại cho con trai ông ấy [John Quincy Adams], người mà ngòi bút... được vót nhọn, và có thành kiến với chúng tôi”. Lối phân đôi đạo đức thuở xưa đã nắm quyền chỉ huy trí tưởng tượng của Jefferson một lần nữa: một bên là phái Whig và một bên là Đảng Bảo thủ; một bên là Đảng Cộng hòa và bên kia là Đảng Liên bang; một bên là “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” và một bên là những kẻ mạo danh tham nhũng. Sau khi chiến thắng tất cả các trận đánh lớn trong đời, Jefferson sợ rằng ông và các đệ tử chính trị của mình sẽ thua trong cuộc chiến quyết định cho hậu thế sau khi họ đã chết.

Trên thực tế, kẻ phản bội chính đã ra tay và gieo rắc những lời dối trá trong các ghi chép lịch sử, và dối trá đến mức, như cách Jefferson nhìn nhận sự việc, người ta không còn có thể nhận ra câu chuyện thật của Cách mạng Mỹ. Thủ phạm không ai khác hơn chính là người bao lâu nay đã hành hạ Jefferson, John Marshall tháo vác, người đã bằng cách nào đó có thời gian, khi làm Chánh án, xuất bản từ năm 1804 đến năm 1807 một tuyển tập gồm năm cuốn tiểu sử về cuộc đời George Washington. Adams, người được mong đợi sẽ thích thú với cách diễn giải kiểu Marshall về phe Liên bang, thay vì thế lại mô tả công trình khổng lồ này là “một Lăng tẩm, phần móng rộng 100 feet vuông và cao 200 feet”, được dự đoán rằng nó sẽ “bền như xã hội nhân từ kiểu Washington”; nói cách khác, nó sẽ sụt xuống vì sức nặng của chính mình và mạch văn chậm chạp. Nhưng Jefferson khá chắc chắn rằng tiểu sử của Marshall, dựa trên thư từ thực tế của Washington và hưởng lợi từ danh tiếng của Marshall về tính chu đáo và trung thực, sẽ được coi là một trong những thứ gần nhất với lịch sử chính thức của thời đại. Jefferson coi lối dẫn chuyện của Marshall là một lời nói dối khéo léo. Cuốn thứ năm, có ý xúc phạm nhất, đã đưa ra một tuyên bố tóm tắt như sau:

Lục địa được chia thành hai chính đảng lớn, một đảng đã nghiên ngẫm cách để biến Mỹ thành một quốc gia, và hoạt động không ngừng nghỉ để đầu tư cho người đứng đầu liên bang những quyền lực cho phép bảo vệ được liên minh. Đảng kia thì lại gắn mình với quyền lực nhà nước, tỏ ra ganh tị với tất cả quyền hạn của Quốc hội, và miễn cưỡng chấp thuận các biện pháp cho phép người đứng đầu hành động, dù sao thì, độc lập với các thành viên. Những người có tâm hồn rộng mở và tự do... nói chung xếp mình vào đảng đầu tiên.

Marshall đang tranh luận về cách giải thích hiến pháp trong đó miêu tả các liên minh chính trị của những năm 1790 như các sản phẩm của những quan niệm đối lập về việc dàn xếp hiến pháp năm 1787-1788. Mặt khác, đối với Jefferson, sự khác biệt cốt lõi mang tính ý thức hệ hơn là về mặt hiến pháp, những thập niên có tính khai sinh là thập niên 1770, khi đức tin thật sự được công bố, và thập niên 1790, khi đức tin ấy bị phản bội. Như ông nói, sự khác biệt thật sự không phải giữa chính quyền liên bang và bang, mà là “độ nghiêng khác nhau về phía chế độ quân chủ hay cộng hòa”.

Do sự miễn cưỡng có thể hiểu được của Madison trong việc dành những năm nghỉ hưu của mình cho nhiệm vụ chống lại lịch sử của Marshall, thì Jefferson đã bị ném trở lại trận địa của chính mình. Năm 1818, ông quyết định chỉnh sửa và gộp ba cuốn gồm thư từ cá nhân, ghi chú và biên bản ghi nhớ từ những năm ông làm Ngoại trưởng, để công bố sau khi chết, do đó tạo ra một kho tàng lưu trữ được thiết kế để thu hút các sử gia sau này thoát khỏi con đường lầm lạc bị Marshall dẫn dắt. Những biên tập viên hiện nay về tài liệu của Jefferson gợi ý chúng ta gọi các tài liệu này là “Jeffersoniana” thay cho thuật ngữ được sử dụng bởi các biên tập viên trước đó là “Anas”, trong tiếng Latin nghĩa là tuyển tập những giai thoại, câu chuyện bên bàn ăn và tin đồn. Dù ta gọi chúng là gì đi nữa, thì những ghi chú được biên tập của Jefferson, như ông nhớ lại vào năm 1818, là “những mảnh giấy đầu thừa đuôi theo, tiện tay lấy ra khỏi túi... do đó nhăn nhúm, vo viên và chữ viết nguệch ngoạc”, dự định sẽ mang lại giao diện và âm thanh của lịch sử *thật sự*, đây là những câu chuyện bí mật và những cuộc trò chuyện kín đáo xảy ra trong hành lang và đằng sau cánh cửa đóng kín, nơi mà các quyết định *thật sự* đã được đưa ra, các lập luận *thật sự* đã được tung ra, quyền lực *thật sự* đã được thực thi. Mục đích rõ ràng của Jefferson là gợi ý rằng câu chuyện của

Marshall về chính quyền Washington chỉ là phiên bản chính thức; những gì Marshall kể không bao giờ xuyên qua được bề mặt lịch sử để lộ ra những sự thật hỗn độn. Jefferson đưa vào trong các ghi chép thiết bị nổ thủ công của mình, chúng được thiết kế sẽ phát nổ sau khi ông chết và phơi bày lịch sử của Marshall chỉ là một truyền thuyết phe Liên bang. Nên “Anas” hoặc “Jeffersoniana” của ông có thể được hiểu như là những tiết lộ thế kỷ 20 phiên bản Mỹ thời đầu giống như *Hồ sơ Lầu Năm góc* (The Pentagon Papers).

Câu chuyện của Jefferson, mà ông muốn hậu thế biết với tư cách chúc thư cuối cùng của ông về lịch sử thật sự của nước Mỹ cách mạng, có dạng một kịch bản cường điệu được áp ủ bởi những kẻ chủ mưu và bao che tham nhũng, tất cả đều nhất nhất câu kết với nhau. Ông đặt mình vào địa vị một người Mỹ vô tội, vừa trở về từ Pháp sau khi vắng mặt một thời gian dài, đã phát hiện ra khi đến thành phố New York vào năm 1790 rằng các nguyên tắc cộng hòa mà ông từng hết mực trung thành trên thực tế đã bị bỏ rơi bởi đa số các quan chức chính quyền Washington. Gần như tất cả các bữa tiệc tối mà ông tham dự ngay sau khi ông trở về, cuộc trò chuyện đều quay quanh chủ đề chế độ quân chủ, về việc làm thế nào để sự khôi phục chế độ quân chủ đem lại hy vọng duy nhất cho sự ổn định chính trị và quan trọng là làm thế nào để thuyết phục Washington chấp nhận lớp áo hoàng gia. Khi Jefferson cố gắng bảo vệ một phiên bản không có vua của chính phủ cộng hòa cùng những dòng chữ năm 1776, ông tuyên bố mình “hiếm khi tìm được... một người cùng quan điểm... trừ khi một số thành viên cũ của Quốc hội tình cờ có mặt”. “Nhóm huynh đệ” cũ đã bị thay thế bởi một băng đảng những kẻ thân hoàng gia. Hamilton là một kẻ ủng hộ chế độ quân chủ gian ngoan, thật sự “không chỉ là một kẻ ủng hộ chế độ quân chủ, mà còn là kẻ ủng hộ chế độ quân chủ dựa trên tham nhũng”. Ngay cả Adams, con ngựa chiến già của năm

'76, cũng bị “cuốn theo những kẻ chủ trương Liên bang quân chủ”, chạy theo những phù phiếm tai tiếng và tham vọng chính trị để biến mình thành một “con ngựa rình rập” cho những kẻ theo thuyết Hamilton. Bằng chứng cho tất cả điều này bao gồm nhiều giai thoại, những báo cáo chuyên tai nhau về các cuộc trò chuyện riêng tư và tin đồn đáng tin về những gì mà một thành viên nội các tuyên bố đã nghe thấy Hamilton hoặc tay chân của ông ta thì thầm với nhau nơi cổng chào với những điều xì gà.

Điều này rất quan trọng đối với phiên bản bí ẩn của Jefferson về lịch sử để khẳng định rằng chính Washington cũng không biết gì về âm mưu này. Đây không phải là một việc dễ dàng, vì Washington rõ ràng là nhà lãnh đạo của phe Liên bang và được tất cả các thành viên khác của nội các cho là ứng viên cho buổi lễ đăng quang. Giải pháp mà Jefferson đưa ra là Washington đã không ý thức được nhiều về những việc đang diễn ra quanh mình. Hình ảnh của Washington trong ông chưa bao giờ là sự sùng kính hay tâng bốc quá đà. “Trí tuệ của ông ấy vĩ đại và mạnh mẽ”, Jefferson nhận xét, “nhưng không phải xuất chúng nhất”; tài đàm thoại của ông ấy “không vượt hơn mức tầm thường là bao”, và trong nhiều tình huống “khi bất ngờ được hỏi ý kiến, ông ấy sẽ tỏ ra không sẵn sàng, nói ngắn và ngượng ngùng”. Trên thực tế, ông ấy thiên về con người của hành động hơn là hiểu biết sâu sắc; điều đó khiến ông ấy dễ bị những kẻ mưu đồ khôn ngoan và xảo quyệt như Hamilton nghi ngờ. Jefferson cũng dành một phần đáng kể trong lịch sử được giấu kín của mình để kể lại nhiều cuộc tiếp xúc riêng của ông với Washington, trong tất cả những cuộc gặp đó, Washington thể hiện mình hoàn toàn tán đồng với Jefferson về sự cần thiết phải thiết lập “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy”. Ngay cả những cuộc tiếp đãi tai tiếng của Tổng thống, mà Washington cho là cuộc họp triều đình trong cương vị một ông vua nước Mỹ, cũng gây

hiểu nhầm. Thư ký riêng của Washington đã nói với Bộ trưởng Tư pháp, người đã nói với Madison, rồi Madison kể lại với Jefferson, rằng Washington khinh thường những cái bẫy hoàng gia trong những dịp này. Dù tiểu sử chính thức và không chính thức của Marshall có như thế nào đi nữa thì ý kiến sâu kín nhất của Washington vẫn hoàn toàn đồng ý với Jefferson. Đó là một tiết lộ khá lạ thường nhưng cũng là một mảnh ghép tuyệt đẹp của lịch sử khi được soi xét lại, nhưng sự thật căn bản về người hùng cốt yếu của nước Mỹ là ông hết lòng với phe Cộng hòa hơn phe Liên bang.

Mặc dù nỗ lực này nhằm kéo Washington ra khỏi phe Liên bang, nhưng thực chất là để biến Washington thành một người theo thuyết Jefferson - nói một cách lịch sự nhất, là một phiên bản rất nhiều vấn đề của lịch sử chính trị Mỹ, Jefferson hoàn toàn chính xác khi công nhận rằng trong cuộc chiến lịch sử cũng như trong cuộc chiến chính trị của những năm 1790, bất cứ ai có được Washington về phe mình đều sở hữu một lợi thế quyết định. Thật không may cho các toan tính của Jefferson khi những người đầu tiên biên tập giấy tờ của ông không bao giờ xuất bản những tài liệu ông đã sửa đổi vào năm 1818 trong định dạng mà ông dự định. Được thiết kế như một quả bom chính trị phát nổ sau khi ông đã ra đi, "Anas" hoặc "Jeffersoniana" tỏ ra là một thứ vô dụng. Các sử gia đã không chắc chắn về việc làm thế nào để phân loại tài liệu này, nên nói gì về nó, thậm chí gọi nó là gì. Thậm chí định mang tính học thuật tốt nhất và gần đây nhất thì coi tài liệu này là một ví dụ rõ nét về cách thức "những lời đồn thổi chính trị" định hình cách sắp xếp tư tưởng trong những ngày đầu của nước cộng hòa, đồng thời tài liệu này cũng minh họa cách làm thế nào mà các thể chế chính trị chưa từng có và vẫn còn mong manh của những năm 1790 lại tạo ra được một tâm lý âm mưu với tất cả các bên, trên thực tế là một mức độ nghi ngờ lẫn nhau và mưu đồ

có vẻ như là hoàn toàn hoang tưởng với chúng ta, ít nhất là cho đến khi chúng ta nhận ra thế giới chính trị của Mỹ sau cách mạng thiếu chắc chắn và ổn định như thế nào đối với các thể chế này.

Tuy nhiên, vì mục đích của chúng ta, việc Jefferson hồi tưởng những tranh cãi năm xưa giữa các chính đảng về linh hồn của Cách mạng Mỹ đã tiết lộ thêm về cách thức bộ não Jefferson hoạt động hơn là về chính những tranh cãi này. Ngay cả khi về già, là lúc người ta thường sẽ hoài cổ và những tích lũy mờ về tình cảm từ đó đến nay tạo ra một xu hướng mờ nhạt nhất định, thì ông vẫn là một chiến binh chính trị tận tụy. Ngay cả khi Adams thúc giục ông một cách cực đoan không thể cưỡng lại, từ bỏ những phạm trù đạo đức đơn giản giữa “chúng ta” và “họ”, Jefferson vẫn bám vào những phạm trù chặt chẽ hơn bao giờ hết. Những màu sắc nguyên thủy của hình dung chính trị nơi ông vẫn chỉ có đen và trắng. Câu chuyện về Cách mạng Mỹ mà ông thấy trong đầu mình như hồi năm 1776 vẫn là một bộ phim tình cảm đạo đức. Dù ông có muốn đưa ra bất kể sự điều chỉnh hoặc thỏa thuận nào vào phút chót như một sự nhượng bộ cho độ phức tạp hà khắc của lịch sử, thì chúng đều buộc phải được đưa ra trong khuôn khổ đạo đức không thể đàm phán đó.

Trên thực tế, có một số điều chỉnh như vậy, trong tất cả các tác phẩm với phong cách hồi tưởng ngày càng tăng của ông trong thập niên cuối cùng. Năm 1821, ông đã dành sáu tháng cho cuốn tự truyện của mình, kể câu chuyện từ khi ông sinh ra cho đến năm 1790, thời điểm được cho là lời dẫn chuyện chuyển tiếp sang lịch sử được giấu kín mà ông đã biên soạn từ các ghi chú của mình. (Ông chọn cách không viết bất cứ điều gì về nhiệm kỳ tổng thống của mình). Cuốn tự truyện được dành để kể lại hai câu chuyện quen thuộc theo cách ông muốn chúng được nhớ đến. Câu chuyện đầu tiên là về việc soạn thảo và cuộc tranh luận sau đó trong Quốc hội Lục địa về Tuyên ngôn Độc lập. Ông không chỉ muốn làm rõ

thời điểm quyền tác giả của ông về cuốn tài liệu chính thức mà còn để ghi chép lại dự thảo ban đầu của mình, trước khi văn bản này được chỉnh sửa bởi Quốc hội. Trên thực tế, trong cuốn tự truyện của mình, ông đã cố gắng bảo vệ ngôn ngữ gốc của ông, rằng sự nhút nhát bẩm sinh của ông đã ngăn cản việc ông đọc Tuyên ngôn trước Quốc hội vào thời điểm đó. Ông cũng muốn nhấn mạnh rằng, ngược lại với các lời khai và trí nhớ của những người khác, tất cả các đại biểu thật ra đã ký Tuyên ngôn vào ngày 4 tháng 7. Rõ ràng việc chứng thực tính chính xác mốc lịch sử của ngày tháng sau này được coi là quốc khảm, là rất quan trọng đối với ông.

Câu chuyện thứ hai là về thời điểm của Cách mạng Pháp. Ở đây mục đích chính của ông là để chống lại lời quở trách, mà các nhà phê bình phe Liên bang đã biến thành một điệp khúc quen thuộc, rằng ông đã đóng góp vào chủ nghĩa không tưởng cực đoan của những triết gia Pháp đã đẩy Pháp vào bể máu, hoặc ít nhất là trôi dạt về phía thảm họa cùng với họ trong những ngày mộng mơ trước khi gặp máy chém. Phiên bản của ông về những tháng ngày quan trọng nhấn mạnh đặc điểm có trách nhiệm của những quý tộc Pháp ôn hòa do Lafayette cầm đầu. Cuộc cách mạng Pháp sẽ là một quá trình chuyển đổi không đổ máu và hoàn toàn hòa bình, Jefferson lập luận, nếu không vì sự hèn nhát và do dự của Louis Capet. Và ông tuyên bố, việc nhà vua không theo phe tương lai mà lại theo phe quá khứ, chủ yếu là vì ảnh hưởng của vợ ông ta. “Tôi đã từng tin rằng”, Jefferson viết, “nếu không có hoàng hậu, có lẽ sẽ không có cuộc cách mạng”. Toàn bộ bi kịch không phải do những lực lượng lịch sử lâu đời, thứ mà không có cách nào quản lý được, mà là do sự can thiệp không đúng lúc của một người phụ nữ.

Vượt ra khỏi ranh giới cuốn tự truyện về bản thân, chủ yếu thông qua đồng thư từ chồng chất ngổn ngang của mình, ông đã cố gắng đưa ra ba điều chỉnh trọng yếu theo cách ông muốn người ta nhớ đến mình. Điều

chính đầu tiên là xem lại bài viết được trích dẫn nhiều lần của ông về cuộc sống nơi thôn dã lần đầu được công bố trong cuốn *Những ghi chép* của ông. Ông muốn người ta biết đến nó, và cho phép trích dẫn vấn đề này trên báo chí, rằng thế giới đã thay đổi đáng kể kể từ khi ông viết cuốn *Những ghi chép*, khi ông thúc giục người Mỹ làm ruộng và tránh xa mọi hình thức sản xuất công nghiệp. “Bây giờ chúng ta phải đặt những nhà sản xuất công nghiệp bên cạnh nhà nông”, ông thừa nhận, ủng hộ một cam kết với ngành sản xuất trong nước có quy mô nhỏ. Bất cứ ai phản đối sự chuyển dịch khiêm tốn này trong nền kinh tế Mỹ đều sẽ mất liên lạc với thực tế và “hẳn là nhằm vào việc ép chúng ta lệ thuộc vào quốc gia bên ngoài đó [Anh], hoặc để khoác lên mình những lớp da, và sống như con thú hoang trong hang động”.

Mặt khác - ông không muốn bị hiểu lầm về điều này - rằng Mỹ nên duy trì một nền kinh tế xã hội với sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Được phép sản xuất trong nước nhưng phản đối các nhà máy lớn. Quan trọng nhất là bằng mọi giá cần tránh các mô hình của người Anh về một xã hội hoàn toàn thương mại và công nghiệp, trong đó nền kinh tế bị cai trị bởi các thương gia, chủ ngân hàng và những nhà công nghiệp. “Chúng ta có thể loại trừ họ khỏi lãnh thổ của mình”, ông cảnh báo “như cách chúng ta làm với những người bị nhiễm bệnh”, thậm chí đi ông khuyến nghị rằng nếu một khu vực của Mỹ lúc nào đó bị thương mại hóa triệt để, thì các khu vực nông nghiệp còn lại phải ly khai để tiếp tục miễn dịch với sự tham nhũng này. Ông thừa nhận rằng việc ông coi trọng tính chất nông nghiệp “có thể là giấc mơ của một ông già, và rằng dịp để thực hiện những giấc mơ ấy có thể đã qua đi mà không trở lại”. Nhưng mục tiêu của tất cả các chính khách dành cho những giá trị mà ông ấp ủ nhất chính là giữ gìn càng nhiều các tính chất nông nghiệp của Mỹ càng tốt.

Nếu điều đó hóa ra có nghĩa là đơn thuần trì hoãn những điều không thể tránh khỏi, vậy thì cứ để như vậy đi.

Việc giải thích quan trọng thứ hai liên quan đến niềm tin vào tôn giáo của ông. Báo chí phe Liên bang và các giáo sĩ New England đặc biệt luẩn quẩn về điểm này trong nhiệm kỳ tổng thống của ông, lấy lý do là tình bạn của ông với Tom Paine và quan điểm lịch sử của ông phản đối bất kỳ mối liên kết nào giữa nhà thờ và nhà nước, như bằng chứng cho việc ông có khả năng là một người vô thần và chắc chắn không phải là một người theo đạo Ki-tô. Năm 1816, ông thông báo hoàn thành những gì ông gọi là “một cuốn sách nhỏ”, mà thực ra là một phác thảo cho cuốn sách có nhan đề *Đạo đức và Cuộc đời của Jesus thành Nazareth* (The Morals and Life of Jesus of Nazareth). Đỉnh cao của một dự án tương tự bắt đầu vào năm 1802, khi các cuộc tấn công vào niềm tin tôn giáo của ông khai mào một cách chính thức, Jefferson định dùng phác thảo của ông về Jesus như hình mẫu về đạo đức làm “một tài liệu chứng minh rằng *tôi là một người Ki-tô chân chính*, nghĩa là một đệ tử của giáo lý Jesus...” Điều ông thật sự muốn nói là ông ngưỡng mộ những giá trị đạo đức được thể hiện trong cuộc đời của Jesus, nhưng vẫn muốn tách “những gì thật sự là của ông khỏi đồng rác mà nó bị chôn vùi” theo cách “những viên kim cương bị vùi trong đồng phân”. Ki-tô giáo sơ khai, trong quan điểm của ông, cũng giống như với ý nghĩa ban đầu của Cách mạng Mỹ: một đức tin đơn giản sâu sắc sau đó bị sai lệch bằng cách thể chế hóa nó. Trong trường hợp của các giáo phái Ki-tô, “sự trù tượng siêu hình của Athanasius, và cơn đói khát điên cuồng của Calvin, được đổ màu phong phú với những giấc mơ mù sương của Plato, đã bị quá tải bởi những nghịch lý và phi lý” hầu như không thể phục hồi được “sự đơn giản và thuần khiết bản địa”. Ông đặc biệt nói rất gay gắt về Yale, Harvard và Andover, rằng đó là “những lò chuyên quyền”. Nếu ông là người hoàn toàn thận trọng, ông đã có thể mô

tả mình như một nhà thần học, ngưỡng mộ lời giảng đạo của Jesus với tư cách một con người chứ không phải là đứa con của Chúa. (Trong cách nói ngày nay, ông là một nhà nhân bản thế tục). Nhưng bằng cách khẳng định tình trạng của mình như một người Ki-tô giáo, hoặc ít nhất là trên giấy tờ, cá nhân ông chấp nhận thuật ngữ này, ông đã làm cùn một trong những thách thức sắc nhọn nhất đối với vị trí nổi bật của mình trong nhánh chính của lịch sử Mỹ.

Cuối cùng, khoảnh khắc nhìn lại buổi hoàng hôn của Jefferson cho phép ông thấy thành tích chính trị của riêng mình từ một quan điểm ở tầm xa hơn, từ đó nói về nó bằng một thành ngữ mới. Ví dụ, hành động chuẩn bị cho sự kiện lịch sử được giấu kín của ông về những năm 1790 đòi hỏi ông phải xem lại và sau đó khẳng định cảm nghĩ của mình về Cách mạng như một phong trào giải phóng để đem lại tự do cho nước Mỹ, không chỉ thoát khỏi chế độ độc tài của Anh, mà còn thoát khỏi mọi hình thức áp bức chính trị. Phong trào này đã bị chững lại và gần như bị đảo ngược bởi phe Liên bang vào những năm 1790, sau đó lại được giải cứu và khôi phục bởi phe Cộng hòa vào năm 1800. Theo một nghĩa nào đó, ông luôn mang theo cốt truyện này trong đầu mình, nhưng khi về già, ông thậm chí còn thấy nó rõ ràng hơn, rõ ràng tới mức đặt cho cao trào của nó một cái tên. Năm 1819, lần đầu tiên, ông đã sử dụng cụm từ “cuộc cách mạng năm 1800” để mô tả cuộc bầu cử của chính mình, tuyên bố rằng đó là một sự kiện “thật như một cuộc cách mạng theo những nguyên tắc của chính phủ chúng ta như cuộc cách mạng năm 1776 trong hình thức của nó”. Hành động gán nhãn mô tả mới cho việc nhậm chức tổng thống đã không thật sự làm thay đổi niềm tin lâu nay của ông về tầm trọng yếu của việc đó, nhưng đã làm cho sự kiện này trở nên đáng nhớ hơn và cung cấp cho phiên bản của ông về lịch sử một cách tiếp cận dễ dàng hơn. Những thế hệ sử gia tiếp theo đã nhanh chóng nắm lấy cơ

hội này, do đó mặc nhiên ủng hộ cách diễn giải của Jefferson về toàn bộ thời kỳ cách mạng.

Tất nhiên, đưa ra một cụm từ mới và nảy ra một ý tưởng mới không phải là hai việc giống nhau. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 1816, có một dấu vết rõ ràng về bằng chứng trong thư từ của Jefferson, cho biết ông đã có lối suy nghĩ mới về những gì ông gọi là “các nguyên tắc năm 76”. Một lần nữa, thư từ đã giúp Adams thúc đẩy chuyện này, vì như Adams nhấn mạnh trong một nhận xét được trích dẫn nhiều lần rằng thuật ngữ “chủ nghĩa cộng hòa” là một trong những từ nói giảm nói tránh mà mỗi người hiểu một kiểu. Công thức quen thuộc nhất của Jefferson có xu hướng đi theo hệ thống phân đôi trong tư duy chính trị, tạo nên sự tương phản giữa “cộng hòa” và “chế độ quân chủ”, nhưng rồi để vấn đề dừng ở đó, không nói cụ thể “cộng hòa” có nghĩa là gì ngoài việc loại bỏ các đặc quyền của hoàng gia và quyền nắm giữ thần thánh các quyền lực. Thật vậy, một trong những tính năng hấp dẫn nhất trong công thức của Jefferson là sự im lặng hùng hồn của nó trước toàn bộ câu hỏi về ý nghĩa của một chính phủ cộng hòa. (Adams đã viết bốn cuốn sách lớn về chính chủ đề này, và Madison đã dành cho vấn đề này sự chú ý tương đương ở những phân tích trong *Luận cương Liên bang*. Có lẽ khía cạnh lý thú nhất trong thói quen tư duy của Jefferson là giả định ngầm rằng người ta không cần phải lo lắng hoặc thậm chí nói về những câu hỏi phức tạp như vậy, rằng sự hủy diệt của chế độ quân chủ phong kiến và cạm bẫy phong kiến dẫn tới một trật tự chính trị mới. Tên tốt nhất cho trật tự mới đó luôn là “cộng hòa”).

Tới năm 1816, ông bắt đầu thấy ngôn ngữ này là không đầy đủ. “Sự thật là, sự lạm dụng chế độ quân chủ đã lấp đầy khoảng trống của các quan niệm chính trị”, ông nhận xét, “rằng chúng ta tưởng tượng mọi thứ cộng hòa không phải là chế độ quân chủ”. Nhưng sự kiện sau đó đã

chứng minh rằng “chúng ta vẫn chưa thâm nhập vào nguyên tắc mẹ, đó là ‘các chính phủ chỉ cộng hòa theo tỷ lệ khi họ thể hiện ý chí của nhân dân, và thực hiện nó’”. Ông cũng đưa ra điều này theo cách hơi khác với John Taylor, đồng hương Virginia của ông và thậm chí đam mê nông nghiệp còn nhiệt thành hơn cả ông: “Càng tránh xa được sự kiểm soát trực tiếp và liên tục của nhân dân, chính phủ càng có ít thành phần theo chủ nghĩa cộng hòa”. Để đáp lại tuyên bố của Adams rằng “chủ nghĩa cộng hòa có thể có nghĩa là bất cứ điều gì hoặc tất cả mọi thứ”, Jefferson thông báo với Taylor rằng học thuyết thật sự là “các chính phủ ít hay nhiều mang tính cộng hòa khi chúng có ít hay nhiều các yếu tố của cuộc bầu cử phổ thông và kiểm soát thành phần tham gia”. Dù điều xấu xa gì có thể phát ra từ những thứ ông gọi là “sự lừa bịp nhân dân” thì chắc chắn là cũng ít đe dọa hoặc gây tổn hại “hơn so với những thử xuất phát từ cái tôi đại diện của họ”. Không nhận thức đầy đủ vào thời điểm đó, ông và các đồng chí cách mạng của mình đã phát động một phong trào chính trị vào năm 1776 mà ý nghĩa đầy đủ của nó bây giờ mới được thấm vào các khớp nối của nhận thức. Ở đây, lần đầu tiên, Jefferson đã nắm bắt ý tưởng đó mà cuối cùng và vĩnh viễn gắn liền với tên tuổi của ông. Cái mà ông luôn gọi là “chủ nghĩa cộng hòa thuần túy” thực ra chính là “nền dân chủ”, và những gì ông thật sự đã làm trong “cuộc cách mạng năm 1800” là để khôi phục xung lực dân chủ của Cách mạng Mỹ sau sự phản bội của phe Liên bang.

Theo một nghĩa nào đó, khá giống như Jefferson đã tuyên bố, các tác động dân chủ của Cách mạng Mỹ đã có từ lâu, nhưng một khi ông bắt đầu cảm thấy thoải mái hơn với thuật ngữ này, ví dụ mô tả tất cả người Mỹ là “nhà dân chủ hợp hiến và tận tâm” thì việc sử dụng thuật ngữ này lại buộc phải có một sự giải thích đầy đủ hơn về tầm quan trọng diệu kỳ của nó và soi một luồng sáng mới vào thái độ cũ của ông đối với chính

phủ. Sự đồng ý tự nguyện của từng công dân, giờ đây đã rõ ràng, chính là nguyên tắc và nguồn lực chính trị căn bản. Mức độ thiếu tin tưởng của Jefferson đối với các nhánh khác nhau của chính phủ liên bang tuân theo một cách tự nhiên từ nguyên tắc này: Các tòa án liên bang là những thành phần xa rời khỏi sự cho phép của quần chúng nhất, và ông ghét họ nhất; tiếp theo là Thượng viện, theo sát là Tổng thống, sau đó đến Hạ viện; các cơ quan lập pháp nhà nước lúc đó gần gũi hơn với ý chí nhân dân; đại diện hạt thì còn gần gũi hơn nữa, và viên chức thị trấn hoặc những người mà ông gọi là cán bộ phường thì phải đứng mặt đối mặt với chính thành phần trọng yếu này, đó là “ý chí gần như tôn giáo của nhân dân”.

Sự lý tưởng hóa của Jefferson về chính quyền địa phương như một hình ảnh thu nhỏ từ kinh nghiệm dân chủ có lẽ gắn với một chương trình giáo dục trên toàn bang mà ông đang thiết kế cho Virginia vào khoảng thời gian này (chút nữa ta sẽ bàn nhiều hơn về điều này); trong đó, phân chia từng hạt thành 10-12 phường, nơi ông muốn thành lập những trường tiểu học được bang tài trợ. Tính chất thân mật, trực tiếp của chính quyền ở cấp phường đã giúp Jefferson hình dung ra bản chất dân chủ. Hầu hết các nhà tư tưởng chính trị khác ở Mỹ, đặc biệt và triệt để nhất là Adams và Madison, đã bắt đầu với giả định rằng sự thân mật của chính quyền địa phương không thể được nhân rộng ở cấp quốc gia, do đó đòi hỏi các nguyên tắc chính trị phức tạp hơn cũng như cần có các cơ chế thể chế để làm việc hiệu quả, mà thực ra, để có thể vận hành được. Nhưng Jefferson lại không nghĩ về chính trị theo lối thông thường này. Theo quan điểm của ông, dân chủ đối với chính trị giống như nông nghiệp đối với kinh tế, hay sức khỏe đối với con người. Không bao giờ có thể hoàn toàn hoàn hảo, nhưng càng gần sự hoàn hảo thì càng tốt. Phát hiện của ông về phường với tư cách đơn vị dân chủ nguyên thủy hay “chủ

nghĩa cộng hòa thuần túy và căn bản” đã dẫn ông tới cái mà chúng ta có thể gọi là một lý thuyết về sự lan truyền dân chủ: Kết hợp các phường sẽ hình thành nên một bang dân chủ; tiếp đó, khi các bang tương tác để hình thành một quốc gia, họ “sẽ tạo ra một nền dân chủ thật sự”.

Nói chung, những miêu tả về nền dân chủ mà ông nêu ra trong thư từ của mình sau năm 1816 có xu hướng cực đoan tưởng tượng. Một mặt, có những cử tri trong thị trấn hoặc phường, tuyên bố nguyên vọng cá nhân của mình. Mặt khác, cũng có một tập hợp phi cá nhân và vô hình được gọi là nhân dân. Khi buộc phải nói rõ thành phần chính của “nhân dân”, ông đã đưa ra một lời giải thích dựa trên những người *không* nằm trong bức tranh này. Trẻ sơ sinh và trẻ em rõ ràng là bị loại trừ, cũng như phụ nữ, những người “không thể trà trộn bừa bãi vào những cuộc họp chung với cánh đàn ông”. Nô lệ cũng vắng mặt, theo nguyên tắc là “người không có ý chí thì không được thể hiện gì hết trong hội họp quần chúng”. Bức tranh về “nhân dân” mà ông nhìn thấy trong đầu mình, lúc đó bao gồm “chỉ những công dân đủ điều kiện”. Về vấn đề liệu quyền công dân có đòi hỏi quyền sở hữu tài sản hay không thì ông vẫn giữ im lặng cho đến gần cuối đời. Tuy nhiên, năm 1824, để đáp ứng yêu cầu về việc sửa đổi hiến pháp Virginia, ông đã ủng hộ việc loại bỏ các yêu cầu về tài sản đối với quyền biểu quyết, nói rằng nó tước đi quyền bầu cử của những người dự kiến sẽ phục vụ trong lực lượng dân quân. Phán quyết cuối cùng của ông về thành phần xã hội của “nhân dân”, lúc đó bao gồm tất cả các nam giới da trắng trong dân cư.

Tuy nhiên, khi không bị ép buộc, Jefferson thích có một sự mập mờ ở đây. Những câu hỏi cụ thể về việc ai nên bỏ phiếu đã bỏ qua một điểm lớn hơn, đó là nhờ Cách mạng Mỹ, sự chấp thuận đã thay thế cho sự ép buộc và trở thành nguyên tắc vận hành của chính phủ, và quyền lực chính trị, nếu mong ước trở thành quyền bình hợp pháp, thì nó cần phải

được chấp nhận bởi đa số công dân. Những nỗ lực làm rõ khái niệm có phần lơ mơ và huyền bí về “nhân dân” hay “nguyện vọng của người dân” chưa bao giờ đạt được nhiều tiến bộ với ông, điều đó có lẽ cho thấy ông hiểu rằng nếu dân chủ trở thành một tôn giáo chính trị, nó cần phải duy trì một cảm giác bí ẩn trong cốt lõi. Ông thậm chí còn phản đối những nỗ lực tổ chức các nhóm lợi ích riêng biệt để đại diện cho các phân khúc của ý chí quần chúng trước chính phủ liên bang, mà ngày nay chúng ta gọi là vận động hành lang. Ông coi các hiệp hội như “những cỗ máy nguy hiểm” mà phải bị “cau mày nhìn xuống” với tư cách là “những thành viên đơn thuần trong câu lạc bộ của Washington”, những người “không cần thiết, quá tự tin, và là các ví dụ nguy hiểm”. Tính chất trì trệ và lộn xộn của quan điểm quần chúng có vẻ như là một trong những giáo lý căn bản không được phép can thiệp, được dàn xếp hay phân tích. Ngay cả bản thân thuật ngữ “dân chủ” mặc dù ông sử dụng nó thường xuyên hơn trong những năm sau này, nhưng không bao giờ có được một nơi an toàn và nổi bật trong từ vựng chính trị của ông, và với ông, thuật ngữ này vẫn duy trì một số ý nghĩa cũ từ thế kỷ 18 của quy tắc đám đông hoặc tình trạng vô chính phủ, những điều mà ông kiên quyết phản đối hoặc truyền đạt cho thế hệ trẻ đặc biệt là những người miền Tây, sự trỗi dậy chính đáng của những công dân bình thường trong các nhiệm sở, điều mà ông cũng thấy rằng không thể chấp nhận được. Điều quan trọng nhất với ông chính là ý tưởng cốt lõi bên dưới mọi khái niệm và sự khác biệt, điều đó khiến ông nhận ra rằng ít nhất là khi nhìn lại, ông đã giúp đưa nó vào cuộc sống.

HỢP NHẤT VÀ PHÂN TÁN

Một lĩnh vực cần xét lại sau này đáng được đặc biệt chú ý, vừa vì ý nghĩa lịch sử bi thảm và lâu dài của nó, vừa vì nhiệt huyết mà Jefferson dành cho việc xem xét lại nó. Lĩnh vực đó tất nhiên là chế độ nô lệ, một

chủ đề mà Jefferson là một đối thủ thẳng thắn trong thời kỳ đầu sự nghiệp của mình, nhưng lại chỉ là một nhà phê bình lưỡng lự và khó nắm bắt ở giai đoạn sau. Hậu thế phải biết rõ là Jefferson ghê tởm chế độ nô lệ, ông tin tưởng chân thành rằng chế độ nô lệ không phù hợp với các nguyên tắc mà dựa vào đó nước cộng hòa được thiết lập, và điều này nhất thiết phải được lịch sử ghi nhận, đồng thời nó cũng rất quan trọng với vị trí riêng của ông trong đền thờ nước Mỹ. Vì thế, ông đã sắp xếp để một trong những lời kết án rõ ràng nhất của ông về chế độ nô lệ được nổi bật trong cuốn tự truyện của mình: “Không gì trong cuốn sách của số phận chắc chắn hơn việc những người này sẽ được tự do. Thực vậy, tôi run rẩy cho đất nước tôi khi ngắm thấy Chúa thật công bằng, công lý của người không thể mãi ngủ say: nếu chỉ xem xét những con số, bản chất và phương tiện tự nhiên, thì một cuộc cách mạng của bánh xe vận mệnh, một sự đảo ngược thế cục hoàn toàn có thể xảy ra; Đáng Toản năng không đời nào ủng hộ chúng ta trong một cuộc thi như thế”. Sự rõ ràng vang lên trong tuyên bố này được thiết kế để không ai nghi ngờ gì về những suy nghĩ cuối cùng của ông trước sự bất thường lớn lao của Mỹ. Khi Abraham Lincoln cuối cùng đã quyết định giải phóng nô lệ, ông hồi tưởng về Jefferson như ngọn hải đăng đạo đức của mình, thậm chí dùng một số ngôn ngữ từ tuyên bố trong tự truyện của Jefferson trong bài Diễn văn Nhậm chức lần thứ hai của mình.

Gạt những tuyên bố đạo đức sang một bên, Jefferson cũng đã để lại một hồ sơ dài và rõ ràng về sự trì hoãn, phủ nhận vấn đề nô lệ. Mặc dù bị thúc giục bởi một số bạn bè miền Bắc, mà lương tâm của họ thừa nhận là không bị vướng bận với những trở ngại tài chính thực tế ông phải đối mặt với tư cách một chủ nô, và một vài người bạn miền Nam muốn ông nắm vai trò lãnh đạo tinh thần cho sự nghiệp bãi bỏ dần dần ở Virginia, nhưng Jefferson vẫn kiên quyết từ chối nói ra. “Tôi đã cẩn thận tránh

hầu hết mọi hành vi hoặc các biểu hiện có thể có về chủ đề đó”, ông viết cho một người cầu xin Quaker và cách nói ấy đã trở thành phản ứng tiêu chuẩn của ông. “Nếu có một dịp nào đó xảy ra mà tôi có thể xen vào với ảnh hưởng mang tính quyết định”, ông giải thích, “tôi chắc chắn sẽ biết và làm nhiệm vụ của tôi”. Trong lúc chờ đợi, bất kỳ tuyên bố công khai nào “sẽ chỉ tước bỏ ảnh hưởng của tôi để sử dụng những cách thức nhỏ”. Tuy nhiên, thời điểm thuận lợi cho hành động mang tính quyết định cứ tiếp tục lùi ra xa, để đến năm 1817, khi nhận được một kế hoạch giải phóng dần dần từ một người hăm mộ miền Bắc, ông đã ủng hộ nó một cách chung chung nhất (“Các chi tiết phụ có thể dễ dàng sắp xếp”), sau đó tuyên bố ông rất thất vọng vì thế hệ chính khách Mỹ đang lên, “những người tôi từng gửi gắm hy vọng lạc quan”, đã không thể tự mình đưa ra những chi tiết. Ông không còn tin rằng kết cục của chế độ nô lệ đã gần kề. Chắc chắn ông sẽ không còn sống để nhìn thấy điều ấy: “Do đó, tôi đành để đấy cho thời gian”. Giữ im lặng đã trở thành chính sách chính thức của ông.

Thứ đã phá vỡ sự im lặng và đẩy danh tiếng của ông vào giữa tâm điểm chú ý của quốc gia, và theo cái cách mà ông muốn tránh bằng mọi giá, chính là các cuộc tranh luận về chế độ nô lệ ở lãnh thổ Missouri. Cuộc tranh luận bắt đầu vào năm 1819 khi một nghị sĩ từ New York, James Tallmadge, Jr., đề xuất việc sửa đổi dự luật thừa nhận Missouri vào Liên minh, được thiết kế để ngăn cấm chế độ nô lệ ở bang mới. Trong thư của ông với Adams, phản ứng đầu tiên của Jefferson trước cái được gọi là Vấn đề Missouri là bình tĩnh và an tâm. Ông bày tỏ hy vọng rằng vấn đề sẽ trôi qua “giống như những con sóng dưới thân tàu trong cơn bão”. Nhưng khi cuộc tranh luận quốc gia về Vấn đề Missouri nổi lên, Jefferson mất hết tự tin và cân bằng chính trị. Ông bắt đầu mô tả cuộc khủng hoảng là “một trong những cuộc khủng hoảng báo hiệu điểm

xấu nhất từng đe dọa Liên minh của chúng tôi” và là mối đe dọa lớn nhất đối với sự sống còn của nước Cộng hòa Mỹ “kể từ những ngày ảm đạm của cuộc chiến tranh [Cách mạng]”. Một đồng nghiệp cũ từ những năm làm tổng thống viếng thăm Monticello vào năm 1820 và mô tả ông bị ám ảnh với Vấn đề Missouri, vung tay vung chân trong khi đi lại, cảnh báo nội chiến sắp xảy ra có thể dẫn đến chiến tranh chủng tộc và sau đó là “một cuộc chiến tranh hủy diệt người châu Phi trên đất nước ta”.

Tuyên bố sinh động nhất của ông, đã trở thành một phần vĩnh viễn trong các ghi chép lịch sử vì lối ẩn dụ đáng nhớ của nó, đến trong một bức thư gửi cho John Holmes, một nghị sĩ bang Massachusetts. Jefferson giải thích rằng cho đến gần đây ông vẫn hài lòng với việc né tránh báo chí và tự coi mình là “một người không liên quan trong cái vỏ của chúng ta tiến đến bờ mà tôi cách đó không xa”. Nhưng Vấn đề Missouri đã đánh thức ông “giống như một tiếng chuông báo cháy trong đêm, dựng tôi dậy và làm tôi hoảng sợ”. Ông tiếp tục khẳng định rằng không người nào trên Trái đất muốn chấm dứt chế độ nô lệ hơn ông, rằng xua tan chế độ nô lệ khỏi toàn nước Mỹ “sẽ không làm tôi mảy may suy nghĩ lại, nếu theo cách đó có thể đem lại sự giải thoát nói chung và *biệt xứ*..? Nhưng không có phương án nào khả thi được đưa ra để đền bù cho chủ sở hữu và tái định cư những nô lệ được giải phóng. Vì vậy, “như thế là chúng tôi chỉ tóm được phần tai sói, và chúng tôi vừa không giữ được nó, vừa không thể thả nó ra một cách an toàn”. Đó là một tình thế khó xử không thể chấp nhận được và không thể giải quyết được: “Công lý ở một bên cán cân và sự tự vệ ở cán cân bên kia”. Ông kết thúc lá thư viết cho Holmes bằng một nhận xét bi quan và định mệnh nhất về Mỹ mà ông từng đưa ra: “Tôi lấy làm tiếc rằng giờ đây niềm tin trong tôi đã chết, rằng sự hy sinh vô ích của những người trong thế hệ năm 1776... sẽ bị vứt bỏ bởi những đam mê thiếu khôn ngoan và không xứng đáng của đám con

cháu, và niềm an ủi duy nhất của tôi là, tôi sống không phải để khóc than về điều đó”.

Có gì đằng sau, hoặc có lẽ bên dưới, cơn phẫn nộ và tuyệt vọng đột ngột này? Sau tất cả, Vấn đề Missouri không phải là không có ngoại lệ; câu hỏi về chế độ nô lệ tại các vùng lãnh thổ phía Tây mà Jefferson đã gặp phải trong thập niên 1780 và đáp lại bằng cách phủ nhận một cách rõ ràng và vang dội đã được nêu ra tại địa điểm mới; câu hỏi ấy đã ẩn nấp trong bóng tối chính trị kể từ khi quyết định xuất sắc duy nhất trong thời kỳ làm tổng thống của ông, Vụ mua lại Louisiana, đưa toàn bộ vùng thung lũng Mississippi vào lãnh thổ đất nước. Hơn nữa, ý tưởng về việc cấm mở rộng chế độ nô lệ ở các vùng lãnh thổ phía Tây có thể dễ dàng được xem như là một sự công nhận hơn là một sự phủ nhận Cách mạng Mỹ, thật ra là một sự hiện thực hóa tầm nhìn ban đầu của Jefferson về một nước cộng hòa mở rộng trong đó cư dân là những nông dân độc lập không phải chịu gánh nặng của thứ di sản bất chấp những nguyên tắc năm 1776. Adams trong thực tế đã diễn giải Vấn đề Missouri chính xác bằng những thuật ngữ này, thông báo cho một số bạn bè của mình rằng việc mở rộng chế độ nô lệ đã vi phạm vào những gì ông hiểu về ý định của những người sáng lập; cuộc khủng hoảng hiện nay, ông nghĩ, là một cơ hội quý để đưa ra một lập trường đạo đức chống lại “sự tàn ác ở mức độ khủng khiếp” trước khi nó phát triển quá lớn và không thu lại được, đặt sự sống còn của nước Cộng hòa Mỹ vào nguy cơ.

Ông không viết cho Jefferson về mạch chủ đề này; đó là một trong những chủ đề nhạy cảm có thể đặt tình bạn mong manh của họ vào rủi ro. Khi có người nói cho ông biết một số môn đệ miền Nam của Jefferson đang tranh cãi rằng vấn đề cốt lõi ở đây mang tính hiến pháp, rằng chính phủ liên bang không có đủ thẩm quyền làm luật trong lĩnh vực này - Adams khẳng định rằng vấn đề cốt lõi ở đây rõ ràng là đạo đức, không

phải hiến pháp, và ông thích thú vì có cơ hội nhắc nhở những bạn bè miền Nam của mình rằng Jefferson đã thiết lập các tiền lệ hiến pháp năm 1803. “Tôi chưa bao giờ nghi ngờ Việc mua lại Louisiana là không hợp hiến hay là cực kỳ hợp hiến, nhưng tôi nghĩ rằng các quý ông miền Nam, những người coi đây là vấn đề Hiến pháp không nên nghĩ rằng đó là một sự vi hiến trong Quốc hội nhằm kiểm chế sự mở rộng của chế độ nô lệ trong lãnh thổ đó thời điểm này”.

Jefferson trên thực tế đã nói ra nỗi lo của mình về tiền lệ hiến pháp ông đã thiết lập với việc mua lại Louisiana vào năm 1803. Theo nghĩa đó, lo lắng của ông đã được chứng minh là chắc chắn. Toàn bộ cuộc tranh luận của Quốc hội năm 1819-1820 về Vấn đề Missouri đã nêu lên vấn đề chủ quyền liên bang so với chủ quyền bang, căn bản là cuộc xung đột về hiến pháp, trong đó sự phản đối từ lâu của Jefferson đối với quyền lực liên bang đã rõ ràng và dứt khoát, Vụ mua lại Louisiana là một ngoại lệ và giờ đang quay trở lại ám ảnh ông. Nhưng cũng giống như đặc điểm hiến pháp của các cuộc tranh luận tại Quốc hội chỉ là nhằm để che giấu những vấn đề đạo đức và tư tưởng sâu sắc hơn đang bị đe dọa, cảm giác hối hận riêng của Jefferson về sự đồng lõa của mình trong việc cung cấp tiền lệ hiến pháp cho việc sửa đổi Tallmadge chỉ làm trầy xước phần bề mặt sự thất vọng của ông. Đối với ông cũng như đối với Adams, những vấn đề sâu sắc hơn nằm ở mặt đạo đức và lịch sử, ý định ban đầu của thể hệ cách mạng mà họ là biểu trưng sâu sắc. Và đối với ông cũng như với các thành viên Quốc hội, chủ đề không thể nhắc đến chính là chế độ nô lệ. Trong rất nhiều thư từ về Vấn đề Missouri ông viết trong những năm 1819-1820, cũng như trong các cuộc tranh luận của Quốc hội cùng thời gian đó, từ “nô lệ” hiếm khi xuất hiện, nhưng cũng giống như phương ngôn ma quái tại bữa tiệc, từ này chi phối các cuộc đối thoại căn bản trong Quốc hội và trong tâm trí của Jefferson. Nó buộc ông phải nói rõ ý

kiến của mình về dự định ban đầu và cuối cùng của ông về chủ đề không được phép nhắc tới vì ông biết điều này trông sẽ không hấp dẫn với hậu thế.

Một nhận xét được đưa ra trong cuộc khủng hoảng Missouri mà Adams nghĩ ông có thể gửi đến Monticello một cách an toàn, đã cung cấp một cánh cửa dẫn vào sâu trong nỗi tuyệt vọng của Jefferson. “Tôi đã thấy vấn đề nô lệ tại quốc gia này lơ lửng như một đám mây đen suốt một nửa thế kỷ”, Adams viết: “Có lẽ tôi có thể nói rằng tôi đã nhìn thấy những đội quân da đen diễu hành và phản công trong không trung, tỏa sáng trong bộ giáp. Tôi sợ hãi hiện tượng này tới mức trước đây, tôi liên tục nói với các quý ngài miền Nam rằng tôi không thể hiểu được đối tượng này. Tôi phải để lại nó cho các ngài. Tôi sẽ bỏ phiếu lựa chọn cách không ép buộc bất cứ một biện pháp nào chống lại sự phán xét của các ngài”. Ở đây Adams đã cung cấp một cách hiểu rõ ràng mà không cần nói ra, như ông đã tuyên bố, trong đó định hình hành vi của thế hệ cách mạng đối với những khía cạnh chính trị mong manh của chế độ nô lệ, cụ thể là người miền Bắc sẽ đẩy vấn đề nhạy cảm là việc giải quyết chế độ nô lệ cho người miền Nam, vốn rõ ràng có nhiều thứ bị đe dọa hơn. Đây có lẽ là ý nghĩa đầy kịch tính và kín đáo nhất trong mô tả của Benjamin Rush về Adams và Jefferson, đó là “cực Bắc và cực Nam của Cách mạng Mỹ”. Từ quan điểm này, điều gây tò mò về Jefferson nhất về cuộc tranh luận liên quan đến Vấn đề Missouri là có hay không một cuộc tranh luận như vậy. Vì các cuộc tranh luận thể hiện sự vi phạm một phần hiểu biết và lời thề giữ im lặng mà Adams, một người yêu nước New England tinh tú, vẫn thủy chung tuân theo. Theo nghĩa đó, di sản cách mạng thật sự liên quan đến vấn đề nô lệ không phải là một niềm tin vào sự giải phóng mà thực ra là một cam kết chung để trì hoãn và một niềm tin phổ biến rằng người miền Bắc sẽ không can thiệp vào sự lãnh đạo ở miền Nam nhằm

thực hiện một chính sách giải phóng dần dần. Đây là lý do tại sao Jefferson lại căm ghét sâu sắc lãnh đạo miền Bắc về Vấn đề Missouri, tuyên bố rằng “họ [người miền Bắc] đang lãng phí những lời ai oán vào những khốn khổ của chế độ nô lệ, cứ như thể chúng ta là người ủng hộ cho chế độ ấy”. Liên minh cắt lớp được biểu trưng hùng hồn bởi tình bạn Adams-Jefferson đã bị thế hệ chính khách phía Bắc đang lên bác bỏ.

Mặc dù văn minh thư từ của họ không cho phép làm điều này, nhưng Adams có thể đã nhắc nhở Jefferson rằng sự hiểu biết không nói ra của họ phụ thuộc vào một số biện pháp tiến bộ có thể thấy rõ việc hướng tới kết thúc chế độ nô lệ. Trong thực tế, cuộc tranh luận Missouri đã đưa ra một số sáng kiến mới ở Virginia, một được bảo trợ bởi con rể của Jefferson, Thomas Mann Randolph, Jr., về một chương trình giải phóng dần dần, đi cùng với kế hoạch giả định nhằm trục xuất những nô lệ được giải phóng đến châu Phi hoặc Santo Domingo. Cuộc khủng hoảng Missouri dường như kích thích chính Jefferson đảm trách một vai trò tích cực hơn trong việc ủng hộ những sáng kiến này và suy nghĩ cụ thể hơn về những gì ông đã chối bỏ trước đó vì cho rằng đó chỉ là tiểu tiết. Năm 1824, ông biên soạn phần phân tích đầy đủ nhất ông từng làm về các thực tế nhân khẩu học và kinh tế, tính toán rằng sẽ mất 900 triệu đô-la để giải phóng và sau đó trục xuất 1,5 triệu nô lệ tại Mỹ trong khoảng thời gian 25 năm. Đặc điểm đáng sợ về chi phí, ông thừa nhận, đã làm cho ông “không dám nhìn lại vấn đề này lần thứ hai”. Tệ hơn nữa, con số 1,5 triệu nô lệ sẽ tăng lên gấp đôi trong lúc kế hoạch được thực hiện, và nhiều người trong số những nô lệ được giải phóng, khi được đề nghị lên đường sang châu Phi hay Tây Ấn, chắc chắn sẽ nói, “Chúng tôi không đi”.

Trong thực tế, càng nghĩ về chủ đề này, càng nhận ra rằng nghĩ về nó chẳng đem lại mục đích gì hữu ích. Chỉ có một chính sách giải phóng dần dần mới là khả thi, nhưng số lượng ngày càng tăng của nô lệ khiến

cho bất kỳ chính sách dần dần nào cũng trở nên không khả thi vì tốc độ tăng dân số sẽ nhanh hơn tốc độ di dời. Không một ai, chắc chắn không phải Jefferson, muốn nói ra điều này hoặc đối mặt trực diện với nó, nhưng nếu từng có một cơ hội để kết thúc chế độ nô lệ một cách từ từ và hòa bình thì cơ hội ấy cũng đã tự kết thúc, đặc biệt là nếu ta giả định, như Jefferson đã làm, rằng những người da đen tự do có thể không được phép ở lại Mỹ. Nếu đã có một cách hiểu ngầm và không chính thức rằng nô lệ là một vấn đề người miền Nam nên được phép giải quyết mà không có sự can thiệp của miền Bắc, thì tới năm 1820 rõ ràng sự trì hoãn và né tránh, cũng là quyết định căn bản của Jefferson về chủ đề này, đã khiến cho bất kỳ giải pháp nào được người miền Nam hậu thuẫn đều cực kỳ khó xảy ra. Nhận xét tiếc nuối của Jefferson về việc không thể đảo lộn tình thế chỉ mở ra một vết nứt nhỏ của hy vọng. “Liên tiếp các sự kiện đã không thể làm cho việc này được hoàn thiện trong thời hạn dành cho tôi”, ông thừa nhận, “và tôi xin nhường lại việc hoàn thành nó cho thế hệ sau”. Hoặc, cũng cùng một dòng suy nghĩ: “Về vấn đề giải phóng tôi đã không còn nghĩ đến nữa vì [nó] không còn là công việc trong thời đại của tôi”. Xét về di sản của ông, và trong bối cảnh có một sự thỏa thuận ngầm giữa các lãnh đạo của thế hệ cách mạng giờ đã ra đi, thì tuyên bố này chính là lời thú nhận thất bại của ông. Nhánh phía Nam được giác ngộ của thế hệ cách mạng, mà dứt khoát Jefferson là người đứng đầu, đã không giữ lời hứa của mình. Cuộc khủng hoảng Missouri làm thực tế khó chịu trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết và làm cho việc tránh những tác động kém hấp dẫn của nó trở nên khó khăn hơn, thậm chí đối với cả Jefferson.

Tuy vậy, ở cấp độ khác, cuộc tranh luận về Missouri đã biến khu vực miền Trung Tây to lớn mà Jefferson mua lại vào năm 1803 từ một nơi mang tính giải thoát và giải phóng trở thành một nơi tranh chấp tiếp

diễn. Phía Tây, như Jefferson đã luôn hình dung ra, là một nơi mà những vấn đề xã hội và chính trị đang mung mủ đi tìm câu trả lời. Nhưng Vấn đề Missouri dường như đảo ngược quá trình Jefferson; câu hỏi biến miền Tây trở thành một đấu trường mới của xung đột, tạo ra sự thù địch mà sau đó tràn ngược về Washington và làm trầm trọng thêm những căng thẳng chính trị cũ. Nếu miền Tây đã từng có vẻ như suối nguồn tươi trẻ của Mỹ, thì Missouri giờ đây đầu độc nó bằng một chủ đề nguy hiểm đơn nhất nhất mà nước Cộng hòa Mỹ có thể nghĩ ra.

Quan điểm mà Jefferson cuối cùng đã thông qua về Vấn đề Missouri phụ thuộc đáng kể vào sự chối bỏ của ông với đức tin gần như huyền bí vào sức mạnh chữa trị của vùng đất phía Tây. Trong thực tế, ông lập luận rằng các vùng đất rộng lớn của khu vực xuyên Mississippi sẽ pha loãng và sau đó hòa tan các sản phẩm độc hại của chế độ nô lệ và cuối cùng là chính chế độ nô lệ. Ông gọi câu trả lời của mình là “sự phân tán”, tin rằng việc cho phép chế độ nô lệ tràn vào các vùng lãnh thổ phía Tây sẽ dẫn đến sự tuyệt chủng dần của chính chế độ này. Như ông nói, “sự phân tán trên một bề mặt lớn hơn sẽ làm cho họ [những nô lệ] hạnh phúc hơn về mặt cá nhân, và theo tỷ lệ, giúp họ đạt được sự giải phóng bằng cách chia sẻ gánh nặng cho một số lượng lớn các trợ lý giám mục”. Trong một bức thư gửi Henry Dearborn, Bộ trưởng Chiến tranh cũ của ông, Jefferson nói bóng gió là ông đã mở rộng lập luận của mình về việc Madison lần đầu tiên thực hiện Chế độ liên bang 10. “Tôi vẫn tin rằng phần mở rộng về miền Tây của liên minh chúng ta sẽ được lâu dài”, ông giải thích, “bằng cách bác bỏ những phe phái địa phương, thứ có thể làm rung chuyển một tập hợp nhỏ hơn”. Ông dường như đang gợi ý rằng, dù bằng cách không chính xác trong đó đòi hỏi những phỏng đoán đầy cảm hứng về phần chúng ta nhằm hoàn thiện suy nghĩ của ông, rằng với việc mở rộng các khu vực địa lý nơi tồn tại chế độ nô lệ, người ta có thể nhân lên các

phe phái ủng hộ và chống lại sự kéo dài chế độ nô lệ, do đó ngăn ngừa một sự phân chia rõ ràng theo mặt cắt giữa miền Bắc và miền Nam mà có thể dẫn đến nội chiến. Nếu đây là những gì ông muốn ám chỉ khi nói đến “sự phân tán” và bằng cách “chia sẻ gánh nặng cho một số lượng lớn các trợ lý giám mục”, đó là một kế hoạch được thiết kế để tranh thủ sự ủng hộ của người miền Tây và cung cấp cho những chủ nô đơn độc ở miền Nam các đối tác mới trong chính sách giải phóng dần dần. Các khía cạnh chính trị trong tư tưởng của ông khá mờ nhạt. Hình ảnh mà ông nhìn thấy trong trí tưởng tượng của mình rõ ràng hơn nhiều: Chế độ nô lệ sẽ di chuyển về phía Tây, và đơn giản biến mất trong sự bao la của không gian trống rỗng.

Khi Adams nghe nói người bạn cũ của mình, cùng với Madison và Monroe, đang vận động cho phép chế độ nô lệ lây lan như một cách để cải thiện ảnh hưởng của nó và cuối cùng để chấm dứt chế độ đó, ông đã bày tỏ sự ngạc nhiên, viết liên tiếp nhiều thư cho con trai mình là John Quincy và con dâu Louisa Catherine Adams để tuyên bố rằng triều đại Virginia đã mất đi bộ óc tập thể của nó. Như Adams nhìn nhận thì chế độ nô lệ là một căn bệnh ung thư; việc tuyên bố rằng sự lây lan khắp cơ thể chính trị bằng cách nào đó sẽ làm giảm tính sát thương của căn bệnh là một suy nghĩ thật kỳ quái. Ông cũng nhấn mạnh rằng học thuyết mới về sự phân tán này mâu thuẫn với ý định ban đầu của các thế hệ cách mạng, hoặc ít nhất là với nhóm lãnh đạo, mà chắc chắn bao gồm cả Jefferson, dành cho việc dần bãi bỏ chế độ nô lệ. Tất cả sau đó đã đồng ý rằng chuyện chấm dứt chế độ nô lệ phụ thuộc vào việc hạn chế chế độ này ở miền Nam. Sự xuất hiện của bông với tư cách một loại cây trồng sinh lợi và sự lây lan đồng thời của chế độ nô lệ ở các bang mới ở khu vực Deep South (Cực Nam) đã làm lộ ra điểm yếu kém của chiến lược này, nhưng không có ai đến nay đã từng tuyên bố rằng việc mở rộng này của

chế độ nô lệ là hữu ích cho sự nghiệp bãi bỏ chế độ nô lệ. Chính xác là ngược lại, sự lan truyền của chế độ nô lệ làm triển vọng giải phóng trở nên xa vời hơn bao giờ hết. Trong khi Jefferson tin rằng việc miền Bắc khẳng định đòi xua chế độ nô lệ khỏi các vùng lãnh thổ phía Tây là đã vi phạm vào một phần hiểu biết của những người trong thế hệ sáng lập, thì Adams lại cáo buộc Jefferson đã bác bỏ các giả định được chia sẻ từ lâu rằng kết thúc chế độ nô lệ có nghĩa là cô lập nó ở miền Nam.

Trong cuộc tranh luận này về ý nghĩa thật sự của Cách mạng Mỹ, điều mà không bao giờ trở nên rõ ràng vì một lần nữa nó là một chủ đề quá mong manh để chia sẻ giữa hai vị tộc trưởng, Adams có phần bằng chứng lịch sử lớn hơn nghiêng về phía mình. Thật vậy, căn nguyên sự thất vọng cùng cực của Jefferson với Vấn đề Missouri, cũng như nguồn gốc của những nỗ lực điên cuồng và cường điệu của ông để trả lời câu hỏi đó mà không cần tuyên bố rõ quan điểm chống chế độ nô lệ của ông, chính là ông đã bị mắc kẹt trong những mâu thuẫn ông tự tạo ra bởi sự trì hoãn và chối bỏ. Missouri trở thành một nghịch lý lâu dài về chế độ nô lệ mà ông đã rất khéo léo đưa thành một mâu thuẫn không thể phủ nhận. Ông vẫn luôn nói dối.

Đây là điều khó mà chấp nhận được, cũng như ta không thể chấp nhận được việc những chính khách miền Bắc nắm trong tay nền tảng đạo đức cao vời, thường là lãnh địa của Jefferson, mà từ trên đó họ giờ đây lại đang đổ bóng xuống di sản của ông. Xét đến tính chất không thể chấp nhận được của tình trạng này, Jefferson một lần nữa lại tìm về cách phân loại nguyên thủy trong hình dung chính trị của ông, đó là như mọi khi, theo đạo đức và chia làm hai phần rõ rệt. Càng nghĩ về cuộc tranh luận Missouri, ông càng tự thuyết phục mình rằng chương trình nghị sự thật sự không liên quan mấy đến chế độ nô lệ. Đó hoàn toàn chỉ là một cái cớ, một sự thao túng tài tình của cùng những lực lượng nham hiểm

đã cố gắng phá hoại nước Cộng hòa Mỹ ngay từ khi mới ra đời. Họ được gọi là những người bảo thủ trong thập niên 1770, những kẻ theo chế độ quân chủ hoặc độc tài vào những năm 1790, những kẻ Liên bang cực đoan trong nhiệm kỳ tổng thống của ông, nhưng tất cả họ thực ra đều là nhân tố của cùng một quá trình thối nát. “Vấn đề Missouri hoàn toàn là một thủ đoạn đảng phái”, ông giải thích cho Charles Pinckney. “Các nhà lãnh đạo của chủ nghĩa liên bang, bị đánh bại trong các kế hoạch thu tóm quyền lực, đã thay đổi chiến thuật của họ và ném ra một thùng mồi khác cho cá voi”. Mặc dù đã bị đánh bại hết lần này tới lần khác, nhưng các tàn dư còn sót lại này của sự tham nhũng liên bang lại dùng tới những thủ đoạn cũ, “lợi dụng tình cảm đạo đức của nhân dân” để giành lại quyền lực chính trị, sử dụng thông điệp chống chế độ nô lệ như một công cụ mới để củng cố quyền kiểm soát của nó.

“Hợp nhất” là thuật ngữ mới mà Jefferson sử dụng - những người Virginia khác cũng sử dụng từ này - để gắn nhãn các mục tiêu bí mật của những kẻ bị cáo buộc là chủ mưu này. Theo một nghĩa nào đó thì những người chủ trương củng cố chỉ đơn giản là những người ủng hộ chế độ quân chủ cũ trong vỏ bọc hơi khác nhau. Hoặc họ là đám cận thần và tay sai chính trị xung quanh George III trong thời kỳ cách mạng nay được cấu hình lại. Thâm tâm tất cả họ đều nhắm đến cùng một mục đích tương tự: tích lũy quyền lực chính trị cho bản thân thông qua việc ép buộc chặt chẽ và tách xa khỏi bất kỳ hạn chế hoặc trách nhiệm công chúng nào, sử dụng chế độ nô lệ theo cùng một cách mà Hamilton đã từng dùng nợ nần để biện minh cho âm mưu của họ. Dù lời giải thích ma quỷ này có thiếu sót tới đâu thì đó cũng là một mô tả chính xác về các lực lượng chính trị đã được huy động xoay quanh Vấn đề Missouri, đó là phản ứng được kiểm nghiệm qua thời gian của Jefferson trước mọi xung đột chính trị phức tạp, cụ thể là biến những lực lượng xoay vòng thành

một cuộc thi giữa hai bên thiện và ác. Sự đơn giản hóa và cường điệu đã luôn có tác dụng tốt với ông trong quá khứ: George III thực ra không định nô dịch người dân thuộc địa Mỹ, mà chính ra là định thắt chặt kiểm soát của triều đình với những vùng thuộc địa xa xôi; chẳng phải Hamilton hay Adams là người ủng hộ chế độ quân chủ, mà chính là những người ủng hộ một chính phủ liên bang có quyền điều hành mạnh hơn và tràn đầy năng lượng hơn. Hơn nữa, nhân mới mà ông dành cho kẻ thù - những kẻ chủ trương củng cố - thực ra là một mô tả chính xác hơn về những gì đã luôn làm ông đau khổ về nồng độ nguyên thủy của dã tâm chính trị mà ông đã thấy qua lăng kính mình: Nó được tổ chức và nhóm lại với nhau để tối đa hóa ảnh hưởng cưỡng chế của nó lên quan điểm của quần chúng. Sự phân tán, mặt khác, lại chuyển tải một cách chính xác tính năng cốt lõi của tất cả quyền lực chính trị thật sự chính đáng như ông quan niệm trong trí tưởng tượng của mình: Nó thiếu tổ chức; nó đạt được mục tiêu của mình một cách lặng lẽ, chậm rãi và thấm dần mà không bao giờ phải viện đến sự ép buộc cố ý; đó là một quá trình tự nhiên, gần như vô thức.

Như Jefferson nhìn nhận, lúc đó cuộc khủng hoảng năm 1820 vẫn chưa phải là một phiên bản của cuộc đấu tranh đang tiếp diễn mà ông đã tiến hành và giành được chiến thắng năm 1776, và thắng thêm lần nữa vào năm 1800. “Các đảng hiện tồn tại mà đã tồn tại trước đây”, ông viết cho Lafayette vào năm 1822, chỉ là bây giờ kẻ thù đã nhận ra rằng “chủ nghĩa quân chủ là một mong ước vô vọng ở đất nước này, và đang tập hợp lại một lần nữa để nhắm đến mục tiêu tốt nhất tiếp theo, một chính phủ hợp nhất”. Hôm sau, ông viết cùng một giọng điệu ấy cho Gallatin, mở rộng định nghĩa của ông về âm mưu củng cố, trong đó bao gồm cả các đề nghị cho phép sự kiểm soát liên bang đối với đường giao thông và kênh mương, nghĩa là tất cả các “cải tiến nội bộ”. Khi phục vụ

trong nội các của Jefferson, Gallatin thực tế đã chủ trì một nghiên cứu đầu tiên về hệ thống đường giao thông và kênh mương quốc gia, và hầu hết phe Cộng hòa từ lâu đã chấp nhận nguyên tắc liên bang chịu trách nhiệm về mạng lưới giao thông vận tải giữa các bang nhằm nối các khu vực địa lý với nhau và kết nối các bang ven biển với các bang trong đất liền. Tuy nhiên, giờ đây Jefferson thông báo với Gallatin rằng cải tiến nội bộ lại là một khía cạnh khác trong âm mưu của những kẻ củng cố. “Mặc dù điều này vẫn chưa được thừa nhận (như với chủ nghĩa quân chủ, bạn biết đấy, cũng chưa bao giờ được thừa nhận) nhưng dứt khoát là có tồn tại”, ông đoán chắc với Gallatin, “và là chìa khóa thật sự cho các cuộc tranh luận tại Quốc hội...”

Những điều mà Gallatin thật sự nghĩ về thuyết âm mưu của Jefferson đã không được lưu lại trong sử sách. Nhưng phiên bản mở rộng hơn và toàn diện về tầm nhìn có toan tính của Jefferson, giờ đây đã vượt ra ngoài vấn đề chế độ nô lệ ở Missouri và bao hàm toàn bộ chương trình quốc gia về cải tiến nội bộ, đã gây khó khăn cho việc hiểu rõ cuộc thập tự chinh đạo đức của ông chống lại xu hướng củng cố theo cách ông hiểu như một chương mới trong câu chuyện đang diễn ra của Cách mạng Mỹ. Những tiếng nói tổ tiên mà ông nghe và những bóng ma của Chủ nghĩa liên bang mà ông thấy giờ đây hẳn nhiên có dáng vẻ của một ảo tưởng lớn. Thậm chí tệ hơn, sự thật đáng xấu hổ là ông đã cho phép uy tín lớn gắn với tên tuổi của mình bị phân khúc phản động nhất của nền văn hóa chính trị miền Nam nắm giữ, với việc bảo vệ chế độ nô lệ của nó và thuyết về quyền của các bang.

Ngôn ngữ của ông trở nên cuồng loạn hơn như thể tận thế đến nơi. Quyết định hạn chế việc mở rộng chế độ nô lệ chỉ là một cái cớ để tuyên bố sự bất hợp pháp của chế độ nô lệ trên khắp nước Mỹ, “trong trường hợp đó, tất cả những người da trắng ở phía nam sông Potomac và Ohio

phải sơ tán khỏi bang mình, và những kẻ may mắn nhất là những kẻ làm được việc này trước”. Đó chính xác là cùng một loại chương trình mà Nghị viện đã cố gắng thử trong thập niên 1760, theo đó quyền đánh thuế người dân thuộc địa chỉ là một cái nôm mở nhằm thiết lập chế độ độc tài một cách toàn diện. Ông và các đồng nghiệp mình trong thế hệ cách mạng đã nhìn thấu thủ đoạn gian trá này, nhưng những người kế nhiệm họ lại “không có chút nào trong người những cảm xúc hay nguyên tắc của năm ’76” giờ đây hoàn toàn bị lừa trong việc ủng hộ “một chính phủ duy nhất và lộng lẫy của tầng lớp quý tộc, được thành lập dựa trên các thể chế ngân hàng và các công ty nhiều tiền... cuối lên và cai trị dân cày bị cướp bóc và những tiểu địa chủ đang van xin”. Đó là lối thuyết phục kiểu cũ của phái Whig, nhưng bây giờ được khai thác nhằm phục vụ tối đa lợi ích tình lẻ của giới chính trị Virginia. Mặc dù ông bày tỏ hy vọng tha thiết rằng ông sẽ không sống để nhìn thấy điều đó, “không thể có chút do dự nào”, ông kết luận, nếu phải đối mặt với một sự lựa chọn giữa “sự tan rã của Liên minh chúng ta... hoặc tuân theo một chính phủ với quyền lực vô hạn”. Ly khai được ưa chuộng hơn củng cố. Đó là một cảnh tượng đáng buồn và đáng thương, càng nã nề hơn vì nó dường như ngân lên các hợp âm quen thuộc của những năm 1776 và 1800, nhưng trong thực tế ông đang kết nối di sản của mình với sự hủy diệt của nước cộng hòa mà ông đã góp phần tạo ra.

SỰ PHẢN ĐỘNG NỔ LOẠN

Có các tình tiết giảm nhẹ mà những người hâm mộ cuồng nhiệt nhất của Jefferson, kể từ thời ông lần mãi sau này, cố nặn ra. Một cách để giải thích việc ông rơi vào tình trạng tâm thần gần như bệnh lý là nhìn nhận điều này như một hệ quả của sự hoảng loạn năm 1819 hơn là cuộc khủng hoảng Missouri, hai sự kiện xảy ra cùng lúc. Cuộc khủng hoảng rối loạn đã gây rớt giá và sụt giảm giá trị đất đai trên toàn bang Virginia. Những

vấn đề tài chính của Jefferson và các khoản nợ từ lâu đã buộc ông phải bán thư viện khổng lồ (gần 7.000 cuốn) của mình vào năm 1815 với mức giá tương đối thấp là 23.950 đô-la. Và suy thoái kinh tế bắt đầu từ năm 1819 có lẽ đã đủ để phá hỏng bất cứ triển vọng mong manh nào của việc trả hết nợ. Nhưng đòn tột đỉnh là khi ông cùng ký tên vào một giấy hẹn trị giá 20.000 đô-la cho Wilson Cary Nicholas, một người bạn cũ giàu có và là họ hàng bên vợ. Cuộc khủng hoảng đã hủy hoại giá trị phần sở hữu đất đai rộng lớn của Nicholas, đẩy ông ta rơi vào tình trạng vỡ nợ và để lại cho Jefferson khoản lãi suất phải thanh toán hằng năm là 1.200 đô-la. Jefferson ngay lập tức nhận ra sự bất hạnh này và gọi đó là “*cú dứt điểm*”. Ông đã được cứu thoát khỏi sự thất vọng hoàn toàn chỉ bởi phong cách Jefferson không thể bắt chước. “Trách nhiệm tôi phải gánh thay ngài”, ông viết cho Nicholas, “quả thực đã đặt dấu chấm hết cho tôi bằng một thảm họa tôi chưa bao giờ lường được”. Tình hình tài chính của ông vô vọng một cách không thể phủ nhận sau năm 1819. Tất cả các tuyên bố chính trị của ông sau thời điểm đó, về lý thì phải được coi là những lời huyền thuyên của một ông già chán nản bị tê liệt khi nhận ra tình trạng phá sản của mình có thể tước Monticello khỏi những người thừa kế. Di sản lớn trong nước của ông sẽ là một khoản nợ. Những tuyên bố chính trị của ông trong mấy năm cuối cùng này, một lần nữa về lý thì đã được tô điểm bởi không khí u ám bao trùm do những xui xẻo tài chính của ông gây ra.

Ông cũng là nạn nhân của sự cô lập ông tự đặt cho mình. “Thời gian này tôi không đọc báo ngoài tờ của Ritchie”, ông viết cho Nathaniel Macon vào năm 1819, và “Tôi cảm thấy quan tâm và muốn tìm hiểu những gì đã qua trong hai hoặc ba ngàn năm trước hơn so với những gì đang diễn ra bây giờ”. Thomas Ritchie là biên tập viên tờ *Richmond Enquirer*, một phương tiện cho cuộc bút chiến về quyền của các bang

chiến trường, còn Macon là một thành viên cũ trung thành khác của phe Cộng hòa, người coi cuộc khủng hoảng Missouri là một âm mưu nhằm chấm dứt chế độ nô lệ ở miền Nam. Ngoài Adams, gần như tất cả những người thường xuyên thư từ với Jefferson đều là đồng hương Virginia như Macon, William Branch Giles và John Taylor, John Taylor là người bảo vệ đông dài nhất các giá trị nông nghiệp và quyền của các bang trong cả nước. Ngoài Old Dominion, nguồn cung cấp thông tin chính về vấn đề hiến pháp của Jefferson là William Johnson, một thẩm phán Tòa án Tối cao từ Nam Carolina, người nổi tiếng chủ yếu là nhờ những nỗ lực không thường xuyên và thường không đầy đủ nhằm phản đối Chánh án Marshall về việc ủng hộ tình trạng quyền của liên bang hơn là bang. Dù sao thì lúc đó các nguồn thông tin chính trị của Jefferson mang tính đảng phái cao và tính địa phương hạn hẹp. Một ngạc nhiên nhỏ là quan điểm riêng của ông đã bị bóp méo bởi những thành kiến tương tự.

Cuối cùng, có một lời bênh vực của Madison được trích dẫn nhiều lần. Jefferson đã nhờ đệ tử cũ của mình “lo liệu cho tôi khi chết”, một tâm nguyện đáng thương mà Madison trung hiếu đã hoàn thành vào những năm 1830, khi những kẻ ly khai miền Nam cố gắng kéo Jefferson về phe mình. Không ai có thể nghi ngờ tuyên bố của Madison về việc ông biết Jefferson rõ hơn bất kỳ ai trên đời này, và ông bày tỏ niềm tin rõ ràng của ông rằng “các cáo buộc chống lại ông Jefferson”, nghĩa là những tuyên bố về gia sản của ông từ những kẻ ly khai và ủng hộ quyền tuyệt đối của bang “có thể bị bác bỏ một cách hợp lệ”. Madison nhận xét rằng “các khoản phụ cấp cũng phải được thực hiện theo thói quen của Jefferson cũng như những người khác có thiên tài vĩ đại trong việc thể hiện bằng từ ngữ mạnh mẽ và tròn đầy, ấn tượng tại thời điểm này”. Một vài phát biểu sau này, được tách khỏi bối cảnh, cho là không nên xếp di sản lâu dài của Jefferson cạnh các yếu tố phản động nhất ở miền Nam. Theo một

người thân tín nhất của Jefferson, cũng là một người Virginia có kinh nghiệm hoàn hảo về bênh vực lợi ích miền Nam, việc Madison khẳng định rằng không nên cho Jefferson là một người ủng hộ ly khai theo nghĩa đen vừa hợp lý vừa thuyết phục.

Mỗi nỗ lực nhằm giảm nhẹ tình tiết và giải thích hữu ích là có thật, đặc biệt là lời cảnh báo của Madison rằng không nên coi những tuyên bố đơn lẻ cực đoan và bốt thù địch nhất của Jefferson như các ví dụ công bằng cho những suy nghĩ cuối cùng của ông. Nhưng cũng đúng là các nỗ lực để chối bỏ những tuyên bố chính trị sau này của ông như là những lầm lạc đã không có tác dụng. Dù tình trạng khó khăn tài chính của ông đã có tác động như thế nào lên sự ổn định cảm xúc của ông, thì ông vẫn tìm ra cách để bảo vệ mình khỏi những ảnh hưởng đầy đủ của khoản nợ cho đến tận vài tháng trước khi chết, ông vẫn sử dụng cùng một cơ chế từ chối mà ông đã dùng rất hiệu quả trong suốt cuộc đời mình. Và tính chất đảng phái hẹp hòi trong thư từ của ông không phải chỉ là một tai nạn nào đó của số phận; Jefferson đã chọn cách tập trung trao đổi về chính trị với những người phát ngôn cho một phiên bản “Virginia rõ ràng” của Mỹ, vì họ có xu hướng chia sẻ cảm giác của ông về cái kết rình rập của xã hội nông nghiệp và một lối sống gắn bó chặt chẽ với chế độ nô lệ. Kể cả lối bênh vực đầy thuyết phục của Madison - rằng không nên lúc nào cũng hiểu theo nghĩa đen lối hùng biện vốn có của Jefferson với các ý tưởng cũng phải bị đặt câu hỏi, vì sức mạnh tu từ của lời phát biểu chính trị của Jefferson chính là tâm điểm khiến chúng bị phản kháng và là chìa khóa trọng yếu duy nhất cho sự bền lâu trong di sản của ông. Tóm lại, suy nghĩ cuối cùng của Jefferson về ý nghĩa của Cách mạng Mỹ và ý nghĩa của nó với chính phủ của quốc gia Mỹ mới nổi là cực đoan, nhưng không phải theo nghĩa bất thường hay bị hiểu sai nghiêm trọng; chúng là sự tăng cường và thanh lọc những gì ông vẫn luôn nói.

Có lẽ Madison là người duy nhất trong số những người đương thời với Jefferson hiểu được điều này. (Adams tiếp tục cố gắng hiểu, nhưng giả thuyết cổ điển của ông về sự cần thiết phải xử lý kỹ luật và cân bằng quyền lực chính trị đã ngăn cản ông nắm bắt sự khơi mở trong thông điệp của Jefferson). Sự bênh vực Jefferson của Madison trong thực tế còn hơn cả sự không trung thực, vì thư từ cá nhân và những trò chuyện của ông với thầy mình trong năm năm cuối đời Jefferson đã cho ông tiếp cận đặc biệt tới biểu hiện cuối cùng của sự thông thái chính trị Jefferson, đặc biệt dễ bị nắm bắt bởi những kẻ ly khai miền Nam. Nhưng Madison cũng hiểu hơn ai hết rằng Jefferson là một người có tầm nhìn về chính trị hơn là một nhà tư tưởng chính trị. Trong ý nghĩa cuối cùng đó, thông điệp của ông không thuộc về một nhóm đơn lẻ hoặc nhóm lợi ích nào, bao gồm cả những kẻ ly khai miền Nam đang lên; thật sự thông điệp ấy thách thức mọi giả định truyền thống về những gì có thể có trong chính trị.

Madison có xu hướng chia sẻ những lo ngại linh tính của Jefferson về việc củng cố. Giống như Jefferson, ông bị mắc kẹt trong những tác động kém hấp dẫn của vấn đề chế độ nô lệ; ông cũng phản đối việc hạn chế chế độ nô lệ bị áp đặt bởi Thỏa hiệp Missouri và tìm kiếm sự giải thoát trong ảo tưởng của thuyết phân tán, cũng như có niềm tin ảo tưởng không kém rằng sự giải phóng dần dần bằng cách nào đó vẫn khả thi. Hơn nữa, một trong những hành động cuối cùng của ông với tư cách tổng thống là phủ quyết dự luật về cải tiến nội bộ với lý do là nó cấp cho chính phủ liên bang những quyền hạn vi hiến. Việc thống nhất trong tất cả những vấn đề quan trọng như trên giữa ông và Jefferson khiến lương tâm Madison cảm thông với người thầy già và những suy nghĩ già vò ông sau năm 1820.

Tuy nhiên, có một lĩnh vực mà Madison muốn kín đáo giữ im lặng, đó là điệp khúc quen thuộc của Jefferson về những gì đã được dự định tại

Hội nghị Lập hiến. “Có thể tin được không”, Jefferson hỏi một cách hoa mỹ, “khi mà dưới sự ganh tị đang hiện hành chống lại Chính phủ Chung, trong lúc thông qua Hiến pháp, các Bang định từ bỏ quyền bảo lưu mệnh lệnh, thực thi nhiệm vụ đạo đức và kiềm chế thói xấu, trong lãnh thổ riêng của họ?” Công thức lâu nay của Jefferson rất đơn giản: “Tôi tin rằng các Bang có thể quản lý tốt nhất những vấn đề nội tình và Chính phủ Chung là những vấn đề với bên ngoài”. Hoặ, theo công thức rõ ràng nhất của ông thì, “liên bang, về mặt sự thật, là chính phủ nước ngoài của chúng ta...” Madison thích đáp lại các khẳng định như vậy bằng những tuyên bố đầy ẩn ý. “Nút thắt Gordion của Hiến pháp”, ông nhận định, “duờng như nằm trong vấn đề xung đột giữa quyền lực liên bang và bang...” Trong khi chính Madison không muốn làm rõ cả câu hỏi về chủ quyền lẫn mức độ bất đồng của ông với Jefferson, thì Dolley vợ ông, trong một lưu ý kèm giấy tờ của chồng ngay sau cái chết của ông, đã nói điều này thẳng thắn hơn: “Thomas Jefferson đã không ở Mỹ trong lúc xây dựng khung Hiến pháp, thông tin về tất cả những gì đã diễn ra tại Hội nghị, về động cơ và ý đồ của những người xây dựng khung, đều từ Madison mà ra, ý kiến của Madison đã dẫn dắt Jefferson trong việc xây dựng công cụ đó, và ông ấy được nhiều người ngưỡng mộ với tư cách là cha đẻ của tác phẩm và gần như tất cả đều nhất trí ông ấy là người đích thực duy nhất tạo ra nó”. Khi nói đến vấn đề hiến pháp, nói ngắn gọn thì Jefferson thường không biết mình đang nói về cái gì.

Bất đồng ngày càng xấu đi, theo logic và theo pháp luật, liên quan đến sự tố cáo đầy màu sắc của Jefferson về Tòa án Tối cao. Biểu tượng cuối cùng của xu hướng củng cố đối với Jefferson là Tòa án Marshall, ngôi trên nóc chính phủ liên bang như một khu bảo tồn phe Liên bang, với Marshall đang phân phát những bản án tư pháp của mình như Phật tổ độc ác. “Cái tôi sợ nhất là tư pháp liên bang”, Jefferson viết vào năm 1821.

“Cơ quan đó giống như lực hấp dẫn, từng hành động với bước chân khê khàng, những bước tiến không báo trước, từng bước từng bước chạm xuống đất, và nắm giữ những gì nó đạt được, đang ngấm ngấm đẩy những chính phủ đặc biệt vào bộ nhá đang nuôi chúng”. Hình ảnh thường xuyên nhất của ông về Tòa án Tối cao là “những quân đoàn tinh tế gồm công binh và thợ mỏ liên tục làm việc dưới mặt đất để phá hoại nền tảng nước cộng hòa liên bang của chúng ta”. Đáng bực hơn cả là Marshall, người dường như sở hữu quyền lực kỳ diệu có ảnh hưởng tới những thẩm phán đồng nghiệp của mình. “Một ý kiến được quăng ra trong buổi họp kín”, Jefferson ghi nhận trong sự ghê tởm, “được đưa ra cứ như thể có sự nhất trí, và với sự đồng tình im lặng của những cộng sự lười biếng hoặc nhút nhát, do một chánh án xảo quyệt, người biến hóa tài tình luật pháp theo ý mình bằng cách lý luận của riêng mình”. Ít nhất, Jefferson nhấn mạnh, sự chuyên quyền lặng lẽ của Marshall cần phải bị đặt câu hỏi bằng cách yêu cầu tất cả các thẩm phán Tòa án Tối cao đưa ra “lần lượt từng ý kiến” riêng rẽ, để bất đồng chính kiến trong Tòa án có thể được hé lộ và những ảo ảnh về sự nhất trí thần thánh - hiệu ứng ưa thích của Marshall - bị hủy hoại.

Madison có xu hướng đồng tình với Jefferson về ảnh hưởng ghê gớm của Marshall và nhu cầu có ý kiến rõ ràng của tất cả các thẩm phán trên tòa. Chừng nào vị Chánh án vẫn tại vị, thì ta cứ biết là sẽ không có giới hạn nào cho sự xâm lấn của chính phủ liên bang liên quan đến một trong hai câu hỏi về chế độ nô lệ tại các vùng lãnh thổ phía Tây và giả định về sự kiểm soát liên bang với những cải tiến nội bộ. Nhưng Jefferson đã đi xa hơn nữa, phủ nhận hoàn toàn quyền lực của Tòa án Tối cao trong việc quyết định các vấn đề về tính hợp hiến. “Trọng tài cuối cùng”, ông nhấn mạnh, “là người dân của Liên bang, tập họp bởi các đại biểu của họ trong hội nghị, theo lời kêu gọi của Quốc hội, hoặc hai phần

ba số bang”. Nói cách khác, Jefferson đã bác bỏ những nguyên tắc rà soát tư pháp và lập luận rằng các quy định được đưa ra để sửa đổi Hiến pháp là những thủ tục đúng đắn duy nhất để quyết định tất cả các vấn đề về hiến pháp.

Madison, từng là một nhà ngoại giao cùng với người đồng nghiệp và người bạn cả đời của mình, cố gắng tránh một sự tạm nghỉ bỏ ngỏ bằng cách đầu tiên gợi ý rằng Jefferson ưa một lối làm việc quy ước hơn là công kênh, rồi nhất trí rằng các quyết định của Marshall quả thực đã đủ để kiểm tra sự kiên nhẫn của ai đó. Tuy nhiên, sau đó lại đưa ra cú dút điểm nặng nề: “Nhưng việc lạm dụng tín nhiệm lại không thể bác bỏ sự tồn tại của nó”. Madison thừa nhận, và đã từ lâu luôn thừa nhận, nguyên tắc rà soát tư pháp. Nếu “tinh thần năm ’76” là có thật, điều mà Jefferson cho rằng, một cách hợp lý, mình là người biết rõ nhất, thì “tinh thần năm ’87” cũng là có thật, điều mà Madison cũng cho rằng, hợp lý không kém, mình biết với mức độ rõ ràng có thể sánh được.

Mục đích rõ ràng của những kẻ dàn xếp Hiến pháp, Madison nói với người bạn mình, là biến Tòa án Tối cao thành trọng tài tối hậu trong cuộc chiến giữa thẩm quyền liên bang và thẩm quyền bang, vị thẩm phán cuối cùng, như cách nói của Madison, là của bất kỳ “sự xét xử nào về sức mạnh giữa một đội do Marshall đứng đầu và một đội do cảnh sát trưởng đứng đầu”.

Một thực tế khá kinh ngạc là hai người Virginia đã làm việc với nhau vô cùng chặt chẽ và hài hòa trong nhiều năm, sự khác biệt căn bản về quan điểm này chưa bao giờ nổi lên trước đó. Mặc dù Madison luôn dùng giọng điệu nhẹ nhàng và khác biệt khi nói với người bạn cũ, nhưng Jefferson vẫn không thể nào bỏ qua được điểm này, vì nó lại nổi lên hơn một năm sau đó trong một bối cảnh khác. Jefferson đã chuẩn bị một đề xuất dự thảo mang tên “Tuyên bố và Phản đối long trọng Khối thịnh

vượng chung Virginia”, trong đó ông cố gắng đưa ra một quan điểm cho phép bang quê hương phản đối đạo luật liên bang về cải tiến nội bộ. Ông coi quyền kiểm soát các công việc nội bộ là một trong những “quyền được duy trì bởi các bang, các quyền chưa bao giờ được nhường lại, và bang này sẽ không bao giờ tự nguyện nhường lại...” Sau khi Jefferson phủ nhận bất kỳ mong muốn nào nhằm đe dọa Liên minh hoặc chối bỏ khả năng “đổ vỡ ngay tức khắc”, tuyên bố rằng “một sự đổ vỡ như vậy nằm trong số những tai họa lớn nhất có thể xảy ra với họ”, ông lại đe dọa thực hiện chính những hành động mà ông vừa chối bỏ: Phá hoại Liên minh sẽ tạo ra một tai họa, hẳn rồi, “nhưng không phải là tai họa lớn nhất”; vẫn còn. “một tai họa lớn hơn, đó là một chính phủ với quyền lực vô hạn”. Ông đã gửi đề xuất dự thảo cho Madison với một lưu ý, nói rằng ông “không dám phỏng đoán một biện pháp quan trọng như vậy mà lại đi ngược ý ngài, hay thậm chí không có sự ủng hộ”.

Madison đã viết lại ngay trong tuần. “Ngài yêu cầu một câu trả lời sớm”, ông nhận định, “và tôi đã vội vã đáp lại, với rủi ro rằng một số trong câu trả lời về chủ đề này có thể thô kệch”. Nội dung chủ yếu trong câu trả lời dài dòng là đề xuất dự thảo của Jefferson là “một sự bất thường mà không có tính chất thực hiện”. Quốc hội đã thông qua việc cải thiện tài trợ nội bộ theo đa số quyết định. Cơ sở duy nhất để lật ngược hành động này là nếu Tòa án Tối cao thấy nó vi hiến, một quá trình khó có thể xảy ra nếu tính tới lòng yêu thích của Marshall, và trớ trêu của trớ trêu, dù sao đây cũng là một quá trình mà Jefferson cho rằng bất hợp pháp. Dù ai đi nữa có nghĩ về cải tiến nội bộ như một con ngựa rình rập sự xấu xa trong việc củng cố, thì Virginia vẫn phải tuân theo pháp luật. Muốn đề nghị khác đi nghĩa là phải nêu lên được nỗi lo rằng các bang không cần phải tuân thủ nếu phản đối được những luật này. Đây là công thức cho nội chiến và cuối cùng là tình trạng hỗn loạn, chính xác là sự nguy hiểm

mà Hiến pháp được thiết kế để tránh và Madison nhấn mạnh một cách cực kỳ kín đáo, cũng là thứ mà Jefferson không muốn gắn liền với tên tuổi mình. Jefferson hầu như luôn lắng nghe khi Madison đưa ra lời khuyên về hiến pháp. “Tôi đã đọc phần cuối cùng với toàn bộ sự tán thành và thông qua quan điểm của phần này”, ông thông báo lại cho Madison, và “do đó đã đè nén phần tài liệu của tôi...” Một vài năm sau, khi Madison đang bảo vệ di sản của Jefferson trước tuyên bố của những người ủng hộ quyền tuyệt đối của bang trong Khủng hoảng vô hiệu hóa, quyết định của Jefferson rút lại đề xuất của mình làm công việc của Madison dễ dàng hơn nhiều, và trò hai mang ôn hòa nhằm bảo vệ ông cũng dễ biện minh hơn.

Tuy nhiên, sự trao đổi cuối cùng và kết cục là hợp tác với Madison này cực kỳ lộ liễu, và vì những lý do đã vượt ra ngoài vấn đề dễ bị tổn thương của Jefferson, hay cứu thoát khỏi những kẻ ly khai miền Nam mới nổi. Adams đã nói với Jefferson trong nhiều năm rằng phiên bản của Jefferson về ý nghĩa của Cách mạng Mỹ thật sự vừa mang phong cách riêng vừa vô trách nhiệm. Giờ thì Madison nói với ông rằng ông đã thất bại trong việc nắm bắt các thành tựu trung tâm của việc dàn xếp hiến pháp năm 1787-1788, đem lại cho chính quyền liên bang đủ chủ quyền để bảo đảm một hệ thống quốc gia về pháp luật mà tất cả các bang và tất cả các cá nhân có nghĩa vụ phải tuân theo. Cả Adams và Madison, theo những cách khác nhau, đều thông báo với Jefferson rằng thành tựu nổi bật của thế hệ cách mạng chính là sự công nhận thực tế việc cần phải có những giới hạn cũng như sự giải phóng mà nước Cộng hòa Mỹ đã chịu đựng, vì những người tạo ra nó đã thỏa hiệp hợp lý với quyền lực chính trị, rằng thiên tài của cách mạng Mỹ nằm ở khả năng khai thác, thực ra là củng cố, các nguồn năng lượng được giải phóng bởi các phong trào giành độc lập.

Nhưng hóa ra, Jefferson không hề nhìn nhận cuộc cách mạng như vậy. Ông tự coi mình là tinh hoa chưa được thuần dưỡng của xung lực cách mạng thuở ban đầu, không bị ô nhiễm bởi bất kỳ sự hiểu biết ngầm nào của năm 1776 (ở đây ông khác với Adams) hoặc bất kỳ thỏa hiệp rõ ràng nào với quyền lực chính trị những năm 1787-1788 (ở đây ông khác với Madison). Quả thật điều mà hai người bạn cũ của ông coi như các giới hạn thực tế được thiết kế để bảo đảm sự ổn định của cuộc thí nghiệm cộng hòa, thì ông lại tin là sự phản bội ý nghĩa thật sự của Cách mạng Mỹ, không phải để kiểm soát, mà để phát huy năng lượng cá nhân. Ngay cả những cộng sự thân thiết như Adams và Madison cũng có thể xem tầm nhìn của ông vô trách nhiệm một cách quấy rầy, một loại ác cảm lãng mạn nguy hiểm đối với chính quyền hiện tại mà người ta cần phải vượt qua, Nhưng những tuyên bố của Jefferson trong mấy năm cuối đời, không phải là những lời huyền thuyên bất thường, mà thể hiện một sự gắn kết trở lại một cách thống nhất với các nguyên tắc mang tầm nhìn của ông. Tất cả những thỏa hiệp với quyền lực chính trị là các hiệp ước với ma quỷ. Tất cả các nỗ lực củng cố chính trị là những hành vi phản nghịch.

Theo nghĩa đó, ít nhất Madison đã đúng khi nhấn mạnh rằng người thầy cũ của mình sẽ chối bỏ bất kỳ tuyên bố nào về di sản của ông bởi những kẻ đấu tranh cho quyền ở các bang miền Nam. Di sản vĩnh cửu của ông là một sự nghi ngờ sâu sắc về quyền lực của chính quyền ở mọi loại hình và lối hùng biện chính trị trong đó miêu tả bất kỳ mối quan hệ nào giữa người dân và chính phủ đều là có vấn đề và mang tính ngẫu nhiên. Nhận xét không tốt duy nhất về Madison mà Jefferson từng đưa ra, ít nhất là nhận xét duy nhất được ghi chép trong lịch sử, là khi ông hấp hối trên giường trong những giờ khắc cuối cùng, lúc tỉnh lúc mê: “À nhưng!” ông thốt ra. “Ông ấy không bao giờ, trong đời mình, dám đứng

lên chống lại sự phản đối kịch liệt”. Mặc dù như vậy không hoàn toàn công bằng với người bạn trung thành nhất của mình, nhưng nhận xét đó nói lên cảm giác bất bình của Jefferson trong đó cho rằng mọi sự thỏa hiệp chính trị đồng nghĩa với sự phản bội các nguyên tắc. Ông vẫn là một kẻ nổi loạn đến phút chót.

GIẤC MƠ GIÁO DỤC

Những khoảnh khắc hạnh phúc nhất trong mấy năm cuối buồn bã rõ ràng là những lúc ở riêng: những giờ trong vườn nhà; những buổi chiều trên lưng ngựa; những lúc nô đùa buổi xế chiều cùng đám cháu trên mấy bãi cỏ sau tòa Monticello. Một điểm sáng trong chuỗi ngày trầm lắng về việc nước là dự án đang hình thành cách đó một vài dặm ở Charlottesville, hầu như có thể nhìn thấy vào những ngày quang đãng từ đỉnh núi của ông, được Jefferson gọi là “làng học thuật”. Giờ đây được biết đến, tất nhiên, là Đại học Virginia và được Viện Kiến trúc Mỹ công nhận tại lễ kỷ niệm 200 năm vào năm 1976 là “thành tích đáng tự hào nhất của kiến trúc Mỹ trong 200 năm qua”. Ngôi trường đã trở thành dự án huy hoàng của Jefferson năm 1817.

Trong năm đó, ông đã gửi một lời nhắn có ý quở trách đến Madison, người vẫn đang bàn giao vị trí tổng thống, vì đã bỏ lỡ cuộc họp đầu tiên của ủy ban chịu trách nhiệm lập kế hoạch về cái lúc đó được gọi là Cao đẳng Trung tâm (Central College): “Tôi đoán một sự giam cầm tại Washington đã ngăn cản ngài tham dự... Ngài sẽ được giải thích về tình huống làm cho chúng ta tin rằng một *cuộc họp đầy đủ* của tất cả du khách, ít nhất là nhân dịp đầu tiên, sẽ quyết định một đối tượng lớn trong hệ thống nhà nước về giáo dục phổ thông; và theo đó tôi đã ép chủ đề về Colo. Monroe [Tổng thống đương nhiệm thay thế Madison] như tôi nghĩ sẽ chắc chắn tham dự, và tôi hy vọng ngài cũng sẽ đến được”. Trong trường hợp Madison bỏ qua mất điểm này, Jefferson đã nhắc lại sự khó

chịu của mình trước sự vắng mặt của Madison và ông mong rằng các phiên họp tiếp theo sẽ là “một cuộc họp đầy đủ của tất cả...” Thời kỳ này minh họa sự đắm chìm của Jefferson trong công việc giáo dục và kiến trúc mới của mình; chưa bao giờ ông nghĩ rằng những tổng thống mãn nhiệm và tổng thống mới đắc cử của Mỹ lại có thể có các việc quan trọng hơn để làm.

Ông lao vào các dự án với sự nhiệt tình trẻ trung như ông đã dành cho việc trùng tu Monticello. Thật vậy, ta có thể hiểu những thách thức về mặt kiến trúc và xây dựng được đặt ra trong dự án trường Đại học Virginia giống như những ống dẫn thuận tiện cho cùng một nguồn năng lượng không ngừng nghỉ mà ông đã dành cho tòa biệt thự trên núi của mình mà hiện vừa hoàn thiện; đó là một dự án xây dựng hoàn hảo khiến ông bận rộn. Nhưng nó còn hơn thế, vì nó liên quan đến việc thuyết phục cơ quan lập pháp bang Virginia bỏ tiền ra, lựa chọn giảng viên, xây dựng một thư viện, hình thành một chương trình giảng dạy, trên thực tế là tạo ra một trường đại học Mỹ kiểu mẫu theo hình dung và ý thích của ông. Khi Madison bắt đầu tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, ông lập tức nhận ra rằng tổ chức này lập ra nhằm thể hiện cá tính của Jefferson. Tất cả các thành viên Hội đồng hiểu họ được chỉ định để làm theo chỉ dẫn của Jefferson, và tất cả đều thể hiện “sự tôn kính tuyệt đối... với phán đoán và kinh nghiệm của ông ấy”. Họ chỉ là những kẻ đồng lõa đơn thuần trong lúc ông cố gắng, rõ ràng là lần cuối cùng, để thể chế hóa giấc mơ của mình.

Giấc mơ giáo dục của ông đã trở lại. Lúc đầu với tư cách Thống đốc bang Virginia và sau đó trong *Những ghi chép*, ông đã đề xuất một hệ thống giáo dục công trên toàn bang nhằm đưa Old Dominion thoát khỏi tình trạng thiếu thốn tiếng tăm và đặt nó tương xứng với các bang của New England. Là Tổng thống, ông đã tiếp nhận chương trình yêu thích

của George Washington về một trường đại học quốc gia, dự định đặt ở thủ đô của quốc gia. Nhưng ý tưởng đã không được thực hiện, và học viện được thành lập tại New York nhờ phước lành của ông đã trở thành một trường kỹ thuật cho sĩ quan quân đội tại West Point, không giống với những gì ông định ra trong đầu. Chẳng bao lâu sau khi ông thôi chức tổng thống, những suy ngẫm của ông trở nên hữu hình hơn dưới hình thức một kế hoạch tổng thể cho Virginia. Mỗi hạt sẽ được chia thành một loạt “hàng trăm” địa phương hoặc “phường” theo mô hình thị trấn New England. Mỗi phường sẽ dùng tiền thuế để hỗ trợ một trường tiểu học, đem lại cho Virginia khoảng 200 trường học địa phương dạy chữ cơ bản. Sau đó, mỗi hạt sẽ có một học viện hay trường trung học, nơi mà các sinh viên giỏi nhất của các trường phường khi tốt nghiệp có thể học tiếng Latin, tiếng Hy Lạp và các nguyên lý căn bản của khoa học, sinh viên nghèo sẽ được chính quyền chi trả. Điểm chính của kế hoạch này là một trường đại học bang nơi sinh viên giỏi nhất của các học viện hạt sẽ nhận được sự giáo dục tốt nhất ở Mỹ, những sinh viên nghèo nhất trong số học giỏi nhất tiếp tục nhận học bổng được chi trả từ tiền thuế.

Kế hoạch này thuần túy do Jefferson đạo diễn: chủ trì ý tưởng, đáng ngưỡng mộ trong ý định, không khả thi trong thực tế. Cơ quan lập pháp bang Virginia từ chối cung cấp kinh phí cần thiết cho kế hoạch toàn diện nhưng đã chỉ định một ủy ban, họp tại Rockfish Gap năm 1818 và đưa ra khuyến cáo cho địa điểm của một trường đại học bang. Jefferson đã tự bỏ nhiệm mình và Madison vào ủy ban, chi phối các cuộc thảo luận và đích thân viết Báo cáo Rockfish Gap trong đó ủng hộ việc thành lập một trường đại học bang tại Charlottesville. Madison giúp biên tập theo cách quen thuộc của mình, gợi ý Jefferson sử dụng thuật ngữ “tu viện” để mô tả bầu không khí trường đại học ưa thích, gây ấn tượng mà “có thể không xúc phạm”, và rằng “ý tưởng tìm kiếm các giáo sư *nước ngoài* có thể kích

thích định kiến ở một số người...” Jefferson bày tỏ sự lo âu của mình rằng Virginia đang quyết định dựng bia đá trên một nền tảng giáo dục không có thực, nhưng sự nhiệt tình của ông cho dự án đã áp đảo sự e dè nơi ông. Ông thích thú với viễn cảnh phục hồi sự hợp tác Jefferson-Madison một lần cuối, song trong một chiến dịch khác để dẫn dắt những công dân còn lưỡng lự về phía chân lý đang nằm ngay ngoài tầm nhìn của họ. Ví dụ, trong ủy ban bang, Jefferson đã giải thích cho Madison rằng “có người hoài nghi và dao động”, vì vậy trong báo cáo của mình ông viết “Tôi, do đó, đã tung ra một số ý tưởng dẫn dắt về các lợi ích của giáo dục... với hy vọng những ý tưởng đó có thể vướng vào một số cái móc trong tâm trí họ, và mang họ lại phía chúng ta”. Giống như những ngày xưa.

Một số mô hình Jefferson cũ và quen thuộc cũng hiển hiện, giống như những nhân vật trong một vở kịch trở lại sân khấu trong cảnh tái diễn cuối cùng. Có vô số chi tiết tỉ mỉ bên cạnh một tầm nhìn lớn nhưng rõ ràng đang dẫn dắt ông, song thành công vẫn chưa hẳn đạt được ở nơi lưng chừng, khi mà chi tiết giao với tầm nhìn và tạo ra chi phí quá mức. Jefferson tự mình khảo sát địa điểm cho khuôn viên Charlottesville, thậm chí còn tự mình đặt các cọc mốc. Đối với Rotunda, trung tâm kiến trúc, ông đã chọn đền thờ của Rome làm mẫu và thiết kế tòa nhà vừa như thư viện vừa như một vũ trụ, với những hành tinh di chuyển và các vì sao bên trong mái vòm, được điều khiển bởi một bộ ròng rọc và các thiết bị khéo léo vô hình. (Không bao giờ nên trưng ra hệ thống điều khiển). Ông làm việc bốn tiếng mỗi ngày trong nhiều tháng để sắp xếp danh mục cho thư viện gồm 6.860 đầu sách, mà ông ước tính sẽ trị giá 24.076 đô-la. Những con số chính xác như vậy khiến ông cứ ngỡ mình đang làm chủ tình hình, nhưng có ngờ đâu tình hình tài chính thực tế luôn xói mòn những tính toán cẩn thận nhất của Jefferson. Năm 1820, cơ quan lập pháp bang Virginia, tin rằng mình đã hành động có trách nhiệm để đáp

ứng tổng chi phí, cho phép Hội đồng Quản trị vay 60.000 đô-la. Nhưng Rotunda hóa ra lại đắt hơn Jefferson dự đoán, và ông phải đẩy dự toán lên, một lần nữa lại sai lệch về độ chính xác, đến 162.364 đô-la. Năm sau đó, đối mặt với những chỉ trích nặng nề từ cơ quan lập pháp về các chi phí của Rotunda, ông dự đoán rằng 195.000 đô-la sẽ bao gồm được mọi chi phí. Đương nhiên, điều này đã không xảy ra, nhưng đến lúc đó phần mái đã được dựng lên, sự hùng vĩ không thể phủ nhận trong tầm nhìn kiến trúc của Jefferson đã trở nên rõ mồn một và động lực sự nghiệp đã vượt qua điểm mà bất cứ ai, trừ kẻ hoang phí ngốc nghếch, cũng không thể yêu cầu dừng lại.

Việc tuyển dụng giảng viên lại một lần nữa thể hiện thái độ mâu thuẫn của ông trước châu Âu với tư cách một hang ổ chính trị và cái nôi của sự học. Ông khẳng định chỉ có các học giả châu Âu mới có thể cung cấp trình độ tri thức xuất chúng mức độ cao cần thiết cho một trường đại học hàng đầu, do đó ông đã thuyết phục Hội đồng Quản trị đang lưỡng lự phái Francis Gilmer, một luật sư Virginia trẻ trung thông minh, đi tuyển mộ giảng viên tiềm năng ở Anh, Pháp và Đức. Khi Adams biết tin người bạn cũ của ông lùng sục khắp châu Âu để kiếm học giả, ông đã giễu cợt kế hoạch thiếu yêu nước này và nhắc nhở đùa Jefferson về sự kết án mù mè nhất của ông đối với châu Âu như một đầm lầy trí tuệ đầy áp những bệnh truyền nhiễm chính trị. Nhưng Jefferson vẫn kiên trì trong cuộc tìm kiếm những người giỏi nhất của mình, cho đến khi Gilmer báo cáo rằng không ai trong số các học giả hàng đầu châu Âu muốn chuyển đến một giảng đường còn chưa hoàn thiện ở nước Mỹ hoang sơ. Ông đã cố gắng trưng ra bộ mặt tốt nhất trước biến cố bất ngờ này: “Tôi biết sự trở về của anh ấy [Gilmer] mà không đem theo bất kỳ giáo sư nào sẽ hoàn toàn dập tắt mọi hy vọng của tổ chức... Do đó, tôi nghĩ anh ấy tốt hơn nên mang theo những gì tốt nhất anh ấy có thể có. Họ sẽ thích hợp với những

trường cấp hai của nước ta vì tầm vóc của chúng đã được biết đến, trong khi ngôi trường mà anh ấy hứa hẹn với họ thì lại chưa được biết đến, và chỉ được tưởng tượng ra là thuộc cấp cao theo như tính toán của chúng ta”. Trong ngắn hạn, các cam kết về sự xuất chúng thuần khiết phải bỏ ngang. Tội cho Gilmer, sức khỏe của anh đã bị chuyển đi phá hủy, cuối cùng trở về Mỹ vào cuối năm 1824, đem theo cam kết của năm học giả nước ngoài trẻ tuổi đồng ý sẽ đến một thời gian ngắn. Adams trêu người bằng cách gợi ý với Jefferson rằng ít nhất một trong những người nước ngoài này sẽ chịu trách nhiệm giảng dạy về “các giới hạn trong kiến thức con người đã đạt được... mặc dù tôi cho rằng ngài sẽ nghi ngờ về tính đúng đắn của việc thiết lập bất kỳ giới hạn nào... đối với Trí khôn của con người và Đức hạnh của con người”. Jefferson đã chọn cách không trả lời. Ít nhất và cuối cùng, ông cũng đã có được đội ngũ giảng viên của mình.

Thế rồi có người hăng hái bảo vệ cho sự tự do tư tưởng và nghiên cứu đến mức cực đoan, hăng hái không kém về việc những người hưởng lợi từ sự tự do tư tưởng đó tìm đến những chân lý phổ quát nhất định để rồi tất cả sau đó có thể nắm lấy như điều hiển nhiên. Jefferson có xu hướng gắn sự hạn chế về tự do tư tưởng với các tín điều tôn giáo và nguyên tắc giáo lý được nhà thờ yêu cầu. Một trong những tính chất đặc biệt nhất của trường Đại học Virginia là sự chối bỏ bất kỳ liên hệ nào với tôn giáo - hầu như tất cả các trường cao đẳng lớn trong cả nước tính đến thời điểm này đều xác định mình là trường dòng của các nhánh tôn giáo hoặc giáo phái nhất định - và Jefferson còn đi xa đến mức cấm giảng dạy thần học hoàn toàn. Ông cũng cực kỳ nhạy cảm với cách thức mà ban ủy thác tại các trường đại học khác của Mỹ, thường bị chi phối bởi các giáo sĩ, áp đặt các hạn chế về những gì được giảng dạy hoặc những cuốn sách được phép đọc. Ông khẳng khái trường đại học của mình sẽ không có các hình thức kiểm duyệt như vậy.

Và ý ông là thế. Nhưng sự quá nhạy cảm với tín điều tôn giáo của ông lại không chuyển sang mảng chính trị. Như ông giải thích cho Madison, “có một nhánh tại đó tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ là những quan tòa tốt nhất”, một ngành học quan trọng tới nỗi “khiến chúng ta có nhiệm vụ đặt ra các nguyên tắc sẽ được giảng dạy”. Lĩnh vực đó là nghiên cứu về chính phủ, nơi Hội đồng Quản trị có trách nhiệm bảo vệ những bộ óc còn non nớt khỏi tư tưởng phản nghịch của “phe Liên bang và những kẻ chủ trương củng cố có hạng”. Jefferson tiếp tục chuẩn bị một danh sách các văn bản tiêu chuẩn cần phải có trong các lớp học về luật và chính phủ; danh sách của ông bao gồm Tuyên ngôn Độc lập, *Luận cương Liên bang*, các Nghị quyết của Virginia năm 1799, Diễn văn Nhậm chức và Từ biệt của George Washington. Mặc dù số lượng nhất định *Luận cương Liên bang* đáng ra phải khiến cho Jefferson tạm dừng, nhưng danh sách lại đại diện cho nỗ lực của ông nhằm bảo đảm rằng các thế hệ đang lên hấp thụ được học thuyết của chủ nghĩa cộng hòa theo phiên bản Virginia về Cách mạng Mỹ.

Một lần nữa, Madison đã cứu ông khỏi sai sót trong suy xét và gọi ông trở lại với những nguyên tắc đầu tiên của mình. Có những tín điều chính trị giống như có những tín điều tôn giáo, Madison nhận xét, mà Jefferson sẽ không muốn áp đặt, dù vô tình, các giá trị chính trị của mình theo cách thức của một linh mục hay giáo hoàng. Hơn nữa, cũng “không dễ dàng gì để tìm được những cuốn sách tiêu chuẩn vừa dùng làm sách hướng dẫn vừa dùng làm tài liệu lập luận”. Ví dụ, Tuyên ngôn Độc lập, có thể được đọc theo những cách khác nhau bởi những người khác nhau (một trong những hành động nói giảm đanh thép và chua cay nhất của Madison), và việc lựa chọn Nghị quyết Virginia 1799 của Jefferson, mặc dù với Madison người đã viết ra chúng thì đó là một sự tâng bốc, vẫn để lại nhiều “khoảng trống do dự” vì chúng có “trọng điểm

hẹp và mang tính địa phương”. (Madison đã cảm nhận thấy nguy hiểm trong việc bảo vệ từ thuở ban đầu các quyền của bang, muốn bảo vệ cả Jefferson và mình khỏi việc bị nhiều diễn giả chiến đấu miền Nam chiếm dụng). Dù sao thì chính cái ý tưởng về một danh sách các bài phải đọc, Madison kết luận, có lẽ là một sai lầm. “Tôi đã, mong ngài chỉ giao, phác thảo ra phần sửa đổi của đoạn văn quan trọng trong dự thảo - của ngài”, ông kín đáo lưu ý, “với mục đích làm nhẹ đi tính tuyệt đối trong lệnh cấm của nó...” Như thường lệ, khi Madison nói theo cách thận trọng này, Jefferson đã nghe theo: “Tôi hoàn toàn đồng tình và hài lòng với phần ngài sửa đổi nghị quyết của tôi”. Bất chấp bản năng ban đầu của người sáng lập, sẽ không có bài kiểm tra nào về niềm tin chính trị tại trường đại học của Jefferson.

Tuy nhiên, vẫn còn đó một sự căng thẳng chưa được giải quyết giữa tầm nhìn của Jefferson về Đại học Virginia với tư cách một tổ chức quốc gia hàng đầu về giáo dục đại học của Mỹ, với đặc điểm cốt lõi ngày càng tăng trong tư duy của ông. Thứ bắt đầu như một lựa chọn thay thế phù hợp của Mỹ với Oxford hay Cambridge, nơi mà tầng lớp quý tộc tự nhiên của Mỹ có thể được đào tạo để đảm trách công việc lãnh đạo quốc gia, giờ lại mang tính địa phương hơn trong khi nỗi ám ảnh của Jefferson với “âm mưu của những kẻ củng cố” miền Bắc ngày càng nặng nề hơn. Trong khi những tòa nhà ở Charlottesville đang vươn lên, phiên bản lạc quan của ông về một trường đại học quốc gia lại đi xuống, được thay thế bằng một cảm giác hẹp hòi và phòng thủ hơn về ngôi trường của mình như là một pháo đài phía Nam, nơi thanh niên Virginia có thể tìm nơi ẩn náu khỏi môi trường độc hại của Harvard hay Yale, hiện chuyên sản xuất “những kẻ cuồng tín và bảo thủ”. Đây lại là một biểu hiện khác của phiên bản “Virginia rõ ràng” của ông về chủ nghĩa yêu nước vào giai đoạn cuối.

Hai tính năng thật sự đặc biệt của trường đại học thể hiện rõ cá tính của Jefferson. Thứ nhất, bỏ rơi hầu hết các quy tắc truyền thống và yêu cầu về giáo án điều chỉnh hoạt động của tất cả các trường đại học khác của Mỹ. Không có sự phân biệt nào giữa các tân sinh viên, sinh viên năm thứ hai hoặc sinh viên khóa trên. Jefferson cũng muốn “để mọi người tự do tham dự bất cứ môn học nào mà mình muốn, và từ chối những gì mình không muốn”. Không có khóa học hay chương trình học cụ thể nào được yêu cầu. Đó là một hệ thống hoàn toàn tự chọn, thật sự là một sự phủ nhận bất kỳ hệ thống được quy định nào. Và cũng không có một cơ quan quản lý hành chính riêng biệt nào. Nhà trường được vận hành bởi các giảng viên với sự hợp tác của sinh viên, tất cả do Hội đồng Quản trị giám sát. Jefferson kiên quyết bảo đảm cho trường đại học của ông tuân theo nguyên tắc “tự quản lý”, điều đó có nghĩa là các giám thị, hiệu trưởng và thậm chí cả chủ tịch đều không cần thiết. Khi có cơ hội thu hút William Wirt, nhà viết tiểu sử nổi tiếng của Patrick Henry, làm giáo sư luật đầu tiên, Jefferson đã rất phấn khởi, cho đến khi ông được biết Wirt chấp nhận với điều kiện phải được làm chủ tịch. Ông đã ngăn chặn việc bổ nhiệm với lý do là trường đại học của ông không cần có sự điều hành. (Để tuân theo mong muốn của ông, Đại học Virginia đã không có một vị chủ tịch nào cho đến năm 1904). Tóm lại, kiến trúc nội thất của “làng học thuật” của Jefferson có tính đặc sắc giống như ngoại thất vật chất của nó, và các nguyên tắc dẫn hướng ở đây không phải là những thứ cổ điển hay theo phong cách Palladian, mà đúng hơn là việc loại bỏ tất cả các hình thức quản lý bên ngoài. Không cần có các xà ngang để giữ ổn định cấu trúc bên trong trường đại học của ông; mọi quy tắc có ý nghĩa đều được đưa vào bên trong và vô hình. Đó là hình ảnh thu nhỏ cho lý tưởng của Jefferson về một xã hội không có chính phủ.”

Đặc điểm cá nhân tiêu biểu thứ hai trong kế hoạch của ông về trường đại học là sử dụng kiến trúc để thể chế hóa một phiên bản giáo dục thân mật và hòa hợp trong nước. Ở một mức độ, bản vẽ khu giảng đường của trường được thiết kế nhằm tái hiện các làng mạc xứ New England bình dị với những khu dân cư tách biệt nhưng vẫn gắn gũi vây quanh một công trình công cộng chung hoặc bãi cỏ xanh. Bản vẽ này tối đa hóa cả sự độc lập và những cuộc gặp gỡ trực tiếp hằng ngày giữa các láng giềng. Gần như vượt ra ngoài suy nghĩ là những gì ông đã làm với các phường, với tư cách là các đơn vị chính trị và giáo dục nguyên thủy ở Virginia, nơi mà các cuộc họp thị trấn và trường học đã được truyền thứ năng lượng chỉ có được khi những người tham gia đã biết nhau trong nhiều ngữ cảnh và có sự tin tưởng công dân, giống như một lực lượng tự nhiên, đơn giản được coi là đương nhiên. Sai lầm chính trong kế hoạch giáo dục cấp phường của ông là, ngoài việc cơ quan lập pháp không chấp nhận kế hoạch vì quá đắt đỏ, thì Virginia còn khác biệt về mặt dân cư so với New England; dân cư tản mát chứ không tập trung thành các thị trấn. Tuy nhiên, sự thân mật và tính xác thực của các tương tác xã hội trong môi trường làng xóm hấp dẫn Jefferson như nguồn sản sinh thứ mà ông giờ đây sẵn sàng gọi là “tinh thần dân chủ”, hoặc phiên bản văn minh của sự thuần khiết chính trị hiện hữu trong nền văn hóa bộ lạc của người Da đỏ. Dù ở Virginia có vấn đề nhân khẩu học gì đi nữa, thì “làng học thuật” của ông vẫn sẽ tạo ra nhân khẩu của riêng mình. Không như Oxford hay Cambridge, sự tái hiện của thế giới Gothic những lâu đài và cầu nâng, hoặc mô hình đại học Mỹ được ưa thích về một tòa nhà lớn duy nhất trong đó gợi nhắc đến một pháo đài hay nhà tù, trường học kiểu Jefferson sẽ dựng lại sự thân mật tự trị của ngôi làng New England.

Lại ở một mức độ khác, các giáo sư và sinh viên được ghép đôi thành từng cụm theo kiểu mỗi khu nhà cho giáo sư thì bên hông sẽ là các

phòng ký túc xá sinh viên chạy dọc theo một hàng cột. Mục đích ở đây là để tạo ra sự mô phỏng môi trường gia đình với các giáo sư trong vai trò giống như cha mẹ hoặc người giám hộ. Nếu ngôi làng là tinh hoa bình dị của một xã hội hài hòa, thì gia đình là thành phần thiết yếu của ngôi làng, là nơi mà không gian trong đó có cả tình thương và sự thân thuộc, và là nơi người ta học được sự tiếp thu kỷ luật bằng những cách vô hình. Chính thiết kế hàng cột ba mặt đã nắm bắt được ý tưởng trẻ trung của Jefferson mà ông hằng ấp ủ trong ký ức về William Small và George Wythe tại trường William & Mary, về người thầy vừa là người hướng dẫn, người bạn, vừa là người giám hộ riêng của ông. Nó nhằm kéo gần lại khoảng cách về cả thể chất lẫn tinh thần giữa giảng viên và sinh viên, do đó làm cho việc học được hưởng lợi từ sự gắn kết tương tác mạnh mẽ thường có giữa các thành viên trong gia đình qua các hình thức tình cảm và hấp dẫn nhất.

Mặc dù minh họa được niềm tin sâu sắc nhất và trù mến nhất của Jefferson, nhưng đây đơn thuần là lý thuyết. Hiện thực trần tục và rõ ràng dội lại bằng một sự trả thù vào tháng 9 năm 1825, khi một nhóm 14 sinh viên say rượu đã nổi loạn, phá vỡ cửa sổ trên và dưới hàng cột, đe dọa làm bị thương hai giảng viên. Trong một phiên bản bị đảo ngược của quy tắc danh dự, không ai trong số các sinh viên tỏ ra sẵn sàng nhận tội hoặc làm chứng chống lại các bạn mình. Vụ việc này đòi hỏi phải triệu tập một cuộc họp đặc biệt của Hội đồng Quản trị vào tháng 10 với sự tham dự của Jefferson khi đó đã 82 tuổi. Thật là một cảnh tượng đáng nhớ. Vị tộc trưởng lụ khụ, ngồi hai bên là Madison và Monroe - bông hoa của triều đại Virginia và tất cả các cựu Chủ tịch - bên một chiếc bàn lớn trong căn phòng Rotunda vừa mới được hoàn thiện. Một trong những sinh viên, Henry Tutwiler, mô tả những gì đã xảy ra. Jefferson đứng lên nói với các sinh viên. Ông bắt đầu bằng việc tuyên bố rằng đây là một

trong những sự kiện đau đớn nhất của cuộc đời mình, nhưng ông đã mau chóng dừng lại trước khi để tình cảm lấn lướt và kiểm soát, và ông ngồi xuống, nói rằng ông sẽ nhường lại cho những người giỏi giang hơn nhiệm vụ nói thay những gì ông muốn nói. Thế giới của riêng ông đã đổ vỡ ngay khi ông sắp rời khỏi nó. Ngay cả thế giới lý tưởng về sự tự do hoàn hảo, dân chủ thuần túy và tình cảm con người mà ông từng cho là mình đã tạo ra ở Charlottesville cũng từ chối hợp tác với kỳ vọng của ông. Dường như định mệnh đã sắp đặt ông kết cục sẽ là một nhà lý tưởng bị thất vọng.

THẨM KỊCH

Những tháng cuối toàn một sự buồn bã và ảm đạm, được nhấn mạnh bằng nỗ lực sau cùng nhằm cứu vớt ít nhất là một phần gánh nặng tài sản của ông cho người thừa kế, một sự trung ra cuối cùng và thật sự buồn bã cái phong cách không thể bắt chước được của Jefferson. Khoản nợ của ông trầm trọng tới mức thách thức cả khả năng chối bỏ tuyệt vời của ông, và cảm giác lờ mờ về cái chết của ông đã bác bỏ ảo tưởng lâu nay rằng một điều gì đó sẽ xảy đến trước khi ông ra đi mãi mãi. “Để giữ được bất động sản ở Virginia đòi hỏi người chủ sở hữu phải có cả kỹ năng lẫn sự chú ý”, ông giải bày với Monroe, người có triển vọng tài chính cũng ảm đạm, nhưng “kỹ năng tôi chưa bao giờ có và sự chú ý tôi không tài nào có được, và thật sự khi tối ngẫm lại hoàn cảnh của mình, tôi băn khoăn rằng tôi có cần phải mất đến 60 năm để rơi vào tình trạng đi xuống của mình như bây giờ”. Ông nợ khoảng 100.000 đô-la; theo thời giá hiện nay tương đương vài triệu đô-la.

Niềm hy vọng của ông là chơi xổ số công khai, bị chính thức coi là phạm pháp và do đó đòi hỏi Hội đồng lập pháp Virginia cho miễn trừ. Tuy nhiên, nếu ông có được sự miễn trừ và nếu thắng xổ số, ông sẽ có một số cơ hội bán bớt một phần tài sản của mình và giữ lại Monticello,

theo đó có đủ đất để lại cho những người thừa kế của ông và một phần nhỏ số nô lệ. Tháng 2 năm 1826, ông đã soạn thảo một bản kiến nghị lên với cơ quan lập pháp, trong đó ông xem xét lại lịch sử trước đó của trò xổ số ở Virginia và - đây hẳn là một điều đau đớn tột cùng - kể về công lao đóng góp lâu dài của ông nhân danh bang và quốc gia. Với một người kiêu hãnh và tự trọng như ông, đây là một hành động thật sự tuyệt vọng chỉ có thể được giải thích bởi hoàn cảnh tuyệt vọng của ông. Sau đó, cơ quan lập pháp, xử sự một cách vô ơn không tài nào giải thích nổi và càng làm ông thêm hổ thẹn, đã từ chối kiến nghị của ông. “Ta quả rất hổ thẹn”, ông thú nhận với cậu con rể cũng phá sản của mình, “khi nhận ra cho đến nay ta vẫn đánh giá mình quá cao tới nỗi quá tự tin đánh cược vào nó [xổ số]. Ta thấy, trong sự thất bại của niềm hy vọng này, một vụ nổ chết người phá tan mọi thanh thần trong lương tâm ta những ngày còn lại. Con thật tử tế khuyến khích ta giữ vững tinh thần; nhưng, trong sự ép của bệnh tật, suy nhược, tuổi tác, và những chuyện đáng hổ thẹn, điều này rất khó khăn. Về bản thân, ta không nên gục ngã trước của cải, nhưng ta bị choáng trước viễn cảnh ta có thể phải rời xa gia đình mình”.

Tuy nhiên, một vài tuần sau đó, nhiều bạn bè và người hâm mộ của Jefferson đã vận động hành lang thành công các cơ quan lập pháp để đảo ngược lại quyết định. Việc phê duyệt xổ số đã tiêm một tia hy vọng cuối cùng vào những tháng cuối đời ông. (Hy vọng này hóa ra cũng chỉ là ảo tưởng, nhưng Jefferson đã không ở đó để đối mặt với sự thật). Ông chuẩn bị di chúc của mình vào tháng 3 với kỳ vọng rằng Monticello sẽ được các chủ nợ buông tha, và một số đất đai của ông sẽ được truyền lại cho những người thừa kế của ông. Biết rằng cuộc đấu giá sẽ lấy đi nhiều, nếu không muốn nói là hầu hết, những nô lệ của mình, nên ông đã chọn cách giải phóng năm thành viên của gia đình Hemings: Burwell, người hầu riêng của ông, ngay sau khi ông qua đời; John Hemings và Joe Fossett

một năm sau đó; Madison và Eston Hemings, hai con trai của Sally, họ sẽ được học nghề với John Hemings cho đến khi 21 tuổi, sau đó sẽ được giải phóng. Bản thân Sally không được giải phóng hay đề cập trong di chúc.

Có lẽ phần chấn bởi niềm hy vọng sai lầm rằng trúng xổ số sẽ cứu ông khỏi đống đổ nát, ông đã có một cơn bùng nổ can đảm cuối cùng vào cuối tháng 6, ngay trước khi cơn bệnh cuối cùng buộc ông phải nằm liệt giường. Các quan chức lên kế hoạch tổ chức Ngày Độc lập ở Washington đã mời ông tham dự các buổi lễ mừng kỷ niệm 50 năm ngày ra đời Tuyên ngôn Độc lập vào 4 tháng 7. Jefferson không đủ sức khỏe để rời khỏi đỉnh núi, nhưng ông đã đồng ý gửi một tuyên bố bằng văn bản. Ông cảm thấy đây sẽ là lời phát biểu cuối cùng trước công chúng của mình, vì vậy ông vận hết công lực một lần cuối, sửa chữa và rà soát lại tuyên bố của mình với sự tập trung vào chi tiết ngang với khi ông đưa ra dự thảo ban đầu của Tuyên ngôn và Diễn văn Nhậm chức đầu tiên của mình. Sau khi bày tỏ sự luyến tiếc một cách duyên dáng về việc không thể cùng tham gia ở Washington với “nhóm nhỏ những chủ nhà đáng kính đã từng sát cánh bên chúng tôi ngày đó còn sót lại, trong cuộc bầu cử can đảm và ngò vục... giữa việc quy hàng và grom kiếm”, sau đó ông đưa ra lời nhận định cuối cùng được cân nhắc kỹ càng về những việc mà nhóm người đáng kính đã làm được:

Có thể với thế giới, tôi tin rằng điều đó sẽ xảy ra, (một số sẽ sớm hơn, một số khác thì sau này, nhưng rút cục tất cả sẽ đến) tin hiệu sẽ tới để cổ vũ con người phá tan xiềng xích mà sự ngu dốt tu tập và mê tín đã dùng để kìm kẹp họ, đón nhận các phước lành và an ninh của sự tự quản... Mọi con mắt đã và đang mở ra trước các quyền của con người. Sự lan truyền rộng rãi ánh sáng khoa học đã đặt ra trước mắt chúng ta sự thật rõ ràng, rằng nhân loại không phải sinh ra với yên

ngựa trên lưng, hay một vài kẻ may mắn, chân đi bột và thúc ngựa, sẵn sàng cuồi lên người khác một cách hợp pháp, bởi ân sủng của Chúa. Đây là căn cứ hy vọng cho những người khác; cho chính chúng ta, hãy để sự trở lại hằng năm của ngày này mãi mãi làm mới ký ức chúng ta, và một lòng cống hiến trọn vẹn cho những quyền này.

Đó là một Jefferson cổ điển: tâm nhìn nâng cao về Cách mạng Mỹ ở chương mở đầu trong cuộc đấu tranh toàn cầu chống lại những định kiến cố hữu của quá khứ; ngôn ngữ trữ tình, vút cao khiến ai cũng phải dõi theo và cảm thấy bùng bùng khí thế trong khi ngẩng cao đầu đón nhận sự thăng hoa của từ ngữ. Như với dự thảo Tuyên ngôn của ông, ý tưởng cốt lõi này không phải do ông nghĩ ra và chưa bao giờ có ý định đó; Jefferson vẫn luôn khẳng khái nhìn nhận Cách mạng như một phong trào giải phóng, một sự phá bỏ, suốt một nửa thế kỷ. Một lần nữa giống như Tuyên ngôn, văn phong khéo chọn ở đây cũng không phải của ông mà được vay mượn từ một bài phát biểu nổi tiếng của Đại tá Richard Rumbold trên giá treo cổ năm 1685 trước khi bị xử tử vì tội phản quốc. Rumbold, một chiến binh Thanh giáo cực cần, đã nghĩ ra cụm từ “yên ngựa trên lưng” và “một vài kẻ may mắn, chân đi bột và thúc ngựa, sẵn sàng cuồi lên người khác” ngay trước khi chết. Jefferson sở hữu một vài bản sao in lại bài phát biểu của Rumbold trong lịch sử Anh. Có lẽ những cụm từ nhất định đã lọt vào bộ nhớ của ông, sau đó vô tình nhảy vào tâm trí ông trong lúc viết. Hoặc có lẽ việc vay mượn này được thực hiện một cách có ý thức hơn, được biện minh trên cơ sở là giống như Rumbold, ông là một người sắp chết và do đó cần được thoải mái một chút trong việc biến một cách diễn đạt yêu thích thành của mình. Dù sự thật là gì đi nữa, và dù cá nhân ông có thất vọng đến đâu về số phận tương lai của gia

đình mình và Monticello yêu quý, thì Jefferson vẫn âm vang một giai điệu vinh quang cuối cùng, nắm bắt chính xác thông điệp lạc quan mà ông gửi cho hậu thế. Về ý nghĩa cốt lõi và tầm quan trọng lâu dài của Cách mạng Mỹ, ông không nghi ngờ gì.

Jefferson cũng không thể tham dự một buổi lễ khác sáu tháng sau đó, vào ngày 15 tháng 1 năm 1827, khi bất động sản và nô lệ của Monticello được đem bán đấu giá. Mặc dù nỗi sợ hãi phải sống quá lâu của ông hóa ra cũng hợp lý, nhưng mệnh trời sắp đặt ông ra đi vào ngày 4 tháng 7 năm 1826 đã tránh cho ông khỏi bi kịch cuối cùng, đó là nhìn thấy những tài sản lớn của mình, bao gồm cả “130 người da đen có giá trị” được đem bán đấu giá. Cả nước Mỹ vẫn đang xôn xao về cái chết đồng thời của Adams và Jefferson vào lễ kỷ niệm 50 năm ngày hợp tác tuyệt vời năm 1776, mặc dù ở Virginia đã có một số người thể hiện sự oán giận rằng Adams đã len lỏi được vào bối cảnh ra đi đầy xúc động của một người Virginia vĩ đại, thậm chí nói rằng những báo cáo vào ngày Adams qua đời hẳn phải là “một thủ đoạn của đám Yankee đáng nguyên rủa”. Nhưng đó là sự thật. Và những lời cuối cùng của Adams - “Thomas Jefferson sống mãi” - đã chứng tỏ là một lời tiên tri chuẩn xác bền vững, mặc dù tại thời điểm đó nhận xét này sai bét. Jefferson đã may mắn theo cả hai nghĩa, ông bất tử với thời gian nhưng đã chết từ lâu, vào cái ngày tháng 1 lạnh giá khi cô con gái còn sống và cháu chắt của ông phải chứng kiến Monticello bị chia cắt và phá hủy. Jeffy cháu trai ông không bao giờ quên cảnh tượng buồn thảm, cậu đã so sánh nó với cảnh “một ngôi làng bị chiếm giữ thời xa xưa khi tất cả bị bán làm nô lệ”. Cuộc đấu giá kéo dài năm ngày, và khi kết thúc, số tiền thu về chỉ đủ trang trải một phần khoản nợ khổng lồ của Jefferson để lại cho đám con cháu, còn những nô lệ mà ông đã thề sẽ bảo vệ như một người cha nhân từ thì được đem bán đấu giá. Cuộc đời ông luôn là những lời hứa. Và di sản lâu dài của ông đã

trở thành một phiên bản vang vọng nhất của lời hứa Mỹ trong huyền thoại quốc gia. Nhưng trong đời ông, nếu không phải là trong di sản của ông, đã có một số lời hứa ông không thể giữ. Chúng ta không biết ông đã hứa hẹn gì với Sally Hemings trong suốt những năm ấy. Chúng ta biết cô không nằm trong số những nô lệ được ông giải phóng trong di chúc của mình.

LỜI BẠT: TUONG LAI CỦA MỘT ẢO TƯỢNG

Di sản thật sự của Jefferson đối nghịch với những di sản khác.

JOYCE APPLEBY (1993)

Những lý tưởng của Jefferson có lẽ chỉ là do sử dụng từ ngữ khéo léo đôi chút. Chúng ra đời quá dễ dàng và nằm chên vênh trên lý tưởng và khát vọng của những người tốt, nhưng không đủ cho thực tế tàn bạo của thế giới như nó vốn thế.

CARL BECKER (1944)

Vậy lịch sử đã sửa lại gì trong di sản Jefferson? Giá trị nào của một con người bằng xương bằng thịt mà Thomas Jefferson thể hiện trong đời mình vẫn còn tồn tại và vừng vàng qua hơn hai thế kỷ sau khi ông tuyên bố nền độc lập Mỹ? Hơn nửa thế kỷ sau khi sử gia Carl Becker đặt câu hỏi theo hình thức quen thuộc nhất của nó, có vẻ giờ đây đã đến lúc thích hợp để chúng ta tự hỏi một lần nữa: “Điều gì vẫn sống trong triết lý chính trị của Thomas Jefferson?”

Phải nói rằng câu hỏi này sẽ đánh thẳng vào chính Jefferson và đa số các sử gia chuyên nghiệp. Jefferson chắc chắn muốn được nhớ đến, nhưng ông đã có chút kiên nhẫn với những di sản lịch sử mà ông có xu hướng coi như gánh nặng của quá khứ đè nặng lên thực tại. Joyce Appleby, một trong những người hâm mộ Jefferson sắc sảo nhất hiện

nay, đã nói đầy thú vị: “Di sản thật sự của Jefferson đối nghịch với những di sản khác”. Nếu ông ấy có thể tạo ra một sự xuất hiện kỳ diệu giữa chúng ta, thì nó sẽ hoàn toàn chính đáng khi ông ấy tố cáo toàn bộ sự nghiệp Jefferson là một sự lãng phí lớn về thời gian. Ông ấy cũng có thể nói rằng thế hệ người Mỹ hiện nay cần phải giải phóng mình khỏi ảnh hưởng nặng nề từ tổ tiên và những người tiền nhiệm để tìm kiếm số phận và tương lai của chính mình. Thật vậy, chỉ có làm như thế chúng ta mới tiếp tục trung thành với những niềm tin cốt lõi của Jefferson.

Hầu hết các sử gia sẽ phụ họa theo một phiên bản khác của cùng thông điệp này. Họ nhìn nó trong quá khứ như một quốc gia ngoại bang với tập tục và ngôn ngữ riêng. Do đó, tất cả những nỗ lực nhằm kéo Jefferson ra khỏi thời gian và không gian của ông là sự phiêu lưu vô ích và sai lầm, sẽ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của bối cảnh lịch sử đã tạo nên ông. Nhấc Jefferson ra khỏi bối cảnh đó và đưa ông vào hiện tại cũng giống như cố gắng để trồng những bông hoa đã bị cắt khỏi cành. Điều này có nghĩa là để bảo vệ sự trong sáng của quá khứ thì phải trả giá bằng việc từ bỏ sự liên quan của nó với hiện tại. Nhưng hầu hết các sử gia thà chấp nhận nguy cơ của chủ nghĩa hoài cổ còn hơn là phạm lỗi hiện tại luận.

Tuy nhiên, dù tốt hay xấu, Jefferson từ lâu đã phá vỡ những chương ngại vật mà các sử gia thiết lập giữa hiện tại và quá khứ. Các phiên bản khác nhau về ông gồm cả anh hùng và phản diện cứ mơ hồ giữa chúng ta, và những tuyên bố khác nhau về di sản Jefferson đã trở thành đặc trưng thường trực trong nền văn hóa Mỹ đương đại. Để chắc chắn, Bill Clinton tính toán hành hương đến Monticello còn Ronald Reagan khuyến nghị chúng ta “hái một bông hoa từ cuộc đời Thomas Jefferson và đặt nó vào tâm hồn chúng ta mãi mãi”, cho thấy cùng một thôi thúc rõ ràng dành lấy một biểu tượng cho những mục đích chính trị riêng của họ. Abraham

Lincoln và Franklin Delano Roosevelt, ngày nay cũng trở thành những biểu tượng, đã hoàn thiện kỹ thuật này từ lâu. (Trên thực tế, điển hình là khi Roosevelt xây dựng Đài tưởng niệm Jefferson chủ yếu cấp cho Đảng Dân chủ một biểu tượng để đối lại với Đài tưởng niệm Lincoln mà Đảng Cộng hòa tuyên bố là của mình). Những dẫn chứng về sự chiếm hữu công khai như vậy về Jefferson thân thoai chỉ có kết nối mờ nhạt với Jefferson lịch sử, người có lẽ đang yên nghĩ thoai mái trong ốc đảo lưu trữ của các học giả đầy cảnh giác nhưng vô hình.

Trong khi những nhân vật nổi tiếng có ảnh hưởng nhắc lại lời của Jefferson mà không lo ngại hay bối rối vì sự thiếu hiểu biết của họ, vẫn có một cuộc đối thoại liên tục về sự thiếu cận tương tự xảy ra ngày đêm trên Internet. Khi John Adams nói những lời cuối cùng và tiên tri nhất của ông rằng, “Thomas Jefferson sống mãi” - ông không hề biết về không gian mạng. Nhưng bây giờ có nhiều “trò chuyện” hơn về các chủ đề liên quan đến Jefferson (như Tom và Sally, Jefferson và Newt [Gingrich], công thức nấu ăn Monticello, Jefferson và Chúa) trên America Online hơn bất kỳ nhân vật lịch sử nào khác. Vào tháng 2 năm 1996, Quỹ Tưởng niệm Thomas Jefferson đưa vào ít nhất một thứ tương tự như ý kiến thông báo về những tin phiếm này. “Monticello vui mừng thông báo sự hiện diện của nó trên World-Wide Web”, Quỹ này tuyên bố, cung cấp truy cập đến “một ngày bình thường trong cuộc sống của Jefferson vào đầu những năm 1.800” cùng những chủ đề khác.

Nói theo cách nào đó, không gian mạng là một môi trường hoàn hảo cho Jefferson, một nơi thanh tao có thể chuyển những hình ảnh và ấn tượng lơ lửng tự do và không có bất kỳ sự gắn kết giả dối nào. Tương tự như vậy, máy tính cá nhân là công cụ hoàn hảo cho Jefferson; nó cho phép các cá nhân bình thường tiếp cận với các nghiên cứu đơn độc bằng máy tính xách tay, mà một Jefferson đầu thai chắc chắn sẽ coi đó là góc

làm việc số hiện đại. Tất cả điều này chỉ củng cố thêm nhận thức rằng việc duy trì kiểm soát mang tính học thuật về ký ức và di sản Jefferson là một chuyện vô ích.

Quay lại câu hỏi cũ của Carl Becker trong cuộc đối thoại đang diễn ra, vậy thì “Điều gì vẫn sống...?” hầu hết các học giả đơn giản lựa chọn sự tránh né. Việc Becker đặt câu hỏi này cũng ngụ ý bất kỳ câu trả lời nào đòi hỏi sự chính xác về lịch sử phải bắt đầu bằng việc thừa nhận rằng phần lớn các di sản của Jefferson không còn nữa; chúng đã chết một cách tự nhiên trong khoảng từ năm 1826 đến hiện nay. Có lẽ cách tốt nhất để hình dung quá trình đó là tưởng tượng một loạt các lâu đài cát trên bờ biển, nằm cách xa nhau nhưng tất cả đều mong manh trước thủy triều thời gian.

Làn sóng lớn đầu tiên tấn công là Nội chiến, đã phá hủy chế độ nô lệ, tính ưu việt chính trị của miền Nam và học thuyết cho rằng các bang chỉ là đơn vị chủ quyền trong Hiệp ước Liên bang. Sau năm 1865, “Virginia rộng lớn” phiên bản Mỹ của Jefferson đã cuốn theo chiều gió, và niềm tin của ông về sự phân bố hợp lý về quyền lực giữa chính quyền bang và liên bang, nếu không bị cuốn trôi, thì vĩnh viễn sẽ được đặt vào vòng bảo vệ.

Làn sóng thứ hai, thật sự là một loạt các cơn sóng, xô bờ trong khoảng từ năm 1890 đến 1920. Vào năm 1890, điều tra dân số của Mỹ tiết lộ rằng giai đoạn biên giới của lịch sử Mỹ đã kết thúc. (Bài tiểu luận của Frederick Jackson Turner “Ý nghĩa của biên giới trong Lịch sử Mỹ” ba năm sau đó thông báo rằng “biên giới đã biến mất và giai đoạn đầu tiên của lịch sử Mỹ đã khép lại”). Sau đó, cuộc điều tra dân số năm 1920 báo cáo rằng đây là lần đầu tiên đa số công dân Mỹ sống ở đô thị thay vì ở khu vực nông thôn. Thời gian này, Mỹ tiếp nhận một lượng lớn người nhập cư châu Âu và châu Á vĩnh viễn thay đổi tính chất Anglo-Saxon của dân cư Mỹ. Tóm lại, những thay đổi về nhân khẩu học đã chuyển tầm

nhìn nông nghiệp của Jefferson vào ký ức hoài cổ, niềm tin của ông đối với sức mạnh tái sinh của miền Tây trở thành một huyền thoại dân chủ, và suy đoán của ông về bá quyền Anglo-Saxon trở thành một di tích chủng tộc.

Làn sóng thứ ba đến vào những năm 1930 với Chính sách Kinh tế mới. Khi nhìn lại, thật sự có thể thấy làn sóng này đến từ những năm đầu của thế kỷ 20, khi những tác động của đô thị hóa, công nghiệp hóa, gia tăng mật độ dân số và tăng trưởng theo cấp số mũ của thế lực tập đoàn trong nền kinh tế kết hợp với nhau tạo nên nhu cầu cần có một chính phủ tập trung hơn để điều chỉnh sự bất bình đẳng của thị trường và siết lại những nguồn năng lượng dữ dội của một nền kinh tế công nghiệp. Herbert Croly trong *Sự hứa hẹn của cuộc sống Mỹ* (The Promise of American Life) (1909) đã tiên tri và ủng hộ những thay đổi chính trị, Chính sách Kinh tế mới của Roosevelt đã thực hiện và thể chế hóa điều đó. Việc Roosevelt coi Jefferson như một đảng viên Dân chủ ủng hộ Chính sách Kinh tế mới là một trong những hành vi ăn cắp chính trị truyền cảm hứng nhất trong lịch sử Mỹ, vì sự phát triển của quyền lực liên bang trong suốt thời kỳ Kinh tế mới thể hiện cho chiến thắng của “sự hợp nhất” trước “sự phân tán” theo cách dùng từ của Jefferson. Chính sách Kinh tế mới trên thực tế là hồi chuông báo tử cho ý tưởng về một chính phủ tối giản của Jefferson.

Làn sóng thứ tư và là cuối cùng ập đến trong khoảng từ năm 1950 đến năm 1965. Sự khởi đầu của Chiến tranh Lạnh vào cuối những năm 1940 đã sử dụng một luân lý căn bản của Jefferson để huy động dư luận chống lại Liên Xô. Nhưng với Biên bản Ghi nhớ An ninh Quốc gia 68 vào năm 1950, Mỹ cam kết xây dựng một cơ sở quân sự lớn cho Chiến tranh Lạnh, chính xác là kiểu quân đội thường trực (có hải quân và không quân) mà Jefferson ghét cay ghét đắng. Trong khi đó các quyết định của Tòa án Tối

cao trong vụ *Brown với Hội đồng Giáo dục*, hợp pháp hóa quyền dân sự vào đầu những năm 1960, thể chế hóa lý tưởng về một xã hội Mỹ đa sắc tộc, khiến niềm tin của Jefferson trong việc tách biệt về tự nhiên và pháp lý giữa người da đen và người da trắng trở nên lỗi thời. Chính sách Xã hội lớn của Lyndon Johnson, với cơ sở quân sự cố thủ, cống hiến cho nhà nước phúc lợi, trao toàn quyền công dân cho người da đen và phụ nữ, đại diện cho hình ảnh thu nhỏ của tham nhũng chính trị trong âm mưu của những người theo Jefferson, cũng như phủ nhận sự khác biệt về chủng tộc và giới tính được Jefferson cho là bắt nguồn từ các nguyên tắc bất di bất dịch của tự nhiên.

Việc đề cập “những nguyên tắc bất di bất dịch của tự nhiên” cho thấy một loạt các làn sóng khác nhau được tạo ra do những cơn gió thay đổi trong giới khoa học trái ngược với giới chính trị. Chủ yếu trong đó là những khám phá liên quan đến Charles Darwin, Sigmund Freud và Albert Einstein. Những điều đó hợp lại đã hoàn toàn đánh tan giả định tiền hiện đại của Jefferson về những nguyên tắc vật lý chi phối giới tự nhiên cũng như mối quan hệ giữa những gì ông gọi là “trái tim và cái đầu”. Toàn bộ thế giới tinh thần bên trong sự trầm tư của Jefferson đã thay đổi đáng kể, khoa học hiện đại đã lay chuyển mọi “nguyên tắc bất di bất dịch” mà ông cho là như vậy, bất kỳ kết nối trực tiếp giữa sau này và bây giờ phải được coi là một điều đầy nghi vấn.

Giờ đây đã có thể thấy rõ sự dè dặt ăn sâu trong các sử gia nhằm giải thích Jefferson qua các thời đại; không chỉ sự rụt rè, nó có căn nguyên từ một đánh giá đầy đủ hơn về sự thay đổi sẽ chia tách thế giới của ông với thế giới của chúng ta. Để mở rộng hình ảnh của những lâu đài cát trên bờ biển, nó không chỉ là những làn sóng của thay đổi liên tiếp nhấn chìm các niềm tin cốt lõi của Jefferson, mà nó còn định hình lại toàn bộ đường bờ biển. Những thay đổi mang tính quyết định về nhân khẩu học và

quan điểm đã làm nên nước Mỹ “hậu Jefferson” xảy ra từ năm 1890 đến năm 1920. Trớ trêu thay, một trong những nét rõ rệt nhất của tư tưởng Jefferson vẫn còn rất sống động chính là sự miễn cưỡng kiên định, trong một số trường hợp là thẳng thừng từ chối chấp nhận sự dính líu chính trị của những thay đổi này.

Tiếng nói chính cho sự diễn tả mạnh mẽ này về sự hoài niệm Jefferson vào cuối thế kỷ 20 là cánh bảo thủ của Đảng Cộng hòa. Bắt đầu với Barry Goldwater vào những năm 1960, sau đó đạt đỉnh thành công cấp quốc gia với Ronald Reagan vào những năm 1980 và tiếp tục với Hợp đồng của Newt Gingrich với Mỹ trong những năm 1990, phong trào bảo thủ đã vận động chống lại đặc tính xâm lấn của chính phủ liên bang, cũng như Jefferson từng vận động chống lại khuynh hướng hợp nhất của Nghị viện Anh trong thập niên 1770, chương trình tài chính của Hamilton trong thập niên 1790 và những nỗ lực liên bang nhằm ngăn chặn sự bành trướng của chế độ nô lệ trong thập niên 1820. Mong muốn chuyển quyền lực từ chính quyền liên bang sang các chính quyền bang của Đảng Cộng hòa không chỉ phản ánh ưu tiên hiến pháp của Jefferson; mà quan trọng hơn, là thể hiện sâu sắc hơn sự thù địch của ông đối với quyền lực chính phủ. Thật vậy, kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh vào năm 1989, Chính phủ Mỹ đã thay thế Liên Xô trở thành phiên bản trong nước của Đế quốc của cái Ác.

Đây là Jefferson thuần túy, cả trong ác cảm bẩm sinh với quyền lực tập trung cách xa các cộng đồng địa phương lẫn trong xu hướng bỏ qua những lý do chính đáng cho sự ra đời của các thể chế chính trị cấp liên bang. Giống như uy thế của Jefferson khi nhậm chức tổng thống năm 1800, phe bảo thủ hiện đại quan niệm nhiệm vụ của họ là tháo dỡ nhằm loại bỏ các mảnh vỡ chính trị tích lại từ thời Hoàng kim. Với Jefferson, đồng hồ cần phải quay trở lại năm 1776. Đối với những người bảo thủ

hiện đại, thời điểm mục tiêu khó nắm bắt hơn: 1963 (tiền Xã hội lớn); 1932 (tiền Kinh tế mới); thậm chí năm 1890 (tiền Chủ nghĩa tiến bộ). Logic căn bản của tư tưởng bảo thủ rõ ràng coi toàn bộ công trình liên bang đã phát triển trong thời hậu Jefferson ở thế kỷ qua là nguy hiểm và không cần thiết. Người ta có thể lập luận rằng đây chủ yếu là một kiểu hùng biện, không có ai mong chờ nghiêm túc việc loại bỏ An sinh Xã hội hoặc Cục Dự trữ Liên bang, mà trên thực tế, các cuộc tấn công kéo dài trong bốn năm vào quyền lực của chính phủ liên bang đã có rất ít tác động đối với sự gia tăng chi tiêu liên bang hoặc quy mô của bộ máy quan liêu Washington. Tuy nhiên, không nên đánh giá thấp năng lực hùng biện về tư tưởng chống chính phủ của Jefferson, không nên coi đó chỉ là một ảnh hưởng nhất định đối với đặc điểm đặc biệt của tranh luận chính trị. Không giống như bất kỳ quốc gia nào trong thế giới hiện đại, ý tưởng đặc trưng về sức mạnh của chính phủ đang bị kỳ thị tại Mỹ. Và đó là sức mạnh còn lại của tài hùng biện Jefferson, tài hùng biện đã giữ chính quyền ở thế phòng thủ. Mạch tư tưởng mạnh mẽ này của Jefferson vẫn còn tồn tại và thậm chí là tồn tại tốt cả ở phe bảo thủ của Đảng Cộng hòa.

Sức sống bền bỉ và thậm chí hồi sinh của các đặc tính chống chính phủ có cả ưu và nhược điểm, tuy nhiên, vì mối liên quan có phần khoa trương như một cách đặc trưng của Jefferson với câu hỏi khung về chính sách công, nghĩa là di sản Jefferson chẳng có nhiều điều để nói về những vấn đề đáng lo ngại và gây tranh cãi nhất trong xã hội Mỹ đương đại - phá thai, ma túy, nghèo đói, tội phạm. Tranh luận về những vấn đề xã hội này chính là tranh luận về vai trò thích đáng của chính phủ, và theo quan điểm của những người kế thừa Jefferson, chính phủ chẳng có vai trò gì cả. Như Carl Becker đã nói, Jefferson tin rằng “điều duy nhất phải làm với quyền lực chính trị chính là giảm bớt nó, vì nó vốn đã nguy hiểm”.

Trong bối cảnh chống chính phủ, di sản lâu năm nhất của Jefferson là nguyên tắc tự do tôn giáo, được định nghĩa là sự tách biệt hoàn toàn giữa nhà thờ với nhà nước, mặc dù ông sẽ đau khổ khi biết người bảo hộ chính cho nguyên tắc phủ định này trong nửa cuối thế kỷ 20 chính là Tòa án Tối cao, cơ quan chính phủ mà ông ghét nhất. Tuy nhiên, nguyên tắc chính phủ không can thiệp vào đức tin hoặc thực hành tôn giáo của con người là một lý tưởng đặc trưng Jefferson đã được thông qua từ cuối thế kỷ 18 đến cuối thế kỷ 20 mà không cần bất kỳ sự thay đổi đáng kể nào trong đặc trưng hay màu sắc.

Những di sản lâu bền khác của ông không thực sự rõ ràng và phải tìm kiếm trong nhiều lĩnh vực hiếm hơn, đó là nơi bầu không khí trí tuệ mong manh hơn khiến dễ nhầm lẫn những lời nói vô vị thành lý tưởng. Hai ví dụ về những mối nguy hiểm lồng ghép trong công việc ở những độ cao như vậy có thể coi là bài học mục tiêu nhằm cải thiện triển vọng chúng ta tránh được số phận ngớ ngẩn như thế. Thứ nhất, một loạt các nhà bình luận thông minh, dẫn đầu là Gunnar Myrdal trong *Một song đề Mỹ* (An American Dilemma) (1943), đã tuyên bố rằng ý tưởng cốt lõi cho những gì ông gọi là Kinh Tin Kính của Mỹ, như lần đầu tiên được Jefferson trình bày trong phần quyền tự nhiên của Tuyên ngôn Độc lập, tạo thành nền tảng trí tuệ chung cho nhiều nhóm chủng tộc và dân tộc khác nhau của Mỹ. Qua đó, những từ ngữ hùng hồn nhất của Jefferson và những lý tưởng về tự do và bình đẳng được rao giảng, trở thành xi măng hoặc keo dán mang tính trí tuệ để gắn kết các chủng tộc Mỹ với nhau.

Không chỉ phi lý khi tin rằng một ý tưởng trừu tượng có thể thực hiện một chức năng xã hội lớn như vậy, mà nó còn phản đối mạnh mẽ tất cả những gì chúng ta biết về Jefferson lịch sử để biến ông thành một người ủng hộ bình đẳng chủng tộc hay lý tưởng đa chủng tộc ngày nay. Ông tuyệt đối tin tưởng vào tính ưu việt Anglo-Saxon da trắng, giống như một

vài nhân vật hàng đầu khác của thế hệ cách mạng. Hơn nữa, ông rời khỏi con đường của mình để xác định sự khác nhau giữa các chủng tộc chính là sản phẩm của tự nhiên chứ không phải nuôi dưỡng. Martin Luther King, Jr., đã đúng khi trình bày bài phát biểu “Tôi có một giấc mơ” trên những bậc thang của Đài tưởng niệm Lincoln, biến nó thành phiên bản mở rộng của Lincoln từ phiên bản gốc về triết học quyền tự nhiên của Jefferson nhằm mở rộng thông điệp để bao gồm cả người da đen. Mặc dù hợp lý khi gọi Jefferson là kẻ thù của chế độ nô lệ, ngay cả khi có bằng chứng cho thấy cuộc đời ông mâu thuẫn với mệnh lệnh logic trong tư tưởng ông, nhưng đó là sự bóp méo hoàn toàn cả cuộc đời và tư tưởng của ông nhằm miêu tả ông như một người cùng phe hội nhập chủng tộc.

Thứ hai, Jefferson đã trở thành nguồn sử liệu ưu việt cho các tổng thống và quan chức mong muốn tạo ra một thanh âm lạc quan cho tính ưu việt của các thể chế chính trị Mỹ cùng những lý tưởng và nhân vật được sắc phong trước cả chiến thắng cuối cùng của mình. Thực tế, có thể tập hợp hàng loạt câu trích dẫn của Jefferson để ủng hộ hình thức lạc quan nhất của lòng yêu nước. Chẳng hạn như Chiến tranh Lạnh đã được tiến hành theo những tư tưởng đạo đức và nhị nguyên mạnh mẽ của Jefferson. Và không phi lý cũng không phi lịch sử khi tưởng tượng Jefferson mô tả sự sụp đổ của Liên Xô vào năm 1989 là đỉnh điểm của cuộc đấu tranh toàn cầu do các cuộc cách mạng Mỹ và Pháp khởi xướng, cuộc chiến kéo dài của những ý tưởng nhất định sẽ thay thế chế độ chuyên chế dựa trên áp bức cùng với chính phủ đại diện và nền kinh tế thị trường dựa trên sự đồng thuận chung và tự nguyện cá nhân.

Mặt khác, nó là sự lầm đường lạc lối và cuối cùng là sai lầm chết người khi đánh đồng sự lạc quan của Jefferson về kết quả của cuộc đấu tranh quốc tế, thường được mô tả hài hòa với sự bảo đảm may mắn, với tầm nhìn cụ thể hơn của ông về việc nước Mỹ là Thành phố Vĩnh cửu trên

Đôi. Jefferson đã không tin tưởng, như Ronald Reagan từng tuyên bố rằng “ở Mỹ luôn là buổi sáng”. Đặc biệt khi về cuối đời, ông đã rất bi quan về khả năng tồn tại lâu dài của Mỹ mà ông đã góp phần tạo ra. Mặc dù sự thật ông là người đặc biệt trong thế hệ cách mạng theo cách ông mô tả những chân trời vô hạn của Mỹ, thậm chí Jefferson chia sẻ cùng những người đồng sáng lập với mình nhận thức thực tế rằng tất cả các quốc gia, trong đó có Mỹ, đều có tuổi thọ hữu hạn.

Vào năm 1829, Madison đã dự đoán Cộng hòa Mỹ sẽ tồn tại thêm 100 năm nữa, một dự đoán phải cân nhắc đến lời tiên tri kỳ lạ vào lúc bắt đầu cuộc Đại suy thoái. Adams dao động giữa những cảnh báo khải huyền rằng ngày tận thế đã rất gần và những dự đoán lạc quan hơn kéo dài đến một thế kỷ rưỡi nữa. Mặc dù một trong những đặc tính hấp dẫn nhất trong tư tưởng Jefferson là khả năng vượt ra khỏi bối cảnh lịch sử cụ thể của nó, nhưng Jefferson chia sẻ với các thành viên khác của thế hệ cách mạng niềm tin rằng tất cả các quốc gia đang lên cuối cùng cũng phải thất bại, thành công chính trị của Mỹ phụ thuộc vào hàng loạt điều kiện thuận lợi về xã hội, kinh tế và nhân khẩu học, chủ yếu là sự tồn tại của những vùng đất đai rộng lớn phía tây, cuối cùng sẽ chẳng còn nữa. Như Drew McCoy đã nói rất ngắn gọn, Jefferson hy vọng trì hoãn sự tàn phá không thể tránh khỏi của thời gian bằng cách mở rộng cuộc thử nghiệm của Mỹ trong không gian. (Chính sách Biên giới mới của John Kennedy thể hiện lực đẩy vào không gian như Jefferson dự kiến). Như chúng ta đã thấy, những điều kiện thuận lợi biến mất trong khoảng từ năm 1890 đến 1920, do đó toàn bộ bối cảnh chính trị của thế kỷ 20 ở Mỹ sẽ coi Jefferson là kẻ xa lạ, thật sự có triệu chứng thoái hóa của Mỹ cùng những gì ông coi là thói tham nhũng của Đế quốc Anh. Nói cách khác, nếu chúng ta muốn tái hiện Jefferson đứng trên đỉnh Bức tường Berlin và đi đầu cổ động cho sự phá hủy nó, chúng ta cũng phải hiểu rằng phiên bản chiến

thắng của nền chính trị dân chủ và kinh tế tư bản chủ nghĩa vào cuối thế kỷ 20 không hề có trong tâm trí ông.

Hầu như tất cả những nhà bình luận len vào vùng hiểm trong việc theo đuổi di sản lâu đời của Jefferson cuối cùng đều đến đích khi tìm ra bản chất của nó trong phần quyền tự nhiên của Tuyên ngôn Độc lập và lý tưởng tự do cá nhân được tuyên bố hùng hồn trong đó. Vào đầu thế kỷ 20, Woodrow Wilson tìm kiếm sau những gì ông gọi là “Tinh thần Jefferson” và đã thấy trong đó “quyền cá nhân với một cơ hội tự do...” Vào cuối thế kỷ đó, Joyce Appleby tham gia vào cuộc tìm kiếm tương tự, cũng kết luận rằng “di sản lâu đời nhất của Jefferson cho chúng ta thừa hưởng một cách tự nhiên đã có một sự hiểu biết đặc biệt về quyền tự do con người”. Ở giữa vô số nhà hùng biện kiêm thông dịch viên này, các chính khách và học giả đã nghe một thanh âm tương tự, thường là một phần của một bài thánh ca yêu nước mà Jefferson đã chứng tỏ là một nguồn hữu ích cho các chiến dịch chống lại kẻ thù ngoại bang như Đức, Nhật Bản và Liên Xô, hoặc trong những cuộc nội chiến với các mục tiêu mâu thuẫn nhau như công đoàn và quyền lực doanh nghiệp, pháp chế phúc lợi và nghèo cố hữu, án tử hình và quyền được chết. Tài hùng biện của Jefferson về bản chất dung túng những thứ nhạt nhẽo và hổ lốn kiểu này. Rất khó trả lời tư tưởng thật của Jefferson kết thúc ở đâu và sự vô vị không thể bắt đầu trở thành một câu hỏi không lời đáp.

Rõ ràng, quan niệm riêng của Jefferson về tự do cá nhân hạn chế hơn so với những khái niệm hiện đại ngày nay. Cái nhìn của ông về căn bản là tiêu cực: tự do trước sự xâm phạm của nhà thờ hoặc nhà nước. Đó là tất cả đặc tính chống chính phủ của ông, và do đó không phù hợp với niềm tin hiện đại của chúng ta về các quyền lợi cá nhân, cho dù đó là tiêu chuẩn sống tốt, quỹ hưu trí xông xênh hoặc chăm sóc y tế đầy đủ, tất cả đều phụ thuộc chính xác vào loại hỗ trợ của chính phủ mà ông sẽ cho là

xâm phạm. Khái niệm của ông là sự tự do riêng nó, có nhiều điểm chung hơn với những yêu sách của thế kỷ 20 về quyền riêng tư, so với những yêu sách gây hấn về quyền lực chính trị hay kinh tế. Ông thật sự có rất ít điều để nói về những cách tích cực mà người Mỹ nên sử dụng với tự do cá nhân của họ, mặc dù cuộc chiến tranh giành tài sản của thế kỷ 19, rồi sự theo đuổi của thế kỷ 20 đối với các mức độ tiêu thụ chưa từng có, chắc chắn sẽ bỏ lại ông với sự thất vọng về nhân dân mình.

Đối với tất cả những lý do đó, lời viện dẫn đương đại coi Jefferson là “môn đệ của tự do” luôn gây hiểu nhầm và có vấn đề. Tuy nhiên, mặc dù nội dung của ý tưởng đã thay đổi theo nhiều cách tốn kém kể từ thời của Jefferson, nhưng những gì không thay đổi và những gì giữ nguyên một di sản Jefferson thật sự mạnh mẽ là dạng thức đóng khung mọi cân nhắc về tự do cá nhân. Duy nhất trong số những nhà tư tưởng chính trị có ảnh hưởng của thế hệ cách mạng, Jefferson bắt đầu với giả định về chủ quyền cá nhân, sau đó nỗ lực phát triển các quy định giúp chính phủ bảo vệ tốt nhất các quyền cá nhân và giảm thiểu tác động của chính phủ hoặc quyền hạn của nhà nước đối với cuộc sống cá nhân. Cả Adams và Madison, thậm chí ở một mức độ lớn hơn là Hamilton, đều bắt đầu với giả định xã hội như một đơn vị tập thể, hiện thân của chính phủ, bản thân nó sau đó nên được thiết kế để tối đa hóa tự do cá nhân trong bối cảnh rộng lớn hơn của trật tự công cộng. Jefferson không lo lắng cho trật tự công cộng, tin như ông đã từng tin rằng các cá nhân được giải phóng khỏi tàn tích cuối cùng của áp bức phong kiến sẽ tương tác tự do với nhau để tạo ra sự hài hòa tự nhiên về lợi ích do những hình thức kỷ luật vô hình hoặc ngụ ý trang định hướng, như thị trường của Adam Smith. Như Adams đã cố gắng nói với ông qua thư từ vào những năm cuối đời họ, niềm tin này luôn là một ảo tưởng, nhưng nó là một ảo tưởng cực hấp dẫn, tỏ ra cực kỳ hiệu quả trong những năm “cất cánh” ồn ào của nền

kinh tế Mỹ vào thế kỷ 19, khi tăng trưởng kinh tế và địa lý tạo ra phiên bản riêng bát nháo của trật tự hỗn loạn. Mãi đến cuối thế kỷ 19, với sự kết thúc của vấn đề biên giới và xuất hiện sự bất bình đẳng kinh tế ô ạt của Thời đại Hoàng kim, niềm tin này hoàn toàn bị vạch trần như một ảo tưởng.

Nhưng khi đó, việc Jefferson xây dựng tự do cá nhân như niềm tin gốc rễ và điểm khởi đầu đặc quyền trong tất cả các cuộc tranh luận chính trị là vô cùng cực đoan. Cũng như chính Jefferson được chuẩn bị để tạm thời từ bỏ nguyên tắc theo yêu cầu từ những cơ hội lớn (ví dụ như Vụ mua lại Louisiana) hoặc những cuộc khủng hoảng lớn (Đạo luật Cấm vận năm 1807), những người Mỹ của thế kỷ 20 chỉ sẵn sàng chấp nhận một tinh thần tập thể hơn khi bị Đại suy thoái hoặc kẻ thù ngoại bang trong Thế chiến Thứ hai và sau đó là Chiến tranh Lạnh đe dọa. Nhưng chủ quyền cá nhân vẫn là niềm tin ảnh hưởng đến các thế hệ sau và là nền tảng ý thức hệ cho toàn bộ tư tưởng chính trị chủ đạo sau khi các mối đe dọa rút đi. Nó tiếp tục đóng khung những đối thoại chính trị theo cách đặt tất cả kế hoạch và đề xuất chung cho những quyền chung, như hành động khẳng định, vào thế phòng thủ. Sau khi xem xét toàn bộ nền văn hóa dân chủ Mỹ, Robert Wiebe đã kết luận lý tưởng của Jefferson về “chế độ tự trị”, mặc dù mâu thuẫn về khái niệm, vẫn là niềm tin vĩnh cửu của hầu hết người Mỹ: “Cơ thể chủ yếu của sự chỉ trích đương đại lựa chọn chủ nghĩa cá nhân là lời nguyện đặc biệt của nền dân chủ Mỹ đơn giản xộc vào mặt lịch sử của nó. Bảo người Mỹ cải thiện dân chủ bằng cách thoát mái chìm vào cộng đồng, đánh mất mình trong một cuộc sống tập thể chỉ là lời kêu gọi trong gió. Chưa bao giờ nền dân chủ Mỹ không có mạch nguồn mạnh mẽ của chủ nghĩa cá nhân, và không dấu hiệu nào cho thấy sẽ là như thế”. Dù tốt hay xấu, thảo luận chính trị Mỹ gọi theo cách của Jefferson là một cuộc trò chuyện về các cá nhân có chủ quyền,

vốn chỉ miễn cưỡng và trong các trường hợp đặc biệt được chuẩn bị để giảm bớt chủ quyền đó vì những mục đích xã hội lớn hơn.

Cuối cùng, Jefferson đã tạo ra một phong cách lãnh đạo nhất định, phù hợp với các yêu cầu đặc biệt của nền văn hóa chính trị Mỹ có liên quan tới hai thế kỷ sau đó. Đó là một phong cách dựa vào khả năng thích ứng với những mâu thuẫn. Nếu bạn bắt đầu với niềm tin rằng trong trường hợp tốt nhất chính phủ là cái ác cần phải có, thì việc lãnh đạo chính trị hiệu quả phải gián tiếp và không đe dọa. Nó phải che đậy việc thực thi quyền lực khỏi dư luận, tỏ vẻ phục tùng và vô hại hơn thực tế. Nếu cũng có sự tách biệt cố hữu giữa những lý tưởng lập quốc (như tự do cá nhân, bình đẳng về cơ hội và chủ quyền của nhân dân) với các mệnh lệnh của chính phủ hiện hành, chúng đòi hỏi năng lực để ép buộc và thi hành kỷ luật đối với sự lương lự và mềm yếu của trái tim, thì sự lãnh đạo hiệu quả, đặc biệt ở cấp điều hành, phải có khả năng lừa dối vô hại. Và nếu văn hóa chính trị quả quyết tiếp nhận quyền lực từ dư luận, theo định nghĩa được chia thành những câu hỏi gây tranh cãi về thời đại, thì sự lãnh đạo ít nhất phải tỏ ra tuân thủ, và mảnh khỏe tồn tại chính trị đòi hỏi kỹ năng sử dụng ngôn ngữ theo cách cho phép những cử tri khác nhau nghe thấy những gì họ được nghe.

Trong thế giới thống nhất và chuyên môn quân sự, nước Mỹ cuối thế kỷ 20 không cho phép phong cách lãnh đạo trực tiếp hơn, dễ thấy hơn, dễ nắm bắt hơn. Nhưng trong lĩnh vực chính trị, chính quyền vẫn bị hạn chế gắt gao và phải đạt được mục đích cuối cùng theo cách ngấm ngấm hơn. Truyền hình chỉ gia tăng môi trường lừa gạt; ngay lập tức, các kỹ thuật thăm dò chính xác hơn chỉ khuếch đại ảnh hưởng của dư luận. Quy mô chính phủ tăng trưởng theo cấp số nhân trong suốt thế kỷ, đồng thời thái độ thù địch với chính phủ theo phong cách Jefferson ảnh hưởng đến những góc văn hóa sâu nhất, khiến nghịch lý có giá trị cao

hơn bằng cách tăng sức hấp dẫn của các ứng viên chính trị, như Jefferson năm 1800, tuyên bố chán ghét chính phủ liên bang mà họ đang vận động để đứng đầu.

Jefferson không tự giác tìm đến phong cách này, không trau dồi nhân cách của mình cho phù hợp với các yêu cầu của lãnh đạo nhân dân trong nền văn hóa chính trị vốn dĩ đã nghi ngờ chính phủ. Phong cách này đến với ông một cách tự nhiên. Việc ông phản kháng đời sống chính trị là hoàn toàn chân thành. Nếu ông được đầu thai và được để nghị chạy đua vào chính trường trong thời đại chúng ta, ông gần như chắc chắn sẽ khước từ để nép mình trong sự yên tĩnh của Monticello. Nhưng với khí chất và thiên hướng của mình, ông sở hữu sự lanh lợi bên trong để tạo ra nhiều sự diễn tả của sự thật, kỹ năng hùng biện để đề xuất những chính sách lọt tai nhiều đối tượng khác nhau, sự quanh co khó lường chỉ có thể có trong một kẻ mơ mộng tận tụy, ác cảm thẳng thắn với quyền lực mà ông thật sự theo đuổi. Đây vẫn là những tài năng chính trị vô giá. Và sự đơn giản trong nền tảng đạo đức của tầm nhìn Jefferson chỉ gia tăng tầm ảnh hưởng chính trị khi quy mô cử tri Mỹ phát triển lớn hơn và khó chi phối hơn. Nếu chúng ta có thể thuyết phục ông chạy đua tranh cử, ông sẽ vẫn là một ứng viên đáng gờm cho chức vụ quốc gia.

PHỤ LỤC

GHI CHÚ VỀ VỤ SALLY HEMINGS

Các nhà báo và bình luận viên xã hội thời nay thường nói rằng những ứng cử viên chạy đua vào Nhà Trắng trong khoảng 30 năm cuối thế kỷ 20 phải chịu sự soi mói chưa từng có vào đời tư, đặc biệt là đời sống tính dục. Trong khi sự phổ biến của những chương trình trò chuyện và báo lá cải chắc chắn làm gia tăng hứng thú với những vụ tai tiếng bằng cách bày những câu chuyện này ra đầy rẫy trước mắt công chúng, thì trí tò mò bản năng về bí mật tính dục của người giàu và người nổi tiếng rõ ràng không thay đổi qua thời gian, hết như bản chất của bản năng. Từ lâu trước khi chúng ta biết tới những vụ tự do phóng túng tình dục của các tổng thống Kennedy hay Clinton, hay trước đó, Harding và Franklin Roosevelt, thì đã có câu chuyện về Jefferson và Sally. Quả vậy, mối liên hệ bị cáo buộc giữa Thomas Jefferson và Sally Hemings có thể được mô tả như một seri mini dài tập nhất trong lịch sử Mỹ.

Bản thân lịch sử của câu chuyện cũng rất tự nhiên được chia thành đúng ba giai đoạn rõ ràng. Giai đoạn thứ nhất là đầu thế kỷ 19, khi James Callender lần đầu đưa ra cáo buộc và báo chí phe Liên bang lan truyền cáo buộc ấy khắp cả nước. Động cơ của Callender, như tất cả các sử gia đều thống nhất, là bỉ ổi và nhằm mục đích trả thù. Có thể ông này đã nghe được những lời đồn thổi về một vụ lén phéng khác chùng tộc tại

Monticello hồi còn bị tổng giam ở Richmond - một câu chuyện đã lan truyền ở Virginia vài năm rồi - và không cảm thấy chút gì ăn năn về việc nhắc lại lời đồn thổi ấy như một thực tế. Lời buộc tội của ông ta, trong khi rõ ràng có động cơ cá nhân và chính trị, lại trở thành thước đo độ tin cậy theo ba yếu tố. Trước hết, vụ ngoại tình giữa Alexander Hamilton và Maria Reynolds hồi năm 1797 mà Callender nói đến là chính xác. Mặc dù là kẻ cực kỳ vô trách nhiệm và rõ ràng là chỉ chăm chăm kiếm chuyện bần thủ nhưng Callender chủ yếu phóng đại chứ không nói dối trắng trợn. Thứ hai, Sally Hemings quả là có vài đứa con rõ ràng là có bố là người da trắng và một vài người trông hao hao Jefferson. Thứ ba, Callender đã đúng khi buộc tội Jefferson về việc đã có những hành động tán tỉnh Elizabeth Walker, một người phụ nữ đã có chồng, dù bà không muốn, thời ông còn độc thân năm 1768. Jefferson thừa nhận sự đại dột tuổi trẻ này vào năm 1805, công khai xin lỗi chồng bà, John Walker, nhưng tuyên bố rằng đó là lời buộc tội duy nhất “dựa trên sự thật trong số những cáo buộc chống lại tôi”. Tuy vậy, độ chính xác trong cáo buộc Walker chính là một thước đo cho độ tin cậy về câu chuyện của Sally.

Chương tiếp theo của câu chuyện, diễn ra khoảng vài chục năm giữa thế kỷ 19, đưa ra hai bằng chứng mới, cái nào cũng quan trọng theo cách riêng của mình, nhưng kết hợp cùng nhau lại tạo nên sự mâu thuẫn. Năm 1873 Madison Hemings, đứa con áp út của Sally (sinh năm 1805) có một cuộc phỏng vấn với báo *Pike County Republican* (Ohio) và khẳng định rằng mẹ ông đã xác nhận Thomas Jefferson là cha ông, và thực ra là, cha tất cả những đứa con của bà. Lời khẳng định này đã được Israel Jefferson, một cựu nô lệ khác ở Monticello, người cũng sống ở Ohio thời gian đó và là người bạn lâu năm của Madison Hemings, xác nhận. Năm sau đó, năm 1874, James Parton xuất bản cuốn *Cuộc đời Thomas Jefferson* và kể về một câu chuyện khác đã được lưu truyền trong gia đình

Jefferson và Randolph từ nhiều năm - tức là, cháu của Jefferson là Peter Carr là cha của tất cả hoặc hầu hết những đứa con của Sally và ông đã thú nhận điều đó với Martha Jefferson khi bà chất vấn ông về cáo buộc này. Khi đó, đám con của Sally trông giống Jefferson vì có máu mủ với nhau, nhưng thông qua Carr chứ không phải trực tiếp với Jefferson. Phiên bản này về vụ léng phéng khác chủng tộc trên đỉnh núi đã được chứng thực một phần bởi Edmund Bacon, cựu đốc công của Monticello, người đã tuyên bố trong cuộc phỏng vấn năm 1862 rằng ông thấy một người đàn ông dời khỏi chỗ nghỉ của Sally vào “nhiều buổi sáng”. Vậy là bây giờ có tới hai phiên bản khác nhau về câu chuyện của Sally bày ra trước công chúng, một xuất phát từ truyền thống truyền miệng của nhà Hemings và cái kia từ truyền thống truyền miệng của đám hậu duệ da trắng nhà Jefferson-Randolph.

Chương thứ ba của câu chuyện bắt đầu từ những năm 1950, khi những nghiên cứu về Jefferson, đặc biệt là dự án xuất bản khổng lồ do Julian Boyd chủ biên và bộ tiểu sử sáu cuốn uyên thâm của Dumas Malone, đã đưa ra bằng chứng mới đồng thời dấy lên một cuộc tranh cãi mới gay gắt về ý nghĩa của nó. Mặc dù tập kịch tính nhất diễn ra vào năm 1974 với sự ra đời của tác phẩm *Thomas Jefferson: Một câu chuyện riêng tư* của Fawn Brodie. Là một cuốn sách bán chạy toàn quốc, tác phẩm này nói tốt cho mối quan hệ của hai người và thậm chí còn cho rằng Jefferson và Sally Hemings yêu nhau, với bằng chứng mới thực ra đến từ Malone. Mặc dù Malone đã đưa ra kết luận khá gượng ép rằng câu chuyện về Sally chỉ đơn thuần là một sản phẩm của trí tưởng tượng của Callender không hơn không kém, nhưng nghiên cứu của ông cũng cho thấy cứ chín tháng trước mỗi lần Sally sinh con là Jefferson lại có mặt ở Monticello. Vì ông hay ở Philadelphia và Washington, và vì Sally chưa bao giờ thụ thai lúc ông đi vắng, nên thời điểm bà mang bầu luôn trùng

với thời gian nghỉ của ông. Năm 1993, những nhà nghiên cứu tại Quỹ Tưởng niệm Thomas Jefferson cũng phát hiện thêm một cô con gái “bị bỏ quên”. Cô bé sinh năm 1799 nhưng mất không lâu sau đó. Sự ra đời của cô bé cũng trùng hợp với thời gian Jefferson ở lại Monticello. Mặc dù sách của Brodie đã làm dấy lên một cuộc tranh cãi gay gắt trong giới học thuật và sau đó là sự phổ biến của tiểu sử, tiểu thuyết, phim ảnh và những câu chuyện nhan nhản trên tạp chí, nhưng quả là những phát hiện của Malone về trình tự thai kỳ của Sally đã tạo ra một bằng chứng cụ thể mới chứng minh cho cáo buộc về mối liên hệ tình dục này.

Vậy bây giờ tính sao? Trừ phi những người được ủy thác trông nom Quỹ Tưởng niệm Thomas Jefferson quyết định khai quật hài cốt và tiên hành thử DNA của Jefferson cũng như những người được cho là dòng giống của ông, thì tình hình là mối quan hệ này vẫn còn là một bí ẩn khiến cho những người thuộc cả hai phe có thể thỏa thích mà suy đoán, và chắc chắn họ sẽ làm thế. Trong giới học thuật, đặc biệt là cộng đồng những chuyên gia về Jefferson, dường như có một sự đồng thuận rõ ràng rằng chuyện này gần như chắc chắn không có thật. Trong thế giới u ám hơn của quan điểm quần chúng, đặc biệt là cộng đồng da đen, câu chuyện dường như là một sự thật hiển nhiên. Nếu bất cứ phe nào trong cuộc tranh luận định kiện ra tòa để đòi bồi thường tổn thất trong một vụ kiện dân sự chủ yếu dựa trên bằng chứng, thì không hiểu một bồi thẩm đoàn công minh sẽ bênh vực cho bên nào. Những người ủng hộ Jefferson hăng hái nhất vẫn chịu ảnh hưởng của cái có lẽ nên gọi là nguyên tắc quý ông Virginia (nghĩa là một quý ông Virginia sẽ không đời nào lại đi làm một việc thế này), với vẻ cổ kính và ngây thơ hấp dẫn của một thời đã cũ đầy đáng kính. Trong khi đó, những người hết mình ủng hộ sự thực của câu chuyện, dù là phiên bản gốc của Callender về dục vọng và cưỡng bức, hay câu chuyện sau này của Brodie về mối tình lãng mạn đầy khổ

đau với người tình khác chủng tộc của ngài Tổng thống Mỹ, đều tự đặt những ý tưởng về chủng tộc, chính trị và dự vọng của riêng mình lên trên bằng chứng. Trên cơ sở những gì ta biết đến nay, ta sẽ chẳng bao giờ biết được sự thật.

Lúc ấy thì là thế. Trong phiên bản đầu tiên của cuốn sách, tôi tiếp tục suy đoán rằng mối quan hệ Jefferson-Hemings ít có khả năng là sự thật, và để biện hộ cho sự phỏng đoán của mình, tôi đã dựa trên những bằng chứng gián tiếp đáng tin cậy (ví dụ như giọng văn của Jefferson trong những lá thư gửi phụ nữ; phân tích lý do khiến kẻ thù của ông nghi ngờ những cáo buộc). Dù cách diễn giải của tôi có đáng tin cậy tới đâu, hóa ra lại vẫn là sai hoàn toàn.

Trong ấn bản ngày 5 tháng 11 năm 1998 của tờ *Nature*, theo kết quả so sánh DNA giữa nhiễm sắc thể Y của Jefferson và nhiễm sắc thể Y của một số hậu duệ nhà Hemings thì có sự tương thích giữa Jefferson và Eston Hemings. Kết quả so sánh nhiễm sắc thể Y với phả hệ nhà Carr là âm tính. Kết quả so sánh DNA giữa Jefferson và người con cả của Sally, Thomas Woodson, cũng âm tính. Nói cách khác, câu chuyện của những hậu duệ da trắng nhà Jefferson là không đáng tin cậy; sự giải thích câu chuyện của những hậu duệ nhà Hemings thì có một phần căn cứ.

Nhưng việc tương thích DNA giữa Eston và Jefferson là một bằng chứng mới cực kỳ quan trọng và quyết định hết thảy mọi chuyện, vì thật khó có thể tin nổi Jefferson 64 tuổi lại là cha của chỉ một đứa con của Sally Hemings 6 năm sau khi Callender đưa ra cáo buộc về chuyện tình một đêm ở Monticello. Sally sinh ra 7 người con từ năm 1790 đến năm 1808. Liệu Jefferson có phải là cha tất cả lũ trẻ hay không có lẽ sẽ không bao giờ biết được. Nhưng sự tương thích về DNA với Eston đã khiến người ta thiên về giả thiết Jefferson là cha của tất cả lũ trẻ. Khả năng về một mối quan hệ tính dục lâu dài giữa Jefferson và Hemings không bao

giờ có thể chứng minh được một cách tuyệt đối, nhưng giờ đây rõ ràng đã lớn hơn một mối nghi ngờ hợp lý.

Tháng 11 năm 1998